

Chính trị bình dân

PHẠM ĐOAN TRANG

CHÍNH TRỊ BÌNH DÂN



Nhà xuất bản Giấy Vụn - Green Trees

Chính trị bình dân

Tác phẩm của Phạm Đoan Trang

Giấy Vụn - Green Trees xuất bản lần thứ hai tại Hoa Kỳ, 2018

Biên tập và hiệu đính: Nguyễn Anh Tuấn - Nguyễn Vi Yên

Bìa và trình bày: AK Design

ISBN: 978-1548466565

Copyright @ 2018, Giấy Vụn, Green Trees và Phạm Đoan Trang

MỤC LỤC

Lời nói đầu của tác giả cho lần xuất bản đầu tiên	13
Lời cảm ơn của tác giả.....	17
Hướng dẫn sử dụng sách cho lần tái bản thứ hai.....	21
 Phần I. Chính trị là gì?	23
<i>Chương I. Định nghĩa chính trị</i>	25
<i>Bài đọc: Chính trị ảnh hưởng đến tất cả chúng ta</i>	29
<i>Chương II. Hoạt động chính trị</i>	37
<i>Bài đọc: Vì các vị độc tài, chúng tôi mới phải đi vận động quốc tế cho nhân quyền</i>	55
<i>Bài đọc: Mặt trái của biểu tình</i>	59
<i>Chương III. Về môn học “Khoa học chính trị”</i>	65
 Phần II. Chính quyền và nhà nước	67
<i>Chương I. Định nghĩa chính quyền</i>	69
<i>Chương II. Tính chính danh</i>	71
<i>Chương III. Nhà nước</i>	83
 Phần III. Dân chủ	89
<i>Chương I. Định nghĩa dân chủ</i>	91
<i>Chương II. Các hình thức đại diện</i>	99
<i>Chương III. Bốn cột trụ của dân chủ</i>	107

Chương IV. Dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.....	115
Chương V. Lợi ích và mặt trái của dân chủ	119
Phần IV. Các chủ nghĩa.....	125
Chương I. Thế nào là một chủ nghĩa?.....	127
Chương II. Chủ nghĩa tự do	133
Chương III. Chủ nghĩa bảo tồn	143
Chương IV. Chủ nghĩa xã hội và dân chủ xã hội	151
Chương V. Một số chủ nghĩa khác.....	161
Bài đọc: Nếu đàn ông có kinh nguyệt	169
Dân túy và mị dân	175
Bài đọc: Tinh thần yêu nước	185
Bài đọc: Yêu nước là gì?	189
Ý thức hệ có cần thiết không?.....	193
Phần V. Tương tác chính trị.....	195
Chương I. Thay đổi xã hội	197
Chương II. Làm truyền thông: công luận, truyền thông chính trị, và tuyên truyền.....	205
Bài đọc: Công luận và việc làm chính sách	219
Bài đọc: Tự do báo chí kiểu Việt Nam	223
Chương III. Đảng và hệ thống đảng.....	231
Chương IV. Bầu cử.....	247
Bài đọc: ABC về bầu cử quốc hội ở Việt Nam	273
Bài đọc: Hội nghị cử tri – nét quái đản trong cơ chế bầu cử quốc hội	279
Bài đọc: Tại sao đảng cổ “lùa” dân đi bầu cử?	285
Chương V. Tổ chức và nhóm lợi ích	289

<i>Bài đọc:</i> Khi có quá nhiều một thứ tốt đẹp	297
<i>Bài đọc:</i> Cái gì quyết định sự phát triển của phe nhóm lợi ích?....	399
<i>Chương VI.</i> Xã hội dân sự.....	305
<i>Bài đọc:</i> Xây dựng không gian cho xã hội dân sự	321
<i>Bài đọc:</i> Xã hội ảo... nhưng thật	327
<i>Chương VII.</i> Phong trào xã hội.....	337
 Phần VI. Bộ máy nhà nước	345
<i>Chương I.</i> Hiến pháp và pháp luật.....	347
<i>Bài đọc:</i> Bản hiến pháp vang vọng tiếng dân	359
<i>Bài đọc:</i> Lược sử cuộc sửa đổi hiến pháp Việt Nam	365
<i>Chương II.</i> Lập pháp.....	377
<i>Bài đọc:</i> 10 đầu việc của một đại biểu quốc hội.....	401
<i>Bài đọc:</i> Cách đo chất lượng hoạt động của quốc hội.....	409
<i>Chương III.</i> Hành pháp.....	415
<i>Bài đọc:</i> Nhánh hành pháp ở Mỹ	425
<i>Chương IV.</i> Tư pháp.....	431
<i>Bài đọc:</i> Tòa án độc lập	437
<i>Chương V.</i> Chế độ đại nghị và chế độ tổng thống.....	449
<i>Chương VI.</i> Bộ máy hành chính.....	455
<i>Chương VII.</i> Hệ thống chính trị CHXHCN Việt Nam.....	461
<i>Chương VIII.</i> Quân đội và công an.....	467
<i>Bài đọc:</i> Nghề công an trong chế độ dân chủ	477
<i>Bài đọc:</i> Nguyên tắc “dân quản quân” và vấn đề tướng lĩnh nắm quyền cơ quan dân sự Việt Nam.....	483
<i>Phụ lục.</i> Kỹ thuật tuyên truyền.....	491
<i>Tài liệu tham khảo</i>	507
<i>Từ điển thuật ngữ</i>	509

Đề mục tra cứu.....523
Executive summary 527
Về tác giả 531
About the author.....533

Với tất cả tấm lòng yêu mến và kính phục,
xin dành tặng cuốn sách này cho
những người Việt Nam đã, đang và sẽ cống hiến,
đấu tranh không mệt mỏi
và sẵn sàng hy sinh
vì một đất nước Việt Nam dân chủ, tự do và thịnh vượng.

Kính tặng Bố và Mẹ của con.

Thương tặng các anh chị của em.

LỜI NÓI ĐẦU CỦA TÁC GIẢ CHO LẦN XUẤT BẢN ĐẦU TIÊN

Từ khi mới bắt đầu tham gia sâu vào phong trào đấu tranh vì dân chủ-nhân quyền cho Việt Nam (năm 2011), tôi đã nghĩ đến việc phải có những cuốn sách, những lớp học, hay khóa học mang tính nhập môn về chính trị, để truyền thụ những kiến thức căn bản nhất về chính trị cho người dân Việt Nam, mà cụ thể là những người lúc đó đang gần gũi với tôi nhất: các nhà hoạt động dân chủ-nhân quyền.

Sở dĩ tôi nghĩ như thế, bởi cũng như tuyệt đại đa số người Việt Nam, tôi thiếu hụt kiến thức sơ đẳng về chính trị để có thể hiểu những điều căn bản nhất và trả lời những câu hỏi đơn giản nhất, như “dân chủ là gì”, “bình đẳng là thế nào”, “tự do, nhân quyền có cần thiết không, nếu có thì tại sao”, và nhất là hai câu hỏi lớn: 1. Tại sao Việt Nam lại ở trong Thế giới thứ ba lâu đến thế? 2. Có cách nào để Việt Nam thoát khỏi tình trạng này không, phải làm sao?

Chắc rằng không chỉ có tôi, nhiều người Việt Nam, đặc biệt là các bạn trẻ, hẳn đã thử lên mạng, thử *google* để tìm câu trả lời. Chúng tôi vấp phải một vấn đề lớn: Internet là một kho tàng kiến thức thật, nhưng đồng thời nó cũng là một bãi rác khổng lồ mà nếu chỉ trông cậy vào nó, ta sẽ rất khó tìm được vàng, may mắn lắm thì chỉ thấy bụi vàng thôi. Nói cách khác, kiến thức mà Internet, Google và mạng xã hội đem lại rời rạc và không hệ thống; không thể nào chỉ dựa vào nó mà có được những kiến thức bài bản, chuẩn mực, không hoặc ít gây tranh cãi.

Nói đến tranh cãi, thì những cuộc luận bàn, chém gió và ném đá nhau về chính trị cũng diễn ra dường như bất tận trên Internet; bất

tận bởi vì không ai chịu ai, mà lại không có gì làm chuẩn để các bên đối chiếu. Cuộc tranh cãi càng gây mệt mỏi hơn khi có sự tham gia của đội ngũ dư luận viên hùng hậu, thiếu kiến thức nhưng thừa nguy biện.

Tôi đã chứng kiến rất nhiều cuộc cãi lộn như thế, cả trên mạng lẫn ngoài đời thực. Và chúng chỉ càng làm tôi thấy rằng, cần phải có những kiến thức tối thiểu, căn bản nhất và chính xác nhất, để làm chuẩn mực chung, làm “trọng tài” cho những tranh luận.

Đó là những kiến thức căn bản về chính trị và pháp luật.

Trong quá trình tìm kiếm, thu thập những kiến thức ấy, tôi lại phát hiện ra một điều nữa: Hóa ra chúng là những gì căn bản đến nỗi người bình dân ở những nước phát triển, hay ở những nền dân chủ Tây phương, đều nắm được và hiểu cả. Chính vì tất cả họ đều hiểu, nên hệ thống truyền thông của họ mới ít nói đến chúng. Mà truyền thông phương Tây thì lại vốn gần như là nguồn tham khảo trực tiếp, gần gũi và nhanh chóng nhất với người dân Việt Nam. Kết quả là, chúng vẫn cứ là những kiến thức xa lạ với người Việt.

Tệ hơn nữa, người Việt lại có thói quen tin tưởng rằng chính trị là cái gì đó xấu xa, độc ác, bẩn thỉu, tốt nhất nên tránh xa nó ra.

Với niềm tin sai lệch ấy, định kiến ấy, chúng ta tiếp tục xa lánh chính trị, không hiểu gì về chính trị và để mặc đất nước, xã hội cũng như cộng đồng cho một thiểu số lãnh đạo tùy ý vận hành, quyết định.

Nhưng thật ra, chính trị đâu có khó hiểu đến thế. Cũng như nhân quyền, tự do, dân chủ chưa bao giờ là các khái niệm phức tạp, nhạy cảm hay đáng sợ. Chúng là những điều đơn giản và căn bản đến mức mọi người dân thường ở các xã hội dân chủ đều nắm được, ít nhất là cảm nhận được chúng. Và chính nhờ thế, họ bảo vệ được nền dân chủ của nước mình.

Đối với người dân Việt Nam, nhiệm vụ còn nặng nề hơn: Chúng ta phải đấu tranh để mang đến dân chủ, và sau đó phải tiếp tục đấu tranh để bảo vệ và củng cố nền dân chủ non trẻ đó.

Với cả hai nhiệm vụ ấy, chúng ta đều cần phải có kiến thức về chính trị, và rất may, đó vẫn là các kiến thức căn bản mà mọi người dân ở các xứ sở tiến bộ về chính trị đều đã biết.

Suốt từ khi mới tham gia phong trào dân chủ, tôi đã có mong mỏi là phải làm sao để xóa bỏ được sự thiếu hụt kiến thức của mình, phải làm sao hiểu được chính trị học căn bản. Sau khi may mắn nắm được một số kiến thức sơ đẳng, tôi lại cảm thấy bị thôi thúc phải chia sẻ chúng với mọi người, nhất là những bạn trẻ tham gia hoạt động xã hội, đấu tranh vì dân chủ-nhân quyền cho Việt Nam. Họ mới chính là tài sản quý nhất của đất nước; tương lai Việt Nam nằm trong tay họ.

Với tất cả những niềm mong mỏi, tôi viết cuốn sách “Chính trị bình dân” này. Đây không phải là một công trình nghiên cứu mang tính chất hàn lâm, học thuật, cũng không phải một tác phẩm nghệ thuật với những sáng tạo và thử nghiệm. Tôi cố gắng để nó là một cuốn sách nhập môn, đem lại cho bạn đọc những kiến thức cực kỳ căn bản về chính trị (tất nhiên là cũng xen kẽ một vài kiến thức sâu hơn mức căn bản). Quan trọng hơn, tôi cố gắng để làm cho nó dễ hiểu và thú vị nhất, để góp phần đánh tan cái định kiến tai hại “chính trị là xấu xa, thủ đoạn” ở bạn đọc Việt Nam.

Vì chính tôi cũng thiếu hụt và hạn chế về hiểu biết, chưa từng được trải qua cuộc sống trong một thể chế dân chủ, nên những kiến thức trong sách này đương nhiên là chỉ do tôi gom góp, thu nhặt từ nhiều nơi về (xem phần Tài liệu tham khảo), nhưng một cách có hệ thống hơn là chỉ từ Internet. Nếu sách có sai sót về nội dung, đó là do lỗi của tôi, không phải của bất cứ ai khác. Tôi mong nhận được những nhận xét, bình luận của các bạn, dù khen hay chê, và xin cảm ơn tất cả.

Hà Nội, ngày đầu đông, 11/2016



Phạm Đoàn Trang

LỜI CẢM ƠN CỦA TÁC GIẢ

“Chính trị bình dân” đã ra đời và tồn tại trong hoàn cảnh thật đặc biệt đối với tác giả.

Cuốn sách này được xuất bản trên trang mạng Amazon, công bố vào ngày 22/9/2017. Ngày 09/2/2018, trước dịp tết nguyên đán Mậu Tuất, một số bản sách bị Hải quan Đà Nẵng thu giữ. Ngày 24/2/2018, tác giả bị Cơ quan An ninh Điều tra Bộ Công an đến tận nhà riêng, đưa về đồn (một trong các trụ sở của Cơ quan An ninh Điều tra, ở số 3 phố Nguyễn Gia Thiều, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội) để “làm việc” về cuốn sách. Ngay sau đó, ngày 27/2/2018, trong bối cảnh tác giả bị sách nhiễu và đe dọa, Luật Khoa tạp chí – nơi tác giả là sáng lập viên và biên tập viên – đã quyết định công bố miễn phí trên mạng phiên bản “Chính trị bình dân” tái bản lần thứ nhất với nhiều chỉnh lý, bổ sung.

Do đó, trong ấn bản lần thứ hai, tôi muốn nhấn mạnh điều mà tôi từng đề cập nhiều lần trên mạng: “Tôi sung sướng, vui mừng vì sách được độc giả đón nhận”, “Sự ủng hộ và tấm lòng của các bạn là sự bảo vệ lớn nhất dành cho tôi lúc này, và không bao giờ tôi có thể quên được. Không bao giờ”.

Nếu không có độc giả, thì không tồn tại tôi với tư cách tác giả. Và nếu không có sự ủng hộ nhiệt thành của độc giả suốt từ khi sách ra đời, thì chắc là tôi đã ở trong một nhà tù nhỏ nào đó trên đất nước Việt Nam thời cộng sản.

Tôi muốn dành thật nhiều lời để cảm ơn những người đã giúp tôi viết cuốn sách này, nhưng dung lượng của vài trang giấy có hạn,

và thực sự cũng khó có đủ lời để diễn tả hết giá trị của sự giúp đỡ của họ đối với tôi.

Họ ủng hộ tôi về tinh thần và vật chất trong suốt quá trình viết sách. Họ cung cấp kiến thức, tư liệu và hình ảnh, góp phần vào nội dung sách. Trên tất cả, những gì họ làm, cách họ sống, thái độ sống của họ đã là nguồn cảm hứng mãnh liệt cho tôi để viết nên cuốn sách hơn 500 trang này.

Cảm ơn các nhà hoạt động, các hội nhóm xã hội dân sự độc lập đầu tiên ở Việt Nam –những cá nhân và tổ chức đã đi đầu trong việc chọc thủng bức màn sắt của chế độ độc tài, can đảm cất lên tiếng nói, bước chân xuống đường biểu tình, chỉ để cho người dân trong một xã hội đang tê liệt vì sợ hãi, ì trệ vì chán ngán, thấy một sự thật: Chúng ta có quyền, và chúng ta có thể tạo nên sự thay đổi.

Cảm ơn những bà con cô bác, những người anh, người chị trong cộng đồng hải ngoại, nửa đời xa quê hương và gắn chặt với những lo toan nơi xứ người, vẫn chưa bao giờ thôi hướng về Việt Nam yêu thương.

Cảm ơn các bạn nước ngoài của tôi. Là những người không cùng quê hương, xứ sở với tôi, nhưng luôn giúp đỡ, ủng hộ, chia sẻ với tôi rất nhiều điều, các bạn đã làm cho tôi hiểu hơn bao giờ hết về giá trị của hai từ “nhân quyền” – nhân quyền là không kỳ thị, là phổ quát và không biên giới.

Cảm ơn hàng trăm tù nhân lương tâm đã hy sinh tự do của họ để đẩy lùi tấm màn sắt vây hãm nhân quyền ở Việt Nam.

Xin bày tỏ sự cảm phục và biết ơn tới những thế hệ đi trước trong công cuộc đấu tranh vì dân chủ-tự do cho đất nước. Không có họ, sẽ không có những “thế hệ F”, “thế hệ xanh” của các nhà hoạt động về sau, và tất nhiên, không có cả tôi với tư cách tác giả cuốn sách này.

Và cuối cùng, một lời cảm ơn với đầy sự trân trọng và cảm mến dành cho những bạn trẻ hoạt động ở Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng,

Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu và nhiều địa phương khác trong cả nước – những người đã tạo ra một nguồn cảm hứng lớn mà một tác giả, một cuốn sách viết về họ, cho họ, chẳng bao giờ là đủ.

Không bao giờ tôi diễn tả hết được nguồn cảm hứng mà những người nêu trên đã tạo ra cho tôi, niềm biết ơn của tôi đối với họ, cũng như không bao giờ tôi có thể kể hết tên của họ trong vài hàng chữ.

Vì vậy, đành chỉ xin có một lời cảm ơn chân thành nhất, dành cho tất cả.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH CHO LẦN TÁI BẢN THỨ HAI

Bây giờ bạn đang đọc “Chính trị bình dân” tái bản lần thứ hai.

Có thể xem đây là một cuốn sách nhập môn về chính trị học. Tác giả đã sử dụng tài liệu tham khảo là những cuốn sách giáo khoa về chính trị của các nước Mỹ, Anh, Ấn Độ, Philippines, đồng thời cố gắng diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu nhất.

Đối tượng độc giả của cuốn sách là những người chưa biết gì về chính trị, hoặc đã từng nghe, đọc sơ sơ về những khái niệm căn bản như “dân chủ”, “tự do”, “nhân quyền”, “công lý”, “bình đẳng”. Và như đã trình bày ở phần Lời nói đầu, cuốn sách này cung cấp những kiến thức căn bản mà tất cả người dân ở các nước dân chủ đều biết; do đó, xin mạo muội khuyên rằng: Tất cả độc giả là công dân Việt Nam cũng nên đọc nó.

Phần I, “Chính trị là gì?”, nêu một số trong những định nghĩa quan trọng nhất về chính trị. Các định nghĩa đó rất hữu ích cho bạn tìm hiểu về các hoạt động chính trị.

Phần II, “Chính quyền và nhà nước”, giới thiệu sơ qua cho độc giả Việt Nam hai khái niệm trung tâm của chính trị học: chính quyền và nhà nước.

Phần III, “Dân chủ”, xoay quanh một trong các khái niệm gây tranh cãi nhất ở người Việt Nam mỗi khi luận bàn chuyện chính trị: dân chủ.

Phần IV, “Các chủ nghĩa”, nói về một số chủ nghĩa, hay là ý thức hệ, phổ biến, mà người Việt Nam ít nhiều đều nghe nhắc đến:

chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa bảo tồn (bảo thủ), chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa dân tộc... Khi nói về chủ nghĩa dân tộc, chương này cũng bổ sung thêm khái niệm lòng yêu nước.

Phần V, “Tương tác chính trị”, xoay quanh các hoạt động chính trị phổ biến trong mọi xã hội (kể cả Việt Nam): làm truyền thông, tuyên truyền, thành lập và hoạt động đảng phái, bỏ phiếu và bầu cử, hoạt động xã hội dân sự, phong trào xã hội...

Phần VI, “Bộ máy nhà nước”, giới thiệu với độc giả các mô hình tổ chức bộ máy nhà nước chung nhất của thế giới. Đặc biệt, nó cung cấp thêm cho bạn kiến thức về hệ thống hành chính và hai lực lượng có vai trò rất phức tạp dưới chính quyền của đảng Cộng sản Việt Nam: công an và quân đội.

Đầu mỗi phần đều có một vài dòng tóm tắt nội dung chính của cả phần đó.

Ngoài ra, sau mỗi chương, có thể có thêm các bài đọc với chủ đề liên quan đến nội dung của từng chương.

Trong sách, tên riêng của các đảng chính trị được viết hoa. Từ “đảng” nếu không phải ở đầu câu hoặc nằm trong các đoạn trích, thì chỉ được viết thường, không viết hoa thành “Đảng” (để bạn đọc không hiểu thành “đảng Cộng sản Việt Nam”).

Ấn bản lần thứ hai có gì mới?

Nhận thấy trong phiên bản đầu và ấn phẩm tái bản lần thứ nhất, phần “dân chủ” có nội dung còn sơ sài, không tương xứng với một khái niệm có tính chất trung tâm của triết học chính trị như vậy, cho nên trong lần tái bản thứ hai này, tác giả bổ sung đáng kể vào Phần III, “Dân chủ”:

- Sự khác nhau giữa dân chủ và tự do;
- Khái niệm dân chủ tự do;
- Bốn trụ cột của dân chủ hay là bốn bộ phận chính cấu thành nền dân chủ tự do.

Phần IV, “Các chủ nghĩa”, bổ sung thêm định nghĩa về một loạt khái niệm: cánh tả, cánh hữu, chủ nghĩa dân túy và thói mị dân.

Phần I

CHÍNH TRỊ LÀ GÌ?

Trong phần đầu tiên này, chúng ta sẽ tìm hiểu về một số khái niệm thường gặp nhất khi nói đến chính trị: chính trị và các hoạt động được coi là hoạt động chính trị.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CHÍNH TRỊ

Đã có nhiều định nghĩa của các học giả trên thế giới về chính trị. Sau đây là bốn định nghĩa ¹, được xếp theo thứ tự từ hẹp đến rộng, và các diễn giải, bình luận về từng định nghĩa.

1. Chính trị là quá trình ra các chính sách công (chính sách công, tức là các chính sách của chính quyền).

2. Chính trị là việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước, do các đảng phái, tổ chức chính trị, và các cá nhân là chính trị gia thực hiện.

Với hai định nghĩa trên, ta thấy rằng chính trị chỉ diễn ra trong chính trường. Nói cách khác, chính trị chỉ diễn ra trong hệ thống các tổ chức xã hội vận hành xoay quanh bộ máy nhà nước: phòng họp nội các, văn phòng chính phủ, các cơ quan chính phủ, văn phòng quốc hội, cùng lắm thì thêm trụ sở của các cơ quan dân cử và hành chính, mà ở Việt Nam gọi là ủy ban nhân dân và hội đồng nhân dân – tức là những cơ quan có chức năng và giữ quyền ban hành chính sách. (Không bao gồm tòa án, nếu như tòa án không phải nơi ban hành chính sách; tương tự, không bao gồm công an, quân đội).

Và công việc chính trị, hiểu theo hai định nghĩa trên, chỉ do một thiểu số thực hiện, thiểu số đó là các đảng phái, tổ chức chính trị và

¹ “Politics”, Andrew Heywood, 3rd edition, Palgrave Foundations

chính trị gia. Còn chính trị gia thì là các quan chức nhà nước (có thể có cả công chức, cán bộ). Nếu ở trong thể chế độc đảng thì chính trị chỉ do các thành viên cao cấp nhất, tinh hoa nhất của đảng ấy thực hiện.

Trong khi đó, mọi người dân, tổ chức xã hội dân sự, cùng các hoạt động xã hội, v.v. đều không thuộc về chính trị. Nói theo cách nói của các nhà tuyên giáo của đảng Cộng sản, chính trị là chuyện của “Đảng và Nhà nước”, “đã có Đảng và Nhà nước lo”.

Đó là cách hiểu về chính trị theo hai định nghĩa hẹp.

Trong tiếng Anh, chính trị là “politics”. Từ này bắt nguồn từ một từ tiếng Hy Lạp, “polis”, nghĩa là “thành bang”, phát triển thành “politics” – “chuyện của thành bang”, “những gì liên quan tới thành bang”.

3. Chính trị là những gì diễn ra trong “lĩnh vực công”, tức những gì thuộc không gian chung, của cộng đồng. (Từ “công” ở đây nghĩa là “chung, của chung”). Còn những gì diễn ra trong lĩnh vực tư, không phải của cộng đồng, thì là phi chính trị.

Vậy, chính phủ, quốc hội, tòa án, quân đội, công an, các tổ chức chính trị/ xã hội... là những thực thể chính trị vì chúng là “của chung”, thuộc về không gian công: Chúng chịu trách nhiệm về cộng đồng, hoạt động bằng tiền của cộng đồng, vì lợi ích cộng đồng. Còn gia đình, doanh nghiệp tư nhân, công đoàn, câu lạc bộ... là phi chính trị, vì chúng do tư nhân thành lập, hoạt động bằng tiền tư nhân, vì lợi ích tư, và tự quản.

(Các bạn lưu ý: Từ “công đoàn” không hàm ý rằng nó là tổ chức công, “của cộng đồng”. Từ “công” trong “công đoàn” có nghĩa là việc, ta thấy nó trong các từ ghép như “công điểm”, “công lao”, “công nghiệp”, v.v. Công đoàn là tổ chức tranh đấu, bảo vệ quyền lợi của người lao động).

Với định nghĩa này, chính trị nằm ngoài lĩnh vực tư, nằm ngoài không gian tư nhân. Chính trị không liên quan đến các vấn đề tư nhân, các lĩnh vực thuộc tư nhân như: gia đình, công ty, quan hệ giữa các cá nhân, xã hội dân sự.

Lưu ý là xã hội dân sự, theo định nghĩa này, cũng nằm ngoài chính trị. Quan niệm đó từng là lý do làm nảy sinh tranh cãi xoay quanh các tổ chức xã hội dân sự độc lập ở Việt Nam (Con Đường Việt Nam, Mạng Lưới Blogger Việt Nam, Vì Một Hà Nội Xanh...): Nhiều người cho rằng đã gọi là “xã hội dân sự” thì phải phi chính trị, do đó, việc các tổ chức này tiến hành các hoạt động đấu tranh vì dân chủ, nhân quyền là không đúng; cần phải tách biệt giữa chính trị và dân sự. Riêng dư luận viên còn lập luận: Đó là các tổ chức “mượn vỏ bọc xã hội dân sự” để chống phá nhà nước.

Ở khía cạnh khác, nhiều người khác cũng nhận định, việc các đảng phái hoặc tổ chức chính trị (đảng Việt Tân, Tập hợp Dân chủ Đa nguyên...) tham gia những hoạt động của xã hội dân sự là không đúng; cần phải tách biệt giữa chính trị và dân sự.

Hai luồng quan điểm đối lập đó thực chất xuất phát từ cách hiểu về khái niệm chính trị theo định nghĩa thứ ba nêu trên: tách biệt công và tư. Chúng cũng xuất phát phần nào từ định nghĩa thứ hai: Chính trị là việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước của các đảng phái và chính trị gia, không phải việc của xã hội dân sự.

4. Chính trị là việc gây ảnh hưởng lên những người khác, chẳng hạn và rõ rệt nhất là tác động lên chính sách.

Đây là định nghĩa rộng nhất về chính trị. Với định nghĩa này, chính trị có mặt trong tất cả các hoạt động xã hội, tương tác xã hội. Chính trị hiện diện ngay trong gia đình, trong mọi nhóm người, mọi cộng đồng, mọi quốc gia.

Ta thường nghe những câu nhận xét kiểu như: “Thằng đó chính trị lắm!”, hàm ý một người nào đó cư xử khôn khéo, lấy lòng người khác lắm. Dùng từ như vậy không có gì sai, nếu ta hiểu chính trị theo định nghĩa thứ tư: Chính trị là gây ảnh hưởng, mà muốn gây ảnh hưởng thì một trong những cách làm là phải khôn khéo, lấy lòng người khác. Làm chính trị chẳng qua là vận động, thuyết phục để gây ảnh hưởng. Vậy nên ngay cả sếp cũng có thể “làm chính trị”

với nhân viên và ngược lại. Tương tự, vợ chồng cũng có thể “làm chính trị” với nhau, bố mẹ “làm chính trị” với con cái.

Bạn có thể coi đây là giả dối, nhưng nếu quan niệm “chính trị là nghệ thuật vận động” thì bạn cũng có thể nghĩ khác.

Trên đây là bốn định nghĩa về chính trị, xếp theo thứ tự từ cách hiểu hẹp đến cách hiểu rộng. Không định nghĩa nào là tuyệt đối đúng hoặc sai, chỉ có rộng hay hẹp mà thôi. Xin để bạn tùy ý chọn một định nghĩa mà bạn thích.

Với cách hiểu chính trị theo định nghĩa thứ tư nói trên (rộng nhất), thì các hoạt động chính trị chính là các hoạt động nhằm gây ảnh hưởng, tác động tới nhà nước và các chính sách. Đây sẽ là nội dung của chương tiếp theo.

Bài đọc

CHÍNH TRỊ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TẤT CẢ CHÚNG TA

Điều đầu tiên cần khẳng định là trong một xã hội tôn trọng đa nguyên, thì mọi người đều được tự do thích, theo đuổi, hoặc không thích, không theo đuổi cái gì đó. Nghĩa là người có thể đi làm kinh doanh, kẻ thì dấn thân cho sự nghiệp khoa học, một số khác lại đam mê nghệ thuật. Không nhất thiết ai cũng phải lao vào các hoạt động “vì cộng đồng” hoặc phải hằng hái đọc báo, xem tivi, nghe đài, hằng hái bàn luận về những vấn đề vĩ mô... Không phải nhất định chỉ có xả thân và cống hiến, “là con của vạn nhà, là em của vạn kiếp phôi pha” thì mới được xem là có “thời thanh niên sôi nổi” và tươi đẹp. (Nhưng tất nhiên, cũng phải thừa nhận là giữa các ngành nghề, các nhóm công việc khác nhau, có những nghề mang lại sự thú vị cao hơn cho người thực hành chúng – mà chính trị là một trong số đó).

Song, có một khoảng cách giữa thái độ không thích, không quan tâm, không dây dưa (đó là quyền của bạn, và là điều được chấp nhận, trên tinh thần đa nguyên), và sự kém hiểu biết về chính trị (có thể dẫn đến sự vô cảm).

Chính trị là quá trình ra quyết định và thực thi quyết định đó trong một nhóm, một cộng đồng bất kỳ, có thể ở quy mô một xã hội, đất nước. Bạn sẽ thấy ngay rằng, mâu thuẫn, xung đột là một phần tất yếu của quá trình ấy; hay nói cách khác, một trong các đặc điểm của chính trị là sự mâu thuẫn, xung đột. Chẳng quyết định

nào, chẳng chính sách nào có thể đạt được đồng thuận. Vấn đề của tất cả mọi người là làm thế nào để giảm bớt tác hại của mâu thuẫn, xung đột ấy, dù không phải là triệt tiêu nó; nhưng đây là chủ đề của những bài viết khác. Ở đây, chúng ta biết rằng chính trị thì phải mâu thuẫn.

Một nhà khoa học chính trị nổi tiếng người Mỹ, ông Austin Ranney (1920-2006), từng viết: “Chắc chắn, trong bất kỳ xã hội nào, cũng có rất nhiều mâu thuẫn trong những lĩnh vực ngoài chính trị, như kinh tế, học thuật, thể thao, và hôn nhân. Cái chính là không một xã hội nào – truyền thống hay hiện đại, tiến bộ nhiều hay ít, dân chủ hay độc tài – lại hoàn toàn không có mâu thuẫn chính trị cả. Và trong xã hội hiện đại, mọi mâu thuẫn xoay quanh vấn đề giá trị (cái gì tốt hay xấu, tốt nhiều hay tốt ít, xấu nhiều hay xấu ít, lợi hay hại, nên hay không nên... – ND) sớm muộn đều trở thành mâu thuẫn chính trị”.

Mà cuộc sống của bạn thì lại luôn đầy những xung đột, mâu thuẫn phải giải quyết. Nói cách khác, bạn luôn phải đối diện và xử lý mâu thuẫn.

Thế nghĩa là dù làm gì, bạn cũng không thoát khỏi tầm ảnh hưởng của chính trị được đâu.

Ngay trong lớp bạn, trường bạn, Ban Giám hiệu thay toàn bộ giảng viên từng du học ở Liên Xô bằng giảng viên học ở Mỹ về, đã là một quyết định chính trị ảnh hưởng đến bạn rồi. Bạn vận động thầy cô, bạn bè, để nam và nữ sinh viên đều có thể bơi chung bể trong môn thể dục hoặc ngược lại, nhất định phải tách riêng họ ra, đã là làm chính trị rồi.

Trong cơ quan, bạn khen ngợi anh A, ném đá chị B, dìm cô C, nâng chú D, để cho sếp chú ý đến bạn hơn một chút, hoặc để các đồng nghiệp yêu quý bạn hơn, đều là làm chính trị cả. Kể cả bạn quyết định không tham gia bè phái, chỉ tập trung chuyên môn thôi, đó cũng là một quyết định có tính chất chính trị và ngay cả khi ấy thì bạn cũng vẫn sẽ chịu ảnh hưởng từ sếp, từ đồng nghiệp, từ các chính sách của cơ quan.

Chính trị bao trùm như thế. Vấn đề là điều ấy không xấu như bạn nghĩ. Nếu bạn vận động thành công để trường lớp, cơ quan, tổ dân phố, ra những chính sách có lợi cho bạn và những người bạn ưu ái, thì bạn sẽ thấy chính trị tốt quá, phải không? Và có một nghịch lý thú vị mà Austin Ranney chỉ ra, là trong khi người ta khinh ghét chính trị gia, coi chính trị là bẩn thỉu, thì người ta cũng lại ngưỡng mộ các vị lãnh đạo nhà nước, các nguyên thủ quốc gia, lãnh tụ, và luôn thấy họ đẹp, họ đúng, họ sáng suốt...

Vậy vì sao bạn không quan tâm đến chính trị? Nó ảnh hưởng đến bạn kia mà. Vâng, bạn hãy quan tâm đến nó, nhưng... đừng lên án người vô cảm.

* * *

ĐỪNG LÊN ÁN NGƯỜI VÔ CẢM

Trong hệ thống đánh giá và biểu dương, khen thưởng thành tích của đảng Cộng sản và Nhà nước CHXHCN Việt Nam, các bạn thường thấy có một tiêu chí là “ý thức chính trị cao”, “bản lĩnh chính trị vững vàng”, theo nghĩa là “hiểu rõ và hướng tới bảo vệ lợi ích của Đảng, trung thành với Đảng – lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”.

Trên thực tế, khái niệm “ý thức/ bản lĩnh chính trị” có lẽ đơn giản hơn. Người có ý thức chính trị là người hiểu rằng “chính trị là quá trình ra quyết định và thực thi quyết định đó trong một nhóm, một cộng đồng, một xã hội, một quốc gia”, nó có ảnh hưởng tới tất cả mọi người và đây là lý do để tất cả nên có sự quan tâm, tìm hiểu ở mức cần thiết đến chính trị, đến các vấn đề chung của nhóm, cộng đồng, xã hội hay quốc gia đó.

Bất cứ khi nào bạn đặt ra và/hoặc tìm cách trả lời chỉ một trong các câu hỏi sau đây, là khi đó bạn đã có ý thức chính trị:

- Tại sao một số người bạn yêu quý, bạn nể phục, lại không ở vị trí lãnh đạo “cho thiên hạ nhờ”? (trong công ty, trong tổ chức của bạn, cũng như trong một ngành nghề nào đấy – ví dụ bạn có ông chú là một vị bác sĩ rất có tâm, có tài, chẳng nhẽ không thể để chú làm Bộ trưởng Y tế thay Bộ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến?)

- Nếu bạn muốn đưa những người đó lên vị trí lãnh đạo thì bạn cần làm gì?

- Bạn không muốn học môn kinh tế chính trị Mác-Lenin, hoặc ngược lại, muốn học kỹ hơn, đầy đủ hơn, thì phải làm thế nào?

- Các ý kiến, đề xuất của bạn ở lớp, ở trường, cơ quan, công ty, NGO của bạn... có kết quả gì không?

- v.v.

Chỉ cần đặt ra một trong số câu hỏi như thế, là bạn đã có ý thức chính trị rồi. Ý thức chính trị sẽ là cao nhất khi bạn tự hỏi: Mình muốn sống trong một tập thể/ cộng đồng/ xã hội/ đất nước như thế nào, và mình sẽ làm gì để đạt được điều đó?

SỰ VÔ CẢM ĐẾN TỪ ĐÂU?

Paulo Freire (1921-1997) – nhà giáo dục nổi tiếng người Brazil, tác giả của cuốn sách sư phạm rất có ảnh hưởng ở Thế giới thứ ba “Pedagogy of the Oppressed” (tạm dịch: Giáo dục dành cho người bị áp bức, xuất bản lần đầu năm 1970) – cho rằng con người có những nhu cầu căn bản về vật chất và tâm lý-xã hội: Phải là người thì ai cũng có nhu cầu ăn ngủ, có chỗ ở, được chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh, được an toàn, được bảo vệ bởi pháp luật và lực lượng công quyền đáng tin cậy, được sống với người mình yêu, được thuộc về một cộng đồng, được mang bản sắc của một dân tộc, được làm việc và chăm lo cho gia đình, được tôn trọng, được giáo dục và được có các cơ hội để phát triển năng lực của mình. Paulo Freire tin rằng, nếu các nhu cầu căn bản đó không được đáp ứng, thì kết cục tất yếu là những căn bệnh tập thể, bệnh của cộng đồng sẽ xuất hiện, mà phổ biến nhất là bạo lực, sự vô cảm, ma túy và rượu.

Ông viết: “Không ai có thể đáp ứng tất cả nhu cầu của mình. Chỉ khi nào ở trong một cộng đồng, được sự hỗ trợ của những người khác, chúng ta mới có thể thỏa mãn các nhu cầu của chúng ta. Những tôn giáo tốt đẹp, những chính quyền tốt đẹp, thì đều chú tâm đến việc xây dựng một xã hội như thế”.

Ông khẳng định: “Vô cảm không phải là trạng thái tự nhiên của con người. Trạng thái tự nhiên luôn là hướng tới đáp ứng các nhu cầu của mọi người khác. Chỉ khi các nỗ lực đó liên tục bị ngăn trở, người ta mới rơi vào trạng thái vô cảm”.

Sự vô cảm được hình thành như vậy. Và Paulo Freire bảo rằng, nếu chính quyền thất bại trong việc tạo điều kiện cho người dân – ở bất kỳ bộ phận nào trong xã hội – thỏa mãn được nhu cầu căn bản, thì điều đó sẽ tác động ngược trở lại cả xã hội, và gây thiệt hại về dài hạn. “Một xu chi ngày hôm nay vào nhu cầu của người dân, sẽ tiết kiệm được 10 USD phải chi ngày mai vào công an, cảnh sát, nhà tù, các chương trình phục hồi nhân phẩm”.

Vô cảm là hệ quả tất yếu của một nền chính trị xấu, một nền chính trị đã bị mất đi vẻ đẹp của nó.

VÀ CÙNG VỚI SỰ VÔ CẢM LÀ...

Khi người dân của một quốc gia phải sống nhiều năm trong tình trạng bị một thiểu số kiểm soát, chi phối lâu dài về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, v.v., suy nghĩ của họ dần dần bị định hình, khiến họ tin tưởng vào sự ưu việt của thiểu số đó. Họ có xu hướng nghĩ rằng thiểu số ấy luôn đúng đắn, sáng suốt, ngoài ra thì không còn gương mặt nào sáng giá để lãnh đạo xã hội cả; các lực lượng khác đều dở tệ, không có khả năng thay thế đội ngũ lãnh đạo hiện nay. Nói chung, họ không được khuyến khích tư duy, trong khi lại luôn được khuyến khích (và bản thân họ cũng khuyến lẫn nhau) là nên sống đơn giản, vui vẻ, còn những vấn đề “vĩ mô” thì đã có một thiểu số lo – nhóm thiểu số này thay mặt toàn dân điều hành đất nước, ra các chính sách có ảnh hưởng đến cả nước, trong đó có cả

phần lợi ích của chính những người tự cho là mình đang sống đơn giản, vui vẻ.

Cùng trong quá trình ấy, bản thân nhóm thiểu số lãnh đạo cũng được định hình tư duy để tin rằng họ là giới tinh hoa, họ cao hơn các nhóm khác, họ cao hơn dân một bậc, và tóm lại, họ là lãnh đạo. Những việc mỗi cá nhân gọi là “dân” ấy làm chỉ ảnh hưởng tới cá nhân đó, nhiều hơn thì đến nỗi cơm gia đình của ông/bà ta, cùng lắm là đến cơ quan, công sở của ông/bà thôi. Chứ còn những việc lớn, trọng đại, có ảnh hưởng tới toàn xã hội, đòi hỏi tầm vóc chiến lược, trí tuệ sáng suốt, phải là việc lãnh đạo đang làm đây này. Mà vì làm việc lớn, quan trọng, cho nên họ nghiễm nhiên cho rằng họ phải được “tạo điều kiện” hơn dân: Cái này trong tiếng Việt gọi là “có tiêu chuẩn”, ví dụ có tiêu chuẩn nhà riêng, xe riêng, thậm chí chuyên cơ.

Và như vậy, cùng với trạng thái vô cảm của dân, là sự tự kiêu ngày càng lớn của chính quyền.



Ảnh: Trịnh Hữu Long, tháng 4/2012.

Bạn hãy nhìn vào bức ảnh trên, được chụp tại Hội trường Bộ Quốc phòng. Đây cũng là nơi tổ chức một số kỳ họp Quốc hội và

nhiều cuộc họp quan trọng khác của đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Tấm biển “Đề nghị các đồng chí không để rơi đồ vật xuống tầng 1” này được đặt ở tầng 2 trong phòng hội trường; nó chứng tỏ đã từng có nhiều đồng chí đánh rơi cốc chén, điện thoại di động... xuống đầu các đồng chí khác ngồi phía dưới.

Hãy xem ảnh và tự hỏi, vì lý do gì mà bạn nghĩ lãnh đạo là phải ở một tầng khác, cao hơn hẳn bạn và những người dân thường?

CHỮA BỆNH VÔ CẢM

Như Paulo Freire đã nói, thực chất vô cảm là một dạng bệnh của cộng đồng (cùng với bạo lực, ma túy và rượu chè). Nhưng ông cũng nhấn mạnh với chúng ta rằng bệnh ấy có ở nhiều xã hội, và chúng ta không nên tiếp tục công kích những cá nhân vô cảm – vốn cũng chỉ là “nạn nhân của áp chế và bóc lột” – vì những biểu hiện đó của họ.

Ông khuyên những người có tinh thần cộng đồng, muốn đấu tranh với bệnh vô cảm thì phải tạo đủ sức mạnh và niềm tin để đi xuyên qua sự vô cảm và khuyến khích các động lực trong cộng đồng. “Hãy giúp mọi người tìm ra những niềm hy vọng mới, hãy tạo ra nguồn năng lượng mới, để cùng nhau vượt qua bệnh vô cảm”.

Còn bạn, nếu bạn vẫn quyết tâm “không quan tâm đến chính trị”, thì chỉ xin bạn nhớ: Bạn có quyền như thế, nhưng điều đó không tốt cho cả bạn lẫn cộng đồng.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

Có rất nhiều hoạt động mà bạn – người dân – có thể tiến hành để tác động tới nhà nước và các chính sách, hay nói cách khác, có rất nhiều hình thức hoạt động chính trị. Dưới đây là một số hoạt động phổ biến nhất trên thế giới ¹.

VẬN ĐỘNG HÀNH LANG

Vận động hành lang, gọi tắt là vận động, là việc tác động lên quá trình hoạch định chính sách bằng cách gặp gỡ, tiếp xúc, cung cấp thông tin, thuyết phục. Đối tượng của công việc này (trả lời câu hỏi “vận động ai?”) là các quan chức hành pháp (như thủ tướng, bộ trưởng), các nghị sĩ, dân biểu – tức người của cơ quan lập pháp. Chủ thể của công việc này (trả lời câu hỏi “ai vận động?”) là các cá nhân, các tổ chức, đảng phái, tức các nhóm lợi ích.

Có thể vận động qua các kênh nào? Câu trả lời là: Thông qua tất cả các kênh tiếp xúc họ với chính quyền:

- Các cơ quan hành chính
- Quốc hội
- Tòa án
- Các đảng

¹ “Governing: An Introduction to Political Science”, Austin Ranney, 8th edition, Prentice Hall.

- Các kênh truyền thông
- Các cơ quan, tổ chức quốc tế
- v.v.

Vài năm gần đây, trong ngôn ngữ chính trị của Việt Nam xuất hiện một số từ mới như “vận động hành lang”, “vận động chính sách”, dịch từ tiếng Anh “lobby” và “policy advocacy”, gọi chung là “vận động”. Đó là việc một cá nhân, hoặc một nhóm lợi ích có tổ chức, tác động lên quá trình hoạch định chính sách để chính sách được ban hành theo ý họ, bằng cách gặp gỡ trao đổi, thuyết phục, hối lộ người làm chính sách. Ví dụ bạn mời sếp đi nhậu, hoặc đến nhà sếp biếu vợ sếp mảnh khăn kết hợp với cái phong bì, để nhờ sếp hạ thấp tiêu chuẩn cho chức vụ trưởng/phó phòng... đều là vận động cả.

Trên bình diện quốc gia, người làm chính sách có thể là quan chức chính phủ, nghị sĩ, dân biểu (ở ta gọi là “đại biểu Quốc hội”), và cả tòa án. Riêng ở Việt Nam, đối tượng làm chính sách bao gồm một lực lượng tối quan trọng là lãnh đạo các cơ quan Đảng – tức các cơ quan của đảng Cộng sản Việt Nam – từ Trung ương đến địa phương.

Tại sao lại gọi là “vận động hành lang”? Từ “lobby” tiếng Anh có nghĩa là “hành lang”. Theo một giả thuyết phổ biến, khái niệm vận động hành lang bắt nguồn từ cái hành lang khách sạn Willard ở Washington D.C., nơi mà Tổng thống Mỹ Ulysses S. Grant (1822-1885, tại vị từ 1869 đến 1877) thường đứng hút xì gà và uống brandy. Biết được thói quen đó của ông nên nhiều người thường tìm đến nơi này để tiếp cận, mời ông “trà thuốc” và tranh thủ thuyết phục, vận động Tổng thống. Nhưng cũng có những ý kiến phản bác giả thuyết này, cho rằng từ “vận động hành lang” đã xuất hiện rất lâu trước khi Grant làm Tổng thống Mỹ.

Vận động là một hoạt động chính đáng, hợp pháp và cần thiết. Tuy nhiên, điều kiện tiên quyết để nó chính đáng, hợp pháp, là vận động phải đảm bảo công khai, minh bạch. Và công khai, minh bạch những nội dung gì, hình thức vận động cụ thể phải như thế nào, đến ngưỡng nào thì vận động trở thành hối lộ, tham nhũng và bị coi là bất hợp pháp, v.v. là do luật pháp của quốc gia quy định.

Vận động hành lang, nếu không có luật, không có sự công khai minh bạch, thì sẽ trở thành “đi đêm”, “hối lộ”, “móc ngoặc”, “tham nhũng chính sách” như ở Việt Nam.

Về phần mình, nếu bạn (hoặc nhóm lợi ích của bạn, nếu có) muốn vận động thành công thì điều kiện tiên quyết là bạn phải có khả năng “tiếp cận đối tượng hoạch định chính sách” hoặc phải biết sử dụng người có khả năng làm việc đó. Tóm lại là biết “đi đúng cửa, dùng đúng người” – chuyện này thì ở nước nào cũng vậy.

VẬN ĐỘNG QUỐC TẾ

Từ tháng 7/2013, với sự ra đời của một tổ chức nhân quyền có tên Mạng Lưới Blogger Việt Nam ¹, trong các hoạt động chính trị của người dân Việt Nam xuất hiện một hình thức mới, về bản chất cũng là vận động hành lang nhưng là vận động quốc tế. Đó là khi các blogger Việt Nam đến đại sứ quán của một số nước để đưa bản Tuyên bố 258, với nội dung yêu cầu Nhà nước Việt Nam xóa bỏ hoặc sửa đổi Điều 258 Bộ luật Hình sự, quy định về tội “lạm dụng các quyền tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân”.

Những năm trước đó, kể từ sau năm 1975 khi chiến tranh kết thúc và Việt Nam thống nhất, cũng đã có nhiều cá nhân và tổ chức tiến hành vận động quốc tế cho nhân quyền ở Việt Nam, như nhà thơ, nhà báo Võ Văn Ái, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Khối 8406... Tuy nhiên, hoạt động của họ chủ yếu diễn ra ở nước ngoài, về sau này là trên mạng Internet, nếu ở Việt Nam thì cũng nhỏ lẻ, không có tổ chức. Có thể coi Mạng Lưới Blogger Việt Nam và phong trào “Tuyên bố 258” chống Điều 258 Bộ luật Hình sự là nỗ lực có tổ chức đầu tiên của các nhà hoạt động ở trong nước nhằm vận động

¹ Mạng Lưới Blogger Việt Nam được tuyên bố thành lập chính thức vào Ngày Nhân quyền Quốc tế (10/12) năm 2013. Tuyên bố 258 được công bố trên Internet vào 8h tối giờ Hà Nội, ngày 18/7/2013, và đã được Mạng Lưới Blogger Việt Nam đưa đến các đại sứ quán Mỹ, Thụy Điển, Đức, Phái đoàn EU, Úc tại Hà Nội, văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hiệp Quốc tại Bangkok (Thái Lan).

cho dân chủ-nhân quyền ở Việt Nam, mà đối tượng họ hướng tới là cộng đồng quốc tế, cho nên đây là vận động quốc tế.

Tiếp nối phong trào chống Điều 258 mà Mạng Lưới Blogger Việt Nam lập nên, các tổ chức xã hội dân sự độc lập khác trong lĩnh vực nhân quyền, như Hội Phụ nữ Nhân quyền, Hội Anh Em Dân chủ, cũng bắt đầu tìm đến đại sứ quán của các nước phương Tây ở Việt Nam để vận động quốc tế.

Vận động cụ thể nội dung gì? Các cá nhân và tổ chức nhân quyền ở Việt Nam, khi đi vận động quốc tế, đều có những mục đích và nội dung riêng. Tuy nhiên, tinh thần chung của họ là thông qua các đại sứ quán, đề nghị chính phủ các nước phương Tây gây sức ép qua con đường ngoại giao để buộc Chính phủ CHXHCN Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền của người dân.

Cũng có trường hợp mục đích và nội dung hết sức cụ thể và mang tính cá nhân cao: cứu người. Đó là trường hợp thân nhân các tử tù Nguyễn Văn Chương, Hồ Duy Hải, Lê Văn Mạnh tìm đến các đại sứ quán để kêu oan cho người bị kết án tử hình oan, thậm chí có lần phải vận động xin sứ quán liên hệ gấp với phía Việt Nam để kịp ngăn chặn việc hành quyết.



Thân nhân tử tù Lê Văn Mạnh, luật sư Trần Vũ Hải, và các nhà hoạt động Mai Phương Thảo, Phạm Lê Vương Các, Trịnh Anh Tuấn tại cuộc họp với Phái đoàn Liên minh châu Âu và một loạt đại sứ quán phương Tây ở Hà Nội về vụ án Lê Văn Mạnh, ngày 10/11/2015. Ảnh: Hoàng Thành.

Tháng 1/2014, lần đầu tiên, một phái đoàn gồm đại diện của sáu tổ chức xã hội dân sự độc lập ở Việt Nam bắt đầu chiến dịch vận động cho nhân quyền Việt Nam tại Mỹ và châu Âu. Phái đoàn gồm đại diện các tổ chức No-U Việt Nam, Mạng Lưới Blogger Việt Nam, Dân Làm Báo, Phật giáo Hòa Hảo Truyền thống, Con Đường Việt Nam, và VOICE. Đây chính là đợt vận động quốc tế đầu tiên, ở bên ngoài Việt Nam, có tổ chức và quy mô lớn, của các nhà hoạt động dân chủ-nhân quyền Việt Nam kể từ sau năm 1975.

Xin nhấn mạnh để bạn không nhầm lẫn, rằng phần trên đây đang kể về những nỗ lực vận động quốc tế cho dân chủ, nhân quyền ở Việt Nam, của các cá nhân và tổ chức hoạt động xã hội dân sự độc lập.

Còn nếu nói về vận động quốc tế nói chung thì đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã thực hiện từ rất lâu rồi. Việc Thụy Điển là nước phương Tây đầu tiên thiết lập quan hệ với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1969), hay Liên Hợp Quốc công nhận tư cách thành viên của Việt Nam (1977) chẳng hạn, đều phải là kết quả của những nỗ lực vận động quốc tế ráo riết, mà tài liệu của tuyên giáo hay gọi là “tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế và dư luận tiến bộ trên thế giới”.

HOẠT ĐỘNG ĐẢNG PHÁI

Vận động là hình thức hoạt động chính trị mà một cá nhân – như bạn – cũng có thể làm. Nhưng tất nhiên, nó sẽ hiệu quả hơn nếu bạn có tổ chức. Một tiếng nói đơn lẻ khó mà có sức mạnh như nhiều tiếng nói cùng kết hợp một cách có tổ chức.

Cho nên hoạt động chính trị gắn với tổ chức, đảng phái là vì thế.

Hoạt động đảng phái là ít nhất một trong các hoạt động sau:

- Thành lập đảng/ tổ chức chính trị mới;
- Gia nhập đảng/ tổ chức chính trị hiện hành;
- Các hoạt động nhằm mở rộng và phát triển đảng/ tổ chức

chính trị, ví dụ tìm kiếm và thu hút thêm thành viên mới, đào tạo để nâng cao chất lượng nhân sự;

- Tranh cử với tư cách người của đảng/ tổ chức chính trị;
- Đưa người của đảng/ tổ chức chính trị vào các chức vụ trong chính quyền;
- Có các hoạt động để đảng của mình giành và giữ được chức vụ trong chính quyền, đồng thời thực thi quyền lực có được từ chức vụ đó.

Chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn về đảng phái và tổ chức chính trị ở Phần V, “Tương tác chính trị”. Còn ở đây, bạn chỉ cần nhớ rằng đảng phái là các tổ chức làm chính trị một cách chuyên nghiệp, và sẽ tốt hơn, hiệu quả hơn rất nhiều nếu bạn làm chính trị thông qua hoạt động đảng phái, thay vì độc lập hay là lẻ loi, một mình.

LÀM TRUYỀN THÔNG

Truyền thông được hiểu đơn giản là “truyền tải thông tin”, nghĩa là việc một cá nhân/tổ chức truyền tải thông tin (dưới các hình thức ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, tín hiệu) cho một/các cá nhân/tổ chức khác biết. Nó cũng có thể được phân loại thành truyền thông cá nhân – thông qua tiếp xúc trực tiếp giữa người với người như trò chuyện hoặc sử dụng thư tín, điện thoại; và truyền thông đại chúng – truyền tải thông tin đến một lượng lớn khán/thính/độc giả nhưng không tiếp xúc trực tiếp với họ. Báo chí, xuất bản, truyền hình-phát thanh, điện ảnh, Internet đều là các phương tiện truyền thông đại chúng.

Với cách hiểu theo nghĩa rộng – hoạt động chính trị là tất cả những gì bạn làm để tạo áp lực lên một cá nhân, một cơ quan, một tổ chức, nhằm gây ảnh hưởng, thuyết phục, khiến họ hành động như ý bạn muốn – bạn có thể thấy là làm truyền thông đương nhiên cũng là một hình thức hoạt động chính trị.

Các tổ chức, nhóm, hội, đảng phái đều có thể hoặc lập đội ngũ truyền thông riêng của mình (ví dụ báo Nhân Dân là cơ quan ngôn

luận của đảng Cộng sản Việt Nam); có thể gây tác động lên giới truyền thông, thông qua truyền thông để thuyết phục dư luận theo ý mình muốn. Dư luận ở đây bao gồm toàn bộ phần còn lại của xã hội: người dân, quan chức, nhà hoạch định chính sách, v.v.

Năm 2012, khi các blogger, facebooker đến những điểm nóng về đất đai như Tiên Lãng, Văn Giang, để viết bài, phỏng vấn, chụp ảnh tung lên mạng, họ gọi hành động đó đơn giản là “làm truyền thông”. Nhưng khi đó, chính là họ đang tác động để dư luận hiểu các khía cạnh khác của sự việc – nhất là những phần mà hệ thống báo chí quốc doanh không, chưa hoặc ngại đề cập. Công việc ấy của họ thực chất là một hình thức “hoạt động chính trị”.

Có rất nhiều hoạt động để làm truyền thông, mà viết blog chỉ là một trong số đó. Ví dụ:

- Ra báo, mở đài
- Viết báo, viết sách
- Tổ chức hội nghị, hội thảo
- Diễn thuyết
- Quảng cáo
- v.v.

KHIẾU KIỆN

Khiếu kiện là sử dụng con đường pháp lý để buộc một cá nhân/ tổ chức nào đó phải làm hoặc chấm dứt làm một việc gì đó. Cụ thể, khiếu kiện (khiếu nại và kiện) là việc một cá nhân/ tổ chức yêu cầu cơ quan hành chính (trong trường hợp khiếu nại) hoặc tòa án (trong trường hợp khởi kiện) buộc một cá nhân/ tổ chức khác phải làm, hoặc ngừng làm, điều gì đó. Đối chiếu với cách hiểu về chính trị theo nghĩa rộng, ta sẽ thấy khiếu kiện cũng là hành động chính trị.

Quốc gia vô địch về việc người dân tham gia chính trị bằng cách kiện có lẽ là Mỹ. Tại đây, chuyện một công dân đâm đơn kiện quan

chức chính quyền hoặc công dân khác xâm hại quyền lợi của mình là “chuyện thường ngày ở huyện”. Hàng xóm không chăm sóc vườn, để cây leo mọc tràn lan sang vườn nhà mình: kiện. Đi xin việc, công ty tuyển dụng ưu tiên người ngoại hình đẹp và mình trượt: kiện. Uống cốc café nóng bị bỏng: kiện.

Để tăng khả năng thắng kiện thì phải thuê luật sư, kết quả là nước Mỹ có mật độ luật sư trên đầu người cao nhất thế giới. Điều này đã khơi nguồn cho nhiều chuyện cười ở Mỹ và về Mỹ, như là quốc gia đầy một bọn ăn không ngồi rồi, rảnh rỗi sinh ra đâm bị thóc chọc bị gạo v.v. Nhưng nhìn từ góc độ chính trị, quản lý xã hội, thì sẽ thấy đó là biểu hiện của việc người Mỹ tin vào luật pháp, luôn có ý thức sử dụng luật pháp làm công cụ giải quyết mâu thuẫn và bảo vệ quyền lợi của mình. Trong văn hóa chính trị Mỹ, không có khái niệm “vô phúc đáo tụng đình” – nghĩa là vô phúc thì mới phải đến chỗ xử kiện, ra tòa, tóm lại là “đến cửa quan” – như ở nước ta.

BIỂU TÌNH

Biểu tình hiểu nôm na là “biểu hiện tình cảm” (tiếng Anh, biểu tình là “demonstrate”, cũng có nghĩa là thể hiện, bày tỏ, hoặc chứng minh). Cụ thể hơn, biểu tình là một hành động chính trị trong đó nhiều người tham gia cùng nhau thể hiện một chính kiến, ví dụ bày tỏ sự ủng hộ hoặc phản đối một cá nhân/ tổ chức/ sự việc nào đó.

Hành động tập thể của họ có thể được thực hiện bằng việc tuần hành (đi bộ), đập xe hoặc sử dụng phương tiện giao thông khác. Có thể kết hợp với gây tiếng động: gọi loa, gõ trống, khua chiêng, thổi kèn, kéo đàn, hô khẩu hiệu, hát, diễn kịch hay là hoạt cảnh. Trong nhiều cuộc biểu tình ở nước ngoài, người ta còn đốt cả ảnh, hình nộm của quan chức. Biểu tình thường bắt đầu và/ hoặc kết thúc bằng một cuộc tụ tập tại một địa điểm nhất định, tại đây người ta cùng đọc và nghe diễn văn, tuyên cáo, tuyên bố, v.v.

Biểu tình không nhất thiết phải tuần hành và chỉ tuần hành, nói cách khác, người biểu tình không nhất thiết phải di chuyển mà có

thể ở yên một chỗ – đứng, ngồi hoặc thậm chí nằm. Phong tỏa đường đi lối lại, chiếm trụ sở, và ngồi bệt (tọa kháng) cũng được coi là biểu tình; trường hợp sau được gọi là “biểu tình ngồi”.

Ví dụ: Để phản đối chính quyền Trung Quốc tham lam, ưa gây hấn và bắt nạt các quốc gia nhỏ yếu, hoặc để phản đối chính sách đối ngoại thiếu minh bạch và thiếu nhất quán của Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong vấn đề Biển Đông, một nhóm công dân ở Hà Nội có thể tuần hành đến Đại sứ quán Trung Quốc hoặc Bộ Ngoại giao, tụ tập trước cổng các cơ quan này, tổ chức mít-tinh, ra thông cáo, đọc diễn văn, v.v.

Biểu tình có thể là phi bạo lực hoặc bạo lực, hoặc lúc đầu thì ôn hòa nhưng về sau lại nảy sinh bạo lực – giữa công an, cảnh sát với những người tuần hành, hoặc giữa chính những người tham gia với nhau, ví dụ nhóm ủng hộ mâu thuẫn, đánh nhau với nhóm phản đối. Cho nên, luật pháp ở các quốc gia đa phần đều loại bỏ bạo lực, chỉ chấp nhận biểu tình ôn hòa; và sự hiện diện của lực lượng công an, cảnh sát chỉ là để ngăn chặn bạo lực xảy ra.



Một cuộc biểu tình chống Trung Quốc ở Hà Nội, sáng chủ nhật 9/12/2012.

Ảnh: Catherine Burton/ AFP

Với những hành động được chấp nhận (tuần hành, hô khẩu hiệu, hát, v.v.), các bạn có thể thấy ngay là không cuộc biểu tình

nào lại không mang tính chất “gây rối trật tự công cộng” ở một mức độ nào đó. Nói cách khác, đã là biểu tình thì phải tạo chú ý, mà đã tạo chú ý thì những người biểu tình không thể không làm ồn; chưa nói đã là một cuộc tụ tập nơi công cộng thì đương nhiên phải có tổ chức. Lấy lý do “gây rối trật tự công cộng” để giải tán biểu tình chỉ là một chiêu bài để đàn áp quyền tự do tụ tập ôn hòa và tự do thể hiện chính kiến ôn hòa (còn được gọi là “tự do biểu đạt”) của người dân.

ĐÌNH CÔNG

Đình công là việc người lao động trong một doanh nghiệp hay một ngành nghề nào đấy đồng loạt ngừng làm việc để gây sức ép lên giới chủ hoặc lên chính quyền.

Theo nghĩa nguyên thủy của nó, đình công chỉ giới hạn trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, khi những người làm công tổ chức ngừng làm việc trên quy mô tập thể để phản đối hoặc ra yêu sách nào đó với giới chủ: tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện vệ sinh, an toàn lao động, v.v. Tuy nhiên, trên thực tế, đã có khi đình công vươn ra ngoài quan hệ giữa người lao động và giới chủ và dẫn đến thay đổi trong chính sách của nhà nước, thậm chí thay đổi chính thể. Ví dụ đáng nhớ nhất là những cuộc đình công của phong trào Công đoàn Đoàn kết ở Ba Lan những năm 1980.

TẨY CHAY

Tẩy chay là việc một số người/ nhóm (tức là cá nhân hoặc tổ chức) từ chối giao thiệp, giao dịch với một đối tượng nào đó, hoặc từ chối mua bán, sử dụng hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp mà họ cho là xấu, phi đạo đức, có sai phạm... như bán hàng giả hàng rởm, gây ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động, đối xử thô lỗ và từng lãng mạ khách hàng, v.v. Mục đích của tẩy chay là để trừng phạt hoặc để gây sức ép lên cá nhân, tổ chức nào đó, buộc họ phải thay đổi.

Năm 1955, người Mỹ gốc Phi tẩy chay toàn bộ xe buýt ở Montgomery (bang Alabama). Cuộc tẩy chay bắt đầu vào ngày

5/12/1955, đúng vào ngày mà Rosa Parks, một phụ nữ da đen, phải ra tòa vì đã từ chối nhường chỗ ngồi trên xe buýt cho hành khách da trắng theo sự sắp xếp của tài xế. Trong phiên tòa đó, Rosa Parks bị xử thua và bị phạt 20 đôla, cùng với án phí 4 đôla. Tuy nhiên, bà kháng án, trong khi đó, người Mỹ gốc Phi tổ chức tẩy chay xe buýt để phản đối chính sách phân biệt chủng tộc trên phương tiện giao thông công cộng.

Cuộc tẩy chay kéo dài 381 ngày. Nó chỉ chính thức chấm dứt vào ngày 20/12/1956, hơn một tháng sau khi Tối cao Pháp viện Hoa Kỳ ra phán quyết rằng phân biệt đối xử trên xe buýt và các phương tiện giao thông công cộng khác là vi hiến. Đây là một thắng lợi rực rỡ của phong trào đấu tranh vì quyền dân sự của người Mỹ gốc Phi.

Chuyện tẩy chay giờ đây không còn là mới mẻ trong nền kinh tế toàn cầu hóa. Ví dụ, ở Hàn Quốc từng có phong trào tẩy chay thịt bò Mỹ (năm 2008), còn tại Trung Quốc, khi tranh chấp biển đảo với Nhật Bản leo thang, nhiều hiệu sách Bắc Kinh đã ngừng bán các ấn phẩm của Nhật. Tương tự, doanh nghiệp xuất khẩu chuối Philippines khốn đốn khi đối tác Trung Quốc đồng loạt từ chối nhập khẩu để trả đũa Philippines trong tranh chấp chủ quyền. Ngay sau sự cố này, cơ quan xúc tiến thương mại của Philippines đã phải tính đến khả năng tìm kiếm, mở rộng thị trường hoa quả ở các nước khác, như châu Âu.

Tại Việt Nam, vào năm 1919, từng có phong trào “tẩy chay các chú”, tức là tẩy chay các chú khách (doanh nhân Hoa kiều). Tinh thần chung là “người Việt Nam buôn bán với nhau, không mua hàng của Hoa kiều”. Có tài liệu nói rằng phong trào được sự hưởng ứng của cả giới doanh thương lẫn sinh viên, viên chức tại Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định... 89 năm sau, vào năm 2008, với sự cố Vedan xả nước “giết” sông Thị Vải, một chiến dịch tẩy chay đã nổi lên, khởi đầu từ những lời kêu gọi trên mạng Internet. Nhiều siêu thị lớn tại Hà Nội và TP.HCM đồng loạt ngừng phân phối sản

phẩm bột ngọt Vedan. Cuối cùng, doanh nghiệp này đã chấp nhận thương lượng bồi thường cho nông dân địa phương.

Vào ngày 27/1/2015, ông Võ Văn Minh, 35 tuổi, một chủ quán bún tại Tiền Giang, bị công an bắt trong vụ “con ruồi Tần Hiệp Phát”. Theo cáo trạng, trước đó ông Minh đã phát hiện một chai nước Number One của Tần Hiệp Phát có con ruồi bên trong, ông gọi cho Tần Hiệp Phát yêu cầu họ trả tiền (1 tỉ đồng) để đổi lấy sự im lặng. Tần Hiệp Phát đồng ý giao tiền, đồng thời bí mật báo công an. Khi ông Võ Văn Minh đến lấy tiền thì bị bắt tại chỗ, ông bị giam từ đó và đối diện mức án 20 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Ngày 1/2/2015, ra đời trang facebook Tẩy chay Tần Hiệp Phát, thu hút 26.000 thành viên chỉ trong một tuần, kịch liệt lên án cách xử lý khủng hoảng yếu kém và đạo đức kinh doanh tối tệ của Tần Hiệp Phát: Gài bẫy, đẩy người tiêu dùng - khách hàng của mình - vào tù ngục. Trước khi bị đánh sập hoàn toàn vào ngày 8/8/2015 (nhiều khả năng do phản công từ Tần Hiệp Phát), trong vòng sáu tháng tồn tại, nó đã có hàng chục nghìn độc giả; nhiều bài đăng đạt tới 20.000 like. “Tẩy chay Tần Hiệp Phát” trở thành một mẫu mực của việc người tiêu dùng trong thời đại Internet, với sự hỗ trợ của mạng xã hội, sử dụng quyền lực vốn bị lãng quên của mình đối với doanh nghiệp và thể hiện sức mạnh khủng khiếp.

Ngày 18/12/2015, Tòa án Nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ “con ruồi trong chai Dr. Thanh của Tần Hiệp Phát”, tuyên phạt ông Võ Văn Minh 7 năm tù vì tội “cưỡng đoạt tài sản”. Ngày 08/9/2016, Tòa án Nhân dân cấp cao xử phúc thẩm, tuyên y án.

Tuy nhiên, nói chung, tẩy chay rất hiếm xảy ra ở Việt Nam dưới thời cộng sản. Có lẽ do những người tiêu dùng xuất thân từ thời bao cấp đói khổ, hàng hóa khan hiếm, có xu hướng dễ dàng chịu đựng và chấp nhận doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ chất lượng tồi, với tâm lý “có mà dùng là tốt rồi”. Các hàng “phở quắt, cháo chửi” khét tiếng ở thủ đô Hà Nội chẳng hạn, chưa bao giờ họ nghĩ đến khả năng bị tẩy chay.

BẤT TUÂN DÂN SỰ

Là việc cố ý không chấp hành một đạo luật hay quy định nào đó của chính quyền, chấp nhận bị xử lý, đàn áp, nhằm gây tác động lên chính quyền.

Vào những năm đầu tranh giành độc lập cho Ấn Độ, nhà hoạt động nổi tiếng, người mà toàn dân Ấn Độ tôn xưng là “Thánh” – Mahatma Gandhi (1869-1948) – đã phát triển một phương pháp đấu tranh mà ông gọi là “bất tuân dân sự phi bạo lực” (tiếng Anh: nonviolent civil disobedience, tiếng Ấn: satyagraha). Đây là một hình thức hoạt động chính trị theo đó, người dân từ chối tuân thủ luật pháp của nhà cầm quyền để tỏ thái độ phản kháng và buộc chính quyền phải thay đổi chính sách hay một đạo luật cụ thể nào đó; sự bất tuân này hoàn toàn ôn hòa, không sử dụng vũ lực.

Các biểu hiện của bất tuân dân sự khá đa dạng, tùy sự sáng tạo của người tiến hành. Như các bạn có thể đã thấy, nó bao gồm cả đình công, tẩy chay, biểu tình. Còn có việc bất hợp tác với cơ quan chính quyền, chẳng hạn, bằng cách nhất định không tuân theo đạo luật hoặc chính sách mà mình phản đối. Ở phần trên bạn đã nghe nói đến Rosa Parks (1913-2005), người phụ nữ nổi tiếng của phong trào đòi quyền cho người da đen ở Mỹ. Bà đã thể hiện sự bất tuân của mình đối với chính sách phân biệt chủng tộc bằng cách từ chối đứng dậy nhường ghế cho một người da trắng trên xe buýt. Theo luật pháp Mỹ lúc đó thì xe buýt quy định chỗ ngồi riêng cho dân da đen và dân da trắng.

Bản chất của bất tuân dân sự là chống lại những đạo luật, chính sách mà ta cho là bất hợp lý, bất công. Nói cách khác, đã thực hiện bất tuân dân sự, nghĩa là phải có hành vi vi phạm pháp luật. Như ở Việt Nam, gần như chắc chắn nó sẽ đi ngược với đường lối, chủ trương của đảng Cộng sản, và người bất tuân sẽ bị coi là phản động.

Tại Ấn Độ trong những năm tháng giành độc lập, phong trào đấu tranh bất bạo động do Gandhi khởi xướng được hưởng ứng nhiệt liệt: Hàng nghìn người tuần hành, biểu tình ngồi, từ chối đóng thuế (để phản đối luật muối của chính quyền thực dân)... Khi bị cảnh sát đàn áp, họ vẫn nhất quyết giữ tinh thần phi bạo lực: Không chống cự, chấp nhận vào tù càng đông càng tốt. Mục đích của họ là thu hút chú ý và giành sự ủng hộ của cộng đồng. Cảnh sát

càng hành xử tàn bạo thì sự ủng hộ dành cho phong trào bất bạo động càng có khả năng cao hơn.

Tương tự, sự đàn áp của cảnh sát đối với những người phụ nữ đòi quyền bỏ phiếu đầu thế kỷ 20, với những người da đen chống phân biệt chủng tộc thập niên 1960, đã khiến cho ngày càng có thêm dư luận cảm thông và ủng hộ sự nghiệp của những nhà đấu tranh nhân quyền. Làn sóng phản đối chiến tranh Việt Nam hẳn là đã dâng cao ở Mỹ, khi các kênh truyền hình phát đi hình ảnh cảnh sát Mỹ cầm roi vụt tóa máu một người biểu tình.

Thế nhưng, nếu so với Việt Nam, thì ở đây có hai vấn đề: Thứ nhất là vai trò của hệ thống truyền thông (báo chí - truyền hình có được tùy ý lựa chọn thông tin, hình ảnh mà họ muốn sử dụng không?); thứ hai là văn hóa chính trị (tâm lý xã hội có ủng hộ hoặc ít nhất là tôn trọng những người quan tâm đến chính trị không?).

Bạn hãy thử nghĩ về một ví dụ giả tưởng: Nếu Mahatma Gandhi sống ở Việt Nam thời cộng sản và tham gia biểu tình ngồi trước cổng Quốc hội hay Tòa án Nhân dân Tối cao, liệu hình ảnh ông có được phản ánh một cách đẹp đẽ trên truyền hình? Và liệu ông có được đông đảo người dân ủng hộ? Câu trả lời nhiều khả năng sẽ là Không.

Ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản, có nhiều chính sách và đạo luật bất hợp lý hoặc gây tranh cãi, mà nếu ở trong một không gian văn hóa chính trị khác, rất có thể bất tuân dân sự đã xảy ra. Ví dụ như chính sách “toàn dân đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe máy”, được cụ thể hóa bằng Nghị quyết 32/2007/NQ-CP ngày 19/6/2007 của Chính phủ. Đây là một chính sách gây tranh cãi. Ở trong một nền văn hóa chính trị khác, bất tuân dân sự hoàn toàn có thể xảy ra khi một nhóm người (ví dụ: những người kinh doanh mũ lưỡi trai, nón lá...) nhất định không đội mũ bảo hiểm khi ra đường, nếu bị công an bắt thì nhất định không nộp phạt, và viết bài, xuất hiện trên báo chí-truyền hình để tỏ thái độ phản đối. Ở Việt Nam thì không. Kể từ ngày 15/12/2007,

toàn dân đều chấp nhận đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe gắn máy, không một ai dám bất tuân.

Như vậy, có thể thấy bất tuân dân sự chỉ đạt kết quả nếu những người tham gia thu hút được sự chú ý và ủng hộ từ dư luận, mà muốn như thế thì lại cần hai điều kiện: 1. Hệ thống truyền thông (tương đối) độc lập; 2. Văn hóa chính trị chấp nhận sự phản biện, phản kháng đối với chính quyền.

Tất nhiên, cá nhân tác giả tin rằng văn hóa chính trị là cái có thể thay đổi, và cần nhắc đến yếu tố văn hóa chính trị không hề đồng nghĩa với chấp nhận thỏa hiệp và phụ thuộc vào nó. Suy cho cùng, làm chính trị là thực hành khả năng thuyết phục và vận động người khác, khả năng thu phục số đông để thách thức trật tự cũ mà văn hóa chính trị hiện hành là một phần trong đó.

Khi tiến hành đấu tranh bất bạo động, Gandhi có bao giờ bị “một bộ phận dư luận” phản ứng miệt thị không? Chắc là có chứ, nhưng bạn hãy nhớ câu này của ông: “Đầu tiên họ phớt lờ bạn, sau đó họ cười nhạo bạn, sau nữa họ đánh bạn, và rồi bạn chiến thắng”.

SỬ DỤNG BẠO LỰC

Đây cũng là một nhóm hình thức hoạt động chính trị. Nó bao gồm các hành động như: khủng bố; bắt cóc làm con tin; ám sát; nổi loạn, nổi dậy cướp chính quyền; đảo chính; phá hoại cơ sở vật chất (ví dụ: đốt phá nhà xưởng và các công trình công cộng, cướp máy bay); gây chiến tranh, kể cả nội chiến... Những hoạt động này, cho dù có thể bất hợp pháp, vô nhân đạo, nhưng chúng vẫn được tính là hoạt động chính trị, bởi chúng vẫn nhằm mục đích gây ảnh hưởng. Rõ ràng, kể cả gây sợ hãi trên diện rộng, tức là khủng bố, thì cũng là gây ảnh hưởng.

Thế giới ngày nay không ưa bạo lực; dư luận tiến bộ luôn phản đối bạo lực và chỉ khuyến khích những nỗ lực thay đổi một cách ôn hòa thông qua đối thoại, thuyết phục, xem đó như chỉ dấu của một xã hội văn minh. Bạo lực bị lên án gay gắt.

Điều đó tất nhiên là đúng trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, trong việc đấu tranh chống độc tài, khi lên án bạo lực, chúng ta cũng chớ nên quên rằng ngay cả Nelson Mandela – người anh hùng đấu tranh cho nhân quyền và bình đẳng – cũng từng có lúc phải theo đuổi con đường bạo lực.

Nelson Mandela không phải tù nhân lương tâm*

Năm 1961, Nelson Mandela đồng sáng lập và trở thành lãnh đạo đầu tiên của Umkhonto we Sizwe (“Ngọn giáo của dân tộc”), còn được gọi là MK, nhánh vũ trang của đảng Đại hội Dân tộc Phi (ANC).

Dưới sự lãnh đạo của Mandela, MK tổ chức một chiến dịch phá hoại nhằm vào chính quyền – khi ấy chính quyền đã vừa tuyên bố Nam Phi là một nước cộng hòa, và rút khỏi Khối Thịnh vượng Chung thuộc Anh. Tháng 1/1962, Mandela trốn ra nước ngoài để dự một hội nghị của các nhà lãnh đạo dân tộc Phi ở Ethiopia và theo học một khóa huấn luyện về chiến tranh du kích ở Algeria. Ngày 5/8, gần như ngay sau khi trở về, ông bị bắt giam và sau đó bị kết án 5 năm tù vì tội trốn khỏi đất nước bất hợp pháp và tội kích động một cuộc đình công của công nhân vào năm 1961. Tháng 7 năm sau đó, cảnh sát bố ráp một nơi trú ẩn của ANC ở Rivonia, ngoại ô Johannesburg, bắt giữ một nhóm lãnh đạo MK gồm cả người da đen và da trắng, đang họp đánh giá kế hoạch tổ chức một cuộc chiến tranh du kích. Bằng chứng tìm được đã chống lại Mandela và các nhà hoạt động khác – tất cả đều bị đưa ra tòa vì tội phá hoại, tội phản quốc và âm mưu kích động bạo lực.

Trước tòa, Nelson Mandela trình bày lý do phải có một sự ly khai dứt khoát khỏi giáo lý ban đầu của đảng ANC: “Sẽ là sai lầm và hão huyền nếu các nhà lãnh đạo châu Phi tiếp tục rao giảng về hòa bình và phi bạo lực vào thời điểm mà chính quyền chỉ đáp trả những yêu cầu ôn hòa của chúng tôi bằng vũ lực. Chỉ khi nào tất cả các cố gắng khác đều đã thất bại hết, khi tất cả các kênh phản đối ôn hòa đều đã bị cấm đoán, thì mới phải quyết định bắt đầu các hình thức bạo lực của đấu tranh chính trị”.

... Điều ít người biết là: Cho đến tận tháng 7/2008, Mandela và các đảng viên ANC vẫn bị hạn chế xuất cảnh đến Hoa Kỳ – ngoại trừ đến trụ sở Liên Hiệp Quốc (ở New York) và nếu được Ngoại trưởng Mỹ cấp giấy phép đặc biệt – vì họ bị quy là khủng bố trong thời kỳ đấu tranh chống chính quyền apartheid (a-pác-thai). Bản thân Nelson Mandela, mặc dù chịu án chung thân và cuối cùng phải ngồi tù tới 27 năm, cũng không được coi là tù nhân lương tâm. (Theo định nghĩa của tổ chức Ân xá Quốc tế, tù nhân lương tâm là những người bị tù chỉ vì đã thực thi một cách ôn hòa quyền tự do biểu đạt của họ, và là người không sử dụng bạo lực hay cổ súy bạo lực, hận thù).

* Trích từ bài “Nelson Mandela – vị luật sư thấp lùn tự do” – Hoàng Kim Phượng, đăng trên Luật Khoa tạp chí ngày 5/11/2014.

Trên đây là một số hoạt động chính trị thường gặp ở các nước trên thế giới. Xin lưu ý bạn đọc, chúng chỉ là “một số”, bởi hoạt động chính trị, theo nghĩa là “gây ảnh hưởng”, là rất rộng và có vô số cách thực hiện.

Bài đọc

VÌ CÁC VỊ ĐỘC TÀI, CHÚNG TÔI MỚI PHẢI ĐI VẬN ĐỘNG QUỐC TẾ CHO NHÂN QUYỀN¹

Ngày 7/8/2013, 5 blogger Nghiêm Việt Anh, Nguyễn Đình Hà, Lê Hồng Phong (nick Lê Thiện Nhân), Nguyễn Thu Trang, Nguyễn Văn Viên (nick Cự Già Vào Mạng), đã thành công trong việc vượt qua nhiều vòng công quyền thù địch (đúng ra từ “thù địch” phải dành cho cơ quan công quyền mới phải, vì lâu nay công an, dân phòng, dư luận viên chính là lực lượng công khai thể hiện sự thù địch và căm ghét với những người ủng hộ dân chủ), vào được bên trong Đại sứ quán Thụy Điển tại Việt Nam để trao bản Tuyên bố 258.

Trước đó, chiến dịch 258 đã bắt đầu từ trong nước với việc một nhóm blogger đến gặp Đại sứ quán Mỹ (chiều 24/7 tại Hà Nội), nhưng cuộc gặp này không được thông báo rộng rãi từ trước. Có lẽ vì thế nên các blogger tiếp xúc với tùy viên báo chí của phía Mỹ không mấy khó khăn. Họ không bị an ninh cản trở nhiều như nhóm viếng thăm Đại sứ quán Thụy Điển.

Hàng tốp công an đã đứng vây lấy cổng Sứ quán Thụy Điển từ 7h30 sáng – điều này làm cho chính người chủ nhà và là người tổ chức cuộc gặp, bà Elenore Kanter, cũng phải “choáng”. Khi các blogger chuẩn bị tới nơi, công an ra sức đuổi tất cả các taxi chạy ngang qua khu vực, không cho họ dừng lại. Thậm chí một phụ nữ nước ngoài muốn vẫy taxi cũng không được, đành phải đi bộ ra phía ngoài đường Kim Mã.

¹ Bài đã đăng trên blog cá nhân của tác giả vào ngày 07/8/2015.

Khi cuộc gặp kết thúc, các blogger định ra về, thì lại thấy an ninh đã chờ sẵn ở cổng với ánh mắt gườm gườm, đầy thù địch. Bên trong Sứ quán lúc đó, chủ nhà (toàn là phụ nữ) lo lắng đến mức cuối cùng họ phải bố trí cho nhóm blogger tạm lánh vào tư gia của bà Elenore Kanter trong khuôn viên khu nhà, chờ cho “các anh” ở ngoài bớt nóng rồi họ sẽ đi tay chân không ra, gửi đồ đạc lại.



Phó Đại sứ Thụy Điển Elenore Kanter (người mặc váy xanh) phải đưa các blogger ra tận cổng để đảm bảo họ được an toàn khi trở về.

* * *

Tuyên bố 258 là tiếng nói độc lập từ các blogger yêu cầu chính quyền Việt Nam chấm dứt việc lợi dụng Điều 258 Bộ luật Hình sự để bắt giữ, đàn áp những người có “góc nhìn khác”.

Chiến dịch 258 có thể được coi như nỗ lực chung đầu tiên của các blogger chính trị ở Việt Nam nhằm vận động cho nhân quyền và dân chủ. Đó cũng là lần đầu tiên những người hoạt động dân chủ-nhân quyền Việt Nam công khai tiếp xúc với các cơ quan đại diện ngoại giao (Mỹ, Thụy Điển, Úc, Đức, Phái đoàn EU) và tổ chức

nhân quyền quốc tế và khu vực (HRW¹, Freedom House, SEAPA²...) để kêu gọi họ quan tâm đến tình hình nhân quyền và cuộc đấu tranh của các blogger vì dân chủ-nhân quyền cho Việt Nam.

Cũng kể từ đó, “cuộc chiến diệt rận” của đám dư luận viên, mà thực chất là chống lại các giá trị dân chủ-nhân quyền, bắt đầu leo thang.

* * *

Ngay cả những người không phải là dư luận viên thì sau này, cũng có không ít ý kiến hỏi (hoặc chỉ trích) rằng việc đưa Tuyên bố 258 ra cộng đồng quốc tế có phải là hành động gián điệp, vọng ngoại, “công răn cắn gà nhà”, đem chuyện trong nhà ra nước ngoài tố cáo, trong khi lẽ ra việc của Việt Nam phải do người Việt Nam giải quyết.

Là người tham gia Chiến dịch 258 từ đầu và trực tiếp đưa Tuyên bố 258 tới Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc, tôi xin trả lời những ý kiến trên như sau:

1. Tôi không biết có ai cảm thấy tự hào khi phải phản ánh tình hình vi phạm nhân quyền ở Việt Nam ra thế giới; tôi thì không.

Việc này cũng tương tự như chuyện có thể có một số rất ít nhà báo mong có tai nạn giao thông thảm khốc, cháy, nổ, thiên tai, vụ án giết người... để đưa tin, viết bài, câu view, bán báo... nhưng đại đa số nhà báo không mong muốn phải tác nghiệp về những chuyện như thế.

Là một nhà báo và là một blogger, tôi cũng chỉ ước mình có thể viết, có thể nói những điều tốt đẹp về Việt Nam mà thôi, rằng Việt Nam đẹp lắm, con người Việt Nam dễ thương lắm, chính quyền

¹ HRW: Human Rights Watch, tổ chức Giám sát Nhân quyền.

² SEAPA: Southeast Asian Press Alliance, Liên minh Báo chí Đông Nam Á.

Việt Nam dân chủ và tiến bộ lắm. (Riêng ý thứ ba này thì hơi khó, vì trên cả thế giới, nói chung các bạn dư luận viên sẽ không tìm ra người dân nước nào ca ngợi chính quyền của mình cả - trừ phi các bạn đến Bắc Triều Tiên hay một vài xứ độc tài tương tự).

Khi đã phải nói những sự thật chẳng hay ho gì về nước mình, là khi người ta đau lòng và khổ sở, và cũng đã cảm thấy tuyệt vọng vì không có khả năng thay đổi tình hình.

2. Không ai không hiểu rằng việc của người Việt Nam phải do người Việt Nam giải quyết. Nhưng nếu vậy thì là công dân Việt Nam, chúng ta phải làm gì để thay đổi chính sách?

Hãy chỉ cho tôi cách làm thế nào để vận động chính sách ở Việt Nam mà không phải hối lộ, đút lót, không cần phải là đảng viên cộng sản, không cần có chức quyền, không cần nhờ “Anh Hai, Anh Ba, Anh Tư” nào đó tác động, không phải gửi hàng chục cân kiến nghị/ đề đạt và mòn mỏi chờ đợi phản hồi, để rồi nhận những phản hồi (nếu có) kiểu “chúng tôi đã nhận được thư của ông/bà và đã chuyển tới cơ quan chức năng xem xét giải quyết”, v.v.?

Hãy chỉ ra xem nào.

3. Việc tiếp xúc và phản ánh thông tin đến cộng đồng quốc tế cũng chỉ là một hành động chính trị như vô số hành động chính trị khác (làm truyền thông, tuần hành, biểu tình, khiếu kiện, v.v.).

Và, có vẻ như nó là hành động chính trị đặc thù của người dân ở những xứ sở độc tài. Nếu Việt Nam là một thể chế dân chủ, nơi các quyền dân sự và chính trị (như quyền biểu đạt ý kiến, quyền tham gia chính trị) của người dân được đảm bảo, thì các blogger cần gì phải đi vận động quốc tế cho những việc trong nước?

Nói vậy, nhưng tôi không tin đầu óc của dư luận viên hay quan chức Việt Nam có thể hiểu. Những cái đầu ấy không bao giờ đủ trí tuệ và sự tinh tế để hiểu nỗi đau khổ của những người đi vận động nhân quyền cho Việt Nam.

Bài đọc

MẶT TRÁI CỦA BIỂU TÌNH

Một trong những mặt trái của biểu tình – và nó càng trở nên nghiêm trọng trong văn hoá chính trị “phản biểu tình” của nước CHXHCN Việt Nam – là sự cản trở tự do đi lại. Vì “phổ phường chặt chội, người đông đúc”, biểu tình có nguy cơ gây ảnh hưởng đến giao thông, mà đây là người biểu tình ở nước ta còn chưa sử dụng biện pháp phong toả đường đi lối lại, cắm trại, dựng rào v.v. đấy nhé.

Ở một quốc gia dân chủ, với văn hoá chính trị thừa nhận và ủng hộ biểu tình, thì để vừa đảm bảo quyền tự do biểu đạt của nhóm người biểu tình, vừa đảm bảo quyền tự do đi lại của những người khác, chính quyền sẽ phải có các biện pháp như bố trí lực lượng hỗ trợ người biểu tình (dẹp đường, hướng dẫn giao thông...), đảm bảo những không gian công cộng thích hợp cho việc biểu tình. Ở Việt Nam thì khác: Chính quyền của đảng Cộng sản Việt Nam gộp tất cả những người đi biểu tình vào một rọ, gồm các “đối tượng” hoặc là phản động nhân danh yêu nước, hoặc là bị bọn phản động lợi dụng, lôi kéo. Từ quan niệm đó đến hành động cụ thể như thế nào thì chúng ta đều đã biết, nên người viết sẽ không đề cập thêm, mà sẽ bàn về các trường hợp có mâu thuẫn, xung đột thật sự liên quan đến biểu tình, ở phần tiếp sau.

“ÔNG NGUYỄN SINH HÙNG VÀ THẾ LƯƠNG NAN”

Biểu tình hoàn toàn có thể cản trở nghiêm trọng quyền tự do đi lại của một cá nhân cụ thể. Ví dụ, đó là khi những người biểu tình

chặn cổng Văn phòng Quốc hội, không cho ông Nguyễn Sinh Hùng¹ ra đường khi đã hết giờ làm. (Xin các bạn lưu ý, đây chỉ là một ví dụ giả tưởng, trên thực tế bản thân người viết cũng không biết chính xác ông Nguyễn Sinh Hùng làm việc ở đâu). Trong trường hợp này, chúng ta đối diện với một thứ mà các nhà khoa học ưa gọi là “thể lưỡng nan”:

- Vì ông Nguyễn Sinh Hùng là Chủ tịch Quốc hội, là quan chức, cho nên ông có nghĩa vụ phải lắng nghe ý kiến của người dân, tôn trọng quyền tự do biểu đạt và biểu tình của công dân;

- Vì ông Nguyễn Sinh Hùng là một công dân Việt Nam, nên ông có quyền riêng tư, quyền tự do đi lại, tự do về thân thể, và ông phải được đi đâu tùy ý sau khi đã hết giờ làm việc. Do đó, khi bị cản trở tự do đi lại, ông có quyền khởi kiện.

Trên giác độ luật pháp thuần túy, công dân Nguyễn Sinh Hùng quả thật có thể kiện những kẻ đã xâm phạm quyền của ông. Tuy nhiên, trong văn hóa chính trị ở nhiều nước, người ta thường quan niệm lãnh đạo, quan chức là luôn phải ở một thế chịu thiệt thòi trước công luận hơn người dân, và sẽ rất nhục cười nếu lãnh đạo, quan chức muốn “ăn thua đủ” với dân – cái này trong tiếng Việt gọi là “tiểu nhân”. Đương nhiên là ông Hùng có quyền kiện và có thể kiện, nhưng nếu ông làm thế thì sẽ rất buồn cười trong mắt các chính trị gia đồng nhiệm, đồng nghiệp của ông ở nước ngoài.

Tương tự, chúng ta sẽ không thể thấy Tổng thống Mỹ Bill Clinton hay đảng Dân chủ tìm cách can thiệp, đóng cửa tờ báo nào dám bôi nhọ ông và chuyện tình ái, bồ bịch của ông. Tổng thống George W. Bush của đảng Cộng hòa cũng không thể truy tìm và khởi kiện kẻ nào dám vẽ bản vào ảnh ông rồi vác đi biểu tình, rồi đốt... Bởi vì văn hóa chính trị của người Mỹ ủng hộ quyền tự do biểu đạt, ngôn luận của công dân và buộc lãnh đạo phải chấp nhận “chịu thiệt”, “tỏ ra quân tử” trong mắt dư luận.

¹ Nguyễn Sinh Hùng (1946-): chính khách Việt Nam dưới thời cộng sản, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam khóa XIII, từ ngày 23/7/2011 đến ngày 30/3/2016.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng đừng quên rằng, trong các chế độ dân chủ, ghế của quan chức phụ thuộc vào lá phiếu của người dân, nên quan chức có xu hướng nhượng bộ trước những phản ứng của người dân và tìm cách thuyết phục họ, chứ không dám đối đầu.

NẾU CHÚNG TÔI THÍCH “BIỂU TÌNH CHỐNG BIỂU TÌNH”, THÌ SAO?

Trường hợp nói trên là khi biểu tình cản trở quyền tự do đi lại của một cá nhân cụ thể – một quan chức. Còn trường hợp sau đây hơi khác.

Giả sử sau khi Trung Quốc ra lệnh cấm đánh bắt cá trên vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa, người phát ngôn của Bộ Ngoại giao Việt Nam chỉ nói vài câu phản đối như thường lệ. Giả sử khoảng 300 người ở quận Nhất, TP.HCM nổi giận – trong đó một nửa phần nộ với Trung Quốc, một nửa bất mãn về chính sách ngoại giao của Chính phủ Việt Nam – và họ xuống đường biểu tình. Giả sử cùng lúc, có khoảng 300 người dân ở quận Hai, TP.HCM lại suy nghĩ ngược lại hoàn toàn – một nửa trong số họ cho rằng Trung Quốc cấm đánh bắt cá là đúng (cần phải bảo vệ và khai thác tiết kiệm tài nguyên thủy hải sản chứ, bắt luan tài nguyên ấy của quốc gia nào), một nửa ủng hộ chính sách ngoại giao của Việt Nam (phản ứng ở mức độ như người phát ngôn đã phản ứng thôi chứ còn làm gì hơn được nữa).

Câu hỏi đặt ra là: 300 người ở quận Hai có thể đi biểu tình phản đối 300 người ở quận Nhất không?

Câu trả lời: Có, nếu như đúng là tất cả công dân Việt Nam đều được hưởng quyền tự do ngôn luận và tự do tụ tập.

Vậy sẽ ra sao nếu trên đường phố, các nhóm cư dân bất đồng quan điểm cứ biểu tình qua lại như thế?

Chẳng sao cả, chuyện đó là... bình thường trong một xã hội dân chủ, có nền văn hóa chính trị thiên về các giá trị dân chủ, tự do, nhân quyền. Có điều, trong mọi trường hợp, bạo lực phải bị lên án

và loại bỏ; xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác là một tội có thể bị kiện và bị xử lý theo pháp luật. Khi ấy, vai trò của luật pháp và của nhà nước càng trở nên quan trọng hơn trong việc bảo vệ quyền tự do ngôn luận và tụ tập của các bên, quyền tự do đi lại của những người khác, giữ gìn trật tự trị an và điều hòa các lợi ích mâu thuẫn. Việc này, tất nhiên, chưa bao giờ dễ dàng.



Việc của lượng công an là bảo vệ người biểu tình chứ không phải là đánh người biểu tình. Ảnh: Một dân phòng (hoặc công an mặc thường phục) đánh biểu tình viên Phan Nguyên, Sài Gòn, ngày 12/6/2011.

Tuy nhiên, bạn cần lưu ý một điểm quan trọng: Sẽ là một nhà nước lưu manh, phản động, nếu chính nhà nước bí mật tổ chức cho một nhóm trong xã hội chuyên đi “biểu tình chống biểu tình”. Nói cách khác, nếu chính quyền dùng tiền ngân sách, dùng quyền lực của lãnh đạo, để huy động lực lượng “phản biểu tình”, “đấu tranh với các luận điểm sai trái, thù địch” của một số công dân, mà thực chất là tấn công vào quyền tự do ngôn luận của những công dân ấy, thì đó là biểu hiện của một nhà nước độc tài đáng ghê tởm.

KHI VĂN HÓA CHÍNH TRỊ KHÓ CHẤP NHẬN BIỂU TÌNH

Ở đâu cũng vậy, biểu tình có những hành động đặc thù như gây tiếng ồn, phong tỏa đường đi lối lại, thậm chí có khi còn kéo theo bạo lực – giữa công an, cảnh sát với những người tuần hành, hoặc giữa chính những người dân với nhau, nhóm phản đối gây lộn với nhóm ủng hộ như trong ví dụ giả tưởng nêu trên. Đó chính là các mặt trái của biểu tình, và trong văn hóa chính trị của Việt Nam thì những hạn chế đó càng bị khuếch đại: Bạn hãy hình dung một nơi đường phố chật hẹp, bụi bặm, vỉa hè là không gian kinh doanh (mà đoàn người đi biểu tình có thể gây ảnh hưởng đến việc kinh doanh đó), và đa số dân chúng thì tới 70 năm không có ý niệm nào về việc “tự nhiên ra ngoài đường hò hét”.

Liệu văn hóa chính trị như thế có tạo ra một môi trường tâm lý-xã hội ủng hộ biểu tình và các hoạt động chính trị khác không? Chúng ta thấy ngay là không.

Vậy khi văn hóa chính trị về cơ bản là chống lại việc biểu tình, thì một số ít người muốn thể hiện chính kiến thông qua hành động biểu tình có thể và nên làm gì? Có nên hò hét, chửi bới kẻ tội “phe kia”, đốt cờ, đốt ảnh, phong tỏa đường sá v.v.? Một trong các giải pháp cho vấn đề gây tranh cãi này là một hình thức hoạt động chính trị khác, xuất phát từ một phương pháp đấu tranh của vị anh hùng dân tộc Ấn Độ Mahatma Gandhi: bất tuân dân sự.

Chương III

VỀ MÔN HỌC “KHOA HỌC CHÍNH TRỊ”

Khoa học chính trị, hay Chính trị học, là một bộ môn khoa học xã hội nghiên cứu về nhà nước, quan hệ giữa nhà nước với phần còn lại của xã hội, và tiến trình quản trị, điều hành một quốc gia.

Với cách hiểu chính trị là “việc gây ảnh hưởng lên người khác”, “là đỉnh cao của nghệ thuật thuyết phục, vận động”, các bạn có thể thấy chính trị bao trùm lên toàn bộ đời sống xã hội. Tuy thế, khoa học chính trị, với định nghĩa như trên, “chỉ” bao gồm một số lĩnh vực, mà sau này được phát triển thành các ngành học sau:

- Triết học chính trị;
- Luật công;
- Quan hệ quốc tế, luật quốc tế, các tổ chức quốc tế;
- Chính quyền trung ương, chính quyền địa phương;
- Chính thể so sánh;
- Quản trị công;
- Xung lực chính trị (đảng phái, công luận và tuyên truyền, các nhóm áp lực và nhóm lợi ích);
- Chính quyền và kinh doanh;
- Cơ quan lập pháp và tiến trình lập pháp;
- Cơ quan hành pháp và tiến trình hành pháp.

Bạn muốn đi sâu vào khoa học chính trị, có thể chọn ít nhất một trong các lĩnh vực trên để nghiên cứu.

Rất có thể sau này, các đối tượng, lĩnh vực nghiên cứu của khoa học chính trị còn mở rộng thêm nhiều nữa.

Phần II

CHÍNH QUYỀN VÀ NHÀ NƯỚC

Trong Phần II này, chúng ta bàn đến đối tượng nghiên cứu trung tâm của chính trị học, đó là nhà nước, và nhà nước trong quan hệ với công dân, tức là chính quyền.

Ngoài ra, nói đến chính quyền, chúng ta cũng sẽ tìm hiểu một khái niệm có lẽ khá mới mẻ với độc giả Việt Nam, là tính chính danh. Điều thú vị là, tuy nó mới với người dân Việt Nam, nhưng với mọi chính quyền trên thế giới này, nhất là các chính thể độc tài, tính chính danh lại là điều cực kỳ quan trọng và luôn được chú ý gây dựng.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CHÍNH QUYỀN

Có nhiều định nghĩa về chính quyền, nhưng định nghĩa của Austin Ranney có lẽ chuẩn xác và xúc tích nhất: “Chính quyền là một tập hợp các cá nhân và thiết chế với chức năng làm ra và thực thi luật pháp trong và cho một xã hội”.¹

Tập hợp ấy đương nhiên có tổ chức, hay nói cách khác, chính quyền là một tổ chức. Tuy thế, câu hỏi đặt ra là nếu như vậy thì nó khác gì với một tổ chức bình thường? Bạn hãy xem bảng sau:

So sánh chính quyền và tổ chức		
	Chính quyền	Tổ chức
1	Quyền lực bao trùm lên toàn xã hội	Quyền lực chỉ áp đặt đối với thành viên của tổ chức
2	Tư cách thành viên là không tự nguyện	Tư cách thành viên là tự nguyện
3	Quyền lực độc đoán. Lệ làng phải thua phép vua.	Quyền lực không độc đoán.
4	Là tổ chức duy nhất trong một quốc gia có quyền làm ra luật, cưỡng chế thi hành luật, và xử lý người vi phạm luật.	Trong một quốc gia, ngoài chính quyền ra thì không tổ chức nào có quyền làm ra luật, cưỡng chế thi hành luật và xử lý thành viên vi phạm.

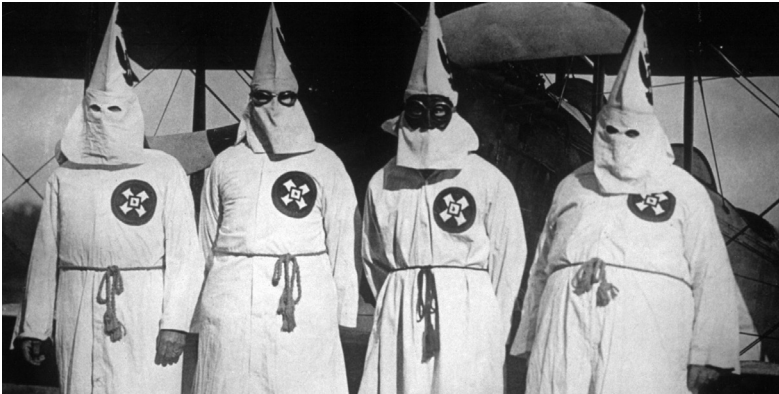
¹ “Governing: An Introduction to Political Science”, 8th edition, Austin Ranney, Prentice Hall xuất bản, trang 26.

Bạn hãy chú ý đặc điểm thứ 4: Chính quyền là “tổ chức duy nhất trong một quốc gia có quyền làm ra luật, cưỡng chế thi hành luật, và xử lý người vi phạm luật”.

Thế giả sử đảng 3K¹ ở Mỹ tự cho chúng có quyền làm ra luật, cưỡng chế thi hành luật, và xử lý người vi phạm luật của chúng (và trên thực tế, chúng đã làm như thế thật), thì sao? Khi đó, chúng có trở thành chính quyền không?

Hẳn bạn sẽ trả lời là Không. Vậy, tại sao lại không? Tại sao đảng 3K, dù mạnh đến thế, lại không phải là chính quyền ở Mỹ?

Câu trả lời là: Bởi vì đảng 3K không có tính chính danh. Để được gọi là chính quyền, một tổ chức, hay một tập hợp con người và thiết chế, nhất định phải có tính chính danh. Đây cũng là khái niệm mà bạn có thể thường nghe nói đến, nhất là câu “nhà cầm quyền đã mất tính chính danh”. Nó là cái gì vậy?



Đảng 3K ở Mỹ thực chất là ba phong trào phân biệt chủng tộc cực đoan và khủng bố. Nguồn ảnh: Huffington Post.

¹ 3K là viết tắt của Ku Klux Klan. 3K là một tổ chức cực đoan cánh hữu ở Mỹ, cổ súy cho sự phân biệt chủng tộc và “thanh lọc” xã hội Mỹ thông qua khủng bố. Họ chống người nhập cư, chống người Do Thái, chống Công giáo. Họ nổi lên thành ba phong trào, ở ba giai đoạn: 1865-thập niên 1870, 1915-1944, và 1946 đến nay.

Chương II

TÍNH CHÍNH DANH

Tính chính danh là niềm tin phổ biến của các thành viên trong một xã hội rằng quyền lực của chính quyền hay đảng cầm quyền là đúng, chính đáng, hợp lý, hợp pháp, và vì thế dân chúng phải phục tùng.

Tóm lại, chính quyền có chính danh tức là việc cầm quyền của họ là phù hợp, thích đáng trong suy nghĩ của người dân, và vì thế người dân chấp nhận phục tùng chính quyền ấy.

Do đó, có trường hợp chính quyền được thành lập hợp pháp, nhưng không được người dân cho là hợp lý, nên vẫn thiếu tính chính danh và cuối cùng sụp đổ. Nhiều chính quyền ở khối cộng sản Đông Âu cũ, như Đông Đức, Ba Lan, Hungary, mặc dù trên danh nghĩa được thành lập hợp pháp thông qua các cuộc bầu cử, song một khi đã hết tính chính danh – tức là không còn được số đông dân chúng ủng hộ, đã lần lượt sụp đổ vào cuối thập niên 80 của thế kỷ trước.

Làm thế nào để một tổ chức có được tính chính danh để trở thành chính quyền? Theo nhà xã hội học người Đức Max Weber (1864-1920), có ba cách ¹:

1. Nhờ truyền thống (cha truyền con nối);

¹ “Die drei reinen Typen der legitimen Herrschaft” (Ba kiểu chính quyền có tính chính danh, tiếng Anh: The Three Types of Legitimate Rule”), một tiểu luận của Max Weber viết bằng tiếng Đức, xuất bản năm 1922.

2. Nhờ có sức hấp dẫn của lãnh tụ, lãnh đạo;
3. Nhờ được thành lập hợp pháp và hợp lý.

1. CHÍNH DANH NHỜ TRUYỀN THỐNG

Đây là trường hợp các chính thể, các vương triều cha truyền con nối. (Anh, Bỉ, Hà Lan, Tây Ban Nha, Morocco [Ma-rốc], Saudi Arabia [Ả-rập Xê-út], Kuwait [Cô-oét], Thái Lan...). Những chính quyền này được coi là có tính chính danh bởi vì chúng được công nhận từ lâu trong lịch sử, hay nói cách khác, tính chính danh của chúng được truyền lại từ các triều đại trước. Người dân ở những xã hội này chấp nhận chính thể đương thời bởi vì chính thể ấy đã cầm quyền từ lâu, thành truyền thống, và không ai còn đặt vấn đề phải xem xét lại hay phá bỏ truyền thống ấy.

2. CHÍNH DANH NHỜ CÓ LÃNH TỰ KIỆT XUẤT

Đó là những chính thể được công nhận là chính danh nhờ sự hấp dẫn của một cá nhân nào đó được công chúng sùng bái, và cá nhân đó đóng vai trò lãnh tụ, lãnh đạo. Ví dụ như các chính quyền Napoleon (Pháp), Mussolini (phát xít Ý), Hitler (Đức quốc xã), Fidel Castro (Cuba cộng sản), Khomeini (Hồi giáo Iran), Lenin, Staline (Liên Xô), Mao Trạch Đông (Trung Quốc cộng sản), dòng họ Kim Nhật Thành (Bắc Triều Tiên), và Hồ Chí Minh (Việt Nam cộng sản), v.v.

Nói cách khác, những chính quyền đó có được tính chính danh nhờ việc họ có một gương mặt cá nhân nào đó có sức hấp dẫn to lớn đối với dân chúng, được ngợi ca bởi công đức trời biển, được tôn vinh như “tiên đế”, “cha già dân tộc”, “khai quốc công thần”. Chừng nào nhân vật ấy còn được sùng bái, chừng đó chính thể còn có tính chính danh, và ngược lại, khi sự sùng bái của người dân đối với lãnh tụ kiệt xuất bị suy giảm thì khi ấy, tính chính danh của chính thể bắt đầu lung lay. Đến khi lòng kính trọng, tin yêu của dân chúng đối với lãnh tụ hoàn toàn chấm hết, thì chế độ không còn lý do để tồn tại.

Đó là lý do vì sao các chính quyền cộng sản như Liên Xô, Bắc Triều Tiên, Cuba, Trung Quốc, Việt Nam... phải sống chết bảo vệ hình ảnh vị “cha già dân tộc” của mình, kể cả hàng chục năm sau khi ông ta mất. Ở những xã hội này, sự kính trọng, tin yêu đối với lãnh tụ được xem như đạo đức, như một phẩm chất tốt đẹp. Nói xấu, phỉ báng lãnh tụ bị coi là trọng tội và bị pháp luật trừng phạt.



Ảnh chụp màn hình facebook Nguyễn Lân Thắng.

Trên thực tế, sùng bái cá nhân đã chỉ đưa đến và củng cố chế độ độc tài và nô lệ. Không xã hội nào tiến bộ về đạo đức và văn hóa chính trị nhờ việc dân chúng sùng bái lãnh tụ.

Vào ngày 12/10/2015, Đỗ Đăng Dư, 17 tuổi, chết lúc 7h tối tại bệnh viện Bạch Mai sau hai tháng bị công an huyện Chương Mỹ tạm giam ở Trại tạm giam số 3 (Công an TP. Hà Nội) để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản. Trước đó, ngày 11/10, Cơ quan Cảnh sát Điều tra cho biết, Đỗ Đăng Dư bị bắt tù là Vũ Văn Bình đánh vì “rửa bát bẩn”.

Đêm 12/10 sau khi Dư chết và thi thể được đưa vào nhà xác, hàng chục nhà hoạt động nhân quyền ở Hà Nội đã đến bệnh viện Bạch Mai an ủi, giúp đỡ gia đình và lên án công an bạo hành dân.

Ngày hôm sau, 13/10, facebooker Nguyễn Lâm Thắng, 40 tuổi, đăng tải trên trang cá nhân một bức hình chụp ông cầm chiếc đĩa sứ có in chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, kèm bình luận: “Ngày xưa ông ấy rửa bát bẩn trên tàu thì Việt Nam đâu đến nỗi”. Bức hình được gần 5000 người “like” và hơn 300 người chia sẻ, nhưng nó cũng gây phẫn nộ lớn trong cộng đồng những người “yêu Đảng yêu Bác”. Vào ngày 17/10, ông Trần Nhật Quang, 58 tuổi, một nhân vật trong đội ngũ dư luận viên Hà Nội, tuyên bố thành lập nhóm phản ứng nhanh để “săn lùng” và “hỏi tội” “những tên phản động” mà trước mắt là Nguyễn Lâm Thắng vì tội “xúc phạm Bác Hồ”.

Nói là làm, tối 21/10, Trần Nhật Quang và Đỗ Anh Minh kéo thêm một số nhân vật cực đoan trong lực lượng ủng hộ chế độ cộng sản ở Hà Nội đến nhà facebooker Nguyễn Lâm Thắng quấy nhiễu: bấm chuông, gọi loa, phát truyền đơn thóa mạ ông Thắng. Họ rút đi khi các bạn của ông Thắng đến, tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục đe dọa gia đình ông Thắng trong nhiều ngày sau.

Nhiều độc giả của ông Nguyễn Lâm Thắng, tuy ủng hộ ông hoạt động xã hội, đấu tranh dân chủ, nhưng cũng không tán thành việc ông “đem Bác Hồ ra làm trò cười”.

Tuy vậy, cũng không ai giải thích được tại sao kính trọng lãnh tụ lại là một thứ đạo đức.

Đó chính là bởi vì tâm lý sùng bái lãnh tụ trong dân chúng Việt Nam còn rất nặng, mà tâm lý ấy là kết quả của sự tuyên truyền không ngừng nghỉ của chính quyền cộng sản về ông Hồ Chí Minh như vị cha già dân tộc.

3. CHÍNH DANH NHỜ HỢP PHÁP VÀ HỢP LÝ

Đó là những chính quyền có được tính chính danh nhờ:

- Được thành lập một cách hợp pháp, hợp lý;
- Có hiến pháp, luật pháp giới hạn quyền lực của nhà nước để không xâm phạm vào tự do của người dân;
- Có nhà nước pháp trị, tam quyền phân lập, các chức vụ nhà nước đều có nhiệm kỳ và được bầu cử công bằng, tự do.

Tất nhiên là, như các bạn có thể thấy, các chính thể đều sẽ tự nhận mình là “chính danh nhờ hợp pháp và hợp lý”. Chẳng một

chính thể nào lại nhận mình “cướp chính quyền” và không có tính chính danh.

Tương tự, tất cả các chính quyền trên thế giới này đều đã, đang và sẽ nhận họ là chính thể dân chủ. Không một chính thể nào lại tự nhận mình là độc tài, phi dân chủ. Có nghĩa là, dù có thể còn gây tranh cãi, nhưng dân chủ vẫn được toàn thế giới xem là một giá trị đáng có. Phần III, “Dân chủ”, sẽ bàn về giá trị này.

* * *

Max Weber đưa ra lý thuyết của ông về ba kiểu chính quyền có tính chính danh trong một tiểu luận xuất bản vào năm 1922. Tiểu luận rất nổi tiếng và lý thuyết của ông có ảnh hưởng từ đó đến nay. Về sau này, các học giả mới bổ sung thêm một kiểu chính danh nữa, đó là chính danh có được nhờ đạt thành tựu về kinh tế và/hoặc đạo đức cũng như năng lực bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Bạn có thấy “nghe quen quen” không? Rất quen là đảng khác, bởi vì một nhà nước điển hình cho sự xây dựng tính chính danh kiểu này là láng giềng của Việt Nam, chung ý thức hệ cộng sản với Việt Nam: Trung Quốc.

Khi nhà nước cộng sản ở Bắc Kinh mới thiết lập được chính quyền (năm 1949), tính chính danh của nó có được nhờ những hứa hẹn với người dân về một đất nước hùng mạnh, xã hội cộng sản bình đẳng, quan chức trong sạch không tham nhũng, dân chúng ai nấy đều có việc làm ổn định và được bảo đảm về lương thực thực phẩm, y tế, giáo dục... Dần dần về sau, những thành tựu kinh tế nổi bật, một nền quốc phòng mạnh đủ làm khu vực và thế giới khiếp sợ, trở thành cơ sở chủ yếu để nhà cầm quyền Bắc Kinh tạo và giữ được tính chính danh với nhân dân. Người dân Trung Quốc cần những cái cơ để tự hào về đất nước, để lòng tự hào dân tộc của họ được ve vuốt, và có vẻ như đảng Cộng sản Trung Quốc

cầm quyền đã giúp họ có được và duy trì những cơ đó. Đổi lại, dân chúng sẽ trung thành với chế độ và chấp nhận hy sinh một số quyền dân sự và chính trị.

Tuy thế, thành tựu kinh tế và sức mạnh quốc phòng có thể làm nên tính chính danh của một nhà nước thì cũng có thể làm cho tính chính danh ấy bị bào mòn, thậm chí bị xóa sạch, đến mức nhà nước phải sụp đổ. Khi nào kinh tế Trung Quốc sa sút, bất bình đẳng xã hội gia tăng, quân đội Trung Quốc thất bại trước một đối thủ nào đó... thì Bắc Kinh mất chính danh. Cần nhớ rằng, kinh tế suy thoái, phúc lợi xã hội không đảm bảo, chất lượng sống thấp kém, cũng là những yếu tố dẫn đến sự mất tính chính danh của các đảng cộng sản cầm quyền ở Đông Âu ngày trước. (Trong khi đó, họ lại không có vị lãnh tụ kiệt xuất nào như Lenin hay Stalin của Liên Xô).

Nhiều người Đức cho rằng truyền hình (ngoài luồng) đóng một vai trò quan trọng khiến chế độ cộng sản ở Đông Đức cũ thất bại trước Tây Đức dân chủ tự do, và nước Đức thống nhất.

Ấy là do trước thời điểm thay đổi, những người dân Đông Đức đã được tiếp xúc với thông tin từ Tây Đức qua truyền hình. Đặc ủy nhân quyền Đức Christoph Strässer kể với người viết trong một cuộc trò chuyện vào sáng 5/6/2015 tại Hà Nội: “Ở CHDC Đức hồi đó, có quy định ăng-ten (antenna) chỉ được quay sang một hướng nhất định thôi, hướng đài truyền hình quốc gia. Nhưng nhiều người, ví dụ ở vùng Đông Berlin, vẫn sáng tạo lắm, họ làm cách nào đấy để nhận được thông tin, hình ảnh từ Tây Đức”.

Và thế là dân chúng Đông Đức hiểu rằng trong khi họ đang phải “xếp hàng cả ngày”, phải tiêu dùng những hàng hóa chất lượng tồi, phải sống đời sống văn hóa-tinh thần nghèo nàn, xám xịt và bị kiểm soát, thì ngay sát bên họ, có một nước Đức khác. Một Tây Đức phồn vinh, mức sống cao trong một xã hội tiêu thụ đầy màu sắc rực rỡ, và có những ban nhạc như Modern Talking, Scorpions...

Họ bắt đầu khao khát, ước mơ, hoặc là ghen tị, thèm muốn... Gọi là gì cũng được, tùy chúng ta nghĩ. Nhưng rõ ràng là đã có một thời truyền hình góp phần mở cửa ra thế giới, thúc đẩy ước mơ và dẫn đến thay đổi xã hội theo hướng dân chủ hóa.

Bài hát Geronimo's Cadillac của Modern Talking (1986) có câu “chiếc xe Cadillac của Geronimo làm tắt cả các cô gái đều phát khùng”. Có lẽ cuộc sống đầy màu sắc ở Tây Đức ngày đó cũng đã làm rất nhiều người Đông Đức “phát khùng”.

So với đồng nhiệm Trung Quốc, đảng Cộng sản Việt Nam khó có khả năng xây dựng tính chính danh nhờ thành tựu kinh tế và quốc phòng. Nhà nước CHXHCN Việt Nam thường bị dân chúng chỉ trích, hoặc ít nhất cũng nghi ngờ, về chính sách phát triển kinh tế và năng lực bảo vệ chủ quyền quốc gia, nhất là chủ quyền biển đảo. Trong khi đó, hầu như chưa người dân Trung Quốc nào phải trải qua cảm giác đất nước họ thất bại về kinh tế, chính quyền của họ duy trì chính sách đối ngoại nhu nhược, luôn cúi trước ngoại bang.

Từ đó, các bạn có thể thấy rằng vấn đề kinh tế và đặc biệt là bảo vệ chủ quyền đã trở thành tử huyệt tiềm tàng của đảng Cộng sản Việt Nam.

* * *

XÂY DỰNG TÍNH CHÍNH DANH

Dựa vào lý thuyết của Max Weber, chúng ta thấy rằng, để một tổ chức có được tính chính danh và trở thành chính quyền, áp đặt quyền lực nhà nước lên toàn xã hội, thì tổ chức ấy:

Một là may mắn được thừa hưởng quyền lực từ triều đại trước (cha truyền con nối), ở những xã hội mà chính quyền có được tính chính danh nhờ truyền thống. Hoặc:

Hai là phải có được một nhân vật lãnh đạo có sức hấp dẫn đặc biệt đối với công chúng, một cá nhân kiệt xuất. Hoặc:

Ba là có được quyền lực một cách hợp lý và hợp pháp, và duy trì nó cũng với một cách hợp lý và hợp pháp: xây dựng và bảo vệ một bản hiến pháp dân chủ, đảm bảo nhà nước pháp quyền, tam quyền phân lập, bầu cử tự do và công bằng...

Tuy nhiên, hẳn các bạn cũng đã thấy từ định nghĩa: Tính chính danh là **niềm tin** phổ biến của các thành viên trong một xã hội rằng quyền lực của chính quyền hay đảng cầm quyền là đúng, chính đáng, hợp lý, hợp pháp, và vì thế dân chúng phải phục tùng.

Xin nhấn mạnh từ “niềm tin” trong định nghĩa này. Như vậy có nghĩa là, về bản chất, chính quyền có tính chính danh là bởi vì dân chúng tin rằng chính quyền ấy cầm quyền là đúng. Điều này cũng hàm ý: Quan trọng là niềm tin; một chính quyền muốn tạo ra và duy trì tính chính danh thì phải làm cho dân chúng có niềm tin ấy.

Bằng cách nào? Có thể bằng bạo lực, đe dọa và khủng bố, để ép người dân phải tin “chính quyền này mạnh lắm và họ cầm quyền là đúng”. Cũng có thể bằng tuyên truyền và lừa dối. Hay tốt nhất là kết hợp cả hai: bạo lực và tuyên truyền.

Chính quyền có thể sử dụng tuyên truyền, quảng cáo, PR để tạo ra và/hoặc làm tăng tính chính danh cho mình.

Một chính quyền có chính danh hay không là do chính quyền đó tuyên truyền giỏi đến đâu mà thôi.

(Beetham, 1991)

Người viết tin rằng, tà quyền thì sẽ dùng bạo lực và tuyên truyền để có được niềm tin của dân chúng, từ đó xây dựng và củng cố tính chính danh. Còn chính quyền thì sẽ xây dựng chính danh qua cách thứ ba – chính danh nhờ hợp pháp và hợp lý – hoặc cách thứ tư – đạt những thành tựu kinh tế vượt trội so với khu vực và thế giới. Song ngay cả cách thứ ba, thứ tư này cũng phải được kết hợp chặt chẽ, khéo léo với truyền thông chính trị. (Xem Chương II về tuyên truyền và truyền thông chính trị, trong Phần V, “Tương tác chính trị”).

* * *

PHÁ HỦY TÍNH CHÍNH DANH CỦA LỰC LƯỢNG ĐỐI LẬP

Với những nhà nước độc tài, muốn duy trì ách cai trị vĩnh viễn, thì song song với việc củng cố tính chính danh của mình là việc phá hủy tính chính danh của lực lượng đối lập. Bằng cách nào? Bằng cách tuyên truyền sâu rộng cho dân chúng thấy những người

đối lập không xứng đáng để tham gia chính trị, không đủ tư cách, năng lực, tài đức v.v. để cầm quyền. Tóm lại, cách mà chắt chắt mọi thể chế độc tài sẽ thực hiện là phá hoại hình ảnh của lực lượng đối lập, ra sức cô lập, cách ly họ khỏi nhân dân.

Tại một hội nghị tổng kết công tác tuyên giáo toàn quốc 2012, diễn ra sáng 9/1/2013 tại Hà Nội, ông Hồ Quang Lợi – nhà báo, Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội – phát biểu đại ý: Hà Nội đã tổ chức được đội ngũ 900 dư luận viên trên toàn thành phố nhằm phát huy sức mạnh của đội ngũ tuyên truyền miệng. Trong khi đó, báo chí thủ đô thực hiện ý kiến chỉ đạo về những vụ việc nhạy cảm; thành lập các tổ phóng viên bấm nút, phản ứng nhanh. Tổ chức “nhóm chuyên gia” đấu tranh trực diện trên mạng Internet, tham gia bút chiến trên Internet. Đến nay, đã xây dựng được 19 trang tin điện tử, hơn 400 tài khoản trên mạng.¹

Đó là lần đầu tiên khái niệm “dư luận viên” được nhắc tới công khai, trên báo chí chính thống. Nhưng những người làm công việc đó thì hẳn đã có mặt ở Việt Nam từ lâu, dưới những cái tên như “tuyên truyền viên”, “cộng tác viên dư luận xã hội”. Trước khi Internet vào Việt Nam (cuối năm 1997), họ chủ yếu làm tuyên truyền miệng. Kể từ khi Internet xuất hiện, họ bắt đầu hoạt động mạnh trên mạng, có mặt ở khắp các diễn đàn, tung ý kiến “định hướng” diễn đàn và “đấu tranh” với các ý kiến phê phán, chỉ trích đảng và nhà nước cộng sản. Có thời họ được gọi là “hồng vệ binh”, vì phong cách đặc biệt hung hãn, dữ tợn, chẳng khác các hồng vệ binh ở Trung Quốc hồi Cách mạng Văn hóa.

Nhưng chỉ đến khi Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội Hồ Quang Lợi nhắc đến cụm từ “dư luận viên” và được báo chí chính thống trích dẫn, hoạt động thuê người định hướng dư luận

¹ “Tổ chức nhóm chuyên gia bút chiến trên Internet”, Đào Tuấn/ Lao Động số ra ngày 9/1/2013. Đây là bài báo đầu tiên nhắc tới khái niệm “dư luận viên”. Địa chỉ trên mạng: <http://laodong.com.vn/chinh-tri/to-chuc-nhom-chuyen-gia-but-chien-tren-internet-98582.bld>.

và phá hoại hình ảnh của đối lập mới được công khai thừa nhận ở Việt Nam.

Dư luận viên đã hoạt động mạnh trong thời gian sau đó. Hàng chục blog, website và facebook được mở ra, chuyên đăng bài vở bôi nhọ, lăng mạ các cá nhân và tổ chức hoạt động dân chủ-nhân quyền ở Việt Nam, như: Mồ Làng, Tre Làng, Google Tiên Lãng, Người Con Đất Mẹ, facebook Việt Nam Thời Báo ¹, facebook Đơn vị Tác chiến Điện tử, facebook Em yêu chú công an nhân dân, v.v.

Bên cạnh đó, lực lượng an ninh cũng ráo riết hoạt động, với những nghiệp vụ như rình mò, theo dõi những người bất đồng chính kiến, bôi mớ các chuyện cá nhân của họ, nhất là chuyện tình ái, công việc làm ăn, để tung lên mạng bêu riếu, sỉ nhục họ “vô đạo đức”, “đôi trụy”, “đôi bại”, “tham tiền”, “ăn tiền hải ngoại”, v.v.

Mục đích, không gì khác, chính là để phá hoại hình ảnh của các lực lượng chính trị khác ngoài đảng Cộng sản cầm quyền, tiêu diệt niềm tin của người dân vào phong trào dân chủ, cũng tức là tiêu diệt tính chính danh của đối lập.

Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, dư luận viên còn có thêm một chức năng là đe dọa, khủng bố tinh thần những người phản biện chính quyền, đặc biệt nếu đó là trí thức. Có lẽ bởi dư luận viên nắm bắt được tâm lý chung của trí thức là sợ bị xúc phạm, sợ thứ ngôn ngữ chợ búa và ngại “cãi cọ như hàng tôm hàng cá”, nhất là ở các môi trường công cộng như mạng xã hội facebook.

Ví dụ về một comment kiểu đe dọa, xuất hiện trên facebook nhà báo Đào Tuấn khi ông và báo Đại Đoàn Kết đăng loạt bài tưởng niệm cuộc chiến tranh biên giới 1979 với Trung Cộng: “... thích ‘cấp tiến’ thì kiếm nổi cơm khác mà diễn. Xuyên tạc lịch sử để câu vùi đùng trách bị ăn chửi. Có nhiều cách để mày kiếm cơm động vào những thứ linh thiêng thì mồm ngậm tiền nhưng răng không còn đâu...”

¹ Đạo tên của Việt Nam Thời Báo – trang báo của Hội Nhà báo Độc lập Việt Nam. Trang báo thật sự của Hội Nhà báo Độc lập Việt Nam có tên miền là ijavn.org, còn trang giả danh là vntb.org.

Cũng cần nói thêm rằng sử dụng dư luận viên không phải sáng kiến của tuyên giáo và an ninh đảng Cộng sản Việt Nam. Khái niệm về một đội quân mạng được huy động để định hướng dư luận và tấn công những ý kiến phản biện đảng và nhà nước cộng sản ít nhất cũng đã xuất phát từ Trung Quốc. Vào tháng 10/2004, Sở Thông tin Tuyên truyền Changsha bắt đầu thuê các “bình luận viên chuyên nghiệp trên mạng Internet” – đây có lẽ là một trong những lần sớm nhất nghề này được nhắc tới ở Trung Quốc.

Chương III

NHÀ NƯỚC

Rộng hơn khái niệm chính quyền là khái niệm nhà nước. Nó có hai nghĩa, tức là có hai cách hiểu về khái niệm này.

CÁCH HIỂU 1: NHÀ NƯỚC LÀ QUỐC GIA

Nhà nước là gì, ví dụ khi ta nói “Nhà nước CHXHCN Việt Nam”, “Nhà nước Palestine”, “Nhà nước Do Thái”?

Theo James Garner, nhà nước là một *cộng đồng người* chiếm hữu một *lãnh thổ* xác định, hoàn toàn không chịu sự kiểm soát từ bên ngoài, và sở hữu một *chính quyền* có tổ chức mà *tất cả cư dân sinh sống trong lãnh thổ đó đều phải phục tùng*.¹

Định nghĩa của Garner đã bao gồm đủ bốn yếu tố căn bản của một nhà nước: con người (dân), lãnh thổ (đất), chính quyền, và chủ quyền hay quyền tối cao.

1. Dân

Người ta hay nói phải có nhà nước, mới có công dân (người mang quốc tịch của nước đó). Nhưng cũng phải có dân mới có nhà nước. Các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ đại cho rằng dân số của một nước không nên quá đông mà cũng không nên quá thưa. Cần phải đủ đông để sản xuất của cải vật chất nuôi nhau, và đủ ít để dễ cai quản. Plato cho rằng số dân lý tưởng của một thành bang như Athens hay

¹ “Political Science”, Government of Tamilnadu , 2003

Sparta là ở mức 5.040 người. Triết gia Pháp Rousseau lại ấn định 10.000 người là số dân lý tưởng của một nhà nước.

2. Lãnh thổ

“Không có đất thì không có nước”. Không có một lãnh thổ xác định thì không thể có nhà nước, nói cách khác, không tồn tại một nhà nước không có lãnh thổ. Lãnh thổ bao gồm không chỉ đất đai mà cả nước – hồ, sông, biển... – và vùng không trung bên trên đó.

3. Chính quyền trong quan hệ với nhà nước

Chính quyền, như chúng ta đã thấy trong phần định nghĩa ở trên, “là một tập hợp các cá nhân và thiết chế với chức năng làm ra và thực thi luật pháp trong và cho một xã hội” (Austin Ranney). Ở đây, trong quan hệ với nhà nước, chính quyền là công cụ, là bộ máy để thông qua đó nhà nước tồn tại và thực thi các chức năng của nó, và mọi người dân có thể cùng chung sống với nhau. Nói cách khác, chính quyền là cỗ máy vận hành của nhà nước.

Các chức năng mà nhà nước thực hiện thông qua bộ máy chính quyền gồm những gì? Là bảo đảm trật tự và an ninh trong xã hội, quốc phòng (bảo vệ đất nước khỏi các thế lực ngoại xâm), thực thi công lý, thúc đẩy thịnh vượng về kinh tế và sự phát triển... Bạn đọc chú ý là trong các chức năng ấy, không có chức năng “trấn áp các thế lực phản động trong nước”. Chính vì thế mà Nhà nước Việt Nam cộng sản thường phải mượn danh nghĩa “bảo đảm trật tự và an ninh” để đàn áp các lực lượng chính trị đối lập mà họ dán nhãn chung là “phản động”, “thế lực thù địch”.

Bạn cũng chú ý: Nhà nước và chính quyền là hai khái niệm khác nhau. Nhà nước rộng hơn chính quyền, bao gồm cả chính quyền và người dân. Trong khi đó, chính quyền không bao gồm dân.

Một điều quan trọng nữa là, chính quyền có thể thay đổi, có thể được thành lập mới hoặc bị lật đổ, xóa bỏ đi để một chính quyền mới thay thế. Nhưng nhà nước là vĩnh cửu, không thay đổi, chừng nào còn duy trì được cả bốn yếu tố căn bản của nó: dân, đất, chính quyền, chủ quyền.

4. Chủ quyền

Chủ quyền, hay quyền tối cao, là quyền ra quyết định cuối cùng và là quyền cao nhất, không còn quyền lực nào ở trên nó nữa.

Chủ quyền có hai loại: chủ quyền đối nội và chủ quyền đối ngoại.

- Chủ quyền đối nội: Nhà nước có quyền lực tối cao đối với tất cả các công dân của nó, tất cả người dân sinh sống trong lãnh thổ của nhà nước đó.

- Chủ quyền đối ngoại: Nhà nước độc lập khỏi bất kỳ sự kiểm soát nào từ bên ngoài lãnh thổ của nó.

Với định nghĩa trên của James Garner, hẳn các bạn cũng thấy, nhà nước (tiếng Anh: state) và quốc gia (tiếng Anh: nation) là hai khái niệm đồng nghĩa, và chúng đều bao gồm bốn yếu tố nêu trên: dân, đất, chính quyền, chủ quyền.

CÁCH HIỂU 2: NHÀ NƯỚC LÀ CHÍNH QUYỀN

Cách hiểu thứ hai gần gũi hơn với đa số người Việt. Dân Việt Nam, khi nghe thấy từ “nhà nước”, thường nghĩ ngay đến chính quyền, ví dụ như trong cụm từ đã quá quen thuộc: “Đảng và Nhà nước” (chữ đảng viết hoa để chỉ đảng Cộng sản Việt Nam).

Ở Việt Nam, cách hiểu này phổ biến hơn cách hiểu thứ nhất.

Còn chính quyền là gì thì mời bạn xem lại Chương I, “Định nghĩa chính quyền”, của Phần II này.

* * *

MỘT VÀI KHÁI NIỆM KHÁC

Nếu hiểu nhà nước là quốc gia (theo cách hiểu thứ nhất), thì trong tiếng Anh có khái niệm nation-state. Nhiều người dịch nó sang tiếng Việt là “quốc gia dân tộc” – một từ rất khó hiểu, tối nghĩa. Đúng ra thì phải chuyển ngữ nó như thế nào?

Nation-state là một loại hình nhà nước nối kết thực thể chính trị của nó với thực thể văn hóa của dân tộc. Từ điển Oxford định nghĩa nation-state “là một nhà nước có chủ quyền, trong đó đa số công dân của nó được thống nhất với nhau bởi các yếu tố định hình một dân tộc, như ngôn ngữ và nguồn gốc chung”. Nation-state là một sự đồng nhất hóa giữa nhà nước và dân tộc.

Vậy, nation-state là một nhà nước mang tính chất một quốc gia, khác với city-state là một nhà nước ở quy mô thành phố. City-state dịch là thành bang, còn nation-state có thể được dịch là “nhà nước độc lập”, “quốc gia độc lập”.

Nhà nước có gì khác với đất nước (tiếng Anh: country)? Nhà nước là một thực thể chính trị-pháp lý, trong khi đất nước là một thực thể mang tính văn hóa-sắc tộc. Nhà nước phải có chủ quyền (chủ quyền là một trong bốn yếu tố căn bản xác lập nên một nhà nước), trong khi một đất nước có thể không có chủ quyền – chẳng hạn bị mất chủ quyền vào tay ngoại xâm. Điều quan trọng là người dân của đất nước ấy, về mặt tâm lý, vẫn coi họ là dân một nước, cùng chia sẻ một đất nước chung, cùng chia sẻ một ý chí chung là được chung sống với nhau trong một đất nước, ngay cả khi nhà nước của họ mất chủ quyền.



“Chữ S thân yêu”. Ảnh: Lê Thế Thắng (Thắng Sói).

Thế còn dân tộc là gì? Từ “dân tộc” trong tiếng Việt có hai nghĩa.

Nghĩa thứ nhất là nhân dân. Chẳng hạn khi ta nói: “Dân tộc Việt Nam là một”, câu này hàm ý toàn thể nhân dân Việt Nam đều thống nhất.

Nghĩa thứ hai là sắc dân, sắc tộc, ví dụ khi ta nói “người dân tộc thiểu số”, “dân tộc Kinh”, “dân tộc H’mong”, “dân tộc Tày”, hay “người Thượng”, “người Ba-na”... Ở đây, một dân tộc được hiểu là một cộng đồng người có chung một nền văn hóa, lịch sử, và đặc biệt, chung một cách giải thích về nguồn gốc của họ. Chẳng hạn, người Kinh (chiếm 90% dân số Việt Nam) cho rằng họ là con cháu vua Hùng; tổ tiên của họ là mẹ Âu Cơ và cha Lạc Long Quân, hai vị tiên và rồng này kết hợp với nhau sinh ra trăm người con, trong đó có các vua Hùng. Còn người Mường lại có cách lý giải khác về sự xuất hiện của dân tộc Mường, đó là tích “Chim Ấy, Cái Ủa”.

Việt Nam có 54 sắc dân, hay thường được gọi là “54 dân tộc anh em”.



Một người H’mong thi leo cột mỡ lấy bím bím trong lễ hội xuống đồng ở Sapa (sau Tết âm lịch). Ảnh: Lê Thế Thắng (Thắng Sói)

Phần III

DÂN CHỦ

Phần này bàn về một vấn đề có lẽ thường gặp nhất khi nói đến chính trị: dân chủ và những mặt trái của nó.

Đây cũng là khái niệm khiến người Việt Nam, đặc biệt các blogger, facebooker tranh cãi thường xuyên trên mạng; và nếu không có đủ kiến thức, không nắm chắc “cơ sở lý luận”, bạn trẻ rất dễ đi từ vị thế người ủng hộ dân chủ sang vị thế một người đầy nghi ngờ, yếm thế và rồi chống lại dân chủ.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA DÂN CHỦ

Có nhiều định nghĩa về dân chủ. (Trong khoa học chính trị, dường như khái niệm nào cũng có nhiều hơn một định nghĩa, và định nghĩa nào cũng đúng). Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu hai định nghĩa, một của Austin Ranney, một của Schmitter và Karl. Sở dĩ tác giả chọn hai định nghĩa này để giới thiệu với bạn đọc Việt Nam là bởi vì từ chúng, ta có thể mở rộng phân tích được nhiều điều khác cũng rất bổ ích.

ĐỊNH NGHĨA DÂN CHỦ CỦA AUSTIN RANNEY ¹

Dân chủ là một hình thức tổ chức chính quyền theo các nguyên tắc sau:

- Quyền quyết định tối cao thuộc về người dân;
- Tất cả mọi người đều bình đẳng về chính trị;
- Tất cả mọi người đều được có tiếng nói;
- Đa số thống trị; thiểu số phải theo đa số.

Sau đây, chúng ta sẽ đi sâu vào từng nguyên tắc.

1. Quyền quyết định tối cao thuộc về người dân

Nguyên tắc này có nghĩa là: Quyền quyết định tối cao thuộc về tất cả mọi người chứ không phải một cá nhân (như trong chế độ độc

¹ "Governing: An Introduction to Political Science", Austin Ranney, 8th edition, Prentice Hall.

tài cá nhân) hay một nhóm người (độc tài tập thể). Mọi người đều tham gia quyết định một cách trực tiếp (dân chủ trực tiếp) hoặc ủy quyền cho đại diện thay mặt mình quyết định (dân chủ đại diện).

Một nguyên tắc xem ra không có gì khó hiểu. Chỉ có ba điểm mà bạn cần lưu ý: 1. Từ “mọi người” ở đây được hiểu là mọi công dân có đầy đủ năng lực hành vi. 2. Chúng ta đang nói về “quyền quyết định tối cao” – nghĩa là quyền ra quyết định cuối cùng trong các vấn đề quan trọng của cả cộng đồng, chứ không phải quyền ra quyết định về đủ mọi vấn đề; 3. Trong chế độ dân chủ đại diện, việc người dân ủy quyền cho đại diện không có nghĩa là người dân mất quyền tham gia và quyết định.

2. Mọi người đều bình đẳng về chính trị

Những chính trị gia mị dân có thể ưa thích câu nói: Tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng. Nhưng thật ra, như chúng ta đều thấy, con người sinh ra vốn dĩ không bình đẳng, mà khác nhau (và chênh lệch) về đủ thứ – chủng tộc, ngoại hình, thể trạng, trí tuệ, hoàn cảnh gia đình v.v. Sinh ra đã không bình đẳng thì quá trình lớn lên, trưởng thành và cuộc sống sau này càng không thể bình đẳng với nhau.

Vì thế cho nên bản Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên Hợp Quốc đã phải điều chỉnh nhận định trên thành: Tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng về nhân phẩm và quyền.

Còn nguyên tắc thứ hai về tổ chức chính quyền một cách dân chủ theo Austin Ranney, chỉ là “mọi người đều bình đẳng về *chính trị*” mà thôi, và bình đẳng về chính trị có nghĩa là bình đẳng về cơ hội gây ảnh hưởng tới chính sách: Tất cả mọi người đều có cơ hội như nhau để gây ảnh hưởng tới chính sách công, tới tiến trình ra quyết định tối cao.

“Cơ hội như nhau để gây ảnh hưởng” đó được cụ thể hóa hơn nữa, thành: Tất cả mọi người đều có các quyền về chính trị như nhau.

Quyền chính trị là những quyền của công dân được tham gia một cách có ý nghĩa vào tiến trình chính trị của nhà nước. Chúng bao gồm: quyền bầu cử (bỏ phiếu); quyền ứng cử và tranh cử; quyền thành lập và tham gia các tổ chức, hội nhóm, kể cả đảng phái chính trị... mà không bị phân biệt đối xử.

Có một sự khác biệt thú vị giữa quan niệm về “bình đẳng về chính trị” của các nước phương Tây tự do và các nước cộng sản. Triết lý dân chủ tự do của phương Tây cho rằng, bình đẳng về chính trị, tức bình đẳng về khả năng gây ảnh hưởng, nghĩa là bình đẳng về các quyền chính trị. Còn các nước cộng sản lại tư duy khác: Bình đẳng về khả năng gây ảnh hưởng tức là bình đẳng về khả năng kiểm soát các nguồn lực kinh tế, phương tiện truyền thông đại chúng, v.v. Với tư duy này, họ can thiệp vào thị trường để hỗ trợ, nâng đỡ những đối tượng họ cho là cần “tạo điều kiện”, kìm kẹp, gây thiệt hại những đối tượng họ cho là cần kiểm chế, và luôn cố gắng đảm bảo mỗi ngành nghề, mỗi địa phương đều có phương tiện truyền thông đại chúng (báo chí, đài phát thanh-truyền hình...) riêng – nhưng tất cả lại không độc lập mà phải do họ “quản lý”.

3. Tất cả mọi người đều được có tiếng nói

Với nguyên tắc này, mọi nền dân chủ đều phải đảm bảo những cơ chế mà thông qua đó, tất cả mọi người đều được tham vấn, được có ý kiến trong tiến trình hoạch định chính sách.

Những cơ chế đó là gì? Có thể bạn đã nhìn ra một số rồi: một nền truyền thông tự do, một hệ thống giáo dục tự do, tư pháp độc lập, mọi công dân đều có quyền tự do tư tưởng, tự do biểu đạt, tự do học thuật, và còn nhiều nữa.

4. Đa số thống trị (đa số thắng thiểu số)

Đây có lẽ là nguyên tắc đáng chán nhất trong các nguyên tắc của dân chủ. Theo đó, khi có mâu thuẫn, bất đồng, chính quyền phải hành động theo ý nguyện của đa số.

Trong nhiều trường hợp, điều đó không tránh khỏi khiến thiểu số bất mãn. Sự bất mãn nếu quá lớn, hoặc nếu cứ kéo dài, thường xuyên và liên tục, không được giải quyết, có thể sẽ đẩy mâu thuẫn tới chỗ bùng nổ thành xung đột trong xã hội, và đây là một hệ quả tồi của dân chủ.

Làm thế nào để giải quyết vấn đề đa số thống trị thiểu số, gây bất mãn? Câu trả lời là: Phải làm sao để tất cả mọi người trong xã hội đều đồng ý với nhau về luật chơi, chứ họ không nhất thiết phải đồng ý về kết quả cuộc chơi. Tương tự như trong bóng đá: Bạn có thể phẫn nộ trước việc đội tuyển U-20 Việt Nam thua Thái Lan, vì cho là kết quả thi đấu đó quá vô lý, nhưng bạn vẫn phải chấp nhận các luật chơi của trận bóng, ví dụ như trọng tài là vua trên sân trong thời gian thi đấu.

Vậy, điều quan trọng thứ nhất là phải thiết kế một xã hội sao cho trong xã hội đó, một thiểu số có thể bất mãn lúc này lúc khác về một sự kiện, nhưng không phải là bất mãn về cách thức xã hội vận hành để dẫn đến sự kiện ấy. Ngoài ra, điều quan trọng thứ hai là phải làm sao để mỗi một nhóm thiểu số nào đó đều chỉ bất mãn *lúc này lúc khác* thôi, chứ không phải bất mãn thường xuyên, liên tục.

* * *

ĐỊNH NGHĨA DÂN CHỦ CỦA PHILIPPE C. SCHMITTER VÀ TERRY LYNN KARL ¹

Dân chủ là một *hệ thống quản trị* đất nước, trong đó, *nhà cầm quyền* phải chịu trách nhiệm – về tất cả các hoạt động của họ thuộc *địa hạt công cộng* – trước công dân, và công dân thực thi điều đó một cách gián tiếp thông qua, hay là nhờ có sự *cạnh tranh* và *hợp tác* giữa những người *đại diện* cho họ, do họ bầu ra.

¹. “Democracy: A Reader”, Larry Diamond & Marc F. Plattner, John Hopkins University Press, 2009.

Sau đây, chúng ta phân tích từng khái niệm được đề cập đến trong định nghĩa này:

1. Hệ thống quản trị

Trả lời cho câu hỏi người ta có thể nắm giữ các cơ quan nhà nước chính như thế nào, những ai là người được chấp nhận hoặc bị loại khỏi tiến trình đó, đặc điểm của những người đó là gì, người ta có thể làm gì để vào được cơ quan nhà nước, trong việc ra các quyết định ràng buộc cả cộng đồng thì có những luật lệ, quy tắc gì...

Ta hiểu rằng, “hệ thống quản trị” ở đây cũng giống như “hình thái tổ chức chính quyền” trong định nghĩa của Austin Ranney, và nó cũng chính là “chế độ”. Và dân chủ cũng chỉ là một trong các hệ thống quản trị xã hội, một trong các hình thái tổ chức chính quyền. Ngoài chế độ dân chủ, xã hội loài người còn kinh qua nhiều kiểu chế độ khác, ví dụ như: quý tộc, độc tài, độc tài toàn trị, quân chủ chuyên chế, v.v.

2. Nhà cầm quyền

Hay còn gọi là nhà cai trị. Đó là (những) người nắm quyền lực và có thể ra lệnh cho người khác một cách chính danh – nghĩa là được xã hội chấp nhận.

Bạn có thể nghĩ, nếu vậy thì bằng bạo lực và dối trá, kẻ độc tài cũng có thể buộc cả xã hội phải chấp nhận hắn là nhà cai trị hay sao? Đúng vậy, kẻ độc tài có thừa khả năng để được công nhận là nhà cai trị. Điểm khác biệt với chế độ dân chủ là: 1. Hắn đã có được quyền lực bằng cách nào? (Bằng cách cướp chính quyền, lừa đảo dân chúng, đe dọa và khủng bố dân chúng, hay thông qua một cuộc bầu cử tự do và công bằng?); Hắn có chịu trách nhiệm trước công dân về những hành động của hắn trong địa hạt công cộng hay không, và như thế nào?

3. Địa hạt công cộng

Từ “công” (tiếng Anh: public) có nghĩa là “của chung”, ngược với

“tư” là “của riêng” (private). Địa hạt công cộng, theo nghĩa hẹp, là không gian công cộng, tức là tất cả những khu vực mà cộng đồng có thể đến – như đường sá, công viên, quảng trường, các không gian mở... Theo nghĩa rộng, nó là lĩnh vực công cộng, gồm toàn bộ những quy tắc, thông lệ mang tính tập thể, ràng buộc xã hội và có sự cưỡng chế thi hành của nhà nước.

Nhà cai trị trong chế độ dân chủ phải chịu trách nhiệm trước công dân về các hành động, hành vi, lời ăn tiếng nói của mình trong địa hạt công cộng, đó là điều chắc chắn. Ở trong không gian tư, của riêng họ, thì vấn đề trách nhiệm mới còn phải xem xét tùy trường hợp.

4. Cạnh tranh và hợp tác

Một trong các lý do dẫn đến tâm lý thù ghét dân chủ, là vì người ta ghét cạnh tranh, ghét các khái niệm “phe phái”, “lợi ích nhóm, hay “nhóm lợi ích”, “tư tưởng cục bộ”... Thế nhưng, cạnh tranh – giữa các chính trị gia, các đảng phái, tổ chức, nhóm lợi ích, phe phái – lại là một nhược điểm cần thiết của dân chủ.

Song song với cạnh tranh là hợp tác. Các chính trị gia hay các phe nhóm cũng thường xuyên phải thỏa hiệp, duy trì hợp tác để có thể cạnh tranh. Và ngay cả người dân cũng phải hợp tác với nhau (thông qua xã hội dân sự) để bảo vệ mình trước chính quyền, không để xảy ra lạm quyền và độc tài. (Xem Chương VI, “Xã hội dân sự”, trong Phần V, “Tương tác chính trị”).

5. Đại diện

Một chế độ dân chủ, nếu không thực thi dân chủ trực tiếp, thì sẽ phải có đại diện cho mỗi cộng đồng, mỗi nhóm lợi ích trong xã hội, để các đại diện đó tham gia vào tiến trình ra quyết định.

Những đại diện ấy là các chính trị gia, tức người làm chính trị chuyên nghiệp, xem làm chính trị là nghề của họ. Xã hội nào, nhà nước nào cũng phải có chính trị gia chuyên nghiệp. Vấn đề chỉ là:

Những đại diện đó được chọn ra như thế nào, và sau đó họ phải chịu trách nhiệm trước người dân về các hành động của họ ra sao. Bây giờ chúng ta sẽ bàn về vấn đề đại diện.

Chương II

CÁC HÌNH THỨC ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Đây là hình thức đại diện đơn giản nhất: Cả nước được chia thành nhiều khu vực địa lý, gọi là các đơn vị bầu cử. Việc chia này phải đảm bảo làm sao để các đơn vị bầu cử có số dân tương đương nhau. Mỗi đơn vị bầu cử rồi sẽ chọn ra một đại diện, được bầu ra theo đa số phiếu. Để hệ thống này vận hành hiệu quả thì ranh giới của các đơn vị bầu cử đều phải được định kỳ xác định lại và sửa đổi cho phù hợp với tỷ lệ tăng trưởng dân số.

Ưu điểm của hình thức đại diện này là đơn giản, tiện lợi, cử tri chỉ việc bỏ phiếu để chọn ra một đại diện trong đơn vị bầu cử của mình. Cử tri là dân ở đơn vị bầu cử, cho nên họ hiểu địa phương mình, hiểu các vấn đề của địa phương mình hơn người ngoài, và vì thế họ dễ dàng chọn ra đúng người có khả năng đại diện cho họ hơn. Về phía ứng cử viên, hình thức đại diện này ít tốn kém, bởi ứng cử viên chỉ phải vận động tranh cử trong một đơn vị bầu cử, thay vì phải đi khắp cả nước.

Do đơn giản, tiện lợi, dễ thực hiện, nên đây cũng là hình thức đại diện sơ khai nhất, lâu đời nhất.

Nhược điểm của hình thức đại diện theo khu vực địa lý thì khá nhiều:

Thứ nhất là tính cục bộ, địa phương. Cả cử tri lẫn ứng cử viên, trong quá trình tranh cử, đều có xu hướng chỉ quan tâm đến các

vấn đề của địa phương mình mà không lưu tâm về các vấn đề của quốc gia. Sau khi trúng cử, vị đại diện được bầu ra cũng sẽ cục bộ như vậy để mong giữ được tín nhiệm của cử tri trong khu vực bầu cử của mình. Và cũng vì cục bộ, cử tri nói chung sẽ thích bầu cho ứng cử viên là người có gốc gác, sinh sống ở địa phương của mình, không bầu cho “người ngoài”, bất kể người ngoài tài đức đến đâu.

Thứ hai là dân số của các đơn vị bầu cử có thể thay đổi (tăng, giảm) theo thời gian, và điều đó ảnh hưởng tới khả năng đại diện của vị đại diện. Do đó, khi đã theo chế độ đại diện theo khu vực địa lý, ranh giới giữa các địa phương thường phải được điều chỉnh – sáp nhập, chia tách, thay đổi – cho phù hợp với dân số. Vấn đề là đảng cầm quyền có thể tranh thủ việc này để thay đổi dân số, thay đổi số phiếu theo hướng có lợi cho mình. Đó là một xảo thuật trong chính trị, gọi là *gerrymander*.

Gerrymander có nghĩa là hành vi thay đổi đường ranh giới, diện tích, kích thước của một đơn vị bầu cử, nhằm giành lợi thế không chính đáng, không công bằng cho một cá nhân, tổ chức hay đảng phái. Khái niệm này chưa có cách gọi tiếng Việt.

Trong tiếng Anh, gerrymander là từ ghép giữa “gerry” và “mander”. Gerry là họ của Elbridge Gerry (1744-1818), chính trị gia người Mỹ, Thống đốc bang Massachusetts. Còn “mander” xuất phát từ “salamander”, có nghĩa là con rồng lửa.

Vào năm 1812, Thống đốc Gerry đã ký một luật vẽ lại bang Massachusetts nhằm giành lợi thế cho đảng mình trong một cuộc bầu cử thượng viện, và kết quả là đảng Dân chủ-Cộng hòa của ông ta đã chiến thắng. South Essex, một trong các district ở khu vực Boston, sau khi bị vẽ lại, có hình dáng trông rất giống một con rồng lửa. Về sau, báo chí phe đối lập chế ra từ “gerrymander” để chỉ trích ông Thống đốc.

Kinh nghiệm của các nước (như Canada, Úc, Anh và nhiều nước châu Âu) là: Để giảm nguy cơ đảng cầm quyền lợi dụng địa vị lãnh đạo của mình để thay đổi ranh giới hành chính các địa phương trong thời gian tại vị nhằm làm lợi cho mình trong bầu cử, việc xác định ranh giới và phân chia đơn vị bầu cử nên được giao cho một cơ quan độc lập chịu trách nhiệm. Ví dụ như ở Úc, công

việc đó là của Hội đồng Bầu cử Australia, một cơ quan hiến định, độc lập về chính trị, không trực thuộc quốc hội, cũng không của chính phủ.



*Hạt South Essex sau khi vẽ lại.
Biếm họa được đăng trên một tờ báo ở Boston,
Massachusetts, vào tháng 5/1812.*

Ở Việt Nam dưới thời cộng sản, trong suốt hàng chục năm, việc sửa lại địa giới hành chính, sáp nhập hay chia tách tỉnh cũng xảy ra không ít lần. Ví dụ Hà Đông và Sơn Tây sáp nhập thành tỉnh Hà Tây (năm 1965), 10 năm sau lại ghép thêm với Hòa Bình thành Hà Sơn Bình. Năm 1991, Hà Sơn Bình tách thành Hà Tây và Hòa Bình như giai đoạn từ 1965 đến 1975. Việc sáp nhập, chia tách này dĩ nhiên không nhằm điều chỉnh dân số và người đại diện cho phù hợp, mà xuất phát từ những mục đích chỉ chính quyền biết. Và trên thực tế, luôn luôn có một nhóm người hưởng lợi lớn từ việc đó, trong đó có những người may mắn, nhưng đa số hưởng lợi là do nắm lợi thế về thông tin quy hoạch, một cách bất công.

Riêng nhân dân các địa phương bị “ghép, nhập” thì luôn khổ sở, vì mỗi lần địa phương thay đổi ranh giới hành chính là lại một lần cư dân phải làm lại hết giấy tờ. Tệ hơn nữa, dân còn phải chịu thiệt thòi trong quá trình dịch chuyển, mua bán nhà và đất, bởi họ không có thông tin, họ ở địa vị bất lợi. Hẳn là bạn đọc nào cũng đã từng nghe những chuyện, những giai thoại kiểu như “nhà nọ bán đất,

vừa bán hôm trước thì hôm sau giá mảnh đất họ bán tăng gấp cả trăm lần”. Đó là bởi vì họ không có may mắn để biết trước thông tin quy hoạch... nhưng tất nhiên đó là một chuyện khác rồi.

Nhược điểm thứ ba của đại diện theo khu vực địa lý, là ngay cả trong một đơn vị cử tri, vẫn có thể có những nhóm thiểu số không được đại diện bởi cộng đồng của họ quá nhỏ yếu, không đủ để có tiếng nói trong quá trình bầu cử. Ta lấy ví dụ, tỉnh Hà Giang có thể có cả một đoàn đại biểu Quốc hội, nhưng trong đó, không ai đại diện cho sắc dân Pu Páo vì cộng đồng người Pu Páo quá ít dân (khoảng 600-700 trên cả nước), không đủ để bầu được ai trong đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh.

Hỏi: “Cái status này có nói về Hà Nam Ninh. Trước đây, tôi còn có nghe nói về Cao Bắc Lạng, Hà Tuyên Thái? Nhờ chú chỉ giáo về những địa danh đó và cùng chia sẻ hiểu biết kiến thức lịch sử này (dĩ nhiên là “sự thật”). Xin cảm ơn chú.

Đáp: Đây là trò của Lê Duẩn, theo kế của Lê Đức Thọ. Khi cặp bài trùng này mới ra Bắc, mọi nhân sự cấp tỉnh đều do Trường Chinh bố trí từ trước. Muốn xóa bỏ ảnh hưởng của Trường Chinh, Duẩn gộp nhiều tỉnh lại làm một. Ba bí thư của ba tỉnh nay chỉ còn một (3 chủ tịch, 3 trưởng ty... cũng vậy). Sẽ xảy ra sự tranh giành, Duẩn-Thọ có thể ung dung chọn người trung thành với mình trong ba người. Ở cấp huyện cũng diễn ra theo cùng một bài bản. Vì thế mới xuất hiện những tỉnh mới: Hà-Nam-Ninh, Hà-Sơn-Bình, Lao-Hà-Tuyên, v.v. Việc quản lý một địa bàn rộng vượt quá khả năng của các quan tỉnh, họ càng phụ thuộc sự chỉ đạo của trung ương (tức Duẩn-Thọ). Hy vọng cách giải thích này đáp ứng được câu hỏi của bạn.

(Bạn đọc Dục Dao hỏi nhà văn Vũ Thu Hiền trên facebook cá nhân của ông Vũ Thu Hiền, ngày 26/1/2017).

ĐẠI DIỆN THEO TỶ LỆ

Đại diện theo tỷ lệ tức là mỗi thành phần, mỗi nhóm trong xã hội đều có đại diện (trong Quốc hội hoặc cơ quan nhà nước nào khác có bầu cử) với số lượng tỷ lệ thuận với dân số của thành phần hay nhóm xã hội đó.

Ưu điểm: Hình thức đại diện này nhằm đảm bảo các cộng đồng khác nhau trong xã hội đều được có tiếng nói. Xã hội như vậy sẽ có

khá đa dạng tiếng nói, và những cơ quan dân cử như quốc hội cũng vậy. Sẽ không nhóm nào không được có đại diện, dù họ là thiểu số đến đâu.

Tuy nhiên, vấn đề ở đây là chúng ta chia xã hội thành các thành phần, nhóm hay cộng đồng khác nhau căn cứ vào tiêu chí hay đặc điểm gì. Chẳng hạn:

- Nếu theo sắc tộc, cả nước Việt Nam có 54 nhóm (trong đó Kinh là nhóm đông dân nhất, do đó, sẽ phải có số lượng người đại diện cao nhất).

- Nếu theo tôn giáo, cả nước sẽ phải có hàng chục nhóm, trong đó có cả nhóm những người “không theo tôn giáo nào” – họ cũng cần được đại diện.¹

- Nếu theo ngôn ngữ...

- Nếu theo nghề nghiệp...

- Nếu theo thành phần kinh tế...

- Nếu theo học vấn, giáo dục, thu nhập...

Bạn thấy đấy, việc xác định một cơ sở để phân nhóm rất phức tạp, gây tranh cãi, và đó là **nhược điểm** thứ nhất của đại diện theo tỷ lệ. Hình thức đại diện này còn một số nhược điểm khác như sau:

Thứ hai, nó giữ nguyên sự phân loại và phân nhóm trong xã hội, cũng như ấn định luôn một nhóm, ngay từ đầu, là đa số hay thiểu số (để từ đó ấn định số lượng người đại diện cho nhóm). Rất khó có sự thay đổi một nhóm từ thiểu số thành đa số hay ngược lại.

Thứ ba, nó duy trì và có thể thúc đẩy mâu thuẫn trong xã hội.

¹ Rất khó thống kê được chính xác số lượng tôn giáo và các nhóm tôn giáo ở Việt Nam, nhất là khi dưới thời cộng sản, có nhiều nhóm hoạt động ngầm, không đăng ký và không chấp nhận sự kiểm soát của chính quyền. Họ không được chính quyền thừa nhận, thậm chí còn bị đàn áp nặng nề.

Nếu chỉ xét những nhóm có đăng ký, tính đến đầu năm 2016, ở Việt Nam có 40 tổ chức tôn giáo thuộc 14 tôn giáo được công nhận. (Số liệu do Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Nguyễn Thiện Nhân cung cấp cho Đức Hồng y Reinhard Marx – Chủ tịch Hội đồng Giám mục Đức – trong chuyến thăm Việt Nam của Đức Hồng y vào tháng 1/2016).

Cũng có những ý kiến cho rằng đại diện theo tỷ lệ làm xã hội mất ổn định về chính trị.

Ở các nước dân chủ, các nhóm thiểu số có xu hướng tự tổ chức mình lại thành đảng phái. Người ta cho rằng các đảng, với tư cách là những tổ chức làm chính trị chuyên nghiệp, sẽ là đại diện tốt nhất và sẽ bảo vệ lợi ích của thành viên đảng mình cũng như của những người mà nó đại diện. Tuy nhiên, phân loại theo lợi ích, đường lối chính trị, ý thức hệ thì không thể phân chia cả xã hội được vì có những người, những nhóm người chẳng theo đường lối chính trị, ý thức hệ nào; trong khi đó, nguyên tắc của việc phân loại là không để sót thành phần nào không thể xếp loại.

Hệ thống tuyên giáo (tuyên truyền - giáo dục) cộng sản Việt Nam thường cố làm cho dân chúng nghĩ rằng “đảng nào thì cũng chỉ lo cho quyền lợi của đảng ấy thôi”, nhiều đảng thì sẽ có sự tranh giành quyền chúng, và chia rẽ, gây mất ổn định chính trị. Kết luận của cộng sản: Đa đảng là loạn.

Thật ra, vốn dĩ hình thức đại diện theo tỷ lệ có thể tạo ra cạnh tranh và mâu thuẫn giữa các lợi ích khác nhau, cũng như thuộc tính cố hữu của chính trị là mâu thuẫn, cạnh tranh và hợp tác. Điều quan trọng là làm sao để tất cả các nhóm thiểu số đều có đại diện do họ bầu ra, đều có tiếng nói, và được bảo vệ thích hợp, trong khi người thắng cử vẫn là người được đa số phiếu bầu.

ĐẠI DIỆN THEO TỶ LỆ VÀ CÓ ƯU TIÊN CHO THIỂU SỐ

Một trong các nguyên tắc của dân chủ, như đã nêu ở đầu Phần III này, là tất cả mọi người đều phải được có tiếng nói. Như vậy, trong trường hợp có những nhóm nhỏ quá, không đủ để có đại diện trong quốc hội, thì để đảm bảo quyền lợi cho họ, phải dành sẵn cho họ một số lượng ghế nhất định. Ví dụ, cộng đồng người Pu Péo phải luôn có sẵn một ghế trong quốc hội, ở bất kỳ khóa nào. Đó là sự ưu tiên cho thiểu số.

Tất nhiên, không phải ai cũng tán đồng việc dành ưu tiên cho thiểu số thiệt thòi, vì thế vấn đề này vẫn có thể gây tranh cãi và chia rẽ. Khi đó, hoặc khi vị đại diện của nhóm thiểu số kia cũng quá yếu kém về năng lực để có thể bảo vệ quyền lợi của nhóm mình, có thể tạo một cơ chế để ông/bà ta không tham gia tiến trình ra quyết định nữa, nhưng vẫn được tham vấn đầy đủ và thậm chí giữ vai trò cố vấn. Như đã nói, điều quan trọng để thực thi dân chủ là làm sao để, dù đa số thắng thiểu số, nhưng tất cả các nhóm thiểu số đều có đại diện do họ bầu ra, đều có tiếng nói, và được bảo vệ thích hợp.

Chương III

BỐN CỘT TRỤ CỦA DÂN CHỦ

Đến đây chúng ta đã nắm được định nghĩa dân chủ, hay là đã thống nhất với nhau về cách hiểu thế nào là một nền dân chủ. Về căn bản, đó là một hình thức tổ chức chính quyền hay một hệ thống quản trị đất nước thoả mãn những nguyên tắc nhất định – kể ra cũng khá nhiều nguyên tắc. Bạn thử tính sơ sơ xem: đa đảng, bầu cử tự do và công bằng, tư pháp độc lập, truyền thông tự do, quốc gia có chủ quyền bền vững, mọi công dân đều bình đẳng về quyền chính trị...

Dài dòng quá chăng? Do đó, bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu một cách cụ thể, chi tiết hơn, về những nguyên tắc chính mà một hình thức tổ chức chính quyền hay quản trị nào đó phải đạt được để có thể được gọi là “dân chủ”. Tính ra thì nhiều nhưng một cách cô đọng, ngắn gọn nhất thì chỉ có hai nguyên tắc chính phải bảo đảm:

1. Toàn dân kiểm soát chính quyền một cách thường xuyên, liên tục;

2. Mọi công dân đều bình đẳng về quyền chính trị.

Bạn có thể tự đặt câu hỏi và tự trả lời luôn:

- *Hỏi: Một xã hội, muốn toàn dân kiểm soát chính quyền một cách thường xuyên, liên tục, và mọi công dân đều bình đẳng về quyền chính trị, thì phải làm thế nào, phải xây dựng, bảo vệ và phát triển những cơ chế gì?*

- Đáp: Tất nhiên là sẽ cần đa nguyên, đa đảng, bầu cử tự do và công bằng...

- *Hỏi: Thế muốn có đa nguyên, đa đảng, bầu cử tự do và công bằng thì phải làm sao?*

- Đáp: Tất nhiên là cần phi chính trị hoá giáo dục, báo chí tự do (để có đa nguyên), bảo đảm quyền tự do hiệp hội, tự do tụ tập, tự do ngôn luận, tự do biểu đạt (để có đa đảng và đa nguyên). Rồi thì cần nhà nước pháp trị, tư pháp độc lập để mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật...

Tóm lại, từ hai nguyên tắc căn bản trên đây, ta sẽ đi tới nhiều nguyên tắc nhỏ hơn để thực hiện dân chủ, giống như đi từ hai gốc đại thụ lớn để đến các cành, các nhánh cây vậy.

Nhân bàn chuyện dân chủ, chúng ta cũng nên tìm hiểu thêm về một “thuật ngữ” chính trị có vẻ gần với dân chủ và vẫn thường được hiểu theo cách đánh đồng với dân chủ, đó là tự do.

SỰ KHÁC NHAU GIỮA DÂN CHỦ VÀ TỰ DO

Để hiểu rõ về tự do như một khái niệm triết học quan trọng, mời bạn xem kỹ phần “tự do” trong Chương II, “Chủ nghĩa tự do”, của Phần IV, “Các chủ nghĩa”. Ở đây, nói đúng hơn là chúng ta sẽ chỉ tìm hiểu sự khác nhau giữa xã hội dân chủ và xã hội tự do.

Dân chủ, như Philippe C. Schmitter và Terry Lynn Karl định nghĩa, là “một hệ thống quản trị đất nước, trong đó, nhà cầm quyền phải chịu trách nhiệm – về tất cả các hoạt động của họ thuộc địa hạt công cộng – trước công dân, và công dân thực thi điều đó một cách gián tiếp thông qua, hay là nhờ có sự cạnh tranh và hợp tác giữa những người đại diện cho họ, do họ bầu ra”.

Còn tự do (bạn sẽ tìm hiểu kỹ ở Phần IV), có thể được hiểu sơ sơ là việc một cá nhân thoát khỏi quyền lực, sự cưỡng ép, của kẻ khác. Trong quan hệ với một xã hội hay một nhà nước, tự do được hiểu là việc cá nhân thoát khỏi quyền lực tùy tiện (và thường là tàn bạo) của nhà nước hoặc của những nhóm lợi ích lớn mạnh khủng khiếp, mafia, khủng bố.

Bạn có thể thấy định nghĩa dân chủ trên đây của Philippe C. Schmitter và Terry Lynn Karl, cũng như định nghĩa của Austin Ranney, không có từ “tự do” nào. Hay nói cách khác, hai khái niệm dân chủ và tự do không đồng nhất.

Trên thế giới, không thiếu gì ví dụ về những nền dân chủ thiếu tự do, chẳng hạn Ấn Độ – nơi có chế độ đa đảng, bầu cử thường xuyên, báo chí độc lập – nhưng xã hội phân chia đẳng cấp nặng nề, những người thuộc tầng lớp đáy bị vùi dập và không có cơ hội vươn lên các tầng lớp trên để thay đổi số phận của mình, nạn cưỡng hiếp và bạo hành phụ nữ lan tràn... Châu Mỹ Latin cũng đa đảng, bầu cử thường xuyên, nhưng câu chuyện cầu thủ người Colombia, Andrés Escobar, bị bắn chết chỉ vài ngày sau khi đá bóng phản lưới nhà trong Cúp Bóng đá Thế giới ở Mỹ (World Cup 1994), và vô vàn ví dụ tương tự, luôn khiến người ta kinh hãi về sự lộng hành của các băng nhóm tội phạm ở nước Mỹ Latin điển hình này.

Ở gần chúng ta hơn là Philippines, mang danh là nền dân chủ lâu đời nhất Đông Nam Á nhưng chưa bao giờ được ca ngợi như một xứ sở tự do, bởi rất nhiều vấn đề: Khoảng cách giàu nghèo quá lớn, với tầng lớp tinh hoa giàu có, tham lam, gia đình trị, và tầng lớp dân nghèo bị bắn cùng đến mặt hạn; quyền lực chính trị và kinh tế tập trung vào một số dòng họ khuynh đảo cả chính quyền; tội ác tràn lan và vấn nạn tội ác không bị trừng phạt (impunity)¹; và nhiều điều khác.

Nói gọn lại, tồn tại những nền dân chủ mà trong đó, nhân quyền, quyền tự do của mỗi người dân không được bảo đảm; và đó là những nền dân chủ không tự do.

¹ Impunity, tạm dịch là “tội ác không bị trừng phạt”, là một thuật ngữ trong luật quốc tế, có nghĩa là việc nhà nước không điều tra, bắt, truy tố, xét xử những kẻ gây tội ác, vì nhiều lý do thuộc về nhà nước như: đồng lõa, bao che với thủ phạm; kém năng lực; vô trách nhiệm; toà án không độc lập, v.v.

DÂN CHỦ TỰ DO

Do đó, lý tưởng của những người cổ súy dân chủ không nên chỉ là khái niệm dân chủ chung chung, mà là hướng đến xây dựng một nền dân chủ tự do cho đất nước.

Ngược với các ví dụ mà ta vừa nhắc đến ở trên như Ấn Độ, Colombia và Philippines, nhiều nước phương Tây lại tự do trước khi có dân chủ (theo David Beetham và Kevin Boyle). Đó là bởi vì họ có một bản hiến pháp tự do, thành văn hoặc không thành văn, trước cả khi các đảng phái ra đời và lại càng trước khi có bầu cử phổ thông đầu phiếu. Những bản hiến pháp đó có các điểm chung là: Cơ quan hành pháp, tức chính phủ, phải nằm dưới luật pháp, luật ấy phải được phê chuẩn bởi một quốc hội dân cử; cá nhân được bảo đảm các quyền tự do như quyền hưởng tiến trình tố tụng đúng chuẩn mực, quyền tự do ngôn luận, tự do tụ tập và đi lại; cơ quan tư pháp có đủ sự độc lập trước cả lập pháp lẫn hành pháp để có thể bảo vệ pháp luật và các quyền tự do đó. Tóm lại, ở những quốc gia ấy, xã hội đã có truyền thống tôn trọng quyền tự do của mỗi cá nhân trước khi nền dân chủ được thiết lập.

Ngược lại, các nền dân chủ có đủ cả chế độ phổ thông đầu phiếu lẫn hệ thống đảng phái phát triển, mà không có truyền thống tự do hay một bản hiến pháp tự do từ trước, đều bấp bênh, không ổn vững.

BỐN THÀNH TỐ CỦA NỀN DÂN CHỦ TỰ DO

Có bốn nguyên tắc, mà ta có thể coi chúng như bốn thành tố chính, bốn cột trụ của một nền dân chủ tự do, sau đây: ¹

1. Bầu cử tự do và công bằng;
2. Chính quyền chịu trách nhiệm giải trình;
3. Nhân quyền được thực thi, được tôn trọng và bảo vệ;

¹. “Introducing Democracy: 80 Questions and Answers”, David Beetham & Kevin Boyle, UNESCO Publishing, 2nd edition, 2005.

4. Xã hội dân sự phát triển.

Lưu ý rằng bốn thành tố này đều quan trọng như nhau, cách đánh số trên đây không phản ánh thứ tự của chúng về mức độ quan trọng. Bốn thành tố cũng có tác động qua lại, liên hệ chặt chẽ với nhau. Hiểu đơn giản, ngôi nhà mang tên dân chủ tự do được dựng trên bốn cây cột lớn, buộc chặt vào nhau; thiếu chỉ một trong bốn cột thì nhà nghiêng ngả và có thể sập bất cứ lúc nào, hoặc có thể chỉ yên vị là một nền dân chủ không tự do.

Muốn xây và giữ gìn ngôi nhà chung – nền dân chủ tự do, bạn phải xây dựng và bảo vệ được cả bốn cột trụ này.

Cột trụ thứ nhất: Bầu cử tự do và công bằng

Cuốn sách này dành cả một chương (Chương IV, Phần V) để nói về bầu cử và nguyên tắc “tự do, công bằng” của bầu cử, mời bạn tham khảo.

Cột trụ thứ hai: Chính quyền chịu trách nhiệm giải trình

Nói về dân chủ, có một khái niệm rất phổ biến gần đây trong ngôn ngữ chính trị, mà Việt Nam chưa có cách dịch chuẩn, đó là “accountability”, tiếng Việt tạm dịch là “trách nhiệm giải trình”. Cách dịch này chưa chuẩn, vì từ “giải trình” mang nghĩa quá hẹp so với trách nhiệm mà nhà nước hay cơ quan công quyền phải lãnh nhận trước người dân. Ngoài ra, “trách nhiệm giải trình” là một danh từ, và nếu dịch như vậy, chúng ta không có tiếng Việt tương ứng để thể hiện tính từ, động từ liên quan đến khái niệm này.

Trong khuôn khổ cuốn sách, tạm chấp nhận dịch “accountability” là trách nhiệm giải trình, thì ta có thể định nghĩa nó như sau: Nghĩa vụ của nhà nước, của cơ quan nhà nước, quan chức, công chức, công an phải *báo cáo đầy đủ* với người dân, *phản hồi khiếu nại, giải thích, làm rõ, minh bạch* và *chịu hoàn toàn trách nhiệm* trước người dân về mọi hoạt động chính trị và hành vi ứng xử của mình.

Bạn thấy đấy, nhà nước, cơ quan nhà nước không chỉ phải giải trình (báo cáo đầy đủ, phản hồi khiếu nại, giải thích, làm rõ, minh

bạch) mà còn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, bao gồm cả chế tài, hình phạt, trước người dân. Nếu chỉ có “phản hồi khiếu nại”, “giải thích”, mà không phải chịu trách nhiệm gì khác, không có nguy cơ bị xử lý kỷ luật, trừng phạt gì, thì cách ứng xử của chính quyền với dân khi ấy sẽ chẳng khác gì cấp trên với cấp dưới, người lớn với trẻ con: Đây này, tao giải thích đường lối, chính sách, chủ trương cho mày đây này, hiểu chưa? Không hiểu là tại mày ngu dốt nhé.

Do đó, khái niệm gọi là “trách nhiệm giải trình” nhất thiết phải bao gồm cả những trách nhiệm lớn hơn, ngoài việc giải trình.

Chúng ta cũng có thể chia nhỏ trách nhiệm giải trình theo một cách khác, thành trách nhiệm giải trình trên ba khía cạnh: pháp lý, chính trị và tài chính.

- Khía cạnh pháp lý: Tất cả các quan chức, cán bộ nhà nước đều chịu trách nhiệm giải trình trước tòa án.

- Khía cạnh chính trị: Tất cả các cơ quan công quyền không qua bầu cử (hành chính, công an, quân đội) đều phải chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan hành pháp (chính phủ). Cơ quan hành pháp phải chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan lập pháp (quốc hội) và công chúng. Quốc hội phải chịu trách nhiệm giải trình trước cử tri.

- Khía cạnh tài chính: Chính quyền chịu trách nhiệm giải trình trước công chúng, gồm cả báo chí, và cơ quan chuyên môn về việc chi tiêu tiền thuế của dân. Cơ quan chuyên môn ở đây là cơ quan tổng kiểm toán, chịu trách nhiệm giải trình trước quốc hội nhưng độc lập trong việc thanh kiểm tra, theo dõi, giám sát một cách chuyên nghiệp, chi tiết chi tiêu của chính quyền, chủ yếu là của chính phủ.

Cột trụ thứ ba: Nhân quyền được thực thi, tôn trọng và bảo vệ

Nhân quyền, hay quyền con người, không phải là những quyền mà một người kiếm hay xin được, được ban cho hay được kế thừa từ người khác.

Nhân quyền là một tập hợp những quyền tự nhiên, những quyền cố hữu, cơ bản mà một cá nhân nghiêm nhiên được hưởng và được bảo vệ bởi vì cá nhân đó là con người. Nói cách khác, sinh ra làm người, tức là có nhân quyền.

Tại sao việc bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền lại quan trọng? Đó là bởi vì, nhân quyền và những quyền tự do cơ bản, nếu được tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy, sẽ giúp chúng ta phát triển đầy đủ và có nhiều cơ hội để mưu cầu hạnh phúc nhất. Một xã hội cũng chỉ có thể công bằng và tự do khi nhân quyền được tôn trọng và thực thi đầy đủ. Còn về phía nhà nước, sự chối bỏ, thậm chí vi phạm nhân quyền trên diện rộng (như ở Việt Nam thời cộng sản) thường sẽ kéo theo bạo lực, và sẽ chỉ gieo mầm mống cho xung đột, tạo ra bất ổn chính trị-xã hội.

Dân Việt có quan niệm sướng khổ tại trời, đời người ta hạnh phúc hay bất hạnh là do trời thương hay trời đày, nói cách khác, là do số mệnh. Nên mới có người làm lụng vất vả suốt đời mà vẫn nghèo, chẳng may dính vòng lao lý hay phải ra cửa quan thì sạt nghiệp. Lại có những kẻ là “con ông cháu cha”, nên cả đời giàu sang, may mắn, quyền thế.

Người viết thì tin rằng, nếu chúng ta sống trong một xã hội nơi nhân quyền được bảo đảm, thì có thể nói tất cả chúng ta đều đã được tạo những điều kiện căn bản nhất, bình đẳng nhất, để mưu cầu hạnh phúc; và khi đó, chỉ cần là những người lương thiện, chăm chỉ, chúng ta cũng có thể thành đạt, chứ không cần phải có trí tuệ siêu việt, học vấn tốt, địa vị con ông cháu cha hay bất kỳ một may mắn đặc biệt nào khác. Xã hội tốt là xã hội bảo đảm nhân quyền căn bản cho mọi người dân, để cho mỗi người có thể phát triển đầy đủ chỉ với nỗ lực của bản thân; yếu tố số mệnh được loại bỏ đáng kể.

Cột trụ thứ tư: Xã hội dân sự phát triển

Mời bạn xem Chương VI, “Xã hội dân sự”, thuộc Phần V, “Tương tác chính trị”.

* * *

Trên đây là bốn thành tố của một nền dân chủ tự do. Như tác giả đã viết ở Lời nói đầu, “nhân quyền, tự do, dân chủ chưa bao giờ là các khái niệm phức tạp, nhạy cảm hay đáng sợ. Chúng là những điều đơn giản và căn bản đến mức mọi người dân thường ở các xã hội dân chủ đều nắm được, ít nhất là cảm nhận được chúng. Và chính nhờ thế, họ bảo vệ được nền dân chủ của nước mình.

Đối với người dân Việt Nam, nhiệm vụ còn nặng nề hơn: Chúng ta phải đấu tranh để mang đến dân chủ, và sau đó phải tiếp tục đấu tranh để bảo vệ và củng cố nền dân chủ non trẻ đó”.

Khi đấu tranh để xây dựng và rồi bảo vệ nền dân chủ tự do, các bạn hãy nhớ đến bốn thành tố này, để thiết lập, bảo vệ và phát triển chúng. Các bạn cũng có thể coi chúng như bốn tiêu chí để bạn đánh giá xem một xã hội nào đó, như Việt Nam, đã đạt được nền dân chủ tự do hay chưa.

Chương IV

DÂN CHỦ TRỰC TIẾP VÀ DÂN CHỦ ĐẠI DIỆN

Dân chủ là hình thức tổ chức chính quyền với các nguyên tắc chung như nêu trên. Tuy nhiên, cũng có nhiều kiểu chế độ dân chủ, và nhiều cách phân loại dân chủ. Một trong các cách phổ biến là phân loại dân chủ theo tính đại diện. Theo đó, dân chủ được chia thành hai loại: trực tiếp và gián tiếp, tức đại diện.

DÂN CHỦ TRỰC TIẾP

Một cách chung nhất, dân chủ trực tiếp là “một hệ thống cho phép tất cả các bên tham gia đều có tiếng nói trong quá trình ra quyết định, thông qua việc tự mình bỏ phiếu, về bất kỳ vấn đề gì được đưa ra”.¹

Khi nói về thể chế, dân chủ trực tiếp là chế độ dân chủ mà trong đó:

- Công dân tham gia trực tiếp, liên tục, và không qua trung gian, vào tiến trình ra quyết định tối cao.
- Ranh giới giữa tầng lớp cai trị và tầng lớp bị trị bị xóa bỏ.
- Ranh giới giữa chính quyền và xã hội dân sự bị xóa nhòa.

Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ đơn giản, sơ khai nhất. Nó ra đời ở thành bang Athens (Hy Lạp cổ đại). Ngày nay, nó vẫn được áp dụng mỗi khi tất cả công dân đều trực tiếp tham gia cho ý

¹ “Introduction to Public Policy”, Charles Wheelan, 1st edition, 2011, trang 182

kiến về một vấn đề nào đó của quốc gia; ấy là khi diễn ra trưng cầu dân ý.



Dân chủ trực tiếp ra đời từ thành bang Athens (Hy Lạp cổ)

Ưu điểm của dân chủ trực tiếp: Đây là hình thức dân chủ thuần khiết nhất: Mọi thành viên của cộng đồng, xin nhấn mạnh là mọi thành viên, đều có quyền ra quyết định. Tất cả đều được trình bày quan điểm và lợi ích mà không phải thông qua chính trị gia hay đảng phái, tổ chức nào. Ai ai cũng được tiếp cận thông tin, có thông tin và có cơ hội hiểu biết.

Nhược điểm của dân chủ trực tiếp thì chắc bạn đọc có thể thấy ngay: Nó quá lý tưởng, và với quy mô dân số như ở các quốc gia hiện nay thì dân chủ trực tiếp trở thành không tưởng.

DÂN CHỦ ĐẠI DIỆN

Dân chủ đại diện là dân chủ gián tiếp, tức ngược với dân chủ trực tiếp nói trên. Sự tham gia của công dân vào việc ra quyết định là không thường xuyên, không liên tục, bị giới hạn vào hoạt động bỏ phiếu theo nhiệm kỳ (ví dụ hai năm một lần) để bầu ra người đại diện cho họ.

Ưu điểm của dân chủ đại diện: Nó khắc phục được tính bất khả thi, không tưởng của dân chủ trực tiếp trong những cộng đồng dân

số lớn. Ngoài ra, dân chủ đại diện còn có các ưu điểm như: giải phóng dân thường khỏi gánh nặng ra quyết định, tạo phân công lao động trong chính trị; đặt việc cai trị vào tay những người chuyên trách, có thể có kinh nghiệm và chuyên môn hơn.

Nhược điểm của dân chủ đại diện: Bạn hẳn đã thấy ngay dân chủ đại diện không thể nào thuần khiết như dân chủ trực tiếp, và nó chỉ có hiệu quả khi người đại diện được bầu ra thật sự là đại diện của dân, nhờ một cơ chế sàng lọc chính xác và tiến trình bầu cử công bằng, tự do. (Xem Chương IV về bầu cử, thuộc Phần V, “Tương tác chính trị”).

Chương V

LỢI ÍCH VÀ MẶT TRÁI CỦA DÂN CHỦ

Dân chủ mang đến một loạt những cơ chế, những kênh khác nhau để người ta thể hiện quan điểm, theo đuổi lợi ích và mưu cầu hạnh phúc, thông qua hội nhóm/ tổ chức/ phe phái/ đảng phái, với tư cách cá nhân cũng như tập thể...

Dân chủ tạo điều kiện cho sự ra đời những chính sách công tốt. Ở đây, các bạn lưu ý là bất kỳ chính sách nào, dù mục đích tốt đẹp đến đâu, cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến một hoặc một số nhóm người trong xã hội. Tuy thế, dân chủ sẽ làm giảm nguy cơ ra đời những chính sách gây hại cho số đông dân chúng, và nếu thiếu số có chịu thiệt hại thì thiệt hại đó cũng không quá lớn.

Dân chủ tất nhiên gây tranh cãi, nhưng một nền dân chủ không đòi hỏi tất cả mọi người phải đồng ý với nhau về tất cả các vấn đề; nó chỉ đòi hỏi mọi người đồng ý với nhau về cơ chế ra quyết định đối với các vấn đề công cộng. Nói cách khác, nó không cần tất cả mọi người phải đồng ý với nhau về kết quả của cuộc chơi, mà chỉ đòi hỏi mọi người cùng chấp nhận luật chơi. Nếu vẫn còn có những nhóm phải bất mãn với một luật chơi bị áp đặt, điều đó chứng tỏ dân chủ vẫn chưa được đảm bảo, chưa được thực thi.

Tuy nhiên, có lẽ cách tốt hơn để bạn thấy các lợi ích về dân chủ là để bạn tìm hiểu về hai chế độ đối nghịch với nó: toàn trị và độc đoán.

CHẾ ĐỘ TOÀN TRỊ¹

Chế độ toàn trị là một hệ thống chính trị trong đó ách cai trị bao trùm lên tất cả, toàn bộ, các mặt của đời sống (hiểu nôm na là toàn trị nghĩa là cai trị toàn bộ); ách cai trị đó được xác lập với việc áp đặt một ý thức hệ bao trùm và sự tàn bạo, hà khắc, gây sợ hãi.

Chế độ toàn trị khác với chế độ chuyên quyền và chế độ độc đoán ở chỗ nó tìm kiếm “toàn bộ quyền lực”, “quyền lực tuyệt đối” thông qua việc chính trị hóa mọi khía cạnh của đời sống xã hội và cá nhân. Còn chế độ chuyên quyền và chế độ độc đoán có mục tiêu khiêm tốn hơn, là chỉ nắm độc quyền về quyền lực chính trị, thường là bằng cách loại quần chúng ra khỏi chính trị.

Chế độ toàn trị thẳng thừng xóa bỏ xã hội dân sự: tiêu diệt cái cá nhân, cái riêng, của tư nhân. Đôi khi chế độ toàn trị được xác định nhờ có “hội chứng sáu điểm” như sau²:

1. Có một ý thức hệ chính thức;
2. Nhà nước độc đảng, có khi bị cai quản bởi một nhà lãnh đạo hùng mạnh, toàn năng;
3. Một hệ thống cảnh sát giám sát, gây sợ hãi;
4. Độc quyền các phương tiện truyền thông đại chúng;
5. Độc quyền các phương tiện vũ trang;
6. Nhà nước kiểm soát tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế.

CHẾ ĐỘ ĐỘC ĐOÁN³

Chế độ độc đoán đi theo một chủ nghĩa cho rằng, và thực thi, quyền lực dội từ trên xuống, trong đó, quyền lực được thực thi bất kể có được sự tán thành chung hay không. Chế độ độc đoán, vì thế, nhấn mạnh việc quyền lực phải bao trùm lên tự do cá nhân.

¹. “Politics”, Andrew Heywood, 3rd edition, Prentice Hall, trang 29.

². Austin Ranney dẫn lại từ “Totalitarian Dictatorship and Autocracy”, Carl J. Friedrich & Zbigniew Brzezinski, 2nd edition, Harvard University Press.

³. “Politics”, Andrew Heywood, 3rd edition, Prentice Hall, trang 38.

Tuy nhiên, chế độ độc đoán thường được phân biệt với chế độ toàn trị. Việc thực thi quyền lực từ trên xuống có liên hệ với chế độ quân chủ chuyên chế, độc tài truyền thống, và hầu hết các chế độ quân sự đều xoay quanh việc đàn áp phe đối lập cũng như tự do chính trị, thay vì theo đuổi một mục tiêu cực đoan hơn, là xóa bỏ sự tách biệt giữa nhà nước và xã hội dân sự. Do đó, các chế độ độc đoán có thể dung tha một số đáng kể các quyền tự do kinh tế, tôn giáo và các quyền tự do khác.

* * *

NHỮNG MẶT TRÁI CỦA DÂN CHỦ ¹

Nền độc tài của đa số

Đến đây chúng ta đã biết một trong các nguyên tắc của dân chủ là “thiểu số phải theo đa số”. Chúng ta cũng biết một thực tế là, bất kỳ chính sách công nào được ban hành, cho dù bản chất nó có tiến bộ đến đâu, thì cũng sẽ có người bất mãn với nó.

Vậy, sẽ ra sao nếu có một thiểu số thường xuyên, liên tục phải chịu thua đa số, và vì thế thường xuyên, liên tục bất mãn? (ví dụ: người đồng tính, người dân tộc thiểu số...). Khi điều đó xảy ra, mâu thuẫn có thể tích tụ và nếu không có cơ chế giải quyết thì xung đột sẽ là không tránh khỏi.

Đám đông có thể sai

Một trong các nguyên tắc của dân chủ là “thiểu số phải theo đa số”. Vấn đề là không phải đa số lúc nào cũng đúng. Trong lịch sử, có vô vàn ví dụ về cái sai của đám đông, mà một trong các ví dụ kinh điển nhất là câu chuyện nhà bác học Galileo đối đầu với hệ thống nhà thờ và giáo lý ở châu Âu thời Trung cổ. Chỉ một mình Galileo nói

¹ “Political Philosophy - A Complete Introduction”, Phil Parvin & Clare Chambers, McGraw-Hill Companies, Inc., 2012.

rằng trái đất quay xung quanh mặt trời, và ông đúng, còn đám đông thì sai.

Khi thực hiện dân chủ, thiếu số theo đa số, mà đa số lại sai, thì có nghĩa là dân chủ đã không đồng hành cùng chân lý, công lý. Cho nên trong nhiều trường hợp, muốn theo đuổi công lý, phải hy sinh dân chủ (không theo số đông nữa), và ngược lại, muốn thực thi dân chủ thì phải chấp nhận bỏ qua công lý. Người ta gọi đây là mâu thuẫn giữa công lý và dân chủ.

Vai trò của chuyên gia

Đến đây chúng ta đều đã biết một trong các nguyên tắc của dân chủ là “tất cả mọi người đều có khả năng ảnh hưởng tới chính sách như nhau”. Tuy nhiên, trong thực tế đời sống, gần như tất cả các lĩnh vực đều cần phải có tiếng nói của chuyên gia trong lĩnh vực đó; chuyên gia mới là người quyết định những vấn đề quan trọng trong lĩnh vực đó.

Và vì thế, ta thấy ở đây một mâu thuẫn nữa: mâu thuẫn giữa dân chủ và vai trò của chuyên gia. Rõ ràng, nếu chuyên gia là người có tiếng nói quyết định, thì nguyên tắc “tất cả mọi người đều có khả năng ảnh hưởng tới chính sách như nhau” là không thể thực hiện.

Mâu thuẫn này thể hiện rất rõ trong chính trị và chính sách công: Dân chủ cho mọi người dân quyền lên tiếng trong quá trình ra quyết định, làm chính sách, và thế là dường như mọi việc trên đời đều cần và đều có chuyên gia, chỉ trừ việc quản trị, điều hành đất nước. Có nhiều vấn đề, “chuyên gia” đóng góp ý kiến nhiều đến mức cuối cùng không ai nghe ai cả, ví dụ như những vụ chặt hạ hàng loạt cây xanh ở Hà Nội vì mục tiêu phát triển đô thị.

Nhiều khi mất thì giờ và không hiệu quả

Nguyên tắc của dân chủ là tất cả mọi người đều được tham vấn, được có ý kiến trong quá trình hoạch định chính sách. Hậu quả của việc này là quá trình ra quyết định không thể không kéo dài. Ở một nền dân chủ nổi tiếng là Mỹ, rất thường xuyên xảy ra tình trạng gọi

là “thế bế tắc về chính sách”, khi mà không một chính sách nào được ban hành để giải quyết một vấn đề chung nào đó, bởi lẽ tranh cãi, phản biện, vận động chính sách quá nhiều và không bên nào thắng để có thể dứt điểm.

TRONG NGẮN HẠN, DÂN CHỦ KHÔNG HỨA HẸN NHIỀU ĐIỀU NHƯ BẠN TƯỞNG ¹

Ở Việt Nam dưới thời cộng sản, nhiều dư luận viên hoặc những người có tư duy kiểu dư luận viên hay hỏi vặn, đại ý: “OK, cứ cho là Việt Nam không dân chủ đi, và bây giờ dùng một cái đất nước chuyển sang chế độ dân chủ đa đảng. Thế đường sá còn tắc không, còn rác rưởi, bụi bặm không? Thực phẩm an toàn sạch sẽ ngay chưa? Chưa phải không? Chúng tôi dân chủ không phải liều thuốc thần, nhé. Cái gì cũng phải từ từ, phải có lộ trình, không phải cứ dân chủ là giải quyết hết các vấn đề của đất nước đâu”.

Tất nhiên là họ ngụy biện. Nhưng họ nói đúng một điểm: Dân chủ không phải liều thuốc thần, nhất là trong ngắn hạn (dưới 1-3 năm).

Dân chủ không hứa hẹn phát triển kinh tế ngay lập tức, không hứa hẹn hiệu quả kinh tế cao hơn: Tỷ lệ tiết kiệm, tỷ lệ đầu tư, năng suất lao động, trình độ học vấn, năng lực sáng tạo v.v. ở các nước dân chủ không chắc đã cao hơn, nhất là trong giai đoạn chuyển giao chế độ.

Dân chủ không hứa hẹn bộ máy hành chính tốt hơn: Năng lực làm việc của bộ máy hành chính ở chế độ dân chủ thậm chí còn có thể chậm hơn, tiến trình làm việc kéo dài hơn, tốn kém hơn so với xứ độc tài.

Khi chuyển giao sang chế độ dân chủ, giai đoạn đầu người dân có thể còn tỏ ra bất mãn hơn, nhất là bởi vì khi đó họ đã có quyền tự do phản biện và phê phán, không lo bị chính quyền đàn áp.

¹ Democracy: A Reader, Larry Diamond & Marc F. Plattner, John Hopkins University Press, 2009.

Dân chủ không hứa hẹn trật tự và đồng thuận: Khi người dân có quyền tự do biểu đạt, thì sự bất mãn, chống đối các quy định, chính sách mới có thể còn cao hơn trong chế độ độc tài. Mâu thuẫn trong xã hội có thể còn cao hơn thời độc tài: Mâu thuẫn tôn giáo, sắc tộc nổi lên (ví dụ: Tây Nguyên đòi quyền tự trị).

Tự do kinh tế luôn chứa đựng rủi ro: Dân chủ đưa đến nền kinh tế mở, hội nhập với thế giới, giảm thiểu chủ nghĩa bảo hộ. Điều đó có thể mang lại sự thịnh vượng, nhưng cũng có thể đem đến cạnh tranh không lành mạnh, thất bại trước các công ty nước ngoài, phá sản, thất nghiệp v.v. Bên cạnh đó, các quyền tự do về kinh tế (như quyền tư hữu tài sản, quyền được bảo vệ sở hữu trí tuệ, quyền không bị nhà nước can thiệp về kinh tế...) không chắc đã đồng nhất với tự do về chính trị.

Phần IV

CÁC CHỦ NGHĨA

Có câu nói rằng trong xã hội loài người, tôn giáo và chính trị là hai thứ gây chia rẽ nhất, và đó cũng là thứ mà người ta dễ sống chết vì nó nhất. Điều đó đúng, nhưng cội nguồn, cái gốc gây chia rẽ phải là một thứ mà cả tôn giáo và chính trị đều dựa vào, hay nói cách khác, nó là nền tảng lý luận của tôn giáo và chính trị. Người ta gọi nó là ý thức hệ, hay là chủ nghĩa.

Trong Phần IV này, các bạn sẽ tìm hiểu về một dải rộng các ý thức hệ, từ tự do, dân chủ xã hội, đến cộng sản và phát xít, từ chủ nghĩa quốc gia đến nữ quyền. Các bạn sẽ hiểu thế nào là cánh tả, cánh hữu, đường lối của đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ ở Mỹ khác nhau như thế nào, và khi một ai đó tự giới thiệu: “Tôi là người bảo thủ”, thì điều đó hoàn toàn không có nghĩa tiêu cực.

Các bạn cũng sẽ hiểu rõ hơn một số khái niệm rất thường gặp trong triết học chính trị, nhưng độc giả Việt Nam thì thường mơ hồ về chúng: tự do, bình đẳng.

Chương I

THẾ NÀO LÀ MỘT CHỦ NGHĨA?

Từ “chủ nghĩa” đồng nghĩa với “ý thức hệ”, hay “hệ tư tưởng” (tiếng Anh là ideology).

Trong tiếng Anh, thông thường ở cuối mỗi từ chỉ tên riêng của mỗi ý thức hệ, có chữ “ism” (trong tiếng Pháp thì là chữ “isme”), ví dụ liberalism là chủ nghĩa tự do, communism là chủ nghĩa cộng sản. Vậy nên người Việt thường dịch tất cả các từ có hậu tố “ism” hay “isme” thành “chủ nghĩa...” gì đó. Tuy thế, không phải từ nào tận cùng bằng “ism” hay “isme” cũng chỉ một chủ nghĩa. Chẳng hạn, tiếng Anh có từ “euphemism”, nghĩa là “uỷển ngữ”, “nói giảm nói tránh”; chúng ta không thể dịch nó thành “chủ nghĩa uỷển ngữ” được.

Tùy ngữ cảnh, ta có thể dịch một từ có hậu tố “ism” nào đó thành học thuyết, chủ thuyết, thuyết, luận, đường lối, phương pháp, thuật, đạo, tư tưởng, chế độ, chủ nghĩa, hay ý thức hệ.

ĐỊNH NGHĨA

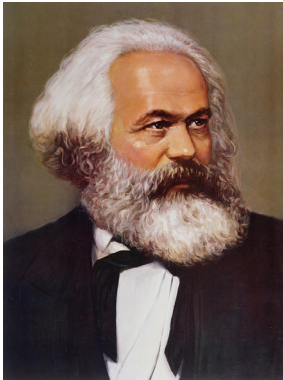
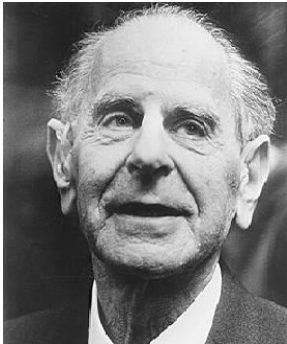
Ý thức hệ là gì? Cũng giống như với các khái niệm chính trị, dân chủ, từ “ý thức hệ” có nhiều định nghĩa.

Đôi nét lịch sử: Khái niệm “ý thức hệ” do triết gia Pháp Destutt de Tracy đưa ra năm 1796 với nghĩa nguyên thủy là “môn khoa học nghiên cứu về ý thức”, “ý thức học”. Tức là, khái niệm này ban đầu không liên quan đến chính trị. Có lẽ Karl Marx (Các Mác) là người

đầu tiên chính trị hóa nó; ông ta cho rằng ý thức hệ chỉ là ý thức của giai cấp thống trị, lừa dối giai cấp bị trị và che giấu mâu thuẫn giai cấp. Ông còn tỏ ra rất tự tin khi tuyên bố: “Các quan điểm chính trị chỉ có thể hoặc là khoa học, hoặc là mang tính ý thức hệ. Và chủ thuyết của ta là khoa học”. Có nghĩa là, với Marx, chủ nghĩa Mác không phải là chủ nghĩa, không phải là ý thức hệ, mà là một khoa học.

Kể từ đó, ý thức hệ trở thành một khái niệm chính trị như ngày nay, mất ý nghĩa ban đầu. Và nó mang nghĩa tiêu cực: Karl Popper cho rằng ý thức hệ là công cụ để quản lý xã hội, để bắt mọi người phải tuân lệnh và phục tùng. Cùng với Hannah Arendt, Karl Popper định nghĩa ý thức hệ là một hệ thống quan điểm khép kín, tự cho là độc quyền chân lý, không chấp nhận các quan điểm và niềm tin khác biệt.

Tuy nhiên, nếu hiểu ý thức hệ như Hannah Arendt và Karl Popper thì chủ nghĩa tự do và các chủ nghĩa mang tính mở, không chấp nhận độc quyền chân lý, sẽ không phải là ý thức hệ nữa.

Ai cũng tự cho mình là khoa học	
Karl Marx: Chủ nghĩa Mác là khoa học, không phải ý thức hệ.	Karl Popper: Chủ nghĩa tự do là khoa học, không phải ý thức hệ.
	

Tóm lại, ý thức hệ là gì? Sau đây là định nghĩa về nó theo quan điểm hiện đại:

Ý thức hệ là một hệ thống niềm tin dẫn dắt hành động chính trị. Cụ thể hơn nữa, ý thức hệ là một tập hợp các quan điểm, quan niệm có liên hệ qua lại, dẫn dắt hoặc tạo cảm hứng cho các hành động chính trị.

Nhà khoa học chính trị Austin Ranney đưa ra một ví dụ: Trong kinh tế học, có một quan điểm cực kỳ phổ biến và vững chắc, là mục đích duy nhất của mỗi cá nhân trên đời này chỉ là làm sao để thu lợi càng nhiều càng tốt. Và quan điểm đó là một trong một tập hợp các quan điểm có liên hệ qua lại với nhau một cách logic để tạo ra một học thuyết. Học thuyết ấy cho rằng cách tốt nhất để tổ chức hệ thống kinh tế là đặt hệ thống kinh tế trên nền tảng sở hữu tư nhân về phương tiện sản xuất, tư nhân hóa việc phân phối hàng hóa và dịch vụ. Tập hợp các quan điểm đó cấu thành nên hệ thống kinh tế và ý thức hệ có tên là chủ nghĩa tư bản.¹

Sự khác nhau giữa một ý thức hệ và một quan điểm hay quan niệm là gì? Nhà khoa học chính trị Roy C. Macridis cho rằng có bốn tiêu chí sau đây để phân biệt chúng:

Tính tổng quát (comprehensiveness). Một ý thức hệ hoàn chỉnh phải bao gồm những quan điểm, quan niệm về các vấn đề lớn lao, chẳng hạn như vị thế của con người trong vũ trụ, quan hệ của con người với Chúa trời, lịch sử, những mục tiêu to lớn nhất của xã hội và chính quyền, bản chất của con người, và những cách tốt nhất để đạt được các mục tiêu xã hội và chính trị lớn nhất. Những quan điểm, quan niệm đó phải nhất quán với nhau một cách logic, và thường có một tổ chức lớn – ví dụ như đảng Cộng sản Liên Xô hay phong trào nữ quyền – trung thành với những quan điểm, quan niệm đó và cống hiến hết mình để thực hiện chúng.

¹ “Governing: An Introduction to Political Science”, 8th edition, Prentice Hall, trang 69-70.

Tính lan tỏa (pervasiveness). Tập hợp những quan điểm, quan niệm của ý thức hệ đó phải được biết đến không chỉ từ rất lâu mà còn phải hình thành niềm tin chính trị và hành động chính trị của rất nhiều người. Chẳng hạn, mọi người đã nói đến dân chủ, chế độ quý tộc, chế độ chuyên quyền suốt từ thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên; những phong trào lớn, quy tụ hàng triệu người, đã tranh đấu cho các ý thức hệ đó suốt hơn 2000 năm qua.

Tính rộng khắp (extensiveness). Tập hợp những quan điểm, quan niệm của ý thức hệ đó phải được một số lượng lớn người chia sẻ và phải đóng vai trò quan trọng trong chính trị của một hoặc nhiều hơn một quốc gia.

Tính mạnh mẽ (intensiveness). Tập hợp những quan điểm, quan niệm của ý thức hệ đó phải thu hút được một sự dấn thân của nhiều người theo đuổi nó, và phải gây ảnh hưởng đáng kể đến những niềm tin và hành động chính trị của họ.

Đối chiếu với những tiêu chuẩn như trên thì hẳn bạn đã thấy, để một ý tưởng trở thành một ý thức hệ chẳng phải chuyện dễ dàng gì. Như đã nói, không phải từ nào tận cùng bằng “ism” hay “isme” cũng chỉ một chủ nghĩa. Tùy ngữ cảnh, ta có thể dịch một từ có hậu tố “ism” nào đó thành học thuyết, chủ thuyết, thuyết, luận, đường lối, phương pháp, thuật, đạo, tư tưởng, chế độ, chủ nghĩa, hay ý thức hệ. Cũng vậy, không phải tư tưởng, quan điểm, quan niệm nào cũng trở thành chủ nghĩa được. Người Việt hay “nâng tầm” nhiều thứ lên hàng đạo, chủ nghĩa, ví dụ nói với nhau về “đạo facebook”, “đạo thịt chó”, “chủ nghĩa độc thân”, v.v. nhưng tất nhiên đó là nói đùa với nhau thôi.

Nói nôm na thì một ý thức hệ, đạo, hay chủ nghĩa, có nghĩa là một đường lối, con đường có tính tổng quát, lan tỏa, rộng khắp, mạnh mẽ, thu hút đông đảo người đi theo.

Theo ngôn ngữ Trung Hoa, “Đạo” có nghĩa là “con đường”. Trong ngôn ngữ Ấn Độ, “Yoga” cũng có nghĩa là “Đạo”, cũng lại có nghĩa là “con đường” nốt. Trong ngôn ngữ châu Âu, mọi thứ gì được thêm “cái đuôi” ism (tiếng Anh) hoặc isme (tiếng Pháp) đến cả izm (tiếng Nga) đều thành “con đường” cả. Tiếng nói của tất cả loài người rồi ra hết thấy đều theo khuôn đó: ism(e) hoặc izm sẽ thành “Đạo”. Dem một “linh hồn” để thổi vào hoặc gán cho một cái vật vô tri, thế là có ngay animism (“con đường”, vật linh, hoặc “đạo” thờ vật vô tri vì coi như vật đó có linh hồn, sau rồi con đường ấy được dịch cho rõ nghĩa thành chủ nghĩa vật linh). Đức Phật (Buddha) cùng các ông Mahomet hoặc Jesus Christ ngồi yên trên toà không sao, bỗng dưng có vô vàn người đi theo và gọi đó là các ông Thánh, thế là có ngay “con đường” (hoặc “chủ nghĩa”) Buddhism, Christianity, Mahometism và những cá thể người đi theo “con đường” ấy sẽ thành (có đạo hoặc theo chủ nghĩa) Buddhist, Christianist, Mahometist.

“Hợp lưu các dòng tâm lý học giáo dục” – **Phạm Toàn**,
NXB Tri Thức, 2008

Bây giờ chúng ta sẽ bàn đến một số ý thức hệ, hay chủ nghĩa, phổ biến trong lịch sử loài người từ trước tới nay, theo nghĩa chúng được biết đến nhiều và được thực thi nhiều trên thế giới:

- Chủ nghĩa tự do
- Chủ nghĩa bảo tồn
- Chủ nghĩa xã hội và dân chủ xã hội
- Chủ nghĩa phát xít
- Chủ nghĩa vô chính phủ
- Chủ nghĩa môi trường
- Tôn giáo thuần túy
- Chủ nghĩa cộng đồng
- Chủ nghĩa nữ quyền
- Chủ nghĩa dân tộc

Ngoài ra, chúng ta cũng sẽ tìm hiểu sơ qua về hai khái niệm có vẻ đang là “mốt” hiện nay: dân túy và mị dân.

Chương II

CHỦ NGHĨA TỰ DO

Chủ nghĩa tự do mà chúng ta bàn ở đây là chủ nghĩa tự do cổ điển. Đó là một ý thức hệ dựa trên việc tôn sùng chủ nghĩa cá nhân, tự do, sự bao dung và đồng thuận. Nó là sản phẩm triết học của phương Tây thời tiền công nghiệp, được hình thành vào cuối thế kỷ 18.

CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH CHỦ NGHĨA TỰ DO ¹

Nói tới chủ nghĩa tự do là người ta nói đến các yếu tố cấu thành nên nó, như sau: 1. Chủ nghĩa cá nhân; 2. Tự do; 3. Lý trí, sự duy lý; 4. Bình đẳng; 5. Tinh thần khoan dung, chấp nhận; 6. Sự đồng ý tự nguyện (đồng thuận); 7. Hợp hiến.

1. Chủ nghĩa cá nhân

Gọi là “chủ nghĩa”, có nghĩa là nó cũng là một ý thức hệ, tức một tập hợp các quan điểm, quan niệm. Tồn vinh chủ nghĩa cá nhân được coi là nguyên tắc cốt lõi của chủ nghĩa tự do, không có chủ nghĩa cá nhân thì không tồn tại chủ nghĩa tự do. Cụ thể, chủ nghĩa cá nhân:

- Coi cá nhân quan trọng hơn bất kỳ tổ chức hay cộng đồng nào (cá nhân quan trọng hơn tập thể)
- Coi con người trước hết là những cá nhân bình đẳng về giá trị
- Cho rằng xã hội tốt đẹp là xã hội để cho mỗi cá nhân phát

¹ “Politics”, Andrew Heywood, 3rd edition, Palgrave Foundations, 2007.

triển bản thân, theo đuổi lợi ích riêng phù hợp với khả năng của mình.



Đừng bao giờ quên rằng chỉ có cá chết mới trôi theo dòng.

Hình vẽ và câu nói trên đây thể hiện đúng tinh thần của chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do: Cá nhân quan trọng hơn cộng đồng; sự độc lập của cá nhân khỏi cộng đồng là điều tốt và cần được khuyến khích. Chủ nghĩa cá nhân không chấp nhận việc xóa bỏ cái tôi, hòa tan cái tôi vào tập thể.

Nếu bạn là người mê điện ảnh Mỹ thì hẳn bạn sẽ thấy triết lý này thể hiện rất rõ trong các bộ phim hành động của Hollywood, nơi nhân vật chính diện thường xuyên “một mình cứu cả thế giới”. Trong quá trình làm việc tốt giải cứu thế giới ấy, anh ta (vâng, thường đó là nam giới – các nhà điện ảnh Hollywood vốn có tiếng trọng nam khinh nữ) luôn mưu trí, sáng tạo và đặc biệt, rất can đảm, sẵn sàng chống lệnh cấp trên hoặc chống lại cả một tập thể để làm điều anh ta cho là đúng (và quả thật, anh ta đúng).

2. Tự do

Đây là giá trị cốt lõi của chủ nghĩa tự do. Theo triết lý của chủ nghĩa tự do thì tự do được đặt cao hơn cả bình đẳng và công lý. Tuy nhiên, chủ nghĩa tự do vẫn chấp nhận “tự do trong khuôn khổ pháp luật”

để tự do của người này không ảnh hưởng đến tự do của người khác.

Đến đây, một câu hỏi thuộc phạm trù triết học, triết học chính trị được đặt ra: Tự do là gì? Chúng ta sẽ dành ít phút để làm rõ khái niệm này.

Xưa nay đã có nhiều triết gia định nghĩa về tự do. Ví dụ, độc giả Việt Nam hẳn là đã quen thuộc với định nghĩa của Friedrich Hegel (1770-1831): “Tự do là cái tất yếu được nhận thức”. Nó được đưa hẳn vào chương trình giáo dục công dân hay có thể coi như chương trình triết học căn bản phổ thông trong các trường học ở Việt Nam.

Để làm cho định nghĩa của Hegel trở nên dễ hình dung hơn, giáo viên có thể giải thích: “Đây nhé, các em là học sinh, nghĩa vụ của các em là đến trường, đi học. Khi đi học thì phải làm bài đầy đủ, thi cử nghiêm túc. Đó là những nghĩa vụ tất yếu. Các em ý thức được đó là cái tất yếu thì các em sẽ học hành chăm chỉ, không trốn tiết, bỏ thi, và cứ làm đúng như thế là các em có tự do. Nếu không làm đúng như thế thì các em sẽ bị trừng phạt, tức là bị kỷ luật, bị thầy cô giáo và cha mẹ nhắc nhở và mất tự do. Như thế nghĩa là tự do là nhận thức cái tất yếu”.

Có thể bạn sẽ thấy với định nghĩa này, tự do vẫn có cái gì đó hạn hẹp quá, trong khuôn khổ quá. Tóm lại, nó không thỏa đáng.

Một triết gia khác, John Locke (1632-1704), đưa ra định nghĩa: “Tự do là khả năng con người có thể làm bất cứ điều gì mà mình mong muốn mà không gặp bất kỳ cản trở nào”.

Căn cứ vào định nghĩa của Locke, rõ ràng là nếu ai cũng có thể làm bất cứ điều gì mình mong muốn mà không gặp bất kỳ cản trở nào, thì cuối cùng tự do của người này sẽ xâm phạm và cản trở tự do của người kia; hay nói cách khác, tự do của người này đồng thời lại là sự mất tự do của người kia. Có thể nào như vậy chăng? Định nghĩa này xem ra cũng không thỏa đáng lắm.

Năm 1958, triết gia người Do Thái Isaiah Berlin (1909-1997),

sinh tại Nga nhưng di tản sang Anh, đã có một bài giảng nổi tiếng nhan đề “Hai khái niệm tự do” (Two Concepts of Liberty). Ông cho rằng, tồn tại hai loại, hay nói đúng hơn, hai cách hiểu về tự do: *Tự do không* và *Tự do có*.¹

Theo Berlin, *tự do không* là cách hiểu chung của Thomas Hobbes, John Locke, Friedrich von Hayek và Ludwig von Mises về tự do, theo đó, tự do là khả năng một người có thể làm bất cứ điều gì mình muốn mà *không* chịu sự can thiệp nào từ bên ngoài. Từ gốc trong tiếng Anh là “negative freedom”, trong đó từ “negative” có thể được dịch sang tiếng Việt là âm tính, phủ định, tiêu cực, thụ động. Tuy nhiên, *tự do không* hoàn toàn không mang nghĩa tiêu cực, mà chỉ hàm ý là *không có sự can thiệp* từ bất cứ ai/cái gì bên ngoài. Hiểu như vậy thì chính *tự do không* mới là tự do tuyệt đối.

Friedrich von Hayek (1899-1992) cho rằng hình thức can thiệp phá vỡ tự do nhất là sự cưỡng chế, cưỡng ép – tức là những hành động có chủ ý của một/các cá nhân khác nhằm khống chế, kiểm soát môi trường hoặc hoàn cảnh của một người nào đó, buộc người ấy phải hành động (hoặc không hành động) không theo ý chí thống nhất của mình mà là theo ý muốn của một/các cá nhân khác đó.

Định nghĩa của Hayek về sự cưỡng chế, cưỡng ép có hai điểm quan trọng là “hành động có chủ ý” và “của cá nhân khác”. Ví dụ, nếu bạn bị rơi xuống hang và bị kẹt trong đó, không ra được, thì như thế không phải là mất tự do. Chỉ khi có kẻ nào đó đẩy bạn vào hang và/hoặc nhốt bạn trong hang (có chủ ý) thì khi ấy bạn mới mất tự do. Ngay cả nếu kẻ kia chỉ vô tình khóa bạn lại trong một căn buồng (không chủ ý) thì cũng không thể nói bạn mất tự do được.

Ngoài ra, nếu bạn bị cản trở hành động bởi những nguyên nhân bên trong bạn (không phải các tác nhân bên ngoài) thì đó cũng không phải là sự can thiệp làm mất tự do. Một người tàn tật, ốm

¹ Phần dẫn giải các quan niệm về tự do của Isaiah Berlin, Friedrich von Hayek và Jean Jacques Rousseau lấy từ “Political Philosophy - A Complete Introduction”, Phil Parvin & Clare Chambers, McGraw-Hill Companies, Inc., 2012.

yếu chẳng hạn, không thể đi bộ bằng qua đường nếu không có ba-toong hay xe lăn, thì cũng vẫn được coi là tự do: Anh/chị ta có quyền tự do sang đường.

Từ việc *tự do không* hàm ý không có sự can thiệp, có thể suy luận rằng *tự do có* là thứ tự do có điều kiện. Tự do có là việc một người có thể và thực sự có khả năng hành động theo ý nguyện của mình. Nói cách khác, cá nhân có tự do này khi anh/chị ta làm chủ chính mình và có thể tự chịu trách nhiệm về hành động của bản thân.

	Nếu bạn theo thuyết “tự do có (điều kiện)” thì người tàn tật là người không tự do. Nếu bạn theo thuyết “tự do không (điều kiện)” thì người tàn tật vẫn là người tự do, nếu không bị bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài.
---	---

Như vậy, một người tàn tật, ốm yếu, không thể đi bộ bằng qua đường dù muốn lắm, thì là người mất tự do. Anh/chị ta bị hạn chế tự do bởi vì không làm chủ được cơ thể mình, đôi chân của mình. Những người nghèo, dù được toàn quyền mua nhà ở, thức ăn nước uống, quần áo, nhưng không có nổi tiền để mua những thứ đó dù rất muốn, thì cũng là không có tự do. Anh/chị ta bị hạn chế tự do bởi vì không có đủ năng lực (tài chính) để hành động theo ý nguyện cá nhân.

Một triết gia đại diện cho cách hiểu này về tự do là Jean Jacques Rousseau (1712-1778).

Từ hai khái niệm về tự do nói trên, bạn có thể thấy: Theo quan điểm của những người ủng hộ *tự do không*, nhà nước tôn trọng tự do của người dân là nhà nước tối thiểu, ít can thiệp nhất có thể. Còn đối với những người theo quan niệm về *tự do có*, nhà nước tôn trọng tự do của dân là nhà nước có những biện pháp để thúc đẩy

xã hội theo hướng họ muốn, ví dụ xóa đói giảm nghèo để tăng năng lực cho một bộ phận dân chúng, đánh thuế để điều chỉnh thu nhập của người giàu và chia cho người nghèo, v.v.

Isaiah Berlin cho rằng cách hiểu về tự do theo nghĩa *tự do có* thật ra rất nguy hiểm vì nó gợi ý khả năng một hoặc một số người tự cho mình quyền phán xét xem ai đang tự do, ai đang không tự do. Trên bình diện xã hội, nó mở đường cho việc nhà nước can thiệp, định hướng, và kịch bản tồi tệ nhất là trở thành chuyên chế.

3. Lý trí, sự duy lý

Chủ nghĩa tự do cho rằng mỗi cá nhân đều có khả năng ra các quyết định duy lý có lợi cho mình. Do đó, triết lý tin rằng con người có thể giải quyết khác biệt thông qua tranh biện thay vì bạo lực. Dựa trên nền tảng chủ nghĩa tự do, các nhà kinh tế học cổ điển và tân cổ điển cho rằng bản chất của con người là duy lý, tự chủ và ích kỷ (theo đuổi tư lợi), và một cách tự nhiên, trong quá trình con người hành động duy lý vì lợi ích cá nhân, xã hội cũng được hưởng lợi và trở nên thịnh vượng.

Như vậy, từ góc nhìn của chủ nghĩa tự do, duy lý là một phẩm chất tốt. Người duy lý là người hành động theo một cách có lý, có logic, thay vì cảm tính, thậm chí bản năng như con vật.

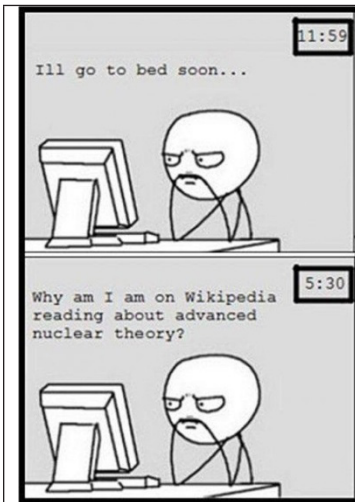
Chỉ tiếc là, duy lý được thì tốt nhưng trên thực tế người ta lại không duy lý. Vào những năm 1970, hai nhà tâm lý học Amos Tversky và Daniel Kahneman đã nghiên cứu cách não bộ xử lý thông tin, đối chiếu với các mô hình kinh tế, và rồi rút ra một kết luận: Khi đối diện với tình huống bất trắc, con người không hề hành xử duy lý, cũng chẳng bừa phứa ngẫu nhiên, mà là theo những quy tắc được tự hình thành từ trước, có thể dự đoán, và bị ảnh hưởng bởi kinh nghiệm và/hoặc môi trường. Ví dụ, ai đã từng bị bỏng khi sờ tay vào chảo nóng thì có xu hướng sẽ cẩn thận hơn sau này, mỗi khi cầm chảo.

Tất nhiên, kết luận của Tversky và Kahneman cũng chỉ là một trong vô vàn lý thuyết. Nhưng nói chung, con người không duy lý, bởi nếu duy lý họ đã không ồ ạt mua/bán chứng khoán, đổ xô đi rút tiền ngân hàng, hút thuốc lá đến khan cả cổ hay làm nhiều chuyện khác không mang lại tư lợi cho họ.

Thế nên các nhà tâm lý học và kinh tế học hành vi mới cho rằng giả định “con người duy lý” là một giả định sai; con người có xu hướng phản ứng với cảm xúc (yêu, ghét, phấn khích, ghen tuông, đau khổ...) hơn và chính vì thế họ trở thành cảm tính, phi lý trí.

Đặc biệt, trong những tình huống bất trắc, thì đám đông ai cũng phi lý trí cả. Đòi hỏi sự duy lý ở cộng đồng mạng, nhất là trong một bối cảnh chính trị rối ren, lòng dân vốn đã đầy ức chế và bức xúc, là một đòi hỏi ngớ ngẩn.

Duy lý là một đặc điểm tốt, có lợi cho người có nó và mọi người xung quanh (tức là tốt cho cả cá nhân và cộng đồng). Tuy nhiên, dường như cái gì tốt thì hiếm, trong thực tế chúng ta khó mà đạt được sự duy lý luôn luôn trong suy nghĩ và hành động. Nếu học về kinh tế hay luật thì bạn hẳn là đã nghe nhắc đến ví dụ: Ai cũng biết hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe, không hút thì có lợi hơn, ít nhất cũng đỡ hại hơn, và vì thế nếu suy nghĩ một cách duy lý, theo đuổi lợi ích riêng, thì không ai lại hút thuốc lá. Nhưng thực tế là rất nhiều người vẫn hút, thậm chí còn nghiện.



11:59 đêm: Tôi sắp đi ngủ...

5:30 sáng: Sao tôi lại vẫn ngồi đây, đọc Wikipedia về lý thuyết hạt nhân cao cấp?

Dù vậy, duy lý, có lý trí, vẫn là một đặc trưng của chủ nghĩa tự do.

“Người duy lý thích nghi với thế giới. Người phi lý trí kiên trì, cố gắng làm cho thế giới thích nghi với mình. Do đó, mọi sự tiến bộ đều trông cậy vào người phi lý trí”.

(George Bernard Shaw)

4. Bình đẳng

Triết học chính trị đề cập tới hai khái niệm hay là hai loại bình đẳng khác nhau:

- Bình đẳng về cơ hội, hay là bình đẳng về đầu vào;
- Bình đẳng về kết quả, hay là bình đẳng về đầu ra.

Bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ (công bố vào ngày 4/7/1776) nêu rõ: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng”. Chúng ta ghi nhận tính nhân văn của nguyên tắc này, tuy nhiên, thực tế rõ ràng là tất cả mọi người đều sinh ra khác nhau về đủ thứ và bất bình đẳng về nhiều thứ. Trong cuộc sống, tất cả mọi người cũng khác nhau và hoàn toàn có thể bất bình đẳng về trí tuệ, tài năng, ngoại hình, sức khỏe, quốc tịch, giai cấp, thành phần xã hội, ý chí... Do đó, sự bình đẳng về kết quả (về đầu ra) là không thể có. Vì vậy, có lẽ nên hiểu “tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng” là một sự khẳng định nguyên tắc bình đẳng về cơ hội (đầu vào) thì đúng hơn.

Cá nhân người viết cho rằng nguyên tắc bình đẳng lý tưởng nhất là tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng về nhân quyền.

Chủ nghĩa tự do gắn với tôn trọng nhân quyền và bình đẳng, và bản thân khái niệm nhân quyền cũng dựa trên cây cột trụ có tên “bình đẳng”: Nhân quyền là những quyền cơ bản, phổ quát của tất cả mọi người; tất cả mọi người sinh ra đều *bình đẳng* về nhân quyền. Tôn trọng nhân quyền cũng có nghĩa là đòi hỏi mọi người phải được đối xử với sự tôn trọng như nhau, ví dụ như không thể có chuyện “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” (một con trai cũng là có, mà 10 con gái cũng là không). Tương tự, không thể quan niệm “nhân quyền Mỹ” thì khác với “nhân quyền Việt Nam”, người Mỹ có thể tự do phát triển mọi năng lực bản thân còn dân Việt Nam thì chỉ cần “có cơm ăn áo mặc” là đủ rồi.

Chủ nghĩa tự do cổ súy nhân quyền và bình đẳng, nhưng không phải bình đẳng chung chung. Chủ nghĩa tự do ủng hộ bình đẳng về cơ hội, và phản đối bình đẳng về kết quả, coi đó là một sự cào bằng. Những người theo chủ nghĩa tự do đề cao một xã hội phát huy tối đa năng lực, khả năng cá nhân (giải phóng cái tôi), ai có tài thì hưởng thành công, ai bất tài thì phải chấp nhận thất bại. Trong tiếng Anh, xã hội này được gọi là “meritocracy” (chưa có từ tiếng Việt tương ứng).

5. Tinh thần khoan dung, chấp nhận

Khoan dung là sự sẵn sàng để người khác suy nghĩ, nói và hành động theo cách mà mình không tán thành. Chủ nghĩa tự do cổ súy đa nguyên và tự do quan điểm, cũng có nghĩa là tính khoan dung, bao dung là một thuộc tính bắt buộc của nó.

6. Đồng thuận

Chủ nghĩa tự do cho rằng quyền lực và quan hệ xã hội phải dựa trên nguyên tắc đồng thuận: tự nguyện thỏa thuận và tự nguyện đồng ý. Xã hội vận hành trên cơ sở một kế ước được mọi người đồng thuận. Tổ chức vận hành trên cơ sở điều lệ được mọi người đồng thuận.

7. Hợp hiến

Hợp hiến, tuân thủ hiến pháp, hay dịch sát nghĩa từ “constitutional” là “mang tính chất hiến pháp”, nghĩa là mang tính chất của một thứ luật cơ bản, nguồn của các luật, quy định về tổ chức bộ máy nhà nước, quyền hạn của nhà nước, quan hệ giữa nhà nước với người dân, và quyền của người dân (nhân quyền, dân quyền).

Nói cách khác, hợp hiến tức là cho rằng quyền lực của nhà nước phải bị giới hạn để nhà nước không lạm quyền và do đó, đảm bảo nhân quyền. Chủ nghĩa lập hiến (constitutionalism) là ý thức hệ cho rằng quyền lực của nhà nước phải bị giới hạn để nhà nước không lạm quyền và nhờ đó đảm bảo nhân quyền

Hợp hiến, theo nghĩa đó, là một trong các thành tố của chủ nghĩa tự do. Người theo chủ nghĩa tự do quan niệm chính quyền có nghĩa vụ đảm bảo trật tự, ổn định nhưng trên thực tế, chính quyền luôn có nguy cơ độc tài, chà đạp quyền con người. Do đó, cần phải cổ súy mô hình nhà nước nhỏ gọn, thu hẹp quyền lực nhà nước bằng cơ chế cân bằng quyền lực và một bản hiến pháp bảo vệ nhân quyền, bảo vệ người dân khỏi nhà nước.

Chương III

CHỦ NGHĨA BẢO TỒN¹

Chủ nghĩa bảo tồn ra đời vào cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19, như một sự phản ứng lại đà nổi lên của chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa dân tộc. Lâu nay, người Việt vẫn gọi nó là “chủ nghĩa bảo thủ”, nhưng vì từ “bảo thủ” hàm ý tiêu cực (thủ cựu, cố chấp, không chấp nhận cái mới), nên người viết muốn chọn một cách gọi khác, trung tính hơn, là “bảo tồn”.

Chủ nghĩa bảo tồn được cấu thành bởi các thành tố sau: 1. Truyền thống; 2. Chủ nghĩa thực dụng, tính thực dụng; 3. Quan điểm “con người không hoàn hảo”; 4. Tôn ti trật tự, thứ bậc; 5. Quyền lực của lãnh đạo; 6. Tư hữu tài sản.

1. TRUYỀN THỐNG

Chủ nghĩa bảo tồn có đặc trưng là sự tôn trọng truyền thống, phong tục tập quán và các thiết chế lâu đời. Trong quan niệm của người theo chủ nghĩa bảo tồn, truyền thống là trí tuệ của nhiều thế hệ tích lũy lại, đã được kiểm nghiệm bởi thời gian, cho nên nó đúng đắn, khôn ngoan, đảm bảo duy trì ổn định, trật tự xã hội, và vì thế cần được tôn trọng, bảo tồn.

Xin lưu ý, chủ nghĩa bảo tồn ra đời ở phương Tây, cho nên “truyền thống” ở đây cũng là truyền thống của phương Tây, theo cách hiểu của người phương Tây. Nó không phải phong tục tập

¹ “Politics”, Andrew Heywood, 3rd edition, Palgrave Foundations, 2007.

quán và các thiết chế của các nước châu Á như Việt Nam, ví dụ, không phải là quan niệm “ăn cây nào, rào cây ấy” hay “ăn cỏ đi trước, lợi nước theo sau”, v.v.

Người theo chủ nghĩa bảo tồn tôn trọng truyền thống, có nghĩa là họ đề cao sự quân tử, tinh thần quý tộc chẳng hạn. Đối với họ, xã hội nên được cai trị bởi các giá trị: sự thủy chung, trung thành, và bởi tầng lớp quý tộc, không phải bởi các công ty vì lợi nhuận. Xã hội phải duy trì nền tảng đạo đức, được dẫn dắt bởi truyền thống và tôn giáo, không phải bởi thị trường tự do.

2. CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG

Chủ nghĩa thực dụng là một ý thức hệ của Mỹ hay nói đúng hơn, của triết học Mỹ. Nó là ý thức hệ cho rằng chỉ có lý thuyết/ hành động nào đã được thực thi và kiểm nghiệm trên thực tế, có mục đích thực tế, và dùng được (khả dụng), mới tốt. Đối với triết gia theo chủ nghĩa thực dụng, ý thức, tư duy không phải là để phản ánh hiện thực. Ý thức, tư duy là công cụ để dự đoán vấn đề, giải quyết vấn đề, và hành động.

Chủ nghĩa thực dụng cũng là một yếu tố cấu thành nên chủ nghĩa bảo tồn. Những người theo chủ nghĩa bảo tồn tin vào truyền thống, kinh nghiệm thực tiễn, lịch sử, và theo trường phái thực dụng.

3. QUAN NIỆM “CON NGƯỜI KHÔNG HOÀN HẢO”

Chủ nghĩa bảo tồn bi quan về con người: năng lực có giới hạn, phụ thuộc, dựa dẫm, chỉ dám dùng cái gì đã được thử nghiệm kiểm chứng, thích sự ổn định, an toàn, trật tự. Về mặt đạo đức, con người tham lam, ích kỷ, thèm khát quyền lực và danh lợi, và tội ác sinh ra từ mỗi con người chứ không phải từ xã hội.

Do đó, chủ nghĩa bảo tồn cổ súy nhà nước mạnh, luật pháp nghiêm minh để đảm bảo duy trì trật tự và kiểm soát những mặt tiêu cực tự nhiên của con người.

4. TÔN TI TRẬT TỰ, THỨ BẬC

Chủ nghĩa bảo tồn thủ trọng tôn ti trật tự, thứ bậc trong xã hội, trong tổ chức. Xã hội phải có tôn ti trật tự, thứ bậc, ai cũng biết vai trò và trách nhiệm của mình.

Chủ nghĩa bảo tồn cho rằng mỗi người trong xã hội đều có vai trò và trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhau (chủ với thợ, giáo viên với sinh viên, bố mẹ với con cái v.v.). Người theo chủ nghĩa bảo tồn luôn đề cao trách nhiệm, ví dụ, người giàu sang, may mắn phải có trách nhiệm với người nghèo khổ, bất hạnh.

Ở khía cạnh nhấn mạnh vào tôn ti trật tự trong xã hội và tự do kinh tế này, chủ nghĩa bảo tồn không đề cao sự bình đẳng như là một giá trị cần theo đuổi; và vì thế so với chủ nghĩa tự do thì nó có khuynh hướng “hữu” hơn. Những người bảo tồn được coi là đi theo thiên hướng chính trị cánh hữu.

“Một người càng coi bình đẳng tuyệt đối giữa người với người là một điều kiện đáng khao khát, thì ông ta/bà ta sẽ càng ngả về phía tả hơn trên phổ ý thức hệ. Một người càng coi bất bình đẳng là điều không thể tránh được, thậm chí đáng khao khát, thì ông ta/ bà ta sẽ càng ngả về phía hữu hơn”.*

(Roderick Stackelberg)

* “Hitler’s Germany”, Roderick Stackelberg, Routledge, 1999.

5. QUYỀN LỰC

Chủ nghĩa bảo tồn cho rằng lãnh đạo có quyền và nghĩa vụ định hướng, dẫn dắt, hỗ trợ cấp dưới vì họ có kinh nghiệm, tài năng, trình độ hơn - giống như cha mẹ với con cái. Tự do phải đi cùng với trách nhiệm, mỗi người phải sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm và nghĩa vụ của mình.

6. TƯ HỮU TÀI SẢN

Chủ nghĩa bảo thủ đề cao việc sở hữu tài sản, coi đó là điều tối quan trọng để giúp con người được an toàn và độc lập trước chính quyền. Tuy nhiên, ngay cả sở hữu tài sản thì cũng phải đi liền với trách nhiệm, như người giàu phải có trách nhiệm với người nghèo, bởi

như đã nói, tự do luôn đi cùng trách nhiệm. Người giàu có một nghĩa vụ cao quý là phải chăm lo cho người nghèo, gồm cả công nhân, nông dân, không để họ thất nghiệp, đói rách.

Áp dụng tư tưởng bảo tồn trong lĩnh vực kinh tế chẳng hạn, người theo chủ nghĩa bảo tồn quan niệm: Nhà nước hạn chế can thiệp vào nền kinh tế. Nhà nước chỉ có nghĩa vụ bảo đảm thực thi pháp luật, thực hiện hợp đồng. Doanh nghiệp phải được quyền tự do về kinh tế để phát triển và tạo ra sự thịnh vượng cho xã hội.

Tuy nhiên, trong các lĩnh vực ngoài kinh tế, đặc biệt là đạo đức và tôn giáo, thì chủ nghĩa bảo tồn lại ủng hộ sự can thiệp của nhà nước. Đối với họ, nhà nước phải cổ súy hôn nhân bền vững, cổ súy quan hệ tình dục khác giới và chung thủy, phản đối quan hệ đồng giới, chống nạo phá thai, cấm văn hóa phẩm đồi trụy, v.v.

Đó là lý do vì sao bạn thấy ở Mỹ, đảng Cộng hòa (đảng mà ý thức hệ họ theo đuổi là chủ nghĩa bảo tồn) phản đối nạo phá thai.

Ở Anh, chính đảng theo đuổi chủ nghĩa bảo tồn là đảng Bảo thủ. Chủ nghĩa bảo tồn được gọi là Toryism trong tiếng Anh, đảng viên đảng Bảo thủ thì được gọi là người Tory.

Đã nói tới hai ý thức hệ rất quan trọng trong triết học chính trị, là chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bảo tồn (bảo thủ), thì chúng ta cũng nên nói đến một đất nước, hay là một nền chính trị, nổi tiếng với hai chính đảng lớn theo đuổi hai ý thức hệ này và không ngừng cạnh tranh nhau: Mỹ, với đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa.

* * *

CHỦ NGHĨA TỰ DO VÀ CHỦ NGHĨA BẢO TỒN Ở MỸ ¹

Chủ nghĩa tự do, như chúng ta đã bàn đến từ Chương II, là chủ

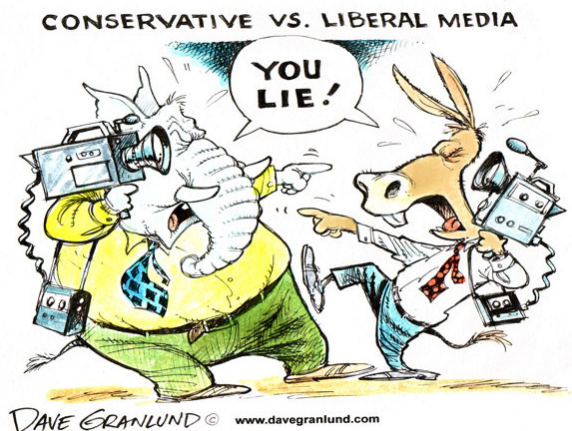
¹. "Governing: An Introduction to Political Science", Austin Ranney, 8th, Prentice Hall, 2001.

nghĩa tự do cổ điển, nghĩa là chủ nghĩa tự do theo nghĩa nguyên thủy của nó. Nó ra đời từ cuối thế kỷ 18, và có đặc thù là đề cao tự do, chủ nghĩa cá nhân, sự duy lý, bình đẳng, tinh thần khoan dung, đồng thuận, hợp hiến (hạn chế quyền lực nhà nước để bảo vệ nhân quyền), như chúng ta đã biết.

Tuy nhiên, ở Mỹ, kể từ giữa những năm 1930 dưới thời Tổng thống Franklin Delano Roosevelt (đảng Dân chủ) và chính sách New Deal của chính phủ Roosevelt, người ta lại nói đến chủ nghĩa tự do như một ý thức hệ không chỉ cổ súy tự do cá nhân mà lại ủng hộ cả việc nhà nước điều hành và can thiệp vào nền kinh tế để bảo đảm mức sống tối thiểu và công ăn việc làm cho người dân. Quá dễ gây lẫn lộn, phải không? Do vậy, để khỏi nhầm lẫn ý thức hệ này với chủ nghĩa tự do cổ điển, người ta gọi nó là *chủ nghĩa tự do hiện đại ở Mỹ*.

Những người tự do theo chính sách New Deal cho rằng tự do thật sự phải là “tự do có”, tức là có sự can thiệp chủ động của nhà nước để bảo vệ người dân khỏi đói nghèo. Nhà nước không thể không làm gì cả, phó mặc tất cả cho thị trường tự do, mà phải là một nhà nước phúc lợi, tức là phải đảm bảo cho mỗi công dân những điều kiện tối thiểu để có thể sống một cuộc đời đạo đức. Điều này khiến cho đảng Dân chủ có xu hướng “tả”. Đây là trong lĩnh vực kinh tế.

Tuy nhiên, ở các lĩnh vực ngoài kinh tế, những người theo chủ nghĩa tự do hiện đại ở Mỹ lại không ủng hộ sự can thiệp của nhà nước, nhất là vào các vấn đề tôn giáo và đạo đức. Ví dụ, họ đòi hỏi nhà nước thế tục (tách biệt chính quyền với thần quyền), không tán thành cầu nguyện tập thể trong các trường công, chống kiểm duyệt văn hóa, và ủng hộ quyền nạo phá thai của phụ nữ vì coi đó là quyền của người phụ nữ tự quyết định những gì thuộc về cơ thể mình.



Truyền thông của hai đảng chỉ trích nhau suốt ngày.

Tranh của Dave Grandlund.

Chủ nghĩa bảo tồn ở Mỹ, ban đầu, cũng là ý thức hệ đề cao các giá trị và thiết chế truyền thống, tôn ti trật tự và trách nhiệm, để xuất xã hội cần được cai trị bởi tầng lớp quý tộc thay vì doanh nhân mới nổi, như chúng ta đã bàn. Tuy nhiên, kể từ những năm 1930 dưới thời Roosevelt, chủ nghĩa bảo tồn trở thành từ để chỉ ý thức hệ của tất cả những người chống lại chính sách New Deal của Tổng thống Roosevelt và đảng Dân chủ. Người ta gọi nó là *chủ nghĩa bảo tồn hiện đại ở Mỹ*. Nó có hai nội dung chính:

- Ủng hộ tự do kinh tế tuyệt đối: Những người bảo tồn này cho rằng nhà nước chỉ cần bảo đảm các nguyên tắc pháp luật hỗ trợ và thúc đẩy thị trường tự do, và chẳng nên can thiệp gì khác vào nền kinh tế. Thuế phải thấp, chỉ nên ở mức tối thiểu. Tất cả nhằm khuyến khích tự do kinh tế. Điều này khiến cho những người bảo tồn có xu hướng “hữu”.

- Bảo vệ, bảo tồn các giá trị truyền thống, như hôn nhân (dị tính) và gia đình, lòng chung thủy, sự ngoan đạo, đạo đức. Những người bảo tồn cho rằng nhà nước có quyền can thiệp để gìn giữ các giá trị đó, đồng thời, ủng hộ cầu nguyện tập thể trong trường công,

chống nạo thai, tán thành kiểm duyệt văn hóa (chẳng hạn, cấm phim ảnh đồi trụy).

Những người theo chủ nghĩa bảo tồn ở Mỹ được cho là đã tóm tắt quan điểm của họ lại trong 10 từ sau đây: Stronger Defense, Free Economy, Lower Tax, Smaller Government, Family Values. Có nghĩa là (theo thứ tự):

Quốc phòng mạnh	Thị trường tự do	Thuế thấp	Bộ máy nhà nước nhỏ hơn	Các giá trị gia đình
-----------------	------------------	-----------	-------------------------	----------------------

Đảng Cộng hòa ở Mỹ là đảng theo đuổi chủ nghĩa bảo tồn hiện đại này.

Như vậy, ở Mỹ, đảng Dân chủ (theo chủ nghĩa tự do hiện đại) có xu hướng “tả”, còn đảng Cộng hòa (theo chủ nghĩa bảo tồn hiện đại) có xu hướng hữu. Tuy nhiên, không phải cứ đảng nào xưng tên là Dân chủ thì đều có xu hướng tả. Ví dụ như ở Đức, đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo (CDU) lại là đảng bảo tồn, bởi họ đề cao tầm quan trọng của các thiết chế trung gian như nhà thờ, công đoàn... Về kinh tế, CDU cổ súy kinh tế thị trường với điều kiện phát triển phải vì lợi ích chung, đảm bảo xã hội hòa hợp.

* * *

SAO LẠI GỌI LÀ “CÁNH TẢ”, “CÁNH HỮU”?

Trong Hán Việt, tả là trái, hữu là phải. Từ đâu mà nảy sinh khái niệm “cánh tả”, “cánh hữu” trong chính trị?

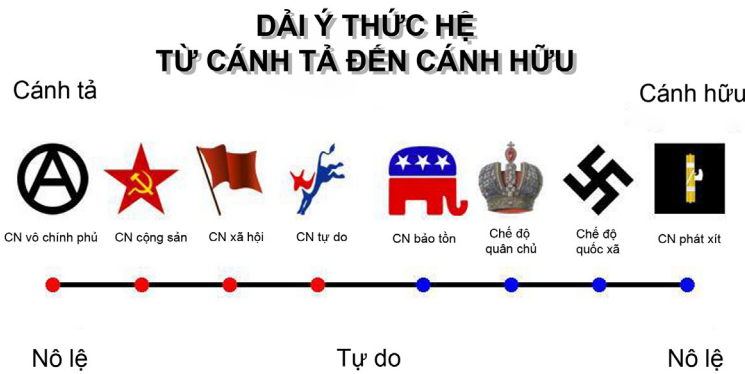
Nguồn gốc của chúng được cho là bắt đầu từ thời Cách mạng Pháp. Mùa hè năm 1789, Quốc hội nước Pháp họp soạn thảo hiến pháp. Các đại biểu bất đồng sâu sắc xoay quanh việc nên để cho vua Louis XVI nắm quyền lực đến đâu. Hai phe, theo hai quan điểm chính, dần dần đứng sang hai bên trong hội trường. Phe cách mạng, chống lại hoàng gia, đứng về bên tay trái chủ tọa, còn phe

quý tộc bảo thủ (bảo tồn), ủng hộ nền quân chủ, thì tập trung lại phía tay phải chủ tọa.

Về sau, báo chí bắt đầu nói về phe “tả” cấp tiến và phe “hữu” truyền thống trong Quốc hội Pháp. Bước sang thế kỷ 19, các nhà lập pháp theo hai chủ nghĩa – tự do và bảo tồn – lại tiếp tục đứng về cánh trái và cánh phải trong cơ quan lập pháp. Cho đến giữa thế kỷ 19, từ “tả” và “hữu” đã có mặt trong tiếng Pháp như cách gọi tên ngắn gọn các ý thức hệ chính trị đối lập nhau. Các đảng phái cũng bắt đầu tự định vị mình là “trung tả”, “trung hữu”, “cực tả”, “cực hữu”.

Từ tiếng Pháp, khái niệm “tả” và “hữu” cũng lan dần sang tiếng Anh và các nước nói tiếng Anh.

Người ta còn diễn tả một số ý thức hệ chính trị phổ biến, có ảnh hưởng, lên một biểu đồ gọi là “dải ý thức hệ”, “phổ ý thức hệ”, và trong cái phổ đó, các chủ nghĩa có xu hướng “tả” thì nằm về bên tay trái, “hữu” thì về bên tay phải, như trong hình dưới đây.



Người dịch dùng từ “chế độ” ở hai khái niệm “chế độ quân chủ” và “chế độ quốc xã” vì cách gọi này có vẻ quen thuộc với độc giả Việt Nam hơn, nhưng thực chất đó cũng là hai chủ nghĩa – ý thức hệ chính trị (tiếng Anh tương ứng là monarchism và nazism).

Chương IV

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI

Những tư tưởng chủ nghĩa xã hội thai nghén từ tác phẩm Utopia (xuất bản năm 1516 bằng tiếng Latin, tiếng Việt dịch là: Không tưởng) của Thomas More, thậm chí xa xưa hơn nữa, từ tác phẩm Republic (viết bằng tiếng Hy Lạp, khoảng năm 380 trước Công nguyên, tiếng Việt: Nền cộng hòa) của Plato.

Bản thân khái niệm chủ nghĩa xã hội thì hình thành từ đầu thế kỷ 19, với mục tiêu nguyên thủy là xóa bỏ nền kinh tế tư bản (dựa trên sở hữu tư nhân và trao đổi thị trường), xây dựng xã hội dựa trên công hữu.

Chủ nghĩa xã hội đối lập với chủ nghĩa tư bản	
Chủ nghĩa xã hội	Chủ nghĩa tư bản
Một hệ thống kinh tế trong đó phương tiện sản xuất, phân phối và trao đổi đều là công hữu (của chung) và do nhà nước quản lý, vận hành.	Một hệ thống kinh tế trong đó phương tiện sản xuất, phân phối và trao đổi phần lớn là tư hữu (của tư nhân) và do tư nhân quản lý, vận hành.

Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội phát triển trong thế kỷ 19 với một sự thống nhất chung rằng chủ nghĩa tư bản, dựa trên thiết chế sở hữu tư nhân và người bóc lột người, là nguồn gốc của nghèo đói và bất công. Do đó, cách duy nhất để chống lại sự xấu xa của chủ

nghĩa tư bản là để cho xã hội sở hữu chung về phương tiện sản xuất, hệ thống phân phối và trao đổi, mà nhà nước là đại diện quản lý. Nhà nước có thể mua lại hoặc tịch thu “những đỉnh cao chỉ huy”¹ của nền kinh tế và phân phối sản phẩm, dịch vụ cho các cá nhân tùy theo nhu cầu của mỗi cá nhân. Vị đại diện nổi bật và có ảnh hưởng lớn nhất cho quan điểm này là Karl Marx (Các Mác).

Đến cuối thế kỷ 19 thì nổi lên trường phái cải cách chủ nghĩa xã hội: đưa công nhân hội nhập dần vào xã hội tư bản thông qua cải thiện điều kiện lao động, tăng tiền công, phát triển công đoàn và các đảng xã hội; ủng hộ chuyển đổi từ từ, ôn hòa, hợp pháp, sang chủ nghĩa xã hội; ủng hộ đấu tranh nghị trường hơn là bạo lực cách mạng. Một đại diện của quan điểm này là Eduard Bernstein (1850-1932), “ông tổ” của chủ nghĩa xét lại. Ông này khẳng định: Không có chiến tranh giai cấp, và xã hội có thể chuyển đổi ôn hòa sang chế độ xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xét lại

Là ý thức hệ sửa đổi, điều chỉnh lại những quan niệm nguyên thủy của một ý thức hệ khác, cũng có thể được coi như sự từ bỏ những nguyên tắc ban đầu của ý thức hệ khác đó.

Trong phong trào cộng sản quốc tế, chủ nghĩa xét lại được hiểu là sự sửa đổi, điều chỉnh lại những quan niệm của chủ nghĩa Mác thuần túy.

Trong những năm 40 và 50 của thế kỷ 20, từ “xét lại” được Stalin và những người ủng hộ ông ta dùng để gọi những người cộng sản nào cho rằng cần phải ưu tiên hàng tiêu dùng hơn công nghiệp nặng, chấp nhận sự khác biệt giữa các dân tộc thay vì cố sùý tinh thần vô sản quốc tế, khuyến khích cải cách dân chủ thay vì trung thành với học thuyết Mác. Tất nhiên, khi đó, “xét lại” là một trọng tội và người xét lại sẽ bị nghiêm trị, bị thanh trừng.

¹ Những đỉnh cao chỉ huy (commanding heights) của nền kinh tế là khái niệm do Lenin sử dụng để chỉ những ngành kinh tế có thể kiểm soát và hỗ trợ được cho các ngành khác. Có thể hiểu chúng như những ngành “mũi nhọn” của nền kinh tế, chẳng hạn dầu khí, thép, điện lực... Gần đây có quan điểm cho rằng giáo dục và y tế cũng có thể được coi là các đỉnh cao chỉ huy mới. Ở Việt Nam, có người dịch “commanding heights” là “cao điểm chiến lược” để cho có sắc thái quân sự.

Trong những năm 60 của thế kỷ 20, từ “xét lại” lại được Mao Trạch Đông và đảng Cộng sản Trung Quốc dùng để công kích Nikita Khrushchev và đảng Cộng sản Liên Xô. Ở Việt Nam thời gian đó, hàng chục người bị quy kết là “xét lại” đã bị các “đồng chí” cộng sản của họ, đứng đầu là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, bỏ tù không qua xét xử. Một trong những người bị tù oan là ông Vũ Thư Hiên – nhà văn, nhà biên kịch, nhà báo, dịch giả, con trai của cụ Vũ Đình Huỳnh (thư ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh). Ông Hiên bị tù 9 năm không án. Câu chuyện này đã được ông thuật lại trong hồi ký chính trị nổi tiếng Đêm giữa ban ngày.

Bước sang đầu thế kỷ 20, chủ nghĩa xã hội chia thành hai khối:

- Khối cách mạng, tức là cộng sản: đi đầu là Lenin và đảng Bolshevik của ông ta, chủ trương công hữu và kế hoạch hóa tập trung.

- Khối cải cách, sau này trở thành dân chủ xã hội, chủ trương tái phân phối thông qua phúc lợi và quản lý kinh tế. Những tư tưởng đó bắt nguồn từ tư tưởng của nhà “xét lại” Eduard Bernstein.

Bây giờ chúng ta sẽ bàn sâu hơn về các yếu tố cấu thành chủ nghĩa xã hội, và một số hình thái chủ nghĩa xã hội trong lịch sử hiện đại.

CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chủ nghĩa xã hội truyền thống (theo nghĩa nguyên thủy của nó, hình thành vào đầu thế kỷ 19) được cấu thành bởi các yếu tố sau:

1. Cộng đồng; 2. Tình thân bác ái; 3. Bình đẳng xã hội; 4. Nhu cầu; 5. Giai cấp; 6. Công hữu (sở hữu chung).

1. Cộng đồng

Chủ nghĩa xã hội đề cao cộng đồng, cho rằng mỗi cá nhân được định hình bởi các mối quan hệ xã hội và bởi việc cá nhân đó là thành viên của các nhóm, các tập thể. Như Karl Marx đã nói: “Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”.

Chủ nghĩa tập thể quan trọng hơn chủ nghĩa cá nhân. Cái tôi không là gì trước tập thể vĩ đại.

2. Tinh thần bác ái

Người theo chủ nghĩa xã hội quan niệm: Trong cộng đồng, con người ràng buộc với nhau bởi tình đồng chí, tình anh em, hay nói rộng ra là tình bác ái. Với tinh thần bác ái đó, hợp tác quan trọng hơn và quý hơn cạnh tranh. Hợp tác giúp con người phát triển và khai thác sức mạnh tập thể, trong khi cạnh tranh chỉ kích động thù hằn, mâu thuẫn, xung đột.

Có thể với tư duy đó, những người cộng sản Việt Nam cho rằng sự tồn tại của ba đảng cộng sản (trước năm 1930) chỉ chia rẽ quần chúng, còn chế độ đa đảng chỉ dẫn đến việc các đảng tranh giành quyền lực và đảng nào cũng chỉ lo lợi ích của mình, bỏ mặc nhân dân.

3. Bình đẳng xã hội

Chủ nghĩa xã hội đề cao bình đẳng, nhưng là bình đẳng xã hội (tức là về đầu ra), cả xã hội đều bình đẳng như nhau. Đó là giá trị trung tâm, cốt lõi của chủ nghĩa xã hội. Người theo chủ nghĩa xã hội tin rằng bình đẳng là điều kiện thiết yếu để bảo đảm ổn định xã hội, là cơ sở để hợp tác, là cơ sở của các quyền pháp lý và chính trị.

4. Nhu cầu

Chủ nghĩa xã hội quan niệm rằng lợi ích vật chất phải được phân bổ trên cơ sở nhu cầu cá nhân chứ không căn cứ vào tài năng, năng lực cá nhân (hay năng suất) hoặc công việc.

5. Giai cấp

Karl Marx phân loại giai cấp tùy theo quan hệ với tư liệu sản xuất. Ông ta định nghĩa xã hội phân chia giai cấp là xã hội phân chia thành chủ sở hữu tư liệu sản xuất (tư sản) và người bán sức lao động (công nhân). Chủ nghĩa Mác coi công nhân là lực lượng quyết định thay đổi xã hội, thậm chí là lực lượng tạo ra cách mạng vô sản, tiêu diệt giai cấp tư sản, xóa bỏ tư hữu – nguồn gốc của phân chia giai cấp, của tình trạng người bóc lột người và mọi khổ đau khác của xã hội.

Trong khi đó, những người theo chủ nghĩa xã hội khác (không theo phái Mác) phân loại giai cấp dựa theo thu nhập và địa vị xã hội. Họ cho rằng có thể được hàn gắn sự phân chia giai cấp bằng cách xóa bỏ hoặc thu hẹp bất bình đẳng về kinh tế và xã hội.

6. Công hữu

“Công” là chung, công cộng. Công hữu, tức sở hữu chung, được thể hiện dưới hình thức tập thể hóa hoặc quốc hữu hóa. Chủ nghĩa xã hội coi công hữu là cách để khai thác nguồn lực vì lợi ích chung, còn tư hữu, trái lại, sẽ thúc đẩy tính ích kỷ, háms lợi và dẫn đến chia rẽ xã hội.

Công hữu là một trong những khái niệm trung tâm của chủ nghĩa Mác, là công cụ để xây dựng xã hội cộng sản trên thực tế. Từ năm 1954 ở miền Bắc, và từ năm 1975 ở cả hai miền cho đến năm 1986, nền kinh tế Việt Nam chỉ gồm hai thành phần: kinh tế nhà nước (đại diện bởi các xí nghiệp quốc doanh) và kinh tế tập thể (đại diện bởi các hợp tác xã) – là biểu hiện của việc đảng Cộng sản Việt Nam áp dụng chế độ công hữu đối với nền kinh tế quốc gia. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội cuối thập niên 80 thế kỷ trước ở Việt Nam, khiến đảng Cộng sản phải tiến hành đổi mới, chấp nhận một nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều chế độ sở hữu với dấu mốc là Đại hội VI (1986). Về bản chất, quyết định cho phép tồn tại sở hữu tư nhân trong nền kinh tế của đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn đi ngược lại nguyên tắc hàng đầu của chủ nghĩa Mác: thủ tiêu tư hữu, xóa bỏ thị trường.

* * *

CÁC HÌNH THÁI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Đến đây chúng ta sẽ điểm qua một số hình thái chủ nghĩa xã hội trong lịch sử hiện đại: Chủ nghĩa Mác (nguyên thủy), chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô, dân chủ xã hội, con đường thứ ba.

1. Chủ nghĩa Mác (nguyên thủy)

Chủ nghĩa Mác nguyên thủy, với tư cách một học thuyết triết học chính trị, khác với trào lưu cộng sản thế kỷ 20 trên thế giới. Nó được cấu thành bởi các yếu tố đặc thù sau:

- Chủ nghĩa duy vật lịch sử;
- Phép biện chứng;
- Khái niệm “sự tha hóa”: Công nhân bị tách rời khỏi sản phẩm đầu ra của sức lao động, tách rời khỏi cả quá trình lao động, tách rời khỏi các bạn công nhân khác và do đó, mất khả năng sáng tạo và tương tác xã hội.

- Đấu tranh giai cấp;
- Giá trị thặng dư;
- Cách mạng vô sản;
- Chủ nghĩa cộng sản: một hệ thống kinh tế chính trị trong đó chính quyền được vận hành bởi một đảng duy nhất, độc đoán, và kiểm soát toàn bộ phương tiện sản xuất, trao đổi và phân phối.

2. Chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô (chính thống)

Chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô, còn gọi là chủ nghĩa cộng sản chính thống, là một thứ ý thức hệ pha trộn giữa chủ nghĩa Mác với các tư tưởng, quan điểm của Lenin và Stalin.

Lenin lý luận: Giai cấp công nhân không ý thức được về sức mạnh của mình, nên chỉ cần cải thiện điều kiện lao động là đã hài lòng rồi, không nghĩ đến sứ mệnh lật đổ chủ nghĩa tư bản. Do đó, cần có một đảng cách mạng làm đội quân tiên phong của giai cấp công nhân. Đó là một đảng kiểu mới, theo nghĩa là: 1. Nó không phải là một đảng quần chúng, mà đảng viên của nó là các nhà cách mạng chuyên nghiệp và dấn thân vì lý tưởng (ở đây là ý thức hệ cộng sản). 2. Nó được tổ chức dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ (có thể tự do thảo luận nhưng phải thống nhất tuyệt đối về hành động – xem “Nguyên tắc tập trung dân chủ” ở Chương III, Phần V). 3. Nó có thứ bậc và kỷ luật chặt chẽ.

Năm 1917, Lenin và đảng Bolshevik của ông ta giành được chính quyền ở nước Nga trong một chính biến mà họ gọi là Cách mạng Tháng Mười. Sau đó, chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô lan rộng theo các diễn biến sau:

- Năm 1924, Lenin chết, Stalin lên thay.
- Năm 1928: Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, xóa hết doanh nghiệp tư nhân.
- Năm 1929: Tập thể hóa nông trang.
- Thập niên 1930: Tiêu diệt hết đối lập
- Từ sau năm 1945: Chủ nghĩa cộng sản kiểu Liên Xô được áp dụng rộng khắp ở Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Đông Âu.

3. Dân chủ xã hội

Trái với tính máy móc và cuồng nhiệt ý thức hệ của chủ nghĩa Mác nguyên thủy và chủ nghĩa cộng sản chính thống, những người theo trường phái dân chủ xã hội nhân văn hơn hẳn. Đó là những người theo các đảng xã hội ở Bắc Âu, Đức, Pháp, Mỹ (không có Anh, vì Công đảng Anh đã tuyên bố bỏ chủ nghĩa xã hội để theo đuổi ý thức hệ tư bản chủ nghĩa).

Người dân chủ xã hội đề cao chủ nghĩa xã hội nhưng cũng đề cao cả dân chủ. Họ tin rằng có thể đạt tới chế độ xã hội chủ nghĩa thông qua và chỉ thông qua con đường dân chủ và hòa bình, chứ không phải bằng đấu tranh giai cấp bạo lực với một đảng cách mạng tiên phong. Cụ thể, các đảng xã hội cạnh tranh với các đảng khác, giành chiến thắng trong bầu cử, và sau đó, nắm chính quyền và điều hành đất nước một cách dân chủ, thi hành những chính sách xã hội ôn hòa.

Người dân chủ xã hội cố gắng cân bằng giữa thị trường và nhà nước, cá nhân và cộng đồng. Mặc dù cũng coi chủ nghĩa tư bản là cơ chế duy nhất để tạo ra của cải, sự thịnh vượng, nhưng họ mong muốn phân phối của cải theo các nguyên tắc đạo đức hơn là các nguyên tắc thị trường. Do đó, họ chủ trương “nhân văn hóa” chế độ tư bản thông qua sự can thiệp của nhà nước:

- Chính phủ điều tiết nền kinh tế;
- Nhà nước đánh thuế để lập quỹ phúc lợi.

Đặc điểm nổi bật của ý thức hệ dân chủ xã hội là luôn luôn quan tâm đến những người bị thua thiệt trong xã hội, người yếu thế, người dễ bị tổn thương. Họ cũng tin vào lòng trắc ẩn và nhân hậu, chủ trương bình đẳng về cơ hội (giống chủ nghĩa tự do), chủ trương con người phải có trách nhiệm bảo vệ và chăm sóc người khác (giống chủ nghĩa bảo tồn).

Từ những năm 1980, chế độ dân chủ xã hội ở các nước công nghiệp đã dần thoái trào, do thế giới có nhiều biến đổi, mà nổi bật là:

- Cơ cấu lao động, giai cấp đã thay đổi: Nhiều chuyên gia, nhà quản lý và nhân viên văn phòng hơn, ít công nhân và lao động chân tay hơn.

- Toàn cầu hóa mạnh mẽ hơn, ảnh hưởng tới các chính sách kinh tế của mỗi quốc gia.

- Quốc hữu hóa và kế hoạch hóa thất bại ở nhiều ngành kinh tế, kể cả ở nước phát triển.

- Xã hội mất lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, quốc hữu hóa, tập thể hóa, kế hoạch hóa...

4. Con đường thứ ba

“Con đường thứ ba” là một ý thức hệ có tham vọng thay thế cho cả chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Ý thức hệ này quan niệm, chủ nghĩa xã hội và mọi sự can thiệp của nhà nước theo kiểu từ trên xuống dưới, đã hết thời. Nó thừa nhận toàn cầu hóa như một đặc điểm không thể tách rời của thế giới hiện đại, chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành “kinh tế tri thức”. Nó cũng đề cao vai trò của công nghệ thông tin và kỹ năng cá nhân.

Trong nền kinh tế tri thức, nhà nước đóng vai trò thiết yếu về kinh tế và xã hội. Đó là vai trò:

- Phát triển giáo dục, đào tạo kỹ năng cho dân chúng, nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế trên toàn cầu;
- Phát triển xã hội dân sự và các cộng đồng để hạn chế những sức ép của chủ nghĩa tư bản và thị trường.

Những người theo trường phái Con đường thứ ba đề xướng khái niệm “workfare state” (tạm dịch là nhà nước công lợi), tương phản với “welfare state” là nhà nước phúc lợi: Nhà nước hỗ trợ tài chính hoặc giáo dục một cách có điều kiện, ví dụ chỉ dành cho những người đang tìm việc và có ý thức tự lập, chứ nhất định không hỗ trợ rộng rãi, hào phóng, kiểu “chăm lo cho người dân từ trong nôi cho tới lúc xuống mồ”.

Ở các khía cạnh khác, họ kêu gọi cân bằng giữa quyền và trách nhiệm, và chủ trương bình đẳng về cơ hội, ủng hộ chế độ nhân tài (xã hội meritocracy, như chúng ta đã biết).

Chương V

MỘT SỐ CHỦ NGHĨA KHÁC

CHỦ NGHĨA PHÁT XÍT

Hẳn bạn đã từng nghe đầu đó nói, chủ nghĩa phát xít cũng như chủ nghĩa cộng sản, là đại họa của nhân loại. Tuy nhiên, điều thú vị là hai chủ nghĩa này cũng chống nhau kịch liệt. Vậy chúng có gì chung, có gì riêng?

Chủ nghĩa phát xít nổi lên từ đầu thế kỷ 20 với hai đại diện là Benito Mussolini (Ý, cầm quyền từ năm 1922 đến năm 1943) và Adolf Hitler (Đức, cầm quyền từ năm 1933 đến năm 1945).

Chủ nghĩa phát xít là một cuộc nổi loạn chống lại tất cả triết học, tư tưởng Tây phương từ thời Cách mạng Pháp: chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa bảo tồn, chủ nghĩa cộng sản. Người ta cho rằng nó ra đời vì một số nguyên nhân như sau:

- Sự trỗi dậy của tình cảm dân tộc, của lòng tự tôn dân tộc bị tổn thương đối với ý và đức sau hiệp ước versailles.

- Lạm phát phi mã và khủng hoảng kinh tế;

- Bất ổn xã hội – công nhân đình công đòi tăng lương, nông dân mất đất...

- Sự suy yếu của nền dân chủ đại nghị – nhiều đảng phái nổi lên, chính phủ không ổn định...

- Nỗi sợ chủ nghĩa cộng sản, sau khi đảng Bolshevik chiếm chính quyền ở Liên Xô (1924).

Chủ nghĩa phát xít dẹp bỏ các khái niệm duy lý, tự do, bình đẳng, bác ái, v.v. và được cấu thành bởi một loạt khái niệm mà nó tôn vinh, như “đấu tranh”, “lãnh tụ”, “quyền lực”, “chủ nghĩa anh hùng”, “chiến tranh”... Nó cổ súy hình ảnh một cộng đồng quốc gia thống nhất, đoàn kết, với khẩu hiệu chính “đoàn kết là sức mạnh”. Tuy tôn vinh hình ảnh anh hùng nhưng chủ nghĩa phát xít lại có mâu thuẫn là với nó, cá nhân chẳng là gì, cá nhân phải hòa mình hoàn toàn vào cộng đồng, phải cống hiến và phụng sự thì mới có ý nghĩa.

Con người lý tưởng của chủ nghĩa phát xít là cá nhân được dẫn dắt bởi nhiệm vụ, danh dự và sự hy sinh; sẵn sàng cống hiến đời mình cho vinh quang của đất nước và dân tộc; phục tùng lãnh tụ tối cao vô điều kiện.

Đến cuối thế kỷ 20, chủ nghĩa phát xít mới, hay tân phát xít (neo-fascism), nổi lên như một cách phản ứng với khủng hoảng kinh tế và bất ổn chính trị sau khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ.

Sự khác biệt giữa phát xít Ý và phát xít Đức

Chủ nghĩa phát xít ở Ý có đặc trưng là trọng nhà nước, do đó nó còn được coi là chủ nghĩa trọng nhà nước, chủ nghĩa nhà nước, trung ương tập quyền: Cho rằng sự can thiệp của nhà nước là cách tốt nhất để giải quyết các vấn đề chính trị, để phát triển kinh tế-xã hội; nhà nước là cơ chế để tổ chức các hành động tập thể và thực hiện các mục tiêu chung. Do đó, phục vụ nhà nước là phục vụ ý chí chung, phục vụ lợi ích cộng đồng – một nghĩa vụ cao cả. Cá nhân phải tôn sùng và tuyệt đối trung thành với nhà nước, như Gentile (1875-1944) đã nói: “Tất cả vì nhà nước; không có gì chống lại nhà nước; không có gì nằm ngoài nhà nước”.

Chủ nghĩa phát xít trọng nhà nước ở Ý thể hiện ở các chính sách: quốc hữu hóa, tập thể hóa, nhà nước quản lý kinh tế, xây dựng tập đoàn nhà nước...

Chủ nghĩa phát xít ở Đức tự nhận nó là chủ nghĩa xã hội quốc gia, gọi tắt là quốc xã. Nó được xây dựng trên nền tảng chính yếu là sự phân biệt chủng tộc, gồm hai trụ cột là thuyết chủng tộc thượng đẳng (chủng Arya) và thuyết bài Do Thái.

* * *

CHỦ NGHĨA VÔ CHÍNH PHỦ

Chủ nghĩa vô chính phủ gắn với các yếu tố đặc trưng sau: tự nguyện, tự quản, không nhà nước, không phân chia thứ bậc địa vị.

Những người theo thuyết vô chính phủ chủ trương rằng luật pháp, chính quyền và nhà nước đều là không cần thiết; quyền lực chính trị dưới mọi hình thức, nhất là dưới hình thức nhà nước, là xấu xa tồi tệ. Họ cổ súy xã hội không có nhà nước, trong đó, các cá nhân tự do tự giải quyết mọi việc thông qua thỏa thuận và hợp tác tự nguyện.

Như vậy, ở khía cạnh cổ súy chủ nghĩa cá nhân và tôn sùng tự do cá nhân, chủ nghĩa vô chính phủ có phần chịu ảnh hưởng và giống với chủ nghĩa tự do. Còn ở khía cạnh nhấn mạnh các yếu tố cộng đồng, hợp tác, bình đẳng, sở hữu chung, thì nó lại chịu ảnh hưởng và giống với chủ nghĩa xã hội.

Pierre-Joseph Proudhon, một đại diện của chủ nghĩa vô chính phủ, cổ súy chủ nghĩa tương hỗ, theo đó, các cộng đồng nhỏ của những cá thể độc lập như nông dân, thợ thủ công, v.v. có thể sống tốt dựa trên trao đổi công bằng, bình đẳng, tránh xa mọi sự bất công và bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Một đại diện khác là Peter Kropotkin thì cổ súy sở hữu chung, phi tập trung hóa, tự quản.

Tinh thần vô chính phủ đã lẻ đã có từ thời Trang Tử với biểu hiện là sự thù ghét cường quyền, chống lại chính quyền. Trang Tử nói: “Kẻ ăn cắp vặt thì bị tổng giam. Đạo tặc ăn cướp thì thành vua một nước”. Thế kỷ 20, danh hài Charlie Chaplin (vua hề Sác-lô)

cũng là một người vô chính phủ nổi tiếng. Ông từng phát biểu: “Nói về chính trị thì tôi là người vô chính phủ. Tôi ghét nhà nước, luật lệ và xiềng xích. Tôi không thể chịu được cảnh thú vật bị nhốt trong chuồng. Con người phải tự do”.

Tự do cá nhân có lẽ là điểm hấp dẫn nhất của chủ nghĩa vô chính phủ. Dù vậy, bạn biết không: Điều thú vị là so với tất cả các ý thức hệ khác, trên thế giới, chưa từng có một đảng phái nào theo chủ nghĩa vô chính phủ mà giành được chính quyền!

* * *

CHỦ NGHĨA MÔI TRƯỜNG

Chủ nghĩa môi trường chớm hình thành từ cuối thế kỷ 19 với tinh thần chống lại cuộc cách mạng công nghiệp đang dâng lên và lan rộng. Bước sang thế kỷ 20, chủ nghĩa môi trường lớn mạnh dần trước đà phát triển của kinh tế, công nghiệp, công nghệ hạt nhân, mưa axit, tầng ozone bị thủng và xuất hiện hiện tượng biến đổi khí hậu, nóng lên toàn cầu...

Đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa môi trường là sự phản đối quan điểm coi con người là trung tâm của sự phát triển. Đối với chủ nghĩa này, con người chỉ là một phần của thiên nhiên, trái đất là một sinh thể (nên được gọi là mẹ thiên nhiên, mẹ trái đất). Người theo chủ nghĩa môi trường có xu hướng ủng hộ đạo Lão, đạo Phật, Thiền (Zen), là những đạo cổ xưa sự trở về với thiên nhiên, sống hợp lẽ tự nhiên...

Chủ nghĩa môi trường cũng chia làm hai trường phái chính:

- Trường phái ôn hòa: Cổ súy cho các chính sách và lối sống lành mạnh về mặt môi trường, sinh thái.

- Trường phái quyết liệt: Đặt hệ sinh thái lên trước tất cả các loài, kêu gọi bảo vệ hành tinh và cả nhân loại.

* * *

TÔN GIÁO THUẦN TÚY

Tôn giáo thuần túy là ý thức hệ quan niệm rằng tồn tại một sự thật, hay là chân lý, căn bản cần được mặc khải, đời sống xã hội và chính trị cần được tổ chức trên cơ sở các nguyên tắc tôn giáo và sự thật hay chân lý căn bản đó. Kết quả của nó là nhà nước thần quyền – nơi nhà nước và nhà thờ bất khả phân. Để hiểu rõ về nó, ta có thể tìm hiểu một ý thức hệ đối lập với nó, là chủ nghĩa thế tục; chủ nghĩa này cho rằng tôn giáo không được can thiệp vào các vấn đề thế tục, và nỗ lực tách nhà thờ, nhà chùa... khỏi nhà nước, tách thần quyền khỏi chính quyền.

Tôn giáo thuần túy chia ra rất nhiều trường phái, tương ứng với những tôn giáo hoặc giáo phái khác nhau. Ví dụ như Thiên Chúa giáo thuần túy chủ trương chống nạo thai, vận động tổ chức cầu nguyện tập thể trong trường học, vận động phục hồi các giá trị gia đình truyền thống... Do Thái thuần túy chống Palestine, chống việc trao đất của người Do Thái cho nhà nước Palestine. Hindu thuần túy chống thế tục hóa kiểu phương Tây, chống đạo Hồi, đạo Sikh...

* * *

CHỦ NGHĨA CỘNG ĐỒNG

Chủ nghĩa cộng đồng nổi lên từ thập niên 1980, với hai đại diện xuất sắc là Michael Sandel (1962-) và Robert Putnam (1941-). Độc giả Việt Nam, nếu quan tâm đến triết học, hẳn đã biết đến các bài giảng nổi tiếng tại Đại học Harvard của Giáo sư Michael Sandel, được tập hợp lại trong cuốn sách “Phải trái đúng sai” hay dịch sát nghĩa từ tiếng Anh là “Công lý: Việc đúng nên làm” (Justice: What’s the right thing to do?).

Chủ nghĩa cộng đồng phê phán gay gắt chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa cá nhân. Để hiểu tại sao lại như vậy, ta có thể tìm hiểu bối cảnh ra đời của nó: Vào thập niên 1980 ở các nước phương Tây, chủ nghĩa cá nhân đang trỗi dậy, thay thế cho chủ nghĩa tập thể. Thị trường tự do thay thế kế hoạch hóa nhà nước. Tự do thay thế bình đẳng, và nhà nước tối thiểu thay thế nhà nước trung ương hành chính quan liêu. Hậu quả là tinh thần cộng đồng bị xói mòn khủng khiếp trong xã hội công nghiệp.

Robert Putnam viết trong cuốn “Bowling alone: The collapse and revival of American community” (tạm dịch: Chơi bowling một mình: sự sụp đổ và sống lại của cộng đồng Mỹ, 2000): “Bowling đã làm suy yếu nền dân chủ Mỹ. Dân chủ đòi hỏi chúng ta phải nghĩ về mình như là thành viên của một xã hội chung, chứ không phải như một cá nhân. Ấy thế nhưng chúng ta không chơi thể thao, chúng ta không đi câu lạc bộ, chúng ta không tham gia các đảng chính trị, chúng ta không đi nhà thờ, và rất nhiều người trong chúng ta thậm chí không biết tên hàng xóm nhà đối diện”. “Cuối thế kỷ 20, người Mỹ chơi bowling nhiều hơn. Nhưng nước Mỹ lại có ít đội/ liên đoàn bowling hơn”.

Những nhận định đó đã tóm tắt đầy đủ sự sa sút của tinh thần cộng đồng trong một xã hội phương Tây điển hình như nước Mỹ.

Ra đời trong bối cảnh xã hội đó, chủ nghĩa cộng đồng nhấn mạnh mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Cộng đồng ấy có thể là gia đình, trường học, là những người sống trong một diện tích địa lý cụ thể, hay một nhóm người chia sẻ một lợi ích chung, hay một nhóm người chia sẻ một lịch sử chung.

Chủ nghĩa cộng đồng phê phán chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa cá nhân, cho rằng chúng làm suy yếu vốn xã hội, trong khi vốn xã hội là yếu tố chủ chốt để xây dựng và duy trì nền dân chủ, và là một trong ba yếu tố cấu thành nên sự phát triển của cá nhân. Để phát triển thì cá nhân cần vốn vật chất (công cụ lao động), vốn văn hóa hay vốn con người (giáo dục, bằng cấp), và vốn xã hội, tức mạng

lưới quan hệ. Những người theo chủ nghĩa cộng đồng quan niệm như vậy.

* * *

CHỦ NGHĨA NỮ QUYỀN

Chủ nghĩa nữ quyền nổi lên từ phong trào đòi quyền bỏ phiếu cho nữ giới lần thứ nhất (những năm 40-50 của thế kỷ 19), gọi là “làn sóng thứ nhất”, và tiếp tục “làn sóng thứ hai” vào những năm 60 và 70 của thế kỷ 20.

Như tên gọi của nó, chủ nghĩa nữ quyền đòi thúc đẩy vai trò xã hội của phụ nữ, cổ súy bình đẳng về quyền và cơ hội cho phụ nữ.

“Tôi chưa từng nghe người đàn ông nào hỏi xin lời khuyên làm sao để kết hợp hài hòa giữa hôn nhân và sự nghiệp”.

(**Gloria Steinem**, nhà nữ quyền nổi tiếng)

Tuy nhiên, dù cùng có nội dung đòi thúc đẩy vai trò xã hội của phụ nữ và cổ súy bình đẳng, nhưng bản thân những nhà nữ quyền rất không thống nhất. Chủ nghĩa nữ quyền chia làm ba trường phái khác nhau:

- Trường phái quyết liệt: Quan niệm nam giới là kẻ thù của nữ quyền, là đối tượng áp chế nữ giới.
- Trường phái trung dung: Quan niệm phụ nữ cần được bình đẳng về quyền và cơ hội với nam giới, và nam giới cũng góp phần vào bình đẳng giới.
- Trường phái bảo thủ: Phụ nữ có thể được đối xử tốt hơn so với trong quá khứ, nhưng dù gì họ vẫn luôn là “phái yếu” và do vậy cần được đối xử tương ứng.

* * *

Bài đọc

NẾU ĐÀN ÔNG CÓ KINH NGUYỆT¹

Gloria Steinem

Nguyễn Trung Dũng (dịch)

SỰ GIẢI PHÓNG ĐẾN TỪ CHÍNH TƯ DUY TÍCH CỰC CỦA PHỤ NỮ

Sống ở Ấn Độ khiến tôi hiểu rằng thiếu số những người da trắng trên thế giới đã lừa gạt chúng ta qua nhiều thế kỷ, để khiến chúng ta nghĩ rằng làn da trắng làm cho con người ưu việt hơn, mặc dù điều duy nhất nó thực sự làm là khiến cho con người trở thành nạn nhân của tia cực tím và bị nhiều nếp nhăn hơn.

Đọc Freud làm tôi hoài nghi về sự ghen tị dương vật (khái niệm do nhà phân tâm học Sigmund Freud đưa ra, cho rằng phụ nữ có mặc cảm tự xem mình như những người đàn ông khiếm khuyết vì không có dương vật, chứ không phải như một giới tính riêng – ND). (Chính ra) Khả năng sinh sản khiến cho khái niệm “ghen tị

¹ Một trong những tiểu luận nổi tiếng của nhà nữ quyền người Mỹ Gloria Steinem (1934 -). Bà là người đi đầu trong phong trào đòi quyền cho phụ nữ ở những thập niên 60-70 của thế kỷ trước. Tiểu luận này của bà có nhiều phiên bản (?), đây là phiên bản đăng trên tạp chí Ms. số ra tháng 10/1978. Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Trung Dũng, đăng trên Luật Khoa tạp chí ngày 20/10/2015, tại địa chỉ: <https://www.luatkhoa.org/2015/10/neu-dan-ong-co-kinh-nguyet/>

tử cung” nghe có vẻ hợp lý hơn; và một bộ phận nằm bên ngoài cơ thể, không được bảo vệ, như dương vật, phải khiến đàn ông dễ bị tổn thương hơn.

Nhưng gần đây, nghe một phụ nữ kể lại việc hành kinh bất ngờ (một vệt đỏ loang trên váy của cô đúng vào lúc cô đang tranh luận sôi động trên sân khấu nơi công cộng), tôi vẫn co rúm người lại vì xấu hổ. Cho đến khi cô ấy kể rằng, cuối cùng, khi được biết về “sự cố” qua tiếng xì xào của mọi người, cô đã nói với cử tọa – toàn nam giới – như sau: “Các bạn nên tự hào là đã có một người phụ nữ hành kinh trên sân khấu của mình. Thật sự đây có lẽ là điều xảy ra với hội ta lần đầu tiên trong nhiều năm”.

Cử tọa cười ồ. Nhẹ cả người. Cô đã biến một chuyện tiêu cực thành tích cực. Câu chuyện của cô hòa với Ấn Độ và Freud, và rốt cuộc tôi đã hiểu được sức mạnh của tư duy tích cực. Bất kỳ cái gì một nhóm “ưu việt” có cũng sẽ được dùng để biện minh cho tính ưu việt của họ, và bất kỳ cái gì một nhóm “thấp kém” có cũng sẽ bị dùng để biện minh cho hoàn cảnh của họ. Màu da đen khiến tôi phải nhận một công việc với mức lương thấp, vì người ta nói rằng điều đó khiến tôi “mạnh mẽ hơn” người da trắng. Còn tất cả phụ nữ đều làm những công việc với mức lương kém cỏi là bởi vì họ bị cho là “phái yếu”. Khi hỏi một cậu bé có muốn làm luật sư như mẹ mình không, cậu trả lời: “Ồ, không. Đó là công việc của phụ nữ”. Logic chẳng liên quan gì đến sự áp bức.

ĐÀN ÔNG SẼ “THẦN THÁNH HÓA” KINH NGUYỆT NẾU...

Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu đột nhiên, một cách kỳ diệu, những người đàn ông có thể có kinh nguyệt và phụ nữ không thể?

Rõ ràng, kinh nguyệt sẽ trở thành một điều tuyệt vời, có ý nghĩa, nam tính.

Đàn ông sẽ khoe khoang về việc kỳ kinh kéo dài bao lâu và ra bao nhiêu.

Các chàng trai trẻ sẽ nói về nó như là sự khởi đầu đầy khát khao của tuổi trưởng thành. Quà tặng, các nghi lễ tôn giáo, bữa ăn gia đình, và các bữa tiệc chỉ dành cho đàn ông sẽ đánh dấu ngày này.

Để tránh mất công mất việc hàng tháng trong đội ngũ lãnh đạo, quốc hội sẽ tài trợ cho một học viện quốc gia về chứng đau bụng kinh. Các bác sĩ sẽ nghiên cứu rất ít về bệnh tim, từ đó đàn ông sẽ được bảo vệ về mặt hormone, mà họ sẽ nghiên cứu mọi thứ, trừ chuột rút.

Băng vệ sinh sẽ được Liên bang tài trợ và cấp phát miễn phí. Tất nhiên, có một số người sẽ vẫn phải trả tiền cho uy tín của các thương hiệu như băng vệ sinh Paul Newman, miếng đệm Muhammad Ali, John Wayne Maxi, và Joe Namath Jock Shields màng bảo vệ - “Cho những ngày độc thân nhẹ nhàng”.

Thống kê khảo sát sẽ chỉ ra rằng đàn ông đã thi đấu tốt hơn trong các môn thể thao và giành nhiều huy chương Olympic hơn trong các quãng thời gian giữa kỳ kinh của họ.

Nhìn chung, các chính trị gia thuộc phe hữu và tôn giáo sẽ viện dẫn kinh nguyệt như là bằng chứng để chỉ ra rằng chỉ đàn ông mới có thể phục vụ Thiên Chúa và đất nước trong chiến tranh (“Bạn phải đổi máu lấy máu”), nắm giữ các chức vụ cao (“Liệu phụ nữ có thể dữ dội một cách đúng đắn hay không, khi mà họ thiếu hẳn một chu kỳ hàng tháng được chi phối bởi Hỏa tinh?”), làm linh mục, bộ trưởng, là chính Thiên Chúa (“Ngài đổ máu cho tội lỗi của chúng tôi”), hoặc giáo sĩ Do Thái (“Do hàng tháng không có một cuộc thanh lọc tạp chất, nên phụ nữ không được sạch sẽ”).

Tuy vậy, nam giới theo chủ nghĩa tự do và có quan điểm cực đoan sẽ nhấn mạnh rằng phái nữ có quyền được bình đẳng, chỉ khác biệt thôi; và điều đó có nghĩa là bất kỳ phụ nữ nào cũng đều có thể gia nhập hàng ngũ đàn ông nếu cô ta chịu nhìn nhận tầm quan trọng của các quyền liên quan đến kinh nguyệt (“Mọi thứ khác chỉ là một vấn đề mà thôi”) hoặc chấp nhận tự gây một vết thương lớn cho mình mỗi tháng (“Bạn phải đổ máu cho cách mạng”).

Thanh niên đường phố chế ra tiếng lóng: “Anh ấy là một người đàn ông ba-bằng”, và đập tay chào nhau ở góc phố với những trao đổi như:

- Chàng trai, cậu trông thật tuyệt!

- Yeah, cậu. Tổ đang tới tháng!

Các chương trình truyền hình sẽ đề cập tới chủ đề này một cách cởi mở. (Những ngày hạnh phúc: Richie và Potsie cố gắng thuyết phục Fonzie rằng ông vẫn là “The Fonz”, mặc dù ông đã mất kinh hai kỳ liên tiếp). Báo chí cũng vậy. (Nguy cơ cá mập biển mùa hè đe dọa đàn ông đang thấy tháng). Phim ảnh nữa. (Newman và Redford trong phim “Những người anh em máu thịt”).

Đàn ông sẽ thuyết phục phụ nữ rằng quan hệ tình dục sẽ thú vị hơn vào “thời điểm đó trong tháng”. Người đồng tính nữ bị cho là sợ máu và do đó sợ chính sự sống, mặc dù có lẽ chỉ vì họ cần một người đàn ông có kinh nguyệt tốt.

Trường y sẽ hạn chế tuyển nữ sinh. (“Họ có thể ngất xỉu khi nhìn thấy máu”).

Tất nhiên, giới trí thức (nam) sẽ đem đến cho ta những lý luận đạo đức nhất và logic nhất. Nếu không có được những món quà sinh học đó để đo chu kỳ của mặt trăng và các hành tinh, thì làm sao một phụ nữ có thể có được bất kỳ một thứ kỷ luật nào, vốn đòi hỏi cảm nhận về thời gian, không gian, toán học, hay khả năng đo đạc? Trong triết học và tôn giáo, phụ nữ làm sao có thể bù đắp được việc họ bị tách rời khỏi nhịp vũ trụ, hay là việc họ không có được cái chết và sự tái sinh mang ý nghĩa biểu tượng, mỗi tháng?

Thời kỳ mãn kinh sẽ được kỷ niệm như một biến cố tích cực, thể hiện ý nghĩa là người đàn ông đã tích lũy đủ năm của sự từng trải mang tính chu kỳ và không cần nhiều hơn nữa.

Nam giới mang tư tưởng tự do sẽ cố tỏ ra tốt bụng: Riêng việc “những người này” (tức phụ nữ – ND) không được tạo hóa ban cho tài năng nào để đo lường cuộc sống hoặc kết nối với vũ trụ đã đủ là hình phạt rồi.

Và phụ nữ sẽ được dạy để có phản ứng như thế nào? Ta có thể hình dung cảnh các phụ nữ truyền thống sẽ chấp thuận tất cả các lý luận như vậy với một thái độ khổ tâm, vẻ trung thành, và một nụ cười. (“ERA sẽ ép các bà nội trợ phải tự làm mình bị thương mỗi tháng”: Phyllis Schlafly. “Máu của chồng bạn cũng thiêng liêng như máu của Jesus, và cũng sexy như thế”: Marabel Morgan). Các nhà cải cách và Queen Bees sẽ ra sức bắt chước đàn ông, và giả vờ có kinh hàng tháng. Tất cả các nhà nữ quyền sẽ không ngớt giảng giải rằng đàn ông cũng cần được giải thoát khỏi quan niệm sai lầm về sự hung hãn của người sao Hỏa, còn phụ nữ cần vượt thoát khỏi sự trói buộc của mối “ghen tị kinh nguyệt” (tức là ghen tị vì mình không có kinh như đàn ông – ND). Các nhà nữ quyền theo trường phái quyết liệt sẽ phát biểu thêm rằng sự áp bức đối với những người không có kinh nguyệt là hình mẫu cho tất cả các hình thức áp bức khác. (“Ma cà rồng là những chiến binh chiến đấu cho tự do đầu tiên”). Các nhà nữ quyền với góc nhìn văn hóa sẽ xây dựng những hình tượng nhân vật không hành kinh trong nghệ thuật và văn học. Các nhà nữ quyền xã hội chủ nghĩa sẽ khẳng định rằng chỉ có dưới chế độ tư bản, đàn ông mới có thể độc quyền ra máu...

Tóm lại, nếu đàn ông có kinh nguyệt, thì những lời biện hộ cho quyền lực của họ có thể sẽ tiếp tục kéo dài mãi mãi.

Nếu chúng ta để cho chúng tiếp tục.

DÂN TÚY VÀ MỊ DÂN

Có vẻ như từ khi tỷ phú Donald Trump trở thành vị tổng thống thứ 45 của nước Mỹ (từ ngày 20/01/2017), người Việt bắt đầu nghe nói nhiều đến từ “dân túy”.

Vậy dân túy là gì? Bạn có thể gọi nó là “chủ nghĩa dân túy” (dịch từ tiếng Anh: populism), nhưng có học giả cho rằng nó không đạt tới tầm một ý thức hệ chính trị hay là chủ nghĩa, mà chỉ là một tư tưởng, một cách tư duy về chính trị (John B. Judis, 2016). Quả vậy, bởi vì nó không đạt được đủ bốn tiêu chí của một ý thức hệ, như đã nói ở Chương I, “Thế nào là một chủ nghĩa?”, của Phần IV này.

Dân túy là tư tưởng luôn nhấn mạnh việc ủng hộ những người bình dân, quần chúng, trong tương quan đối lập với giới tinh hoa tham nhũng, bảo thủ, hủ bại. Vâng, điều quan trọng là bên cạnh ủng hộ, cảm thông và chia sẻ với người dân (nói nôm na là “nịnh dân”, “chiều lòng dân”) thì phải chỉ trích và chống lại giới tinh hoa – tức là giới thượng lưu, tài phiệt, doanh nhân, có thể có cả trí thức, vốn được hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi trong xã hội.

Người bình dân ở đây là ai? Theo John B. Judis, “không có một thành tố nào có thể gom chung hết được “người dân”. Họ có thể là những công nhân cổ xanh, người bán hàng, hoặc sinh viên đang chịu gánh nặng nợ nần; họ cũng có thể là người nghèo hay là tầng lớp trung lưu”¹.

¹ “Us v Them: the birth of populism”, John B. Judis, The Guardian, 13/10/2016. Bản dịch tiếng Việt “Ta vs. Họ: Cái nôi của chủ nghĩa dân túy” của Vi Yên đăng trên Luật Khoa tạp chí ngày 31/12/2017 tại địa chỉ: <https://www.luatkhoa.org/2017/12/ta-vs-ho-cai-noi-cua-chu-nghia-dan-tuy/>

Chủ nghĩa dân túy cho rằng dân nguyện, hay ý dân, là cơ sở cao nhất để tạo tính chính danh cho hành động chính trị. Những chính trị gia dân túy luôn thể hiện rằng họ gắn bó mật thiết với người dân, họ thấu hiểu những niềm hy vọng, sở nguyện sâu xa nhất của dân chúng, họ đáng tin cậy, còn tất cả các thiết chế trung gian (như xã hội dân sự, các nhóm vận động, nhóm gây áp lực) đều không đáng tin. Tầng lớp tinh hoa bảo thủ, tham lam, hủ bại thì phải bị lên án.

Donald Trump được coi là một tổng thống dân túy, bởi vì ngay từ khi mới nhậm chức, ông đã muốn trục xuất những người nhập cư không giấy tờ, như một cách chiều lòng số đông dân bản địa Mỹ đang sốt ruột trước làn sóng tị nạn dâng lên ở châu Âu.

Một bài viết trên tờ The Economist ngày 19/12/2016 đưa ra thêm một số ví dụ về các biểu hiện của chủ nghĩa dân túy: “Podemos¹, một đảng dân túy Tây Ban Nha, muốn cho người nhập cư quyền bầu cử. Geert Wilders, chính trị gia dân túy người Hà Lan, muốn xóa bỏ các đạo luật cấm phát ngôn gây thù hận (hate-speech)... Evo Morales, tổng thống dân túy của Bolivia, đã mở rộng quyền trồng coca của nông dân thổ dân. Rodrigo Duterte, tổng thống dân túy của Philippines, đã ra lệnh cho lực lượng cảnh sát tiêu diệt những người bị nghi ngờ là buôn bán ma túy”².

Trong suốt chiều dài tồn tại của nó, nền chính trị cộng sản không có truyền thống quan chức thể hiện mình gắn bó mật thiết với người dân. Do không có cạnh tranh chính trị trong chế độ độc đảng, lá phiếu của dân chẳng có ý nghĩa gì, cho nên các cán bộ cộng sản không chịu sức ép phải lấy lòng dân; họ chỉ cần được lòng cấp trên. Trong đời sống sinh hoạt thường ngày, thậm chí họ còn phải giữ khoảng cách, càng xa dân, càng kín đáo, quan trọng và bí hiểm

¹. Podemos, tiếng Tây Ban Nha nghĩa là: Chúng ta (chúng tôi) có thể.

². “What is populism?”, bản dịch tiếng Việt “Chủ nghĩa dân túy là gì?” của Lê Thị Hồng Loan, Lê Hồng Hiệp biên tập, đăng trên Nghiên cứu Quốc tế ngày 04/01/2017 tại địa chỉ: <http://nghiencuquocte.org/2017/01/04/chu-nghia-dan-tuy-la-gi/>

trước dân càng tốt. Vậy nên nhìn chung, tư tưởng dân túy không phổ biến ở nền chính trị cộng sản. Cá biệt có ông Hồ Chí Minh và một số đồng chí cộng sản thời kỳ đầu của ông có thể tỏ ra mình giản dị, gần gũi, gần bó mật thiết với người dân... song họ chỉ là một số ít cá nhân và không xác lập được một truyền thống dân túy. Nhất là, sự mờ ảo, bí hiểm ở họ vẫn trội hơn sự bình dị, gần dân.

Từ khi Internet vào Việt Nam (tháng 11/1997) và nhất là từ khi mạng xã hội nở rộ ở Việt Nam (khởi đầu là Yahoo! 360 blog vào năm 2005), chính khách cộng sản bắt đầu nhận thấy nhu cầu phải thể hiện mình hòa đồng, bình dị, gần dân, hiểu tâm tư, nói ngôn ngữ của dân và đặc biệt là hành động khẩn trương, quyết đoán để kịp thời đáp ứng nguyện vọng của dân. Chúng ta có thể “điểm mặt” ngay ở đây vài quan chức dân túy điển hình: Nguyễn Bá Thanh ¹, Đinh La Thăng ², Vũ Đức Đam ³...

Nguyễn Bá Thanh sinh thời được ca ngợi như một chính khách năng động, thẳng thắn, đầy quyết tâm phát triển địa phương. Ông cũng rất chịu khó chăm sóc quan hệ với giới nhà báo (chính thống), luôn tỏ ra hào hiệp và cởi mở với báo chí nên hầu hết các nhà báo từng tiếp xúc, làm việc với Nguyễn Bá Thanh đều yêu quý “anh Thanh” lắm. Nhiều giai thoại về ông được truyền tụng để ca ngợi, như chuyện ông được mời đi xem bóng đá mà lúc hưng phấn quá, nhảy cả xuống sân chỉ đạo. Ông còn nổi tiếng vì câu nói thể hiện

¹ Nguyễn Bá Thanh (1953-2015): Chính khách Việt Nam thời cộng sản. Chức vụ nổi bật là Bí thư Thành ủy Đà Nẵng (2003-2013), Chủ tịch UBND Đà Nẵng (1997-2003). Sinh thời ông được một số đồng dân chúng, nhất là dân Đà Nẵng, mến mộ và ca ngợi hết lời vì có quyết tâm và có công phát triển Đà Nẵng thành một đô thị có sức hút về đầu tư, “thành phố đáng sống”. Những sai phạm, tham nhũng và đặc biệt là vi phạm nhân quyền trong thời kỳ ông tại nhiệm nói chung đều bị im đi, sau khi Bá Thanh mất mới được đưa ra.

² Đinh La Thăng (1960-): Chính khách Việt Nam thời cộng sản. Chức vụ nổi bật là: Ủy viên Bộ Chính trị khóa XII (27/01/2016 - 07/5/2017), Bí thư Thành ủy TP.HCM (05/02/2016 - 10/5/2017), Bộ trưởng Giao thông Vận tải (03/8/2011 - 08/4/2016). Bị loại khỏi Bộ Chính trị khóa XII và cách chức Bí thư Thành ủy TP.HCM vào ngày 07/5/2017, bị khởi tố và bắt tạm giam vào ngày 08/12/2017 và chỉ một tháng sau là ra tòa, bị kết án 30 năm tù.

³ Vũ Đức Đam (1963-): Chính khách Việt Nam thời cộng sản. Chức vụ nổi bật là Phó thủ tướng Chính phủ (nhiệm kỳ 2016-2021).

quyết tâm chống tham nhũng cao độ: “Sắp tới tôi sẽ rà một số cái, cho hết liền, không nói nhiều” (phát biểu tại Hội nghị Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước do UBND TP Đà Nẵng tổ chức ngày 10/01/2013).

Đình La Thăng cũng vẽ nên hình ảnh một lãnh đạo trẻ trung, năng động, quyết đoán. Ở tư cách Bộ trưởng Giao thông Vận tải, ông nói thông điệp của ngành là “hành động và hành động”. Ông tham gia đá bóng, chơi đàn, hát hò cùng “anh em cấp dưới”, rất cởi mở thân thiết với giới báo chí (chính thống) và được lòng nhiều nhà báo. Những hình ảnh Đình La Thăng ôm đàn guitar hát đồng ca hoặc đang cuộc đất trồng cây, lội ao vớt bèo, thường được báo chí hăng hái ghi lại và lan truyền trên mạng.

Vũ Đức Đàm cũng rất chịu khó xây dựng hình ảnh cá nhân.



Hậu cảnh của phóng sự ảnh nổi tiếng “Bất ngờ gặp Phó Thủ tướng Vũ Đức Đàm một mình khoác balô khảo sát Sơn Trà” (27/5/2017).

Ảnh không rõ nguồn.

Một khái niệm khá gần với chủ nghĩa dân túy ở nghĩa “nịnh dân”, “chiều lòng dân” (nhưng thật ra là phi dân chủ, vì dẹp bỏ hết

các thiết chế trung gian như xã hội dân sự) là mị dân. Mị dân là việc một chính trị gia lợi dụng thành kiến và sự kém hiểu biết của dân chúng (dân trí thấp) để kích động tình cảm, sự cảm tính ở họ mà làm lu mờ đi những lập luận duy lý, có lý trí. Các chính trị gia mị dân thường cố sù ý những hành động tức thời, kể cả bạo lực, để giải quyết khủng hoảng; họ kêu gọi, kích động dân chúng hành động mạnh mẽ, kể cả dùng bạo lực, đồng thời lên án những người ôn hòa, chùng mịch là yếu kém, không quyết đoán, không trung thành. Tất nhiên, chính trị gia mị dân thường có tài hùng biện, và họ luôn sẵn sàng tận dụng tài đó của mình để làm mê hoặc, lôi kéo, dẫn dụ quần chúng.

Năm 1838, James Fenimore Cooper đưa ra bốn đặc điểm xác định một chính trị gia mị dân, như sau:

1. Tự xây dựng hình ảnh mình như một người bình dị, gần dân, đối lập với tầng lớp tinh hoa thượng lưu xa dân và ở trên dân;
2. Kích động bản năng và cảm xúc của quần chúng;
3. Khai thác, lợi dụng những phản ứng bản năng, những cảm xúc của quần chúng để làm lợi cho mình;
4. Phá vỡ hoặc ít nhất là đe dọa những thiết chế dân chủ đã được xác lập, những quy tắc hành xử của chính trị gia vốn đã được ngầm mặc định.

Các bạn lưu ý đặc điểm thứ tư ở trên đây: Điều xấu và nguy hiểm ở kẻ mị dân là hắn tuy luôn tỏ ra chiều ý người dân nhưng thực chất lại phá hoại dân chủ, phá vỡ các nguyên tắc của dân chủ, ví dụ nguyên tắc tư pháp độc lập hay bảo đảm tự do báo chí. Ngoài ra, trong việc lôi kéo, dẫn dụ quần chúng, hắn cũng khôn khéo tạo ra cái vỏ giản dị, dân dã, kể cả khi điều đó trái ngược với những quy tắc hành xử thông thường của chính trị gia. Chẳng hạn như sẵn sàng mặc đồ gụ, đi dép cao su, thay vì vận complet thắt cravat. Hay là nói năng thật thô lỗ, kiểu “hốt liến, không nói nhiều”. Hoặc lướt mạng xã hội, chơi facebook, twitter liên tục để giao lưu với người dân.

Lịch sử ghi nhận một số chính trị gia mị dân nổi tiếng: Adolf Hitler, Benito Mussolini. Và nếu căn cứ vào bốn đặc điểm nói trên để xác định một lãnh đạo mị dân thì hẳn bạn sẽ nhận ra nhiều gương mặt quen: Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Putin...

Dân túy và mị dân là hai khái niệm rất gần gũi, có nhiều điểm chung. Thứ nhất, các chính trị gia dân túy hay mị dân đều tỏ ra bình dị, gần dân, chiều lòng dân. Thứ hai, cả hai đều phớt lờ sự tồn tại của những thiết chế trung gian – xã hội dân sự – nằm ngoài chính quyền và giúp cân bằng, điều hòa mối quan hệ giữa chính quyền (thống trị) và người dân (bị trị). Vì lý do đó, họ rất dễ tiến đến ngưỡng trở thành phi dân chủ, thậm chí độc tài.

Điểm khác biệt giữa dân túy và mị dân là người dân túy có thể thực lòng muốn chiều theo ý dân, muốn lấy lòng quần chúng trên cơ sở có hướng đến phục vụ số đông bình dân thật. Còn kẻ mị dân thì đơn thuần là cơ hội chính trị, đạo đức giả, chỉ muốn thao túng tình cảm và lợi dụng dân vì tư lợi.

Cũng cần nói rõ rằng, việc tỏ ra gần dân, chiều lòng dân, và lôi kéo, dẫn dụ quần chúng nếu có thể, là điều mà chính trị gia nào cũng muốn làm, cho dù ở thể chế nào. Như chúng ta đã xác định ngay từ Chương I, “Định nghĩa chính trị”, của Phần I, chính trị là việc gây ảnh hưởng lên những người khác, là nghệ thuật vận động. Vì vậy, có thể nói trong mỗi chính khách, mỗi nhà lãnh đạo chính trị hay mỗi quan chức đều ẩn chứa tư tưởng dân túy và thói mị dân, dù ít dù nhiều. Vấn đề là mức độ dân túy, mị dân của họ, cũng như mức độ họ tôn trọng và tuân thủ hiến pháp, nhà nước pháp quyền, nhân quyền và dân chủ, mức độ họ thực sự làm lợi hoặc gây hại cho người dân và xã hội.

CHỦ NGHĨA DÂN TỘC VÀ LÒNG YÊU NƯỚC

1. Chủ nghĩa dân tộc

Đến đây chúng ta sẽ bàn về một ý thức hệ được nhắc tới rất nhiều ở Việt Nam những năm vừa qua – tạm coi là những năm đầu của thời toàn cầu hóa: Chủ nghĩa dân tộc (nationalism), hay còn được dịch sang tiếng Việt là chủ nghĩa quốc gia.

Trong tiếng Việt lâu nay, nhiều người vẫn dùng từ “dân tộc” để chỉ một sắc tộc, như dân tộc Kinh, dân tộc Mường, dân tộc Ê-đê... cho nên nếu dịch nationalism là chủ nghĩa dân tộc thì có thể khiến mọi người hiểu sai bản chất của khái niệm này – một khái niệm vốn gắn với quốc gia chứ không phải với sắc tộc. Tuy vậy, do cách dịch đó đã tồn tại quá lâu, nên ở đây, chúng ta cũng đành chấp nhận dùng cụm từ “chủ nghĩa dân tộc”.

Chủ nghĩa dân tộc, theo nghĩa nguyên thủy của nó, là sự gắn bó, về mặt tâm lý, của người dân với một quốc gia cụ thể, dựa trên một lịch sử chung, ngôn ngữ chung, văn học chung, văn hóa chung, và một ước nguyện chung là giành được và/hoặc duy trì được độc lập chính trị.

Việc chia sẻ “một ước nguyện chung là giành được và/hoặc duy trì được độc lập chính trị” là thuộc tính cực kỳ quan trọng của chủ nghĩa dân tộc, bởi nếu không có nó, sẽ không có quốc gia nào tồn tại trong tâm khảm những con người có thể được gọi là “dân” của một quốc gia. Ngôn ngữ không phải yếu tố quyết định. Trên thế giới, không thiếu gì quốc gia đa ngôn ngữ. Ví dụ Thụy Sĩ có bốn thứ tiếng chính thức là Đức, Pháp, Ý, Romansh, nhưng không trở thành bốn quốc gia, bởi vì các thành viên của cộng đồng lớn Thụy Sĩ đều coi cộng đồng lớn của mình là một quốc gia – tức là họ đều chia sẻ ước nguyện chung là duy trì độc lập chính trị.

Từ thế kỷ 20 trở về trước, đặc biệt trong thời phong kiến, chủ nghĩa dân tộc được coi là một phẩm chất tốt đẹp. Trung thành với quốc gia là lòng trung thành cao cả nhất, hơn cả với tôn giáo, gia

đình, chủng tộc hay giai cấp. Ngay cả trong nửa đầu thế kỷ 20 với sự nổi lên của làn sóng cộng sản, chủ nghĩa cộng sản quốc tế và chủ nghĩa phát xít dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc, người ta vẫn chiến đấu vì một ý thức hệ bao trùm là chủ nghĩa dân tộc, hơn là vì chủ nghĩa cộng sản hay vì dân chủ tự do. Nói cách khác, trong các cuộc chiến tranh ấy, bên tham chiến là các quốc gia chứ không phải tôn giáo, giai cấp, hay chủng tộc.

Ở những nước phương Tây tự do, kính yêu lãnh tụ không phải là một phẩm chất tốt đẹp. Nhưng gắn bó và trung thành với quốc gia thì ở đâu, Đông hay Tây, cũng đều được coi là phẩm hạnh. Đó là quan niệm của thời trước.

Tuy thế, từ cuối thế kỷ 20, khi làn sóng toàn cầu hóa bắt đầu dâng lên, thì nhiều nước đã nghĩ lại về khái niệm chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa quốc gia. Người dân ở các nước phương Tây – vốn cởi mở hơn và hòa nhập vào thế giới toàn cầu hóa nhanh chóng hơn phương Đông – cho rằng chủ nghĩa dân tộc đã trở nên lỗi thời, lạc hậu, và có hại trong thế giới hiện đại. Đầu óc dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi cản trở một quốc gia hội nhập, chung sống hòa bình và hợp tác với các nước khác. Sớm muộn nó sẽ tạo ra sự cực đoan, tự cô lập, và gây mâu thuẫn, xung đột, bạo lực.

Ở Việt Nam, dân chúng vẫn giữ thói quen mang cờ (càng to càng đẹp) vào sân vận động xem bóng đá trong những trận quốc tế có đội tuyển Việt Nam tham dự. Ở Anh, nếu bạn vác một lá quốc kỳ to vào sân bóng, rất có thể người ta sẽ nhìn bạn như nhìn một kẻ lập dị, cực đoan. Từ “nationalist” – người theo chủ nghĩa dân tộc, người quốc gia – ngày nay đã có hàm ý tiêu cực trong tiếng Anh.

Tuy vậy, tại Trung Quốc, Việt Nam, chủ nghĩa dân tộc vẫn được đề cao và được coi là động lực để gắn kết toàn dân vì những mục tiêu chung.

2. Lòng yêu nước

Ở trên đã nói, mặc dù ở Mỹ và châu Âu, chủ nghĩa dân tộc đã mang hàm ý tiêu cực (hẹp hòi, cực đoan), nhưng tại Trung Quốc, Việt Nam, chủ nghĩa dân tộc vẫn được đề cao và được coi là động lực để gắn kết toàn dân vì những mục tiêu chung. Và, ở hai nơi này, nó lại được gọi một cách phổ biến là “lòng yêu nước”, “tình yêu đất nước”, chứ không gọi là “chủ nghĩa dân tộc”. Ví dụ như người ta hay nói “đóng thuế là yêu nước”, chứ không ai nói “đóng thuế là vì chủ nghĩa dân tộc”. Tương tự, trong những cuộc biểu tình chống Tàu ở Việt Nam, người biểu tình cũng nói rằng họ xuống đường vì yêu nước chứ không phải vì chủ nghĩa dân tộc.

Từ đây, nảy sinh một sự nhầm lẫn, hỗn loạn tương đối giữa hai khái niệm: chủ nghĩa dân tộc và lòng yêu nước (hay có thể gọi là chủ nghĩa ái quốc).

Để cho rõ ràng, người viết đề xuất rằng chúng ta có thể định nghĩa hai chủ nghĩa này như sau:

- Lòng yêu nước, hay chủ nghĩa ái quốc: sự gắn bó, về mặt tâm lý, của người dân với một quốc gia cụ thể, dựa trên một lịch sử chung, ngôn ngữ chung, văn học chung, văn hóa chung, và một ước nguyện chung là giành được và/hoặc duy trì được độc lập chính trị (chính là nghĩa nguyên thủy của khái niệm chủ nghĩa dân tộc). Trong chừng mực ôn hòa, lòng yêu nước là một phẩm chất tốt đẹp.

- Chủ nghĩa dân tộc, hay chủ nghĩa quốc gia: Là lòng yêu nước được đẩy tới mức cực đoan, trở thành tâm lý sùng bái và tự hào thái quá về đất nước mình, và coi quốc gia là cộng đồng chính trị quan trọng nhất trong mọi loại tổ chức chính trị. Với ý nghĩa đó, nó đã mang hàm ý tiêu cực. Nếu đi tới mức coi đất nước mình là trung tâm của thế giới, ưu việt hơn toàn bộ phần còn lại của thế giới, thì nó trở thành chủ nghĩa sô-vanh, kiêu ngạo, hung hãn và hiếu chiến.

Lòng yêu nước	Chủ nghĩa dân tộc
Xuất phát từ tiếng Latin “patria”, nghĩa là quê hương. Là tình cảm gắn bó với một đất nước, không nhất thiết yêu hay tự hào.	Xuất phát từ chữ “nation”, nghĩa là quốc gia. Là ý thức hệ cho rằng quốc gia là trung tâm của việc tổ chức chính trị, đi kèm với sự tự hào và sùng bái đất nước mình.

Cuối cùng, cho dù là lòng yêu nước hay chủ nghĩa dân tộc, thì tình cảm gắn bó, trung thành với đất nước rất dễ bị các chính quyền lợi dụng để đoàn kết dân chúng vào những mục tiêu chung, nhiều khi chẳng tốt đẹp gì, ví dụ như tham gia chiến tranh, chém giết sinh mạng con người.

Bài đọc

TÌNH THẦN YÊU NƯỚC¹

Nguyễn Dân (facebooker Ếch Ao)

Một công ty du lịch ngưng bán tour đi Trung Quốc, những “avatar” (hình đại diện) mang hình bản đồ Tổ quốc, những bạn trẻ xuống đường tuần hành thể hiện tinh thần yêu nước... Họ, những con người Việt Nam đang thể hiện tinh thần yêu nước.

Tinh thần yêu nước – thật khó để có một định nghĩa rõ ràng của cụm từ này, nhưng trong những tuần qua, có lẽ đây lại là cụm từ lại được “cảm” nhiều nhất “nhờ” một loạt hành động xâm phạm chủ quyền biển đảo của Trung Quốc. Có thể thấy tinh thần ấy ở khắp nơi. Những bài báo với những lời yêu thương đất nước, những lời căm phẫn trước sự xâm phạm của ngoại bang trên các phương tiện truyền thông. Những “status” (trạng thái), những dòng “comment” (bình luận) bày tỏ suy nghĩ về chủ quyền đất nước trên facebook, những diễn đàn mạng. Từ ảo ra ngoài đời thật, những bạn trẻ “chào” nhau bằng những câu chuyện về tình hình đất nước. Những bài hát, câu khẩu hiệu khẳng định chủ quyền đất nước. Đâu đó bắt đầu đã xuất hiện những câu “nếu đất nước có chiến tranh...” và thật không khó để đoán câu trả lời hầu hết là “có” kèm một cái gật đầu quả quyết. Vậy chúng ta có bao giờ tự đặt câu hỏi cho chính mình: Thế nào là tình yêu nước?

¹ Trích từ tuyển tập “Thế hệ F”, NXB Liên Mạng, 2012.

Nếu chúng ta đã từng khâm phục ý chí của người Nhật, tinh thần sắt đá của người Hàn, ý thức công dân của phương Tây... và chúng ta gọi đó là tinh thần yêu nước, thì thời gian này chúng ta đã có thể nhìn lại chính mình để tự vấn rằng mình đã thể hiện lòng yêu nước như thế nào?

Lòng yêu nước không phải chỉ những lời hô hào, những hành động bột phát mà bắt đầu từ những việc tưởng như nhỏ nhặt xung quanh chúng ta.

Lòng yêu nước ấy có lẽ nào lại có ở những người chen lấn khi xếp hàng, ở những người đầu trần vượt đèn đỏ, ở những người vô tư xả rác lên con đường họ đi hàng ngày?

Liệu có tin không những người nói sẽ xả thân cho đất nước nhưng lại sẵn sàng ẩu đả với chính đồng bào mình chỉ vì một va chạm nhỏ trên đường?

Có tin không những người sẽ cầm súng ra trận nhưng lại không biết quý trọng tính mạng chính bản thân và những người xung quanh khi phóng xe bạt mạng trên phố?

Không, lòng yêu nước trước nhất là yêu lấy chính bản thân mình, yêu những điều tốt đẹp trong cuộc sống, yêu ngôi nhà chúng ta đang ở, yêu những người thân thuộc xung quanh và yêu cả những gì chúng ta đón nhận hàng ngày. Nếu chúng ta thật sự yêu nước thì hãy thể hiện tinh thần ấy trong từng ngày, từng giờ trong mỗi máu thịt của chúng ta qua từng hành động, suy nghĩ.

Nếu chúng ta thực sự lo lắng về chủ quyền biển đảo thì đừng đắm chìm trong những game online, cho những buổi cafe tán gẫu vô bổ mà hãy bớt chút thời giờ để đọc thêm sách báo, học hỏi thêm kiến thức, lấy lý luận làm vũ khí giành lại tấc đất quê hương.

Nếu chúng ta đau xót cho những ngư dân bị tàu lạ bắt giữ đòi tiền chuộc thì hãy khoan mua một chiếc áo đẹp, đừng vội cho một cuộc chơi mà hãy nghĩ đến những khó khăn của những người đang cầm súng ngoài hải đảo.

Nếu chúng ta uất ức trước những chiếc tàu “lạ” xâm chiếm lãnh hải, ý thế mạnh ức hiếp chúng ta thì chúng ta hãy biết xấu hổ khi đi sai luật, biết nhẫn nhịn trước những cuộc cãi vã, những va chạm nhỏ với chính đồng bào của mình.

Hãy thấy rằng vẫn còn nhiều công trình tiền tỉ nhưng kém chất lượng do bị rút ruột mà nếu dùng số tiền đó có thể cải thiện đời sống của những đồng bào nghèo.

Hãy thấy rằng những con đường lún sụt, nhiều ổ gà đã tiêu tốn chúng ta biết bao nhiêu xăng dầu mà có thể dùng cho xe tăng, tàu thủy.

Chúng ta có bao giờ để ý nếu tắt một chiếc đèn sáng sẽ góp phần tiết kiệm điện để không phải bị thiếu hụt nên phải mua ở nước ngoài, chúng ta đã làm được chưa?

Những việc đó chẳng phải là tinh thần yêu nước sao?

Và chúng ta bắt đầu lòng yêu nước bằng những việc đơn giản nhất như thế.

Nào, hãy lên đường!



*“Việt Nam chúng ta đó!”. Ảnh và lời bình: Nguyễn Dân (Ếch Ao).
Chụp tại biển Đại Lãnh (Nha Trang) năm 2011.*

Bài đọc

YÊU NƯỚC LÀ GÌ? ¹

Nguyễn Trần Quyên Quyên

Mình 33 tuổi và mình chả biết yêu nước là gì.

Hồi tầm lớp 6, lớp 7 gì đó, mình hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, con thấy mình đâu có yêu nước. Tại sao phải yêu nước?

- Con có yêu nước mà con không biết. Bây giờ, khi xem Việt Nam đá banh với một đội nước khác, con muốn Việt Nam thắng hay thua?

- Thắng chứ!

- Đó là yêu nước.

Mình nhớ lúc đó cũng còn mơ hồ với khái niệm này lắm. Nó gần giống với một sự bệnh vực tự nhiên đến mức không thể giải thích được. Hết.

Đến năm mình 24-25 tuổi, hôm ấy trời mưa như trút. Từ cái lan can sau lưng tòa nhà mình làm truyền thông, nhìn ra phía khu vườn, mình bút rứt vì cái kế hoạch của mình gặp vô vàn khó khăn tại Việt Nam, trong khi các bạn mình đang làm rất tốt tại một quốc gia khác.

¹ Bài viết trên facebook cá nhân của tác giả, đăng ngày 02/6/2017.

Nhìn mưa chảy xối xả trên mấy cái tán lá. Cứ đứng thù người ra. Mình hỏi Chúa: Tại sao không để con sinh ra ở một đất nước khác? Tại sao bắt con làm người Việt?

Một tuần lễ sau đó, mình có cuộc gặp với một người chị trong nhóm. Chị này tham gia dự án từ khi còn du học bên Pháp. Sau thời gian này, người ta giữ chị ở lại. Chị từ chối. Mình còn nhớ nguyên văn chị nói với mình:

“Chị nói với họ rằng: Ôn gọi của chị là làm người Việt Nam. Nên chị sẽ về Việt Nam. Nếu có dự án ở Việt Nam, chị sẽ tham gia”.

Lúc này mình mới phát hiện ra: “Bị bắt làm người Việt Nam” còn có một tên gọi là “ôn gọi làm người Việt Nam”. Và khi mình có cái cảm giác ghét làm người Việt, ghét nước Việt Nam, tức là, phải tồn tại cái gọi là yêu nước Việt Nam mà mình chưa tìm ra được.

Cho đến giờ này, mình cũng chưa hiểu được như thế nào là yêu nước. Nhưng những hành động và suy nghĩ của mình, hình như nó là cái gì đó giống như yêu một cách tự nhiên: Sinh ra là yêu rồi và không cần định nghĩa hay sao ấy... và mình list ra đây những điều mà mình cho là biểu hiện của lòng yêu nước, có thể quan sát được, và “chẩn đoán” được là bạn có yêu nước.

Nếu bạn có giống mình, hãy mạnh dạn gọi nó là yêu nước.

1. Khi xem Việt Nam đá banh, mình muốn Việt Nam thắng cuộc.

2. Thích nghe tiếng Việt và thoải mái nhất khi nghe nói tiếng Việt trong tất cả các thứ tiếng.

3. Mong là mình mau hết ho để có thể ăn hết bốn hũ mắm người ta cho còn đang để dành trong tủ lạnh. Thèm mắm kinh khiếp.

4. Rất tự hào khi nói với cái bà ngoài chợ là: Ê, em người Việt Nam, đừng có nói thách với em.

5. Thèm ăn mít và sầu riêng.

6. Thích nghe mấy bài mẹ hát ru. Hồi trước còn thích nghe chèo.

7. Tự trong thâm tâm, rất muốn lấy một người Việt để có thể trao đổi tất cả những gì mình muốn bằng thứ tiếng mà mình cảm nhận và diễn đạt tốt nhất.

8. Thích nhìn mấy tập thơ hồi xưa người ta đóng thành từ những tép giấy, buộc bằng sợi chỉ đỏ, tặng nhau: “Rằng xưa có gã từ quan, lên non tìm động hoa vàng ngủ say”.

9. Ngồi đoán sắp có mưa nhờ mấy con chuồn chuồn rồi đọc cái câu phịa quen thuộc: Chuồn chuồn bay thấp thì cao, bay cao thì thấp, bay vừa thì thôi.

10. Thích ngửi mùi phân bò với rơm rạ. Cái mùi này độc đáo lắm. Đi ra khỏi thành phố, về gần quê mới ngửi được.

11. Mỗi lần nhớ cảnh trung thu đi rước đèn mà năm nào cũng mưa là lẫn ra cười.

12. Mỗi lần có bạn bè nước ngoài kêu kể về nước bà cho tui nghe đi là thao thao bất tuyệt cứ như thể biết hết nước Việt Nam rồi í.

13. Thích nụ cười của mấy người sống ở miền Tây Bắc lẫn Tây Nguyên. Người ta đẹp lạ lùng.

14. Thích nghe người miền Tây nói chuyện. Mèn đéc ơi là nó thật thà dễ thương.

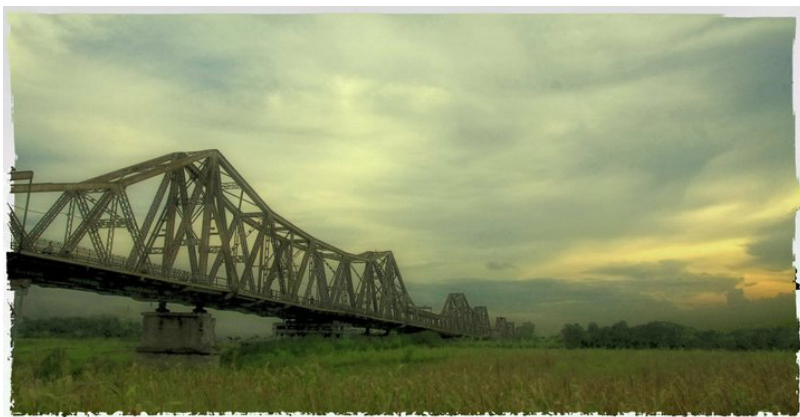
15. Rất bi quan khi người ta hỏi đến chính quyền cộng sản Việt Nam.

16. Khi xem mấy cảnh Trung Quốc bắn người đánh cá Việt Nam, xem thấy người dân bị cắt cổ sau khi ra khỏi đồn công an, hay khi đọc lá thư bên dưới của thầy Hoàng¹ là nước mắt cứ muốn ứa ra đi kèm cảm giận.

¹ Vào tháng 5/2017, thầy giáo Phạm Minh Hoàng, thành viên đảng Việt Tân, cư ngụ ở Sài Gòn, bị Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trần Đại Quang ký lệnh hủy bỏ quốc tịch Việt Nam. Ông Hoàng là người có hai quốc tịch: Việt Nam và Pháp. Việc tước quốc tịch Việt Nam đồng nghĩa với trục xuất ông khỏi đây. Ông Hoàng đã viết nhiều tâm thư gửi cộng đồng để kêu cứu và chia sẻ tình cảm của mình đối với Việt Nam. Chiều tối ngày 23/6/2017, ông Hoàng bị công an TP.HCM ập vào nhà bắt mang đi để trục xuất sang Pháp.

17. Muốn làm một điều gì đó, nhỏ cũng được, để thay đổi điều 15 và 16, để bảo vệ 14 điều ở trên.

18... 19... Còn gì nữa không?



Cầu Long Biên (Hà Nội) nhìn từ bãi giữa sông Hồng.

Ảnh: Nguyễn Dân (Ếch Ao), năm 2011.

Ý THỨC HỆ CÓ CẦN THIẾT KHÔNG?

Trên đây chúng ta đã vừa bàn đến một số ý thức hệ, hay chủ nghĩa, phổ biến trong lịch sử loài người từ trước tới nay, theo nghĩa chúng được biết đến nhiều và được thực thi nhiều trên thế giới.

- Chủ nghĩa tự do
- Chủ nghĩa bảo tồn
- Chủ nghĩa xã hội và dân chủ xã hội
- Chủ nghĩa phát xít
- Chủ nghĩa vô chính phủ
- Chủ nghĩa môi trường
- Tôn giáo thuần túy
- Chủ nghĩa cộng đồng
- Chủ nghĩa nữ quyền
- Chủ nghĩa dân tộc.

(Chúng ta cũng đã tìm hiểu sơ qua về tư tưởng dân túy và thói mị dân, song dân túy và mị dân không được tính là hai ý thức hệ).

Xin các bạn lưu ý rằng trên đây chưa phải là tất cả trong hàng trăm ý thức hệ chính trị đã từng và đang tồn tại trong lịch sử nhân loại. Chúng chỉ là những chủ nghĩa được biết tới nhiều và thực thi nhiều nhất.

Câu hỏi đặt ra tới lúc này, có lẽ sẽ là: Vậy, suy cho cùng, ý thức hệ có cần thiết không? Một đảng chính trị, một cộng đồng, một xã hội, một quốc gia, có nhất thiết phải đi theo một ý thức hệ nào đó?

Có nhiều triết gia chính trị sẽ bảo là không. Daniel Bell nói không cần ý thức hệ nữa, bởi “Các đảng chính trị ở phương Tây cạnh tranh bằng những hứa hẹn về phát triển kinh tế và sung túc về vật chất” (1960). Quan điểm này hẳn cũng giống điều nhiều người Việt Nam từng nói, mà bạn cũng đã nghe, rằng chủ nghĩa gì cũng được (ý là không nhất thiết phải theo đường lối Mác-Lê), miễn là nước giàu, dân sướng.

Francis Fukuyama, triết gia nổi tiếng, cho rằng lịch sử loài người đã “cáo chung” với ý thức hệ cuối cùng, duy nhất còn tồn tại là chế độ dân chủ tự do. (Các bạn có thể tìm đọc cuốn “The end of history and the last man”, tạm dịch là “Sự cáo chung của lịch sử và con người cuối cùng”, 1989).

Anthony Giddens thì nói: “Cánh tả, cánh hữu gì cũng không cần thiết nữa khi mà xã hội ngày càng toàn cầu hóa, truyền thống ngày càng suy yếu, con người ngày càng thích độc lập nhưng cũng hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn” (1994).

Thật khó nói ý thức hệ có còn cần thiết nữa hay không. Nhưng có hai sự thật mà chúng ta buộc phải thừa nhận, là: 1. Con người vẫn không ngừng tư duy, và các tư tưởng mới, các ý thức hệ mới vẫn có thể tiếp tục ra đời. 2. Chủ nghĩa nào cũng có đội ngũ người ủng hộ nó và chống đối nó. Có nghĩa là chủ nghĩa nào cũng có khía cạnh tốt đẹp và khía cạnh tồi tệ của nó, và sự ra đời của nó cũng phù hợp với hoàn cảnh xã hội đương thời, nghĩa là có lý do. Cuối cùng, chỉ có thực tế mới cho thấy việc áp dụng chủ nghĩa nào là đúng đắn hơn hoặc mang tính phá hoại, hủy diệt hơn. (Có phải tác giả đang viết như một người theo chủ nghĩa thực dụng không?)

Phần V

TƯƠNG TÁC CHÍNH TRỊ

Đến đây bạn đã biết chính trị về bản chất là những hoạt động nhằm thuyết phục, vận động hay cưỡng ép (những) người khác nhằm một mục đích nào đó, chẳng hạn nhằm tạo ra một sự thay đổi. Mức độ cao của hoạt động chính trị là nhằm thay đổi chính sách, mà cao nhất là thay đổi xã hội.

Trong Phần V này, chúng ta sẽ tìm hiểu sâu về các hoạt động chính trị phổ biến nhất và có sức mạnh lớn nhất trong việc thay đổi xã hội. Đây sẽ là một phần rất dài, các bạn có thể đọc tuần tự từ đầu đến cuối, hoặc chọn riêng chương về hoạt động mà bạn yêu thích hoặc quan tâm nhất để đọc. Một cách khái quát, nội dung của Phần V sẽ bám theo các hoạt động như sau:

- Thay đổi xã hội: cách mạng và chuyển hóa
- Làm truyền thông: công luận, truyền thông chính trị, và tuyên truyền
- Hoạt động đảng phái: đảng và hệ thống đảng
- Bầu cử
- Tổ chức và nhóm lợi ích
- Hoạt động xã hội dân sự
- Phong trào xã hội

Chương I

THAY ĐỔI XÃ HỘI

Thay đổi xã hội ¹ là sự biến đổi các thiết chế văn hóa và xã hội theo thời gian. Nó thường là kết quả của nhiều nguyên nhân:

Công nghệ, khoa học kỹ thuật: Có những phát minh, sáng chế đã làm thay đổi cả một nền văn hóa và xã hội. Ví dụ như kính đeo mắt, đồng hồ cơ giới, máy in...

“Sự sáng chế ra kính đeo mắt đã kéo dài hơn gấp đôi tuổi thọ động của những thợ thủ công lành nghề, đặc biệt là những người làm những công việc tinh vi: những người chuyên việc sao chép (có một vai trò quyết định trước khi phát minh ra máy in), và những người đọc, những người thợ làm dụng cụ và công cụ, những người thợ dệt chuyên dệt những hoa văn tỉ mỉ, những người chuyên chế tạo những sản phẩm tinh xảo bằng kim loại”.

“... Kính mắt khuyến khích sự phát minh những dụng cụ tinh vi, thực sự đã đẩy châu Âu tiến theo một hướng mà người ta không thấy ở một nơi nào khác. Người Hồi giáo biết cái dụng cụ để đo độ cao của mặt trời và các vì sao khác, nhưng họ chỉ biết có thế. Người châu Âu tiếp tục phát minh ra những chiếc đồng hồ đo, những thước trắc vi, những máy cắt bánh xe tinh vi – cả một hệ thống công cụ gắn với đo lường và kiểm tra chính xác. Do đó, họ đã đặt cơ sở cho những máy móc có khớp nối được làm bằng nhiều bộ

¹ “Society: Understanding the Basics”, John J. Macionis, 8th edition, Prentice Hall.

phận lấp vào nhau. Lao động tinh vi: Trong các nền văn minh khác, khi làm công việc này thì người ta làm bằng cách tập luyện lâu dài cho thành thói quen. Kỹ năng là ở đôi bàn tay, chứ không phải ở đôi mắt gắn liền với công cụ. Họ đã thực hiện được những kết quả thật là xuất sắc, nhưng không có cái nào giống cái nào; còn châu Âu thì đã chuyển theo hướng tái tạo bản sao – sản xuất hàng mẻ rồi bán hàng loạt. Hơn nữa, việc biết được chiếc thấu kính là một trường hợp để tiến xa hơn nữa về quang học... Châu Âu đã được hưởng đặc quyền về những thấu kính điều chỉnh trong vòng từ 3 đến 400 năm. Thực tế là những chiếc thấu kính đó đã làm tăng gấp đôi lực lượng lao động thủ công lành nghề, và còn hơn gấp đôi nếu người ta tính cả giá trị của kinh nghiệm”.¹



Đồng hồ cát thì đẹp nhưng không bao giờ có thể chính xác tuyệt đối và trở thành công cụ để làm chuẩn chung được. Đồng hồ cơ giới đã làm điều đó.

Mâu thuẫn, căng thẳng và xung đột: Karl Marx gọi đó là đấu tranh giai cấp, xem nó là động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Một thế kỷ sau Marx, người ta cho rằng nếu chỉ là “đấu tranh giai cấp” thì quá đơn sơ, đơn giản; đúng hơn thì phải nói: Mâu

¹. “The Wealth and Poverty of Nations: Why Some are So Rich and Some So Poor”, David S. Landes. Bản dịch tiếng Việt “Sự giàu và nghèo của các dân tộc” của NXB Thống Kê.

thuần xã hội nảy sinh từ sự bất bình đẳng (không chỉ trong vấn đề giai cấp mà cả bất bình đẳng sắc tộc và giới tính nữa) sẽ đưa đến thay đổi xã hội.

Tư duy, quan niệm: Theo Max Weber, nguồn gốc của nhiều thay đổi xã hội chính là suy nghĩ, quan niệm. Ví dụ, những người có sự hấp dẫn, lôi cuốn như Martin Luther King có thể đưa ra những thông điệp mà đôi khi làm thay đổi thế giới.

Weber nhấn mạnh tầm quan trọng của tư duy bằng việc kể rằng niềm tin tôn giáo ở thời kỳ đầu của đạo Tin Lành đã mở đường như thế nào cho sự lan truyền, lớn mạnh của chủ nghĩa tư bản công nghiệp. Với ông, việc chủ nghĩa tư bản công nghiệp phát triển mạnh chủ yếu ở Tây Âu, nơi nền đạo đức Tin Lành rất phát triển, là bằng chứng cho thấy tư duy có sức mạnh tạo ra sự thay đổi.¹

Nhân khẩu học: Thay đổi về dân số cũng có thể đưa đến thay đổi xã hội. Ví dụ như việc tỷ lệ sinh gia tăng sau chiến tranh, tốc độ đô thị hóa nhanh hơn, việc đất nước bước vào thời kỳ dân số vàng, hay khi dân số già đi... tất cả đều có thể đưa đến thay đổi về tâm lý xã hội, văn hóa xã hội, thói quen tiêu dùng, v.v.

Biến động chính trị: Những dạng thay đổi xã hội xuất phát từ các nguyên nhân nêu trên thì thường là không có kế hoạch, không được ai định liệu trước, và nói chung là không cá nhân hay tổ chức nào chủ ý tạo ra thay đổi. Nhưng biến động chính trị thì ngược lại, thường là kết quả của những nỗ lực thật sự, có chủ đích.

Con người nói chung thường tập hợp lại với nhau để hình thành nên những phong trào xã hội – một hoạt động có tổ chức nhằm khuyến khích hoặc chống lại sự thay đổi xã hội. Lịch sử nước Mỹ tràn ngập các phong trào xã hội, từ thời kỳ thực dân và chiến đấu để giành độc lập, đến việc các tổ chức ngày nay ủng hộ hay phản đối nạo thai, quyền của người đồng tính, và án tử hình.*

* “Society: Understanding the Basics”, John J. Macionis, 8th edition, Prentice Hall.

¹ Xem “Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản”, Max Weber, bản dịch của Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang, NXB Tri Thức, 2008.

Bây giờ, với Phần V này, chúng ta sẽ tập trung vào những thay đổi xã hội bắt nguồn từ biến động chính trị.

* * *

CÁCH MẠNG VÀ CHUYỂN HÓA

Ở Chương II, Phần II, các bạn đã biết khái niệm tính chính danh, đó là “niềm tin phổ biến của các thành viên trong một xã hội rằng quyền lực của chính quyền hay đảng cầm quyền là đúng, chính đáng, hợp lý, hợp pháp, và vì thế dân chúng phải phục tùng”.

Khi nào niềm tin đó suy giảm, tức là tính chính danh của chính quyền sa sút. Khi nào tình trạng suy giảm niềm tin của người dân vào bộ máy quản lý, lãnh đạo và cả thể chế đến mức sâu sắc, thì đó là khi xảy ra khủng hoảng tính chính danh. Khi khủng hoảng này xuống tới đáy, thì chỉ có hai kịch bản: Hoặc là chính quyền thắng tay khủng bố, đàn áp, tiêu diệt mọi sự phản kháng, biến đất nước thành nhà tù (chính quyền, tức phe chống lại sự thay đổi, thắng); hoặc là hệ thống chính trị, đất nước, xã hội sẽ thay đổi (phe cổ súy thay đổi thắng).

Sự thay đổi cũng chỉ có một trong hai xu hướng: phát triển hoặc suy thoái, tức là tốt lên hoặc xấu đi.

Và cho dù theo xu hướng nào, tốt lên hay xấu đi, thì sự thay đổi cũng chỉ diễn ra dưới một trong hai hình thức: cách mạng hoặc chuyển hóa.

Cách mạng

Cách mạng trong chính trị là một cuộc nổi dậy của số đông, gắn với những hành động tập thể của quần chúng. *Có thể có bạo lực*, và khả năng cao là có, tuy không nhất thiết. Cách mạng mang lại *một sự thay đổi căn bản, hoàn toàn hệ thống chính trị chỉ trong một thời gian ngắn, cắt đứt với quá khứ* (và thường là một cách bạo lực), chứ không phải chỉ thay đổi chính sách hay thay thế người cầm quyền.

Các bạn lưu ý là đây chỉ là định nghĩa về cách mạng trong địa hạt chính trị. Chúng ta cũng có cách mạng trong các lĩnh vực khác như khoa học kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật... Có thể định nghĩa chung rằng, cách mạng là một sự thay đổi toàn diện, tận gốc rễ, trong một thời gian ngắn.



Bức tranh nổi tiếng về cuộc cách mạng tháng 7/1830 ở Pháp: Nữ thần Tự do dẫn dắt nhân dân. Tác giả: họa sĩ Eugène Delacroix.

Những người theo chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa xã hội có xu hướng ưa thích cách mạng vì nó quyết liệt và nhanh gọn. Người theo chủ nghĩa bảo tồn thì không muốn cách mạng mà thích sự chuyển hóa hơn.

Cũng cần phân biệt cách mạng với đảo chính và bạo động. Đảo chính là việc một nhóm, mà thường là một phe cánh trong chính quyền, hoặc công an, quân đội nổi dậy lật đổ, cướp chính quyền, có bạo lực, có vũ trang. Còn bạo động là một cuộc nổi dậy (khởi nghĩa) của quần chúng, có bạo lực, có thể có vũ trang. Cả hai hình thức thay đổi này – đảo chính và bạo động – nếu thành công thì đều chỉ thay đổi chính sách hoặc thay thế nhà cầm quyền, chứ không mang lại thay đổi căn bản như cách mạng. Cách mạng, về bản chất, là phải đem đến sự thay đổi căn bản. Ta thường hay nói “một sự thay đổi mang tính cách mạng” là vì thế.

Đảo chính và bạo động, nếu thất bại, thì đương nhiên hậu quả sẽ là đàn áp và trừng phạt nhằm vào những người tiến hành.

	Người tiến hành	Tính chất	Kết quả
<i>Cách mạng</i>	Quần chúng	Có thể có bạo lực.	Thay đổi đột ngột, toàn diện thể chế. Không thất bại. (Nếu thất bại thì không thay đổi được và không gọi là cách mạng).
<i>Đảo chính</i>	Một phe trong chính quyền	Có bạo lực	Chỉ thay đổi chính sách hoặc nhà cầm quyền. Nếu thất bại thì bị đàn áp.
Bạo động	Quần chúng	Có bạo lực	Chỉ thay đổi chính sách hoặc nhà cầm quyền. Nếu thất bại thì bị đàn áp.

Chuyển hóa

Chuyển hóa trong chính trị là sự thay đổi có hình thức một cuộc cải cách, diễn ra dần dần, thay đổi từng phần hệ thống chính trị và xã hội. Sự thay đổi ấy đi theo một quá trình liên tục, kèm với việc tái cơ cấu (tái cấu trúc) thể chế hay tổ chức, thay vì xóa bỏ hay thay thế luôn cả thể chế hay tổ chức.

Chuyển hóa là khái niệm được những người theo chủ nghĩa bảo tồn ưa thích, do họ có xu hướng ủng hộ truyền thống, nêu cao tinh thần trách nhiệm, v.v. (xem Chương III, Phần IV). Lập luận phổ biến nhất của những người bảo tồn, khi họ phản đối cách mạng và ủng hộ chuyển hóa (họ hay dùng từ “cải cách” hoặc “đổi mới”), là cách mạng tạo ra sự đứt gãy và đổ vỡ trong xã hội, làm thiệt hại cho người dân mà chẳng nhà cách mạng nào chịu trách nhiệm hay bù đắp cho người dân được, trong khi với chuyển hóa

thì sự thay đổi diễn ra một cách chậm rãi hơn, tránh được những tổn thất quá sức chịu đựng của xã hội.

Khác biệt chủ yếu giữa cách mạng và chuyển hóa là: Cách mạng là sự thay đổi đột ngột, căn bản, toàn diện, còn chuyển hóa là sự thay đổi chậm, từng phần.

Những kịch bản thay đổi ở Việt Nam theo hướng dân chủ hóa			
Cách mạng	Biểu tình lớn và kéo dài (có thể kéo theo đình công, bãi thị, bãi khóa trên diện rộng), có bạo lực và đổ máu, làm tê liệt, đảo lộn đời sống thường nhật, tạo sức ép buộc đảng Cộng sản cầm quyền phải nhượng bộ, đầu hàng.		
Bạo động	Một bộ phận quần chúng ở một địa phương nào đó nổi dậy chống chính quyền. Khởi nghĩa lan rộng, tạo sức ép buộc chính quyền địa phương, rồi tới chính quyền trung ương (của đảng Cộng sản) phải nhượng bộ, đầu hàng.		
Đảo chính	Một phe nhóm nào đó trong nội bộ đảng Cộng sản cầm quyền nổi dậy lật đổ chính quyền.		
Chuyển hóa	1 Chính quyền của đảng Cộng sản tự đổi mới, tự cải cách (thay đổi từ bên trong và từ bên trên). (*)	2 Một hoặc một số đảng đối lập nổi lên, đủ sức mạnh thu hút quần chúng và gây sức ép buộc đảng cầm quyền phải nhượng bộ.	3 Xã hội dân sự phát triển mạnh, kéo theo các phong trào xã hội rộng lớn, đủ sức mạnh gây sức ép buộc đảng cầm quyền phải nhượng bộ.

(*) Để cập tới kịch bản “chính quyền của đảng Cộng sản tự đổi mới” (hộp đánh số 1 ở trong bảng trên) để dân chủ hóa đất nước, có nhiều ý kiến nói thêm đến các khả năng sau:

a) Đảng Cộng sản đồng ý tổ chức tổng tuyển cử, và tham gia tranh cử một cách bình đẳng với các đảng phái khác. Người dân

Việt Nam trong và ngoài nước được tự do bầu ra quốc hội mới, đa đảng và thực sự đại diện cho dân. Từ đó, sẽ có hiến pháp mới và thể chế mới theo hướng dân chủ, tự do. Đây là kịch bản tích cực nhất.

b) Đảng Cộng sản tự chia nhỏ thành một số đảng theo đuổi các đường lối (ý thức hệ) khác nhau, các đảng này cùng tham gia tranh cử vào quốc hội và thúc đẩy cải cách theo hướng dân chủ, tự do. Đây cũng là một kịch bản tích cực.

c) Đảng Cộng sản giả vờ thay đổi: tự đổi tên¹, tự chia nhỏ thành một vài đảng (nhưng thực chất vẫn là các tổ chức thuộc sở hữu và chịu sự quản lý của đảng), để diễn một màn kịch thay đổi ôn hòa, ví dụ tổ chức một cuộc tổng tuyển cử trong đó đảng vẫn chi phối tiến trình và kiểm soát kết quả, nên cuối cùng vẫn chiến thắng.

d) Đảng Cộng sản tự tổ chức lực lượng đối lập giả – gồm một hoặc một vài đảng phái hoặc tổ chức thuộc sở hữu và chịu sự quản lý của đảng – để khi cần thì diễn màn kịch thay đổi ôn hòa.

Trong các kịch bản trên, (c) và (d) là hai kịch bản trong đó đảng Cộng sản chỉ diễn màn kịch thay đổi, kết quả sẽ là “bình mới rượu cũ”, tức là chỉ có hình thức bên ngoài thì có vẻ mới, còn nội dung, bản chất bên trong vẫn y như cũ, không có gì thay đổi. Do đó, thiết nghĩ cũng không nên xếp (c) và (d) vào bảng trên, danh sách “những kịch bản thay đổi ở Việt Nam theo hướng dân chủ hóa”.

Trong các chương tiếp theo, chúng ta sẽ tìm hiểu các hoạt động chính trị xoay quanh đảng phái và xã hội dân sự (hộp 2 và 3 trong bảng trên). Trong đó, có một hoạt động mà đã làm chính trị thì không thể thiếu, và bản thân nó cũng là một hình thức hoạt động chính trị mà chúng ta đã đề cập đến từ Phần I: làm truyền thông.

¹ Trong lịch sử hoạt động của mình, đảng Cộng sản Việt Nam từng có thời gian tự đổi tên để trá hình: Ngày 11/11/1945, đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán, lấy tên gọi mới là Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác ở Đông Dương. Mục đích của việc làm này là để che giấu sự liên hệ giữa những người cộng sản với nhà nước mới thành lập.

Chương II

LÀM TRUYỀN THÔNG: CÔNG LUẬN, TRUYỀN THÔNG CHÍNH TRỊ, VÀ TUYÊN TRUYỀN

Ở Chương II, Phần I, bạn đã được biết truyền thông, hiểu đơn giản là “truyền tải thông tin”, là việc một cá nhân/tổ chức truyền tải thông tin (dưới các hình thức ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, tín hiệu) cho một/các cá nhân/tổ chức khác biết. Còn truyền thông đại chúng là truyền tải thông tin đến một lượng lớn khán/thính/độc giả nhưng không tiếp xúc trực tiếp với họ.

Truyền thông đóng một vai trò khổng lồ trong thúc đẩy thay đổi xã hội: Tất cả các cuộc cách mạng chính trị đều có truyền thông chiếm đến một nửa vai trò, và có lẽ còn hơn thế nữa, trong thời đại Internet ngày nay.

Trong mọi mâu thuẫn, xung đột xã hội, phe nào nắm được truyền thông, khả năng phe đó thắng sẽ cao hơn, và ngược lại.

Ngay cả trong đời sống thường nhật của xã hội, truyền thông vẫn đóng vai trò quan trọng sống còn đối với chính quyền. Sự thực là những gì chúng ta hiểu về chính trị, chính sách công... không phải đến từ các chính trị gia, mà từ những gì chúng ta nghe, xem hay đọc được trên báo, đài, Internet... Chế độ dân chủ đương nhiên cần truyền thông để thực hiện nghĩa vụ minh bạch trước người dân. Nhưng bạn tin không, chế độ độc tài cũng cần truyền thông không kém, để mị dân, tỏ ra dân chủ, nhằm củng cố tính chính danh (tức niềm tin của dân chúng).

Có thể nói không quá rằng truyền thông nằm ở trung tâm của hoạt động chính trị, nó gắn chặt với tất cả các hoạt động chính trị khác.

* * *

CÔNG LUẬN

Nói tới truyền thông đại chúng thì phải nói tới đối tượng mà nó hướng tới: đại chúng. Và nói tới truyền thông chính trị thì phải nói tới đối tượng mà nó vừa tác động, định hướng, lại vừa chịu tác động ngược lại: công luận. Truyền thông đóng vai trò khổng lồ, trung tâm của hoạt động chính trị trong cả xã hội dân chủ cũng như độc tài, thì công luận cũng vậy, cũng quan trọng cả dưới chế độ dân chủ lẫn độc tài.

Nhà khoa học chính trị Mỹ Valdimer Orlando Key viết trong cuốn sách nổi tiếng của ông năm 1961, “Public Opinion and American Democracy” (Công luận và nền dân chủ Mỹ), như sau:

“Các chính quyền luôn quan tâm đến ý kiến của công dân, cho dù chỉ để có cơ trấn áp nổi bất mãn. Sự tò mò, lo lắng dai dẳng của kẻ cai trị về việc người bị trị nói gì về chúng và hành động của chúng, luôn còn ghi trong lịch sử của ngành mật vụ. Các biện pháp để thỏa mãn sự tò mò đó thông qua điều tra ý kiến công luận mới chỉ là một khía cạnh của khủng bố và trấn áp về chính trị; chúng còn có thể mở đường cho những chính sách khủng bố và trấn áp được tính toán để biến sự bất mãn thành sự phục tùng vui vẻ.

Ngay cả trong những chế độ ít dân chủ nhất, ý kiến công luận vẫn có thể ảnh hưởng đến đường lối hoặc tiến độ của chính sách. Cho dù một chính quyền nào đó có thể đứng vững nhờ ách độc tài, nhưng để trụ được lâu, nó cũng cần có sự ủng hộ hào phóng của một số lượng đáng kể người dân”.¹

¹. “Governing: An Introduction to Political Science” (Sổd.), Austin Ranney dẫn lại của V. O. Key.

Cho nên chúng ta cần bỏ một quan niệm sai lầm là chỉ có chính quyền dân chủ mới cần biết đến công luận, còn độc tài thì luôn bỏ ngoài tai mọi ý kiến của dân. Thực tế là ở chế độ nào, chính quyền cũng cần hiểu và nắm được công luận.



Một biểu hiện của tâm lý thù ghét và chống Nhật Bản điên cuồng tại Trung Quốc.

Công luận là gì? Valdimer Orlando Key định nghĩa: “Công luận bao gồm tất cả những ý kiến, quan điểm của các cá nhân, mà chính quyền cho rằng cần phải lưu tâm đến”. Nói cách khác, công luận là tổng hợp tất cả các quan điểm cá nhân về một vấn đề nào đó, mà chính quyền nhận thức được và cân nhắc đến trong quá trình ra quyết định, hoạch định chính sách.¹ Có nghĩa là, nếu không được chính quyền biết tới và cân nhắc, thì những quan điểm cá nhân đó không tạo thành công luận.

Cũng cần lưu ý rằng, công luận là một khái niệm rất linh hoạt, co giãn:

- Không phải tất cả các thành viên của cộng đồng đều quan tâm đến tất cả các vấn đề của cộng đồng.

¹ Austin Ranney dẫn lại của V. O. Key.

- Mọi vấn đề đều có thể gây ra những quan điểm khác nhau, bao gồm cả việc chẳng có quan điểm gì. Cho nên, trong các cuộc khảo sát, thăm dò dư luận, thường có phương án trả lời: “Không biết”, hoặc “Không quan tâm”.

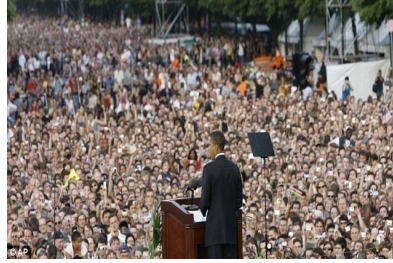
- Bản thân quan điểm, lập trường cũng là thứ có thể thay đổi liên tục. Do đó, công luận có thể thay đổi, trước thế này sau thế khác, không nhất quán.

- Đồng thời với tính linh hoạt, hay thay đổi, công luận lại cũng rất bảo thủ. Nói đúng hơn, trong các vấn đề chính sách, công luận có thể dễ dàng thay đổi nếu tác động của truyền thông chính trị đủ lớn; nhưng liên quan đến tư tưởng, ý thức hệ, thì công luận rất khó thay đổi. Đa số thường chậm tiến về tư tưởng, khó chấp nhận cái mới. Các quan niệm cũ kỹ, lạc hậu, khổ nổi luôn chiếm đa số, ý tưởng mới bao giờ cũng là của thiểu số.

Nói đến công luận đối với một vấn đề nào đó, ta cần quan tâm đến các khía cạnh: 1. Thái độ, lập trường (quan tâm và cho đó là việc quan trọng, hay thờ ơ, coi nhẹ? Nếu quan tâm thì ủng hộ, phản đối, hay ba phải?); 2. Mức độ, cường độ, tức là sức mạnh của quan điểm (quan tâm ở mức độ mạnh hay yếu, quyết liệt hay vừa phải?); 3. Tính ổn định (quan điểm có dễ thay đổi theo thời gian không?). Tất nhiên là cả ba khía cạnh này đều quan trọng như nhau.

Quan sát và nghiên cứu về công luận trong những xã hội dân chủ tự do như Mỹ và châu Âu, các chuyên gia rút ra một kết luận thú vị: Rất nhiều khi, các nhóm nhỏ nhưng quyết liệt, mạnh mẽ, lại chiến thắng các nhóm đối thủ tuy lớn nhưng thờ ơ, không đủ quyết liệt. Người Mỹ có một câu nổi tiếng: “Đôi khi, những kẻ thất bại kêu gào to hơn người chiến thắng ca hát”.¹ Điều này nói lên tầm quan trọng của khía cạnh số 2, “cường độ”. Chính trị gia và quan chức không chỉ cần biết dân chúng nghĩ gì, thích gì, ghét gì (khía cạnh 1), mà còn cần phải biết họ thích hay ghét mạnh mẽ đến đâu (khía cạnh 2).

¹ Nguyễn văn tiếng Anh: “Sometimes, the losers cry more loudly than the winners sing”.



Tổng thống Mỹ Barack Obama tiếp xúc trực tiếp với dân.

Và cũng không chỉ chính trị gia và quan chức cần nắm bắt được công luận, mà cả những người hoạt động chính trị dưới các hình thức vận động, tham gia phong trào xã hội, làm truyền thông... cũng bắt buộc phải hiểu tầm quan trọng của công luận và ba khía cạnh của nó. Chúng ta lấy một ví dụ:

Giả sử Việt Nam tổ chức bầu cử với hai đảng cạnh tranh là Cộng sản và Cộng hòa.

Nếu 60% dân số ủng hộ Cộng sản, 40% ủng hộ Cộng hòa, và tất cả đều nhiệt tình bỏ phiếu, thì kết quả là đảng Cộng sản thắng 3:2.

Nếu 60% dân số ủng hộ đảng Cộng sản, 40% ủng hộ Cộng hòa, nhưng chỉ một nửa số cử tri ủng hộ đảng Cộng sản bỏ phiếu, số còn lại thờ ơ, trong khi tất cả “fan” của Cộng hòa đều nhiệt tình đi bầu: Cộng hòa thắng 4:3.

Được công luận yêu thích, ủng hộ không chưa đủ, mà còn phải được họ yêu thích và ủng hộ một cách mạnh mẽ, thực chất nữa. Và bạn hãy nhớ đến cái thực tế mà lịch sử đã ghi nhận: Trong vận động chính sách, nhóm nhỏ nhưng tranh đấu quyết liệt, mạnh mẽ, có thể chiến thắng các nhóm đối thủ tuy lớn nhưng thờ ơ, không đủ quan tâm.

Làm thế nào để “đo” công luận?

Thông qua lá phiếu của cử tri;

Thông qua các tổ chức xã hội dân sự;

Thông qua tiếp xúc trực tiếp với người dân;

Thông qua các cuộc khảo sát, thăm dò ý kiến, điều tra xã hội học;

Thông qua báo chí (báo, tạp chí, truyền hình, phát thanh, báo điện tử, họa báo, báo ảnh);

Thông qua mạng xã hội (blog, facebook, twitter...)

v.v.

Chắc hẳn còn rất nhiều cách, điều quan trọng là ta có sẵn sàng tìm hiểu không mà thôi.

Từ khi cầm quyền, đảng Cộng sản Việt Nam, tuy cũng rất quan tâm và muốn nắm được công luận (cũng giống như mọi chính quyền khác trên thế giới), nhưng họ có tâm lý chỉ chấp nhận những điều họ thích nghe, những sự thật có lợi cho họ. Từ đó, nảy sinh một hệ thống báo chí-tuyên truyền và một đội ngũ tham mưu chỉ có nhiệm vụ “minh họa đường lối”, tức là làm sao để thiết kế nên những “sự thật” vừa ý đảng. Phản biện xã hội bị bóp nghẹt, bất đồng chính kiến bị tiêu diệt.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TẠO RA VÀ/HOẶC ĐỊNH HƯỚNG CÔNG LUẬN?

Có hai cách chính để tạo ra và/hoặc định hướng công luận, là sử dụng truyền thông và giáo dục.

Xin nhắc lại: Truyền thông, hiểu đơn giản là “truyền tải thông tin”, là việc một cá nhân/tổ chức truyền tải thông tin (dưới các hình thức ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, tín hiệu) cho một/các cá nhân/tổ chức khác biết. Còn truyền thông đại chúng là truyền tải thông tin đến một lượng lớn khán/thính/độc giả nhưng không tiếp xúc trực tiếp với họ.

Như vậy, truyền thông có rất nhiều hình thức. Âm nhạc, sân khấu, điện ảnh cũng là truyền thông. Tuy nhiên, một cách cụ thể hơn, khi nói tới việc sử dụng truyền thông để tạo ra và/hoặc định hướng công luận, bạn đừng quên: vận động trực tiếp, báo chí, xuất bản, quảng cáo, và tuyên truyền. Chúng ta sẽ nói nhiều hơn về truyền thông với mục đích này, ở phần sau, về truyền thông chính trị.

Bên cạnh truyền thông, cũng có thể thông qua giáo dục để tạo ra và/hoặc định hướng công luận. Đảng Cộng sản Việt Nam có “sáng kiến” kết hợp tuyên truyền và giáo dục thành “tuyên giáo”, và đó là một nghề ở Việt Nam dưới chế độ cộng sản.

* * *

TRUYỀN THÔNG CHÍNH TRỊ

Đến đây, khi đã biết được tầm quan trọng của công luận, chúng ta sẽ bàn về truyền thông chính trị, một khái niệm rộng hơn tuyên truyền.

Truyền thông chính trị chỉ đơn giản là truyền thông trong lĩnh vực chính trị, truyền thông nhằm mục đích chính trị. Bây giờ chúng ta sẽ phân tích sâu hơn về các thành tố của truyền thông chính trị.

1. Người truyền tải thông tin (người truyền thông)

Trong truyền thông chính trị, người truyền thông là bất kỳ người hoặc nhóm nào hành động để gây ảnh hưởng đến chính sách. Chủ thể này bao gồm: chính trị gia (chính khách), đảng phái, các nhóm, hội, tổ chức, các cơ quan nhà nước.

2. Thông điệp chính trị

Có thể được truyền tải dưới dạng ngôn ngữ, biểu tượng, hình ảnh, cử chỉ, v.v. thông qua đó người làm truyền thông truyền tải một ý nào đó đến đối tượng mục tiêu. Ví dụ như “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày” là thông điệp chính trị của Việt Minh đến đối tượng làm cách mạng tiềm năng (chủ yếu là nông dân) trong giai đoạn Việt Minh xây dựng lực lượng, những năm 1930-1931.

3. Phương tiện truyền tải thông tin

Có vô cùng nhiều cách truyền tải thông tin. Tìm ra một, một số, hoặc càng nhiều càng tốt phương tiện để truyền tải thông điệp

chính trị, là việc người truyền thông phải nghĩ ra và nỗ lực thực hiện. Có một số phương tiện phổ biến như:

- Báo chí (báo, tạp chí, truyền hình, phát thanh, báo điện tử, họa báo, báo ảnh);
- Xuất bản (tài liệu, sách, tờ rơi, ấn phẩm các loại);
- Truyền thông Internet: mạng xã hội, blog...;
- Các hình thức quảng cáo;
- Loa phóng thanh (kể cả loa phường, loa xã);
- Email (thường là spam);
- Hội thảo, hội nghị, tập huấn;
- Biểu tình;
- Cờ, biểu ngữ, băng hiệu, băng thông báo... (có thể nằm trong hoạt động biểu tình hoặc tách riêng);
- Gạch đá, cà chua, trứng thối... (có thể nằm trong hoạt động biểu tình hoặc tách riêng);
- Trò chuyện trực tiếp; và bạn đừng quên một cách quan trọng dưới đây:
- Rò rỉ thông tin.

Trong lịch sử thế giới và chắc chắn là cả Việt Nam, rất nhiều thông điệp chính trị đã được tung ra bằng con đường bí mật truyền miệng, rò rỉ một cách cố ý. (Tất nhiên là cố ý rồi, bởi đã gọi là truyền thông thì phải là hoạt động có chủ ý chứ không phải vô tâm, lỡ miệng). Người truyền thông chủ ý rò rỉ thông tin đó đến phóng viên, nhà báo, và trong thời của mạng xã hội thì họ rỉ tai các blogger, facebooker nổi tiếng, có ảnh hưởng tới cộng đồng.

Trong lịch sử Việt Nam, từng có một phương tiện truyền tải thông điệp chính trị rất độc đáo. Đó là trong trường hợp trong kháng chiến chống quân Minh, Nguyễn Trãi cho người phết mật ong lên lá cây với dòng chữ “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần” (Lê Lợi là vua, Nguyễn Trãi là bề tôi). Kiến ăn mật dọc theo dòng chữ này trên lá, và khi lá khô cuộn theo dòng nước về xuôi, dân chúng bắt được sẽ tin rằng phong trào Lam Sơn được Trời ủng hộ, Lê Lợi trước sau gì cũng thành vua vì đó là ý Trời.

4. Người tiếp nhận

Đó là bất kỳ ai biết tới thông tin, thông điệp từ người làm truyền thông chính trị. Việc tiếp nhận có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp, song khả năng bị ảnh hưởng tới đâu là phụ thuộc vào:

- Kiến thức, trình độ;
- Mức độ quan tâm;
- Văn hóa chính trị.

5. Phản ứng

Truyền thông chính trị có thể:

- Tạo ra hoặc làm tăng thêm sự hài lòng, ủng hộ;
- Tạo ra hoặc làm tăng thêm sự thù địch, bất mãn; hoặc
- Chẳng tạo ra phản ứng gì ở người tiếp nhận.

Trường hợp thứ ba được coi là thất bại. Trường hợp một và hai được coi là thành công, tùy theo mục đích của người truyền thông là gì và có đạt được không. Cụ thể hơn, truyền thông chính trị thành công nếu nó tạo ra được ở người tiếp nhận những phản ứng sau đây:

- Bắt đầu nghĩ tới vấn đề: Trước kia người ta chưa từng nghĩ tới vấn đề, bây giờ thì bắt đầu nghĩ.
- Thay đổi: Trước kia người ta nghĩ khác, bây giờ đã thay đổi.
- Củng cố: Trước kia người ta chưa ủng hộ hay phản đối mạnh, bây giờ ủng hộ hay phản đối mạnh.
- Hành động: Trước kia người ta chẳng làm gì, bây giờ người ta chủ động làm điều gì đó.

Truyền thông chính trị là một lĩnh vực rộng lớn trong chính trị. Và khi nói tới truyền thông chính trị, chúng ta không thể không bàn tới một mảng của nó – vốn được coi như “tà đạo” vì gắn chặt với nguy hiểm, dối trá và lợi dụng đối tượng tiếp nhận: tuyên truyền.



TUYÊN TRUYỀN

Tuyên truyền là việc đưa ra những thông tin có chọn lọc, có nội dung thiên vị, không công bằng, sai lệch, bóp méo để tác động tới một đối tượng nào đó, nhằm phát tán và/hoặc đẩy mạnh một quan điểm chính trị nào đó. Tuyên truyền cũng là một hình thức truyền thông, một nhánh của truyền thông chính trị.

Về từ nguyên, tuyên truyền tiếng Anh là propaganda, một từ có gốc Latin. Khái niệm này khởi thủy xuất phát từ nhà thờ Công giáo ở Rome vào năm 1622 và chỉ mang nghĩa trung tính là truyền giáo. Tuy nhiên từ những năm 1790 (thập niên cuối cùng của thế kỷ 18), nó bắt đầu được thể tục hóa, và từ giữa thế kỷ 19 thì được sử dụng trong chính trị và mang nghĩa tiêu cực.

Sở dĩ bị coi là tiêu cực, bởi người làm tuyên truyền sử dụng những thông tin thiên vị, không công bằng, thậm chí sai lệch, méo mó, hoặc trình bày thông tin một cách có chọn lọc (ví dụ: chỉ kể những gì tích cực, xóa bỏ thông tin tiêu cực), hoặc truyền đạt làm sao để kích động cảm xúc thay vì khuyến khích người ta suy nghĩ có lý trí. Mục đích của tuyên truyền luôn là để nhào nặn công chúng (đối tượng của tuyên truyền) và tận dụng, lợi dụng họ cho các tư lợi chính trị.

Đó là những việc không lương thiện.

Chiến tranh Lạnh đã hết, Liên Xô và khối Đông Âu cộng sản – những xú sở vàng của tuyên truyền – đã sụp đổ, nhưng từ “propaganda” ngày nay vẫn giữ nghĩa xấu, tiêu cực. Có lẽ vì thế mà sau nhiều năm dùng nhầm tên, Học viện Báo chí và Tuyên truyền ở Việt Nam đã phải sửa tên tiếng Anh của họ từ “Academy of Journalism and Propaganda” thành “Academy of Journalism and Communication”, báo chí và truyền thông.

Phương tiện tuyên truyền: Có một số phương tiện trùng với các phương tiện truyền thông chính trị, ví dụ:

- Báo chí (báo, tạp chí, truyền hình, phát thanh, báo điện tử, họa báo, báo ảnh);
- Xuất bản (tài liệu, sách, tờ rơi, ấn phẩm các loại);
- Truyền thông Internet: mạng xã hội, blog...;
- Loa phóng thanh (kể cả loa phường, loa xã);
- Tuần hành, mít tinh;
- Cờ, biểu ngữ, băng hiệu, băng thông báo... (có thể nằm trong hoạt động tuần hành, mít tinh, hoặc tách riêng).

Nhưng tuyên truyền còn sử dụng cả nhiều phương tiện tinh vi hơn rất nhiều:

- Dùng người, nhất là người đẹp, người nổi tiếng;
- Dùng vật, đồ vật (tượng, phù điêu, huy hiệu);
- Dùng hình ảnh (nhiếp ảnh, các thể loại phim);
- Dùng hội họa (tranh, bích họa, tem...);
- Dùng âm nhạc;
- v.v.

Kỹ thuật tuyên truyền: Bản chất của tuyên truyền là tung tin có chọn lọc, sai lệch, bóp méo, cho nên về kỹ thuật, nó buộc phải gắn với dối trá và nguy hiểm. Có rất nhiều kỹ thuật, hay là thủ đoạn tuyên truyền, ví dụ như: sử dụng những hình ảnh, những biểu tượng, hoặc từ ngữ gây cảm xúc; bóp méo có chọn lọc; đánh lạc hướng (đánh tráo chủ đề); tung tin đồn; nói dối trắng trợn, v.v.

(Xem phần Phụ lục để biết các kỹ thuật tuyên truyền căn bản).

Ngoài ra, điều rõ ràng là hiệu quả của tuyên truyền không chỉ phụ thuộc vào kỹ thuật tuyên truyền mà còn vào diện phủ sóng của phương tiện truyền thông đại chúng được sử dụng vào tuyên truyền. Một thực tế hiển nhiên là cá nhân hay tổ chức nào càng nắm được nhiều kênh truyền thông thì càng dễ tuyên truyền hơn.

Đó là lý do khiến cuộc chiến truyền thông của những người ủng hộ dân chủ - nhân quyền ở Việt Nam với đảng Cộng sản trở nên không cân sức, phần thắng rất nhiều khi thuộc về đảng Cộng sản. Bởi đảng này sở hữu và kiểm soát toàn bộ hệ thống phương tiện truyền thông đại chúng (gồm hàng nghìn cơ quan báo đài, trong đó riêng VTV đã có thể phủ sóng tới tận quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa), trong khi “lề trái” chỉ mạnh ở facebook và blog.

Kiểm soát và định hướng báo chí ở chế độ độc tài
<i>Kiểm duyệt kỹ thông tin và lập luận trước khi công bố ra cho giới truyền thông.</i> <i>Kiểm soát các nguồn tin để đảm bảo là chỉ “quan điểm chính thức”, “quan điểm chính thống” mới được công bố và có giá trị. Ví dụ như ở Việt Nam dưới thời cộng sản, công an cũng như rất nhiều người dân đều quan niệm rằng chỉ có thông tin do “báo đài nhà nước” đưa là đáng tin cậy, còn tin tức lấy trên mạng Internet là vô giá trị, không đáng tin.</i> <i>Bí mật tung tin từ nguồn ẩn danh, rò rỉ thông tin. Một trong các ví dụ kinh điển ở nước Việt Nam cộng sản là trang Chân Dung Quyền Lực, ra đời tháng 12/2014. Ngày 15/1/2015, tròn một tháng xuất hiện, trang này đạt 24 triệu lượt truy cập.</i> <i>Chỉ cung cấp thông tin cho các cơ quan truyền thông thân tín và ủng hộ mình. Ở Việt Nam thời cộng sản, tất cả các tờ báo chính trị-xã hội đều nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của đảng Cộng sản, nhưng trong đó có 6 cơ quan báo chí được ưu đãi đặc biệt: Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, báo Nhân Dân, báo Quân đội Nhân dân, báo Công an Nhân dân. Có nhiều sự kiện của “Đảng và Nhà nước”, chỉ những cơ quan báo chí này mới được tham dự.</i> <i>Cung cấp thông tin thật trễ, sát nút, để khiến báo chí không còn đủ thời gian kiểm chứng, phe đối lập không kịp phân tích phản biện.</i> <i>Tung tin khác (ví dụ tin xấu...) vào lúc các sự kiện quan trọng đang chiếm sóng trên truyền thông. Ví dụ: Những người thạo tin ở Việt Nam nhận thấy rằng cứ mỗi lần dư luận xôn xao về một vụ việc xã hội nào đó thì giới showbiz lại có chuyện gây chú ý, chẳng hạn như người mẫu, “nữ hoàng đồ lót” Ngọc Trinh lên báo với câu nói nổi tiếng “Yêu mà không có tiền thì cạp đất mà ăn à?” đúng lúc vừa nổ ra vụ cưỡng chế đất đai đầy tai tiếng ở Văn Giang (Hưng Yên).</i>

Về sau, chuyện giới showbiz với những “sao lộ hàng”, “hot girl lộ vòng 1 khủng”... bão hoà, không thu hút được đông đảo tầng lớp độc giả, khán giả nữa (dù có thể vẫn thu hút được đáng kể “bạn đọc tuổi teen”), tuyên giáo Việt Nam bắt đầu khéo léo hướng báo chí chuyển sang các đề tài khác, sử dụng những nhân vật khác ngoài giới showbiz, gồm cả những quan chức, cán bộ cấp thấp, cho ra những phát ngôn ngớ ngẩn và những chính sách quái đản, để dư luận ồn ào lên chửi bới, công kích mà quên mất những vấn đề thời sự chính trị nóng bỏng và đáng quan tâm hơn thế nhiều. Ta có thể lấy ví dụ như vụ tháng 3/2017, Cục Nghệ thuật Biểu diễn đột nhiên đưa ca khúc “Con đường xưa em đi” vào danh sách nhạc phẩm cấm lưu hành (vốn dĩ nó đã bị cấm từ lâu trước đó). Hay chuyện cuối năm 2017, Giáo sư Bùi Hiền công bố bảng chữ cái tiếng Việt cải cách – kết quả một công trình nghiên cứu kéo dài 20 năm của ông ta.

Giới hạn của tuyên truyền: Mặc dù tuyên truyền là một lĩnh vực truyền thông đầy thủ đoạn và rất có ảnh hưởng, nhưng sức mạnh của nó không phải là vô hạn. Tuyên truyền sẽ bị hạn chế bởi các yếu tố sau:

1. *Luật pháp:* Nếu là một xã hội dân chủ với nền luật pháp công bằng, thì luật pháp sẽ bảo vệ nhân quyền, trong đó có quyền của người dân không bị bôi nhọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

2. *Dân trí:* Người dân càng có tư duy phản biện và tinh thần duy lý (trọng lý lẽ, lý trí hơn trọng tình) thì càng khó bị dẫn dụ, dắt mũi, định hướng.

Các nhà nghiên cứu đã công bố một điều thú vị là người ít đọc sách dễ bị tuyên truyền hơn người đọc nhiều sách; người không có quan điểm hoặc quan điểm không mạnh sẽ dễ bị tuyên truyền hơn người đã có sẵn quan điểm.

3. *Những định kiến, quan niệm ăn sâu:* Tuyên truyền rất khó thay đổi những định kiến, những quan niệm đã bắt rễ quá sâu trong xã hội. Ví dụ như chúng ta không thể tuyên truyền để toàn thể xã hội nghĩ rằng người ốm hạnh phúc hơn người khỏe.

Thông thường, tuyên truyền về các vấn đề vốn bị người dân coi là không quan trọng lắm, thì sẽ hiệu quả hơn tuyên truyền về các vấn đề được coi là quan trọng. Vấn đề người dân càng ít quan tâm, ít biết,

thì càng dễ tuyên truyền. Chẳng hạn, nếu phần đông dân chúng vốn không để ý tới việc hút thuốc lá nơi công cộng, thì tuyên truyền về luật chống thuốc lá có khả năng cao là thành công, mà biểu hiện là không ai phản đối và luật sẽ được thông qua nhanh chóng.

Đến đây, hẳn bạn đã thấy: Tuyên truyền là một mảng của truyền thông chính trị, và nó là một thứ “tà đạo” của truyền thông chính trị. Còn truyền thông là một loại hoạt động không thể thiếu trong chính trị; hoạt động chính trị nào cũng phải gắn chặt với nó, dù là cách mạng hay chuyển hóa, dù là đảng phái hay xã hội dân sự.

Ở Chương III, chúng ta sẽ tiếp tục với hai lĩnh vực hoạt động chính trị cực kỳ có ảnh hưởng và mang tính “chính trị” cao độ: hoạt động đảng phái và xã hội dân sự.

Bài đọc

CÔNG LUẬN VÀ VIỆC LÀM CHÍNH SÁCH ¹

Người dân Mỹ có vô vàn cách và vô vàn cơ hội để lên tiếng, do đó, các nhà làm chính sách ở mọi cấp chính quyền cần ý thức được về sự thay đổi trong các quan niệm của dân chúng. Ngoài việc trả lời khảo sát, thăm dò ý kiến các loại, người dân còn có thể biểu đạt chính kiến thông qua sự tham gia, bao gồm không chỉ việc đi bỏ phiếu bầu cử, mà còn là tham dự các cuộc họp/ hội thảo/ hội nghị, viết hoặc nói chuyện với các quan chức chính quyền, tham gia các nhóm lợi ích, và tham gia các cuộc trưng cầu dân ý hay các sáng kiến lập pháp đặt ở các điểm bỏ phiếu cấp bang hoặc địa phương.

Có những hình thức công dân tham gia trực tiếp vào việc làm chính sách, và nhiều bang cho phép sử dụng các hình thức đó. Ví dụ như vào năm 2004, cử tri ở bang Colorado phê chuẩn với tỷ lệ 54-46 một cuộc trưng cầu dân ý toàn bang về việc sử dụng năng lượng tái tạo mà trước đó, cơ quan lập pháp của bang đã bác bỏ tới ba lần (...). Năm 2008, cử tri bang Cali thông qua một cuộc trưng cầu dân ý cấm hôn nhân đồng giới, ngay cả sau khi một tòa án ở Cali đã ra phán quyết rằng việc cấm hôn nhân đồng giới trước đó, mà cơ quan lập pháp bang thông qua, là vi hiến.

Bằng trực giác, có thể thấy công luận rất quan trọng trong một nền dân chủ, ngay cả theo một cách ít trực tiếp hơn so với bỏ phiếu.

¹ “Public Policy: Politics, Analysis, and Alternatives”, Kraft & Furlong, 3rd edition, CQ Press, 2009.

Tuy nhiên, sự thực là phần lớn công dân ít quan tâm đến chính quyền, chính trị, chính sách công. Họ bị những mối quan tâm khác che lấp đầu óc, về gia đình, công việc, nhà ở, và các vấn đề khác quan trọng với họ từng ngày. Kết quả là, họ có thể không có thông tin về các vấn đề chính sách, và họ có thể có những quan điểm sai lầm về chính sách. Các ý kiến như vậy thường được coi là thấp cả về tính gây chú ý lẫn cường độ.

Tính gây chú ý phản ánh mức độ quan trọng của một vấn đề đối với một cá nhân, còn cường độ nói lên sức mạnh của quan điểm, hay là quan điểm đó vững tới độ nào. Cả hai tính chất này đều quan trọng trong việc dự đoán xem liệu mọi người có hành động theo quan điểm của họ không và khả năng cao hay thấp. Ví dụ, hầu hết mọi người đều thể hiện lập trường ủng hộ việc bảo vệ môi trường; nhưng không ai đóng vai trò như nhà hoạt động môi trường khi họ dùng năng lượng, họ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, v.v. Bởi vì chính sách môi trường là một vấn đề có tính gây chú ý thấp, nên ít có khả năng nó sẽ hình thành chủ trương của cử tri khi bỏ phiếu.

Tính ổn định là một chiều kích khác của quan điểm. Nó nói đến sự tiếp tục một quan điểm theo thời gian. Công luận vốn ngắn hạn và thay đổi rất nhanh, có thể bị tác động bởi các sự kiện nhất thời và cách trình bày vấn đề trên truyền thông cũng như từ giới quan chức. Một ví dụ rất hay là cái mà các nhà phân tích công luận gọi là hiệu ứng “tập trung xung quanh một ngọn cờ”, xuất hiện ở người dân khi mà một khủng hoảng mang tính quốc tế bùng nổ khuấy động lòng yêu nước và sự ủng hộ khác thường đối với tổng thống và các nhà lãnh đạo quốc gia khác. Tổng thống Mỹ George W. Bush rõ ràng đã đắc lợi từ hiệu ứng này sau sự cố 11/9; có thể thấy điều đó trong việc tỷ lệ ủng hộ ông bỗng tăng vọt. Nói như vậy là để chỉ ra rằng, thường rất khó mà biết được công dân muốn gì ở chính quyền và họ sẽ tán đồng với đề xuất chính sách nào. Tuy nhiên, công luận càng ổn định về một vấn đề cụ thể nào đó, thì các nhà làm chính sách càng chắc chắn phải chú ý cân nhắc quan điểm của công chúng khi ra quyết định.

Một phần bởi vì rất ít người dân Mỹ tiếp cận chính quyền và chính sách công với một ý thức hệ (quan điểm, đường lối) rõ ràng và mạnh mẽ, nên họ thường dễ có những quan điểm không nhất quán về vai trò của chính quyền. Xét về khía cạnh ý thức hệ, đa số người Mỹ có xu hướng bảo thủ, tức là họ thích chính quyền nhỏ gọn, có giới hạn, và ít hành chính, ít luật lệ, quy định hơn, nói chung thế. Tuy nhiên, cũng chính đa số này chắc chắn lại muốn đòi hỏi chính phủ phải cung cấp nhiều dịch vụ, từ việc quy định về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm - dược phẩm, đến quy định về chất lượng môi trường, từ việc đảm bảo giáo dục phổ cập đến việc bảo vệ trật tự, an toàn đời sống người dân. Cách mà dân chúng phản ứng với một chính sách bất kỳ phụ thuộc rất nhiều vào việc chính sách đó được trình bày đến người dân như thế nào. Khi những người khảo sát đặt câu hỏi cho người dân về các chương trình chính sách cụ thể, nói chung họ sẽ thấy công chúng tương đối ủng hộ. Cùng lúc đó, có thể các chính trị gia lại đang phải xin công chúng thông cảm, nếu công chúng công kích chính quyền, chỉ trích hệ thống hành chính quan liêu, các loại luật lệ quy định, thuế má... theo một cách rất chung chung.

Bất chấp việc công chúng nói chung thường rất hiểu rất ít về các vấn đề chính sách, có những lý do để tin rằng, nếu được trao cơ hội, các công dân đều sẽ rất thích các vấn đề công cộng và chính sách công, họ sẽ thích tìm hiểu về vấn đề và được có thông tin, họ sẽ sẵn sàng lên tiếng và gây ảnh hưởng tới chính sách công. Đặc biệt ở cấp độ địa phương, các công dân có thể và thực sự đã tham gia, và họ có tiếng nói rất lớn trong chính sách công. Thậm chí, ngay cả trong các lĩnh vực mang tính chuyên môn cao như điện hạt nhân và chính sách về chất thải hạt nhân, những nghiên cứu cũng chỉ ra rằng công dân có tiềm năng đáng kể để tham gia và gây ảnh hưởng. Hơn nữa, chính quyền có rất nhiều cách để khuyến khích công dân tham gia nhiều hơn nếu họ muốn. Lấy ví dụ các cộng đồng dân cư địa phương đang nỗ lực để được phát triển bền vững hơn chẳng hạn, họ có vô vàn cơ hội để công dân đóng vai trò trung tâm trong tiến trình chính sách.

Bài đọc

TỰ DO BÁO CHÍ KIỂU VIỆT NAM ¹

Làm báo ở Việt Nam là một công việc nguy hiểm, chắc chắn vậy.

Cứ mỗi tuần, ở Hà Nội, Ban Tuyên giáo Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam, và ở TP.HCM thì bộ phận phía nam của ban này, lại tổ chức các cuộc họp “định hướng” với lãnh đạo của những tờ báo lớn trong nước.

Không phải là ngẫu nhiên khi tất cả các lãnh đạo báo đều là đảng viên. Quan chức Bộ Thông tin Truyền thông và Bộ Công an cũng có mặt. Những cuộc họp tương tự diễn ra ở tất cả các tỉnh, và là những cuộc họp điển hình cho thấy hoạt động quản lý báo chí ở Việt Nam hoàn hảo tới mức nào. Tại các cuộc họp này, ai đó ở Ban Tuyên giáo sẽ đánh giá hoạt động của các báo trong tuần vừa qua, biểu dương tờ nào biết phục tùng, khiển trách và đôi khi phạt những tờ nào đi chệch hướng.

Theo kiểu “đưa đập đưa xoa”, hoạt động giám sát của đảng là sự pha trộn giữa khuyến nhủ và thuyết phục với đe dọa và một chút trấn áp. Mặc dù chẳng có cơ sở pháp lý nào, nhưng đảng vẫn xem báo chí như là “lực lượng tuyên truyền”, phải chịu sự hướng dẫn và chỉ đạo của đảng. Có lẽ bản thân đảng cũng hiểu cái sự vô lý của

¹ Bài của Phạm Đoàn Trang, bản gốc tiếng Anh đăng trên trang Asia Sentinel vào ngày 16/7/2013 tại địa chỉ: <http://www.asiasentinel.com/politics/freedom-of-the-press-vietnamese-style/>

hành động nô dịch hóa này, vốn giẫm đạp lên các nguyên tắc pháp luật và báo chí.

Một mặt, Ban Tuyên giáo chỉ đạo “các đồng chí biên tập, lãnh đạo báo chí” phải đảm bảo rằng các phóng viên ở tòa soạn “được định hướng đầy đủ”, trong khi một mặt khác, đảng lại muốn tất cả mọi người giữ bí mật tuyệt đối về các chỉ đạo của đảng.

Thông tin về sự tồn tại của những cuộc họp hàng tuần như thế, và nội dung của chúng, đôi khi cũng bị rò rỉ ra giới blog – diễn đàn trên mạng nằm ngoài tầm kiểm soát của Ban Tuyên giáo. Vào ngày 29/3/2011, hình như các nhà báo đã được chỉ thị là không được đưa tin về chuyện diễn viên Hồng Ánh độc lập tranh cử đại biểu Quốc hội; không được gọi nhà hoạt động bất đồng chính kiến Cù Huy Hà Vũ là “Tiến sĩ Vũ” – ông Vũ khi đó đang sắp bị xét xử vì tội tuyên truyền chống nhà nước; hạn chế đưa tin về sự cố 9 khách du lịch nước ngoài chết trong một vụ chìm tàu ở Hạ Long, và tránh có các bài điều tra về quyết định xây nhà máy điện hạt nhân của chính phủ.

Phiên xử ông Vũ đã là đối tượng của sự định hướng đặc biệt chặt chẽ. Các nhà báo viết về đề tài này ở các báo lớn đều nhận được một văn bản không con dấu, không chữ ký, ra lệnh cho họ phải ca ngợi tính công minh của tòa án và sự đúng đắn của bản án, và không được mở rộng bình luận, phân tích sâu.

Còn có những cú điện thoại và chỉ thị miệng định hướng cụ thể đến các tổng biên tập về các chủ đề nhạy cảm. Đừng đưa tin về vụ này – họ được dặn như thế; không làm đậm vụ kia, hạn chế viết về các đề tài đó. Do không có bằng chứng vật chất nào về những định hướng như thế, cho nên khi bị chỉ trích là bịt miệng báo chí về chuyện này chuyện nọ, các quan chức của Bộ Thông tin Truyền thông có thể trả lời một cách rất nghiêm túc rằng Việt Nam bị “các thế lực thù địch” vu khống, bôi nhọ.

Trong một đoạn băng ghi âm bí mật, được lan truyền ngay sau một cuộc họp định hướng vào tháng 12/2012, Phó Ban Tuyên giáo

Nguyễn Thế Kỷ bị ghi âm là đang chỉ trích báo chí vì đã đưa tin về vụ tàu Trung Quốc cắt cáp địa chấn của một tàu thăm dò dầu khí Việt Nam. Các báo có trích nguồn từ tập đoàn dầu khí quốc doanh lẫn Bộ Ngoại giao thì cũng vậy thôi. “Các đồng chí phải làm rõ là tàu Trung Quốc chỉ vô tình gây đứt cáp” – ông Kỷ nói – “chứ không phải là cắt cáp, không chủ ý phá hoại chúng ta”.

Bản ghi âm ngay lập tức bị tung lên các blog bất đồng chính kiến và sau đó lên trang tiếng Việt của BBC. Được đề nghị bình luận, ông Kỷ nói với BBC rằng ông chỉ “trao đổi nghiệp vụ” với các báo thôi.

Rõ ràng Ban Tuyên giáo rất bối rối vì vụ rò rỉ này. Nghe nói vào cuộc họp định hướng tuần sau đó, các nhà báo gần như bị khám người để tìm thiết bị ghi âm lén.

Hệ thống thẻ nhà báo là một biện pháp tinh vi để kiểm soát các phóng viên. Không có thẻ thì không được tiếp cận thông tin. Không có thẻ, phóng viên có thể phỏng vấn thường dân, nhưng đừng hy vọng được gặp quan chức cấp cao, tiếp xúc với đầu mối thông tin ở các cơ quan nhà nước hay đưa tin về các hội nghị, hội thảo chính thống.

Hệ thống này đã vận hành từ lâu. Vào năm 2007 nó được luật hóa bằng một thông tư của chính phủ. Thông tư này chỉ thị cho các quan chức cấp thẻ báo chí phải chứng nhận – như là một trong các điều kiện – rằng người được cấp thẻ nhà báo đã được tờ báo, tạp chí hay cơ quan phát thanh, truyền hình nơi người đó công tác, Sở Văn hóa-Thông tin địa phương và Hội nhà báo chi nhánh địa phương cùng đề nghị cấp thẻ, và “không bị xử lý kỷ luật trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm cấp thẻ”.

Hệ thống thẻ nhà báo minh họa cái ranh giới rất mờ nhạt giữa khu vực nhà nước, đảng cầm quyền và xã hội dân sự của Việt Nam. Bề ngoài báo chí là một định chế xã hội dân sự, và báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình không phải cơ quan công vụ.

Nói theo ngôn ngữ pháp lý, căn cứ Điều 69 Hiến pháp Việt Nam, công dân có quyền “tự do ngôn luận, tự do báo chí; [và] có quyền được thông tin”, nhà nước không có cơ sở nào để quy định việc ai là nhà báo, ai không phải nhà báo, tất nhiên chỉ trừ phi lời hứa đó bị dè bẹp bởi nghĩa vụ của nhà nước ở Điều 33, rằng nhà nước “ngghiêm cấm những hoạt động văn hoá, thông tin làm tổn hại lợi ích quốc gia...”.

Trong mọi trường hợp, Ban Tuyên giáo đều vơ lấy cho mình cái quyền đó, và họ mặc định báo chí Việt Nam là “cơ quan ngôn luận của các tổ chức của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội”. Luật Báo chí Việt Nam còn buộc các nhà báo phải “tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thành tựu văn hoá, khoa học, kỹ thuật trong nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí”.

Kết quả là rất nhiều nhà báo phải chịu sự định hướng của một lực lượng công chức mà năng lực truyền thông dốt khoát là thua xa họ.



Đồng nghiệp cố gắng ghi hình nhà báo Hoàng Khương sau phiên xử.

Nguồn ảnh: Tuổi Trẻ

Không có thể nhà báo, người ta không được coi là nhà báo và có thể bị cấm tiệt khỏi việc tham dự các sự kiện, mà không cần lời giải

thích nào và chỉ theo yêu cầu bắt chọt của ban tổ chức, cơ quan công an, cơ quan nhà nước.

Chính quyền Việt Nam cố ý tận dụng điều đó. Họ tìm cách gây đối đầu giữa “lề phải” (nhà báo có thể) và “lề trái” (phóng viên tự do, bao gồm cả blogger). Không phải lúc nào họ cũng thành công. Bộ máy tuyên truyền và an ninh của đảng biết rõ hơn ai hết về sức mạnh của sự bí mật. Công khai và minh bạch là kẻ thù. Tuy nhiên giờ đây những kẻ kiểm soát thông tin đang phải đối đầu với một mối nguy mới: các nhà báo có thể rò rỉ thông tin – những đề tài bị cấm đoán – ra cho các đồng nghiệp của họ ở môi trường blog.

Vào ngày 30/10 năm ngoái (tức là năm 2012 – NV), Huyền Trang bị bắt và thẩm vấn trong một đồn công an ở TP.HCM. Khi cô nói rằng cô là phóng viên của Dòng Chúa Cứu Thế, một trang tin của nhà thờ Công giáo, nhân viên công an quát vào mặt cô: “Ai công nhận chúng mày là nhà báo hả? Thê tác nghiệp của chúng mày đâu? Một lũ ăn không ngồi rồi, rồi rủ nhau phản động hả?”

Trang không phải trường hợp duy nhất. Các nhà báo tự do thường bị hạch sách quấy nhiễu, thậm chí hành hung bởi công an hoặc côn đồ. Đơn thư tố cáo, khiếu nại của họ bị phớt lờ bởi vì họ không phải là “nhà báo đang thi hành công vụ” trong mắt chính quyền. Điều Cày và Tạ Phong Tần hiện đang phải chịu án tù dài dài, chủ yếu bởi vì họ đã thành lập ra “Câu lạc bộ Nhà báo Tự do”.¹

Trương Duy Nhất bỏ nghề báo chính thống để làm blogger, chủ blog “Một góc nhìn khác”. Ông bị bắt vào ngày 26/5/2013 vì tội “lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân” theo Điều 258 Bộ luật Hình sự.²

¹ Blogger Điều Cày (tên thật là Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1952) bị kết án 12 năm tù vì tội “tuyên truyền chống Nhà nước” theo Điều 88 Bộ luật Hình sự. Ông được trả tự do vào ngày 21/10/2014 và bị trục xuất sang Mỹ ngay lập tức, sau tổng cộng 6 năm, 6 tháng, 2 ngày ngồi tù. Blogger Tạ Phong Tần (án 10 năm tù, cùng vụ) được trả tự do và trục xuất sang Mỹ theo cách tương tự vào ngày 19/9/2015.

² Nhà báo Trương Duy Nhất, nguyên phóng viên báo Đại Đoàn Kết, tuyên bố rời bỏ báo

Nghe tin Nhất bị bắt tạm giam, nhà báo chính thống Đức Hiền bình luận trên trang facebook cá nhân rằng “vấn đề của một nhà báo là phải có thông tin. Khi thiếu khả năng hoặc cơ hội tiếp cận thông tin thì góc nhìn nếu khác là chửi đồng mà nếu giống là a dua...”.

Bình luận kiêu ngạo của ông Hiền là không chấp nhận được đối với các blogger bất đồng chính kiến, nhưng phải thừa nhận rằng nhìn từ góc độ chính quyền thì ông đúng. Khả năng tiếp cận thông tin làm nên sự khác biệt lớn giữa nhà báo và blogger, giữa nhà báo có thể và nhà báo tự do.

Việt Nam không nằm trong số các nước nguy hiểm đối với nhà báo. Nhà nước không cần phải giết nhà báo để có thể kiểm soát truyền thông, bởi vì nói chung, các nhà báo có thể của Việt Nam không được phép làm việc gì để đến mức phải bị giết. Các phóng viên hầu như không độc lập, không điều tra; không có cái gì tương tự như báo chí chống tham nhũng, và do đó, báo chí chẳng gây được mối nguy hiểm nào đối với các nhóm lợi ích.

Một bình luận gần đây (năm 2013 – NV) trên Anh Ba Sàm – một trang blog đối kháng – cho rằng “Trên đất nước xã hội chủ nghĩa tươi đẹp này, có hai nơi được giữ bí mật như cung cấm. Đó là phòng họp Ban Chấp hành Trung ương/ Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, và... nhà tù”. Bình luận hoàn toàn chính xác.

Mọi vấn đề có khả năng làm suy mòn tính chính danh của chính quyền, hoặc đe dọa sự tồn tại của đảng, đều được coi là bí mật quốc gia hoặc được xem như “trường hợp đặc biệt”. Mấy năm gần đây, nổi bật trong các chủ đề này là chuyện quan hệ Việt Nam – Trung Quốc.

Báo chí sẽ không bao giờ tìm thấy một văn bản nào cho biết lập trường của đảng đối với các đồng chí Trung Quốc của họ, hoặc

chính thống vào năm 2010. Năm 2013 ông bị bắt, lĩnh án tù hai năm theo Điều 258 Bộ luật Hình sự. Ông ra tù ngày 26/5/2015.

một tài liệu nào hướng dẫn việc quản lý báo chí trong vấn đề này. Giỏi nhất thì dư luận cũng chỉ có thể đoán rằng đây là một vấn đề hết sức nhạy cảm, thể hiện qua những vụ xử lý các cơ quan báo chí đi chệch một sợi chỉ đỏ vô hình nào đó, hoặc thể hiện qua công sức các nhà tổ chức bỏ ra để ngăn chặn phóng viên tiếp cận các hội thảo khoa học quốc tế về tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông, hoặc qua những quy định rằng tin bài liên quan đến biểu tình chống Trung Quốc phải “vạch trần âm mưu của các thế lực phản động lợi dụng lòng yêu nước”.

Báo chí chính thống có thể nhìn thấy rõ hơn sự bất an của chính quyền. Tâm lý bất an đó bộc lộ trong vô số những cú điện thoại gọi tới các tổng biên tập, chủ bút, thậm chí cả tới các phóng viên thường, để nhắc nhở họ mỗi khi có diễn biến mới. Báo chí bị cấm truyền tải sự bất an này tới công chúng, cho dù các độc giả có thêm khát được biết nhiều hơn – về cuộc khủng hoảng đang ngày càng sâu sắc với Trung Quốc – đến mức nào chẳng nữa.

Khi cung về thông tin không đáp ứng được cầu, các hậu quả sau đây là tất yếu:

Tin vìa hè, tin đồn thống trị các diễn đàn. Thuyết âm mưu tràn ngập, chẳng hạn chuyện thường được người ta rỉ tai nhau rằng “đảng đã bán nước cho Tàu”. Phóng viên nào cố gắng duy lý và cởi mở đều muốn có thông tin để họ sử dụng nhằm bác bỏ các tin đồn đó. Quả thật, khi mà báo chí bị cấm đưa tin, viết bài về tất cả những gì họ biết, cùng với việc báo chí bị dội bom “định hướng” bằng hàng loạt tin nhắn, điện thoại gọi đến và các chỉ thị mơ hồ, thì một nhà báo thật sự duy lý sẽ khó mà không tự hỏi mình: “Thật sự thì chính quyền đang làm gì?”

Việc đưa tin, viết bài về tranh chấp Biển Đông trở thành một thứ trái cấm hấp dẫn đến mức một số báo và nhà báo bị cấm dễ phải vượt qua ranh giới để viết, mặc dù họ có thể chưa chuẩn bị kỹ càng. Tranh chấp chủ quyền vốn dĩ là một chủ đề khó, mà báo chí lại chỉ có rất ít chuyên gia và tài liệu đáng tin cậy để tham khảo.

Do đó, cũng đúng thời khi người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam, bà Nguyễn Phương Nga (nhiệm kỳ 2009-2011), phàn nàn rằng “một số tờ báo có vẻ như xem chủ quyền quốc gia là chủ đề nóng để câu kéo độc giả và tăng doanh số quảng cáo”.

Tít giật gân, những giai thoại không thể kiểm chứng, cùng các “dữ kiện” sai lệch át đi các bài viết có chất lượng. Phóng viên đi tìm các nguồn nhân vật có định kiến nặng chống Trung Quốc. Chất lượng tồi tệ của báo chí chính thống khiến cho chính quyền càng có thêm lý do để bao biện cho việc họ duy trì kiểm soát chặt chẽ báo chí, đặc biệt trong vấn đề khủng hoảng Biển Đông.

Những người bảo vệ chế độ thường lập luận rằng người nào thật sự muốn có thông tin thì đều sẽ có được những câu trả lời rõ ràng, tức là, nếu ai thật lòng lo lắng về khuynh hướng quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc thì phải chăm chỉ học tập hơn. Nói như thế thì chế độ không còn nghĩa vụ nào là phải minh bạch, công khai thông tin trong quan hệ của họ với công luận hay với báo chí quốc gia nữa.

Chương III

ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG ĐẢNG

Chúng ta bắt đầu quá trình tìm hiểu bằng bước căn bản nhất: định nghĩa.

ĐẢNG LÀ GÌ? THẾ NÀO LÀ MỘT ĐẢNG CHÍNH TRỊ?

Đảng là một nhóm có tổ chức, gồm các cá nhân nhất trí với nhau về một hoặc một số nguyên tắc chính trị chung (có thể là một ý thức hệ hay một chính sách v.v.) và cùng nhau hoạt động để giành và giữ quyền lãnh đạo – nhằm phục vụ lợi ích quốc gia và hưởng lợi từ việc có được quyền lãnh đạo đó.

Tất nhiên, cũng tồn tại những đảng nhỏ yếu đến mức họ không có cơ hội nào tham gia cạnh tranh với các đảng khác, mưu giành quyền lãnh đạo. Với những đảng nhỏ yếu như vậy, mục đích của họ là giành một chỗ đứng trong chính trường.

Từ đó, ta thấy rằng đảng chính trị có ba đặc điểm: 1. Có tổ chức; 2. Chung đường lối; 3. Mục đích tối thượng là giành và giữ quyền lực nhà nước. Trong đó, đặc điểm số ba là đặc thù của đảng phái, đã là đảng phái thì phải hoạt động nhằm giành và giữ quyền lực nhà nước.

Hẳn từ lâu, bạn đã quen nghe những lập luận kiểu như “đảng nào thì cũng vì lợi ích của đảng ấy thôi, chẳng có đảng nào vì dân”. Không biết những người nói như vậy có tính cả đảng cộng sản trong đó hay không?

Tuy nhiên, cũng đúng là đảng nào cũng vì lợi ích của đảng ấy và thành viên đảng ấy mà thôi. Có điều, vì mục đích của các đảng đều là giành, giữ quyền lực nhà nước và hưởng lợi từ việc giữ quyền ấy, cho nên các đảng sẽ phải cố gắng làm sao để lấy lòng dân, để thu hút được nhiều phiếu bầu của người dân nhất. Do đó, khi các đảng đang vận hành vì lợi ích của mình, đang tranh giành quần chúng, một cách tự nhiên, họ làm lợi cho cử tri của họ, tức là cho dân.

Chính là trong cơ chế độc đảng, không có cạnh tranh chính trị, thì mới có chuyện đảng duy nhất đó chỉ quan tâm đến quyền lợi của nó và bỏ mặc quần chúng, tức những người ở ngoài nó.

A: Đảng nào thì cũng chỉ vì quyền lợi của đảng ấy thôi chứ lo gì cho dân, cho nên đa đảng thì chỉ tổ các đảng đấu đá, tranh giành quyền lực, làm loạn xã hội. Thà một đảng mà chăm lo cho dân còn hơn.

B: Đa đảng, có cơ chế cạnh tranh, mà đảng nào cũng chỉ lo quyền lợi của mình. Thế thì làm thế nào mà một đảng, lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối, không phải cạnh tranh với ai, lại chăm lo cho dân được? Làm cách nào?

Xin nhấn mạnh mục đích của đảng phái là “hoạt động chính trị để tiến tới nắm chính quyền và cai quản xã hội theo đường lối của họ”. Đây là điều làm cho đảng phái khác với một tổ chức xã hội dân sự nói chung và tổ chức chính trị nói riêng. Tổ chức xã hội dân sự có thể tham gia chính trị, tiến hành các phong trào xã hội (như Occupy Central chẳng hạn), các chiến dịch vận động (như vận động cho nhân quyền Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc), nhưng chừng nào họ không có mục đích nắm chính quyền, chừng đó họ vẫn không phải là đảng phái.

Chỉ khi nào một tổ chức, ví dụ như Hội Anh Em Dân Chủ, Phong trào Liên đới Dân Oan... theo đuổi việc giành chỗ đứng trong chính quyền, kiểm soát chính quyền, họ mới trở thành đảng phái chính trị.

Bởi vậy cho nên, nếu một đảng, ví dụ Việt Tân, nói với bạn rằng họ không có mục đích giành ngôi vị lãnh đạo đất nước, thì bạn đừng tin, vì nếu như thế họ không còn là đảng nữa. Đã là đảng,

phải tham gia chính trị nhằm kiểm soát cương vị lãnh đạo, điều hành nhà nước. Họ có thể chấp nhận chia sẻ hoặc không chia sẻ quyền lãnh đạo đó với đảng khác, nhưng việc giành quyền lực chính trị càng nhiều càng tốt luôn phải là mục đích tối hậu của mọi đảng phái.

Cũng bởi vậy, nên khi Điều 4 Hiến pháp Việt Nam quy định “Đảng Cộng sản Việt Nam (...) là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội”, thì mặc dù không nói trắng ra là cấm đa đảng, nhưng Điều 4 này đã nhẹ nhàng và nghiêm khắc loại bỏ sự tồn tại của tất cả các đảng khác. Bởi vì chẳng có đảng nào lại không hoạt động để giành quyền lãnh đạo.

Đó là mục đích của đảng, là cái mà nó hướng tới. Vậy các chức năng của nó là gì, hay nói cách, đảng làm được gì, đảng phái có lợi gì cho một xã hội? Phần dưới đây là câu trả lời.

* * *

CHỨC NĂNG CỦA ĐẢNG PHÁI

1. Nâng cao nhận thức dân chúng

Sự tồn tại của các đảng phái có một ý nghĩa quan trọng là nâng cao nhận thức chính trị của người dân, cung cấp thông tin cho người dân về các vấn đề công cộng, các vấn đề chính sách thông qua các hoạt động vận động tranh cử, truyền thông chính trị của họ.

Sự thờ ơ, vô cảm của phần đông dân chúng Việt Nam dưới thời cộng sản có nguyên nhân rất lớn là chế độ độc đảng: Vì chỉ có một đảng, người dân hầu như không còn cơ hội tham gia chính trị, và đảng duy nhất đó không có động lực thực hiện các hoạt động vận động tranh cử, truyền thông chính trị, nên dẫn đến nhận thức chính trị của dân chúng bị hạn chế đáng kể.

2. Cung cấp nhân sự lãnh đạo cho nền quản trị quốc gia

Chức năng thứ hai của đảng phái là cung cấp nhân sự lãnh đạo cho bộ máy chính quyền, thông qua việc đề cử các ứng viên để dân chúng lựa chọn hoặc qua việc chỉ định. Nói cách khác, đảng là tổ chức sản sinh ra các chính trị gia. Một trong các chức năng của một đảng chính trị là tuyển lựa, chiêu mộ và đề cử người cho vị trí lãnh đạo các cơ quan cấp cao của nhà nước.

Vậy các cá nhân có thể tự ứng cử vào vị trí lãnh đạo mà không cần thông qua đảng phái nào, ví dụ một bác sĩ giỏi có thể tự ứng cử vào ghế bộ trưởng y tế không? Câu trả lời: Tất nhiên là có, nhưng thường thì nên có tổ chức. Vì lý do đơn giản là chúng ta không thể tự mình làm hết mọi việc được; chuyện này lại liên quan đến một khái niệm của ngành kinh tế học, là “chi phí cơ hội”.

Nếu bạn vừa phải làm chuyên môn (y tế), vừa lo vận động tài chính, gây quỹ để làm truyền thông, quảng bá mình, vừa tiếp xúc cử tri để lấy lòng họ, lại vừa phải lo cả khoản hình ảnh (trang điểm, phục sức khi xuất hiện trước công chúng v.v.), thì cứ cho là bạn giỏi tất cả mọi việc, bạn cũng sẽ mất rất nhiều chi phí, trong đó luôn luôn có chi phí cơ hội. Chính vì vậy, bạn cần có tổ chức, với các nhân sự chuyên vào các công việc khác nhau, cụ thể là vào công việc mà chi phí cơ hội của họ là thấp nhất: Bạn sẽ có người của đảng lo hộ bạn khâu gây quỹ, người khác lo việc xây dựng hình ảnh cho bạn, người khác nữa làm cố vấn về chuyên môn và chính sách, v.v. Nói cách khác, đảng là một tổ chức làm chính trị chuyên nghiệp. Nếu bạn muốn làm chính khách, bạn nên là thành viên của một đảng nào đó.

Ở Việt Nam, công dân không có quyền ứng cử vào cơ quan hành pháp. Dù bạn có là một bác sĩ vừa giỏi chuyên môn, vừa có năng lực tổ chức và quản lý, bạn cũng không thể tự ứng cử vào chức bộ trưởng y tế. Bạn phải được thủ tướng (là đảng viên cộng sản) đề cử và được quốc hội (với 95% thành viên là đảng viên cộng sản, 5% là đội ngũ dự bị của đảng cộng sản) phê chuẩn – và đấy mới là vấn đề.



Poster của Chó Hai Đuôi (MKKP) - một tổ chức chính trị ở Hungary chưa được đăng ký chính thức làm đảng, vì lý do tên gọi không nghiêm túc.

3. Lập chính sách công

Chức năng thứ ba của đảng phái nói chung là đưa ra các chính sách công hay là cung cấp các giải pháp chính sách, thể hiện thông qua cương lĩnh, chương trình hành động của đảng với cam kết sẽ thực thi chúng nếu họ thắng cử và nắm được chính quyền.

Các đảng đều có đường lối, cương lĩnh chính trị riêng, và đó là nền tảng để họ ban hành chính sách công. Về điểm này, có thể ví chính trị như một thị trường, mà mỗi đảng phái là một công ty cung ứng sản phẩm, sản phẩm đó là các giải pháp để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng vậy.

4. Phê bình, phản biện chính sách công

Bên cạnh việc đưa các giải pháp chính sách ra “chào mời”, các đảng phái cũng có chức năng phản biện chính sách, nhất là đảng đối lập. Và, bạn thấy đấy, đó cũng là lý do tại sao phải đa đảng: Thị trường mà chỉ có một nhà cung cấp thì chắc chắn chất lượng sản phẩm và dịch vụ của nhà cung cấp ấy chẳng ra gì, không sớm thì muộn.

Xin nhấn mạnh chức năng phản biện chính sách của các đảng phái: Đặt trong bối cảnh Việt Nam, đây là điều bắt buộc phải có. Đảng Cộng sản Việt Nam, với tư cách đảng cầm quyền duy nhất,

đã sở hữu quá thừa đội ngũ cố vấn chuyên về minh họa chính sách, giải thích đường lối, chủ trương của đảng và nhà nước cho người dân, mà không có được lực lượng phản biện chính sách chuyên nghiệp – các đảng đối lập. Thiếu phản biện, không có cạnh tranh chính trị, không phải chịu sức ép gì, tất cả những điều đó đã đẩy đảng Cộng sản đi từ sai lầm này tới sai lầm khác trong việc điều hành đất nước.

Mỹ là nơi những đảng phái đầu tiên ra đời, và cũng là nơi mà quyền tự do ngôn luận được bảo vệ rất mạnh mẽ. Ta thường chỉ nghe nói tới hai đảng chính ở Mỹ là Dân chủ và Cộng hòa, nhưng bên cạnh đó, nền chính trị nước này còn có hàng chục đảng lớn nhỏ khác, không có cơ hội giành quyền thì cũng tranh nhau phản biện đảng cầm quyền. Có câu nói vui: Nhìn chung, các đảng phái ở Mỹ giỏi phê phán hơn là điều hành đất nước. (Các tuyên truyền viên của đảng Cộng sản Việt Nam hẳn là rất thích nghe điều này). Càng tự do, dân chủ, các đảng càng phản biện, tranh luận và cạnh tranh nhiều. Nhưng làm sao ta có thể không thừa nhận tính ưu việt của thực trạng đó được.

5. Làm cầu nối với dân

Chức năng thứ năm của đảng phái là làm sợi dây nối kết chính quyền và người dân. Điều này đặc biệt đúng ở các đảng đối lập. Ta lấy ví dụ, dưới thời cộng sản, nông dân Việt Nam muốn tư hữu hóa đất đai. Nếu như có đảng đối lập thì khi ấy, nông dân có thể vận động đảng đối lập lên tiếng, gây sức ép với đảng Cộng sản cầm quyền để sửa đổi hiến pháp và luật đất đai. Trên thực tế, điều này đã không xảy ra, do Việt Nam chỉ có một đảng.

Đảng phái chính là một cơ chế để thông qua đó, người dân lên tiếng hay nói đúng hơn, những nhóm dân khác nhau lên tiếng. Trong chế độ đa đảng, tồn tại nhiều đảng đối lập, công chúng dễ dàng có tiếng nói hơn nhiều. Ít nhất, ta cũng có thể thể hiện nhu cầu và nguyện vọng bằng cách bầu cho một đảng có đường lối, chính sách đúng ý mình, và không bầu cho đảng có đường lối, chính sách trái ý mình.

6. Đoàn kết những người chung tư tưởng

Người ta cho rằng hai đảng Cộng hòa và Dân chủ ở Mỹ đã thực hiện tốt chức năng thứ sáu của đảng phái, đó là đoàn kết, thống nhất người dân thuộc các tôn giáo, sắc dân, ngôn ngữ, chủng tộc khác nhau.

Từ định nghĩa và một số chức năng nói trên của một đảng phái, chúng ta có thể chắc chắn một điều, rằng: Đa đảng không đảm bảo dân chủ. Nhưng một đảng thì chắc chắn là độc tài.

* * *

HỆ THỐNG ĐẢNG

Hệ thống đảng là mạng lưới quan hệ giữa các đảng với nhau.

Khi tìm hiểu về một hệ thống chính trị, chúng ta không thể không tìm hiểu về quan hệ giữa các đảng với nhau, bởi nó là yếu tố quyết định cách vận hành của hệ thống chính trị, là chỉ dấu quan trọng cho thấy một đất nước dân chủ đến đâu.

Phân loại hệ thống đảng: Trên thế giới xưa nay, có hai hệ thống đảng chính là: 1. Đa đảng; 2. Độc đảng.

Đa đảng là hệ thống có từ hai đảng trở lên, cùng hoạt động, cạnh tranh bình đẳng với nhau, làm giảm khả năng một đảng nắm trọn chính quyền và tăng khả năng các đảng phải liên minh. Tuy nhiên, ngay cả chế độ đa đảng cũng có một số “biến thể” khác, không đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng, như sau:

- **Lưỡng đảng:** Là hệ thống trong đó có thể có nhiều đảng nhưng chỉ hai đảng đủ mạnh để luân phiên giành quyền lãnh đạo: Một đảng nắm đa số ghế trong quốc hội, đảng kia là đảng đối lập. Ví dụ: Mỹ, Anh.

- **Bá quyền:** Là hệ thống trong đó có nhiều đảng được phép tồn tại, nhưng chỉ khi được sự cho phép của một đảng cấp cao nhất; và họ tồn tại nhưng không được phép tranh cử, không được phép

cạnh tranh với đảng đó. Về bản chất, loại hình này không khác độc đảng là bao. Ví dụ: Trung Quốc, Việt Nam (1954-1975 ở miền Bắc và 1975-1987 trên cả nước).

- Một đảng chi phối: Là hệ thống trong đó có nhiều đảng được phép tồn tại và tranh cử, nhưng một đảng luôn chiến thắng, luôn giành gần như tất cả phiếu bầu. Ví dụ điển hình là Singapore.

Đa đảng không đi đôi với dân chủ. Những nhà nghiên cứu khoa học chính trị trên thế giới đã chỉ ra rằng, tồn tại những thể chế đa đảng mà phi dân chủ hoặc kém dân chủ, như trường hợp Trung Quốc: Đa đảng, song tất cả các đảng đều phải chịu sự lãnh đạo, quản lý của đảng cầm quyền trong một mặt trận thống nhất. Còn có trường hợp, tuy đa đảng, song đảng cầm quyền liên tục thắng cử, giành hết mọi lợi thế để tiếp tục tạo đà... thắng cử tiếp, đẩy các đảng khác vào thế đã yếu ngày càng yếu hơn. Những tiếng nói đối lập bị o ép nhiều bề, bị trấn áp thông qua nhiều hình thức tinh vi. Đó là trường hợp của Singapore với Đảng Nhân dân Hành động (PAP).

Lại có một loại thể chế, loại chế độ mà bà Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan (nhiệm kỳ 2007 - 2016) bảo là “dân chủ gấp vạn lần tư bản”, nhưng vì nó chỉ có một đảng mà suốt hàng chục năm qua không phải chịu sự cạnh tranh hay chí ít là phản biện nào, nên người viết không biết làm cách nào mà nó dân chủ được. Nếu không tin, đổ bạn – không phải là đảng viên cộng sản – tham gia vào chính trường trong cái thể chế đó đấy! Chưa kể, trong hệ thống chính trị ấy, nếu bạn thành lập và/hoặc tham gia một đảng nào khác ngoài đảng Cộng sản, bạn đối mặt với nguy cơ tù tội rất cao (vi phạm Điều 79 Bộ luật Hình sự, “hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân”, hoặc tội khủng bố, thậm chí phản quốc, v.v.).

Độc đảng, tức là chỉ một đảng được phép tồn tại. Chúng ta có ngay một ví dụ rất điển hình là hệ thống chính trị của nước CHXHCN Việt Nam.

Ở Việt Nam, hoạt động đảng phái dẫn đến tù tội. Đó là một thực tế. Dù vậy, trên lý thuyết, vẫn phải khẳng định sự cần thiết của các đảng phái chính trị trong mọi xã hội.

CHÍNH TRỊ TRONG ĐẢNG

Về cấu trúc, mỗi đảng thường có một ban chấp hành (hay còn gọi là ban điều hành). Đó là cơ quan hoạch định các chính sách của đảng trên toàn quốc. Bên cạnh đó là một cấu trúc cấp ủy trung ương - địa phương, thường dựa trên cấp bầu cử. Chẳng hạn vì Việt Nam có bốn cấp bầu cử là Quốc hội - Hội đồng Nhân dân tỉnh - Hội đồng Nhân dân huyện - Hội đồng Nhân dân xã, nên đảng Cộng sản cũng chia làm bốn cấp chính là Ban Chấp hành Trung ương - Tỉnh ủy - Huyện ủy - Đảng ủy xã.

Thành viên của đảng được gọi là đảng viên, gắn bó trực tiếp, mật thiết với đảng và được công nhận một cách chính thức, ví dụ thông qua lễ kết nạp và được cấp thẻ đảng, sinh hoạt trong một chi bộ đảng nhất định. Quyền và nghĩa vụ của đảng viên với đảng như thế nào thì tùy theo điều lệ, quy định của mỗi đảng, nhưng nói chung mức độ gắn bó và trung thành của đảng viên với đảng phải cao hơn của cảm tình viên. Chẳng hạn như đảng viên thì phải đóng đảng phí và phải chấp hành chủ trương của đảng.

Cảm tình viên của một đảng là người ủng hộ đảng đó (ví dụ: bỏ phiếu bầu cho đảng viên của đảng), nhưng có thể: không hỗ trợ tài chính; không dự họp, mít-tinh hay các sự kiện khác của đảng; không phát tờ rơi, truyền đơn cho đảng; không có đóng góp gì cho đảng.

Mỗi đảng còn có thể thành lập và vận hành các tổ chức ngoại vi dành cho một nhóm đảng viên hoặc cảm tình viên, ví dụ lập ra đoàn thanh niên, tổ phụ nữ, dân tộc thiểu số, v.v. của đảng. Trước năm 1945, đảng Cộng sản Việt Nam từng lập ra Hội Nhi đồng Cứu vong, Đoàn Thanh niên Cứu quốc, Nông hội Đỏ, Phụ nữ Đỏ... Thời có mạng xã hội, đảng Việt Tân cũng lập ra Cộng đồng Việt Tân, dành riêng cho các đảng viên và cảm tình viên là thanh niên.

Như đã nói ở phần “Chức năng của đảng phái”, đảng chính trị có một chức năng quan trọng là cung cấp nhân sự lãnh đạo cho bộ máy chính quyền. Do đó, một trong những hoạt động chính của đảng là tranh cử vào các vị trí lãnh đạo trong chính quyền trung ương hay địa phương. Việc lập ra tổ chức ngoại vi có lợi cho đảng, nhất là trong đào tạo, phát triển nhân sự. Các tổ chức ngoại vi này thường là bước đệm để người tham gia tiến vào các vị trí trong những cơ quan dân cử.

Ở Việt Nam dưới thời cộng sản, tham gia vào các tổ chức ngoại vi của đảng Cộng sản, như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cũng là một bước đệm tốt để “leo” vào các vị trí lãnh đạo (nhưng tất nhiên, không phải trong cơ quan dân cử). Người ta mô tả việc tham gia chính trường như thế là “đi lên từ con đường Đoàn, Đội”.

VẤN ĐỀ DÂN CHỦ TRONG ĐẢNG

Tồn tại hai quan điểm đối lập nhau về chuyện dân chủ trong đảng.

Quan điểm thứ nhất cho rằng dân chủ trong nội bộ một đảng là điều có thể làm được và nội bộ đảng phải dân chủ. Quyền lực trong đảng phải được phân tán rộng rãi và công bằng. Đảng viên phải có quyền tham gia vào các quyết định lớn của đảng. Lãnh đạo cần phải được lựa chọn công bằng thông qua bầu cử trong đảng.

Quan điểm thứ hai cho rằng dân chủ trong nội bộ một đảng là điều bất khả thi hoặc khó có thể làm được; nếu có dân chủ trong đảng thì đó cũng chỉ là hình thức, chứ quyền lực thật sự trong đảng luôn nằm trong tay một thiểu số đảng viên cao cấp lãnh đạo toàn đảng. Lý do là bởi trong mọi tổ chức đều có sự chuyên môn hóa, đi kèm với sự bất bình đẳng về vai trò: Thành viên nào có năng lực hơn các thành viên khác sẽ nổi bật lên, và một nhóm nhỏ các thành viên có năng lực đó sẽ dần dần hội tụ với nhau để hình thành nhóm “tinh hoa”. Bản thân nhóm tinh hoa này cũng có xu hướng cấu kết bởi chỉ có thế nó mới mạnh và có khả năng duy trì quyền lực. Trong khi đó thì đa số thành viên khác – phần còn lại trong tổ

chức – lại vừa kém năng lực, vừa thờ ơ với công việc chung, và do đó, phải chấp nhận phụ thuộc vào lãnh đạo.¹

Vì lẽ đó, quan điểm thứ hai cho rằng dân chủ trong đảng là không nên có và cũng không thể có. Quyền ra quyết định phải tập trung vào tay số ít đảng viên được bầu làm lãnh đạo. Việc này có thể dẫn đến nền độc tài của thiểu số được bầu hoặc thậm chí của đa số không được bầu. Cho nên kết quả và thực tế là không có dân chủ trong nội bộ đảng.

NGUYÊN TẮC “TẬP TRUNG DÂN CHỦ”

Nguyên tắc tập trung dân chủ là một phát kiến (năm 1917) của Lenin về tổ chức đảng, chịu ảnh hưởng nhiều của văn hóa tổ chức quân ngũ. Theo đó, trong đảng phải bảo đảm hai điều: 1. Tự do trao đổi, thảo luận; nhưng 2. Hành động phải tuyệt đối thống nhất, đoàn kết.²

Sở dĩ gọi là “dân chủ” bởi vì các đảng viên đều có quyền thảo luận về đường lối, chính sách của đảng. Còn “tập trung” thực chất nghĩa là tập quyền, trung ương tập quyền, dồn quyền lực về trung ương. Gọi là “tập trung” bởi theo nguyên tắc này, một khi đa số đã bỏ phiếu quyết định, toàn đảng phải chấp hành.

Có vẻ như nguyên tắc này rất đáng sợ đối với các đảng viên cộng sản, và nó làm nên sức mạnh – cũng đáng sợ như thế – của đảng cộng sản, bởi nó bảo đảm sự thống nhất ý chí cao độ, tuyệt đối trong đảng. Cho dù có thể có bất đồng, mâu thuẫn này nọ giữa các cá nhân, thậm chí có đấu đá, tranh giành ảnh hưởng và quyền lực dữ dội (như chúng ta thường hay thấy trong những tháng trước mỗi kỳ đại hội đảng), nhưng đảng cộng sản vẫn luôn thống nhất, ít nhất là bề ngoài mà đảng thể hiện trước dân chúng cũng là một khối thống nhất.

¹ Robert Michels, 1911.

² Tiếng Anh: freedom of discussion, unity of action.

Điều 9, Điều lệ đảng Cộng sản Việt Nam quy định:

“Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

3. Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên”.

Bạn có thể thấy nguyên tắc tập trung dân chủ ràng buộc đảng viên cộng sản tới mức nào. Hãy để ý, ví dụ quy định “đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng”. Điều đó thực chất có nghĩa là nếu anh/chị chẳng may thuộc về thiểu số có ý kiến khác với đa số, thì chỉ được phép nghĩ một mình thôi, đừng đem đi bàn tán lung tung! Đó có thể là lý do khiến nhiều đảng viên cộng sản là cán bộ, quan chức im lìm suốt thời gian tại vị, về hưu rồi mới dám có “đôi điều suy ngẫm lại” với những nội dung khác, thậm chí trái ngược, đường lối của đảng.

Tóm gọn lại thì phát kiến “tập trung dân chủ” của Lenin, mà các đảng cộng sản trên thế giới đều áp dụng, có những điểm chính sau:

- Tất cả các cơ quan đảng đều phải giải trình, báo cáo định kỳ hoạt động với tổ chức;
- Kỷ luật đảng rất nghiêm khắc, thiểu số phải phục tùng đa số;
- Tất cả các quyết định của các cơ quan cấp trên đều có giá trị ràng buộc tuyệt đối đối với các cơ quan cấp dưới và với tất cả đảng viên.

* * *

TÀI CHÍNH CHO ĐẢNG

Thông thường, tài chính cho một đảng chính trị đến từ ít nhất một trong bốn nguồn sau:

- Từ đảng phí do các đảng viên đóng;
- Từ các cá nhân, tổ chức ủng hộ (vì được hưởng lợi từ hoạt động của đảng), như doanh nghiệp, công đoàn, nhóm lợi ích;
- Từ tài trợ của chính phủ (tính vào chi tiêu công);

- Từ tài trợ nước ngoài.

Đảng không phải là công ty, do đó, không được đầu tư hay sản xuất, kinh doanh để kiếm lời; chỉ có thể đầu tư vào các tổ chức phi lợi nhuận, các hoạt động phi lợi nhuận. Bù lại, các đảng được miễn thuế doanh nghiệp, thuế thu nhập.

Tài chính cho đảng là một vấn đề đau đầu với bất kỳ cá nhân hay nhóm người nào nghĩ tới chuyện thành lập đảng. Ở các nước dân chủ đa đảng, các đảng thường xuyên phải tổ chức những chiến dịch vận động gây quỹ, kêu gọi quyền góp tài chính. Thời còn là thượng nghị sĩ, Barack Obama từng quyên góp được 55 triệu USD trong tháng 2/2008, lập kỷ lục về khả năng gây quỹ tranh cử của một ứng viên tổng thống trong một tháng.



Một buổi gây quỹ của Công đảng Úc.

Ảnh: Nguyễn Anh Tuấn

Năm 2014, nhà hoạt động xã hội Nguyễn Anh Tuấn từng có thời gian làm trợ lý cho dân biểu Chris Hayes (Úc), và dự những buổi gây quỹ của Công đảng. Anh kể lại trên facebook cá nhân:

“Không như đảng Cộng sản Việt Nam thường trực ăn bám ngân sách quốc gia (mà thực chất là tiền thuế mồ hôi xương máu của người dân) cho mọi hoạt động ban bệ của nó, các đảng chính trị ở đây đều phải tự thân vận động, thuyết phục những người ủng hộ bằng chính sách và uy tín để có tiền tranh cử.

Trong hình, sắp mình, Dân biểu Chris Hayes, đang phát biểu cảm ơn cử tọa và trình bày chính sách của đảng Lao động, trong khi bên dưới mình cùng các bạn trong văn phòng đi bán vé số cho quan khách để kiếm từng đồng cho quỹ Đảng. Mỗi tờ 10 đô Úc, mại dzô các bác!!!”

NHUỘC ĐIỂM CỦA ĐẢNG PHÁI

Ở phần trên, chúng ta đã nói về các chức năng của đảng phái chính trị. Và đó cũng chính là những ưu điểm của đảng phái, hay là lý do cho sự cần thiết phải tồn tại đảng phái.

Tuy nhiên, đảng phái cũng có những nhược điểm của chúng, như:

- Kỷ luật và thứ bậc (trên-dưới) làm cá nhân mất tự do, làm giảm sức hấp dẫn của đảng;
- Hành chính và quan liêu, nên dễ chậm đổi mới và xơ cứng;
- Đảng viên cấp dưới ít quyền lợi, thụ động;
- Nhiều khi đảng chỉ là công cụ phục vụ những cá nhân hoặc một nhóm cá nhân độc tài;
- Do mục đích tự thân của đảng phái là tranh giành quyền lực nhà nước, nên đảng viên có thể nhiễm những tính xấu như hay ngờ vực, nịnh trên nạt dưới, ưa giành giật, đấu đá, đố kỵ với người ngoài đảng mình, thậm chí là ngay trong cùng đảng.

Có những ý kiến nhận xét rằng, nhiều đảng viên (của nhiều đảng chứ không chỉ riêng đảng Cộng sản) trong quan hệ xã hội, trên tư cách cá nhân, thì họ cũng lương thiện và dễ mến, nhưng hễ cứ cứ xử với tư cách đảng viên là họ trở nên độc đoán, hay ganh ghét, nặng đầu óc bè phái, ham danh lợi, tham quyền lực, thích hình thức và thành tích... tóm lại là đáng ghét và đáng sợ. Điều đó

có thể do văn hóa tổ chức, nhưng cũng có thể là hậu quả của việc tham gia chính trị thông qua con đường đảng phái.

Đặc biệt, trong thời đại của tốc độ, của Internet và mạng xã hội, đảng phái với tính xơ cứng của chúng có thể kém hấp dẫn so với các tổ chức không phải đảng phái, và phong trào xã hội. Thanh niên chẳng hạn, hẳn sẽ thích tham gia các phong trào xã hội vui nhộn, trẻ trung hơn những tổ chức nặng nề về kỷ luật và trật tự thứ bậc như đảng. Ở các nền dân chủ phương Tây, cùng với việc dân chúng ít đi bỏ phiếu bầu cử hơn, là việc họ ít gắn mình vào trong các đảng phái hơn.

Chương IV

BẦU CỬ

Bạn có còn nhớ định nghĩa dân chủ của Philippe C. Schmitter và Terry Lynn Karl, mà chúng ta đã đề cập ở Phần III, Chương I? “Dân chủ là một hệ thống quản trị (đất nước), trong đó, nhà cầm quyền phải chịu trách nhiệm – về tất cả các hoạt động của họ thuộc địa hạt công cộng – trước công dân, và công dân thực thi điều đó một cách gián tiếp thông qua, hay là nhờ có sự cạnh tranh và hợp tác giữa những người đại diện cho họ, do họ bầu ra”.

Bạn có để ý đến từ “cạnh tranh”? Cạnh tranh, như ta đã biết, là một nhược điểm cần thiết của dân chủ, mặc dù có lẽ chúng ta đều ngán ngại nó.

Trong chính trị, một trong các hình thức và biểu hiện rõ rệt nhất, sống động nhất của cạnh tranh là bầu cử.

* * *

ĐỊNH NGHĨA BẦU CỬ

Bầu cử trong chính trị là một tiến trình ra quyết định tập thể, nhờ đó và thông qua đó, người dân chọn ra được một cá nhân để nắm giữ một cương vị quản lý nhà nước (ở cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, chính quyền trung ương, chính quyền địa phương).

Suy rộng ra trong đời sống nói chung, bầu cử cũng có thể được tiến hành trong khuôn khổ một tổ chức, công ty, ví dụ khi các thành viên bầu giám đốc, CEO.

Bầu cử là một trong những cách để công dân tác động lên tiến trình chính sách và tham gia vào việc ra quyết định. Mỗi kỳ bầu cử là một lần công dân thực hiện quyền làm chủ. (Xin lưu ý bạn: Chúng ta đang nói về bầu cử thực chất, bầu cử đúng nghĩa của nó). Giữa các kỳ bầu cử, công dân có thể tác động tới chính sách bằng một loạt các cơ chế trung gian, như: thông qua các nhóm lợi ích để gây áp lực, thông qua phong trào xã hội, vận động hành lang, biểu tình, đình công, tẩy chay – những hoạt động chính trị mà chúng ta đã tìm hiểu ở Chương II của Phần I.

Nếu không có bầu cử cạnh tranh tự do, công bằng và định kỳ thường xuyên, thì các chính quyền sẽ không thể thật sự có trách nhiệm giải trình trước người dân. Nhưng bầu cử cũng chưa đủ. Dân chủ, mà đặc biệt là dân chủ tự do, đòi hỏi phải có vô vàn con đường để cho “người dân” có thể bộc lộ mối quan tâm và nguyện vọng của họ, tác động tới chính sách, liên tục kiểm soát và giám sát việc thực thi quyền lực nhà nước, giữa các kỳ bầu cử cũng như trong các cuộc bầu cử.

(“Xã hội dân sự và sự phát triển của dân chủ”, **Larry Diamond**, 1997)*

* “Civil Society and the Development of Democracy”, 1997.

BẦU CỬ - CHỈ DẤU CỦA DÂN CHỦ

Bầu cử là một cách tuyệt vời để kiểm soát quyền lực nhà nước, kiểm soát việc một cá nhân, tổ chức, đảng phái nào đó nắm quyền lực nhà nước.

Chừng nào còn bầu cử tự do, chừng đó, quyền quyết định tối cao còn nằm trong tay người dân chứ không phải nhà cầm quyền, và đất nước còn dân chủ. Chừng nào mà bất kỳ quan chức nhà nước nào cũng có thể bị bãi nhiệm thông qua bầu cử tự do, chừng đó, không tồn tại độc tài và đất nước còn dân chủ.

Ngược lại, chừng nào, và ở nơi đâu, mà người dân vẫn chưa thể dùng lá phiếu của mình để bãi nhiệm một quan chức mà họ không

muốn, chừng đó và nơi đó còn chưa có dân chủ, cho dù nhà cầm quyền ở đó có lý luận gì đi chăng nữa.

Nhiều đối thủ chính trị của Abraham Lincoln gọi ông là nhà độc tài, bởi vì ông đã từng bắt chấp Hiến pháp mà làm những việc như: tổng một số đối thủ vào tù, tiêu tốn hàng triệu đô-la vào quân đội và ra lệnh cho quân đội hành động quân sự mà không hề hỏi ý kiến Quốc hội.

Những người ủng hộ Abraham Lincoln đáp lại rằng mặc dù đúng là ông đã triệt để tận dụng quyền lực của tổng thống trong trường hợp khẩn cấp, nhưng ông vẫn không phải nhà độc tài. Bởi lẽ, trong các kỳ bầu cử năm 1862 và 1864, cử tri hoàn toàn có thể loại bỏ những người ủng hộ Lincoln ra khỏi Quốc hội và loại bỏ luôn Lincoln khỏi ghế tổng thống. Bất kỳ quan chức nhà nước nào mà còn có thể bị mất chức vì một cuộc bầu cử tự do thì đều không phải là độc tài.¹

Ở Việt Nam dưới thời cộng sản, có tới hàng trăm, hàng nghìn kẻ năng lực và đạo đức đều tầm thường nhưng vẫn giữ những chức vụ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước. Khi cầm quyền, họ bắt tài, vô trách nhiệm, nói và làm nhiều điều không được lòng dân. Tuy thế, họ vẫn tiếp tục giữ chức như không có chuyện gì xảy ra. Dân chẳng bao giờ được nhận xét công khai trên báo chí về họ, chẳng bao giờ được bỏ phiếu bất tín nhiệm hay cách chức họ, thậm chí không được phép biểu tình phản đối họ. Tóm lại, dân chẳng làm gì được lãnh đạo.

Năm 2013, trước tình trạng hơn 20 trẻ nhỏ chết vì viêm chủng và không quan chức nào phải chịu trách nhiệm, dân chúng hết sức phẫn nộ. Một nhóm nhỏ người dân lập page “Bộ trưởng Y tế hãy từ chức” và kêu gọi biểu tình trước cổng Bộ Y tế. Cuộc biểu tình bị công an đập tắt ngay từ đầu, và Bộ trưởng Y tế Nguyễn Thị Kim Tiến vẫn tại vị.

Năm 2016, thảm họa cá chết hàng loạt xảy ra ở ít nhất bốn tỉnh ven biển miền Trung: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế. Nguyên nhân là do nước biển bị nhiễm độc mà thủ phạm chính là Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS), thuộc tập đoàn Đài Loan Formosa.

¹ “Governing: An Introduction to Political Science”, Austin Ranney, 8th edition, Prentice Hall, 2001.

Nhìn trở lại, năm 2008, FHS được cấp phép làm chủ đầu tư dự án nhà máy liên hợp luyện gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương (dự án Formosa) với thời hạn lên tới 70 năm. Cơ quan cấp phép là ban Quản lý khu kinh tế Vũng Áng (sau đổi tên là ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh). Trưởng ban là ông Võ Kim Cự, khi ấy cũng đồng thời là Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh. Sau khi cấp phép “đưa giặc vào nhà” như vậy, ông còn tiếp tục đi lên trên con đường hoạn lộ, trở thành Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, đại biểu Quốc hội khóa XIII, XIV, rồi Bí thư Tỉnh ủy (tháng 2-11/2015).

Ngày 25/7/2016, nhóm bảo vệ môi trường Green Trees (Cây Xanh) làm kiến nghị gửi Quốc hội, yêu cầu bãi miễn tư cách đại biểu Quốc hội của ông Võ Kim Cự. Bản kiến nghị không được bất cứ một quan chức nào trả lời. Mãi cho đến ngày 21/4/2017, Ban Bí thư Trung ương đảng Cộng sản Việt Nam mới ra thông cáo cách chức “nguyên Bí thư Tỉnh ủy” của ông Cự. Đây là một quyết định với ngôn ngữ rất khó hiểu, bởi nếu cách chức “nguyên Bí thư” của ông Võ Kim Cự thì trên nguyên tắc, phải bầu hoặc chỉ định một “nguyên Bí thư” khác, mà như thế thì đảng Cộng sản phải quay trở lại quá khứ, về năm 2015!

Điều đáng nói là trong vụ ông Võ Kim Cự, người dân vẫn chưa bao giờ được có tiếng nói. Mọi quyết định về đường lối, nhân sự luôn là của đảng Cộng sản Việt Nam. Ông Võ Kim Cự hay bà Nguyễn Thị Kim Tiến cũng chỉ là hai trong số hàng trăm, hàng nghìn ví dụ về việc lá phiếu của người dân Việt Nam chẳng có ý nghĩa gì trong việc bầu và bãi miễn quan chức.

CHỨC NĂNG CỦA BẦU CỬ¹

1. Tuyển chọn nhân sự

Trong chế độ dân chủ, bầu cử là nguồn chủ yếu để tuyển chọn các chính trị gia. Xin nhấn mạnh là tuyển chọn “chính trị gia”. Bầu cử hiếm khi được dùng để tuyển người vào các vị trí đòi hỏi kiến thức chuyên môn hoặc kinh nghiệm đặc biệt, cho nên trong lĩnh vực hành chính và tư pháp, có thể không có bầu cử mà chỉ có chỉ định.

2. Lập chính phủ

Bầu cử thành lập nên chính phủ hay còn gọi là nội các (ở những

¹. “Politics”, Andrew Heywood, 3rd edition, Palgrave Foundations, 2007.

nước mà hành pháp được bầu trực tiếp như Mỹ, Pháp, Venezuela...). Bầu cử cũng ảnh hưởng lớn đến việc hình thành chính phủ, nhất là ở những nước mà cơ chế bầu cử cho phép một đảng có thể nắm đa số ghế trong quốc hội.

3. Đại diện

Lá phiếu bầu cử nói lên ý chí, ý muốn của người dân. Bầu cử là kênh chính để truyền tải nhu cầu, mong muốn của người dân đến chính quyền.

4. Vận động chính sách

Bầu cử có thể tác động đến chính sách: Bầu cử sẽ ngăn cản, không để chính quyền đưa ra hoặc duy trì những chính sách kém cỏi, hoặc thúc đẩy việc thực hiện một chính sách nào đó mà đa số cử tri tin là cần thiết. (Tất nhiên, phải là khi nào chính sách đó trở thành một vấn đề đủ lớn để phải có bầu cử).

5. Khai dân trí

Cũng giống như sự tồn tại của đảng phái, bầu cử có chức năng nâng cao nhận thức chính trị của người dân.

Tiến trình vận động tranh cử thường mang lại lượng thông tin cực lớn cho cử tri, giúp họ hiểu biết về các đảng phái, chính trị gia, ứng cử viên, chính sách, chính quyền hiện thời, hệ thống chính trị hiện nay.

Tuy nhiên, ở đây phải nói thêm rằng: Tác dụng khai dân trí chỉ có được khi thông tin được cung cấp đó đem lại lợi ích cho công chúng và/hoặc kích thích đối thoại, thảo luận, phản biện chứ không phải là dẫn đến sự chia rẽ, thù hận trong xã hội. Trên thực tế, do các đảng phái mãi theo đuổi lợi ích của mình, họ chỉ thuyết phục, vận động, dụ dỗ dân chúng là chính thay vì khai dân trí, cho nên họ có xu hướng cung cấp thông tin không đầy đủ và/hoặc sai sự thật.

6. Tạo tính chính danh

Bạn có biết tại sao các chính quyền độc tài vẫn phải cố tổ chức bầu

cử (không tự do và không công bằng), dù rất tốn kém? Bởi vì bầu cử bao biện cho sự cai trị của chính quyền, tạo cơ hội cho chính quyền tuyên truyền rằng “ta cũng dân chủ đấy chứ”, và tạo cho người dân ảo tưởng rằng người dân đang thực thi quyền “làm chủ” của họ đối với chính quyền.

Đến đây, một lần nữa, xin lưu ý bạn: Khi nói bầu cử là chỉ dấu của nền dân chủ, khi nói về các chức năng của bầu cử, chúng ta đang nói về bầu cử thực chất, bầu cử đúng nghĩa của nó. Trên thực tế, chính vì bầu cử là chỉ dấu của nền dân chủ, cho nên nó rất dễ và gần như luôn luôn bị các chính quyền độc tài hoặc phi dân chủ lợi dụng để “làm màu”, trang điểm cho mình, để nhận rằng ta đây cũng dân chủ.

Vì lý do đó, để bầu cử không bị lợi dụng và thực sự là một trong các điều kiện bảo đảm dân chủ, thì bầu cử phải tự do và công bằng. Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu xem thế nào là bầu cử tự do và công bằng.

* * *

BẦU CỬ TỰ DO LÀ GÌ?

Tự do, như đã nói ở, nghĩa là không bị bắt buộc, không bị cưỡng ép. (Bạn xem lại cách hiểu của Friedrich von Hayek và Ludwig von Mises về tự do, trong Chương II, Phần IV, “Các chủ nghĩa”).

Bầu cử tự do nghĩa là người đi bầu có quyền và có cơ hội được chọn lựa.

Bầu cử không tự do nghĩa là cử tri bị cưỡng ép, không có sự lựa chọn. Nó sẽ thể hiện dưới một trong hai hình thức:

- Cử tri chỉ có một phương án duy nhất; hoặc
- Có nhiều hơn một phương án, nhưng cử tri chỉ được chọn một; nếu lựa chọn những phương án còn lại thì bị hoặc sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực.

BẦU CỬ CÔNG BẰNG LÀ GÌ?

Công bằng nghĩa là không thiên vị, không đứng về bên nào, không ủng hộ hoặc chống lại bên nào.

Bầu cử công bằng nghĩa là: Các quy tắc, luật lệ được áp dụng bình đẳng cho tất cả các bên, và nguồn lực cần thiết được phân bổ hợp lý – bình đẳng, hoặc không quá bất bình đẳng – giữa tất cả các đối thủ trong bầu cử.

NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA BẦU CỬ TỰ DO VÀ CÔNG BẰNG

Các hệ thống bầu cử trên thế giới đều khác nhau tùy hệ thống chính trị và luật pháp ở mỗi nơi. Tuy nhiên, để đảm bảo bầu cử tự do và công bằng như định nghĩa ở trên, có một số nguyên tắc chung như sau.

1. Bầu cử phải thường xuyên

Các cuộc bầu cử phải được tổ chức định kỳ, thường xuyên. Thế nào là định kỳ và thường xuyên? Nghĩa là bầu cử phải diễn ra với tần suất (số lần) hợp lý trong khoảng thời gian định trước, ví dụ bốn năm một lần, và không bị trì hoãn hay hoãn vô thời hạn theo ý muốn của các quan chức chính quyền. Đôi khi, có thể có cả bầu cử đột xuất, bất thường nếu tình hình bắt buộc (chứ không phải do chính quyền thích thế).

Khoảng thời gian định trước dĩ nhiên không được kéo dài, chẳng hạn, nhất định là không thể tới “10 năm, 20 năm, hoặc lâu hơn nữa” và càng không thể là vô thời hạn như ở Bắc Triều Tiên. Người phương Tây có câu đùa rằng chính trị gia cũng giống như tã lót, ở chỗ ta phải thay chúng thường xuyên.

2. Cử tri phải có sự lựa chọn

Nói đúng hơn, lựa chọn phải có ý nghĩa: Với mỗi cương vị cần nhân sự, cử tri phải có ít nhất hai lựa chọn khác biệt. Bạn hãy chú ý cụm từ “ít nhất hai”, “khác biệt”. Bởi vì sẽ là vô nghĩa nếu cử tri chỉ có một lựa chọn duy nhất, hoặc hai lựa chọn na ná nhau.

Nhà khoa học chính trị Austin Ranney đưa ra một ví dụ về sự vi phạm tiêu chí thứ hai này: Suốt 72 năm (1917-1989), Liên Xô thường xuyên tổ chức bầu cử nhân sự vào rất nhiều cơ quan chính quyền, và thường là có tới hơn 90% dân số trưởng thành đi bỏ phiếu. Tuy nhiên, cử tri không có sự lựa chọn. Trong mỗi cuộc bầu cử vào mỗi cơ quan chính quyền, danh sách đều chỉ có một ứng viên, và cử tri chỉ có thể hoặc là chọn ứng viên đó hoặc là không bỏ phiếu.

Sau khi Liên Xô sụp đổ (năm 1991) thì nước Nga đã tổ chức được bầu cử “hai ứng viên trở lên”. Ông Ranney cũng viết thêm rằng, hiện “chỉ còn một vài nước vẫn còn bám lấy chủ nghĩa cộng sản kiểu Xô Viết, đáng chú ý nhất là Cuba, Bắc Triều Tiên, và Việt Nam, là vẫn còn tổ chức bầu cử một-ứng-viên-một-ghế”.

Mở rộng ra, bạn sẽ thấy cái nguyên tắc “hai ứng viên khác nhau trở lên” này hiển nhiên áp dụng cho tất cả các quyết định liên quan tới việc lựa chọn chứ không chỉ trong chuyện bầu cử. Đã gọi là tự do lựa chọn, đương nhiên phải có từ hai phương án trở lên, nếu không thì còn gì là tự do. Thi hoa hậu gia đình giữa bố, mẹ và hai con trai thì còn ai đoạt vương miện vào đây nữa.

Một ví dụ về sự vi phạm nguyên tắc “hai ứng viên khác nhau trở lên”, là bản “Phiếu lấy ý kiến nhân dân về dự thảo sửa đổi Hiến pháp” mà Ban chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến nhân dân đưa ra. Nó chỉ có một dự thảo duy nhất, trong khi lẽ ra người dân phải có quyền lựa chọn từ ít nhất hai dự thảo hiến pháp trở lên, do ít nhất hai lực lượng khác nhau trong xã hội đưa ra.

Mặt khác, cứ chấp nhận rằng đây là phiếu lấy ý kiến nhân dân về chỉ một bản dự thảo mà thôi, do Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 (với các thành viên toàn là đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam) lập ra, thì phiếu này cũng vẫn vi phạm nguyên tắc “hai ứng viên khác nhau trở lên”. Bởi vì nó chỉ đưa ra hai phương án na ná nhau: 1. Đồng ý (hoàn toàn) với nội dung Dự thảo. 2. Đồng ý với những nội dung khác trong Dự thảo (để nghị ghi rõ...) và có ý kiến góp ý (để nghị ghi rõ).

Cuối cùng, áp dụng nguyên tắc này vào nền chính trị của chúng ta, bạn có thể thấy ngay: Đa đảng không bảo đảm dân chủ. Nhưng một đảng thì chắc chắn là độc tài, là không có tự do.

Ngay cả ở các nước phương Tây theo chế độ dân chủ tự do ngày nay, cũng có những người lo ngại về xu hướng bầu cử mà các ứng viên không thật sự khác nhau lắm, hoặc... đều tẻ như nhau. Người ta gọi đây là hiện tượng bầu cử kiểu “Tweedledum versus Tweedede” (Tweedledum chơi với Tweedede).

Lựa chọn phải có ý nghĩa!

Cụm từ “có ý nghĩa” này quan trọng lắm bởi trên thực tế, các chế độ độc tài rất hay dùng những chiêu bài màu mè hình thức, những màn kịch, để giả vờ dân chủ. Trong các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền, người ta cũng phải dùng đến cụm từ ấy khi quy định công dân có quyền “tham gia một cách có ý nghĩa vào hoạt động chính trị”. Nếu chỉ tham gia theo sự sắp đặt của các đoàn thể diễn trò dân chủ – những cánh tay nối dài của nhà độc tài – thì sự tham gia đó cũng chẳng khác gì của con rối.

3. Người dân phải được tự do tiến cử ứng viên

Đây là một tiêu chí quan trọng của bầu cử tự do, và nó đòi hỏi một điều kiện bắt buộc đi trước: Mọi công dân đều phải có quyền thành lập và/ hoặc tham gia đảng phái, để từ đó, có quyền được người khác tiến cử, quyền tiến cử người khác, hoặc quyền tự mình ứng cử mà không cần thông qua tổ chức nào.

Nhìn vào nước Việt Nam dưới thời cộng sản, bạn thấy điều này là bất khả thi. Cho dù bạn có quý và tin tưởng ông hàng xóm của bạn đến mấy đi chăng nữa, cho dù ông ấy có tài đức và ham hoạt động xã hội đến mấy, bạn cũng chẳng biết làm cách nào để đưa ông ấy vào chính trường, làm lãnh đạo, hoặc thấp nhất là vào Quốc hội, “cho thiên hạ nhờ”.

Và cả bạn nữa, giả sử bạn muốn tham gia chính trường Việt Nam thời cộng sản, bạn có thể làm gì? Tranh cử đại biểu Quốc hội chăng? Xin bạn lưu ý: Cho đến kỳ bầu cử Quốc hội khóa XIV (năm 2016), không một luật nào nói về ứng viên độc lập, chứ chưa nói tới việc công nhận và khuyến khích họ. Theo Điều 27 Hiến pháp và

Điều 2 Luật Bầu cử, mọi công dân Việt Nam trên 21 tuổi đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và/hoặc Hội đồng Nhân dân. Tuy nhiên, các luật liên quan đến bầu cử ở Việt Nam chỉ tập trung vào những cá nhân được đề cử bởi các tổ chức chính trị của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, các lực lượng vũ trang nhân dân (quân đội và công an), và các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.

Ngoài ra, bạn cũng cần lưu ý thêm: Ngay cả khi luật pháp cho phép bạn tự ứng cử đại biểu Quốc hội đi nữa, cũng có vô vàn rào cản vô hình khiến bạn không thể đứng ra “chường mặt” với thiên hạ. Bạn có nguy cơ bị gán nhãn “hoang tưởng”, “háo danh”, “tham vọng hảo huyền”... Quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm của bạn bị xúc phạm nghiêm trọng. Đó là những gì đã xảy ra trong thực tế với các ứng viên độc lập ở Việt Nam thời cộng sản.

4. Các bên phải được tự do cạnh tranh

Có nghĩa là: Các ứng viên phải được tự do vận động tranh cử, còn các cử tri phải được tự do tìm hiểu về ứng viên và tự do thể hiện quan điểm. Tiêu chí này đòi hỏi một điều kiện bắt buộc đi trước: tự do báo chí, tự do ngôn luận.

Ở các kỳ bầu cử cơ quan lập pháp ở nước CHXHCN Việt Nam, hàng chục năm, chỉ có đảng Cộng sản độc diễn – tự tổ chức, tự phân vai, tự quyết định kết quả bầu cử. Thỉnh thoảng, có lác đác 1-2 ứng viên tự do, tức là những người ngoài đảng Cộng sản tự ứng cử mà không qua sự giới thiệu của cơ quan, tổ chức của nhà nước. 100% trường hợp đều trượt thê thảm.

Tại các cuộc họp lấy ý kiến cử tri – cũng dưới sự chỉ đạo và đạo diễn của đảng Cộng sản Việt Nam, có tình trạng: Với ứng viên Đảng cử (tức là được chi bộ đảng Cộng sản Việt Nam chỉ định) thì bao giờ cũng là “100% nhất trí, tín nhiệm ông A/bà B” làm đại biểu Quốc hội”. Với ứng viên tự do thì bao giờ cũng là “ông X/ bà Y không đủ tư cách, không đủ năng lực làm đại diện cho dân”.

Trên nguyên tắc, cử tri phải được cung cấp thông tin minh bạch, đầy đủ, về các ứng viên, chẳng hạn họ có quyền biết ông Nguyễn Phú Trọng – ứng viên của đảng Cộng sản Việt Nam – có những năng lực gì, chương trình hành động thế nào, gia cảnh ra sao, thu nhập bao nhiêu. Trên thực tế, báo chí, đặc biệt các cơ quan truyền thông quan trọng như VTV, VOV, hay các báo mà trong tên có từ “nhân dân”, đều chỉ đăng bài ca ngợi ứng viên “Đảng cử” và cương lĩnh của họ (nếu có).

Báo chí không nhắc gì tới ứng viên tự do, trừ phi để bôi nhọ như trường hợp các báo của công an và tờ Tin Nhanh Năng Lượng Mới (Petro Times, cũng do một công an làm tổng biên tập) đã kích các ứng viên tự do trong kỳ bầu cử Quốc hội năm 2016.

Bên cạnh tất cả những cái đó, lực lượng công an còn rất sốt sắng nhằm người nào có xu hướng ủng hộ những ứng viên là người bất đồng chính kiến mà đến “thăm hỏi”, “trao đổi”, “vận động” để “quán triệt” không bỏ phiếu cho họ.

5. Phổ thông đầu phiếu

Mọi công dân đều có quyền bỏ phiếu, bất kể giới tính, khuynh hướng tình dục (đồng/dị tính luyến ái), sắc tộc, tôn giáo/ tín ngưỡng, thành phần xã hội, v.v. Và, bạn hãy lưu ý là công dân cũng có quyền không bỏ phiếu, không đi bầu. Nghĩa là, bầu cử là quyền, không phải nghĩa vụ. Tuy nhiên, điều này dẫn đến tình trạng người dân lười đi bỏ phiếu đến mức ở một số nước, ví dụ như Úc, chính phủ đã phải áp luật phạt tiền người không chịu tham gia bầu cử.

Việc bỏ phiếu cũng phải xuất phát từ sự lựa chọn và tự nguyện của cử tri, không phải là kết quả của việc họ bị đe dọa, ép buộc hay lừa dối. Ở Việt Nam dưới thời cộng sản có câu đùa, nhưng cũng đúng sự thật, là: “Việt Nam bảo đảm quyền tự do ngôn luận nhưng không bảo đảm quyền tự do sau ngôn luận”.



Người già chiếm đa số trong các hội nghị “lấy ý kiến cử tri”.

Từ đó suy ra bầu cử tự do nghĩa là công dân phải có quyền tự do bỏ phiếu và cả quyền tự do sau khi bỏ phiếu. Giả sử Quốc dân đảng được bình đẳng với đảng Cộng sản Việt Nam trong việc đi vận động, nhưng cử tri nào ủng hộ Quốc dân đảng cũng nơm nớp lo bị “xử lý” sau bầu cử và do đó họ không dám bầu cho người của Quốc dân đảng, thì bầu cử mất ý nghĩa.

6. Mọi lá phiếu đều quan trọng như nhau

Điều đó tức là lá phiếu của công dân Đặng Văn Tèo cũng quan trọng và có ý nghĩa hệt như lá phiếu của công dân Nguyễn Phú Trọng hay công dân Lê Hiếu Đằng. Lá phiếu của ông Trọng không thể được tính ngang giá với hai, ba hoặc nhiều hơn lá phiếu khác, dù ông ấy là Tổng Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam.

7. Chính xác, trung thực, độc lập, minh bạch

Một điều kiện quan trọng nữa để đảm bảo bầu cử tự do là toàn bộ quá trình chốt danh sách ứng viên, kiểm phiếu, công bố kết quả, phải diễn ra chính xác, trung thực. Muốn vậy, hội đồng bầu cử phải độc lập, các thủ tục phân bổ ứng viên, tổ chức bầu cử, kiểm phiếu phải công khai, minh bạch.

Như ở Việt Nam thời cộng sản, Mặt trận Tổ quốc – cánh tay nối dài của đảng Cộng sản Việt Nam, do các cán bộ cao cấp của đảng Cộng sản lãnh đạo – đứng ra đảm nhận công tác tiền bầu cử (hiệp thương – khái niệm nhập khẩu từ đảng Cộng sản Trung Quốc). Và kết quả là một nhà sử học sinh sống ở Hà Nội lại trở thành đại biểu của tỉnh Đồng Nai (Dương Trung Quốc), hay ông giáo trưởng Tổng hợp lại làm đại diện của Lạng Sơn (Nguyễn Minh Thuyết). Còn rất nhiều trường hợp nữa. Cử tri không thể hiểu nổi sự sắp xếp này.

Năm 2017, ông Đinh La Thăng đang ở TP.HCM đột nhiên trở thành đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa sau khi mất chức Bí thư Thành ủy TP.HCM, nghĩa là không còn thuộc đoàn đại biểu Quốc hội địa phương này nữa. Cử tri Thanh Hóa cũng chưa bao giờ có dịp bỏ phiếu chọn ông Thăng làm đại diện cho mình.

TỔNG HỢP TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ BẦU CỬ

Phần trên đây là các nguyên tắc chung nhất một cuộc bầu cử có phải là tự do và công bằng hay không. Bảng phía dưới cụ thể hóa các nguyên tắc đó: ¹

	Khía cạnh	
Thời điểm	Tự do	Công bằng
Trước ngày bầu cử	Tự do đi lại Tự do ngôn luận (đối với ứng viên, truyền thông, cử tri, và những người khác) Tự do tụ tập Tự do lập hội	Tiến trình bầu cử diễn ra minh bạch Luật bầu cử và cơ chế bầu cử không tạo đặc quyền, đặc lợi cho một đảng phái hay nhóm xã hội nào. Không có bất kỳ hình thức ngăn trở nào trong quá trình đăng ký.

¹ “What makes elections free and fair?”, Jorgen Elklit & Pelle Svensson, tháng 7/1997. Bài nằm trong tuyển tập “Democracy: A Reader”, Larry Diamond & Marc F. Plattner, John Hopkins University Press, 2009.

	Không bị đe dọa bởi bất kỳ vấn đề gì liên quan đến bầu cử và chiến dịch tranh cử. Không bị cản trở việc ứng cử (đối với đảng phái cũng như với ứng viên độc lập) Phổ thông đầu phiếu, các lá phiếu có giá trị ngang nhau (bình đẳng)	Có ủy ban bầu cử độc lập và không thiên vị. Công an, quân đội, tòa án đối xử với các ứng cử viên một cách bình đẳng, không thiên vị ai. Tất cả các đảng phái và các ứng cử viên độc lập đều được có cơ hội như nhau trong việc ứng cử. Chiến dịch tranh cử diễn ra có trật tự (tuân thủ quy tắc đạo đức). Các bên đều có thể tiếp cận như nhau với báo chí; báo chí bị kiểm soát công khai bởi công chúng. Các quỹ công cộng (nếu có) đều được phân bổ đều cho các đảng phái. Không ai được phép sử dụng các cơ sở vật chất của chính quyền cho mục đích tranh cử.
Vào ngày bầu cử	Cơ hội tham gia vào bầu cử	Đại diện của tất cả các đảng phái, các nhà quan sát bầu cử trong nước và quốc tế (nếu được tín nhiệm, ủy quyền), và báo chí đều được tiếp cận tất cả các điểm bỏ phiếu. Các lá phiếu được giữ kín. Cử tri tuyệt đối không bị đe dọa. Lá phiếu được thiết kế thuận tiện, hiệu quả. Thùng phiếu được thiết kế thuận tiện, thích hợp. Các cử tri được hỗ trợ như nhau (nếu cần). Thủ tục kiểm phiếu chuẩn xác, thích hợp. Các phiếu không hợp lệ được đối xử tốt. Có các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi di chuyển thùng phiếu và các tài liệu liên quan đến bầu cử. Các điểm bỏ phiếu được bảo vệ như nhau, không thiên vị.

<i>Sau ngày bầu cử</i>	Có cơ chế pháp lý cho việc khiếu nại.	Công bố chính thức và nhanh chóng về kết quả bầu cử. Đối xử công bằng, không thiên vị với bất kỳ khiếu nại nào liên quan. Báo chí-truyền thông phản ánh công bằng, trung thực, không thiên vị, về kết quả bầu cử. Tất cả mọi người tham gia đều phải chấp nhận kết quả bầu cử.
------------------------	---------------------------------------	---

* * *

QUY TRÌNH BẦU CỬ

Với người tranh cử, quy trình bầu cử là tất cả những bước một người cần thực hiện kể từ lúc có ý định tranh cử, tới lúc được đưa tên vào danh sách ứng viên (chính thức được gọi là “ứng viên” hay “ứng cử viên”) để cạnh tranh vào cương vị cần nhân sự, tới lúc có kết quả và thông báo kết quả. Với cử tri, quy trình bầu cử là tất cả những bước họ cần thực hiện để bỏ phiếu cho cá nhân hay đảng phái mà họ ủng hộ, loại bỏ cá nhân hay đảng phái mà họ không ủng hộ.

Quy trình bầu cử được quy định khác nhau ở mỗi nước, không nước nào giống nước nào (có lẽ chỉ trừ CHXHCN Việt Nam giống CHND Trung Hoa, ít nhất ở cơ chế hiệp thương). Chúng khác nhau ở những điểm chính như:

- Quy định về cử tri: độ tuổi tối thiểu, quốc tịch. Ví dụ như ở Việt Nam, 18 tuổi là độ tuổi công dân, từ 18 tuổi trở lên mới được đi bầu. Người nước ngoài không được bỏ phiếu.
- Quy định về ứng viên: độ tuổi tối thiểu, quốc tịch, trình độ.
- Thủ tục đề cử (kể cả đề cử bản thân, tức là tự ứng cử).
- Cử tri phải chọn giữa các ứng viên cá nhân hay các ứng viên đại diện cho đảng phái?

- Cử tri chỉ được chọn ra một ứng viên cho cương vị cần nhân sự đó, hay có thể chọn ra một số ứng viên và xếp theo thứ tự mức độ ủng hộ, yêu thích?

- Cử tri có được chia thành các đơn vị bầu cử không?

- Cơ chế kiểm phiếu, đếm phiếu.

- Người chiến thắng là người nhận được sự ủng hộ của đa số tương đối (chỉ cần nhiều phiếu ủng hộ nhất) hay đa số tuyệt đối (nhiều phiếu nhất, và số lượng phiếu phải vượt một con số quy định nào đó, ví dụ quá bán)?

- Quy định về những điều bị cấm trong bầu cử.

Ở phần tiếp theo, chúng ta sẽ bàn sâu hơn về câu chuyện “đăng cử”.

THỦ TỤC ĐĂNG CỬ

Đăng cử, hay tiến cử, (tiếng Anh: nomination) là thủ tục pháp lý để một người nào đó được xác nhận là đủ điều kiện làm ứng viên, và được có tên trong danh sách ứng viên chính thức. Nói đơn giản thì đó là thủ tục để một công dân bình thường trở thành ứng cử viên vào một cương vị chính trị nào đó.

Có hai cách chính để đăng cử: 1. Tự ứng cử; 2. Được người khác đề cử.

1. Tự ứng cử

Ở nhiều nước, công dân được quyền tự ứng cử mà không cần thông qua đảng phái, tổ chức nào để cử. Luật pháp có thể quy định một vài điều kiện, như phải tập hợp đủ một số lượng người ủng hộ nhất định và phải nộp một khoản tiền ký quỹ nhất định. Những điều kiện như vậy nói chung là nhẹ nhàng, chỉ để chứng minh người đó có ý định nghiêm túc, không phải hoang tưởng hay đang muốn đùa nghịch.

Ở Vương quốc Anh, bất kỳ người Anh nào hơn 21 tuổi đều có quyền tự ứng cử vào Hạ viện, chỉ trừ thành viên của giai cấp quý tộc, thẩm phán Tòa án Tối cao, công chức thuộc biên chế vĩnh viễn,

tội phạm đang thi hành án, và thành viên Giáo hội Anh quốc, Giáo hội Scotland, Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã.

Thủ tục tự ứng cử ở Anh là: Ứng viên tương lai đi đến các văn phòng bầu cử, nhận một giấy đề cử chính thức, trên đó họ ghi tên, địa chỉ, nghề nghiệp, và đơn vị bầu cử mà họ muốn “về”. Giấy này cũng phải có chữ ký của 2 cử tri thuộc đơn vị bầu cử đó, với tư cách người đề cử và người tán thành, và 8 cử tri khác nữa với tư cách người ủng hộ. Tờ đăng ký hoàn chỉnh sẽ được nộp cho cơ quan bầu cử, cùng khoản ký quỹ 500 bảng. Khoản này sẽ được xung vào Kho Bạc nếu ứng viên không thu hút được hơn 5% số phiếu bầu ở đơn vị ứng cử trong cuộc bầu cử tiếp sau đó.

2. Được người khác đề cử

Ở đây sẽ có hai trường hợp:

Một là ứng viên được một nhóm người tiến cử, ví dụ một nhóm cử tri thân thiết – bạn bè, hàng xóm, v.v. (Ví dụ như Đan Mạch, từ 100 cử tri độc lập trở lên là có thể đề cử một ứng viên hoặc một danh sách ứng viên).

Hai là trường hợp mà chúng ta sẽ bàn kỹ sau đây: đảng cử.

Tại nhiều quốc gia, việc đảng cử là bắt buộc để một ai đó có thể trở thành ứng viên. Ví dụ như ở Israel, nhất định phải được một đảng nào đó đề cử mới được có tên trong danh sách ứng viên chính thức. Cả nước Israel là một đơn vị bầu cử duy nhất, bầu toàn bộ 120 thành viên Quốc hội.

* *Đảng cử*

Trong chế độ đa đảng, các đảng phái là những đơn vị căn bản đại diện cho người dân. Đảng cử tức là các đảng trình danh sách ứng viên của mình ra trước cử tri để cử tri lựa chọn. Cử tri bỏ phiếu thực chất là cho các đảng chứ không phải cho các cá nhân ứng viên. Với nguyên tắc “đại diện theo tỷ lệ” thì mỗi đảng đều có đại diện ở quốc hội, với số ghế tỷ lệ thuận với ảnh hưởng của họ, tức là tỷ lệ thuận với số phiếu họ giành được trong bầu cử.

Cũng có nước quy định, đảng nào được quá ít cử tri ủng hộ, ví dụ không tới 4% cử tri cả nước, thì không được có đại diện trong quốc hội.

Trong chế độ độc đảng như Việt Nam thời cộng sản, “Đảng cử” cũng có nghĩa là đảng Cộng sản Việt Nam trình danh sách ứng viên ra để cử tri lựa chọn, gọi là “Đảng cử dân bầu”. Song vì cả nước chỉ có một đảng, và các ứng viên đều do đảng duy nhất đó lựa chọn theo ý đảng, nên sự lựa chọn của cử tri không còn ý nghĩa. Bầu cử đã mất tự do và công bằng ngay từ đầu.

BẦU CỬ SƠ BỘ, TRỰC TIẾP Ở MỸ

Mỹ là một nước có quy trình bầu cử đặc biệt, với cơ chế “sơ bộ, trực tiếp”.

Đầu tiên là khâu đề cử (nomination): Bất cứ cá nhân nào muốn được một đảng cụ thể nào đó đề cử cho một chức vụ công nào đó đều có thể nộp cho hội đồng bầu cử một đơn đề nghị, có tên, địa chỉ, chức vụ mong muốn được đề cử, và các chữ ký của một số lượng cử tri đã đăng ký là thành viên của đảng mà họ muốn được đảng đó đề cử.

Ví dụ: *Tên tôi là Tracey Tram. Tôi sinh sống ở... Tôi muốn được bầu vào chức vụ... Tôi muốn ứng cử với tư cách người của đảng Dân chủ. (Tôi muốn được đảng Dân chủ đề cử). Dưới đây là chữ ký của... đảng viên đảng Dân chủ ủng hộ tôi.*

Hết thời hạn nộp hồ sơ, các hội đồng bầu cử in các phiếu bầu của mỗi đảng, kèm theo tên của tất cả những người đề đơn cho mỗi vị trí.

Vào ngày bầu cử sơ bộ, các cử tri tới các điểm bầu cử và đánh dấu (tick) chọn người cho từng chức vụ. Người được đánh dấu nhiều nhất cho mỗi vị trí trong tổng số phiếu của mỗi đảng được xác nhận là ứng viên chính thức của đảng đó. Tên của ứng viên và đảng đề cử sẽ được in trên phiếu bầu của cuộc tổng tuyển cử tiếp sau.

- Có một số bang thực hiện cơ chế “bầu cử sơ bộ, khép kín”: Tức là, chỉ có cử tri nào mà trước đó đã đăng ký là thành viên của một đảng cụ thể nào đó là có thể bỏ phiếu trong cuộc bầu cử sơ bộ của đảng đó. Cử tri nào đăng ký độc lập thì không có đảng và do đó không được bỏ phiếu trong cuộc bầu cử sơ bộ của đảng nào cả. Tóm lại, chỉ đảng viên có đăng ký là được bỏ phiếu.

- Một số bang áp dụng cơ chế “bầu cử sơ bộ, chèo”: Tức là, vào ngày bầu cử, tất cả các cử tri, kể cả cử tri độc lập, đều có thể bỏ phiếu tại cuộc bầu cử sơ bộ của bất kỳ đảng nào, nhưng trước đó, phải tuyên bố công khai họ chọn đảng nào. Tóm lại, không cần phải là đảng viên có đăng ký thì mới được bỏ phiếu, nhưng phải nói rõ mình bầu cho người của đảng nào.

- Một số bang áp dụng cơ chế “bầu cử sơ bộ, mở”: Tức là, cử tri không cần đăng ký hay tuyên bố chọn đảng nào, và vào ngày bầu cử, cử tri được phép bỏ phiếu ở cuộc bầu cử sơ bộ của bất kỳ đảng nào (nhưng không đồng thời nhiều đảng) mà không cần tuyên bố công khai là họ chọn đảng gì. Tóm lại, cử tri nào cũng có quyền bỏ phiếu.

Tóm lại, bầu cử sơ bộ, trực tiếp ở Mỹ nghĩa là: Chính quyền tổ chức các cuộc bầu cử, để từ đó, mỗi đảng lọc ra được một số người để họ đề cử. Các cử tri muốn tham gia bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử này thì phải đăng ký, và ở tùy bang mà có thể phải nêu rõ là họ bỏ phiếu với tư cách cử tri ủng hộ cho đảng nào (bầu cho ứng viên của đảng nào).

* * *

QUY TRÌNH BẦU CỬ Ở CHXHCN VIỆT NAM

Để bạn đọc dễ hình dung nhất, ta có thể chia quy trình này thành 5 bước:

Bước 1

Ủy ban Thường vụ Quốc hội làm việc với Mặt trận Tổ quốc để “hiệp thương” về cơ cấu của Quốc hội sẽ bầu và đại diện của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức. Bước này gọi là “hiệp thương lần thứ nhất” và nó chỉ dành cho các ứng viên “dự kiến được đề cử” bởi các cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị được hiểu là phải của Nhà nước và/hoặc của đảng Cộng sản, chẳng hạn như cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc, các doanh nghiệp nhà nước. Người nào được đề cử từ khu vực tư nhân được xem là ứng viên độc lập.

Tuy nhiên, các ứng viên độc lập chưa tham gia vào bước này.

Bước 2

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định số lượng đơn vị bầu cử (184 cho cuộc bầu cử năm 2016) và số đại biểu được bầu ở từng đơn vị bầu cử, sau đó thông báo con số này cho các cơ quan, tổ chức liên quan và các đơn vị bầu cử.

Cơ quan hoặc tổ chức có liên quan, sau khi nhận được thông tin và các hướng dẫn từ Ủy ban Thường vụ và Mặt trận Tổ quốc, sẽ lên danh sách người được giới thiệu ứng cử; danh sách các ứng viên này sẽ được nộp cho Mặt trận Tổ quốc, đơn vị chính thức tổ chức bầu cử.

Cùng thời gian này, những ứng viên độc lập, tức những người không được bất kỳ cơ quan, đơn vị nào của Đảng hay Nhà nước đề cử, phải đăng ký tại các mặt trận Tổ quốc địa phương (thành phố/tỉnh). Họ được gọi là “những người tự ứng cử” trong tất cả các văn bản chính thức liên quan đến bầu cử; hệ thống tuyên truyền của đảng Cộng sản Việt Nam dường như muốn tránh dùng từ “độc lập” hoặc “tự do” cho các ứng viên.

Bước 3

Mặt trận Tổ quốc tổ chức “hiệp thương lần thứ hai”, mà thành

tổ cốt lõi của nó là các cuộc “hội nghị cử tri”. Quy trình này xem ra chỉ có tại các cuộc bầu cử ở Trung Quốc và Việt Nam. Đó là những hội nghị lấy ý kiến cử tri, tại đó cử tri được yêu cầu đánh giá trực tiếp về ứng viên ở nơi cư trú và cơ quan/tổ chức của mình, và xác định liệu các ứng viên có đủ điều kiện ứng cử vào Quốc hội và/hoặc Hội đồng Nhân dân hay không.

Trong thực tế, các buổi hiệp thương này trở thành nơi đấu tố, khi các ứng viên, nhất là những ứng viên độc lập, bị cử tri phê bình dữ dội ở nơi công cộng. Điều quan trọng nhất là họ thường bị loại vì các lý do vặt vãnh như “không thường xuyên tham dự các cuộc họp chi bộ, họp dân phố tại nơi cư trú”, hoặc “trông thấy hàng xóm mà không chào hỏi” v.v...

Do vậy, các hội nghị lấy ý kiến này gọi lại những ký ức về cuộc cải cách ruộng đất tại Trung Quốc và Việt Nam hồi giữa thế kỷ 20, khi những người bị cáo buộc là “địa chủ bóc lột” bị đem đến các “tòa án nhân dân” để chịu đấu tố một cách thô bạo trước khi bị xử tử.

Bằng chứng đã cho thấy Mặt trận Tổ quốc và chính quyền địa phương tổ chức các vòng “hiệp thương” thường mời những người từ các khu vực lân cận đến dự họp và để cho họ gièm pha các ứng viên nào mà đảng Cộng sản không ưa.

Những người ủng hộ các ứng viên, nếu có, thường không được phép tham dự cuộc hội nghị cử tri do chính quyền địa phương và Mặt trận Tổ quốc tổ chức.

Bước 4

Tại vòng “hiệp thương lần thứ ba”, Mặt trận Tổ quốc tổng kết lại danh sách người ứng cử và loại những người mà họ coi là không đủ tiêu chuẩn. Các cuộc họp này được Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan liên quan khác tổ chức kín, không có mặt ứng viên.

Danh sách cuối cùng của các ứng viên chính thức, hay những người được chọn có tên trong phiếu bầu chính thức vào ngày bầu

cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân, sẽ chỉ được đưa ra sau ba vòng hiệp thương.

Bước 5

Sau khi danh sách chính thức cuối cùng đã được Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan nhà nước liên quan duyệt, đến ngày bỏ phiếu thì Mặt trận Tổ quốc mới tổ chức “hội nghị tiếp xúc cử tri” để các ứng viên gặp gỡ cử tri và mở cuộc “vận động tranh cử” của họ mà đến thời điểm này thì đã được luật pháp chấp nhận. Báo chí nhà nước cũng có thể có mặt tại các hội nghị tiếp xúc cử tri đó và phỏng vấn ứng viên.

Tuy nhiên, một khi danh sách chính thức cuối cùng đã được phê duyệt, các hội nghị này phần lớn chỉ mang tính hình thức. Ứng viên sẽ được yêu cầu trình bày chương trình nghị sự của mình cho những cử tọa đã được các cơ quan có thẩm quyền lựa chọn một cách kỹ lưỡng từ trước, và hiếm khi có ý kiến phản bác nào đối với ứng viên.

* * *

PHÂN TÍCH

Quy chế bầu cử ở Việt Nam dưới thời cộng sản, với đặc thù là sự chỉ đạo toàn diện và xuyên suốt của đảng Cộng sản Việt Nam thông qua cơ chế Mặt trận Tổ quốc và ba vòng hiệp thương, bộc lộ rất nhiều vấn đề. Dưới đây chỉ là một vài vấn đề chính trong số đó.

1. Không có lựa chọn thực sự

Hội đồng bầu cử quốc gia (cơ quan giữ chức năng tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp) gồm 100% thành viên là đảng viên cộng sản cấp cao.

Bầu cử ở Việt Nam được thực hiện trên cơ sở “Đảng cử, dân bầu”. Vấn đề ở đây là cả nước chỉ có mỗi một đảng, và tiến trình bầu cử không cho cử tri có sự lựa chọn nào. Công dân không được thành lập đảng phái, không được tự đề cử ứng viên.

Đây là căn nguyên của tất cả các vi phạm về nhân quyền trong tiến trình bầu cử.

2. Không thừa nhận ứng viên độc lập

Không một luật nào nói về ứng viên độc lập, chứ chưa nói tới việc công nhận và khuyến khích họ. Theo Điều 27 Hiến pháp và Điều 2 Luật Bầu cử, mọi công dân Việt Nam trên 21 tuổi đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và/hoặc Hội đồng Nhân dân. Tuy nhiên, các luật liên quan đến bầu cử ở Việt Nam chỉ tập trung vào những cá nhân được đề cử bởi các tổ chức của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, các lực lượng vũ trang nhân dân (quân đội và công an), và các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương. Đó là những “ứng viên Đảng cử”.

Ứng viên độc lập có thể được định nghĩa là những người không được đề cử bởi các tổ chức của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, các lực lượng vũ trang nhân dân (quân đội và công an), hay các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.

Đáng chú ý là ứng viên độc lập thậm chí còn có thể được chia làm hai loại:

1. Ứng viên độc lập được chỉ định từ trước, hay những người được Mặt trận Tổ quốc các cấp bố trí để “tự ứng cử” vào Quốc hội và Hội đồng Nhân dân với tư cách độc lập; và

2. Ứng viên độc lập thật sự, hay là những người tự ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng Nhân dân. Họ không được đề nghị hoặc thu xếp trước đó.

Cả hai loại ứng viên này đều được báo chí và các văn bản, tài liệu chính thống của đảng Cộng sản và nhà nước coi là “độc lập”. Nhưng tất nhiên, chỉ có loại 2 là độc lập thực sự. Loại 1 là được phân công

làm ứng viên độc lập, hay nói cách khác, đó là những người giả làm ứng viên độc lập.

3. Mẫu không đại diện cho dân số



Đại đa số cử tri tham dự cuộc họp “đấu tố” ứng viên Nguyễn Quang A là người già. Ảnh chụp tại phường Long Biên (Hà Nội), 9/4/2016.

Theo truyền thống, các hội nghị lấy ý kiến cử tri do Mặt trận Tổ quốc tổ chức là nơi mà các ứng viên tương lai bị/được một nhóm nhỏ cử tri nơi cư trú, những người được các đại diện của đảng Cộng sản Việt Nam và chính quyền địa phương chọn ra, đánh giá, nhận xét. Trong nhiều trường hợp, đó là các cử tri nhiều tuổi, học vấn thấp, và chẳng biết gì về ứng viên. Hậu quả là, họ chỉ tập trung vào tấn công cá nhân thay vì đưa ra các đánh giá công bằng và duy lý. Đôi khi các cử tri đó còn tỏ ra thù địch đối với những người tự ứng cử, và thế là các hội nghị cử tri gọi lại những ký ức cay đắng của cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam vào những năm 1940-50, trong đó nông dân được xúi giục hoặc bị gây sức ép phải “đấu” các địa chủ hết sức dữ dội trước khi hành quyết họ.

Trong mọi trường hợp, mẫu chọn là quá nhỏ, không đại diện được cho số dân, và trình độ, năng lực đánh giá của các cử tri được chọn sẵn đó là rất đáng ngờ.

Tồi tệ hơn cả là thủ tục này đã thành công trong việc loại ra nhiều ứng viên độc lập, kể cả những trí thức được rất đông quần chúng cả nước ủng hộ mạnh mẽ.

4. Không công nhận các cơ quan giám sát và thực thi độc lập

Như trên đã nói, 100% thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia là đảng viên cộng sản cấp cao. Như vậy, cuộc bầu cử đã bắt công ngay từ khâu tổ chức, với một ban tổ chức hoàn toàn phi độc lập.

Bên cạnh đó, không một luật nào đề cập đến các cơ quan hành pháp và giám sát độc lập, hay một cơ chế nào để độc lập theo dõi và giám sát quá trình bầu cử.

Luật pháp và đường lối của đảng Cộng sản quy định các cơ quan nhà nước liên quan đến bầu cử đều phải tuân thủ đường lối, chính sách, chỉ thị của đảng.

5. Kiểm phiếu không minh bạch

Không ai trong quần chúng có thể biết công việc kiểm phiếu diễn ra như thế nào, ai là người đếm và cách đếm, cách tính kết quả ra sao.

Ngay cả các cuộc “hội nghị cử tri” để “hiệp thương” về tư cách ứng cử của ứng viên cũng diễn ra bất minh. Mặt trận Tổ quốc khống chế hoàn toàn nội dung các cuộc hội nghị, thành phần tham dự, phát biểu của các cử tri có mặt. Riêng tại vòng “hiệp thương lần thứ ba”, Mặt trận Tổ quốc họp kín để loại những người mà họ coi là không đủ tiêu chuẩn, ứng viên và người ủng hộ không được tham dự.

6. Truyền thông thiên vị

Các yêu cầu về sự chính xác, trung lập, công bằng của truyền thông bị xâm phạm nghiêm trọng. Báo chí bị ngăn cản tiếp xúc với ứng cử viên độc lập, nhất là những người có xu hướng bất đồng chính kiến hoặc ủng hộ dân chủ-nhân quyền. Các sản phẩm báo chí bị kiểm duyệt chặt chẽ.

Bài đọc

ABC VỀ BẦU CỬ QUỐC HỘI Ở VIỆT NAM¹

Kỳ bầu cử Quốc hội năm 2016 hứa hẹn một điểm rất mới, khi lần đầu tiên trong lịch sử Quốc hội Việt Nam, có sự xuất hiện của mạng xã hội facebook với vai trò đáng kể định hình công luận, và trên facebook đã có những lời kêu gọi cho một chiến dịch người dân “đồng loạt tự ứng cử”. Giữa lúc đó thì báo chí trích lời đương kim Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng cho biết đã xác định được số lượng ứng cử đại biểu khóa XIV là 896 người. Một loạt thắc mắc có thể nảy sinh: Thế là thế nào? 896 người kia ở đâu ra, tôi đã ứng cử đâu?

Nhằm giúp các ứng viên tự do bớt lúng túng và quá tải, bài viết dưới đây sẽ cung cấp một số kiến thức căn bản liên quan đến quy trình ứng cử và bầu cử Quốc hội ở Việt Nam.

* * *

VẤN ĐỀ “CƠ CẤU” CỦA QUỐC HỘI

Ông Nguyễn Sinh Hùng phát biểu như vậy vào ngày 16/01/2016, tại một phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhằm cho ý kiến về nghị định hướng dẫn một số điều của Luật Bầu cử, trong đó có việc tổ chức hội nghị cử tri.

¹ Bản gốc của bài viết có tựa đề “ABC về bầu cử Quốc hội – dành cho các ứng viên tự do”. Bài đã đăng trên Luật Khoa tạp chí ngày 14/02/2016 tại địa chỉ: <http://luatkhoa.org/2016/02/abc-ve-bau-cu-quoc-hoi-danh-cho-cac-ung-vien-tu-do/>

Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã ra nghị quyết về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XIV. Theo đó, ngày bầu cử Quốc hội là chủ nhật, 22/5/2016. Khóa XIV sẽ có 500 đại biểu, được bầu từ con số dự kiến 896 người ứng cử. (Luật Tổ chức Quốc hội cũng ấn định tổng số đại biểu không quá 500).

Trong 500 đại biểu Quốc hội của khóa XIV, số người không phải là đảng viên đảng Cộng sản, theo dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ khoảng 25-50.

Mặc dù Quốc hội và báo chí dùng từ “dự kiến”, nhưng thực chất, cần hiểu đúng bản chất của nó là “xác định cơ cấu”, và đây là bước đầu tiên trong quy trình bầu cử Quốc hội ở Việt Nam.

Trong bước đầu tiên này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ấn định và công bố ngày bầu cử, thành lập Hội đồng Bầu cử Trung ương, đồng thời, đưa ra “dự kiến” về cơ cấu, số lượng đại biểu được bầu, ví dụ như kỳ này, Quốc hội phải có ít nhất 35% đại biểu là nữ. Số lượng đại biểu của Bộ Quốc phòng là 15 người, Bộ Công an 3 người. Số đại biểu đến từ khối doanh nghiệp, hiệp hội, nghiệp đoàn sản xuất kinh doanh: 7 người...

Việc ấn định cơ cấu được giải thích là nhằm đảm bảo cân bằng lợi ích, cân bằng sự đại diện của tất cả các tầng lớp trong xã hội (phụ nữ, thanh niên, nông dân, trí thức, người dân tộc thiểu số v.v.). Mặt trái của nó, ai cũng có thể nhận thấy, là nó hợp lý hóa sự sắp xếp nhân sự từ trước và can thiệp vào trong quá trình ứng cử để bảo đảm cơ cấu. Một vị cựu đại biểu Quốc hội kể, thời ông, chưa đến ngày bầu cử ông đã biết trước mình chắc chắn vào Quốc hội, bởi cơ cấu khi ấy đang cần thêm một trí thức khoa học xã hội ở Hà Nội, mà xung quanh ông thì toàn trí thức thuộc khối khoa học tự nhiên.

Vậy là cơ cấu của Quốc hội đã được ấn định trước, tiếp theo sẽ là quá trình thực hiện, với một loạt bước, gồm: hiệp thương, hội nghị tiếp xúc cử tri. Trong đó, hiệp thương là giai đoạn quan trọng nhất để thực hiện cơ cấu đã vạch sẵn.

BA LẦN HIỆP THƯƠNG

“Hiệp thương” có lẽ là một khái niệm nghe khá khó hiểu với nhiều người Việt Nam. Nhưng thật ra thì nó đơn giản. Hiệp thương, tiếng Anh là “negotiation”, có nghĩa là đàm phán, thương lượng với nhau.

Quy trình bầu cử Quốc hội ở Việt Nam có ba (03) vòng hiệp thương. Lần thứ nhất để xác định cơ cấu. Lần thứ hai, để thống nhất danh sách ứng cử viên sơ bộ. Lần thứ ba, chốt danh sách cuối cùng của các ứng cử viên, để đưa đến việc “toàn dân đi bầu”.

Hiệp thương lần 1 diễn ra sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đưa ra “dự kiến”, tức là đã ấn định cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Quốc hội được bầu, và đem trình nó cho Mặt trận Tổ quốc.

Dựa trên dự kiến đó, Mặt trận Tổ quốc cấp trung ương, và cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, sẽ tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở cấp tương ứng, để thoả thuận (tức là “hiệp thương”) về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu mà các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương hay địa phương giới thiệu, tiến cử.

Còn các ứng viên tự do, không được cơ quan, tổ chức, đơn vị nào tiến cử, thì đương nhiên không có tên trong danh sách cơ cấu. Tuy nhiên, họ vẫn có thể nộp hồ sơ cá nhân cho ủy ban bầu cử; vòng hồ sơ này không quá khó khăn. Thử thách lớn nhất với ứng viên tự do là ở lần hiệp thương sau đó.

HIỆP THƯƠNG LẦN 2: “CỬA TỬ” ĐỐI VỚI ỨNG VIÊN TỰ DO

Hiệp thương lần thứ hai thương lượng, thống nhất danh sách ứng cử viên sơ bộ, gồm cả các ứng viên tự do, và danh sách này sẽ được đưa ra lấy ý kiến của cử tri nơi cư trú và nơi công tác.

Các hội nghị cử tri lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú chính là nơi diễn ra cuộc thử thách nặng nề nhất với bản lĩnh và sức chịu đựng của ứng cử viên đại biểu Quốc hội. Theo truyền thống lâu nay, đó là nơi cử tri nơi cư trú tiến hành cuộc “đấu

tổ” ứng cử viên, đặc biệt là ứng viên tự do, không được cơ quan, tổ chức, đơn vị nào tiến cử. Nhiều người được sự ủng hộ lớn của cử tri nơi công tác, nhưng ra hội nghị ở nơi cư trú, vẫn bị “đấu” toi bời và nhận tỷ lệ tín nhiệm rất thấp.

Thực tế các kỳ bầu cử nhiều năm qua cho thấy ứng cử viên thường bị cử tri đánh giá, phê phán vì những lý do rất... không liên quan đến năng lực, chẳng hạn như “ra đường gặp hàng xóm không chào, chứng tỏ kiêu ngạo”, “lười đi họp tổ dân phố”, “xấu trai, ngoại hình không đủ để làm đại biểu Quốc hội”, v.v.

Càng là ứng viên tự do, không được cơ quan, tổ chức nào giới thiệu ứng cử, nguy cơ bị đấu tố càng lớn. Điều đó có thể vì nhiều nguyên nhân. Chẳng hạn, do có sự chỉ đạo, tác động, can thiệp để cử tri loại bỏ ứng cử viên; do có sự sắp xếp, điều thêm cử tri của các địa bàn lân cận đến dự “đấu tố”; và cũng do chất lượng của chính cử tri còn thấp, khiến họ thiếu ý thức tham gia nghiêm túc vào hoạt động chính trị.

Hội nghị cử tri có sự tham dự của ứng cử viên đại biểu Quốc hội, đại diện của tổ chức/ cơ quan có người ứng cử, lãnh đạo địa phương (tức nơi cư trú của ứng viên), tổ dân phố, Mặt trận Tổ quốc địa phương, và các cử tri... Trên thực tế, nhiều khi ứng viên tự do phải đứng trước một cử tọa gồm phần lớn là những người họ chẳng biết là ai, đấu tố họ một cách thô bạo. Đây là câu chuyện đã từng xảy ra với nhiều người ứng cử tự do, như ông Nguyễn Hữu Vinh (blogger Ba Sàm, năm 2002), nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải (năm 2011), luật sư Lê Quốc Quân (năm 2011)...

HIỆP THƯƠNG LẦN 3: “ĐẤU TỐ VẮNG MẶT” ỨNG VIÊN TỰ DO

Với kết quả đánh giá ý kiến và tín nhiệm của cử tri tại hiệp thương lần hai, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ điều chỉnh lần hai về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu được giới thiệu ứng cử từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tiếp theo, sẽ đến hiệp thương lần thứ ba. Khác với các hội nghị cử tri ở nơi cư trú diễn ra trong vòng hiệp

thương trước, ở hiệp thương lần ba, các hội nghị diễn ra không có mặt của ứng cử viên.

Chỉ có đại diện Mặt trận Tổ quốc, Hội đồng Bầu cử Quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đối với việc bầu cử đại biểu Quốc hội ở cấp trung ương); Mặt trận Tổ quốc và ủy ban bầu cử tỉnh, thường trực hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân tỉnh (đối với việc bầu cử đại biểu ở cấp địa phương), là được tham dự và “hiệp thương” với nhau để lựa chọn và chốt danh sách chính thức những người ứng cử.

Năm 2011, luật sư Võ An Đôn đã qua được vòng hiệp thương thứ hai. Trên facebook cá nhân, ông cho biết, khi lấy tín nhiệm tại nơi cư trú và nơi công tác, ông đều được 100% cử tri (tức người dân địa phương và đồng nghiệp) ủng hộ, tín nhiệm. Nhưng đến vòng hiệp thương lần ba, khi bị “đấu tố vắng mặt” tại hội nghị của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thì ông bị loại, không được vào danh sách cuối cùng, gồm những người được ứng cử đại biểu Quốc hội.

Ông Đôn phản ánh: “Khi tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại nơi cư trú và tại Đoàn luật sư thì tôi được mời tham dự, nhưng khi tổ chức hiệp thương tại Mặt trận Tổ quốc thì tôi không được mời tham dự, nghe những người tham dự kể lại là họ đấu tố và nói xấu tôi dữ lắm”.

Đây cũng là một cửa ải lớn đối với ứng cử viên tự do. Nếu họ vượt qua được (xưa nay rất hiếm), thì họ mới có thể cùng các ứng viên được giới thiệu ứng cử tiến vào giai đoạn tiếp theo: vận động tranh cử và trình bày chương trình hành động.

VẬN ĐỘNG TRANH CỬ

Ở khâu này, Mặt trận Tổ quốc địa phương (tức là Mặt trận Tổ quốc ở các điểm bầu cử) sẽ tổ chức những hội nghị tiếp xúc cử tri tại địa phương để người ứng cử tiến hành vận động bầu cử, dưới sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc. Tại đây, họ sẽ trình bày trước cử tri chương trình hành động của mình.

Ngoài ra, những người có tên trong danh sách ứng cử cuối cùng còn có cơ hội làm việc với báo chí để giới thiệu bản thân và chương trình hành động, vận động tranh cử...

Một cựu đại biểu cho biết, đến giai đoạn này, trên nguyên tắc cử tri vẫn có thể quan sát, xem xét ứng cử viên đại biểu Quốc hội, để bỏ phiếu bầu hoặc không bầu cho ông/bà ta. Tuy nhiên, trên thực tế, cũng chẳng mấy khi cử tri quan tâm đến chương trình hành động của ứng cử viên, còn báo chí thì càng không có chuyện tìm hiểu, moi móc hồ sơ nhân thân hay phản biện ứng cử viên, mà chỉ đưa tin, viết bài phản ánh theo hướng ca ngợi.

Như vậy, vào được danh sách chính thức, được tổ chức cho đi “vận động tranh cử” chính thức, đã có thể coi như thắng lợi cực kỳ lớn của ứng cử viên đại biểu Quốc hội rồi.

LỜI KẾT

Bước cuối cùng là giai đoạn cử tri bỏ phiếu chính thức. Việc kiểm phiếu sau đó – không đảm bảo độc lập – cũng là một khâu mà chính quyền có thể tác động để đảm bảo cơ cấu, thành phần Quốc hội như đã chủ trương từ đầu.

Ứng cử đại biểu Quốc hội là sự thực thi một quyền chính trị căn bản của người dân: quyền được tham gia một cách có ý nghĩa vào chính trị. Trong hoàn cảnh Việt Nam, với hệ thống chính trị một đảng, quyền này chịu rất nhiều hạn chế, cản trở – bằng các cơ chế như đã chỉ ra ở trên.

Bài đọc

HỘI NGHỊ CỬ TRI – NÉT QUÁI ĐẢN TRONG CƠ CHẾ BẦU CỬ QUỐC HỘI ¹

Vâng, không phải “nét mới” mà là “nét quái đản”.

Dưới đây là một số câu hỏi và đáp xoay quanh hội nghị cử tri do Page Vận Động Ứng Cử Đại Biểu Quốc Hội 2016 tập hợp và biên soạn.

1. HỘI NGHỊ CỬ TRI LÀ GÌ?

Hội nghị cử tri là hội nghị gặp mặt giữa người ứng cử đại biểu Quốc hội với các cử tri ở nơi cư trú hoặc công tác của người ứng cử, để lấy ý kiến của cử tri về người ứng cử.



Hội nghị cử tri đấu tố luật sư Võ An Đôn – ứng viên độc lập – ngày 01/4/2016 ở tỉnh Phú Yên. Nguồn ảnh: facebook luật sư Võ An Đôn.

¹ Bài viết đăng trên trang facebook “Vận Động Ứng Cử Đại Biểu Quốc Hội 2016”, ngày 5/4/2016, tại địa chỉ: <https://www.facebook.com/daibieuQH/posts/1069488279781219:0> .
Tựa đề gốc là: “Đấu tố ứng viên độc lập, các cử tri đang làm sai quy định của pháp luật”.

Căn cứ vào đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ sở để giới thiệu người ứng cử, để rồi Mặt trận Tổ quốc, Hội đồng Bầu cử sẽ đưa họ vào vòng hiệp thương thứ ba, tiến tới bố trí họ vào danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội. Đó là với các ứng viên được đề cử.

Còn với các ứng viên tự do, thì căn cứ vào kết quả bỏ phiếu ở hội nghị cử tri, Mặt trận Tổ quốc, Hội đồng Bầu cử, v.v. có cơ sở để... loại họ, không để họ vào tiếp vòng trong và nhất định là không thể được có tên trong danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

2. AI LÀ NGƯỜI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CỬ TRI NƠI CƯ TRÚ?

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban Nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì hội nghị.

3. AI LÀ NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH THÀNH PHẦN THAM DỰ HỘI NGHỊ CỬ TRI NƠI CƯ TRÚ?

Thành phần dự hội nghị do Trưởng ban Công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố quyết định và mời cử tri đến dự.

4. CỬ TRI CÓ QUYỀN LÀM GÌ TẠI HỘI NGHỊ CỬ TRI?

Khoản 3, Điều 45 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân 2015 quy định: “Tại hội nghị cử tri, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín theo quyết định của hội nghị”.

5. TIÊU CHUẨN CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI LÀ GÌ?

- Trung thành với Tổ quốc, nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của ĐBQH.

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

- Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Trong các tiêu chuẩn trên, không có tiêu chuẩn nào như là “tham gia đầy đủ các cuộc họp tổ dân phố”, “gia đình không được buôn bán tạp hóa kiếm lời”, hay “facebook không được sặc mùi dân chủ-khai tri”... cả.

6. CHƯƠNG TRÌNH CỦA MỘT CUỘC HỘI NGHỊ CỬ TRI GỒM NHỮNG NỘI DUNG GÌ?

Theo Điều 4, Nghị quyết số 1134/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ra ngày 18/1/2016, “quy định chi tiết, hướng dẫn về việc tổ chức hội nghị cử tri”, thì một cuộc hội nghị cử tri bao gồm các nội dung sau:

1/ Người chủ trì hội nghị tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu dự hội nghị. Người chủ trì có trách nhiệm sau đây:

- a) Giới thiệu về mục đích, yêu cầu của hội nghị;
- b) Giới thiệu thư ký hội nghị để hội nghị quyết định;
- c) Báo cáo về số cử tri được mời, số cử tri có mặt;
- d) Giới thiệu danh sách người ứng cử;

e) Đọc tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân.

2/ Thư ký hội nghị đọc tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

3/ Cử tri phát biểu ý kiến đối với từng người ứng cử.

4/ Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phát biểu ý kiến.

5/ Hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người. Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người.

6/ Tổ trưởng tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

7/ Hội nghị thông qua biên bản hội nghị cử tri.

7. CỬ TRI CĂN CỨ VÀO Đâu MÀ ĐẤU TỔ ỨNG VIÊN?

Theo quy định của chính luật pháp nước CHXHCN Việt Nam, thì trong hội nghị cử tri, không hề có phần “chất vấn” của cử tri đối với ứng viên, và càng không có chuyện cử tri chỉ trích, thậm chí sỉ nhục, đấu tố ứng viên như trong các cuộc hội nghị được tổ chức vừa qua ở nhiều nơi.

Và nhất là, ứng viên phải được quyền phản hồi lại các ý kiến của cử tri, tất nhiên kể cả ý kiến phê bình, chỉ trích (nếu có).

Bởi vì Điều 4, Nghị quyết số 1134/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đã nêu rõ nội dung của hội nghị cử tri:

- Cử tri phát biểu ý kiến đối với từng người ứng cử.

- Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phát biểu ý kiến.

Chúng tôi không hiểu tại các hội nghị cử tri hay là đấu tố vừa qua, cử tri căn cứ vào đâu để mạt sát ứng viên, đặc biệt sử dụng những lý do vụn vặt và không hề liên quan tới tiêu chuẩn của một đại biểu Quốc hội (như Luật Tổ chức Quốc hội đã quy định).

Chúng tôi cũng không hiểu vì sao khi các cử tri đi quá đà, ban tổ chức hội nghị hoàn toàn không can thiệp, thậm chí còn yêu cầu ứng viên phải im lặng, không cho ứng viên có cơ hội giải thích và phản hồi những nhận xét ác ý nhằm vào mình.

Với việc dấu tố ứng viên độc lập, cử tri vi phạm Nghị quyết 1134 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trong những trường hợp nghiêm trọng, còn có dấu hiệu của tội xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác (Điều 122 Bộ luật Hình sự, Điều 37 và 611 Bộ luật Dân sự).

Bài đọc

TẠI SAO ĐẢNG CỔ “LÙA” DÂN ĐI BẦU CỬ? ¹

Do kiểm phiếu không độc lập, báo chí chỉ là công cụ tuyên truyền, không có một cơ chế giám sát độc lập nào, cho nên, sự thật là: Dù bạn tẩy chay bầu cử, dù bạn không đi bỏ phiếu, dù bạn gạch tất cả các ứng viên Đảng cử, thì cuối cùng tỷ lệ người đi bầu vẫn xấp xỉ 100%, các ứng viên Đảng cử vẫn nghiễm nhiên vào Quốc hội ngủ và im lặng suốt ít nhất 5 năm nữa.

Và cuối cùng, tỷ lệ người đi bầu, tỷ lệ phiếu tín nhiệm bao giờ cũng cao ngất ngưỡng.

Câu hỏi đặt ra là: Tại sao đảng Cộng sản phải tổ chức bầu cử Quốc hội cho bằng được, dù rất tốn kém (ngân sách Nhà nước) và dù Đảng thừa biết bầu cử Quốc hội chỉ là màn kịch do Đảng đạo diễn toàn diện?

Trả lời: Ấy là bởi vì đảng Cộng sản Việt Nam là một đảng độc tài.

Chế độ độc tài có nhiều biểu hiện, trong đó có một biểu hiện bề ngoài rất rõ nét là: Trong một chính thể độc tài, tỷ lệ người đi bầu và tỷ lệ bỏ phiếu ủng hộ (lãnh đạo hoặc chủ trương, chính sách của lãnh đạo) luôn luôn rất cao, ngược lại, tỷ lệ phiếu tín nhiệm phe đối lập phải rất thấp.

¹ Bài đăng trên blog của tác giả vào ngày 18/5/2016, bốn ngày trước kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng Nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021. Trong bài này, từ “Đảng” (chữ Đ viết hoa) chỉ “đảng Cộng sản Việt Nam”.

Đó là những gì đã xảy ra với các ứng cử viên đại biểu Quốc hội độc lập (ví dụ Nguyễn Trang Nhung không nhận được một phiếu thuận nào, Nguyễn Thị Kim Anh hay Nguyễn Quang A chỉ được 6-7 phiếu trên tổng số 70-80 phiếu). Đảng nhất định phải khiến họ thua một cách tuyệt đối. Cũng như Đảng sẽ nhất định lừa bằng được “toàn dân đi bầu cử”, để cuối cùng tỷ lệ người đi bầu phải cao chót vót, gần 100%, và Đảng phấn khởi tuyên truyền về thành công của cuộc bầu cử.

A screenshot of a television screen displaying election results. At the top left is the VFM logo with the text 'Trực tiếp' (Live) below it. The main title is 'KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT' (Election Results) in white text on a green background. Below this is a table with a blue background and white text. The table has three columns: 'THỜI GIAN' (Time), 'THAM GIA' (Participation), 'TÁN THÀNH' (Approval), 'KHÔNG TÁN THÀNH' (Disapproval), and 'KHÔNG BIỂU QUYẾT' (No Vote). The data is as follows: THỜI GIAN: 00:00; THAM GIA: 488 (97.99%); TÁN THÀNH: 486 (97.59%); KHÔNG TÁN THÀNH: 0 (0.00%); KHÔNG BIỂU QUYẾT: 2 (0.40%). At the bottom left, a timestamp reads '09:53:09'.

“Đồng thuận” trong Quốc hội cao như thế này không chứng tỏ Đảng được lòng dân, mà chỉ chứng tỏ Đảng độc tài thôi.

TỐN KÉM MẤY CŨNG PHẢI CHƠI

Một trong các chức năng của bầu cử là tạo dựng và/hoặc củng cố tính chính danh cho nhà cầm quyền. Nhất là khi cuộc bầu cử được đông đảo dân chúng tham gia - khi ấy nó sẽ bao biện cho sự cai trị của nhà cầm quyền, nó là một cơ hội để nhà cầm quyền tuyên truyền thật lực trong nước và quốc tế về tính dân chủ của chế độ mình, và đặc biệt, nó tạo cho người dân cảm tưởng rằng họ đang thực thi quyền lực của nhân dân. (Điều này cũng giải thích cho việc dân chúng tại các hội nghị cử tri ở nơi cư trú, một khi được/bị cán bộ của Đảng kích động, rất dễ hăng hái vào cuộc đấu tố ứng viên).

Chính vì thế, đảng Cộng sản phải tổ chức bầu cử Quốc hội, phải mạnh tay chi tới hàng nghìn tỷ đồng cho vở kịch của Đảng. Và đã

tổ chức rồi thì Đảng sẽ phải cố xua dân đi bầu cho bằng được, càng đông đảo càng tốt.

ĐỘC TÀI VÀ SỞ THÍCH “ĐỒNG THUẬN CAO”

Độc tài đúng là rất thích các con số, thích lượng hóa, kiểu như “ba xây, bốn chống”, “ba phe, bốn mâu thuẫn”, “ba dòng thác cách mạng”, “ba sẵn sàng”, “ba đảm đang”, v.v.

Độc tài cũng đam mê những con số thống kê có lợi cho họ, tức là phải rất cao, ít nhất là trên 90%, còn thì càng gần sát mức tuyệt đối càng tốt.

Lịch sử thế giới thế kỷ 20 và 21 đã có rất nhiều thành viên của “câu lạc bộ 90 phần trăm”, mà sau đây chỉ là một vài ví dụ:

- Năm 1973, Tổng thống Ferdinand Marcos của Philippines tuyên bố thông qua Hiến pháp mới với tỷ lệ 95% đại biểu Hội đồng Nhân dân ủng hộ. Cũng năm đó, Philippines tiến hành trưng cầu dân ý với câu hỏi “có muốn Tổng thống Marcos tiếp tục tại vị không”, và 90,67% câu trả lời là có.

- Năm 1979, cuộc trưng cầu dân ý của Giáo chủ Khomeini ở Iran thu được kết quả 98% người bỏ phiếu tán thành việc xây dựng nước cộng hòa Hồi giáo Iran.

- Năm 2002, Tổng thống Iraq Saddam Hussein tái đắc cử, được 100% phiếu bầu.

- Năm 2012 Tổng thống Turkmenistan (Turkmenia) Gurbanguly Berdimuhamedov tái đắc cử với tỷ lệ 97% số phiếu ủng hộ. Trước đó, năm 1992, người tiền nhiệm của ông này, Saparmurat Niyazov, còn được “tín nhiệm” cao hơn thế nữa: 99,5%.

- Anh em nhà Tổng thống Cuba, Fidel và Raul Castro, thường xuyên được 99% phiếu bầu.

- Các cuộc bầu cử ở Liên Xô ngày trước, tỷ lệ trúng cử của đảng viên cộng sản vào các xô viết địa phương trung bình là 99%.

- Ngày 28/11/2013, Quốc hội Việt Nam bỏ phiếu thông qua bản Hiến pháp sửa đổi (tiếp tục khẳng định ngôi vị lãnh đạo toàn diện của đảng Cộng sản) với tỷ lệ 97,59% tán thành (xem ảnh trên).

Và bây giờ chúng ta chờ tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu tín nhiệm Nguyễn Phú Trọng và các đại biểu Quốc hội cấp cao của Đảng sẽ cao chót vót, từ 80 đến 100%.¹

Đảng nào cũng vậy, cho nên... chúng ta hãy dành ngày chủ nhật 22/5/2016 cho những việc có ích, có lợi, thay vì đi bỏ phiếu.

¹. Kết quả thực tế: Trong số 30 đại biểu Quốc hội ở Hà Nội được bầu, Tổng Bí thư đảng Cộng sản Nguyễn Phú Trọng đã trúng cử với tỷ lệ phiếu hơn 86,32 % (đơn vị bầu cử số 1, gồm ba quận Ba Đình, Hoàn Kiếm và Tây Hồ). Bí thư Thành ủy Hà Nội Hoàng Trung Hải đạt số phiếu cao nhất trong đơn vị bầu cử số 8 (Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ) với 87,16%.

Chương V

TỔ CHỨC VÀ NHÓM LỢI ÍCH

NHÓM LỢI ÍCH

Nhóm lợi ích còn được gọi là nhóm gây áp lực. Đó là những nhóm có tổ chức, hành động để đạt được lợi ích của mình, bằng cách gây ảnh hưởng lên chính quyền hoặc lên tiến trình chính sách. Đương nhiên, chúng là loại nhóm mà thành viên có ý thức về lợi ích chung của mình và họ cùng hành động để có được lợi ích đó. Hiểu theo nghĩa này thì đảng phái cũng là một nhóm lợi ích.

Như vậy, các bạn có thể thấy rằng nhóm lợi ích luôn tồn tại trong xã hội; bản thân nó không phải là một khái niệm tiêu cực, cần phải xóa bỏ như lâu nay ở Việt Nam, người ta vẫn tưởng. Chừng nào con người còn chia sẻ lợi ích thì chừng đó họ còn có nhu cầu kết hợp thành nhóm và tổ chức nhau lại.

Tuy nhiên, ở các chế độ độc tài, nơi các quyền tự do của dân chúng bị hạn chế, xã hội dân sự bị kìm kẹp, nhà nước bưng bít thông tin, thì nhóm lợi ích chỉ còn là những thế lực ngầm đen tối, thao túng chính trường, tham nhũng và làm nghèo người dân, phá hoại đất nước. Đó là cách hiểu lâu nay của người Việt Nam về khái niệm nhóm lợi ích.

Các bạn cũng có thể thấy là trong xã hội, cũng tồn tại cả những nhóm không hề có tổ chức và cũng không có ý định trở thành có tổ chức. Đó là nhóm mà thành viên có đặc điểm chung, song họ không quan tâm đến đặc điểm chung đó và chẳng có nhu cầu tập

hợp lại với nhau vì một mục tiêu chung nào dựa trên đặc điểm đó. Ví dụ như nhóm những người mắt nâu, thế hệ @, thế hệ 9x, hội những người lương hơn 200 USD/tháng, v.v. Dĩ nhiên, đây không gọi là nhóm lợi ích. Nhưng các học giả phương Tây vẫn có tên gọi cho nó; người ta gọi nó là “nhóm chỉ để phân loại” (tiếng Anh: categoric group).

Ở chương này, chúng ta chỉ tìm hiểu về nhóm lợi ích.

SO SÁNH NHÓM LỢI ÍCH VÀ ĐẢNG PHÁI

Như trên đã nói, với định nghĩa nhóm lợi ích là “nhóm mà thành viên có ý thức về lợi ích chung của mình và họ cùng hành động để có được lợi ích đó” thì đảng chính trị cũng là một loại nhóm lợi ích.

Tuy thế, giữa đảng phái và nhóm lợi ích có một số điểm khác nhau căn bản:

Đảng	Nhóm lợi ích/ Nhóm gây áp lực
Trong các hoạt động, có hoạt động rất quan trọng là tham gia tranh cử.	Không tham gia tranh cử.
Theo đuổi việc giành quyền lực nhà nước và thành lập nội các sau khi giành được quyền lực đó.	Không theo đuổi việc giành quyền lực nhà nước, không thành lập nội các.
Có cương lĩnh. Cương lĩnh phải thể hiện sự quan tâm đến hàng loạt vấn đề, bao trùm các lĩnh vực chính trị-xã hội-kinh tế-môi trường, v.v. Ví dụ: Cương lĩnh của đảng Xanh là đi theo đường lối dân chủ tự do, trường phái ôn hòa trong chủ nghĩa môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững kết hợp với bảo đảm nhân quyền và công lý...	Không có cương lĩnh. Lập ra các phong trào hay chiến dịch chỉ để gây áp lực lên chính quyền nhằm giải quyết một vấn đề hoặc một lĩnh vực duy nhất. Ví dụ: Tổ chức Vì Một Hà Nội Xanh chỉ cố gắng giải quyết vấn đề bảo vệ cây xanh ở Hà Nội.

Để tránh bị ấn tượng rằng nhóm lợi ích là tiêu cực, chúng ta có thể gọi nó bằng cái tên “nhóm gây áp lực” hoặc “nhóm vận động”.

GIÁ TRỊ CỦA NHÓM LỢI ÍCH

Ngoài việc sự tồn tại của nhóm lợi ích là đương nhiên trong mọi xã hội, dù chúng ta ghét nó hay không, thì thực sự nhóm lợi ích cũng có nhiều khía cạnh tích cực:

- Nó là một kênh tương tác giữa chính quyền và người dân, ít nhất là một nhóm dân; từ đó, đảm bảo ổn định chính trị;
- Nó thúc đẩy dân chủ đại diện, tăng cường tính đại diện của (một nhóm) người dân, giúp họ thể hiện các quan điểm hay lợi ích khác nhau, điều mà nhiều khi đảng phái bỏ quên vì quan điểm hay lợi ích ấy quá nhỏ bé để được vào chương trình nghị sự của đảng;
- Nó rõ ràng là một phương thức gây ảnh hưởng tới chính quyền;
- Nó thúc đẩy chia sẻ thông tin, thảo luận và phản biện, từ đó nâng cao chất lượng chính sách công;
- Nó kìm hãm quyền lực nhà nước, phát triển xã hội dân sự, từ đó, bảo vệ tự do.

MẶT TRÁI CỦA NHÓM LỢI ÍCH

Bên cạnh các ưu điểm là các nhược điểm của nhóm lợi ích:

- Nó có nguy cơ khoét sâu thêm bất bình đẳng chính trị, bởi một thực tế là người có giáo dục, có khả năng tài chính, khả năng tổ chức hơn sẽ có tiếng nói mạnh hơn;
- Nó có thể gây chia rẽ xã hội, thông qua việc thúc đẩy quyền lợi cục bộ của một thiểu số, bỏ qua lợi ích chung của toàn xã hội;
- Nó tiềm ẩn thứ quyền lực không có tính chính danh: trong các nhóm lợi ích mạnh, lãnh đạo tự tung tự tác, nhiều quyền lực, mà lại không phải minh bạch với truyền thông và công chúng;
- Nó mở đường cho tham nhũng, nhất là tham nhũng chính sách, và tệ nạn “đi cửa sau”;

- Nó có thể ngăn cản những chính sách tốt chỉ để phục vụ lợi ích cục bộ của một thiểu số.

PHÂN LOẠI NHÓM LỢI ÍCH

Căn cứ vào khía cạnh lợi ích và đối tượng hưởng lợi, người ta chia nhóm lợi ích thành hai loại căn bản:

1. Nhóm lợi ích tư: Là nhóm lợi ích có mục đích thúc đẩy hoặc bảo vệ lợi ích của các thành viên của nhóm. Thường các nhóm này đại diện cho những tầng lớp hay ngành nghề khác nhau trong xã hội: công nhân, người lao động, người tiêu dùng, người thiểu số. Công đoàn là một nhóm lợi ích tư điển hình.

2. Nhóm lợi ích công: Là nhóm lợi ích có mục đích thúc đẩy các giá trị, lý tưởng chung, lợi ích chung, chứ không phải hoặc không chỉ bảo vệ lợi ích của thành viên nhóm mình. Ví dụ: ủng hộ nữ quyền, chống nạn công an bạo hành, phản đối nạo phá thai, bảo vệ môi trường. Quỹ Bảo vệ Động vật Hoang dã (WWF) là một nhóm lợi ích công điển hình.

Trong các tổ chức thuộc nhóm lợi ích công, có một bộ phận rất đông đảo là các tổ chức phi chính phủ.

Tổ chức phi chính phủ (NGO)

Tổ chức phi chính phủ là các tổ chức phi lợi nhuận, do tư nhân thành lập, độc lập với các chính phủ (cả trong và ngoài nước), và hoạt động ôn hòa để đạt được mục đích hay là sứ mệnh của chúng.

NGO ra đời có lẽ đã từ lâu trong lịch sử thế giới. Tuy nhiên, khái niệm NGO chỉ trở nên phổ biến với sự thành lập Liên Hợp Quốc vào năm 1945, với Điều 71 Chương 10 Hiến chương Liên Hợp Quốc nói đến vai trò tư vấn, cố vấn của những tổ chức không phải là chính phủ cũng không phải là nhà nước thành viên Liên Hợp Quốc. Đó là các NGO.

Có nhiều loại NGO và nhiều cách phân loại chúng. Chẳng hạn, có thể chia thành hai loại NGO chính:

1. NGO hoạt động/ cung ứng dịch vụ công cộng: Mục đích là xây dựng và thực hiện các dự án phát triển và/hoặc cứu trợ. Ví dụ như các NGO về nước sạch nông thôn, nâng cao năng lực cán bộ địa phương, bảo tồn di sản.

2. NGO vận động: Mục đích là cổ súy, vận động cho một giá trị, lý tưởng, hay chính sách cụ thể nào đó. Ví dụ như nhóm Vận Động Ủng Cũ Đại Biểu Quốc Hội 2016 cổ súy cho phong trào tự ứng cử làm đại biểu Quốc hội Việt Nam và vận động cho quyền tham gia chính trị của người dân.

Tất nhiên cách phân chia này chỉ là tương đối. Nhiều NGO vận động vẫn có thể tham gia các dự án phát triển và cứu trợ khi họ thấy cần thiết. No-U là một tổ chức thành lập ngày 30/10/2011 với mục đích bảo vệ chủ quyền, chống chính sách bá quyền của Trung Quốc và chính sách ngoại giao hèn yếu của đảng Cộng sản Việt Nam. Sứ mệnh này được phản ánh trong slogan của họ – “xóa đường lưỡi bò, bảo vệ Tổ quốc”. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, No-U cũng thường xuyên làm thiện nguyện, cứu trợ đồng bào ở những nơi khó khăn.

Tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO)

Tổ chức phi chính phủ quốc tế về bản chất cũng là các tổ chức phi chính phủ – phi lợi nhuận, do tư nhân thành lập, độc lập với các chính phủ, hoạt động ôn hòa để thực hiện mục đích của mình – nhưng có quy mô quốc tế. Nghĩa là chúng hoạt động trên phạm vi quốc tế, đặt chi nhánh và làm việc tại nhiều nơi trên thế giới.

Trước năm 1895, số INGO trên toàn cầu không bao giờ vượt quá 50¹, nhưng sau đó con số bắt đầu tăng mạnh, đặc biệt kể từ sau Thế chiến II. Ngày nay, có tới hàng nghìn INGO khắp toàn cầu, trong đó, số INGO nổi tiếng và có ảnh hưởng cũng khoảng vài

¹ “International Nongovernmental Organizations and their Functions”, Kjell Skjelsbaek, International Peace Research Institute, 1975. Có trên mạng tại địa chỉ: <https://www.laetusingraesens.org/docs/funcun.php>

chục. Người Việt Nam hẳn từng nghe nhắc đến những cái tên như: CARE, OXFAM, Thầy thuốc không biên giới (Doctors without Borders), Ân xá Quốc tế (Amnesty International, AI), Giám sát Nhân quyền (Human Rights Watch, HRW), Hòa Bình Xanh (Green Peace)...

Các bạn chú ý phân biệt tổ chức phi chính phủ quốc tế – INGO – với tổ chức liên chính phủ – IGO. Tổ chức liên chính phủ tất nhiên không phải do tư nhân thành lập và không độc lập với các chính phủ. Ví dụ tiêu biểu là Liên Hợp Quốc (UN), và các cơ quan của nó, như Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), v.v.

Trong thời toàn cầu hóa, các NGO và INGO có vai trò rất quan trọng trên chính trường quốc tế. Chúng được coi như lực lượng đối trọng với các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia, và với các chính quyền. Chúng là những rường cột của xã hội dân sự quốc tế.

IGO cũng là những thế lực quan trọng, nhưng chúng là các cơ quan liên chính phủ và không phải là xã hội dân sự.

Human Rights Watch (HRW)

Tổ chức phi chính phủ quốc tế này được nhiều nhà hoạt động nhân quyền ở Việt Nam xem như bạn, trong khi Chính phủ Việt Nam xem như kẻ thù.

HRW ban đầu được thành lập bởi một người Mỹ, Robert L. Bernstein, vào năm 1978. Về sau, HRW phát triển thành một tổ chức chuyên nghiên cứu và thúc đẩy nhân quyền trên phạm vi toàn thế giới. Trụ sở của họ ở New York City, và họ có văn phòng ở nhiều nơi thuộc các quốc gia khác như: Amsterdam (Hà Lan), Geneva (Thụy Sĩ), Johannesburg (Nam Phi), Nairobi (Ai Cập), Sydney (Úc), Tokyo (Nhật Bản)... Tại khu vực Đông Nam Á, HRW không mở được văn phòng ở nước nào, chỉ có đại diện hoạt động không chính thức ở Bangkok. Có lẽ do các chính phủ trong khu vực đều không ưa gì tổ chức này.

Hàng năm, HRW xuất bản nhiều báo cáo về tình hình nhân quyền ở các nơi khác nhau trên thế giới. Họ từng có nhiều báo cáo về Việt Nam, như về vụ án Cù Huy Hà Vũ (2011), nạn công an bạo hành đối với dân thường (2016), và việc chính quyền dùng côn đồ hành hung các nhà hoạt động nhân quyền (2017).

Ông Phil Robertson, Phó Giám đốc Khu vực châu Á của HRW, là người bị chính quyền nhiều nước căm ghét, nhất là các nước như Việt Nam, Trung Quốc. Tuy nhiên, ông từng nói với người viết rằng: “Chính phủ Việt Nam nghĩ tôi chống cộng. Nhưng họ không hiểu rằng HRW không quan tâm tới chế độ nào cả, chúng tôi chỉ quan tâm đến nhân quyền. Bất kể là cộng sản hay không, nếu một nhà nước vi phạm nhân quyền, chúng tôi đều phản đối. HRW từng chỉ ra và chống cả những vi phạm nhân quyền ở chính nước Mỹ; điều này có lẽ quan chức Việt Nam không hề biết”.

Cũng theo ông Robertson, HRW có tiền sử chống cả các tập đoàn toàn cầu như Google, Yahoo!, nếu họ hợp tác với các nhà nước vi phạm nhân quyền.

Bài đọc

KHI CÓ QUÁ NHIỀU MỘT THỨ TỐT ĐẸP ¹

Việc các thiểu số nhỏ, tận tình, có thể lũng đoạn chính trị, đã gây lo ngại sâu sắc ngay từ thời các nhà tư tưởng sáng lập của nước Mỹ. Madison ² đã định danh chính xác vấn đề này, vấn đề mà ông gọi là “cái nguy của bè phái”, và ông cho rằng nó xuất phát từ nguyên nhân “sự bất ổn, bất công, và hỗn loạn trên thực tế đã là những căn bệnh chết người mà vì chúng, các chính quyền ở khắp nơi đều diệt vong”. Trong tiểu luận nổi tiếng của mình, Federalist Paper 51, ông lập luận rằng giải pháp duy nhất hiệu quả cho vấn đề này là hạn chế quyền tự do lập hội và biểu đạt, vì chúng giúp cho các nhóm như thể hình thành (“Liberty is to faction what air is to fire”: Tự do đối với phe phái thì cũng giống như không khí với lửa). Những phương thuốc này còn tệ hơn là căn bệnh, cho nên Madison nhanh chóng gạt bỏ nó đi.

Thay vì thế, Madison đặt niềm tin vào quy mô và độ phức tạp của nước Mỹ. Thứ nhất, ông cho rằng phe phái là các nhóm thiểu số, và họ sẽ không thể có đường nào mà đi bởi vì các phe phái khác – đông hơn về số lượng so với các nhóm thiểu số – sẽ lớn mạnh và làm tê liệt nhóm thiểu số. Ngay cả khi phe phái mạnh thì ở một nước rộng lớn và đa dạng như nước Mỹ, cạnh tranh sẽ bùng nổ giữa các phe phái và tất cả sẽ trung hòa lẫn nhau.

¹ “Too Much of A Good Thing”, trích từ sách “Future of Freedom” (Tương lai của tự do), tác giả Fareed Zakaria.

² James Madison, Tổng thống thứ tư của nước Mỹ, một trong bốn vị tổ khai quốc của Mỹ.

Than ôi, ở điểm quyết định này Madison lại nói sai. Có lẽ ông đã không tưởng tượng được rằng chính quyền lại có thể có nhiều bổng lộc lớn đến thế, tới mức nó thu hút hàng đàn các nhóm lợi ích cuồng tín. Nhưng vẫn còn một vấn đề về lý thuyết nữa trong lập luận của Madison. Olson đã chỉ ra rằng các nhóm lợi ích nhỏ thì dễ hình thành hơn, bởi vì thành viên của chúng được hưởng quá nhiều mà phần còn lại của đất nước thì lại ít bị thiệt. Đây là một phần của khái niệm mà ông gọi là “logic của hành động tập thể”. Nếu một nhóm 100 nông dân kết hợp lại để gửi kiến nghị cho chính phủ đòi 10 triệu USD, lợi ích mỗi nông dân giành được sẽ là 100.000 USD. Chi phí đổ lên đầu phần còn lại của đất nước chỉ là khoảng 4 xu một người. Vậy ai sẽ là người có nhiều khả năng hình thành lobby hơn, họ hay chúng ta? Hãy nhân con số này lên hàng nghìn lần và bạn sẽ hiểu vấn đề trung tâm của nền dân chủ Mỹ ngày nay.

Ngoài ra, các phe phái trên thực tế không trung hòa lẫn nhau. Hầu hết các nhóm lợi ích đều rất sung sướng khi thấy các nhóm khác cũng phát triển. Khi được hỏi là liệu ông có ủng hộ việc giảm bớt tài trợ ngân sách cho các nhóm đối thủ không, Bog Bergland, thuộc Hợp tác Xã Điện Nông thôn Quốc gia, nói: “Chúng tôi nghĩ rằng, có sự ủng hộ cho tất cả các bên là một lập luận rất hay”. Thực tế đó giúp thêm cho lý lẽ của bất kỳ nhóm nào – họ luôn có thể chỉ ra rằng nhóm khác cũng đang được tài trợ kia mà, tại sao lại phân biệt đối xử với họ? Càng đồng càng vui. Suy cho cùng, sẽ dễ hơn trong việc xin được một khoản miễn thuế đặc biệt cho mình nếu ta cổ súy việc đó cho tất cả các nhóm khác nữa. Kết quả là, chính sách công đã trở thành, không phải là tổng của các nhóm lợi ích trung hòa lẫn nhau và đạt tới một kết quả hợp lý, như Madison tưởng là đúng, mà là tích lũy những khoản tiền cho không của chính phủ, hết khoản này tới khoản kia, trong một con đường xuống dốc.

Bài đọc

**CÁI GÌ QUYẾT ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN
CỦA PHE NHÓM LỢI ÍCH? ¹**

Vai trò và tầm quan trọng của các nhóm lợi ích trong xã hội khác nhau tùy từng chế độ, tùy từng nhà nước, và tùy thời gian, thời đại. Những thành tố chính quyết định ảnh hưởng của nhóm lợi ích bao gồm:

- Văn hóa chính trị;
- Cơ cấu thể chế;
- Tính chất của hệ thống đảng;
- Tính chất của chính sách công.

Văn hóa chính trị mang tính ảnh hưởng quyết định đối với vai trò của nhóm lợi ích, bởi hai lý do. Thứ nhất, nó quyết định liệu các nhóm sẽ được coi là có tính chính danh hay không có tính chính danh, sự hình thành và ảnh hưởng của các nhóm là hợp pháp và được khuyến khích, hay ngược lại. Thứ hai, nó ảnh hưởng tới việc người dân có sẵn sàng thành lập và/hoặc tham gia các nhóm lợi ích, để qua đó tham gia vào chính trị không.

Một mặt, các chế độ có thể thực hành nhất nguyên luận, tức là đàn áp tất cả các hình thức tụ tập, lập hội tự nguyện, nhằm bảo đảm

¹ Dịch từ "Politics", Andrew Heywood, 3rd edition, Palgrave Foundations, 2007, trang 301-304.

chỉ có một trung tâm quyền lực nhà nước duy nhất và không thể bị thách thức trong xã hội. Hiện tượng này đặc biệt hay xảy ra trong các chế độ độc tài quân sự, các nhà nước độc đảng. Mặc dù không có nhà nước nào - hiện nay cũng như trong lịch sử - thành công trong việc dập tắt kỳ hết mọi hình thức hội nhóm và hoạt động hội nhóm, nhưng các thể chế nhất nguyên ít nhất cũng đã khiến hoạt động tụ tập, lập hội trở thành bất hợp pháp hoặc chỉ có thể được thể hiện thông qua bộ máy đảng-nhà nước và do đó bị cản trở, kìm hãm bởi các mục tiêu chính trị và ý thức hệ của chính quyền.

Mặt khác, các chế độ đa nguyên không chỉ cho phép các nhóm hội được tồn tại, mà còn khuyến khích và thậm chí đòi hỏi điều đó. Các nhóm có thể được mời tham gia vào việc xây dựng chính sách. Một trong những lý do khiến cho hoạt động nhóm nói chung rất mạnh ở Mỹ, là việc văn hóa chính trị Mỹ thừa nhận các nhóm tư có quyền được lên tiếng và được lắng nghe. Điều này được thể hiện rõ trong hiến pháp và được hiến pháp bảo vệ - đó là các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tụ tập, vân vân.

Ở Nhật Bản, không có sự phân biệt rõ ràng giữa không gian công và không gian tư, cho nên đã tạo ra một thứ văn hóa chính trị mà ở đó, trong cả giai đoạn dân chủ lẫn tiền dân chủ, người dân cho rằng chính quyền và giới doanh nghiệp có quan hệ thân thiết với nhau là lẽ đương nhiên.

Ngược lại, ở một số nước Âu châu, các nhóm lợi ích bị nhìn bằng con mắt nghi ngờ. Hiện tượng này đặc biệt đúng ở Pháp, nơi chịu ảnh hưởng của ý thức hệ Jacobin, do đó các nhóm bị coi là phá hoại “ý chí chung” của nhân dân, phá hoại sức mạnh và sự đoàn kết của nhà nước. Ở cao điểm vào năm 1975 chẳng hạn, chỉ có 24% lực lượng lao động Pháp gia nhập công đoàn - con số đó tới năm 1989 chỉ còn 13%. Tuy vậy, văn hóa chính trị Pháp vẫn đại diện cho một truyền thống hành động trực tiếp, như khi những người nông dân Pháp chặn đường sá, cướp xe tải để biểu tình, hay khi sinh viên và công đoàn nổi dậy trong các vụ bê bối chính trị tháng 5/1968.

Cơ cấu thể chế của chính quyền rõ ràng rất có ảnh hưởng đối với các nhóm lợi ích, theo nghĩa là nó thiết lập nên những cửa để người dân tiếp xúc với tiến trình chính sách. Hệ thống chính trị tập trung và thống nhất, như ở Anh, có xu hướng hạn chế ảnh hưởng của nhóm lợi ích và tập trung mọi việc vào tay nhánh hành pháp. Điều này không làm cho nhóm lợi ích trở nên khó tồn tại, nhưng sức nặng vẫn ở trong tay người bên trong chính quyền, và chính quyền có thể đáp ứng hoặc không đáp ứng trước áp lực của nhóm lợi ích.

Tương tự, ở Pháp, hoạt động của nhóm lợi ích cũng tập trung vào tham vấn trực tiếp chính quyền, đặc biệt với sự mạnh lên của vai trò tổng thống và sự suy yếu của Quốc hội trong nền Cộng hòa thứ năm (1958).

Ở Mỹ thì ngược lại, chính quyền phân tán và phi tập trung. Điều đó được phản ánh trong hệ thống quốc hội lưỡng viện, tam quyền phân lập, cơ cấu liên bang và cơ chế bảo hiến. Hệ thống chính trị Mỹ đặc biệt nhạy cảm với áp lực của phe nhóm lợi ích. Chẳng hạn, các nhóm đều biết rằng nếu đánh nhau thua ở Quốc hội thì có thể lôi nhau ra đánh tiếp ở tòa án, ở cấp liên bang hay cấp bang hay cấp địa phương, vân vân. Mặc dù hiện tượng đó chắc chắn là một chất kích thích cho việc hình thành các nhóm phái, và làm tăng số lượng các nhóm có ảnh hưởng, nhưng nó cũng có thể mang tính phá hoại, theo cái nghĩa là hoạt động của các nhóm cuối cùng lại đi đến loại trừ và hủy diệt lẫn nhau (trung hòa lẫn nhau). Có nhiều nhóm lợi ích có khi chỉ làm mỗi việc “phủ quyết” các nhóm khác.

Quan hệ giữa đảng phái và các nhóm lợi ích luôn luôn phức tạp. Nhiều khi, đảng và nhóm còn là đối thủ cạnh tranh của nhau. Trong khi đảng tìm cách tăng cường lợi ích và hoạch định nên các chương trình, chính sách, chủ yếu căn cứ vào các mục tiêu ý thức hệ, thì nhóm lợi ích chỉ quan tâm đến những vấn đề nhỏ hẹp hơn nhiều, những mục tiêu rất cụ thể. Tuy nhiên, nhóm lợi ích lại

thường tìm cách gây ảnh hưởng trong đảng và thông qua đảng, đôi khi còn tạo ra đảng nhằm tham gia tranh giành quyền lực. Nhiều đảng xã hội, như Công đảng Anh, là do công đoàn lập ra, và những mối liên hệ tài chính, cơ cấu... giữa họ vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Phe nhóm lợi ích có ảnh hưởng tới mức nào cũng còn tùy **hệ thống đảng**. Chế độ độc đảng, hoặc đa đảng mà một đảng chi phối tất cả, cũng có xu hướng thu hẹp ảnh hưởng của phe nhóm lợi ích, một cách tự nhiên, để mọi việc tập trung cả vào tay đảng cầm quyền. Do đó, những nhóm lợi ích trong các ngành sản xuất, kinh doanh, thương mại ở Ý và Nhật đều cố gây áp lực thông qua đảng cầm quyền - như đảng Dân chủ Thiên chúa Giáo, đảng Tự do-Dân chủ. Mặc khác, chế độ đa đảng là miếng đất màu mỡ cho hoạt động của các phe nhóm lợi ích, bởi vì đa đảng sẽ giúp cho các phe nhóm lợi ích có nhiều cửa để tiếp xúc với chính quyền hơn. Ảnh hưởng của giới lập pháp lên phe nhóm có lẽ là mạnh nhất ở Mỹ, nơi các đảng yếu cả về tổ chức lẫn kỷ luật. Điều đó thể hiện rõ vào cuối những năm 1970, khi các nhóm lợi ích phá hoại chương trình năng lượng của Tổng thống Jimmy Carter, bất chấp việc đảng Dân chủ có đa số trong cả Thượng viện và Nghị viện.

Cuối cùng, mức độ phát triển của phe nhóm lợi ích còn có quan hệ với những thay đổi trong **chính sách công**, đặc biệt là trong mức độ nhà nước can thiệp vào đời sống kinh tế và xã hội. Quy luật chung là, chủ nghĩa can thiệp (việc nhà nước ra các chính sách để điều tiết hay quản lý đời sống kinh tế, hay nói rộng ra là chính sách can dự, can thiệp nói chung của nhà nước) luôn đi cùng, tồn tại cùng, tay trong tay, với chủ nghĩa tập đoàn (việc các tập đoàn lớn, các nhóm lợi ích lớn kiểm soát, chi phối cả nhà nước), mặc dù người ta vẫn còn tranh cãi xem cái nào là nguyên nhân, cái nào là kết quả. Liệu các chính sách can thiệp có khiến chính quyền dấn sâu hơn vào quan hệ thân thiết với các nhóm lợi ích có tổ chức, nhằm thu được thông tin, sự tư vấn, lời khuyên và sự hợp tác? Hay liệu các nhóm có tận dụng khả năng tiếp cận với chính quyền để

xin bao cấp, viện trợ nhà nước, hay các khoản lợi khác, cho thành viên của nhóm mình? Cho dù câu trả lời là gì đi nữa thì cũng rõ ràng là, trong các nước phương Tây, sự thâm nhập của các nhóm lợi ích có tổ chức vào đời sống công cộng đã đi quá xa.

Hệ thống chính trị Thụy Điển là một ví dụ điển hình của hiện tượng này. Các nhóm lợi ích đã cấu thành một phần không thể thiếu trong sân khấu chính trị Thụy Điển, ở mọi cấp. Có những mối liên hệ, chưa nói là thân thiết, giữa công đoàn và Công đảng Dân chủ Xã hội (SAP). Tiến trình lập pháp ở Riksdag phải gắn với tham vấn rộng rãi các nhóm lợi ích có ảnh hưởng, quan chức nhà nước thì xem những tổ chức/hiệp hội “đỉnh” như là Liên đoàn Lao động Thụy Điển và Liên đoàn Các chủ lao động là “đối tác xã hội”.

Một mô hình tương tự, trong đó giới doanh thương có đại diện rất đáng kể, đã hình thành trong hệ thống chính trị Áo, nơi các nhóm lợi ích lớn trong thương mại, nông nghiệp và lao động đều có tiếng nói mạnh trong vấn đề lập pháp. Ở Đức, các nhóm lợi ích lớn như Liên đoàn Các Hiệp hội Chủ Lao động Đức, Liên đoàn Công nghiệp Đức, Liên đoàn Công đoàn Đức, đều tham gia rất sâu vào việc hình thành chính sách.

Chương VI

XÃ HỘI DÂN SỰ

Xã hội dân sự đã tồn tại từ rất lâu trong lịch sử loài người. Chẳng hạn, học giả Pháp Alexis de Toqueville từng đề cập tới những “hội nhóm chính trị” mà ông chứng kiến ở Hoa Kỳ trong chuyến thăm đất nước này vào năm 1831; chuyến thăm đó là khởi nguồn cho tác phẩm nổi tiếng “Nền dân trị Mỹ” của ông. Ở Việt Nam, xã hội dân sự cũng tồn tại từ xa xưa dưới hình thức những phường hội, họ tộc...

Tuy nhiên, cùng với sự nở rộ các NGO và INGO sau hai cuộc Thế chiến, khái niệm xã hội dân sự bỗng nhiên nổi lên trên chính trường quốc tế, và đặc biệt trở nên thời thượng ở Việt Nam từ khoảng giữa những năm 2000-2010, gắn với sự phát triển của Internet và toàn cầu hóa. Đặc biệt, từ năm 2011 – năm đánh dấu những cuộc biểu tình chống Trung Quốc đầu tiên được tập hợp thông qua facebook – khái niệm xã hội dân sự lại được gắn với dân chủ, nhân quyền. Các tổ chức xã hội dân sự, dĩ nhiên kể cả các NGO, được coi như các tổ chức đấu tranh vì sự thay đổi và dân chủ hóa Việt Nam; đồng thời, bị an ninh và tuyên giáo coi như thế lực thù địch, chống nhà nước.

Vậy, xã hội dân sự là gì?

ĐỊNH NGHĨA

Có rất nhiều định nghĩa về xã hội dân sự.

Học viện Công dân (ICEVN) đưa ra diễn giải và định nghĩa như sau: ¹

“Khái niệm xã hội dân sự đã được các triết gia về chính trị thuộc thời kỳ Khai Sáng ở Âu châu sử dụng, và khái niệm này đã theo thời gian mà thay đổi cho đến ngày hôm nay. Các tư tưởng gia như Hobbes, Locke, Rousseau dùng xã hội dân sự để chỉ một trạng thái xã hội khi con người đã bắt đầu sống quần tụ với nhau, khác với trạng thái thiên nhiên. Xã hội càng phát triển thì lại càng nảy nở thêm nhiều sắc thái và bộ phận khác nhau; do đó, các nhà tư tưởng thuộc thế kỷ 19 và thế kỷ 20 như Hegel, Marx, Gramsci, Diamond, v.v... đều có những khái niệm không giống nhau, và không thể thống nhất về một định nghĩa cho xã hội dân sự. Tuy nhiên, các học giả thuộc thế kỷ 20 đều đồng ý trên mẫu số chung sau đây của xã hội dân sự. Đó là sự hiện hữu của một lãnh vực công nằm giữa nhà nước, thị trường, và cá nhân. Chính trong lãnh vực công này mà các công dân hoạt động “nhằm biểu tỏ các mối quan tâm, tư tưởng, trao đổi thông tin, thực hiện các mục tiêu chung có tính chất hỗ tương, kiến nghị với nhà nước và buộc các viên chức nhà nước phải chịu trách nhiệm trong công vụ” (Diamond, 1994).

Theo Brian O’Connell, chủ tịch sáng lập của Independent Sector, lãnh vực công là miền hội tụ của 5 thành tố sau: Thành tố đầu tiên là các cá nhân, tiêu biểu cho quyền lợi riêng tư. Thành tố thứ hai là cộng đồng bao gồm gia đình, làng xóm, chùa chiền, các hội đoàn, v.v. Cộng đồng là nơi các cá nhân sinh hoạt và phát triển và cũng là nơi đại diện cho các quyền lợi tập thể. Cộng đồng chưa phải là xã hội dân sự; tuy nhiên cộng đồng và gia đình tạo nên một hệ thống giá trị căn bản về đạo lý và văn minh chung cần thiết cho đời sống của xã hội. Thành tố thứ ba là chính quyền. Thành tố này, thật đáng ngạc nhiên thay, lại thường bị bỏ sót trong các định nghĩa về xã hội dân sự. Chính quyền là một thành tố thiết yếu của xã hội nói chung và của xã hội dân sự nói riêng, vì chính quyền có thể

¹ Bài đăng trên trang mạng của Học viện Công dân: <http://icevn.org/vi/XaHoiDanSu>

giúp phát triển hay làm cản trở sự phát triển của xã hội dân sự. Thành tố thứ tư là sự tham gia tự nguyện; thành tố này chính là cốt lõi cho hoạt động của xã hội dân sự và thường hay bị lẫn lộn với xã hội dân sự. Thành tố cuối cùng là lãnh vực thương mại. Thành tố này có vẻ trái ngược với xã hội dân sự, vì chúng ta thường nghĩ đến các hoạt động vô vị lợi của các tổ chức thiện nguyện, trong khi nói đến thương mại là nói đến các hoạt động sinh lợi. Tuy vậy để có thể hoạt động được hữu hiệu mọi tổ chức thiện nguyện đều cần một số các phương tiện để hoạt động mà không tùy thuộc vào nhà nước, và từ đâu các tổ chức này có được phương tiện tài chính, nếu không từ lãnh vực thương mại? O'Connell nhận xét thêm: “Có rất nhiều công ty thương mại không có tí lương tâm xã hội gì cả, nhưng những công ty nào đã chấp nhận và chu toàn trách nhiệm xã hội đều có những đóng góp quý báu cho phẩm chất của cộng đồng và xã hội dân sự”¹.



No-U giúp xây dựng và tu bổ trường học ở Háng Để Sửa (Lao Chải, Yên Bái), tháng 9/2015.

Một học giả danh tiếng về chính trị, Giáo sư Larry Diamond, định nghĩa trong một tiểu luận xuất bản tháng 6/1997¹ để làm rõ xã hội dân sự là gì và không là gì:

¹ “Civil Society and the Development of Democracy” (“Xã hội dân sự và sự phát triển của dân chủ”), Larry Diamond, 1997.

“Xã hội dân sự là lĩnh vực đời sống xã hội có tổ chức, mở (hướng ngoại), tự nguyện, tự sinh sôi, ít nhất cũng tự nuôi sống được mình một phần nào, tự trị trước nhà nước, và bị ràng buộc bởi một trật tự pháp lý hoặc một tập hợp các quy tắc chung. Nó khác với khái niệm “xã hội” nói chung ở chỗ nó có sự tham gia hoạt động tập thể trong môi trường công cộng của công dân để biểu đạt những sự quan tâm, say mê, nguyện vọng, ý tưởng, quan điểm, để chia sẻ thông tin, để đạt các mục tiêu tập thể, để ra yêu cầu đối với nhà nước, để cải thiện cấu trúc và chức năng của nhà nước, và để làm cho các quan chức nhà nước phải có trách nhiệm giải trình.

Xã hội dân sự là một hiện tượng có tính trung gian, đứng ở giữa khối tư nhân và khối nhà nước. Do đó, nó không bao gồm đời sống cá nhân và gia đình, không bao gồm các hoạt động nhóm hướng nội (ví dụ, để thư giãn, giải trí, thờ cúng hoặc các hoạt động tâm linh), và không bao gồm các cơ sở tìm kiếm lợi nhuận mà các công ty kinh doanh mở ra. Đây là tất cả những chiều kích của một “hội hướng nội” (hay là, trong lĩnh vực thương mại, tìm kiếm lợi nhuận, đó là các “tổ chức kinh tế”) không liên quan đến đời sống dân sự và lĩnh vực công cộng. Tuy thế, như chúng ta sẽ thấy, chúng có thể góp phần tạo ra các thông lệ về văn hóa và các mô thức tham gia có ảnh hưởng lan tỏa vào lĩnh vực dân sự. Tương tự, xã hội dân sự khác với “tổ chức chính trị”, vốn bao gồm tất cả các tác nhân có tổ chức (trong một nền dân chủ thì chủ yếu đó là các đảng phái và các tổ chức vận động), mà mục tiêu chính là giành quyền kiểm soát nhà nước hay ít nhất là một vài vị trí cho họ trong bộ máy nhà nước. Các tổ chức và mạng lưới trong xã hội dân sự có thể hình thành liên minh với đảng phái, nhưng nếu họ bị cầm tù bởi đảng phái, hoặc bị chi phối bên trong đảng phái, thì họ sẽ chuyển lĩnh vực hoạt động của họ sang thành tổ chức chính trị và mất phần lớn khả năng thực hiện các chức năng trung gian và xây dựng dân chủ mà chỉ họ có”.

Cho đến nay, có nhiều định nghĩa về xã hội dân sự được các nhà khoa học, viện nghiên cứu, trung tâm xã hội công dân đưa ra, và trên cơ sở nghiên cứu các định nghĩa trên có thể thấy rằng xã hội dân sự bao gồm mọi nhóm và mọi hoạt động không bị “ràng buộc” bởi chính quyền: tổ chức chính trị, các hội kinh doanh, các tổ chức tôn giáo, hiệp hội truyền thông, tổ chức từ thiện, công dân, tổ chức phi chính phủ...

Xã hội dân sự, vì thế, không phải điều gì đó hay ai xa lạ. Xã hội dân sự là bạn, là tôi, là bất cứ ai mong muốn làm một điều gì để cuộc sống này tốt đẹp hơn. Chúng ta có thể giống hoặc khác nhau về nghề nghiệp, tính cách, hay hoàn cảnh sống, nhưng chỉ cần chúng ta chung tay vì cùng một lý tưởng, một niềm tin, cùng nhau hướng tới sự thay đổi mà mình mong muốn, chúng ta đã là một phần của xã hội dân sự.

iSEE tin rằng, một xã hội dân sự lành mạnh, minh bạch, hiệu quả và có tính trách nhiệm cao sẽ đóng góp tốt hơn cho sự phát triển chung của đất nước. Một xã hội dân sự phát triển sẽ tạo nhiều không gian tự do cho người dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình, trao đổi ý tưởng và kiến thức để sáng tạo, hợp tác và thúc đẩy cho mục đích chung. Một xã hội dân sự phát triển tốt cũng sẽ giúp cho việc thúc đẩy và bảo vệ quyền của những đối tượng yếu thế và thiệt thòi hơn như người dân tộc thiểu số, người đồng tính, song tính và chuyển giới.

Vậy bạn đã là một phần của xã hội dân sự chưa?

(Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường – iSEE)*

* <https://www.facebook.com/iseevn/videos/364849933671237/>

Sau khi chịu khó đọc hết các diễn giải và định nghĩa trên thì các bạn có thể thấy rằng xã hội dân sự được đặc trưng bởi những liên kết xã hội (giữa người với người) tự nguyện và phi lợi nhuận, nhằm chia sẻ và thúc đẩy những lợi ích chung. Có rất nhiều việc xã hội dân sự làm để chia sẻ và thúc đẩy lợi ích chung: phản biện chính sách; kiểm chế quyền lực nhà nước; bảo vệ nhân quyền và dân chủ; đào tạo, nâng cao năng lực; bảo vệ môi trường.

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI DÂN SỰ LÀ NHỮNG AI?

Sở tay hướng dẫn hoạt động xã hội dân sự do Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc (OHCHR) ấn hành định nghĩa chủ thể hoạt động dân sự là “những cá nhân và nhóm tự nguyện tham gia các hình thức tham gia và hành động vì việc chung, xoay quanh

các lợi ích, mục đích và giá trị được chia sẻ chung, phù hợp với các mục tiêu của Liên Hợp Quốc: bảo vệ hòa bình và an ninh, phát triển, và thúc đẩy cũng như tôn trọng nhân quyền”.¹

OHCHR cung cấp một số ví dụ như sau về người hoạt động xã hội dân sự:

- Những người bảo vệ nhân quyền, bao gồm cả các nhà hoạt động trên mạng;
- Các tổ chức nhân quyền (NGO, hội, hiệp hội, nhóm, các nhóm bảo vệ hoặc hỗ trợ nạn nhân);
- Các liên minh, liên hiệp, các mạng lưới (ví dụ để bảo vệ quyền phụ nữ, quyền trẻ em, môi trường, quyền đất đai, quyền của LGBT, v.v.);
- Người khuyết tật và các tổ chức đại diện cho họ;
- Các tổ chức cộng đồng – tức là các nhóm được thành lập ở một cộng đồng dân cư (ví dụ nhóm thổ dân, người dân tộc thiểu số, người nông thôn, v.v.);
- Các nhóm tôn giáo, tín ngưỡng (ví dụ nhà thờ);
- Các nghiệp đoàn (các hội nghề cũng như hội chuyên môn, như hội nhà báo, hội thẩm phán, hội luật gia, đoàn luật sư, hội sinh viên, v.v.);
- Các phong trào xã hội (phong trào vì hòa bình, phong trào sinh viên, phong trào dân chủ, v.v.);
- Các chuyên gia có đóng góp trực tiếp cho việc thụ hưởng quyền con người (nhân viên cứu trợ nhân đạo, luật sư, y bác sĩ, v.v.);
- Thân nhân của những nạn nhân trong các vụ vi phạm nhân quyền;
- Hội các nạn nhân trong các vụ vi phạm nhân quyền;
- Các thiết chế công cộng có chức năng thực hiện những hoạt

¹ “A Practical Guide for Civil Society: Civil Society Space and the United Nations Human Rights System”, Office of the UN High Commissioner for Human Rights, 2014.

động nhằm thúc đẩy nhân quyền (trường học, đại học, các viện nghiên cứu, v.v.);

- v.v.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI DÂN SỰ LÀ LÀM GÌ?

Chức năng chính của các chủ thể hoạt động xã hội dân sự, theo OHCHR, là nâng cao nhận thức về nhân quyền, hỗ trợ các cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng, xây dựng chiến lược, tác động đến chính sách và pháp luật (vận động), và thúc đẩy trách nhiệm giải trình của nhà nước.

Có thể phân chia hoạt động của xã hội dân sự ra làm ba mảng chính: phát triển, dân chủ và nhân quyền.

Các chủ thể hoạt động xã hội dân sự có thể hoạt động ở mọi phạm vi, mọi cấp: địa phương, quốc gia, khu vực, quốc tế.

Cụ thể hơn, các hoạt động đó bao gồm, chẳng hạn:

- Chống nghèo đói (Việt Nam gọi là “xóa đói giảm nghèo”);
- Chống tham nhũng;
- Thu hẹp bất bình đẳng kinh tế;
- Ứng phó với các thảm họa, các khủng hoảng nhân đạo, gồm cả xung đột vũ trang;
- Thúc đẩy nhà nước pháp trị và trách nhiệm giải trình của nhà nước;
- Thúc đẩy các quyền tự do công cộng – tức là các quyền tự do của tất cả các cá nhân trong một cộng đồng, như một toàn thể, ví dụ các quyền tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do tụ tập...;
- Cổ súy minh bạch ngân sách nhà nước;
- Bảo vệ môi trường;
- Thực hiện quyền phát triển;
- Nâng cao năng lực cho người thiểu số hoặc các nhóm người bị rủi ro khác;

- Nâng cao năng lực cho phụ nữ;
- Nâng cao năng lực cho thanh niên;
- Chống mọi hình thức phân biệt đối xử;
- Hỗ trợ hoạt động phòng chống tội phạm;
- Thúc đẩy trách nhiệm xã hội và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp;
- Chống buôn người;
- Chống ngôn luận thù hận, bôi nhọ, xúc phạm nhân phẩm;
- Thúc đẩy công lý;
- Bảo vệ người tiêu dùng;
- Cung cấp các dịch vụ xã hội;
- v.v.

“Nếu các lãnh đạo không lắng nghe dân, thì họ sẽ phải nghe dân – trên đường phố, trên quảng trường, hay là, như chúng ta vẫn thường thấy rất nhiều lần, trên chiến trường. Có một cách tốt hơn thế. Tham gia nhiều hơn. Dân chủ hơn. Tham gia sâu hơn và cởi mở hơn. Điều đó có nghĩa là mở rộng tối đa không gian cho xã hội dân sự”.

(Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Ban Ki-moon phát biểu, ngày 23/9/2013).

XÃ HỘI DÂN SỰ Ở VIỆT NAM

Như đã nói trong phần đầu Chương V này, ở Việt Nam, xã hội dân sự cũng tồn tại từ xa xưa dưới hình thức những phường hội, dòng tộc thời phong kiến. Sau đó, dưới thời Pháp thuộc, những tổ chức xã hội dân sự theo nghĩa hiện đại lần đầu tiên đã xuất hiện tại Việt Nam, như Hội Khai Trí Tiến Đức, Phong trào Duy Tân, Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Hướng Đạo Sinh, Hội Ánh Sáng (của Tự Lực Văn Đoàn). Tuy nhiên, sự thống trị của đảng Cộng sản ở miền Bắc, đi liền với các cuộc cải cách ruộng đất ở nông thôn, sau đó là ép dân vào hợp tác xã và khuyến khích theo dõi, chấm công điểm, tố giác lẫn nhau, đã khiến xã hội dân sự kiểu truyền thống vỡ ra từng mảnh. Việc theo đuổi mô hình xã hội kiểu xô viết của đảng

Cộng sản Việt Nam cũng đưa đến sự chấm dứt đối với các tổ chức dân sự hiện đại mới nhen nhóm hoạt động thời Pháp thuộc.

Ở miền Nam, sau ngày 30/4/1975, đảng Cộng sản chính thức cầm quyền. Trong những năm sau đó, đảng thực hiện đường lối toàn trị trên cả nước: xóa bỏ xã hội dân sự, kiểm soát toàn bộ đời sống kinh tế... (xem phần “hội chúng 6 điểm của chế độ toàn trị” ở Phần III, “Dân chủ”).

“Trong những năm sau khi thống nhất đất nước (năm 1975), Việt Nam không công nhận xã hội dân sự là một thành phần độc lập với nhà nước. Nhà nước thực hiện công tác huy động nhân dân thông qua các “tổ chức quần chúng” lớn kết nối với nhà nước từ trung ương đến cấp làng xã”.¹

1. Xã hội dân sự “chính thống”

“Sự kiện *đổi mới* vào năm 1986 là một bước ngoặt ở Việt Nam và đánh dấu một giai đoạn mới của sự cởi mở tương đối, bao gồm cả xã hội dân sự. Trong những năm 1990 cùng với đầu tư nước ngoài gia tăng, một số lượng đáng kể các tổ chức phi chính phủ (NGO) quốc tế bắt đầu hoạt động trong nước. Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam trong nước cũng đã hiện diện từ những năm 1990, mặc dù các tổ chức được công nhận là phi chính phủ chỉ là một phần nhỏ của xã hội dân sự ở Việt Nam”.²

CIVICUS (Liên minh Thế giới về Sự Tham gia của Công dân) cho rằng ở Việt Nam có bốn loại tổ chức xã hội dân sự chính:³

- Các tổ chức cộng đồng;
- Các tổ chức quần chúng;
- Các hội nghề nghiệp;
- Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam.

¹ “Báo cáo tóm tắt về xã hội dân sự Việt Nam”, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), tháng 10/2011.

² Như trên.

³ Như trên.

Các tổ chức cộng đồng

Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), “các tổ chức cộng đồng (CBO) có thể là phi chính thức hoặc liên kết với các tổ chức chính thức, nhưng, cũng tương tự như các phong trào cơ sở, nói chung là được các cấp chính quyền địa phương chấp nhận. CBO thường được khởi đầu bằng một mục tiêu phát triển địa phương – chẳng hạn như sử dụng nước, tín dụng, hoặc hỗ trợ cho một nhóm bên lề xã hội như người khuyết tật – và có thể kết hợp các thành viên của chính quyền địa phương và/hoặc các tổ chức đoàn thể. Các hoạt động cốt lõi của các CBO này là các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, cứu trợ nhân đạo, tự tổ chức, và phát triển chuyên môn. Tuy nhiên, chỉ từ những năm 2000, các CBO ở Việt Nam mới bắt đầu nhận được tiền từ các nguồn quốc tế”.

Các tổ chức quần chúng

Cũng theo ADB, “các tổ chức quần chúng được tài trợ một phần và do đó, không phù hợp trong một số định nghĩa của xã hội dân sự, nhất là khi tư cách thành viên không nhất thiết phải do sự hoạt động hoặc tham gia. Tư cách thành viên của một tổ chức quần chúng có thể đến thông qua việc làm ở khu vực công chẳng hạn. Tuy nhiên, các tổ chức quần chúng có liên kết ở cấp cơ sở rất mạnh và đông hội viên, đồng thời đang trở nên ngày càng độc lập kể từ giai đoạn *đổi mới*. Đây chính là trường hợp của Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, và Đoàn Thanh niên”.

Ta có thể thấy sự khéo léo diễn đạt “cho nhẹ vấn đề” của ADB ở đây. Thực tế là ở Việt Nam, có 5 tổ chức quần chúng lớn: Hội Cựu chiến binh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

5 tổ chức này được đảng Cộng sản Việt Nam thu xếp để “đại diện” cho 5 lực lượng nòng cốt trong xã hội là cựu chiến binh, công nhân, nông dân, phụ nữ, và thanh niên. 5 tổ chức này cũng là những cánh tay nối dài của đảng Cộng sản, khi mà lãnh đạo của chúng luôn là ủy viên Trung ương Đảng, nhận lương từ ngân sách

Nhà nước, kinh phí hoạt động cũng nhận từ ngân sách Nhà nước, và chức năng của chúng là tuyên truyền, giải thích đường lối chính sách của “Đảng và Nhà nước” đến người dân thay vì bảo vệ quyền lợi của các thành viên hay thúc đẩy lợi ích chung.

Bao trùm lên tất cả là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức quần chúng lớn nhất, “liên minh chính trị và liên hiệp tự nguyện của các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội và các cá nhân đại diện cho các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài”.

Không phải là chúng “được tài trợ một phần và do đó, không phù hợp trong một số định nghĩa của xã hội dân sự”, mà chúng đích thực là các tổ chức do chính quyền lập nên để phục vụ lợi ích của “Đảng và Nhà nước”, tức đảng và nhà nước cộng sản. Ta có thể gọi chúng là các GONGO – tổ chức phi chính phủ do chính phủ điều hành, tức là xã hội dân sự giả, do chính quyền lập nên để phục vụ lợi ích của mình và diễn trò dân chủ với cộng đồng quốc tế.

Các hội nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ

Bên cạnh CBO và các tổ chức quần chúng, hai loại tổ chức xã hội dân sự còn lại, theo CIVICUS, là các hội nghề nghiệp và các tổ chức phi chính phủ Việt Nam.

Các hội nghề nghiệp chịu sự kiểm soát chặt chẽ của đảng Cộng sản, nhất là hội của các nghề được xã hội chú ý, như hội nhà báo, hội nhà văn, hội luật gia, đoàn luật sư.

Đại đa số các tổ chức phi chính phủ tập trung vào những hoạt động như đào tạo nâng cao năng lực, cung cấp dịch vụ, và phát triển. Nguồn kinh phí của họ chủ yếu đến từ các dự án hợp tác với nước ngoài. Tất cả cũng đều chịu sự kiểm soát chặt chẽ của đảng Cộng sản, đặc biệt thông qua lực lượng an ninh với những bộ phận chuyên về “quản lý” các tổ chức có yếu tố nước ngoài.

Hầu như không có tổ chức nào trong khối xã hội dân sự “chính thống” ở Việt Nam thật sự độc lập và hoạt động để thúc đẩy dân

chủ-nhân quyền, nhà nước pháp trị, hoặc để bảo vệ các nhân quyền bị coi là “nhạy cảm” như các quyền dân sự và chính trị (tự do ngôn luận, tự do tụ tập, tự do biểu tình, tự do lập hội...).

* * *

2. Xã hội dân sự “ngoài luồng”

Trong những năm sau khi đảng Cộng sản bắt đầu công cuộc *Đổi Mới* (1986), lác đác đã có vài tổ chức chính trị tuyên bố thành lập với mục tiêu thúc đẩy dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam. Sớm nhất có lẽ là Câu lạc bộ Những người Kháng chiến cũ, một tổ chức dân sự mà thành viên nòng cốt là những người cộng sản có tinh thần phản tỉnh, như Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng... Câu lạc bộ chính thức ra đời (được cấp giấy phép) vào tháng 5/1986. Về sau, trong cơn lốc dân chủ hóa ở Đông Âu, nó đã bị chính quyền cộng sản thẳng tay đàn áp. Các thành viên tích cực đều bị bắt giam hoặc quản thúc tại gia. Tới năm 1990, nó bị đảng Cộng sản kiểm soát hoàn toàn.

Dĩ nhiên, các tổ chức cổ súy cho dân chủ, nhân quyền sau đó đều bị đặt ra ngoài vòng pháp luật; thành viên bị truy bức, đàn áp. Không rõ có tổ chức nào có giấy phép (đăng ký thành lập) không.

Ngày 08/4/2006, Khối 8406 ra đời với bản Tuyên ngôn Tự do Dân chủ 2006. Một lần nữa, những người đi tiên phong trong công cuộc đấu tranh cho dân chủ lại bị đàn áp. Một loạt người bị bắt vào năm 2007: Linh mục Nguyễn Văn Lý, luật sư Nguyễn Văn Đài, luật sư Lê Thị Công Nhân...

Ngày 09/9/2007, blogger Ba Sàm (tên thật Nguyễn Hữu Vinh) mở trang blog “Thông Tấn Xã Vĩa Hè”. Ngày 19/9/2007, blogger Điều Cày (Nguyễn Văn Hải) thành lập Câu lạc bộ Nhà báo Tự do. Có thể xem đây là những nhóm đấu tranh cho dân chủ-nhân quyền đầu tiên trên nền tảng Internet. Hai người sáng lập này về sau đều phải trả giá bằng những án tù nhiều năm.

Sáng chủ nhật 05/6/2011, cuộc biểu tình chống Trung Quốc đầu tiên được tập hợp thông qua facebook nổ ra tại cả Hà Nội và Sài Gòn. Trước đó, vào tháng 12/2007, blogger ở hai thành phố này cũng từng biểu tình, nhưng lời kêu gọi khi ấy xuất phát trên mạng Yahoo! 360°, và khác biệt quan trọng nhất giữa hai kỳ biểu tình là: Năm 2011 đánh dấu sự ra đời những tổ chức xã hội dân sự “không giấy phép”, bắt đầu tham gia vào cuộc chiến chống độc tài và bảo vệ nhân quyền, thúc đẩy dân chủ. Không giấy phép, bởi họ không có trụ sở, không có vốn điều lệ, không đăng ký thành lập, và chắc chắn là có “xin” đăng ký thì cũng chẳng được cấp giấy phép.

Ngày 10/8/2011, nhóm facebook đầu tiên tập hợp “100 bạn trẻ yêu nước xuống đường ngày chủ nhật” được thành lập, sử dụng tính năng tạo nhóm kín của facebook. Vài tháng sau, một số thành viên của nó đã có sáng kiến lập đội bóng No-U (có nghĩa là “nói không với đường chữ U”, hay là đường lưỡi bò của Trung Quốc, vốn ôm lấy 85% diện tích Biển Đông). Sinh nhật No-U được xác định là ngày 30/10/2011.

“Cùng chung tinh thần yêu nước, phần nộ trước hành vi xâm lấn của Trung Quốc, cùng cảnh ngộ bị đe dọa, bị đàn áp khi xuống đường, những người biểu tình đã gắn kết lại với nhau. Bóng đá cũng là môn thể thao làm cho con người dễ gần nhau, dễ gắn kết lại với nhau hơn cả. Đội bóng NO-U ra đời trong hoàn cảnh ấy”.

“Với tinh thần xóa đường lưỡi bò phi lý của Trung Quốc; Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam, đội bóng còn làm nhiều việc có ý nghĩa khác, trong đó có tổ chức một số chuyến thiện nguyện vì đồng bào nghèo, vì trẻ em ở nơi vùng sâu vùng xa” (blogger Nguyễn Tường Thụy).

No-U cũng ra mắt tại Sài Gòn vào ngày 27/11/2011.

Kể từ đó, khái niệm xã hội dân sự được gắn với dân chủ, nhân quyền và càng trở nên nhạy cảm trong mắt chính quyền. Các tổ chức xã hội dân sự không giấy phép bị an ninh và tuyên giáo coi như thế lực thù địch, chống nhà nước. Mục “Bình luận - Phê phán”

trên báo Nhân Dân, ngày 31/8/2012, còn đăng một bài xã luận nhan đề “Xã hội dân sự - một thủ đoạn của diễn biến hòa bình” của tác giả Dương Văn Cừ.

“Đáng chú ý là một số đối tượng cơ hội chính trị có quan điểm chống đối cực đoan đã lợi dụng một số tổ chức quần chúng hợp pháp để tổ chức các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn có nội dung đòi hỏi đưa Hiến pháp 1992 trở về Hiến pháp năm 1946, trưng cầu ý dân về Điều 4 cũng như toàn bộ Hiến pháp, lập Tòa án Hiến pháp, thúc đẩy XHDS và thực hiện các quyền tự do dân chủ, tự do ngôn luận, báo chí, lập hội theo tiêu chí phương Tây, tư hữu hóa đất đai... Nếu thực hiện các nội dung này theo ý đồ của họ thì chế độ XHCN thực tế sẽ không còn tồn tại ở Việt Nam. Đây là phương thức đấu tranh công khai rất nguy hiểm, nếu không cảnh giác có thể sẽ giúp các thế lực thù địch lợi dụng các tổ chức XHDS để đưa ra những kiến nghị nhằm thay đổi thể chế, thay đổi hệ thống luật pháp XHCN bằng luật pháp dân chủ, tư sản”.¹

Ngoài việc đàn áp công khai, lực lượng an ninh cũng phối hợp với dư luận viên theo dõi sát sao và đăng tải nhiều bài viết, video clip... đánh phá các tổ chức xã hội dân sự “ngoài luồng”, ghép cho họ các tội lỗi xấu xa như “ăn bám”, “ăn tiền ngoại bang”, “gây rối trật tự”, “gây bất ổn xã hội”, thậm chí “bán nước”, “phản bội Tổ quốc”. Tất cả các sản phẩm truyền thông này đều đánh đồng đảng Cộng sản với Tổ quốc, và đánh đồng sự tồn vong của chế độ với an ninh quốc gia, từ đó kết tội các tổ chức dân chủ-nhân quyền là chống phá đất nước.

Từ vị thế kẻ bị đàn áp, đánh phá và bôi nhọ như vậy, con đường để các tổ chức xã hội dân sự “ngoài luồng” đi tới chỗ được thừa nhận và hoạt động tự do ở Việt Nam còn rất dài.

¹. ““Xã hội dân sự” - một thủ đoạn của diễn biến hòa bình”, Dương Văn Cừ/ Nhân Dân, 31/8/2012. Có trên mạng tại địa chỉ: <http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/1252402-.html>

* * *

XÃ HỘI DÂN SỰ CÓ THỂ THAM GIA CHÍNH TRỊ KHÔNG?

Nhiều nhà hoạt động xã hội dân sự ở Việt Nam thường khẳng định rằng họ chỉ hoạt động xã hội dân sự để làm cho đất nước tốt đẹp lên, họ không mưu đồ lật đổ đảng Cộng sản cầm quyền và không định làm chính trị.

Nói như vậy có nghĩa họ hiểu chính trị là “việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước, do các đảng phái, tổ chức chính trị, và các cá nhân là chính trị gia thực hiện”, như cách định nghĩa thứ hai về chính trị mà chúng ta đã biết trong Chương I, Phần I.

Nói như vậy không sai. Tuy nhiên, nếu ta hiểu chính trị là “việc gây ảnh hưởng lên những người khác, chẳng hạn và rõ rệt nhất là tác động lên chính sách” như cách định nghĩa thứ tư ở Chương I, Phần I, thì xã hội dân sự tất nhiên là những thực thể có khả năng gây ảnh hưởng trong xã hội và tác động đến chính sách công.

Và, như đã nói ở phần đầu Phần V này, trong mục “Những kịch bản thay đổi ở Việt Nam theo hướng dân chủ hóa”, có một khả năng là xã hội dân sự phát triển mạnh, kéo theo các phong trào xã hội rộng lớn, đủ sức mạnh gây sức ép buộc đảng cầm quyền phải nhượng bộ. Ngoài ra, những nhà hoạt động xã hội dân sự nổi tiếng và được nhiều người yêu mến rất có thể trở thành những ứng viên tiềm năng để tranh cử vào các cương vị quản lý nhà nước trong một chế độ dân chủ, hậu cộng sản.

Vậy thì, với câu hỏi “xã hội dân sự có thể tham gia chính trị không?”, câu trả lời là có. Nỗi lo lắng và sự căm ghét của đảng Cộng sản Việt Nam đối với xã hội dân sự là không thừa.

Bài đọc

XÂY DỰNG KHÔNG GIAN CHO XÃ HỘI DÂN SỰ¹

5 thành tố căn bản để tạo ra và duy trì một môi trường an toàn, tạo điều kiện cho xã hội dân sự là:

- Một khuôn khổ pháp lý vững chắc phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế bảo vệ các quyền tự do chung và bảo vệ việc thực thi công lý một cách hữu hiệu;
- Một môi trường chính trị có lợi cho công việc của xã hội dân sự;
- Khả năng tiếp cận thông tin;
- Không gian cho khối xã hội dân sự tham gia vào tiến trình ra quyết định;
- Sự hỗ trợ cũng như nguồn lực dài hạn cho xã hội dân sự.

Bằng việc tạo ra những điều kiện đó, chính phủ, cộng đồng quốc tế và những bên có liên quan khác sẽ ở cương vị tốt hơn để nuôi dưỡng một bầu không khí tin cậy và hợp tác vì lợi ích của tất cả mọi người, ở cấp độ địa phương, quốc gia và toàn cầu.

KHUYẾN NGHỊ

Để có một khuôn khổ pháp lý mang tính hỗ trợ và tiếp cận công lý, các nước thành viên cần phải:

¹ “Practical recommendations for the creation and maintenance of a safe and enabling environment for civil society, based on good practices and lessons learned”, báo cáo của Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc, ra ngày 11/4/2016.

(a) Bảo vệ, trong luật pháp và trên thực tế, những quyền cần thiết cho những người làm xã hội dân sự hoạt động, kể cả quyền tự do quan điểm và biểu đạt và tự tập ôn hòa và hiệp hội, lẫn quyền tham gia vào các vấn đề công cộng, kể cả trên mạng;

(b) Xem xét lại và hủy bỏ hoặc sửa đổi tất cả những quy định của pháp luật mà ngăn chặn hoạt động tự do và độc lập của những người làm xã hội dân sự; đảm bảo rằng tất cả các đạo luật có ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của họ đều tuân thủ luật pháp và chuẩn mực quốc tế về nhân quyền và Tuyên bố về Những người bảo vệ nhân quyền; và sử dụng các công cụ, trong đó có những chỉ dấu về việc thực thi các quyền tự do nơi công cộng do OHCHR xây dựng;

(c) Để cho các tổ chức không đăng ký được vận hành, và đưa ra những quy định pháp lý và hành chính tối giản nhằm hỗ trợ việc thông báo đơn giản đến một cơ quan hành chính độc lập và khả năng tiếp cận với chi phí thấp hoặc miễn phí;

(d) Đảm bảo việc tiếp cận công lý thông qua một hệ thống tư pháp độc lập và hiệu quả, cũng như việc tiếp cận đến các định chế nhân quyền quốc gia phù hợp với Công ước Paris và các cơ chế nhân quyền khu vực và quốc tế;

(e) Đưa ra các cơ chế để phối hợp điều tiết hoặc tự điều tiết ở những lĩnh vực nơi các vấn đề về không gian dân sự có thể được xử lý bởi các tổ chức xã hội dân sự;

(f) Đảm bảo rằng tất cả các biện pháp chống khủng bố có ảnh hưởng tới xã hội dân sự đều tuân thủ tất cả luật pháp và chuẩn mực quốc tế về nhân quyền có liên quan.

Để có một môi trường chính trị và công cộng thuận lợi, các nước thành viên cần phải:

(a) Thể hiện sự ủng hộ chính trị ở cấp cao đối với sự độc lập và đa dạng của các hoạt động dân sự thông qua những tuyên bố công khai và những chiến dịch thông tin công khai;

(b) Xây dựng và thực hiện các chương trình hành động quốc gia để thực hiện Các Nguyên tắc Hướng dẫn Kinh doanh và Nhân quyền của Liên Hợp Quốc: Thực hiện khuôn khổ “Bảo vệ, Tôn trọng và Giải quyết” của Liên Hợp Quốc, gồm cả những cam kết nhằm thúc đẩy và khuyến khích sự tôn trọng và ủng hộ của khối kinh doanh dành cho những người hoạt động xã hội dân sự, trong nước và nước ngoài;

(c) Đảm bảo trách nhiệm giải trình về bất kỳ một hành vi đe dọa hay trả thù nào nhằm vào những người hoạt động xã hội dân sự, bằng cách bảo đảm điều tra nhanh chóng, toàn diện, không thiên vị, và đưa thủ phạm ra trước công lý;

(d) Phát triển hoặc cập nhật một khuôn khổ chính sách quốc gia và chương trình hành động quốc gia để hướng dẫn việc thực thi các khuyến nghị được trình bày trong báo cáo này và thực thi tất cả các luật và tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền liên quan đến không gian xã hội dân sự.

Để đảm bảo tiếp cận thông tin, các nước thành viên cần phải:

(a) Thông qua những đạo luật, quy định và chính sách rõ ràng, bảo đảm việc công bố thông tin chủ động từ các cơ quan nhà nước, kể cả những cơ quan thực hiện các chức năng công vụ, và trao quyền phổ quát được đề nghị và tiếp nhận những thông tin đó, chỉ chịu sự hạn chế của những ngoại lệ được quy định rõ ràng và rất hẹp, theo luật pháp và các chuẩn mực nhân quyền quốc tế; đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của các cơ quan tư nhân, khi mà thông tin đó là thiết yếu đối với việc thực thi hoặc việc bảo vệ nhân quyền; và trao quyền khiếu nại đến một cơ quan độc lập, trong bất kỳ trường hợp nào bị từ chối cung cấp thông tin;

(b) Đào tạo cho các quan chức nhà nước về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin và truyền bá thông tin tới cộng đồng về quyền tiếp cận cũng như các tiến trình để đạt được nó.

Để thực hiện sự tham gia của người dân vào triển khai chính sách, lên kế hoạch và ra quyết định, các nước thành viên cần phải:

(a) Công nhận quyền tham gia vào các tiến trình ra quyết định công cộng trong luật pháp. Điều này phải bao gồm thông tin kịp thời, rõ ràng, chính xác và phù hợp, với thông điệp và vấn đề dễ hiểu; tuyên truyền rộng rãi về đầu ra, cùng với sự mô tả tiến trình; lý do để chấp nhận hoặc bác bỏ các đề xuất hoặc thông tin đầu vào của khối xã hội dân sự; các cơ hội để phản hồi và sửa chữa; và cung cấp ngân sách thích đáng để có sự tham gia đó;

(b) Triển khai các chương trình hành động quốc gia về thu hút sự tham gia của những người làm xã hội dân sự, theo đó, tất cả các cơ quan nhà nước phải tham vấn xã hội dân sự trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách;

(c) Tích hợp các hình thức tham gia mới thông qua việc sử dụng ICT (công nghệ thông tin-truyền thông) và truyền thông xã hội như là phương tiện để tạo sự tiếp cận bình đẳng với thông tin và tham vấn rộng khắp;

(d) Đánh giá một cách có hệ thống xem liệu các cải cách về luật pháp và chính sách được đề xuất có ảnh hưởng tiêu cực đến phụ nữ hay không, hoặc có chứa đựng các yếu tố giới cụ thể hay không, hoặc có ảnh hưởng đến những bộ phận cụ thể trong dân số hay không;

(e) Đào tạo và hướng dẫn cho quan chức nhà nước hỗ trợ các tiến trình tham vấn kịp thời và hiệu quả.

Để tạo sự hỗ trợ và nguồn lực dài hạn cho các tổ chức xã hội dân sự, các nước thành viên cần phải:

(a) Thừa nhận rằng hạn chế một cách vô lý việc tài trợ là một sự vi phạm quyền tự do hiệp hội, đảm bảo rằng những người làm xã hội dân sự có thể tìm kiếm, tiếp nhận và sử dụng tiền tài trợ và các nguồn lực khác, dù là trong nước hay nước ngoài, mà không cần được sự cho phép trước và không có các cản trở vô lý khác; nếu không có những hạn chế đối với việc tiếp nhận tài trợ nước ngoài ở các cơ quan nhà nước hay cơ sở kinh doanh, thì cũng không được có hạn chế ở các tổ chức xã hội dân sự;

(b) Tài trợ một cách linh hoạt cho các tổ chức xã hội dân sự, với thủ tục đơn giản, và luân chuyển mọi nguồn quỹ cho các hoạt động xã hội dân sự thông qua những tiến trình công khai, minh bạch;

(c) Trong khuôn khổ các hoạt động tài chính thích hợp, áp dụng miễn thuế cho các tổ chức xã hội dân sự và khuyến khích bằng thuế cho những nhà tài trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngân hàng cho phép chuyển tiền xuyên biên giới;

(d) Tích hợp giáo dục nhân quyền và dân sự vào tài liệu giảng dạy và các chương trình đào tạo ở mọi cấp.

Khuyến nghị đến các thực thể khu vực và quốc tế

Các thực thể khu vực và quốc tế cần phải:

(a) Đảm bảo các cơ sở tiền đề an toàn cho xã hội dân sự và tư vấn trong trường hợp có hiểm nguy, đe dọa hay hành động trả thù;

(b) Thông qua các hoạt động và tiến trình của mình, tạo sự tham gia hiệu quả của xã hội dân sự, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về không phân biệt đối xử, tự do biểu đạt, tự do lập hội, tụ tập ôn hòa và quyền tham gia vào các vấn đề cộng đồng;

(c) Tăng cường minh bạch, thông qua các hình thức như webcasting, tổ chức các cuộc họp công khai, chẳng hạn, các cuộc họp của Ủy ban Các Tổ chức Phi Chính phủ của Hội đồng Kinh tế và Xã hội;

(d) Duy trì giám sát thường xuyên, xem xét lại và báo cáo về các vấn đề về không gian dân sự và những khó khăn thách thức ở tất cả các thực thể.

Bài đọc

XÃ HỘI ẢO... NHƯNG THẬT¹

... Vào ngày 13/7/2009, Yahoo! 360° đóng cửa. Ban đầu sự đóng cửa này trông có vẻ như một tổn thất nặng nề cho các blogger chính trị ở Việt Nam khi cộng đồng của họ tan vỡ. Một số người tự động chuyển sang Yahoo! 360° Plus, một nền tảng do văn phòng Yahoo! ở Việt Nam quản lý. Những người khác thì chọn wordpress, blogger, multiply, weblog, v.v... Tuy nhiên, họ nhanh chóng tự trở lại, lần này là ở một diễn đàn mới, mạnh và rất có sức ảnh hưởng: facebook. Các con số thống kê được cập nhật vào tháng 3/2013 cho thấy Việt Nam là một trong số những nước dẫn đầu về tỷ lệ tăng trưởng facebook, với 11 triệu tài khoản. Một chốn như vậy chắc chắn sẽ là một mặt trận đáng sợ đối với đảng Cộng sản.

Một số blogger chính trị nổi lên. Blog Ba Sàm trở thành “điểm gặp gỡ” của những người quan tâm đến tình hình chính trị. Ba Sàm là biệt danh của một blogger đặt tên cho blog của mình là Thông Tấn Xã Vía Hè nhằm giễu nhại Thông Tấn Xã Việt Nam. (Trong tiếng Việt, tin via hè cũng là từ lóng để chỉ những “chuyện cóp nhặt” hay “tin vịt” mà mọi người kể cho nhau nghe khi họ cà kê ở các quán cafe vỉa hè). Công việc mà các biên tập viên blog này làm từ trước đến nay là điểm tin hàng ngày về Việt Nam, bất kể là tin tức trên phương tiện truyền thông chính thống hay từ các

¹ Trích từ tiểu luận “Xã hội ảo... nhưng thật” (“Virtual Civil Society... But It’s Real”), Phạm Đoan Trang, đăng trong cuốn “Từ Facebook xuống đường”, NXB Hoàng Sa, tháng 6/2016.

blogger (các nhà dân báo), các cơ quan truyền thông quốc tế. Với mỗi tin, biên tập viên đăng đường dẫn và bổ sung thêm bình luận cá nhân về tin tức đó, thường là theo phong cách hài hước và châm biếm. Công việc này có vẻ quá đơn giản, khó có thể thu hút được một lượng độc giả lớn đến vậy – trên 100.000 người đọc mỗi ngày, một số lượng độc giả đáng mơ ước đối với bất kỳ tờ báo giấy nào của nhà nước. Nhưng chắc chắn, nó không đơn giản chút nào. Blog Ba Sàm thỏa mãn được những độc giả đã chán ngán hệ thống tuyên truyền nghiêm túc thái quá và vô hồn của nhà nước, đó là những người khao khát phương tiện truyền thông thay thế. Thông Tấn Xã Vía Hè có vẻ hấp dẫn hơn bất kỳ cơ quan truyền thông chính thống nào: Nó cung cấp một lượng tin tức đa dạng về tình hình chính trị, kinh doanh, giáo dục, khoa học và công nghệ trong nước cũng như quốc tế, với một phong cách chưa từng có - một sự kết hợp giữa ngôn ngữ thẳng thắn, hài hước của miền Nam và các phân tích phê bình của một trí tuệ thâm thúy kiểu miền Bắc.

Bên cạnh Ba Sàm, còn có một số blog nổi tiếng khác như Người Buôn Gió, Quê Choa, Xuân Diện và Trương Duy Nhất (Trương Duy Nhất bị bắt giam ngày 26/5/2013 theo Điều 258 Bộ luật Hình sự). Số lượng các blog chính trị đã tăng lên với tốc độ vượt ngoài dự đoán trong nhiều năm kể từ năm 2011, và hiện có khoảng 30 blog như thế – đây là một con số mà 4-5 năm trước đó không ai có thể hình dung nổi.

Không giống như truyền thông của Đảng hay thứ truyền thông bị kiểm duyệt chính thức, các phương tiện truyền thông thay thế này có tính tương tác rất cao: Quả thực, chúng là những diễn đàn trực tuyến, nơi mọi người tự do bình luận, và các tác giả có thể thảo luận, thậm chí tranh cãi với khán giả về chủ đề đang được bàn đến. Đặc điểm quan trọng này của “những tờ báo của dân” khiến cho chúng trở thành những điểm tụ hội lý tưởng cho mọi người, bất kể là ở trong nước hay ngoài nước, vô danh hay có danh tính rõ ràng, hội họp trên mạng. Một số người thậm chí còn trở nên nổi tiếng vì

các bình luận chứ không phải vì bài viết. Dân Làm Báo, một trong những blog bất đồng chính kiến lớn tiếng nhất, còn tự gọi mình là “thôn”. Từ đây một hình thức xã hội dân sự mới ra đời: xã hội dân sự trên mạng.

Các mối quan hệ trên mạng có thể đi đến chỗ ngoài mạng. Một số người nhanh chóng gặp gỡ ngoài đời thật và trở thành những nhóm nhỏ mà chắc chắn không đăng ký hay có sự công nhận nào của nhà nước. Họ làm nhiều việc thực tiễn: Họ giúp gia đình của các blogger bị bỏ tù như Điều Cày, Tạ Phong Tần và Anh Ba SG; họ đi tới các phiên tòa xử những người bất đồng chính kiến chính trị như nhà hoạt động pháp lý Cù Huy Hà Vũ; họ chia sẻ và thậm chí in những cuốn sách tự xuất bản về lĩnh vực cấm kỵ - chính trị. Và có lẽ quan trọng hơn cả, họ xây dựng nền tảng cho những cuộc biểu tình sắp nổ ra.

BÁO CHÍ NHÀ NƯỚC VÀ BÁO CHÍ LỀ DÂN

Trung Quốc dường như đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong tình hình chính trị Việt Nam. Ngoài quan điểm cho rằng đảng Cộng sản Trung Quốc duy trì sự can thiệp vô lý vào công việc nội bộ của đảng Cộng sản Việt Nam, có một thực tế là “phản đối Trung Quốc hung hăng” luôn được các blogger Việt Nam lấy làm lý do chính đáng cho các cuộc biểu tình, đặc biệt là trong bối cảnh tranh chấp biển đảo giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Ngày 26/5/2011, các tàu hải giám của Trung Quốc cắt cáp khảo sát địa chấn của tàu Bình Minh 2 của Tập đoàn Dầu khí Petro Việt Nam ngay tại vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Một làn sóng phản nộ lan khắp blog và facebook. Nhật Ký Yêu Nước (một trang facebook được tạo tháng 4/2009) kêu gọi biểu tình chống Trung Quốc, và kết quả là ngày 5/6, các cuộc biểu tình đã nổ ra ở cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng với trang facebook Nhật Ký Yêu Nước, Xuân Diên và Ba Sàm nổi lên như những điểm tụ hội nổi bật cho người biểu tình. Hai blog này đăng tải những thông báo

biểu tình, thậm chí kêu gọi công an “dọn đường cho người dân thực hành quyền tự do biểu đạt”.

Những lời kêu gọi như vậy là không thể chấp nhận được với chính quyền của một đất nước nơi mà từ năm 1975 khi chiến tranh kết thúc và đảng Cộng sản lên nắm quyền, biểu tình vẫn là một việc cấm kỵ. Có thể giải thích điều này bằng những gì mà một công an viên nói với tác giả trong một cuộc phỏng vấn tháng 7/2012: “Không bao giờ được để cho một đốm lửa nhỏ bùng lên thành đám cháy lớn. Phải dập tắt nó ngay khi còn có thể”. Một mặt, các nhà chức trách phản ứng lại ngay lập tức bằng việc huy động công an đến, sử dụng bạo lực để trấn áp biểu tình. Mặt khác, các chiến dịch đàn áp bắt đầu được triển khai trên Internet. Một kỹ thuật đơn giản là tấn công các trang web. Anh Ba Sàm, Quê Choa, Gốc Sậy và nhiều blog có ảnh hưởng khác thường xuyên bị hack, xóa dữ liệu và thay thế bằng những thông tin xúc phạm các nạn nhân. Mỗi cuộc tấn công trang web đều được cộng đồng blogger coi là một thảm họa, nhưng rất may là các blog thường được khôi phục khá nhanh chóng. Nhiều người cho rằng tất cả các cuộc tấn công trang web này đều là do công an mạng Việt Nam, thậm chí đôi khi là do hacker Trung Quốc, gây ra.

Cách thức kiểm soát Internet kinh điển – chặn trang web – cũng từng được sử dụng rộng rãi. Từ năm 2009, facebook, blogspot, multiply, v.v... đều thỉnh thoảng bị chặn. Công an cũng không từ bỏ việc khủng bố các blogger. Nhiều blogger đã bị công an triệu tập, thẩm vấn, câu lưu và công kích trong 5 năm trở lại đây. Xuân Diện bị Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội phạt tiền vì đã xuất bản những “nội dung xấu” trên blog.

Ngoài ra, các phương tiện truyền thông nhà nước cũng luôn được huy động triệt để cho việc “vận động quần chúng” chống lại những cuộc biểu tình mà hiện đang được gắn nhãn là “chống nhà nước”. Bộ máy truyền thông đại chúng đóng vai trò tích cực trong việc khiến người dân xa lánh những người biểu tình, đánh đồng

các bình luận phê phán chính phủ với hành động “bôi nhọ, nói xấu nhà nước”, và hạ uy tín của những blogger có vẻ như có ảnh hưởng đối với công chúng nhưng vẫn chưa bị bắt. Người biểu tình phản ứng lại bằng việc viết nhiều hơn nữa, chụp ảnh nhiều hơn nữa và chia sẻ nhiều hơn nữa trên facebook, youtube và blog.

Một số người tổ chức một cuộc biểu tình nhỏ trước cửa Đài Truyền hình Hà Nội để phản đối những phóng sự vu khống người biểu tình yêu nước. Cuộc biểu tình không thu được gì nhiều: Tổng giám đốc Trần Gia Thái và Đài Truyền hình với tư cách là cơ quan ngôn luận của Đảng bộ Hà Nội sẽ không bao giờ xin lỗi “đám phản động”. Nhưng ít nhất đây cũng là lần đầu tiên đài truyền hình quốc doanh này thấy được sự phẫn nộ của những khán giả bị đẩy làm nạn nhân.



Biểu tình phản đối Đài Truyền hình Hà Nội, 21/10/2011.

Dòng chữ trên giấy: “Các nhà báo, hãy tôn trọng sự thật!”

Journalists, respect the truth!”.

Cuộc chiến truyền thông trở nên dữ dội khi các quan chức bắt đầu “dùng blogger chống blogger”. Trưởng Ban Tuyên giáo của Thành ủy Hà Nội, Hồ Quang Lợi, trong một cuộc họp ngày 9/1/2013 tổng kết hoạt động báo chí tuyên truyền năm 2012, cho

biết Ban đã xây dựng một lực lượng 900 “dư luận viên” ở riêng Hà Nội “để phát huy sức mạnh của đội ngũ tuyên truyền”. Ông Lợi cho biết thêm, Ban Tuyên giáo cũng xây dựng thành công các nhóm chuyên gia trực tiếp tham gia bút chiến với người bất đồng trên Internet; cho đến thời điểm đó, họ đã có 19 trang tin và 400 tài khoản mạng. Những dư luận viên này là đội quân mạng thật sự hung hãn. Vô danh tính, và có lẽ học vấn kém, họ hành xử như những lính canh Internet, duyệt các blog chính trị và dội xuống bất cứ thứ ngôn ngữ độc địa và nguy hiểm nào họ có thể nghĩ ra.¹

Nhưng có vẻ như đã quá muộn để các nhà chức trách ngăn cản mọi người thành lập hội nhóm trên mạng và nói lên ý kiến của họ. Facebook, với tính năng hữu dụng cho phép người dùng tổ chức các nhóm kín, trở thành lựa chọn nền tảng số 1. Có vẻ như facebook càng bị chặn dữ dội bao nhiêu, người dùng facebook càng khao khát đăng nhập, và họ càng trở nên thành thạo về công nghệ bấy nhiêu. Không bức tường lửa nào có thể ngăn cản họ. Và những gì phải đến đã đến. Tháng 8/2011, khi cuộc bố ráp người biểu tình lên đến đỉnh điểm ở Hà Nội với lời cảnh báo chính thức từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội là sẽ giải tán tất cả các kiểu hội họp, những nhóm “người biểu tình yêu nước” đầu tiên đã được tạo ra. Có thể hiểu họ không bao giờ đăng ký vì sẽ không bao giờ được cấp phép. Lần đầu tiên trong lịch sử tiến trình dân chủ ở Việt Nam, những người bất đồng chính kiến có thể kết nối trong những nhóm dù hoạt động ngầm nhưng có tổ chức.

Trong vòng vài tháng kể từ tháng 8/2011, các nhóm hoạt động ngầm này phát triển thành một mạng lưới lớn gồm các nhà hoạt động trên khắp không gian Internet ở Việt Nam. Không ai thật sự biết hay có thể nói có bao nhiêu nhóm như vậy ở Việt Nam vào

¹ Ngày 25/12/2017 ở TP.HCM, tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác tuyên giáo năm 2017 và triển khai nhiệm vụ cho năm 2018, Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam công bố đã xây dựng “Lực lượng 47” (gọi tên theo Chỉ thị 47) với hàng chục nghìn thành viên để “đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch với đảng Cộng sản” trên không gian mạng.

thời điểm hiện tại – đây là điều lực lượng an ninh quả thật khao khát muốn nắm được. Đến thời điểm này chính quyền và lực lượng an ninh đã hoàn toàn ý thức được rằng biểu tình không còn là hoạt động “tự phát” nữa.



Biểu tình chống Trung Quốc tại Hà Nội ngày 24/7/2011.

Điều quan trọng hơn cả, những nhóm online này dần dà mở rộng mối quan tâm từ vấn đề tranh chấp chủ quyền giữa Trung Quốc và Việt Nam sang các vấn đề khác ở đất nước Việt Nam đương đại, chẳng hạn cuộc đấu tranh giành quyền sử dụng đất của nông dân. Từ những người biểu tình được truyền cảm hứng bởi tinh thần dân tộc, họ trở thành các nhà hoạt động dân chủ và nhân quyền. Với tình hình hiện tại, những nhóm này còn xa mới trở thành các đảng đối lập, nhưng ít nhất những người quan tâm đến các vấn đề chính trị-xã hội có thể tự hình thành nhóm với nhau, trong nhóm đó họ chia sẻ kinh nghiệm và kỹ năng đối đầu với an ninh, báo cáo lại những trường hợp vi phạm nhân quyền, làm từ thiện và cùng nhau phát động nhiều dự án xã hội khác nhau.

No-U FC là một ví dụ, đây là một đội bóng, các thành viên gặp gỡ nhau hàng tuần vào chủ nhật với mục đích bề ngoài là để đấu

bóng, nhưng mục đích thật sự lại là “vận động chống đường lưỡi bò của Trung Quốc” (hay đường chín đoạn, đường chữ U mà Trung Quốc thường dùng trong các yêu sách về chủ quyền của họ). Được thành lập vào tháng 10/2011, câu lạc bộ này nhanh chóng trở thành mục tiêu theo dõi và quấy nhiễu của an ninh. Nhưng điều đó không ngăn được câu lạc bộ mở rộng số lượng thành viên và các hoạt động xã hội như đi từ thiện, giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và tổ chức những buổi nói chuyện chuyên đề về các tranh chấp trên Biển Đông – các hoạt động mà nhà nước vẫn giữ vai trò độc quyền suốt hàng chục năm.

KẾT LUẬN

Trong nhiều năm, đảng Cộng sản đã thể hiện thành công hình ảnh Việt Nam ra thế giới như một đất nước nhỏ bé xinh đẹp có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế ấn tượng, chính quyền năng động và người dân mến khách. Có một niềm tin phổ biến rằng Trung Quốc và Việt Nam có lẽ là hai ví dụ nổi bật về việc một đất nước có thể đạt được tiến bộ kinh tế mà không cần đến cải cách chính trị, hay nói cách khác phát triển không nhất thiết đòi hỏi dân chủ.

Tuy nhiên, nhìn vào cuộc đấu tranh ngầm của các blogger chống lại giới cầm quyền đàn áp thô bạo có thể đưa đến một kiến giải khác hẳn. Thực tế là dưới bề mặt của sự phát triển kinh tế (mà đến bây giờ còn rất yếu) là những chính sách độc tài, một nhà nước tham nhũng và hà khắc dập tắt tiếng nói bất đồng và hạn chế các quyền tự do. Chắc chắn điều mà chính quyền này ghét nhất là trách nhiệm giải trình và tính minh bạch. Do đó, Internet với sức mạnh đưa mọi thứ ra ánh sáng nhanh chóng trở thành “kẻ thù của nhà nước”. Điều này đặc biệt đúng khi các phương tiện truyền thông xã hội bùng nổ ở Việt Nam. Khi phương tiện truyền thông chính thống lỗi thời không chiếm được cảm tình của độc giả và không gian công cộng rơi vào tay các blogger, các nhà chức trách liền dùng đến vũ lực.

Nhưng một khi người dân đã biết đến vị tự do, họ sẽ không từ bỏ nó. Dân chủ và tự do luôn có khuynh hướng mở rộng. Trong tiếng Việt có một phép ẩn dụ về cái trần nhà. Khi nhà cầm quyền ụp trần lên người dân, mọi người phải ở dưới cái trần ấy; nhưng nếu một số người đẩy được cái trần đó lên để không gian giới hạn kia được nở ra thêm chút ít, cả cộng đồng sẽ được hưởng lợi và họ sẽ muốn thêm nữa. Do đó, cái trần sẽ nhanh chóng bị đẩy lên thêm và mọi người sẽ hưởng thêm không gian, và thêm thêm tự do.

Mọi thứ cũng diễn ra tương tự với quyền tự do biểu đạt ở Việt Nam trong kỷ nguyên Internet.

Khó có thể khẳng định rằng các tổ chức xã hội dân sự đã và đang hoạt động hiệu quả và đóng góp vào tiến trình dân chủ của đất nước. Ta cũng không thể nói rằng nhờ có Internet, dân chủ diễn ra nhanh hơn và sẽ sớm có “mùa xuân Ả-rập” ở Việt Nam. Tuy nhiên, tất cả các hội nhóm được tạo ra trên Internet, dù tổ chức còn lỏng lẻo, thiếu kinh nghiệm chính trị, và còn lâu mới trở thành các đảng đối lập, vẫn là tiền thân của xã hội dân sự trong thực tế, việc này ít nhất có thể làm cho quần chúng quen với những ý niệm về một không gian tự do ít sự kiểm soát của nhà nước hơn. Lý tưởng là, các tổ chức xã hội dân sự online này sẽ là nguồn cung cấp những ứng viên ngoài đảng Cộng sản cho các cơ quan công quyền trong những cuộc bầu cử dân chủ tương lai.

Chương VII

PHONG TRÀO XÃ HỘI

ĐỊNH NGHĨA

Phong trào xã hội là một dạng hành động tập thể, tập trung vào một hoặc một số vấn đề kinh tế-xã hội nào đó, nhằm tiến hành thay đổi xã hội hoặc chống lại sự thay đổi.

Thế hành động tập thể là gì? Đơn giản, đó là hành động được tiến hành đồng loạt bởi một nhóm người. Nó khác hẳn với hành động cá nhân, là hành động chỉ của một người.

“Hành động tập thể” là một khái niệm mới đối với phần đông người Việt Nam, nhất là những người không nghiên cứu khoa học xã hội. Tuy nhiên, nó là khái niệm có mặt trong rất nhiều ngành khoa học xã hội trên thế giới: tâm lý học, xã hội học, nhân học, kinh tế học, chính trị học.

Và phong trào xã hội là một dạng hành động tập thể có mục đích (thực hiện thay đổi hoặc chống lại sự thay đổi xã hội), có tổ chức. Nó không tự phát như một cuộc bạo loạn, không hỗn loạn như khi một đám đông chen lấn, xô đẩy, hay như khi mọi người đổ xô đi mua chứng khoán hoặc ra ngân hàng rút tiền, tháo vốn ồ ạt...

Các bạn lưu ý: Phong trào xã hội không tự phát. Mọi hoạt động của nó đều là có chủ đích, có kế hoạch, nhằm đạt một mục tiêu xã hội chung.

SO SÁNH PHONG TRÀO XÃ HỘI VÀ ĐẢNG

Mặc dù có tổ chức, nhưng phong trào xã hội lại chỉ là phong trào mà không phải là tổ chức, và càng không phải là đảng.

- Phong trào xã hội khác tổ chức ở chỗ nó không có thứ bậc chặt chẽ, không có kỷ luật trên-dưới (rất khó có chế tài, hình phạt cho người vi phạm kỷ luật);

- Phong trào xã hội khác đảng chính trị ở chỗ nó không chỉ không có thứ bậc và kỷ luật trên-dưới, mà còn không hướng đến việc giành chính quyền, không nhằm giành một chỗ đứng nào trong chính trường.

Tuy nhiên, phong trào xã hội hoàn toàn có thể sinh ra đảng phái. Ví dụ: Phong trào quyền lao động sinh ra công đoàn, công đảng và các đảng xã hội. Phong trào bảo vệ môi trường sinh ra đảng xanh.

BA YẾU TỐ CẤU THÀNH PHONG TRÀO XÃ HỘI

Charles Tilly (1929-2008) là một trong những nhà khoa học chính trị hàng đầu nghiên cứu về phong trào xã hội. Trong lý thuyết của mình, ông cho rằng có ba yếu tố tạo nên một phong trào xã hội:

Thứ nhất là một chiến dịch vận động (campaign). Đó là một hoạt động có tổ chức, kéo dài, nhằm đưa các yêu sách tập thể đến đối tượng cần tác động để thay đổi, ví dụ chính quyền.

Thứ hai là các tiết mục để hoạt động (repertoire): Đó là một loạt hình thức hoạt động chính trị được sử dụng kết hợp, như thành lập tổ chức, hội thảo, cafe gặp gỡ, kiến nghị, ra tuyên bố, cầu nguyện tập thể, tuần hành, biểu tình, làm truyền thông, phát tờ rơi v.v. Có rất nhiều hoạt động như vậy. Tất cả đều phải nhằm truyền tải thông điệp đến đối tượng cần tác động, và công chúng.

Thứ ba là sự thể hiện nhất quán trước công chúng bốn đặc điểm, mà Charles Tilly gọi tắt là WUNC – ghép bốn chữ cái đầu bốn từ tiếng Anh:

- W: chính đáng, xứng đáng (worthiness)
- U: đoàn kết (unity)
- N: số lượng (number)
- C: dẫn thân, cam kết tham gia (commitment)

Có nghĩa là gì? Theo Charles Tilly, những người làm phong trào xã hội phải thể hiện cho công chúng thấy rằng:

- Về đạo đức, họ tốt, xứng đáng; sự nghiệp đấu tranh của họ là chính đáng;
- Về kỷ luật, họ đoàn kết;
- Về số lượng, họ mạnh, vì họ đông đảo;
- Về tinh thần, họ dẫn thân, cam kết tham gia.

Ngược lại, nếu những người làm phong trào xã hội thất bại trong việc thể hiện bốn yếu tố trên cho công chúng thì sao? Đơn giản là công chúng sẽ nghĩ rằng:

- Nếu không xứng đáng, chúng tỏ họ là người xấu.
- Nếu không đoàn kết, chúng tỏ họ không mạnh. Vừa là người xấu, vừa không mạnh, chúng tỏ: Hoặc họ chỉ là nạn nhân, hoặc là một lũ hề.
- Nếu không đông đảo, chúng tỏ họ không được đông người ủng hộ, không có tính chính danh.
- Nếu không cam kết, dẫn thân, họ sẽ không đi đến cùng.

Các bạn có thể thấy: Như vậy, đối với những người tiến hành một phong trào xã hội, làm gì (chiến dịch vận động, các tiết mục đi kèm) là rất quan trọng, và làm như thế nào cũng quan trọng không kém. Làm như thế nào – tức là phải thể hiện bốn đặc điểm WUNC như liệt kê ở trên.

Sự thể hiện nhất quán bốn đặc điểm đó có liên quan đến vấn đề tính chính danh mà chúng ta đã bàn ở Chương II, Phần II. Nói cách khác, người làm phong trào xã hội phải thể hiện được WUNC để thu hút quần chúng, tạo ra và củng cố niềm tin của quần chúng vào phong trào.

- “Quanh đi quanh lại, lần nào biểu tình cũng chỉ chùng ấy gương mặt cũ rích, những luận điệu cũ rích”: Đây là lập luận đánh vào vấn đề số lượng của phong trào dân chủ, không đông đảo, chứng tỏ không được lòng dân (N).

- “Suy cho cùng cũng toàn là một lũ anh hùng bàn phím, thấy xe công an đến là chạy như vịt, vào đồn là nhận tội hết”: Đây là lập luận nhằm nhấn mạnh rằng những người hoạt động nhân quyền không đủ ý chí dấn thân (C).

Sau khi đã tìm hiểu đến đây về phong trào xã hội, nếu bạn còn hứng thú thì có thể tìm kiếm thêm các tài liệu, sách báo nghiên cứu về chủ đề này. Trong khuôn khổ một phần nhỏ của một chương sách, chỉ có thể nói rằng: Phong trào xã hội là một dạng hành động tập thể có mục đích, có tổ chức. Người tổ chức phong trào xã hội phải đủ tầm chiến lược và khả năng chiến thuật để tạo ra một chiến dịch vận động với thông điệp thống nhất, nhiều hoạt động đi kèm (đòi hỏi người tổ chức phải càng sáng tạo càng tốt), và luôn nhớ đến việc thể hiện thống nhất bốn yếu tố WUNC.

CÁC GIAI ĐOẠN CỦA MỘT PHONG TRÀO XÃ HỘI

Các nhà nghiên cứu cho rằng theo thời gian, có thể chia một phong trào xã hội ra thành bốn giai đoạn.

1. Giai đoạn nổi lên

Trong giai đoạn này, sự bất mãn bắt đầu xuất hiện, khi mọi người đều thấy rằng có điều gì không ổn.

“Những người tiềm năng tham gia phong trào có thể không hài lòng với một chính sách hoặc tình trạng xã hội nào đó, nhưng họ chưa có hành động gì để xử lý mối phần uất của họ, hoặc nếu có thì rất có thể là hành động cá nhân chứ không phải tập thể. Một người có thể bình luận với bạn bè và gia đình rằng anh ta/cô ta không hài lòng với hiện tình, hoặc có thể viết thư gửi đến tờ báo địa phương hoặc vị đại diện địa phương, nhưng các hành động này không có

tính chiến lược và tính tập thể. Hơn nữa, có thể có sự gia tăng những tin bài mà các phương tiện truyền thông công bố về tình trạng tiêu cực hoặc các chính sách không được ưa thích, điều đó cũng góp thêm vào sự bất mãn chung”.¹

2. Giai đoạn hợp nhất

Đây là giai đoạn mà phong trào xã hội tự định hình, tự phát triển một chiến lược thu hút người mới, và ra công khai. Có thể có biểu tình, tuần hành... và thu hút giới truyền thông.

“Ở giai đoạn này các cuộc biểu tình quần chúng có thể diễn ra để thể hiện sức mạnh của phong trào xã hội và để làm các yêu cầu rõ ràng hơn. Quan trọng nhất, đây là giai đoạn mà tại đó phong trào trở thành một thứ vượt hơn mức các cá nhân bức xúc ngẫu nhiên gặp nhau, ở điểm này chúng có tính tổ chức và có chiến lược trong tầm nhìn của mình”.²

3. Giai đoạn hành chính hóa

Trong giai đoạn này, phong trào phụ thuộc vào tài năng của một số lãnh đạo và nhất là sự chuyên nghiệp của các nhân viên. Có thể, phong trào mới tồn tại lâu dài được.

“Các phong trào xã hội trong giai đoạn này không còn chỉ dựa vào các cuộc tuần hành của quần chúng hoặc các nhà lãnh đạo gây cảm hứng để tiến tới mục tiêu và tạo lập các tổ nhóm cử tri nữa; chúng phải dựa vào những nhân viên được đào tạo để thực hiện sứ mệnh của tổ chức. Trong giai đoạn này, quyền lực chính trị của phong trào xã hội lớn hơn trong các giai đoạn trước đó ở chỗ chúng có thể tiếp cận thường xuyên hơn với giới tinh hoa chính trị. Nhiều phong trào xã hội không hành chính hóa được theo cách này và kết cục là thất bại do các thành viên khó duy trì được cảm hứng cần thiết và vì việc huy động liên tục quần chúng trở nên khó khăn quá

¹. “Four Stages of Social Movements”, Jonathan Christiansen, trong “Theories of Social Movements”, Salem Press, 2011.

². Như trên

mức đối với người tham gia phong trào. Việc hành chính hóa thường có nghĩa là các nhân viên được trả lương có thể thể chỗ vào khi không sẵn có các tình nguyện viên thừa nhiệt tình”.¹

4. Giai đoạn thoái trào

Thoái trào là giai đoạn kết thúc một vòng đời của phong trào xã hội. Tuy nhiên, từ “thoái trào” không mang nghĩa tiêu cực, ám chỉ sự thất bại. Thoái trào có thể diễn ra theo các hình thức như:

- Bị đàn áp và dập tắt, do lực lượng đối đầu – thường là chính quyền – quá mạnh;
- Bị sáp nhập, ví dụ thỏa hiệp với chính đối tượng mà ban đầu dự định tác động, chấp nhận đối tượng và làm việc luôn cho họ;
- Thành công, đạt được các mục tiêu đề ra, nên kết thúc hoạt động;
- Thất bại, chiến lược phá sản, nội bộ chia rẽ và tan vỡ, nên kết thúc hoạt động;
- Được xác lập tư cách chính thống, hòa nhập vào hệ thống kinh tế-chính trị, nên kết thúc hoạt động.

Theo Jonathan Christiansen, lý thuyết về bốn giai đoạn của phong trào xã hội có thể giúp giới nghiên cứu hiểu được cách thức mà các phong trào xã hội gây ảnh hưởng đến xã hội. Thông qua việc phân tích những phong trào xã hội xuất hiện tại các thời điểm và giai đoạn nào đó, các nhà xã hội học có thể hiểu sâu hơn về sự vận hành của xã hội và những thay đổi mà nó kinh qua.

Phong trào xã hội được nhiều người Việt biết tới nhất có lẽ là phong trào đòi quyền dân sự của người da đen ở Mỹ vào những năm 1950-1960, với một gương mặt lãnh đạo xuất chúng – mục sư Martin Luther King. Phong trào Công đoàn Đoàn kết ở Ba Lan cũng được biết đến ít nhiều. Còn ở Việt Nam, phong trào bảo vệ cây xanh tại Hà Nội năm 2015 đã hình thành và phát triển như một phong trào xã hội, tiếc là nó chỉ bó hẹp trong phạm vi thủ đô Hà Nội và bị đàn áp quá mạnh nên ảnh hưởng không rõ nét.

¹ Như trên

Phần VI

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Phần này giới thiệu với độc giả một nội dung cực kỳ quan trọng của khoa học chính trị: mô hình tổ chức bộ máy nhà nước.

Nó sẽ giúp các bạn hình dung được bộ máy nhà nước trong một chế độ dân chủ thì nên như thế nào (không phải là “phải” như thế nào), bằng việc điếm qua một số mô hình phổ biến của thế giới. Qua đó, bạn sẽ hiểu rõ hơn về tam quyền phân lập, về chức năng của từng nhánh quyền lực – lập pháp, hành pháp, tư pháp, cũng như sẽ hiểu rõ hơn là một đại biểu quốc hội (đại diện cho dân) có thể kiêm luôn chức bộ trưởng (một chức vụ trong chính phủ) không, nếu có thì có gì đúng hay sai?

Ở Phần VI này, bạn cũng sẽ tìm hiểu thêm về hai lực lượng có vai trò rất phức tạp dưới chính quyền của đảng Cộng sản Việt Nam: công an và quân đội. Nhưng trước hết, chúng ta bắt đầu với một thứ khế ước xác định mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và nguyên tắc của mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân: Hiến pháp.

Chương I

HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT

HIẾN PHÁP LÀ GÌ?

Hiểu một cách đơn giản nhất thì hiến pháp là một bản thiết kế ban đầu, xác định tổ chức bộ máy nhà nước và xác lập quyền hạn, trách nhiệm của nhà nước và công dân. Nó có thể là văn bản (hiến pháp thành văn) hoặc không phải văn bản (hiến pháp bất thành văn).

Woolsey định nghĩa hiến pháp là “tập hợp những nguyên tắc mà dựa theo đó, các nhánh quyền lực của một nhà nước, quyền hạn của một nhà nước, và quan hệ giữa hai cái đó, được điều chỉnh”.¹

Bouncier định nghĩa hiến pháp là “luật căn bản của một quốc gia, hướng dẫn các nguyên tắc mà dựa theo đó chính quyền được thành lập, và điều chỉnh việc thực thi quyền tối cao, trực tiếp chỉ định ba nhánh quyền lực sẽ bao gồm những cơ quan nào và cách thức thực thi quyền lực của chúng”.²

Charles Baregeaud thì định nghĩa hiến pháp là “luật căn bản mà các mối quan hệ giữa các cá nhân hay người dân thường và cộng đồng được xác định theo đó. Nó có thể là một văn kiện, một văn bản chính xác hoặc một loạt các văn bản, được thông qua vào một thời điểm nhất định bởi một quyền lực tối cao, hoặc nó có thể là kết

¹ “Political science”, Government of Tamilnadu, India, 2003

² “Political science”, Government of Tamilnadu, India, 2003

quả tương đối của một loạt các đạo luật, nghị định, quyết định của tòa án, tiền lệ hoặc tập quán với những nguồn gốc khác nhau và mức độ quan trọng khác nhau”.¹

Còn rất nhiều định nghĩa khác nữa về hiến pháp. Tuy nhiên, từ các định nghĩa nói trên, ta có thể rút ra một số đặc điểm chung của mọi hiến pháp là:

- Là đạo luật căn bản (luật nguồn);
- Có thể thành văn hoặc bất thành văn;
- Quy định cấu trúc và quyền lực của nhà nước;
- Quy định quyền của công dân;
- Quy định mối quan hệ giữa chính quyền (bên cai trị) và dân chúng (bên bị cai trị);
- Là luật tối cao của một quốc gia mà mọi người đều phải tuân theo, cao hơn mọi đạo luật khác.

TẠI SAO PHẢI CÓ HIẾN PHÁP?

Dù thành văn hay bất thành văn, hiến pháp cũng là đạo luật căn bản không thể thiếu của mỗi nhà nước, vì một số lý do. Nhà nước nào cũng cần có hiến pháp để:

- Giới hạn quyền lực của nhà nước trước nhân dân, không để nhà nước lạm quyền;
- Bảo vệ quyền công dân, bảo vệ tự do;
- Ngăn chặn tình trạng vô chính phủ;
- Xác định bộ máy nhà nước ổn vững, ngăn chặn hoặc hạn chế tác hại của những biến động chính trị trong hiện tại và tương lai.

Ở khía cạnh tinh thần, hiến pháp cũng là điều cần thiết để gắn kết người dân với chính quyền và nhất là với nhau trong một nguyện vọng chung là được tồn tại, chung sống cùng với nhau trong một đất nước.

¹. “Political science”, Government of Tamilnadu, India, 2003

Cũng cần nói thêm rằng, mọi nhà nước đều cần có hiến pháp. Điều đó hàm ý rằng mỗi chính quyền với một thể chế (chế độ, hay hệ thống chính trị) tương ứng đều cần có hiến pháp. Với nhiều quốc gia chuyển đổi thành công sang dân chủ, một trong những việc đầu tiên mà chính quyền mới cần làm là soạn thảo hiến pháp mới hoặc sửa đổi hiến pháp cũ. Một số ví dụ có thể kể đến: Philippines (1986), Nam Phi (1994)...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA HIẾN PHÁP

Hiến pháp có thể dài hay ngắn, có thể có nhiều hay ít điều khoản, nhưng nội dung chính của mọi bản hiến pháp phải bao gồm:

- 1. Hình thức và tổ chức bộ máy nhà nước;
- 2. Chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, quyền hạn của chúng, và mối quan hệ giữa chúng với nhau;
- 3. Những quyền cơ bản của công dân;
- 4. Quan hệ giữa chính quyền và nhân dân;
- 5. Chế độ kinh tế của quốc gia;
- 6. Thủ tục thông qua, sửa đổi hiến pháp và giải quyết xung đột giữa hiến pháp và các luật dưới hiến pháp.

THỦ TỤC XÂY DỰNG VÀ THÔNG QUA HIẾN PHÁP

Quy trình này khác nhau ở mỗi nước. Cơ quan soạn thảo hiến pháp cũng khác nhau. Theo một thống kê thì trong số 194 quốc gia trên thế giới: ¹

42%	Cơ quan lập pháp soạn thảo hiến pháp
17%	Hội đồng lập hiến soạn thảo hiến pháp
10%	Hội đồng do chính phủ chỉ định soạn thảo hiến pháp
9%	Hội đồng do quốc hội chỉ định soạn thảo hiến pháp

¹ “Overview of the constitution-making process”, Midan Masr.

6%	Đàm phán, thương lượng hòa bình tạo thành hiến pháp
6%	Hội đồng lập pháp đương thời, được chỉ định tạm thời trong thời kỳ chuyển giao, soạn thảo hiến pháp
5%	Ban chấp hành trung ương đảng soạn thảo hiến pháp
3%	Một đại hội quốc dân soạn thảo hiến pháp
2%	Một bàn tròn soạn thảo hiến pháp

Do hiến pháp là một bản kế ước, thỏa thuận giữa chính quyền với nhân dân, cho nên nhất thiết phải có sự tham vấn (lấy ý kiến) nhân dân và thảo luận, phản biện cả trước và sau khi dự thảo hiến pháp ra đời. Tất nhiên, việc soạn thảo thì chỉ nên giới hạn trong một nhóm người, thường là các chuyên gia pháp lý, chứ không phải dành cho một số đông tham gia. Ở Việt Nam, Khoản 1 Điều 70 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 quy định Quốc hội là cơ quan làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật.

Phê chuẩn, hay phúc quyết, hiến pháp là tiến trình mà thông qua đó, hiến pháp có hiệu lực chính thức. Có hai cách thức chính là: 1. Quốc hội phê chuẩn; 2. Trưng cầu dân ý toàn quốc. Ở Mỹ, soạn thảo hiến pháp mất bốn tháng nhưng quá trình phê chuẩn kéo dài tới 40 tháng.

CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT, TRANH CHẤP

Tất cả các hiến pháp đều cần quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền phán xét tính hợp hiến của một đạo luật hay quy định nào đó của các cơ quan nhà nước. Ở các quốc gia lâu nay, cơ quan có thẩm quyền đó thường là tòa án tối cao (tối cao pháp viện) hoặc tòa án hiến pháp (tòa bảo hiến). Tối cao Pháp viện Hoa Kỳ, thành lập năm 1789, được coi là tòa bảo hiến cổ nhất thế giới, vì nó là tòa án đầu tiên trên thế giới có thẩm quyền tuyên vô hiệu một đạo luật nào đó nếu đạo luật ấy vi phạm hiến pháp (vi hiến).

Nhiều nước khác thành lập những tòa án riêng biệt chỉ giải quyết các vấn đề xoay quanh hiến pháp và bảo vệ hiến pháp. Tòa bảo hiến riêng biệt đầu tiên trên thế giới được thành lập ở Áo vào năm 1920.

Ở Việt Nam, không có tòa bảo hiến riêng, và Tòa án Nhân dân Tối cao cũng không có thẩm quyền diễn giải Hiến pháp. Khoản 2 Điều 74 nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ và quyền giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh. Điều 119 Hiến pháp quy định “Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật định”.

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

Ở Việt Nam, bản “khế ước xã hội” mang tên Hiến pháp lâu nay thật ra không phải là khế ước, bởi nó không thể hiện ý chí của cả hai bên – người dân, hay chủ nhân của đất nước, và chính quyền. Hiến pháp của nước Việt Nam thời cộng sản thuần túy do đảng Cộng sản cầm quyền áp đặt lên người dân, thông qua một quốc hội mà tuyệt đại đa số thành viên là đảng viên cộng sản. Hiến pháp cũng được xem là sự thể chế hóa cương lĩnh của đảng Cộng sản, còn luật pháp là sự thể chế hóa các nghị quyết của đảng. Bản thân Hiến pháp có nhiều điều luôn thông theo cụm từ “theo quy định của pháp luật”, “do pháp luật quy định”, ví dụ:

Điều 23: “Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”.

Điều 25: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”.

Điều 30: “Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật”.

Điều 54: “Việc thu hồi đất phải công khai, minh bạch và được bồi thường theo quy định của pháp luật”.

CƠ CHẾ BẢO HIẾN

Bảo hiến tức là bảo vệ hiến pháp. Ở các nước phương Tây, nhất là Mỹ, có một thủ tục gọi là “judicial review”, dịch sát nghĩa là “xem lại, xét duyệt lại luật pháp”, cũng chính là cơ chế bảo hiến. “Xem lại,

xét duyệt lại luật pháp” là việc cơ quan tư pháp xem xét, thẩm định lại và có thể tuyên vô hiệu một đạo luật, nghị định hay các hành động, việc làm của các nhánh quyền lực khác (lập pháp và hành pháp). Theo đó, tòa án có thể tuyên bố những đạo luật, nghị định hay việc làm nào đó của chính phủ hay quốc hội là “vi hiến”, nếu chúng không tuân thủ hoặc thậm chí đi ngược lại hiến pháp. Khi ấy, chúng mất hiệu lực.

Ở Việt Nam dưới thời chính quyền cộng sản, không tồn tại cơ chế bảo hiến này. Cho nên luật và các văn bản dưới luật ở Việt Nam vi hiến rất nhiều nhưng vẫn được sử dụng làm công cụ quản lý nhà nước. Một báo cáo của Bộ Tư pháp, công bố ngày 15/1/2015, cho biết: Trong 10 tháng đầu năm 2014, các bộ, cơ quan, địa phương đã kiểm tra và phát hiện 9.017 văn bản có dấu hiệu vi phạm các điều kiện về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản (chiếm tỷ lệ 22%).¹

Một trong những nghị định vi hiến nổi tiếng là Nghị định 38/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng. Văn bản này đã trở thành công cụ cực kỳ đắc lực để lực lượng công an trấn áp bất kỳ cuộc tụ tập ôn hòa nào của người dân, xâm phạm hoàn toàn quyền biểu tình được quy định tại Điều 69 Hiến pháp 1992 sửa đổi năm 2001 (sau này là tại Điều 25 Hiến pháp 2013).

TIÊU CHUẨN CỦA MỘT HIẾN PHÁP

Một bản hiến pháp tốt phải đạt được ít nhất là các tiêu chí sau đây:

- Rõ ràng, chặt chẽ: Mọi điều khoản và ngôn từ của hiến pháp đều phải rõ ràng, chặt chẽ để không tạo ra kẽ hở hay điểm nào mơ hồ, gây tranh cãi; không ai có thể hiểu nhầm.
- Tổng quát: Hiến pháp phải nêu đầy đủ các khía cạnh trong nội dung chính đã nêu ở trên.

¹ Hà Nội Mới đưa tin, chuyên trang Người Đồng Hành của tạp chí điện tử Nhip Sống Số dẫn lại: <http://ndh.vn/10-thang-10-000-van-ban-phap-luat-vi-hien-trai-luat-2015011608124138p145c151.news>

- Súc tích: Câu từ trong hiến pháp phải cô đọng, hàm súc. Hiến pháp cũng chỉ quy định những điều căn bản nhất, quan trọng nhất liên quan tới nội dung. (Tất nhiên, không được bỏ sót những điều quan trọng).

- Linh hoạt: Hiến pháp không được quá cứng nhắc, không thể sửa đổi. Nó vẫn phải đảm bảo cơ chế để có thể sửa đổi nếu cần.

* * *

LUẬT PHÁP

T.H. Green định nghĩa: “Luật pháp là hệ thống các quyền và nghĩa vụ mà nhà nước cưỡng chế thi hành”. Sidgwick định nghĩa: “Luật pháp là bất cứ quy tắc chung nào để thực hiện hoặc không thực hiện một loại hành vi nào đó, và nếu không tuân thủ thì người không tuân thủ sẽ phải chịu một hình phạt nào đó”.¹

Triết gia cộng sản Karl Marx có một định nghĩa phản ánh cái mà ông gọi là “tính giai cấp của pháp luật”, rằng “pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị được đề lên thành luật”. Đây quả là một định nghĩa rất nặng tính giai cấp.

Có nhiều định nghĩa khác về luật pháp. Một cách trung tính, có thể định nghĩa luật pháp là “một tập hợp các quy tắc công cộng và có thể thực thi, được áp dụng trong toàn thể cộng đồng chính trị, có tính ràng buộc”.² Định nghĩa này không nặng nề tính giai cấp, nhưng các bạn nên lưu ý từ “chính trị”. Thật vậy, luật pháp có liên quan chặt chẽ đến chính trị, đến thể chế.

Vì luật pháp điều chỉnh hành vi trong quan hệ xã hội (quan hệ giữa người với người), cho nên nó chắc chắn phải có ý nghĩa chính trị. Ở khía cạnh chính trị đó, các tác giả phương Tây đều hiểu luật

¹ “Political science”, Government of Tamilnadu, India, 2003

² “Politics”, Andrew Heywood, 3rd edition, Palgrave Foundations, 2007.

pháp như công cụ để bảo vệ trật tự và văn minh, và nếu không có luật pháp thì xã hội rơi vào trạng thái tự nhiên – dã man, phi văn minh – trong đó cá nhân nào cũng có quyền tự do xâm phạm đến tự do của cá nhân khác. Vì thế, luật là để bảo vệ mỗi thành viên trong xã hội khỏi phần còn lại của xã hội, bảo vệ quyền và tự do của thành viên đó khỏi những người khác.

Điều này thật khác với cách hiểu “chính thống” về luật ở Việt Nam dưới thời cộng sản. Quan chức, công chức, công an... đều tin rằng luật pháp là công cụ quản lý nhà nước, và theo nghĩa đó thì nó chẳng liên quan gì đến quyền và tự do. Ngược lại, luật phải làm sao để tạo thuận lợi tối đa cho công tác quản lý của nhà nước.

Còn nếu mở rộng thêm cách hiểu của phương Tây về luật pháp, ta sẽ thấy như vậy, trên nguyên tắc, luật pháp và chính trị bắt buộc phải tách biệt với nhau, để luật pháp không trở thành công cụ hỗ trợ cho nhà nước áp chế nhân dân, người giàu áp chế người nghèo, đàn ông áp chế phụ nữ... Cũng vậy, tư pháp bắt buộc phải độc lập, nằm ngoài và không chịu ảnh hưởng của chính trị. Trong khi đó, với cách hiểu của Việt Nam về luật pháp, thì tư pháp không thể độc lập.

* * *

SỰ KHÁC NHAU GIỮA “RULE OF LAW” VÀ “RULE BY LAW”

Bây giờ chúng ta sẽ bàn đến một vấn đề gây tranh cãi rất lớn ở Việt Nam và... Trung Quốc, đó là cách dịch (sang tiếng Việt và tiếng Trung) hai khái niệm: “rule of law” và “rule by law”. Để dịch sang tiếng Việt được chính xác hai khái niệm này thì trước hết phải hiểu bản chất chúng là gì, theo cách định nghĩa của phương Tây.

“Rule of law” có nghĩa là tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, cho dù đó là người đứng đầu cơ quan lập pháp, hành pháp hay tư pháp, là đảng cầm quyền hay một tổ chức phi chính phủ nhỏ bé. Không một ai đứng trên pháp luật, không một ai có quyền hoặc nghĩa vụ nhiều hơn luật định.

Còn “rule by law” nghĩa là luật pháp được sử dụng như một công cụ để quản lý, để cưỡng chế và đàn áp. “Rule by law” đòi hỏi một sự trung thành tuyệt đối với pháp luật, kể cả là trung thành mù quáng với một thứ pháp luật bất công, hà khắc, độc đoán; nhưng lại chỉ đòi hỏi điều đó từ những người bị cai trị mà thôi. Luôn luôn có một tầng lớp – một cá nhân hoặc một nhóm – nắm quyền lực lập pháp, ở trên luật pháp, và hưởng những đặc quyền, đặc lợi do việc ở trên luật pháp đó tạo ra. Tầng lớp đó sẽ luôn lợi dụng luật pháp làm công cụ để cai trị những người khác.

Như vậy, bạn có thể thấy: Một chính quyền độc tài sẽ “rule by law” khi nó dùng luật pháp làm công cụ để tiện bề cai trị dân chúng – ngôn ngữ cộng sản gọi là “tạo thuận lợi cho công tác quản lý”, “vì mục tiêu quản lý nhà nước”. Nó “rule by law” không phải vì nó thượng tôn pháp luật, mà vì “rule by law” đem lại thuận tiện cho nó. Và bởi luật pháp làm ra chỉ để cai trị dân, còn chính quyền thì được “đặc cách”, làm sai cũng không phải chịu trách nhiệm gì, nên đất nước đó không có “rule of law”.

Với cách hiểu ấy, ta có thể dịch “rule of law” là pháp trị, hoặc “pháp quyền” như nhiều người lâu nay vẫn gọi – hàm ý pháp luật ở trên tất cả, pháp luật trị vì tất cả, quyền lực của pháp luật là cao nhất. Còn “rule by law” là tận dụng luật pháp để cai trị, có thể dịch nó là “ỷ pháp trị quốc” như gợi ý của luật sư Trần Quỳnh Vi, biên tập viên Luật Khoa tạp chí.

Ngày 12/6/2011, trong một cuộc biểu tình chống Trung Quốc tại Sài Gòn, facebooker Phan Nguyên bị an ninh mặc thường phục đánh đập tàn nhẫn ở khu vực Nhà Thờ Đức Bà. Bức ảnh Phan Nguyên bị quật ngã lan truyền trên mạng xã hội; bản thân Phan Nguyên cũng viết bài trên mạng kể lại câu chuyện. Nhưng không một nhân viên công quyền nào bị xử lý vì vụ việc này. Phía công an ngấm ngầm cho rằng đó là ảnh giả, chuyện bịa.

Cũng trong tháng 7/2011, vào chiều mồng 2, một cô gái 18 tuổi tên là Phạm Thị Mỹ Linh, do bức xúc với cảnh sát giao thông nên đã tát một cảnh sát giao thông trên đường Lê Văn Khương (phường Thới An, quận 12, TP. HCM). Hình ảnh cũng bị quay clip; clip này nhanh chóng được công an sử dụng. Ngày 20/7, cô Linh bị công an quận 12, TP. HCM, khởi tố vì tội “chống người thi hành công vụ”. Cô linh án 9 tháng tù.

... Ngày 7/4/2016, tại Hà Nội, Trung úy Nguyễn Văn Bắc (SN 1983, cảnh sát khu vực phường Trung Liệt, quận Đống Đa) bắt thành linh kiểm tra nhà dân nhưng bị từ chối. Trung úy đã nhổ nước bọt vào mặt cô Trần Phương Linh (SN 1992) và bị quay clip. Clip lan nhanh trên mạng xã hội trong ngày 8/4, buộc công an quận Đống Đa phải vào cuộc xác minh. Trung úy Bắc ban đầu phủ nhận việc nhổ nước bọt, nhưng cuối cùng, ngày 11/4, đã chấp nhận xin lỗi cô Linh, ngoài ra không bị xử lý gì thêm.

Ngày 14/4/2016, tại TP.HCM, Thượng sĩ công an Lương Việt Hà dùng thể võ hiểm quật ngã anh Phạm Thiện Minh Phong, một người bán hàng rong, gây chấn thương. Lý do là anh Phong không chịu đóng 700.000 đồng “hụi chết” mỗi tháng như những người bán hàng rong khác. Thượng sĩ Việt Hà sau đó cũng không phải chịu trách nhiệm hình sự gì về hành động của mình.

Mỗi năm ở Việt Nam dưới thời cộng sản, đều có hàng chục vụ cảnh sát, an ninh bị tố cáo lạm quyền, đánh đập người dân gây thương tích, thậm chí gây tử vong. Song, hầu như không có vụ nào công an bị xử lý hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự. Ngược lại, nếu phía dân có lời nói hay hành vi nào động chạm đến công an thì sự trừng phạt sẽ đến rất nhanh chóng và hình phạt rất nghiêm khắc. Bộ luật Hình sự có rất nhiều điều luật được dùng để khép tội dân một cách dễ dàng: Điều 245 “gây rối trật tự công cộng”, Điều 257 “chống người thi hành công vụ”, Điều 258 “lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm hại lợi ích nhà nước”...

Tình trạng ấy nói lên một sự thật: Luật pháp ở nước CHXHCN Việt Nam chỉ là công cụ để nhà nước quản lý, hay là chỉ dùng cho dân. Công an – với vai trò lực lượng bảo vệ chế độ – thường được ưu ái, được luật pháp ưu tiên bảo vệ. Việt Nam dưới thời cộng sản là một chế độ “rule by law”, nơi không tồn tại “rule of law”.

Vấn đề “rule by law” cũng đưa đến một câu chuyện khác, đó là việc nhiều người có quan điểm duy luật, họ hướng tới và đòi hỏi xã hội phải thượng tôn luật pháp, bất kể luật pháp đó như thế nào. Ví dụ, nếu luật pháp không thừa nhận hôn nhân đồng tính thì quan điểm duy luật cho rằng việc hai người đồng tính lấy nhau chắc chắn là hành vi phạm pháp và phải bị trừng phạt. Tương tự, cho dù

công an có lạm quyền, hành hung, bắt người tùy tiện (như trong vụ cưỡng chế đất ở xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức), nhưng nếu dân chống lại thì tức là phạm tội chống người thi hành công vụ; nếu dân “cả gan” bắt giữ công an thì thậm chí còn phạm tội bắt người trái pháp luật, khủng bố.

Trong một xã hội “rule of law”, quan điểm thượng tôn pháp luật đó là đúng đắn, tiến bộ. Nhưng trong một xã hội “rule by law”, quan điểm đó dĩ nhiên sẽ được chính quyền độc tài rất ưa thích và lợi dụng: Nhà nước cứ việc ban hành thật nhiều đạo luật “tạo thuận lợi cho công tác quản lý”, siết chặt tự do của dân chúng, và cưỡng bức dân chúng phải phục tùng. Và nếu luật bất công mà ta cũng phải tuân thủ, thì lịch sử thế giới sẽ không còn ghi nhận công lao của Mahatma Gandhi, Rosa Parks, Martin Luther King – những người bất tuân dân sự nổi tiếng – nữa.

“Làm sao chúng ta có thể cổ súy cho việc vi phạm một số luật và tuân thủ một số khác? Câu trả lời nằm ở một thực tế là có hai loại luật: công bằng và bất công. Tôi sẽ là người đầu tiên cổ súy cho việc tuân thủ những đạo luật công bằng. Con người ta không chỉ có trách nhiệm pháp lý mà còn có cả trách nhiệm đạo đức buộc ta phải tuân thủ các đạo luật công bằng. Ngược lại, con người cũng có trách nhiệm đạo đức là phải bất tuân những luật không công bằng. Thánh Augustine nói đúng, ‘luật bất công thì không phải là luật’.

“Luật nào nâng phẩm tính của con người lên là luật công bằng. Luật nào hạ thấp nhân tính là luật bất công”.

(“Lá thư từ ngục Birmingham”, **Martin Luther King**, 16/4/1963)

Bài đọc

BẢN HIẾN PHÁP VANG VỌNG TIẾNG DÂN¹

Tôi viết bài này cách đây gần ba năm. Bây giờ nếu viết lại, có thể tôi sẽ viết khác nhiều, nhất là sẽ có cảm giác ngỡ vực ở tính dân chủ của cuộc bầu cử Quốc hội khóa I khi theo thống kê thời đó, “89% cử tri trên cả nước đã đi bầu, có nhiều nơi tới 95%”.

Nhưng tôi vẫn tin hiến pháp 1946 mà Quốc hội khóa I thông qua là bản hiến pháp vì nhân dân nhất trong các bản hiến pháp của Việt Nam, ít nhất thì nó cũng không dành ưu tiên cho một đảng chính trị nào, không chủ trương đấu tranh giai cấp; nó bảo đảm quyền tư hữu tài sản của công dân và quy định “Nghị viện họp công khai, công chúng được vào nghe”.

* * *

Nói về Hiến pháp 1946, rất nhiều người cho rằng đó là hiến pháp nhân bản nhất, dân chủ nhất và đoàn kết dân tộc nhất. Không chỉ thế, bản hiến pháp đầu tiên của Việt Nam còn được hình thành, soạn thảo và thông qua trong một hoàn cảnh lịch sử, đầy cam go gian khổ nhưng vẫn đảm bảo tinh thần “dân là gốc”, dân là tất cả.

Theo Phó Giáo sư sử học Lê Mậu Hãn, “nói tới Hiến pháp 1946

¹ Bản gốc bài viết này đăng trên báo Pháp luật TP. HCM ngày 18/8/2010, link gốc tại: <http://plo.vn/thoi-su/chinh-tri/ban-hien-phap-vang-vong-tieng-dan-177600.html>.

Ở đây là bài đăng lại trên blog cá nhân của tác giả, ngày 13/5/2013.

là phải nói tới Hồ Chí Minh và cuộc Tổng tuyển cử 1946”. Bản hiến pháp đầu tiên của Việt Nam ra đời năm 1946, nhưng tư tưởng của Hồ Chí Minh về một nhà nước dân chủ cộng hòa, một chính quyền của toàn dân, thì đã hình thành từ rất lâu trước đó. Ngay từ năm 1919 khi gửi “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” đến Hội nghị Versailles, Người đã thể hiện tư tưởng lập hiến của mình. Trong 8 điều yêu sách, điều thứ bảy yêu cầu phải có hiến pháp cho nhân dân Việt Nam: “Bây xin Hiến pháp ban hành/ Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” (Việt Nam yêu cầu ca – diễn ca của bản yêu sách, do Hồ Chí Minh soạn để tuyên truyền).

Ngày 03/9/1945, chỉ một ngày sau lễ Tuyên bố độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói tới việc “phải có một hiến pháp dân chủ”, và đề nghị Chính phủ “tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu” để bầu ra Quốc dân đại hội xây dựng hiến pháp.

Ngày 8/9, Chính phủ ra Sắc lệnh 14-SL nêu rõ: “... nhân dân Việt Nam do Quốc dân đại hội thay mặt là quyền lực tối cao để ấn định cho nước Việt Nam một hiến pháp dân chủ cộng hòa”. Sắc lệnh cũng tuyên bố tiến hành Tổng tuyển cử.

CUỘC TỔNG TUYỂN CỬ LỊCH SỬ

Cuộc tuyển cử dân chủ - nơi ngọn nguồn phản ánh tinh thần Hiến pháp 1946 - đã diễn ra trong tình hình chính trị - kinh tế - xã hội cực kỳ khó khăn, trong hoàn cảnh thù trong giặc ngoài. Đó thực chất là một cuộc đấu tranh hết sức quyết liệt để bảo vệ quyền làm chủ của người dân, quyền tự quyết của dân tộc. Về đối nội, các tài liệu về lịch sử Quốc hội ghi lại: Các báo như Việt Nam, Thiết Thực, Đồng Tâm... (của hai đảng Việt Quốc, Việt Cách) nói xấu Việt Minh quyết liệt, kêu gọi tẩy chay Tổng tuyển cử vì cho là trình độ dân trí của nước ta còn thấp, quần chúng không đủ năng lực thực hiện quyền công dân, cần tập trung chống Pháp chứ không nên mất thì giờ vào bầu cử v.v.

Đáp lại, báo Cứu Quốc của Mặt Trận Việt Minh số ra ngày 24/11/1945 khẳng định: “Chỉ Tổng tuyển cử mới để cho dân chúng có dịp nói hết những ý muốn của họ (...). Sau hết, cũng chỉ có Tổng tuyển cử mới có thể cấp cho nước Việt Nam một hiến pháp mới ấn định rõ ràng quyền lợi của quốc dân...”

“Về đối ngoại, ở miền Bắc, Tàu Tưởng và tay sai ra sức gây rối, phá hoại Tổng tuyển cử (cướp hòm phiếu, hành hung tự vệ tại Hải Phòng). Ở Nam Bộ, thực dân Pháp khủng bố ác liệt, ném bom nhiều nơi. Hàng chục người đã chết và bị thương, nhưng người dân vẫn đi bỏ phiếu lưu động, đổ xương máu thực hiện quyền tự do dân chủ. 89% cử tri trên cả nước đã đi bầu, có nhiều nơi tới 95%” (báo Sự Thật, số ra ngày 10/1/1946).

Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam ra đời như thế.



Ứng cử viên Đại biểu Quốc hội khóa I trong lễ ra mắt cử tri tại Việt Nam Học xá (về sau là Đại học Bách khoa Hà Nội).

Chính Quốc hội này, vào sáng 2/3/1946, đã họp kỳ họp đầu tiên với thời gian ngắn kỷ lục: 4 tiếng đồng hồ, trong hoàn cảnh nền độc lập nước nhà bị thực dân Pháp lấn le xâm phạm. Tại đây, Quốc hội bầu ban dự thảo Hiến pháp gồm 11 người: Trần Duy Hưng, Tôn Quang Phiệt, Đỗ Đức Dục, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Huỳnh

Bá Nhung, Trần Tấn Thọ, Nguyễn Cao Hách, Đào Hữu Dương, Phạm Gia Đỗ, Nguyễn Thị Thục Viên. Tất cả đều là những nhà trí thức, đại diện cho các đảng phái khác nhau (như Phạm Gia Đỗ là thành viên Việt Nam Quốc dân Đảng, tức Việt Quốc).

QUYẾT LIỆT VÀ DÂN CHỦ

Theo một số tài liệu, Hiến pháp 1946 tập hợp những kiến nghị phong phú của toàn dân và tham khảo kinh nghiệm về Hiến pháp các nước Âu – Á. Tuy nhiên, Phó Giáo sư sử học Lê Mậu Hãn cho biết, sau nhiều năm nghiên cứu, ông vẫn không tìm ra được nguồn văn bản cụ thể mà Hiến pháp có tham khảo. Song những người soạn thảo Hiến pháp 1946 đều là trí thức xuất thân từ hệ thống đào tạo của Pháp, hấp thu tư tưởng phương Tây, nên có thể nói bản hiến pháp có tinh thần dân chủ, pháp quyền rõ nét.

Ban dự thảo Hiến pháp đã soạn bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam cũng trong một thời gian rất ngắn, chỉ có vài tháng, và bắt đầu công bố trước Quốc hội từ ngày 2/11/1946. Đỗ Đức Dục là người thuyết trình. Đại diện của các đảng trong Quốc hội cho ý kiến đánh giá và phản biện: Hồ Đức Thành – đại diện Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội tức Việt Cách; Hoàng Văn Đức – đại diện nhóm dân chủ; Lê Thị Xuyên – đại diện nhóm xã hội; Nguyễn Đình Thi – đại diện Việt Minh; Trần Trung Dung – đại diện Việt Quốc; Trần Huy Liệu – đại diện nhóm mácxít.

Theo các tài liệu về lịch sử Quốc hội Việt Nam khóa I, quá trình tranh luận, tranh cãi để thông qua Hiến pháp 1946 diễn ra quyết liệt và dân chủ. Phó Giáo sư Lê Mậu Hãn cho biết, bàn thảo căng thẳng nhất là ở việc quyết “một viện hay hai viện”. Chẳng hạn, Trần Trung Dung không đồng ý với chế độ một viện, sợ chế độ này không thích hợp với Việt Nam, nơi dân chúng chưa được huấn luyện nhiều về chính trị. Phạm Gia Đỗ cũng phản đối chế độ một viện vì coi đó là “độc tài của đa số”. Tuy nhiên, phần đông đại biểu lại tán thành một viện. Đào Trọng Kim nói rằng một viện là phù

hợp, “chế độ tập quyền và phân công rất thích hợp để có thể ứng phó mau lẹ với thời cuộc”.

Trần Trung Dung nói nhiều đến quyền tự do của công dân và chỉ trích Chính phủ trong một năm cầm quyền chưa cho dân chúng được hưởng quyền tự do. Phạm Văn Đồng ngắt lời, phản bác Trần Trung Dung phê phán như thế là không đúng trong điều kiện Chính phủ phải nỗ lực đấu tranh đối ngoại gay go để giữ vững độc lập...

Sau nhiều buổi thảo luận và tranh luận từng điều cụ thể, tới ngày 9/11/1946, Quốc hội đã biểu quyết thông qua bản hiến pháp đầu tiên với 240/242 phiếu thuận. Hai phiếu không tán thành là của Nguyễn Sơn Hà và Phạm Gia Đổ. Đại biểu Nguyễn Sơn Hà bỏ phiếu chống vì Hiến pháp không có điều nói về tự do kinh doanh. Còn Đại biểu Phạm Gia Đổ bảo lưu việc phản đối chế độ một viện.

Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu: “Hơn 10 ngày nay các đại biểu đã khó nhọc làm việc. Quốc hội đã thu được một kết quả làm vẻ vang cho đất nước là đã thảo luận xong bản hiến pháp”. Tuy “chưa hoàn toàn” nhưng nó “tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập, dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do (...), phụ nữ Việt Nam đã được ngang hàng với đàn ông để hưởng chung mọi quyền tự do đó của một công dân”.

Do hoàn cảnh chiến tranh đang lan rộng, nên Quốc hội, mặc dù thông qua Hiến pháp, đã quyết định không đưa Hiến pháp ra trưng cầu dân ý, đồng thời biểu quyết chưa ban hành, thi hành Hiến pháp ngay. Việc bầu Nghị viện nhân dân (Điều 24 quy định Nghị viện do công dân Việt Nam bầu ra, ba năm một lần) cũng không thể tổ chức được.

Dù vậy, được soạn thảo và thông qua một cách dân chủ, bởi một Quốc hội được bầu ra một cách dân chủ, Hiến pháp 1946 là bản hiến pháp có rất nhiều giá trị. Nó khẳng định quyền tự do, quyền làm chủ đất nước của toàn dân, thể hiện sâu sắc tư tưởng giải phóng dân tộc, độc lập – tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đánh giá về nó,

TS luật Phạm Duy Nghĩa, trong một bài trả lời phỏng vấn báo Tuổi Trẻ, đã gọi đó là bản hiến pháp mà “mỗi câu chữ đều vang vọng tiếng dân”. Còn Phó Giáo sư sử học Lê Mậu Hãn thì nhận định: “Chúng ta vẫn còn nợ Hiến pháp 1946 nhiều lắm”.

Bài đọc

LƯỢC SỬ CUỘC SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP VIỆT NAM¹

2011

Tháng 1: Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) phù hợp với tình hình mới”. Bản báo cáo dài hơn 100 trang, với ngôn ngữ chung chung thường lệ, không nêu cụ thể “tình hình mới” là như thế nào, nhưng có nhận định: “Từ cuối năm 2007, đầu năm 2008, kinh tế và đời sống gặp nhiều khó khăn. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hoà bình””.

2/8: Ủy ban Thường vụ Quốc hội có tờ trình lên Quốc hội “về việc triển khai thực hiện chủ trương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992”.

Tờ trình khẳng định việc sửa đổi Hiến pháp là nhằm mục đích “thể chế hóa kịp thời đường lối, các chủ trương, chính sách lớn của Đảng”, “việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp phải bám sát” các cương lĩnh, nghị quyết và văn kiện của Đảng, “ghi nhận những thành quả”, “thành tựu to lớn” của đất nước “do Đảng khởi xướng”.

Tờ trình cũng đề ra một định hướng của việc sửa đổi Hiến pháp 1992 là “Khẳng định sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản

¹ Bài đăng trên blog cá nhân của tác giả vào ngày 28/4/2013. Bản lược sử này chỉ được cập nhật đến ngày 5/5/2013.

Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội đã được nhân dân ta, mà đại diện cao nhất là Quốc hội thừa nhận và ghi vào Hiến pháp”.

6/8: Quốc hội ra Nghị quyết số 06/2011/QH13 “Về việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 và thành lập Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992”.

Thành viên Ủy ban gồm:

- Ông Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban.

- Ông Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Ủy ban.

- Ông Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên.

- Bà Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Ủy viên.

- Ông Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên.

- Bà Tòng Thị Phóng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên.

- Ông Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị

Tất cả đều là đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam và giữ chức vụ cao trong bộ máy lãnh đạo.

24/8: Ủy ban Dự thảo Sửa đổi Hiến pháp 1992 họp phiên thứ nhất.

2012

21/2: Ủy ban Dự thảo Sửa đổi Hiến pháp 1992 họp phiên thứ hai, thảo luận về “Báo cáo của Ban Biên tập về những vấn đề cơ bản trong sửa đổi Hiến pháp năm 1992”.

22/5: Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành văn bản số 52-HD/BTGTW, gửi các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương Hướng dẫn tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết của Hội

ng nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành TW Đảng khóa XI (7/5/2012), trong đó có “những vấn đề cơ bản định hướng việc sửa đổi Hiến pháp 1992” (tiếp tục thể chế hóa đầy đủ và sâu sắc hơn chủ trương phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo).

23/11: Quốc hội ra Nghị quyết “Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992”, đợt lấy ý kiến “bắt đầu từ ngày 02 tháng 01 năm 2013 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2013”.

29/12: Bộ Chính trị ra Chỉ thị “về việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992”, nêu rõ: “Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương (...) chỉ đạo chặt chẽ công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan kịp thời đấu tranh, ngăn chặn những hành vi lợi dụng dân chủ việc lấy ý kiến nhân dân để tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước ta”.

Cùng ngày, tại cuộc họp báo triển khai thực hiện việc lấy ý kiến nhân dân về dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội Phan Trung Lý, Trưởng ban biên tập dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, khẳng định: “Không có điều gì cấm kỵ khi nhân dân góp ý sửa Hiến pháp”, “nhân dân có thể cho ý kiến đối với điều 4 Hiến pháp như với tất cả các nội dung khác trong dự thảo, không có gì cấm kỵ cả”.

2013

2/1: Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 22-CT/TW về việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992. Điểm số 3 và 4 quy định:

“Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương lãnh đạo, kiểm tra việc lấy ý kiến về dự thảo sửa đổi Hiến pháp trong lực

lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; chỉ đạo chặt chẽ công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan kịp thời đấu tranh, ngăn chặn những hành vi lợi dụng dân chủ việc lấy ý kiến nhân dân để tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước ta”.

“Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí ở trung ương và địa phương có kế hoạch tuyên truyền bằng nhiều hình thức thích hợp và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến về dự thảo sửa đổi Hiến pháp; mở chuyên trang, chuyên mục về dự thảo sửa đổi Hiến pháp và phản ánh kịp thời ý kiến đóng góp của nhân dân”.

11/1: Giáo sư Hoàng Xuân Phú có bài viết “Hai tử huyệt của chế độ”, nhận định:

“Cố lẽ lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam quan niệm rằng quy định về quyền lãnh đạo của ĐCSVN đối với Nhà nước và xã hội, và quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân và do Nhà nước quản lý tại Điều 4 và Điều 17–18 của Hiến pháp 1992 là hai tử huyệt của chế độ. Vì vậy, dư luận càng muốn hủy bỏ hoặc sửa đổi hai quy định đó, thì họ càng kiên quyết bảo lưu. Chúng nằm trong định hướng bất di, bất dịch của lãnh đạo đảng, và được tái thể hiện tại Điều 4¹ và Điều 57 của dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992”.

19/1: 72 trí thức cùng ký vào một bản kiến nghị gọi là “Kiến nghị về sửa đổi Hiến pháp 1992”, với nội dung đề nghị soạn thảo Hiến pháp theo Tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc về Quyền Con Người, thực hiện tam quyền phân lập, thành lập tòa bảo hiến, lực lượng vũ trang phải trung thành với Tổ quốc và nhân dân chứ không phải với đảng Cộng sản Việt Nam như Điều 70 của dự thảo.

¹ Điều 4 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992 quy định đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội.

Kiến nghị được đăng tải trên trang web Bauxite Việt Nam và Anh Ba Sàm. Sau đó, một số chuyên gia luật (ẩn danh) đã soạn thảo một dự thảo hiến pháp đi kèm kiến nghị này, theo đó Việt Nam thực hiện dân chủ đa đảng. Cả dự thảo và bức kiến nghị hôm 19/01 trở thành Kiến nghị 72 - là bản kiến nghị sửa đổi Hiến pháp đầu tiên không phải do Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 đưa ra trong lần sửa đổi này.

1/2: Trang web Cùng viết hiến pháp (hienphap.net) ra đời với mục đích “tạo ra một không gian đối thoại dân chủ về việc sửa đổi Hiến pháp”, như lời phi lộ của nhóm khởi xướng (gồm Giáo sư Ngô Bảo Châu, Giáo sư Đàm Thanh Sơn, cựu Tổng Biên tập VietNamNet Nguyễn Anh Tuấn).

2/2: Đại biểu Quốc hội Lê Như Tiến, Phó chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, trả lời phỏng vấn tạp chí Thanh Tra, tái khẳng định: “Không có “vùng cấm” trong sửa đổi, bổ sung Hiến pháp lần này”.

4/2: 16 đại diện của nhóm Kiến nghị 72 đến trụ sở Quốc hội tại 37 Hùng Vương (Hà Nội) gửi Kiến nghị, trưởng đoàn là ông Nguyễn Đình Lộc, nguyên Bộ trưởng Tư pháp. Một số cơ quan báo chí có đến đưa tin và đăng tải, như báo Pháp luật TP.HCM.

Ông Lê Minh Thông, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Phó Ban Biên tập dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992, tiếp đoàn.

21/2: Một số cựu sinh viên Đại học Luật Hà Nội gửi “Kiến nghị về việc sửa đổi Hiến pháp 1992”, với hai nội dung: 1. Hủy thời hạn chót cho việc lấy ý kiến nhân dân; 2. Tổ chức trưng cầu dân ý để nhân dân thực hiện quyền phúc quyết hiến pháp.

25/2: Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại một hội nghị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc: “Vừa rồi đã có các luồng ý kiến cũng có thể quy vào được là suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức... Xem ai có tư tưởng muốn bỏ Điều 4 Hiến pháp không, phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng không? Muốn đa nguyên đa đảng

không? Có tam quyền phân lập không? Có phi chính trị hóa quân đội không? Người ta đang có những quan điểm như thế, đưa cả lên phương tiện thông tin đại chúng đấy. Thì như thế là suy thoái chứ còn gì nữa”.

Đài Truyền hình Việt Nam phát sóng tin này trong chương trình Thời sự 19h, và lập tức gây ra một làn sóng phản đối trên không gian facebook.

26/2: Nhà báo Nguyễn Đắc Kiên, báo Gia đình và Xã hội, có bài viết “Vài lời với TBT ĐCSVN Nguyễn Phú Trọng”, đăng trên blog cá nhân và có gửi cho hai trang web khác là Anh Ba Sàm và Cùng viết Hiến pháp. Buổi sáng, Anh Ba Sàm đăng tải bài viết này. Đầu giờ chiều, ban lãnh đạo báo Gia đình và Xã hội tổ chức họp và chất vấn Nguyễn Đắc Kiên về bài viết, sau đó tuyên bố cho ông Kiên nghỉ việc, và đăng thông báo buộc thôi việc trên trang điện tử của báo.

28/2: Từ trang Dân Làm Báo, xuất hiện lời Tuyên bố của các Công dân tự do. Không còn là một kiến nghị, Tuyên bố này giống như sự thể hiện một ý chí chính trị: “Chúng tôi không chỉ muốn bỏ Điều 4 trong Hiến pháp hiện hành, mà chúng tôi muốn tổ chức một Hội nghị lập hiến, lập một Hiến pháp mới thực sự là ý chí của toàn dân Việt Nam, không phải là ý chí của đảng cộng sản như Hiến pháp hiện hành. Chúng tôi ủng hộ đa nguyên, đa đảng, ủng hộ các đảng cạnh tranh lành mạnh vì tự do, dân chủ, vì hòa bình, tiến bộ của dân tộc Việt Nam, không một đảng nào, lấy bất cứ tư cách gì để thao túng, toàn trị đất nước”.

1/3: Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi thư góp ý về Hiến pháp cho Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, yêu cầu Hiến pháp mới phải nêu rõ hơn các quyền con người, xóa bỏ đặc quyền của bất kỳ đảng phái chính trị nào, Nhà nước không được tuyên truyền tiêu cực về tôn giáo và không được can thiệp vào công việc nội bộ của cộng đồng tôn giáo.

2/3: Đoàn công tác Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 do Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng – Chủ tịch Ủy ban dự thảo

– dẫn đầu đã có cuộc làm việc với TP.HCM về việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo sửa đổi Hiến pháp trên địa bàn Thành phố.

Sau đó, mỗi hộ dân tại TP.HCM bắt đầu được phát một tập tài liệu 79 trang so sánh Hiến pháp 1992 với dự thảo Hiến pháp do Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 đưa ra. Kèm theo đó là một bản “Phiếu lấy ý kiến nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự thảo sửa đổi hiến pháp 1992”.

Bản này đưa ra hai nội dung góp ý:

- Đồng ý với toàn văn Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992
- Đồng ý với những nội dung khác trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và có ý kiến góp ý, đề nghị sửa đổi, bổ sung ở những Chương, Điều, Khoản hoặc từ ngữ cụ thể.

[illegible]

6/3: Công thư của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng gia hạn góp ý sửa đổi Hiến pháp sẽ được dời lại đến ngày 30/9 thay vì 31/3, và đề nghị các cấp chính quyền, các cơ quan ban, ngành địa phương tạo điều kiện cho người dân đóng góp ý kiến.

8/3: Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) bắt đầu một chiến dịch truyền thông vào “giờ vàng” – Chương trình Thời sự 19h hàng ngày – với nội dung đả kích những người ký vào bản Kiến nghị 72, và khẳng định, ca ngợi vai trò lãnh đạo duy nhất của đảng Cộng sản Việt Nam.

Cùng ngày, blog Anh Ba Sàm – trang blog mạnh mẽ nhất trong việc đăng các bài viết, tư liệu mang các quan điểm ngoài quan điểm của Đảng và Nhà nước về sửa đổi hiến pháp – bị hack, toàn bộ dữ liệu bị xóa. Biên tập viên điều hành blog tìm cách lấy lại quyền kiểm soát trang web của mình, và bắt đầu cuộc chiến không cân sức giữa “Thông Tấn Xã Via Hè” và cả một quân đoàn hacker.

Đồng thời với chiến dịch truyền thông trên Đài Truyền hình Việt Nam, các báo Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Công An Nhân Dân, nhiều người tham gia ký Kiến nghị 72 (các đợt sau này) cũng phản ánh việc bị công an và chính quyền địa phương thăm dò, hạch sách.

9/3: Báo Đại Đoàn Kết đăng bài “Sự nguy tạo có chủ đích”, khẳng định phần lớn những người ký tên vào Kiến nghị 72, tại địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đều là những địa chỉ không có thực và bị giả mạo. Kết luận của nhóm tác giả bài báo: “Việc nguy tạo tên người dân nhằm tạo sức ép với Đảng và Nhà nước đã khiến việc dân chủ lấy ý kiến đóng góp cho Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 đã bị lợi dụng làm méo mó, biến dạng là động cơ chính trị không trong sáng của một số người có tư tưởng đối lập”.

10/3: Đài Truyền hình Việt Nam hưởng ứng báo Đại Đoàn Kết với phóng sự “Mạo danh chữ ký kiến nghị sửa đổi hiến pháp” trong Bản tin Thời sự 19h. Phóng sự ghi hình bà Nguyễn Thị Hương, Phó Hiệu trưởng trường Đại học Hà Tĩnh, cho biết: “Riêng điều 4

Hiến pháp, các em sinh viên đều hoàn toàn đồng tình, không có bất kỳ ý kiến trái chiều nào”.

12/3: Báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận chính thức của đảng Cộng sản Việt Nam, có bài viết “Khi phản biện xã hội được sử dụng như một chiêu bài” của tác giả Huỳnh Tấn, bóng gió rằng các tác giả của những bản kiến nghị trên Internet chắc là “không có việc gì làm”, “chống Đảng”.

13/3: Hacker tiếp tục cướp các địa chỉ khác (mới lập) của Anh Ba Sàm, tung lên những hình ảnh nguy tạo về một biên tập viên trang này nhằm mục đích bôi nhọ.

15/3: Anh Ba Sàm tiếp tục blogging ở địa chỉ mới.

17/3: Công An Nhân Dân đăng bài của tác giả Phương Nhi, nhấn mạnh rằng khẳng định Điều 4 Hiến pháp là một phần của lịch sử lập hiến Việt Nam, bảo vệ Điều 4 là bảo vệ chủ quyền dân tộc, thành quả cách mạng, tôn trọng lịch sử và phẩm giá của dân tộc.

18/3: Báo Quân Đội Nhân Dân có bài xã luận khẳng định quân đội không thể thoát ly sự lãnh đạo của Đảng. VTV hưởng ứng.

Một số người dân TP.HCM bắt đầu phản ánh lên facebook, trang Bauxite Việt Nam và trang Anh Ba Sàm, về việc bị cán bộ địa phương (người của tổ dân phố, phường...) đến nhà “hướng dẫn” ký xác nhận đồng ý vào Phiếu lấy ý kiến, ví dụ: “Chỉ cần ghi “Đồng ý” là xong”, “Nên tránh ghi phần 2, nhất là về Điều 4 và các điều về công an. Nếu ai ghi phần 2 thì các tổ trưởng nhớ ghi nháy thêm địa chỉ nhà hộ đố”.

20/3: VTV và Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Tĩnh, ông Từ Văn Diện, cùng khẳng định Thái Bình và Hà Tĩnh là hai mảnh đất rất giàu truyền thống cách mạng, nhưng lại có rất nhiều người bị nguy tạo chữ ký vào bản Kiến nghị 72, chúng tôi đây là “việc làm có mưu đồ chính trị chống phá đường lối chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước”.

Tuy nhiên, VTV và ông Từ Văn Diện không đưa ra bằng chứng cụ thể nào về sự nguy tạo. 10 ngày sau, Giáo sư Hoàng Xuân Phú chỉ ra điều đó trong bài viết “Chẳng nhẽ độc quyền cả nói dối hay sao?”, đăng trên blog cá nhân, và blog Anh Ba Sàm đăng lại.

22/3: VTV phỏng vấn ông Nguyễn Đình Lộc, cựu Bộ trưởng Tư pháp, thành viên của Kiến nghị 72. Ông Lộc nói: “(...) những cái bản ấy tôi không tham gia. Tôi không tham gia. Tôi không tham gia vào việc xây dựng cái tờ văn bản ấy”.

Cùng ngày, trên Đài Tiếng nói Việt Nam, Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Thế Tùng, nguyên Viện trưởng Viện kinh tế, Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, khẳng định sở hữu toàn dân về đất đai là tất yếu.

2/4: Nhóm khởi xướng Kiến nghị 72 ra một bản thông báo, tuyên bố rõ: “Dùng bạo lực và những thủ đoạn chính trị để duy trì chế độ toàn trị, cưỡng lại ý chí của nhân dân sẽ gây nguy hại lớn cho đất nước, cho dân tộc và cho cả đảng Cộng sản Việt Nam”.

3/4: Tỉnh Bình Dương tổ chức họp báo công bố kết quả lấy ý kiến nhân dân về sửa đổi Hiến pháp, theo đó, số lượt ý kiến đóng góp từ ngày 12/3 tới ngày 27/3 trong toàn tỉnh lên tới 44.459.628 trên tổng dân số 1,7 triệu người. Trong số ý kiến đóng góp này, có 44.455.188 người tán thành nguyên văn với bản Dự thảo Hiến pháp, chiếm tỷ lệ 99,99% dân số tỉnh Bình Dương.

13/4: Nhóm Các Công dân Tự do ra tuyên bố thứ hai, “Quyền lập hiến phải thuộc về nhân dân”, kêu gọi từ chối, bất hợp tác với mọi hành vi cưỡng ép ký nhận các văn bản liên quan đến Hiến pháp, yêu cầu chính quyền chấm dứt việc đến từng nhà dân ép ký tên vào kiến nghị, ra văn bản nghiêm cấm và nghiêm trị mọi phát biểu và hành vi đe dọa những người dân muốn nêu ý kiến độc lập về Hiến pháp.

21/4: Báo Quân Đội Nhân Dân trích lời Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho biết, “Sau 3 tháng triển khai nghiêm túc, dân chủ Nghị quyết của Quốc hội, Chỉ thị của Bộ Chính trị về tổ chức lấy ý

kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, đã có hơn 26 triệu lượt ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, với 28.140 hội nghị, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến góp ý”.

Chương II

LẬP PHÁP

Đây là một trong ba nhánh quyền lực cấu trúc nên bộ máy nhà nước. Thực thể này có nhiều cách gọi khác nhau: hội đồng quốc gia, hội đồng lập pháp, nghị viện, “nhà của các vị đại diện”... Đôi khi “nhà của các vị đại diện” chính là hạ viện trong hệ thống lưỡng viện, vì hạ viện có tính đại diện cao hơn thượng viện.

Ở Trung Quốc, cơ quan lập pháp được gọi bằng cái tên “Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc”, gọi tắt là Nhân Đại Toàn Quốc. CHXHCN Việt Nam gọi nó là Quốc hội. Để đơn giản, chương này sẽ dùng cách gọi “cơ quan lập pháp” hoặc “quốc hội”.

Vậy quốc hội là gì? Đó là một tập hợp người được coi là đại diện của nhân dân, và nó có một số chức năng như sau: 1. Làm luật (thành văn); 2. Soạn và sửa đổi hiến pháp; 3. Đại diện cho dân; 4. Bầu chọn nhân sự lãnh đạo; 5. Giám sát; 6. Tài chính; 7. Chức năng gần như hành pháp; 8. Chức năng gần như tư pháp; 9. Điều tra; 10. Thông tin. Sau đây, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về từng chức năng của nhánh lập pháp.

* * *

CHỨC NĂNG CỦA QUỐC HỘI

(Các mục 1, 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10 được trích từ cuốn “Governing: An Introduction to Political Science” của học giả chính trị Austin

Ranney. Các chú thích trong ngoặc đơn là của tác giả Ranney, trong ngoặc vuông là của người dịch.)

1. Làm luật thành văn

Chức năng đầu tiên của cơ quan lập pháp trong các thể chế dân chủ hiện đại là làm ra những đạo luật thành văn. Tôi [tác giả Austin Ranney] dùng khái niệm làm ra luật thành văn chứ không phải làm luật nói chung, bởi vì cụm từ làm ra luật thành văn mô tả chính xác hơn những gì lập pháp thực sự làm. Luật pháp là những quy tắc ứng xử xuất phát chính thức từ bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào [nghĩa là có thể từ chính phủ hoặc từ tòa án], trong khi luật thành văn là những đạo luật do cơ quan lập pháp ban hành chính thức. Luật thành văn cấu thành một bộ phận quan trọng trong toàn bộ hệ thống luật pháp của bất cứ thể chế dân chủ nào, nhưng hệ thống luật pháp cũng có thể bao gồm cả những bộ phận khác, như luật chung và các nguyên tắc về công lý tự nhiên, do tòa án tạo ra, và cả những nghị định và quy định của cơ quan hành pháp và hành chính. Do đó, cơ quan lập pháp độc quyền về việc làm ra các luật thành văn, nhưng không giữ độc quyền về việc làm ra luật nói chung.

2. Soạn thảo và sửa đổi hiến pháp

Trong hầu hết các nền dân chủ, cơ quan lập pháp đều có quyền lực nhất định trong việc xây dựng và sửa đổi hiến pháp quốc gia. Nhiều bản hiến pháp được khởi thảo bởi quốc hội, và mọi cơ quan lập pháp đều có quyền đóng một vai trò nào đó trong việc sửa đổi hiến pháp một cách chính thức. Ở một số quốc gia dân chủ, ví dụ Anh và New Zealand, lập pháp là cơ quan duy nhất được quyền sửa hiến pháp. Ở nhiều nước khác, như Úc, Thụy Sĩ, Pháp (và hầu hết các nước châu Mỹ), thông thường cơ quan lập pháp đề nghị sửa đổi hiến pháp, và cử tri phê chuẩn hoặc bác bỏ các đề nghị, đề xuất đó, thông qua trưng cầu dân ý. Ở một số nước khác nữa, như Hoa Kỳ, việc sửa đổi hiến pháp do cơ quan lập pháp của liên bang đề nghị

và phải được phê chuẩn bởi cơ quan lập pháp của các tiểu bang hoặc bởi một đại hội toàn quốc.

3. Đại diện cho dân

Với chức năng này, quốc hội đóng vai trò như mắt xích liên kết giữa chính phủ và nhân dân, trong đó, quốc hội đứng về phía dân và đại diện cho dân. Đây là chức năng cực kỳ quan trọng của quốc hội. Khả năng đại diện cho nhân dân của quốc hội cao đến đâu thì chứng tỏ nhà nước dân chủ đến đó. Nói cách khác, khả năng quốc hội đại diện cho nhân dân chính là một trong số các chỉ dấu về mức độ dân chủ của quốc gia. (Xem Chương III, “Về tính đại diện”, ở Phần III, Dân chủ).

Ở Việt Nam dưới thời cộng sản, do độc đảng và bầu cử phi dân chủ, tính đại diện của Quốc hội được tuyên giáo hiểu là mức độ mà quốc hội đại diện được cho cả nước, tức là mức độ Quốc hội phản ánh cả xã hội, làm sao để Quốc hội như một xã hội thu nhỏ, có đủ thành phần về giới tính, dân tộc, nghề nghiệp... (Xem Chương VII, “Hệ thống chính trị CHXHCN Việt Nam”, của Phần VI này).

4. Bầu chọn nhân sự lãnh đạo

Cơ quan lập pháp ở hầu hết các nước dân chủ đều có vai trò quan trọng trong việc lựa chọn ra một số hoặc tất cả các chức vụ hành pháp cao cấp nhất. Ví dụ nổi bật là những cuộc “bầu cử” gián tiếp của cơ quan lập pháp để chọn ra thủ tướng, ở một số nước theo chế độ cộng hòa đại nghị. Tất nhiên, không phải lúc nào cơ quan lập pháp cũng bỏ phiếu trực tiếp để chọn ra người vào vị trí này trong số rất nhiều ứng cử viên khác nhau. Nhưng cứ mỗi khi họ bỏ phiếu bất tín nhiệm thì, trên thực tế, điều đó có nghĩa là họ đang tiến hành bầu lại hoặc bãi miễn một vị thủ tướng đã từng được bầu chọn: Nếu việc bất tín nhiệm được thông qua thì thủ tướng phải từ chức; nếu không thông qua được thì thủ tướng tiếp tục tại vị.

Ngay cả trong chế độ cộng hòa tổng thống, cơ quan lập pháp cũng có quyền bầu chọn nhân sự. Chẳng hạn, Hiến pháp Mỹ quy

định rằng, nếu không có ứng viên tổng thống hoặc phó tổng thống nào kiếm được đa số phiếu của Đại Cử tri Đoàn, thì Hạ viện sẽ chọn ra tổng thống từ hai hoặc ba ứng viên có số phiếu lớn nhất, và Thượng viện sẽ chọn phó tổng thống theo một cách khác. Chưa có tổng thống hay phó tổng thống nào được bầu lên thông qua cơ chế này suốt từ năm 1824 đến nay (năm đó, không ứng viên nào giành được đa số phiếu đại cử tri, nên Hạ viện chọn John Quincy Adam là người chiến thắng, trước Andrew Jackson và William H. Crawford). Tuy nhiên, Quốc hội Mỹ vẫn giữ quyền bầu chọn nhân sự, phòng có ngày lại cần dùng đến.

5. Giám sát

Thực hiện chức năng này có nghĩa là quốc hội phải buộc được chính phủ minh bạch, báo cáo, giải trình và chịu trách nhiệm trước quốc hội (cũng có nghĩa là trước nhân dân, vì quốc hội đại diện cho dân) về mọi hoạt động của chính phủ. Quốc hội và chính phủ làm điều đó thông qua các báo cáo thường xuyên, các cuộc chất vấn và giải trình, mà ở Mỹ gọi là “điều trần”.

Quốc hội thường được gọi là “cơ quan lập pháp”, nên người ta dễ nghĩ rằng làm luật là chức năng chính của quốc hội. Tuy nhiên, các nhà khoa học chính trị nhận xét rằng, trong các nền dân chủ hiện đại, vai trò làm luật của quốc hội ngày càng giảm đi, trong khi vai trò giám sát chính phủ ngày càng tăng lên.

Ở các chế độ đại nghị như Anh quốc, khi mà đảng chiếm đa số thành viên trong quốc hội cũng là đảng cầm quyền, thì vai trò giám sát của quốc hội do đảng đối lập nắm.

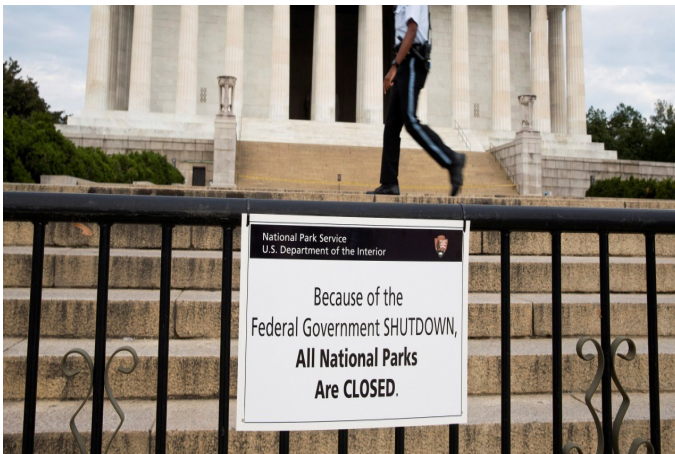
Khả năng giám sát chính phủ của quốc hội cũng là chỉ dấu cho thấy sức mạnh của quốc hội và nền dân chủ của đất nước. Rõ ràng là, muốn giám sát được chính phủ thì quốc hội cần được tiếp cận thông tin, nhất là thông tin từ chính phủ, và nói rộng ra, cần có nguồn lực tốt để có thể tiếp cận các dịch vụ (như nghiên cứu, tư vấn chuyên môn, các nguồn ý kiến chuyên gia...).

6. Tài chính

Trong mọi nền dân chủ hiện đại, lập pháp đều nắm “sức mạnh của hầu bao” và là cơ quan quyết định mục đích cũng như phạm vi của mỗi thứ thuế má và công quỹ. Về mặt luật pháp, chính phủ chỉ có thể chi tiêu những khoản công quỹ do lập pháp cấp cho. Giống như nhiều chức năng khác của lập pháp, các kế hoạch chính trong tài chính công đều được chuyển từ cơ quan lập pháp sang cơ quan hành pháp, trong hầu hết các thể chế dân chủ. Hiện nay, nhiều quốc hội chỉ xem lại ngân sách do hành pháp đề xuất, thay vì tự soạn thảo kế hoạch ngân sách từ đầu. Mỗi cơ quan lập pháp cụ thể sẽ xem xét lại ngân sách này như thế nào, điều đó phụ thuộc vào việc hành pháp có quyền hành tới mức độ nào.

Một cách ngắn gọn, lập pháp giữ quyền xem xét, phê duyệt hoặc bác bỏ kế hoạch ngân sách do hành pháp soạn thảo và đề xuất.

Ở Mỹ, Chính phủ chỉ được phép chi tiêu những khoản công quỹ do Quốc hội phê duyệt, nếu không được duyệt là... phải tạm dừng hoạt động, gọi là tạm đóng cửa.



Dòng chữ trong ảnh: Do chính phủ liên bang đóng cửa, tất cả các công viên quốc gia đều đóng cửa.

7. Các chức năng gần như hành pháp

Ngoài việc xem xét phê duyệt ngân sách hành pháp, nhiều cơ quan

lập pháp ở các thể chế dân chủ còn có chức năng xem xét, phê duyệt cả một số đề xuất khác của cơ quan hành pháp. Chẳng hạn, ở hầu hết các nước dân chủ, những điều ước quốc tế là do hành pháp đàm phán, nhưng phải được lập pháp phê chuẩn thì mới có hiệu lực. Ở Mỹ, tổng thống chỉ định nhiều chức vụ hành pháp, tư pháp khác nhau (thẩm phán liên bang, thành viên nội các, người đứng đầu mỗi cơ quan hành chính, và các vị đại sứ) “theo và với sự cố vấn và đồng thuận của Thượng viện” (Điều II) (tức là, việc chỉ định sẽ chỉ có tính chất “tạm thời” cho tới khi nào được đa số thành viên Thượng viện phê chuẩn). Ai theo dõi các phiên điều trần về việc chỉ định Robert H. Bork năm 1988 [có thể tác giả nhầm, năm đúng là 1987] và Clarence Thomas năm 1991 làm thành viên Tòa án Tối cao đều biết rằng việc cơ quan lập pháp thực thi chức năng này của họ đôi khi trở thành tin tức nổi bật trên trang nhất các báo, và Thượng viện thỉnh thoảng cũng bác bỏ một số ứng viên tổng thống.

8. Các chức năng gần như tư pháp

Một số cơ quan lập pháp còn thực hiện cả chức năng gần như tư pháp. Chẳng hạn, Hiến pháp Mỹ quy định Hạ viện có thể đặt vấn đề luận tội bất kỳ công chức nào trong chính phủ liên bang (kể cả tổng thống, phó tổng thống, thành viên nội các, và chánh án Tòa Tối cao). Xin nhớ rằng luận tội không phải là kết tội. Thay vì thế, luận tội là hành vi chính thức cáo buộc tổng thống phạm một tội nào đó – hãy so nó với cáo trạng của bồi thẩm đoàn trong một vụ án hình sự bình thường. Bất kỳ quan chức nào bị luận tội như vậy cũng phải bị xét xử bởi Thượng viện, và cần phải có hai phần ba số phiếu tán thành thì mới kết tội được. Hạ viện đã luận tội tổng cộng 16 quan chức kể từ năm 1789: 13 chánh án, hai tổng thống, và một thành viên nội các. Chỉ có 7 người, tất cả đều là chánh án, bị kết tội và cách chức. Tổng thống Andrew Jackson thoát bị kết tội một lần vào năm 1868 chỉ nhờ chênh lệch đúng một phiếu. Năm 1974, Tổng thống Richard Nixon từ chức khi tình hình cho thấy rõ ràng là Hạ viện sắp luận tội ông ta. Năm 1998, Hạ viện bỏ phiếu về hai

bản luận tội Tổng thống Bill Clinton; ông bị Thượng viện xét xử năm 1999 nhưng được tha bổng khi mà cả hai bản luận tội đều chẳng bản nào nhận được hai phần ba số phiếu cần thiết.



Năm 1999, Bill Clinton bị Hạ viện luận tội và Thượng viện xét xử (nhưng không đủ 2/3 số phiếu để bị cách chức).

Một vụ việc tương tự xảy ra ở Brazil năm 1992: Hạ viện bỏ phiếu luận tội Tổng thống Fernando Collor de Mello nhận hồi lộ, nhưng Collor từ chức trước khi Thượng viện có thể xét xử ông ta, và Phó Tổng thống Itamar Franco lên thay.

Tương tự, Quốc hội Pháp có thể cáo buộc tổng thống và các bộ trưởng vì tội phản quốc và các tội khác, mặc dù những quan chức bị buộc tội sẽ được xét xử bởi tòa án cấp cao chứ không phải quốc hội. Thượng viện Anh đã mất phần lớn quyền lực nhưng vẫn tiếp tục là tòa án cấp cao nhất nước. Hầu hết công việc tư pháp của Thượng viện, và toàn bộ các hoạt động của nó với tư cách tòa phúc thẩm, đều được tiến hành nhân danh toàn thể Thượng viện bởi một nhóm nhỏ, gồm 10-15 chuyên gia pháp lý, kể cả Đại Chương ấn [có người dịch là Nhiếp chính quan], 12 nguyên lão, và các thành viên khác của Thượng viện – những người từng giữ chức vụ tư pháp cao (ví dụ, nguyên đại chương quan).

9. Điều tra

Những cuộc điều tra của cơ quan lập pháp thường thu hút sự chú ý đáng kể của dư luận, đặc biệt là ở Mỹ. Hai ví dụ nổi tiếng nhất gần đây là vụ năm 1988 do ủy ban phối hợp chung Hạ viện-Thượng viện tiến hành để làm rõ những kế hoạch bí mật của Cố vấn An ninh Quốc gia John Poindexter và trợ lý Oliver North nhằm bán vũ khí cho Iran và sử dụng quy trình này để tài trợ cho những nhóm phiến quân nổi dậy ở Nicaragua; và vụ do Ủy ban phụ trách các công việc của chính phủ, trực thuộc Thượng viện, tiến hành nhằm điều tra các hoạt động nghi là bất hợp pháp của lực lượng ủng hộ Clinton trong việc gây quỹ cho chiến dịch tái tranh cử của ông Clinton (năm 1996).



Một cuộc điều trần tại Ủy ban Nhân quyền Tom Lantos (Hạ viện Mỹ) về tình hình tù nhân lương tâm trên thế giới, trong đó có Trung Quốc và Việt Nam, ngày 14/1/2014, Washington D.C.

Ảnh: Phạm Đoan Trang

Tuy nhiên, không phải chỉ mình cơ quan lập pháp Mỹ có hoạt động điều tra. Hạ viện Anh cũng đã thành lập một số “ủy ban có chọn lọc” nhằm mục đích làm rõ những thông tin họ cần biết về

các vấn đề mà các ủy ban thường trực của họ không bao quát được. Các ủy ban có chọn lọc này tổ chức những phiên điều trần, triệu tập nhân chứng và thu thập bút lục, và sau đó đệ trình báo cáo. Đôi khi những báo cáo ấy có thể đưa đến việc thay đổi luật pháp hiện hành, thay đổi các quy định hành chính hiện hành, hoặc cả hai. Mặc dù Anh, khác với Mỹ, thực hiện rất nhiều cuộc điều tra của chính phủ thông qua các hội đồng thuộc hoàng gia (bao gồm cả những nhà lập pháp lẫn người ngoài), nhưng các ủy ban có chọn lọc vẫn đóng một vai trò đáng kể trong việc định hình chính sách.

10. Chức năng thông tin

Một số cuộc điều tra của cơ quan lập pháp được tiến hành chủ yếu nhằm thu thập thông tin cần thiết cho việc xây dựng luật mới. Tuy nhiên, cũng có nhiều cuộc điều tra mà mục đích chính yếu là để thông tin cho các cơ quan khác trong chính quyền hoặc cho công luận nói chung về những gì đang xảy ra. Ví dụ, cuộc điều tra của một ủy ban trong Thượng viện Mỹ về hoạt động gây quỹ cho chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1996 chỉ nhằm cung cấp phần nào căn cứ cho những luật mới điều tiết việc tài trợ cho các chiến dịch vận động và thể thức vận động. Cuộc điều tra cũng được tiến hành để xác định xem có phải đạo luật hiện hành khi đó đã bị chính Tổng thống Clinton, hoặc các thành viên trong chính quyền và tổ chức vận động tranh cử của ông ta, vi phạm hay không. Một ví dụ khác, vào cuối những năm 1970, cả hai viện của Quốc hội Mỹ đã thành lập ủy ban điều tra vụ ám sát Tổng thống John F. Kennedy năm 1963, Martin Luther King năm 1968, để xác định xem đó là hành động của các cá nhân, như công cuộc điều tra trước đó đã kết luận, hay là kết quả của nhiều âm mưu nào đấy.

Các cuộc điều tra của cơ quan lập pháp là một cách để thông tin cho công luận, và các cuộc tranh luận của họ cũng là một cách thông tin khác. Ở nhiều quốc hội, đường lối và kỷ luật đảng mạnh đến mức thảo luận trong cơ quan lập pháp khó có thể thay đổi được lá phiếu của mỗi nghị sĩ. Nhưng cho dù có như thế thì thảo

luận vẫn tạo ra diễn đàn chính, nơi các quan điểm ủng hộ và phản đối mỗi vấn đề đều được đưa ra. Do đó, thảo luận cũng đóng gần như hoàn toàn cái vai trò cung cấp thông tin và thúc đẩy ý kiến công luận, mà các chiến dịch vận động tranh cử vẫn thực hiện. (...) Nếu người dân được thông tin và khai sáng là điều kiện thiết yếu, hàng đầu cho một nền dân chủ bền vững, thì thông tin cho công luận dứt khoát không phải là chức năng kém quan trọng nhất trong các chức năng của lập pháp.

Nghị trường Mỹ có một chuyện rất thú vị, đó là trước khi một dự thảo luật được biểu quyết thông qua, các thượng nghị sĩ có quyền phát biểu nói liên tục bao lâu cũng được, miễn là không ngừng nói, không được ngồi. Nói cho đến khi nào kiệt sức không nói được nữa mà thôi. Chính vì vậy một nhóm thiểu số thượng nghị sĩ hoặc một đảng muốn chống lại dự thảo luật có lợi cho phe đối lập, họ sẽ cử một hoặc nhiều thượng nghị sĩ đứng lên phát biểu con cò con kê hết giờ này sang giờ khác, hết ngày này sang ngày khác cho đến khi hết thời gian để mọi người có thể biểu quyết mà thôi. Chiến thuật này có một tên hắc hoi, đó là: chiến thuật filibuster.

Chiến thuật này thậm chí đã được lên thành phim “Mr. Smith Goes to Washington” (1939). Lịch sử Mỹ đã ghi nhận Storm Thurmond là người đã sử dụng chiến thuật filibuster dài nhất trong lịch sử. Ông đã phát biểu trong 24 tiếng 18 phút trong cố gắng chống lại Đạo luật các Quyền Dân sự năm 1957. Trong bài phát biểu của ông có những chủ đề thậm chí như công thức món ăn của bà nội ông v.v...

Xem lại nghị trường của nước ta, dường các đại biểu Quốc hội từ các năm trước đã nhen nhúm, nhưng năm nay đặc biệt rõ hơn sử dụng “chiến thuật filibuster” kiểu Việt Nam. Nghĩa là sẽ có những ông/bà đại biểu đưa ra những ý kiến trời ơi đất hỡi, dường như là muốn câu giờ để thời gian họp Quốc hội trôi qua, còn những việc quan trọng của đất nước thì sẽ bị lơ đi. Thậm chí đến bà Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân cũng chơi cái “chiến thuật filibuster” này khi yêu cầu luật sư tố thân chủ. Báo chí thì có đề tài câu view, người dân ngây thơ thì bị xỏ mũi tranh cãi những ý kiến điên rồ này.

Chỉ có đất nước là lụn bại.

(Nhà báo **Nguyễn Dân** (facebooker Ếch Ao)
viết trên facebook cá nhân ngày 03/6/2017).

LƯƠNG VIỆN VÀ MỘT VIỆN

Chương này xoay quanh vấn đề cấu trúc của cơ quan lập pháp: Quốc hội một viện hay hai viện? Ưu, nhược điểm của mỗi mô hình?

Trong lịch sử, Nam Tư (Yugoslavia) từng có thời có tới 5 viện trong quốc hội. Nam Phi giai đoạn 1984-1994 có quốc hội ba viện. Tuy nhiên, nhìn chung trên thế giới, cơ quan lập pháp các nước chỉ có một hoặc hai viện, với tỷ lệ cũng tương đương nhau (50:50).

Quốc hội lưỡng viện	Quốc hội một viện
Mỹ, Anh, Áo, Ba Lan, Bỉ, Đức, Ireland, Hà Lan, Pháp, Philippines, Rumania, Séc, Slovenia, Tây Ban Nha, Ý...	Bồ Đào Nha, Bulgaria, Croatia, Đan Mạch, Estonia, Hungary, Hy Lạp, Phần Lan, Slovakia, Thụy Điển, Trung Quốc, Việt Nam...

Quốc hội lưỡng viện

Là quốc hội mà quyền lực được chia cho hai viện: thượng viện và hạ viện.

Bạn chú ý rằng gọi là “thượng” và “hạ”, nhưng không có nghĩa là thượng viện cao hơn hạ viện. Không những thế, thượng viện lại có quy mô nhỏ hơn (ít ghế hơn) và có tính đại diện thấp hơn hạ viện.

Ở một số nước, thượng viện thường được xem như chỉ có chức năng tư vấn hoặc xem xét lại, nên quyền lực của thượng viện thậm chí còn hạn chế hơn hạ viện: chỉ được bỏ phiếu trong một số vấn đề nhất định (ví dụ sửa hiến pháp), không được đề xuất dự luật, không được bỏ phiếu bất tín nhiệm chính phủ, không được phủ quyết dự thảo luật, không được sửa đổi dự thảo luật...

Ở Mỹ, quyền lực được chia đều cho hai viện hay nói cách khác, quyền của thượng viện ngang bằng hạ viện, thậm chí còn có một vài quyền mà hạ viện không có, chẳng hạn như quyền chỉ định chánh án, đại sứ...

Thành viên của thượng viện được gọi là thượng nghị sĩ hoặc nghị sĩ. Cương vị này có thể được bầu trực tiếp, bầu gián tiếp hoặc

được chỉ định, tùy nước. Nếu được bầu thì thượng viện được bầu từng phần (gối nhau).

Thành viên của hạ viện được gọi là dân biểu. Dân biểu được bầu trực tiếp và đồng loạt.

Do hạ viện có tính đại diện cao hơn cho nên dân biểu thường quan tâm đến đơn vị bầu cử của mình, hơn là đến cả đơn vị bầu cử lẫn đất nước. Dân biểu thường chú ý đến các đạo luật của địa phương mình hơn. Thượng viện thì thường quan tâm tới các vấn đề quốc gia hơn.

Ưu điểm của quốc hội lưỡng viện

- Hai viện kiểm soát quyền lực lẫn nhau và ngăn chặn sự khống chế của nhóm lợi ích.

- Hai viện kiểm soát hành pháp hiệu quả hơn một viện.

- Tăng cường khả năng đại diện cho nhiều lợi ích hơn, nhiều nhóm cử tri hơn.

- Bảo vệ hiến pháp tốt hơn, trì hoãn hoặc ngăn chặn việc thông qua những đạo luật chưa hợp lý.

- Tạo thêm thời gian cho việc thảo luận và phản biện các dự thảo luật.

- Rất phù hợp với những quốc gia rộng lớn, có dân số không đồng nhất, hoặc nước theo thể chế liên bang.

Nhược điểm của quốc hội lưỡng viện

- Làm cho tiến trình lập pháp càng phức tạp, khó khăn, mất thì giờ hơn; có thể gây ra “bế tắc về chính sách” khi mà các đạo luật mãi không được thông qua. Chuyện này đặc biệt dễ xảy ra khi hành pháp và lập pháp nằm trong tay hai đảng khác nhau hoặc hai viện do hai đảng khác nhau khống chế.

- Tổn kém hơn, ít nhất là tổn tiền lương cho các nghị sĩ và dân biểu.

- Khó xác định trách nhiệm trong trường hợp một đạo luật tồi tệ được thông qua, bởi hai viện thường đổ lỗi cho nhau.



Dân biểu Mỹ Zoe Lofgren (đảng Dân chủ, bang California) cầm tập báo cáo về blogger Ba Sàm, tại văn phòng của bà ở Washington D.C., ngày 13/11/2014. Ảnh: Phạm Đoàn Trang

Quốc hội một viện

Ưu điểm của quốc hội một viện

- Tiết kiệm chi phí, kinh tế hơn lưỡng viện.
- Dễ xác định trách nhiệm khi một luật tồi tệ được thông qua (hoặc khi không thông qua được luật).
- Tiến trình lập pháp gọn nhẹ hơn, có thể nhanh chóng hơn.
- Quốc hội đại diện được cho cả lợi ích quốc gia lẫn địa phương.

Nhược điểm của quốc hội một viện

- Thiếu sự kiểm soát quyền lực lẫn nhau như ở cơ chế lưỡng viện, và vì thế, quốc hội có thể bị chi phối bởi nhóm lợi ích.
- Khả năng kiểm soát hành pháp kém hơn. Ở những nước theo chế độ đại nghị mà lãnh đạo phe đa số trong quốc hội cũng là quan chức hành pháp thì có nguy cơ hành pháp lấn át lập pháp. (Ở nước độc đảng như Việt Nam dưới thời cộng sản thì đó không còn là nguy cơ mà đã là thực tế).

- Tính đại diện thấp, nhiều nhóm trong xã hội có thể không được đại diện đúng mức ở quốc hội.
- Chất lượng làm luật kém hơn, có thể thông qua những đạo luật tồi tệ, vi hiến, bất hợp lý.
- Không thích hợp với những nước có dân số lớn, không đồng nhất, hoặc những nước theo thể chế liên bang.

* * *

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG QUỐC HỘI

Dưới đây là một bảng danh sách các tiêu chí để đánh giá một quốc hội có thực sự là đại diện của dân không, có thực sự là cơ quan dân cử vận hành trong một nền dân chủ không. Bảng này do M. Steven Fish và Matthew Kroenig lập cho một khảo sát quốc tế của họ từ năm 2002 đến năm 2005, nhằm khẳng định một điều: Cơ quan lập pháp càng mạnh thì đất nước càng dân chủ.

Bảng khảo sát Fish-Kroenig về quyền lực lập pháp* 1. Một mình quốc hội, không có sự tham gia của bất kỳ cơ quan nào khác, có đủ quyền luận tội tổng thống hoặc thay thế thủ tướng. 2. Các bộ trưởng có thể đồng thời là thành viên của quốc hội. 3. Quốc hội có quyền triệu tập quan chức hành pháp. Điều trần của các quan chức hành pháp trước quốc hội hoặc các ủy ban của quốc hội được tiến hành thường xuyên. 4. Quốc hội có quyền tiến hành điều tra độc lập về người đứng đầu cơ quan hành pháp và các cơ quan thuộc hành pháp. 5. Quốc hội có thực quyền giám sát các cơ quan công quyền (quân đội, hành pháp, tình báo, mật vụ). 6. Quốc hội chỉ định thủ tướng. 7. Bắt buộc phải có sự chuẩn y của quốc hội thì mới có thể phê chuẩn việc chỉ định từng bộ trưởng. Hoặc tự quốc hội có quyền chỉ định bộ trưởng. 8. Quốc gia không có tổng thống, hoặc có tổng thống nhưng tổng thống do quốc hội bầu ra.
--

9. Quốc hội có quyền bỏ phiếu bất tín nhiệm chính phủ mà không đe dọa gì đến nhiệm kỳ của quốc hội (tức là không có nguy cơ bị giải tán).
10. Quốc hội được miễn trừ khỏi việc bị cơ quan hành pháp giải tán.
11. Mỗi sáng kiến làm luật của cơ quan hành pháp phải được sự phê chuẩn, chuẩn ý của quốc hội thì mới có hiệu lực, nói cách khác, cơ quan hành pháp không có quyền lực lập pháp.
12. Luật do quốc hội thông qua không thể bị phủ quyết, hoặc phần lớn không thể bị phủ quyết; nói cách khác, cơ quan hành pháp không có quyền phủ quyết, hoặc có quyền phủ quyết song phủ quyết vô hiệu nếu bị đa số thành viên quốc hội bác bỏ.
13. Luật do quốc hội làm ra và ban hành là tối cao.
14. Quốc hội có quyền đề xuất dự thảo luật ở mọi lĩnh vực chính sách; hành pháp không có quyền kiểm soát việc đó.
15. Việc chi tiêu ngân quỹ của quốc hội phải được ủy nhiệm; cơ quan hành pháp không có quyền sử dụng những khoản ngân quỹ mà quốc hội đã lấy.
16. Quốc hội kiểm soát mọi nguồn tiền tài trợ cho hoạt động của quốc hội và cấp phát lương bổng cho thành viên quốc hội.
17. Thành viên quốc hội được miễn trừ khỏi việc bị bắt và/hoặc bị truy tố hình sự.
18. Tất cả thành viên quốc hội đều là dân cử (do bầu cử mà ra); cơ quan hành pháp không có quyền chỉ định bất kỳ thành viên nào của quốc hội.
19. Một mình quốc hội, không có sự tham gia của bất kỳ cơ quan nào khác, có quyền sửa đổi hiến pháp.
20. Việc tuyên bố chiến tranh bắt buộc phải được sự chuẩn ý của quốc hội.
21. Việc thông qua các điều ước quốc tế bắt buộc phải được sự chuẩn ý của quốc hội.
22. Quốc hội có quyền ra lệnh ân xá.
23. Quốc hội có quyền tha tội.
24. Quốc hội xét duyệt và có quyền bác bỏ các nhân sự được chỉ định cho cơ quan tư pháp; hoặc tự quốc hội có quyền chỉ định thành viên cơ quan tư pháp.
25. Thống đốc ngân hàng trung ương do quốc hội chỉ định.
26. Quốc hội là một tiếng nói có trọng lượng trong hoạt động của cơ quan truyền thông quốc doanh.
27. Quốc hội họp thường xuyên.

28. Mỗi nhà lập pháp (đại biểu quốc hội, nghị sĩ, dân biểu) đều có thư ký riêng.
29. Mỗi nhà lập pháp đều có ít nhất một trợ lý không phải là thư ký và có chuyên môn về chính sách.
30. Các nhà lập pháp có thể được tái cử, không bị hạn chế gì.
31. Mỗi một ghế trong quốc hội đều là một cương vị đủ hấp dẫn để các nhà lập pháp nói chung đều ưa thích và vì thế đều mong muốn được tái cử.
32. Việc tái cử các thành viên đương nhiệm của quốc hội là phổ biến, đủ để vào bất kỳ lúc nào, quốc hội cũng có một số lượng đáng kể thành viên nhiều kinh nghiệm.

* “Stronger legislatures, stronger democracies”, M. Steven Fish, tháng 1/2006. Bài nằm trong tuyển tập “Democracy: A Reader”, Larry Diamond & Marc F. Plattner, John Hopkins University Press, 2009.

* * *

CƠ QUAN LẬP PHÁP Ở VIỆT NAM

Cơ quan lập pháp ở Việt Nam gồm Quốc hội và các hội đồng nhân dân.

Cơ quan lập pháp cấp cao nhất – cấp trung ương – được gọi là Quốc hội. Thành viên của nó được gọi là đại biểu Quốc hội.

Điều 69 Hiến pháp Việt Nam 2013 quy định “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước”.

Mặc dù Hiến pháp nghe có vẻ rất dân chủ như vậy, nhưng như ở Chương “Hiến pháp và pháp luật” đã đề cập, trên thực tế thì bản “khế ước xã hội” này chưa bao giờ được nhân dân phúc quyết, và nó chỉ là sự thể chế hóa cương lĩnh của đảng Cộng sản.

Quốc hội là cơ quan một viện được bầu với nhiệm kỳ 5 năm. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Quốc hội tổ chức họp mỗi năm hai lần, mỗi lần một tháng. Theo Luật Tổ chức Quốc hội, tổng số đại biểu Quốc hội không vượt quá 500.

Quốc hội có một ủy ban thường vụ, một hội đồng dân tộc, và 9 ủy ban chuyên môn: (1) Ủy ban Pháp luật; (2) Ủy ban Tư pháp; (3) Ủy ban Kinh tế; (4) Ủy ban Tài chính và Ngân sách; (5) Ủy ban Quốc phòng và An ninh; (6) Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng; (7) Ủy ban về các Vấn đề Xã hội; (8) Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường; và (9) Ủy ban Đối ngoại.

Vì Việt Nam là một nhà nước độc đảng, nên chỉ có một đảng cầm quyền là đảng Cộng sản Việt Nam, không có đảng đối lập, và trung bình ít nhất 95% đại biểu Quốc hội là đảng viên cộng sản. Số đại biểu còn lại có thể không phải là đảng viên tại thời điểm được bầu, nhưng sau đó họ có thể sẽ được kết nạp vào đảng Cộng sản; hoặc họ phải là cảm tình viên của đảng Cộng sản, hay ít nhất cũng không phải người có ý thức hệ khác với đảng Cộng sản.

Đó là ở cấp trung ương. Ở cấp địa phương, cơ quan lập pháp là các hội đồng nhân dân. Thành viên của nó được gọi là đại biểu hội đồng nhân dân (các cấp).

Theo Hiến pháp, “Hội đồng Nhân dân là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân trong vùng bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân trong vùng và cơ quan Nhà nước cấp trên”. “Hội đồng Nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân” (Điều 113). “Ủy ban nhân dân do Hội đồng Nhân dân bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng Nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa

phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Nhân dân cùng cấp và cơ quan nhà nước cấp trên” (Điều 114).

Việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Về ngôn ngữ lập pháp và hành chính, Việt Nam cộng sản rất giống Trung Quốc cộng sản. Ví dụ, Trung Quốc gọi cơ quan lập pháp là Đại hội Đại biểu Nhân dân, Việt Nam gọi là Quốc hội. Trung Quốc có Luật Bầu cử đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và đại hội đại biểu nhân dân các cấp (2010). Việt Nam có Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng Nhân dân (2015). Ở cả hai nước cũng đều tồn tại cơ chế hiệp thương trong bầu cử. (Xem thêm chương Bầu cử, Phần V, “Tương tác chính trị”).

* * *

TIẾN TRÌNH LẬP PHÁP

Phần này là câu trả lời cho câu hỏi “làm thế nào một dự luật trở thành luật”.

Dưới đây là quy trình làm luật ở một nước có quốc hội lưỡng viện trong khu vực Đông Nam Á – Philippines. Quy trình này được tóm tắt lại và in trong các tờ rơi phát miễn phí ở cơ quan lập pháp Philippines cho mọi du khách trong và ngoài nước.

- Dự thảo có thể được trình ở Hạ viện hoặc Thượng viện. Dự thảo chỉ được xoay quanh một vấn đề duy nhất, và vấn đề đó phải được nêu ở ngay tiêu đề của dự thảo.

- Tại phiên đọc thứ nhất, tiêu đề và mã số dự luật sẽ được đọc, và sau đó, dự thảo được chuyển cho ủy ban thích hợp.

- Một ủy ban nghiên cứu dự thảo và tổ chức điều trần về dự thảo. Sau đó, ủy ban lập một báo cáo về dự thảo. Mỗi ủy ban chỉ lập một báo cáo về một dự thảo mà ủy ban quyết định đề xuất để Thượng viện hoặc Hạ viện phê chuẩn.

- Báo cáo của ủy ban được đọc tại một phiên họp mở. Sau đó, báo cáo cùng dự thảo được đưa lên Ủy ban Quy tắc. Ủy ban Quy tắc có thể lên lịch đưa dự thảo vào phiên đọc thứ hai hoặc vào chương trình những công việc chưa được chỉ định.

- Tại phiên đọc thứ hai, dự thảo được đưa ra để thảo luận và sửa đổi trước khi được đưa vào lịch cho phiên đọc thứ ba. Mỗi dự thảo phải qua ba phiên đọc, vào ba ngày khác nhau, chỉ trừ khi Tổng thống xác nhận một dự thảo nào đó là khẩn cấp, chẳng hạn để đối phó với một tình huống báo động khẩn cấp nào đó trên toàn quốc.

- Sau khi được một viện phê chuẩn, dự luật được chuyển sang viện còn lại và cũng phải qua những thủ tục như thế.

- Nếu một trong hai viện sửa đổi dự luật, thì viện còn lại cũng phải nhất trí. Nếu một trong hai viện lại có một dự luật mâu thuẫn với dự luật do viện kia thông qua, hai dự luật chứa những điều khoản mâu thuẫn nhau, thì một ủy ban bao gồm đại diện của cả hai viện sẽ được lập ra để điều hòa các điều khoản mâu thuẫn. Sau đó, nếu có thể điều hòa được các điều khoản mâu thuẫn, thì một báo cáo của ủy ban này sẽ được soạn thảo để phê chuẩn, và phải được sự phê chuẩn của cả hai viện.

- Khi dự luật được cả hai viện thông qua, nó được ký bởi các lãnh đạo của cả hai viện và rồi được gửi tới Tổng thống để Tổng thống phê chuẩn.

- Tổng thống có thể ký để dự luật chính thức trở thành luật, hoặc có thể phủ quyết toàn bộ hay một phần dự luật. Trong vòng 30 ngày kể từ khi Tổng thống nhận được dự luật, nếu Tổng thống không ký phê chuẩn hay phủ quyết nó, thì dự luật trở thành luật. Ngay cả khi Tổng thống phủ quyết, nếu cả hai viện bác bỏ được phủ quyết đó với 2/3 số thành viên mỗi viện tán thành bác bỏ phủ quyết, thì dự luật vẫn trở thành luật.

Tiến trình lập pháp của Philippines rất giống với tiến trình lập pháp ở Mỹ. Tại Mỹ, quá trình để một dự thảo luật trở thành luật trải qua các bước như sau: ¹

¹ "Government 101: How a Bill Becomes Law", đăng trên trang Vote Smart tại địa chỉ: <https://votesmart.org/education/how-a-bill-becomes-law#.WTbVeGiGPiV>.

- Bất cứ thành viên nào của Thượng viện hay Hạ viện đều có thể đề xuất một dự luật.

- Sau đó, dự luật được Chủ tịch Thượng viện hoặc Chủ tịch Hạ viện chuyển đến ủy ban thích hợp. Một dự luật có thể được chuyển tới một, hai hoặc nhiều ủy ban, hoặc có thể được chia nhỏ thành nhiều phần và mỗi phần được gửi tới một ủy ban riêng. Chủ tịch Hạ viện có thể ấn định hạn thời gian cho các ủy ban.

- Các dự luật được đưa vào lịch của ủy ban mà chúng được gửi tới. Việc các ủy ban chậm có phản hồi về dự luật đồng nghĩa với việc nó bị loại bỏ.

- Thủ tục tại các ủy ban:

- Các cơ quan của chính phủ đề nghị có bình luận về dự luật.
- Chủ tịch ủy ban có thể chuyển dự luật về cho tiểu ban (cấp dưới ủy ban).
- Các cuộc điều trần về dự luật được tổ chức.
- Các tiểu ban soạn thảo báo cáo của họ về dự luật, gửi cho ủy ban.

• Ủy ban tổ chức những phiên họp “gia tăng giá trị”, trong đó họ sẽ sửa đổi, bổ sung dự luật. Nếu phải sửa nhiều thì ủy ban có thể ra lệnh làm lại một dự luật “sạch”, nghĩa là có sửa đổi, bổ sung lại. Khi đó, dự luật mới này sẽ được đánh mã số mới và được gửi “lên sàn”, còn dự luật cũ thì bị hủy. Thượng viện hoặc Hạ viện phải phê chuẩn, điều chỉnh hay bác bỏ tất cả các sửa đổi, bổ sung của ủy ban rồi mới có thể tiến hành bỏ phiếu thông qua.

- “Lên sàn”, tức là dự luật được đưa vào lịch làm việc của hai viện, sau đó mỗi viện sẽ tổ chức tranh luận, tranh biện về dự luật.

• Tại Hạ viện, việc tranh luận chịu những giới hạn do Ủy ban Quy tắc đặt ra. Ủy ban Bảo trợ sẽ dẫn dắt cuộc tranh luận và phân bổ thời gian công bằng giữa bên tán thành và bên phản đối dự luật.

• Tại Thượng viện, việc tranh luận được kéo dài không giới hạn. Thành viên Thượng viện, tức là thượng nghị sĩ, có thể nói bao lâu

tùy thích, kéo dài cuộc tranh luận để ngăn Thượng viện thông qua dự luật – đây gọi là thủ tục filibuster. Thủ tục filibuster này chỉ có thể bị vô hiệu hóa nếu có 3/5 số thành viên Thượng viện bỏ phiếu thực hiện một thủ tục khác, gọi là cloture, “đóng cửa”. Khi Thượng viện dùng đến cơ chế “đóng cửa” này thì thời gian tranh luận sẽ bị giới hạn ở mức dưới 30 tiếng đồng hồ.

- Bỏ phiếu. Nếu dự luật được thông qua ở một trong hai viện, nó sẽ được chuyển sang cho viện còn lại. Nếu có một trong hai viện không thông qua dự luật thì coi như nó chết. Nếu hai viện cùng thông qua một dự luật thì dự luật được chuyển tới Tổng thống. Nếu hai viện thông qua một dự luật với những điều khoản khác biệt thì dự luật sẽ được chuyển tới một ủy ban khác, do hai viện thành lập. Thành viên của ủy ban được chỉ định bởi chủ tịch của những ủy ban trước đó từng làm việc về dự luật. Giờ đây, ủy ban này sẽ điều hợp những khác biệt của hai bản dự luật của Thượng viện và Hạ viện.

- Cuối cùng, nếu Tổng thống ký thông qua dự luật, hoặc nếu cả hai viện đều bác bỏ phủ quyết của Tổng thống (với 2/3 thành viên có mặt ở mỗi viện bỏ phiếu bác bỏ phủ quyết), thì dự luật trở thành luật và được gán một mã số chính thức.

* * *

Còn ở nước CHXHCN Việt Nam, quy trình xây dựng pháp luật trải qua các bước như sau: ¹

1. Lập chương trình xây dựng pháp luật

Căn cứ để lập chương trình là các nghị quyết của đảng Cộng sản Việt Nam và các sáng kiến pháp luật. Chỉ có: Chủ tịch nước và các

¹ Phần này dựa theo một bài giảng của Giáo sư-Tiến sĩ Nguyễn Minh Thuyết, đại biểu Quốc hội các khóa XI, XII. Nội dung do ông Thuyết tóm tắt.

cơ quan nhà nước (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước), Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, đại biểu quốc hội mới có quyền đề xuất sáng kiến pháp luật.

Thủ tục lập chương trình xây dựng pháp luật: Ủy ban Tư pháp của Quốc hội tập hợp các sáng kiến pháp luật, gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét và trình Quốc hội. Quốc hội thảo luận và biểu quyết thông qua.

2. Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

- Lập Ban Soạn thảo.

- Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Lập dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Đánh giá tác động và xây dựng báo cáo đánh giá tác động của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Lấy ý kiến tổ chức, cá nhân có liên quan (trực tiếp, hoặc qua cổng thông tin điện tử); tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến.

- Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Khảo sát thực tế.

- Lấy ý kiến chuyên gia và các đối tượng liên quan.

- Thẩm tra sơ bộ (Thường trực Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội)

- Thẩm tra chính thức (hội nghị toàn thể)

4. Báo cáo thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Lần 1: Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo thẩm tra sơ bộ.

- Lần 2: Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo thẩm tra chính thức.

5. Thảo luận ở Quốc hội

- Thảo luận ở tổ
- Thảo luận ở hội trường

6. Tiếp thu, sửa chữa

- Cơ quan thẩm tra và Ban Soạn thảo phối hợp sửa chữa dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo ý kiến đại biểu Quốc hội.
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội thảo luận, thông qua báo cáo tiếp thu, giải trình.

7. Quốc hội thảo luận và biểu quyết thông qua

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày báo cáo tiếp thu, giải trình.
- Quốc hội thảo luận lần hai.
- Quốc hội biểu quyết về một số điều và toàn văn văn bản quy phạm pháp luật.

Ta có thể nhìn thấy ở quy trình này một số vấn đề: Ngay từ đầu, chương trình xây dựng pháp luật đã căn cứ vào... nghị quyết của đảng Cộng sản Việt Nam, chứ không phải vào nhu cầu của người dân, của cuộc sống. Tức là, việc làm luật chỉ có ý nghĩa minh họa đường lối, minh họa và hiện thực hóa các nghị quyết của đảng Cộng sản.

Bên cạnh đó, chương trình xây dựng pháp luật cũng dựa vào các sáng kiến pháp luật, nhưng những sáng kiến pháp luật này thì không phải ai cũng đưa ra được, và không tồn tại cơ chế để người dân, nếu có ý tưởng lập pháp, có thể vận động đưa ý tưởng của mình ra Quốc hội.

Quốc hội của nước CHXHCN Việt Nam chỉ bao gồm thành viên của một đảng duy nhất – đảng Cộng sản Việt Nam – nên tính đại diện của nó rất thấp, nếu không muốn nói rằng nó không hề đại

diện cho người dân. Khả năng giám sát, kiểm soát hành pháp của nó cũng gần như bằng không, chủ yếu do cơ chế độc đảng và một phần nhỏ là do nó chỉ có một viện. (Thông thường, có hai viện cùng giám sát và kiểm soát hành pháp thì quốc hội sẽ ít có khả năng bị chính phủ lấn át, chi phối hơn).

Bài đọc

10 ĐẦU VIỆC CỦA MỘT ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Trịnh Hữu Long¹

Đối với các đại biểu Quốc hội lần đầu góp mặt tại nghị trường, việc tìm hiểu các hoạt động của một đại biểu Quốc hội là tối quan trọng. Bất luận bạn là đại biểu do Đảng cử hay do tự ứng cử, kể từ tháng 7 này, cuộc đời bạn sẽ sang một trang hoàn toàn khác: bạn trở thành 1 trong 500 người quyết định những vấn đề hệ trọng nhất của quốc gia.

Xin nhắc lại: những vấn đề hệ trọng nhất của cả một quốc gia, gồm có gần 100 triệu người.

Hãy tạm quên đi chuyện đảng Cộng sản Việt Nam chi phối Quốc hội ra sao. Tất cả mọi người đã biết chuyện đó rồi. Tuy nhiên, một khi dây nút bấm còn ở trong tay bạn, chỉ có bạn mới là người quyết định sẽ bấm nút nào.

Sau đây là danh sách những việc cần bạn làm với tư cách là một đại diện của dân.

Trước hết, danh sách công việc này sẽ phải dựa trên ba chức năng của Quốc hội. Là một thành viên của Quốc hội, công việc của bạn là thực hiện ba chức năng đó, bao gồm:

¹ Bài đã đăng trên Luật Khoa tạp chí ngày 14/2/2016, tại địa chỉ: <http://luatkhoa.org/2016/02/10-dau-viec-cua-mot-dai-bieu-quoc-hoi/>

1. Làm và sửa đổi Hiến pháp, làm và sửa đổi luật.
2. Quyết định các vấn đề quan trọng.
3. Thực hiện quyền giám sát tối cao.

Nghe vậy có vẻ hơi chung chung. Vậy cụ thể thực hiện những chức năng này là làm gì? Hiến pháp nói rõ chuyện đó.

1. QUYẾT ĐỊNH CHIẾC GHẾ CỦA NHỮNG NGƯỜI QUYỀN LỰC NHẤT (NGOẠI TRỪ NGƯỜI QUYỀN LỰC NHẤT)

Ok. Bạn đã từng bầu lớp trưởng, tổ trưởng dân phố, bí thư đoàn thanh niên, bí thư các đảng bộ, cán bộ chính quyền địa phương và rất nhiều các chức danh khác. Nhưng ở đây chúng ta đang nói đến một chuyện to tát hơn nhiều: chiếc ghế của các ông bà Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc Hội. Đó là chưa kể một loạt những chiếc ghế khác ít quyền lực hơn ở cấp trung ương như Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, các bộ trưởng, các chủ nhiệm ủy ban của Quốc Hội,...

Không những thế, là đại biểu Quốc hội, bạn có quyền yêu cầu bỏ phiếu tín nhiệm hay bỏ phiếu phế truất các ông bà này. Nghe có vẻ lạ tai nhưng chuyện này đã từng xảy ra hồi tháng 11/2010. Khi đó, đại biểu Nguyễn Minh Thuyết đã yêu cầu Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với Thủ tướng đương nhiệm Nguyễn Tấn Dũng liên quan đến vụ Vinashin nhưng không thành.

2. LÀM LUẬT

Quốc hội chắc chắn không phải là nơi viết nội quy cho một nhóm vài chục hay vài trăm người. Luật bạn viết ra hay thông qua được áp dụng cho toàn dân. Quốc hội khóa XIV sẽ là một nơi khắc nghiệt với các nhà lập pháp, bởi khối lượng công việc và thách thức khổng lồ.

Bạn cần phải sẵn sàng cho việc bỏ phiếu thông qua Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Rồi nếu TPP chính thức có

hiệu lực, trong suốt nhiệm kỳ 5 năm của bạn, một trong những nghị trình chính sẽ là nội địa hóa toàn bộ quy định của TPP. Hãy chắc là bạn nắm rõ nội dung của hiệp định này.

Quốc hội khóa cũ cũng để lại cho bạn và 499 đồng nghiệp khác một món nợ khổng lồ các đạo luật cần được thông qua, trong đó có nhiều món khá là “khoai”. Ví dụ: Luật Biểu tình, Luật về Hội, Luật Tín ngưỡng - Tôn giáo, Luật về Máu và Tế bào gốc, Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Luật Quản lý Ngoại thương,...

Đó là chưa kể sẽ có nhiều đạo luật mới phát sinh, mà một trong số đang ở trong tầm ngắm là luật về đảng.

Bạn cũng nên dự liệu sẵn khả năng Quốc hội khóa XIV sẽ phải sửa đổi hoặc ban hành một bản hiến pháp mới. Vào thời kỳ nhiều biến động này, không gì là không thể.

Vốn dĩ lâu nay đại biểu Quốc hội Việt Nam cực kỳ thụ động trong việc làm luật, hầu như chỉ chờ chính phủ trình sang dự luật gì thì xem xét cái đó. Đã đến lúc mọi chuyện cần phải thay đổi. Bạn hãy trở thành người chủ động đưa ra các sáng kiến lập pháp và các dự thảo luật mới. Rất nhiều vấn đề nhức nhối như lạm dụng đồ uống có cồn, thực phẩm độc hại, bệnh viện quá tải hay khủng hoảng chất lượng giáo dục đang chờ bạn giải quyết.

Có như vậy người ta mới gọi bạn là “nhà lập pháp” theo nghĩa đầy đủ của từ này được.

Công cụ không thể thiếu trong công việc của bạn là Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật 2015, sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2016 và kế hoạch xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016.

3. QUYẾT ĐỊNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Bạn có biết dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 là bao nhiêu không? Hơn 1 triệu tỷ đồng, tức là khoảng 45 tỷ USD. Để so sánh, bạn cần biết người giàu nhất Việt Nam, Phạm Nhật Vượng, cũng chỉ có trên dưới 1 tỷ USD.

Vào phiên họp cuối mỗi năm, thường rơi vào tháng 11, mỗi đại biểu Quốc hội sẽ phải bấm nút quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm sau. Bạn phải làm quen với các khái niệm chính sách tài khóa, thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ viện trợ, thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu, chi thường xuyên, chi đầu tư – phát triển, chi phát triển sự nghiệp, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, bội chi, thâm hụt ngân sách, và rất nhiều khái niệm tài chính công khác.

Dĩ nhiên, sau mỗi năm tài khóa, cũng chính bạn sẽ là người bấm nút thông qua báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước của năm đó. Việc này thường diễn ra sau hơn một năm kể từ khi kết thúc năm tài khóa.

4. QUYẾT ĐỊNH TRẦN NỢ CÔNG

Vào đầu mỗi khóa Quốc hội, một trong những “bài tập” khó nhằn cho mỗi đại biểu Quốc hội là quyết định chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội cho cả 5 năm sau đó bằng việc thông qua một nghị quyết.

Một trong những con số quan trọng nhất của bản nghị quyết đó là tỉ lệ nợ công.

Năm 2011, Quốc hội khóa XIII đặt ra con số 65% GDP. Nhiều thống kê cho thấy tổng nợ công của Việt Nam đã sắp chạm cái trần này. Đặc biệt trong bối cảnh phải cắt giảm các dòng thuế nhập khẩu do quy định của các hiệp định thương mại tự do (FTA), một chính phủ đã quen chi tiêu quá tay cho một bộ máy quá công kênh sẽ muốn vay thêm tiền để trang trải cho các hoạt động của mình.

Do đó, chính phủ có thể sẽ gây sức ép buộc Quốc hội phải nới trần nợ công, nghĩa là cho phép họ vay thêm tiền. Liệu bạn có thỏa hiệp với một chính phủ chi tiêu quá dễ dãi như vậy hay không? Vào thời điểm quyết định, phiếu biểu quyết của bạn sẽ hoặc là đẩy chính phủ vào thế phải cắt giảm chi tiêu, hoặc là đẩy đất nước chìm sâu vào nợ nần và có thể sau cùng sẽ vỡ nợ.

Tất nhiên rồi, bạn buộc phải nắm rõ Luật Quản lý Nợ công.

5. QUYẾT ĐỊNH VỀ THUẾ

Thuế là thứ tạo ra mối quan hệ giữa nhà nước và công dân. Không có thuế thì không có nhà nước. Có thuế thì người dân và doanh nghiệp sẽ thấy túi tiền của họ vơi đi một chút. Tìm được điểm cân bằng hợp lý để định ra một loại thuế, một mức thuế là việc không đơn giản. Làm sai có thể dẫn đến rối loạn xã hội. Và bạn là người phải làm cái việc đó.

Như đã nói ở trên, việc Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là TPP và Cộng đồng Kinh tế ASEAN, sẽ tháo dỡ rất nhiều các dòng thuế nhập khẩu. Điều này đương nhiên sẽ ảnh hưởng lớn đến nguồn thu ngân sách. Trong khóa XIV của bạn, Chính phủ và một số nhóm lợi ích nào đó sẽ tìm cách nghĩ ra các loại thuế và phí mới để bù đắp nguồn thu và gây sức ép để Quốc hội thông qua. Bạn sẽ đứng ở giữa Chính phủ và người dân trong vấn đề nhạy cảm nhất này của quốc gia. Đây rõ là chuyện không dễ dàng.

6. PHÊ CHUẨN CÁC HIỆP ƯỚC QUỐC TẾ

Bạn đã từng nghe nói với Công ước Quốc tế về Quyền Trẻ em, Công ước Chống Tra tấn, Hiệp định Thương mại Tự do Việt - Mỹ, các hiệp định WTO, và sắp tới là TPP.

Bạn cũng từng nghe nói đến việc bộ trưởng thương mại các nước đã ký kết Hiệp định TPP ngày 04/02 vừa qua. Vậy tại sao TPP vẫn chưa có hiệu lực?

Lý do là vì TPP, cũng như nhiều (chứ không phải tất cả) các hiệp ước quốc tế khác, phải đi qua một cửa nữa, trước khi có hiệu lực: được quốc hội các nước liên quan phê chuẩn. Hãy chắc chắn là bạn nắm được Luật Ký kết, Gia nhập và Thực hiện Điều ước Quốc tế.

7. QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CÁC DỰ ÁN LỚN

Dự án lớn được gọi chính thức là “dự án quan trọng quốc gia”, bao gồm các dự án sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên,

dự án nhà máy điện hạt nhân, các dự án di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi hoặc 50.000 người trở lên ở các vùng khác...

Các dự án này phải qua được cửa Quốc hội mới được làm. Quốc hội đã từng quyết các dự án đường dây 500 kV, dự án đường Hồ Chí Minh hay dự án nhà máy thủy điện Sơn La.

Trên bàn làm việc của bạn trong khóa XIV có thể sẽ có dự án đường sắt cao tốc Bắc - Nam. Việc thẩm tra những dự án như thế này hoàn toàn không đơn giản và sẽ gây rất nhiều tranh cãi. Ít nhất bạn phải nắm rõ Luật Đầu tư Công.

8. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP, CHIA TÁCH, SÁP NHẬP ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Năm 2008, Quốc hội khóa XII đã gây sốc khi sáp nhập toàn bộ tỉnh Hà Tây và một số vùng của tỉnh Hòa Bình và tỉnh Vĩnh Phúc vào Hà Nội, biến Hà Nội thành một trong những thủ đô nhiều ruộng đồng nhất thế giới.

Cho đến giờ, vẫn chưa có giải thích thấu đáo và rõ ràng nào về lý do dẫn đến quyết định này, cũng như tác động của nó đến cuộc sống của người dân các vùng liên quan.

Điều tương tự có thể lặp lại và bạn sẽ là người góp phần quyết định chuyện đó.

9. QUYẾT ĐỊNH VẤN ĐỀ CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH; QUY ĐỊNH VỀ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP, CÁC BIỆN PHÁP ĐẶC BIỆT KHÁC BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH QUỐC GIA

Khó mà đoán được Trung Quốc sẽ làm những gì trên Biển Đông và đất liền. Và liệu biên giới với Cambodia có yên ổn trong 5 năm tới hay không? Không ai biết. Nhưng khi có sự biến xảy ra, với tư cách là đại biểu Quốc hội, bạn có trọng trách đặc biệt trong việc quyết định cách giải quyết vấn đề.

10. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Quốc hội có quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Chắc bạn đã từng thấy các đại biểu Quốc hội chất vấn các quan chức cấp cao như Thủ tướng, các bộ trưởng, Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao và nhiều quan chức khác. Đó chính là một trong những hoạt động giám sát.

Xem xét và thảo luận các báo cáo công tác của các quan chức cấp cao cũng là giám sát. Bên cạnh đó, đại biểu Quốc hội có thể tham gia các đoàn giám sát chuyên đề về một vấn đề cụ thể nào đó, ví dụ vấn đề xét xử oan sai hay chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

* * *

Trên đây là một số đầu việc quan trọng mà một đại biểu Quốc hội phải làm. Bạn có thể xem đầy đủ các đầu việc này tại Điều 70 của Hiến pháp hiện hành về nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội. Đọc kỹ Luật Tổ chức Quốc hội cũng không thừa.

Bài viết này đưa ra rất nhiều văn bản luật và cả Hiến pháp để bạn áp dụng. Tuy nhiên, cũng đừng quên rằng, với tư cách là một đại biểu Quốc hội, bạn có thể thay đổi tất cả những văn bản đó.

Chúc bạn thành công.

Bài đọc

CÁCH ĐO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI¹

Những năm gần đây, gần như trước kỳ họp Quốc hội nào, câu chuyện nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội cũng được nêu ra. Có lẽ đã tới lúc cần đặt vấn đề một cách “sát sườn” hơn: Làm thế nào để cân, đo, đong, đếm được chất lượng ấy?

Hiệu quả hoạt động của cơ quan lập pháp phụ thuộc vào chất lượng của đại biểu Quốc hội và mức độ thực quyền của Quốc hội đối với cơ quan hành pháp. Nếu nói hiện nay năng lực lập pháp ở ta còn yếu, thì cứ phải tiên trách đại biểu, hậu trách cái cơ chế quyết định thực quyền của Quốc hội.

TIÊN TRÁCH ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điểm chung dễ nhận thấy ở đa số đại biểu Quốc hội của ta là tính hiền, hiểu theo nghĩa ít nói, ít phát biểu trong phiên họp toàn thể, và ít tiếp xúc báo chí. Có lẽ vì thế mà mỗi khóa, có vài trăm đại biểu Quốc hội nhưng chỉ vài gương mặt “nổi”: Nguyễn Ngọc Trân, Tôn Nữ Thị Ninh (khóa XI), Nguyễn Minh Thuyết, Dương Trung Quốc, Nguyễn Đình Xuân (khóa XII)... Các đại biểu này nổi bật giữa hàng trăm đại biểu là bởi họ thường xuyên có ý kiến chất vấn trong mỗi kỳ họp Quốc hội, luôn sẵn sàng trả lời phỏng vấn của giới truyền thông, được công luận (báo chí và dân chúng) nhắc tới nhiều.

¹ Bài của Phạm Đoan Trang, đăng trên chuyên trang Tuần Việt Nam của báo điện tử VietNamNet ngày 20/10/2009.

Tình trạng này, quả thật, hơi bất bình thường, vì đúng ra việc thay mặt cử tri chất vấn và giám sát hoạt động của Chính phủ, cũng như duy trì tiếp xúc với các kênh báo chí để truyền tải thông tin tới công luận, phải là một phần việc đương nhiên của các đại biểu. Đại biểu Quốc hội chẳng nên nổi tiếng vì đã làm những nhiệm vụ đương nhiên của mình.

Tương tự, đã chất vấn thì dễ phải quyết liệt, cho nên khi dư luận trầm trồ thấy một số ít ĐB nêu trên hay đưa ra các câu hỏi gai góc, ta chẳng biết nên buồn hay vui: Hỏi vậy mà đã là “mạnh bạo quá”, “đụng chạm quá” hay sao?

Vì đa số các đại biểu “hiền” như thế, nên những người quan tâm theo dõi các kỳ họp Quốc hội khó mà hài lòng. Cử tri Trần Trinh Mạnh (phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội) nhận xét: “Người dân đã bầu các đại biểu để đại diện cho quyền lợi và tiếng nói của họ, trong khi dân có rất nhiều bức xúc mà đại diện của mình lại thường im lặng trên diễn đàn Quốc hội. Đây là điều khó chấp nhận”.

Im lặng ngồi dự họp đã đành, còn có những đại biểu Quốc hội im lặng không dự. Cử tri Nguyễn Phi Long (phường Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội) đã bày tỏ sự bức xúc trước hiện tượng nhiều phiên làm việc của Quốc hội trống rất nhiều ghế: “Đại biểu nào vắng mặt nhiều thì không nên tham gia Quốc hội”.

Hiện tượng này được phỏng đoán là do các đại biểu đó bận việc khác, bởi lẽ tới 70% đại biểu Quốc hội của ta hiện nay là đại biểu kiêm nhiệm. Nhiều đại biểu còn làm Bộ trưởng, Thứ trưởng trong cơ quan hành pháp, nên quỹ thời gian tất nhiên phải san sẻ cho cả hai việc “đá bóng” và “thổi còi”.

Còn sự “im lặng khó hiểu” của số đông đại biểu Quốc hội trước hội trường thực ra cũng không quá khó hiểu. Một gương mặt kỳ cựu trong số các đại biểu Quốc hội khóa XII, ông Nguyễn Minh Thuyết, từng giải thích rằng có những đại biểu là người địa phương, ít có điều kiện tham dự thường xuyên những sự kiện chính trị lớn như họp Quốc hội.

“Đã vậy, mà lại phải tham gia ý kiến về các vấn đề kinh tế - xã hội phức tạp thuộc những lĩnh vực không phải chuyên môn của mình, thì họ dễ cảm thấy e ngại” - ông Thuyết cho biết.

Có những đại biểu Quốc hội còn rất trẻ. Có đại biểu là người dân tộc thiểu số. Khóa XII, lại có người còn đang đi tìm việc khi được bầu làm đại biểu Quốc hội. Đặc biệt hơn nữa, như Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng từng “tiết lộ”: “Không loại trừ cả trường hợp nhiều người không thích làm đại biểu đâu nhưng vì công việc nên phải làm”.

Những đại biểu như vậy, nếu im lặng ngồi dự phiên họp toàn thể của Quốc hội, cũng là điều dễ hiểu.

HẬU TRÁCH CƠ CHẾ

Tuy nhiên, sẽ là không thỏa đáng nếu quy hoàn toàn chất lượng hoạt động của cơ quan lập pháp cho năng lực của đại biểu Quốc hội. Nhìn vào danh sách đại biểu Quốc hội các khóa từ khóa 9 tới nay (khóa XII), có thể thấy mặt bằng trình độ của đại biểu Quốc hội đã tăng lên đáng kể (tạm theo một tiêu chí là bằng cấp):

- Khóa IX (1992-1997): 395 đại biểu, trong đó 222 người tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học, chiếm tỷ lệ 56,2%;
- Khóa X (1997-2002): 450 đại biểu, trong đó 411 người tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học, chiếm tỷ lệ 91,33%;
- Khóa XI (2002-2007): 498 đại biểu, trong đó 465 người tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học, chiếm tỷ lệ 93,37%;
- Khóa XII (2007-2011): 493 đại biểu, trong đó 473 người tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học, chiếm tỷ lệ 95,94%

(nguồn: Văn phòng Quốc hội)

Bên cạnh đó, có một thực tế là vào những kỳ họp đầu tiên của mỗi khóa Quốc hội, các đại biểu thường vào cuộc rất sôi nổi. Càng các kỳ họp về sau, không khí càng bớt “nóng”, và rồi đến khi nhiều vấn đề không được giải quyết triệt để như mong đợi của một bộ

phận cử tri, thì câu hỏi về chất lượng hoạt động của Quốc hội lại tiếp tục được đặt ra.

Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XII vừa qua, báo cáo kinh tế - xã hội được trình Quốc hội khá muộn, báo cáo về dự án khai thác bô-xít Tây Nguyên phải được “nhắc” đôi lần, Chính phủ mới gửi Quốc hội. Chương trình nghị sự cũng không có nội dung thảo luận nào riêng về đại dự án này. Trong khi một trong các chức năng hiến định của lập pháp là “quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước”.

Tương tự, mặc dù Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội cũng thấy rõ, trong gói kích cầu của Chính phủ có những khoản thuộc thẩm quyền Quốc hội và phải có ý kiến Quốc hội, nhưng chủ trương kích cầu đã được Chính phủ quyết định nhanh gọn, và Ủy ban thì đã nhất trí cao, tán thành nhanh.

Gói kích cầu chiếm gần 10% GDP mà được thông qua mau chóng như vậy, chứng tỏ công tác quản lý vĩ mô ở ta nhiều khi cũng khá... thuận lợi, nhất là nếu so sánh với một số quốc gia khác. Ở khía cạnh ngược lại, điều này cho thấy vai trò của Quốc hội trong các vấn đề quan trọng của đất nước hãy còn nặng tính hình thức.

Nhìn vào hoạt động của cơ quan lập pháp, Tiến sĩ Hoàng Ngọc Giao (Viện Nghiên cứu Chính sách, Pháp luật và Phát triển) đặt câu hỏi: “Liệu dự án bô-xít, một dự án nằm trên địa bàn hết sức quan trọng không chỉ về văn hóa, môi trường mà còn với an ninh, quốc phòng; việc mở bể than ở châu thổ sông Hồng, hay việc tung ra các gói kích cầu của Chính phủ, có phải là những vấn đề trọng đại của đất nước hay không? Nếu phải, quyền của Quốc hội, quyền thật sự ấy, trong những vấn đề đó là gì, tới đâu?”.

Câu trả lời nằm ở cơ chế cho sự vận hành của Quốc hội, cơ chế đảm bảo quyền lực thực sự của Quốc hội.

QUỐC HỘI CẦN TỰ “LÀM LUẬT”

Cứ như hiện nay thì ngay trong quy chế hoạt động của Quốc hội,

cũng đã có những điểm hạn chế năng lực chất vấn, kiểm tra và giám sát của đại biểu.

Một ví dụ đã được báo chí nhắc tới nhiều là quy định về đề xuất bỏ phiếu. Để một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Quốc hội, cần một trong bốn điều kiện:

- Có đề nghị của Chính phủ;
- Có đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Có đề nghị của một ủy ban chuyên trách liên quan trong Quốc hội;
- Có đề nghị của tối thiểu 20% số đại biểu Quốc hội.

Trong số này, điều kiện “tối thiểu 20% số đại biểu Quốc hội” rất có thể mâu thuẫn với thực tế. Như đại biểu Dương Trung Quốc nhận định: “Quốc hội có tới 92% là đảng viên, mà đã là đảng viên thì khi quyết định các vấn đề, phải tuân thủ theo định hướng của tổ chức”. Nghĩa là, trên thực tế, khó mà đạt được tỷ lệ 20% số đại biểu Quốc hội nhất trí đưa một vấn đề ra biểu quyết.

Do vậy, để tăng tính hiệu quả, cơ quan lập pháp cần xây dựng cơ chế cho sự vận hành của chính mình. Nói cách khác, trước hết, các nhà làm luật cần tự... cởi trói.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO

Bên cạnh việc Quốc hội hoàn thiện cơ chế và bản thân mỗi đại biểu tự nâng cao năng lực bản thân, rất cần có sự đổi mới phương thức lãnh đạo để đảm bảo Quốc hội có thực quyền.

Sẽ khó có một quốc hội hiệu quả nếu như với mỗi quyết định “đã rồi” của Chính phủ, “Quốc hội cũng chỉ có thể nhắc nhở, lưu ý các cơ quan Chính phủ “rút kinh nghiệm” thôi”, như đại biểu Nguyễn Minh Thuyết từng thừa nhận. “Nhiều khi, trong suy nghĩ thì mình bất bình đấy, nhưng khi chất vấn mình không được thể hiện thái độ quá. Chất vấn xong, đưa ý kiến của mình xong, Chính phủ không làm theo thì mình cũng phải chấp nhận, vì thực ra ý

kiến của đại biểu Quốc hội cũng chỉ là một ý kiến thôi” - ông Thuyết nhấn mạnh.

Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho cử tri, cho nhân dân. Nếu ý kiến của đại biểu Quốc hội “cũng chỉ là một ý kiến”, thì nghĩa là tiếng nói của nhân dân cũng chỉ... như vậy mà thôi.

Cuối cùng, mặc dù Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng cho rằng thời gian qua Quốc hội đã phát huy khá tốt vai trò giám sát hành pháp, nhưng thực tế là những phản ứng của Quốc hội lại chỉ đến sau khi Chính phủ đã có quyết định (các dự án bê-xít, gói kích cầu, mở bể than sông Hồng), và về căn bản là đồng thuận.

Cách đo chuẩn xác về hiệu quả hoạt động của Quốc hội, đó là trả lời câu hỏi: Mỗi đại biểu Quốc hội, mỗi cử tri, đã cảm thấy tiếng nói của mình có khả năng thay đổi chính sách Nhà nước hay chưa?

Một khi đại biểu chưa cảm thấy “sức mạnh” của mình, thì chúng tôi Quốc hội vẫn chưa thực hiện tốt vai trò “cơ quan quyền lực cao nhất” được cử tri đặt niềm tin và có bốn phận thực hiện niềm tin ấy.

Chương III

HÀNH PHÁP

Đây là nhánh thứ hai trong ba nhánh quyền lực cấu trúc nên bộ máy nhà nước. Thực thể này thường được gọi bằng cái tên “chính phủ”. Trên hình thức, nó dường như là nhánh nổi bật nhất trong ba nhánh quyền lực. Thậm chí, nói đến nhà nước, nhiều người chỉ nghĩ đến chính phủ mà quên mất hai nhánh lập pháp, tư pháp; người ta đồng nhất luôn chính phủ với nhà nước, chính quyền.

Vậy cơ quan hành pháp, hay chính phủ, là gì? Một cách ngắn gọn nhất, đó là một tổ chức mà hoạt động cốt lõi là xây dựng chính sách công và lãnh đạo, chỉ huy, giám sát, để bảo đảm rằng chính sách đó được thực thi. Thành viên của nó (các quan chức) và bản thân nó được bầu chọn thông qua bỏ phiếu (bầu cử) hoặc được chỉ định, và làm việc theo nhiệm kỳ.

Để hiểu rõ hơn, chúng ta hãy xem xét các chức năng cụ thể của một chính phủ: 1. Đại diện cho quốc gia; 2. Ban hành chính sách, lãnh đạo, điều khiển việc thực thi chính sách; 3. Đối phó với khủng hoảng của đất nước.

* * *

CHỨC NĂNG CỦA CHÍNH PHỦ

1. Đại diện cho quốc gia

Chính phủ là tổ chức đại diện cho một quốc gia. Các nhân vật

như tổng thống hay chủ tịch nước, thủ tướng, bộ trưởng, đều là những gương mặt đại diện cho cả đất nước trong quan hệ quốc tế nói chung, trong các sự kiện ngoại giao, ký kết hiệp định, hiệp ước nói riêng. Sự đại diện này mang tính chất hình thức và biểu tượng rất cao. (Còn trên thực tế, rất có thể họ chẳng đủ tư cách đại diện cho đất nước, ví dụ nếu họ là một chính quyền không do dân bầu nên).

2. Ban hành chính sách, lãnh đạo, điều khiển việc thực thi

Chức năng chính của cơ quan hành pháp là “hành”, tức là ban hành, điều hành, thi hành chính sách. Chính phủ là nơi xây dựng các chương trình kinh tế, xã hội của cả đất nước và lãnh đạo quá trình triển khai chúng, cũng như giám sát cả quá trình này để bảo đảm đạt được mục tiêu chính sách.

Bạn có thể thấy yếu tố “ban hành chính sách” rất giống với hoạt động lập pháp của quốc hội. Đúng là như vậy. Cơ quan hành pháp có quyền lực lập pháp; nó có thể ban hành nghị định, sắc lệnh, pháp lệnh, quyết định, chỉ thị, v.v. Sẽ là sai lầm nếu nghĩ rằng chức năng chính của quốc hội là làm luật, còn chính phủ thi hành luật: Như đã nói ở Chương II, “Lập pháp”, thời nay, vai trò làm luật của quốc hội ngày càng giảm mà vai trò giám sát chính phủ ngày càng tăng. Trong khi đó, về phần chính phủ, vai trò lãnh đạo, chỉ huy, điều phối việc thực thi tiến trình chính sách cũng ngày càng mở rộng. Ở những đất nước thiếu dân chủ, cơ quan lập pháp không đại diện cho dân, thì chính phủ hoàn toàn lấn át quốc hội. Bạn có thể thấy Việt Nam dưới thời cộng sản, chính phủ đồng nhất với “Đảng và Nhà nước”, bộ máy nhà nước phình to và can thiệp vào đủ việc thuộc về xã hội dân sự, và quốc hội chỉ là nơi hợp thức hóa và triển khai các nghị quyết của đảng Cộng sản.

3. Đối phó với khủng hoảng của đất nước

Khi xảy ra khủng hoảng trong nước hoặc trong chính trị quốc tế mà có liên quan đến đất nước (thiên tai, chiến tranh...), chính phủ

có chức năng ra quyết định và hành động khẩn cấp để đương đầu và xử lý khủng hoảng.

Lệ thường, dân chúng ở các vùng bị thiên tai luôn mong chờ nhà nước đứng ra ứng cứu. Tính chính danh của một chính phủ – đối với người dân trong nước và đối với cộng đồng quốc tế – có thể tùy thuộc vào cách ứng phó của họ trước thiên tai. Đó là bởi vì chính phủ là thực thể duy nhất có thể huy động lượng lớn sức người sức của vào dự báo, phòng chống thiên tai; cứu giúp dân khi có thiên tai và tái thiết sau khi thiên tai đã qua đi.

Tất nhiên, ngoài chính phủ còn có khu vực xã hội dân sự – tức các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, các nhóm thiện nguyện, nhà thờ, nhà chùa v.v... Nhưng, chính phủ vẫn có khả năng tập hợp lực lượng mạnh mẽ hơn cả.

Người dân luôn có xu hướng trông đợi chính phủ hành động. Chính vì thế, thiên tai, dịch họa là cơ hội cho chính phủ tạo thiện cảm và uy tín chính trị nơi dân chúng.

Tại Mỹ, sau vụ khủng bố 11/9/2001, uy tín của Thị trưởng New York Rudolph Giuliani tăng vọt, do chính quyền New York đã đưa ra được những biện pháp hiệu quả để khắc phục khủng hoảng. Tương tự, sau đợt động đất hồi tháng 5/2008 ở Tứ Xuyên, uy tín của Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo cũng tăng đáng kể do ông đã rất nhiệt tình và thường xuyên có mặt tại nơi xảy ra thảm họa.

Mùa đông năm 2008, do mưa lũ kéo dài, ở Hà Nội xảy ra một trận lụt lịch sử. Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị nói với VietNamNet trong một cuộc phỏng vấn qua điện thoại: “Tôi thấy nhân dân ta bây giờ so với ngày xưa ỷ lại Nhà nước lắm. Cứ chờ trên vế, chờ cung cấp cái này, hỗ trợ cái kia chứ không đem hết sức ra tự làm”.* Phát biểu của ông Nghị gây phản ứng giận dữ từ nhiều độc giả.

* Bí thư Hà Nội: “Thiên tai thì không tính trước được”, Lê Nhung/ VietNamNet, 4/11/2008.

Tuy nhiên, tiềm ẩn nguy cơ không nhỏ nếu chính phủ lạm quyền, lấy cơ đối phó với tình huống khẩn cấp.

“Thường thường cơ quan lập pháp sẽ trao quyền gần như độc đoán cho hành pháp trong thời gian có chiến tranh, hoặc cho hành pháp “quyền lực trong tình huống khẩn cấp” khi đất nước phải đối

diện với những khủng hoảng nội bộ như thiên tai, khủng bố, sản xuất rối loạn và bất ổn dân sự. Tuy nhiên, rõ ràng là quyền tuyên bố “tình trạng khẩn cấp” và áp đặt kiểu cai trị, điều hành rất dễ bị lạm dụng. Không hiếm việc chính phủ tận dụng các quyền này để làm suy yếu hoặc xóa bỏ lực lượng đối lập chính trị, dưới vỏ bọc là hiến pháp” (Andrew Heywood).¹

Một ví dụ ở gần Việt Nam là Philippines dưới thời chính quyền Marcos (1965-1986). Vào ngày 23/9/1972, viện lý do phiến quân cộng sản có vũ trang nổi dậy nhiều, Tổng thống Ferdinand Marcos tuyên bố đưa Philippines vào tình trạng thiết quân luật. Trong thời gian thiết quân luật đó, ông ta sửa hiến pháp, bịt miệng báo chí, đàn áp đối lập, cai trị rất hà khắc nhân danh chống cộng. Philippines đã phải sống dưới ách độc tài của Marcos cho đến khi cuộc Cách mạng Nhân dân 1986 lật đổ được ông ta.

* * *

NGUYÊN THỦ QUỐC GIA VÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHÍNH PHỦ

Đến đây chúng ta cần phải dành riêng một phần của chương này để nói về hai ngôi sao của chính trường: nguyên thủ quốc gia (vua/ nữ hoàng, tổng thống, quốc trưởng, hoặc chủ tịch nước) và người đứng đầu chính phủ (thủ tướng). Sở dĩ gọi là ngôi sao vì đây chắc chắn là hai nhân vật nổi bật nhất trong bất kỳ nền chính trị nào, hai cá nhân có tính đại diện cao nhất cho nhà nước trên trường quốc tế.

Nguyên thủ quốc gia

Nguyên thủ là người đứng đầu nhà nước về mặt hình thức. Người đó có thể là vua (như đức vua Thái Lan), nữ hoàng (nữ hoàng Anh), là tổng thống (tổng thống Mỹ), hoặc chủ tịch nước (CHXHCN Việt Nam). Điều 86 Hiến pháp Việt Nam 2013 quy

¹. “Politics”, Andrew Heywood, 3rd, Palgrave Foundations, 2007.

định “Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại”.

Nguyên thủ quốc gia là một cương vị có tính hình thức và biểu tượng rất cao. Do đó, ta thường thấy họ xuất hiện trong các nghi thức long trọng, buổi lễ, sự kiện chính trị, sự kiện ngoại giao... của đất nước. Khoản 4 Điều 88 Hiến pháp Việt Nam 2013 quy định Chủ tịch nước là người có thẩm quyền “quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam”.

Ở Anh, nữ hoàng là người giữ quyền ban tước hiệu hiệp sĩ, như Nữ hoàng Elizabeth đã phong hiệp sĩ cho danh ca Paul McCartney. Ở Việt Nam, bạn cũng thấy chủ tịch nước xuất hiện trong các dịp được coi là rất trang trọng, ví dụ như trao giải thưởng Hồ Chí Minh hay đọc thư chúc Tết đồng bào lúc giao thừa (thực ra là ghi hình từ trước và tới thời điểm đó thì đài truyền hình phát sóng).

Vua hay nữ hoàng lên ngôi theo truyền thống (cha/mẹ truyền con nối). Tổng thống hay chủ tịch nước thì có thể do dân bầu cử trực tiếp (như ở Mỹ) hoặc do quốc hội bầu chọn. Trường hợp nước CHXHCN Việt Nam, chủ tịch nước do quốc hội bầu (Khoản 7 Điều 70 Hiến pháp Việt Nam 2013).

Người đứng đầu chính phủ

Cương vị đứng đầu chính phủ - tức đứng đầu cơ quan hành pháp - là một chức vụ được gọi là thủ tướng hay thủ hiến. Thủ tướng do nguyên thủ quốc gia chỉ định hoặc do phe đa số trong quốc hội bầu chọn. Trong trường hợp CHXHCN Việt Nam, thủ tướng là do “chủ tịch nước đề nghị quốc hội bầu” (Khoản 3, Điều 88 Hiến pháp Việt Nam 2013).

Đóng cả hai vai trò

Đến đây thì có lẽ bạn đã nhận thấy có những nền chính trị, hay những quốc gia, trong đó có một cá nhân đóng cả hai vai trò -

nguyên thủ quốc gia và người đứng đầu cơ quan hành pháp. Đó là tổng thống chế, một trong hai hình thức phổ biến nhất của chế độ cộng hòa, bên cạnh nghị viện chế. Ví dụ nổi bật nhất là Mỹ. Tổng thống Mỹ đứng đầu nhà nước, đồng thời cũng là người đứng đầu chính phủ. Có một số quốc gia khác cũng vậy: Argentina, Brazil, Venezuela... nhưng do Mỹ là một trong các siêu cường của thế giới nên chắc chắn Mỹ là ví dụ mà ai nấy đều biết đến. Tổng thống Mỹ cũng luôn là một ngôi sao trên chính trường quốc tế, là một trong các nhân vật được báo chí quốc tế chú ý.

Là nguyên thủ quốc gia, tổng thống Mỹ đóng một vai trò mang tính hình thức và biểu tượng rất cao. Tổng thống là đại diện của nước Mỹ, hiện thân của tinh thần ái quốc ở xứ hợp chủng, là biểu tượng của sự đoàn kết dân tộc, ở chừng mực nào đó còn là niềm tự hào của người dân Mỹ. Ở cương vị ấy, ông ta được kỳ vọng phải hành xử mẫu mực, công bằng, đạo đức, một lòng phụng sự đất nước. Ông ta được đòi hỏi phải sẵn sàng giúp đỡ các đảng chính trị khác trong các hoạt động vì lợi ích chung, trong quan hệ và tiếp xúc của các đảng đó với Quốc hội.

Đồng thời, tổng thống lại cũng là người đứng đầu cơ quan hành pháp, chỉ huy quá trình làm ra và thực thi chính sách, và là lãnh đạo một đảng nào đó (Dân chủ, Cộng hòa...). Với tư cách đứng đầu hành pháp, tổng thống phối hợp với các bộ và các cơ quan hành pháp lớn, ví dụ như Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA), lãnh đạo tiến trình chính sách.

Tóm lại, ở Mỹ, tổng thống đóng vai trò kép.

Truyền hình và phát thanh ở Mỹ gặp một khó khăn với điều này. Ví dụ, khi một tổng thống Mỹ phát biểu trên truyền hình quốc gia mà không phải trả phí cho nhà đài, đảng đối lập có thể sẽ la ó đòi được lên sóng miễn phí với cùng thời lượng phát hình để đáp lại. Khi ấy, nhà đài sẽ phải xác định xem tổng thống đã xuất hiện trên truyền hình với tư cách gì – nguyên thủ quốc gia hay người đứng đầu chính phủ. Nếu ông ta phát biểu với tư cách nguyên thủ quốc

gia thì đảng đối lập không có lý gì để đòi được lên sóng. Còn nếu ông ta phát biểu với tư cách lãnh đạo một đảng chính trị (Dân chủ, Cộng hòa...) thì nguyên tắc công bằng sẽ buộc đài truyền hình phải để phe đối lập xuất hiện trên sóng một cách tương đương.¹

Ngoài ra, theo Hiến pháp Mỹ, tổng thống còn là tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang. Hiến pháp cho tổng thống quyền này để thực thi nguyên tắc dân quân quân. Trên cương vị tổng tư lệnh, tổng thống có quyền huy động quân đội đến bất kỳ nơi đâu và làm bất kỳ điều gì, kể cả tấn công vũ trang các nước khác. Tuy nhiên, Quốc hội Mỹ mới được quyền quyết định tình trạng chiến tranh và tuyên chiến. Ngày 08/12/1941, Tổng thống Franklin Delano Roosevelt đã đọc một bài diễn văn đầy hùng biện trước Quốc hội Mỹ, đề nghị Quốc hội tuyên chiến với phát xít Nhật. Bài diễn văn nổi tiếng đến nỗi sau này nhiều người tưởng lầm rằng Tổng thống Roosevelt trực tiếp tuyên chiến với Nhật Bản.

Ở Việt Nam, theo Khoản 5, Điều 88 Hiến pháp 2013, Chủ tịch nước cũng là người thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh. Hội đồng này có toàn quyền quyết định tình trạng chiến tranh, động viên mọi lực lượng và khả năng của đất nước để bảo vệ Tổ quốc... (Xem Chương VII, “Hệ thống chính trị ở Việt Nam cộng sản”).

“Ông trùm”

Riêng ở Việt Nam thời cộng sản, bên cạnh Chủ tịch nước và Thủ tướng, lại có một nhân vật thứ ba cũng là ngôi sao nghị trường, thậm chí trong nhiều giai đoạn còn là ngôi sao sáng nhất trong cả ba, đó là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Việt Nam, gọi tắt là Tổng Bí thư đảng. Không phải là nguyên thủ quốc gia, cũng không đứng đầu chính phủ, chỉ là lãnh đạo một đảng, nhưng nhiều đời tổng bí thư có quyền lực bao trùm cả hệ

¹ “Governing: An Introduction to Political Science”, Austin Ranney, 8th edition, Prentice Hall, 2001, trang 268.

thống chính trị, biến cả chủ tịch nước lẫn thủ tướng thành cái bóng mờ nhạt, ví dụ như thời Lê Duẩn cầm quyền sau chiến tranh (từ năm 1976 đến khi mất, năm 1986).

Theo quy chế đảng, Đại hội đại biểu toàn quốc của đảng Cộng sản (5 năm một lần) bầu ra Ban Chấp hành Trung ương đảng. Ban Chấp hành Trung ương bầu ra Bộ Chính trị, và bầu ra Tổng Bí thư trong số ủy viên Bộ Chính trị. Trên thực tế, tính bí mật, mưu mô là đặc thù và cũng là sức mạnh của đảng trước dân; chính trị trong đảng là một thế giới riêng mà người dân ở ngoài đảng (được gọi là “quần chúng”) không thể nào tiếp cận để hiểu được.



Ông Nguyễn Phú Trọng – Tổng Bí thư thứ 12 của đảng Cộng sản Việt Nam, gương mặt nổi bật trong nền chính trị cộng sản kể từ Đại hội đảng XII (tháng 1/2016).

* * *

CƠ QUAN HÀNH PHÁP Ở VIỆT NAM

Cơ quan hành pháp ở Việt Nam là Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp. Điều 94 Hiến pháp năm 2013 quy định: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội, tức là 5 năm.

Chính phủ gồm Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ do Quốc hội quyết định.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021 của nước CHXHCN Việt Nam có 18 bộ và 4 cơ quan ngang bộ. 18 bộ gồm: Quốc phòng; Công an; Ngoại giao; Nội vụ; Tư pháp; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giao thông Vận tải; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Lao động, Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Y tế.

4 cơ quan ngang bộ gồm: Ủy ban Dân tộc; Ngân hàng nhà nước; Thanh tra Chính phủ; Văn phòng Chính phủ.

Bài đọc

NHÁNH HÀNH PHÁP Ở MỸ¹

Nhánh hành pháp liên bang chịu trách nhiệm thi hành các luật mà Quốc hội thông qua. Nó bao gồm Tổng thống, Phó Tổng thống, nhân viên Nhà Trắng, và bộ máy hành chính liên bang. Mặc dù tổng thống không làm luật, nhưng họ tham gia tích cực vào việc lập chương trình nghị sự, hình thành và thông qua chính sách, và thực thi chính sách. Ngoài phó tổng thống, tổng thống là quan chức duy nhất của liên bang được bầu chọn trên toàn quốc. Trên thực tế, tổng thống đại diện cho chính quyền Mỹ, là biểu tượng cho văn hóa và các giá trị Mỹ, và phát ngôn đại diện cho cả nước Mỹ ở bên ngoài. Với vai trò đó, tổng thống thu hút sự chú ý khổng lồ của dư luận và giới truyền thông, khiến ông ta có ảnh hưởng không ai bằng trong việc thiết lập chương trình nghị sự và lãnh đạo một chính sách. Ví dụ, Tổng thống George H. W. Bush là người khởi động thảo luận về việc xem xét lại Luật Không khí Sạch. Việc ông quan tâm đến sửa đổi luật này và tham gia tích cực vào xây dựng nó đã phá vỡ một thể bế tắc, đóng băng kéo dài cả thập kỷ, và cuối cùng, vào năm 1990, đã đưa đến việc một trong những đạo luật quan trọng nhất về môi trường được thông qua. Tổng thống Reagan năm 1981 và Tổng thống George W. Bush năm 2001 cũng thành công tương tự trong việc tập trung toàn bộ sự chú ý của quốc dân

¹ “Public Policy: Politics, Analysis, and Alternatives”, Kraft & Furlong, 3rd edition, CQ Press, 2009

vào yêu cầu phải cắt giảm bền vững thuế liên bang. (...) thành công của họ trong việc thuyết phục Quốc hội phê chuẩn giảm thuế liên bang đã tác động sâu sắc tới chính sách kinh tế, kể cả làm tăng thâm hụt ngân sách liên bang và nợ quốc gia.

Bên cạnh tổng thống, toàn thể nhân viên Nhà Trắng và Văn phòng Điều hành của Tổng thống¹ (EOP) cũng tham gia mật thiết vào quá trình xây dựng và triển khai chính sách. EOP bao gồm các văn phòng và cơ quan của Nhà Trắng đóng vai trò hỗ trợ tổng thống trong việc xây dựng, triển khai và thực thi chính sách công. Trong số các văn phòng này, có Văn phòng Quản lý và Ngân sách (OMB), Hội đồng Cố vấn Kinh tế, Hội đồng An ninh Quốc gia (NSC), Văn phòng Chính sách Khoa học và Công nghệ. Cùng với nhau, các văn phòng này tạo nên một nền “tiểu hành chính”, cung cấp cho tổng thống và các nhân viên của ông những thông tin và ý tưởng chính sách quan trọng trong lĩnh vực có liên quan. EOP cập nhật thông tin cho tổng thống về số lượng tràn ngập các chính sách đang được xem xét ở Quốc hội hoặc đã được thực thi ở cơ quan hành chính liên bang, giúp tổng thống có cơ hội gây ảnh hưởng đến định hướng chính sách. Trong hầu hết các lĩnh vực chính sách, chương trình nghị sự và quan điểm của tổng thống, đặc biệt trong các vấn đề quốc nội, phản ánh sự quan tâm và ý thức hệ của đảng mà tổng thống là thành viên; cũng như phản ánh các đơn vị bầu cử quan trọng nhất đối với đảng của ông ta và đối với việc tái đắc cử của tổng thống, nếu ông đang làm nhiệm kỳ đầu.

Các tổng thống đảng Dân chủ và Cộng hòa có xu hướng thông qua các lập trường chính sách khác biệt về phần lớn vấn đề, do triết lý khác nhau của họ về quản trị và do những lợi ích cụ thể mà đảng của họ đại diện. George W. Bush ủng hộ cải cách hệ thống an sinh xã hội năm 2004, nhấn mạnh việc lập những tài khoản cá nhân hoặc tài khoản hưu trí tư nhân – một ý tưởng chia rẽ sâu sắc Quốc hội, chủ yếu là do khác biệt về đường lối của mỗi đảng.

¹ Executive Office of the President

Hệ thống hành chính liên bang cấu thành nên nhánh hành pháp. Nó bao gồm tất cả các cơ quan, văn phòng trực thuộc mỗi bộ trong nội các và các văn phòng và cơ quan khác có nhiệm vụ xây dựng, triển khai và thực thi chính sách trong từng lĩnh vực chuyên môn cụ thể. Nổi tiếng nhất trong số các cơ quan, văn phòng này là 15 bộ cấp nội các¹, mỗi bộ được quản lý bởi một bộ trưởng² do tổng thống chỉ định và Thượng viện xác nhận.

Mỗi bộ trong nội các lại bao gồm nhiều cơ quan cấp dưới, một số trong các cơ quan đó còn nổi tiếng hơn bộ chủ quản của nó. Ví dụ, Cơ quan Hàng không Liên bang (FAA), mà nhiệm vụ chính là bảo đảm an toàn hàng không, là một phần của Bộ Giao thông Vận tải. Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA), chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn lương thực-thực phẩm và thuốc men, là một phần của Bộ Y tế và Con người. FBI, có nhiệm vụ bảo vệ nước Mỹ khỏi những mối đe dọa bên trong và bên ngoài, là cánh tay điều tra của Bộ Tư pháp. Các cơ quan hành chính này ban hành báo cáo và những nghiên cứu giúp cho công chúng theo sát các hoạt động của chúng trong các lĩnh vực chính sách cụ thể.

Mỗi cơ quan làm chính sách trong lĩnh vực cụ thể của nó thông qua việc diễn giải luật và triển khai những quy định quan trọng đối với việc thực thi chính sách. Các quan chức trong những cơ quan liên bang này có quyền hạn tương đối lớn để hình thành chính sách công, thậm chí trách nhiệm cuối cùng trong việc làm chính sách là thuộc về người được tổng thống chỉ định đứng đầu mỗi cơ quan hay bộ đó. Họ phối hợp chặt chẽ với Nhà Trắng để bảo đảm rằng quyết định của các cơ quan và bộ đều nhất quán với các chương trình và ưu tiên của tổng thống, ít nhất là trong các lĩnh vực mà quyết định đó không bị luật pháp giới hạn quá nghiêm khắc. Kết quả là, hệ thống hành chính Mỹ bị/được chính trị hóa rất mạnh so với hệ thống hành chính ở nhiều nước phát triển khác, và chính

¹ Cabinet-level department

² Secretary

sách của họ có thể thay đổi rất đáng kể từ đời tổng thống này sang đời tổng thống khác.

Ví dụ như sự chuyển đổi từ Tổng thống Bill Clinton sang Tổng thống George W. Bush. Những người Bush chỉ định vào các cơ quan hành chính, cũng như các chính sách của chính quyền Bush, mang tính bảo thủ hơn so với người tiền nhiệm Bill Clinton. Sự khác biệt thể hiện đáng kể ngay cả trong việc chọn những cá nhân phục vụ tình nguyện trong các ủy ban cố vấn khoa học của các cơ quan hành chính như FDA và CDC (Trung tâm Kiểm soát và Ngăn ngừa Dịch bệnh). Các ủy ban cố vấn đó có mục đích cập nhật thông tin cho chính phủ về sức khỏe cộng đồng và các lĩnh vực chính sách khác. Chỉ riêng Bộ Y tế và Con Người đã có hơn 250 ủy ban cố vấn trong lĩnh vực y tế. Do những diễn giải của các ủy ban về khoa học có thể thúc đẩy các quyết định chính sách theo cách này hay cách khác, nên tổng thống và các quan chức nội các đặc biệt quan tâm đến việc ai là người làm trong các ủy ban ấy....

Một sự thay đổi trong ý thức hệ cũng khiến chính quyền khó mà lấp đầy ngay những vị trí quan trọng trong các cơ quan hành pháp. Ví dụ như việc chỉ định người đứng đầu FDA. Trong vòng hai năm đầu của nhiệm kỳ Tổng thống George W. Bush, FDA không có người đứng đầu, do các đảng viên Dân chủ và Cộng hòa trong Quốc hội không thống nhất được với nhau về các yêu cầu đối với người đứng đầu FDA. Đảng Dân chủ nói rằng họ phản đối những ứng viên có liên hệ chặt chẽ với những ngành nghề mà FDA quản lý, gồm cả những ngành làm về dược phẩm, thiết bị y tế, thực phẩm và hóa mỹ phẩm. Đảng Cộng hòa lại khẳng định rằng ứng viên nhất định phải là người ủng hộ các quan điểm bảo thủ, ví dụ như phải ủng hộ dùng mua bán thuốc tránh thai RU-486. Vào tháng 10/2002, Bush chỉ định Mark McClellan – bác sĩ nội khoa, phó giáo sư ĐH Stanford, người được cả hai đảng tin tưởng và có quan điểm thực dụng hơn là nặng về ý thức hệ – vào FDA. Tuy nhiên, đầu năm 2004, McClellan đã từ chức để chuyển sang làm

lãnh đạo Trung tâm Dịch vụ Medicare và Medicaid. Tiến sĩ Lester M. Crawford thay thế ông, đầu tiên làm quyền giám đốc FDA, cho đến khi được Thượng viện chính thức phê chuẩn vào tháng 7/2005. Tới tháng 9/2005, đến lượt ông Crawford lại từ chức, sau một loạt quyết định gây tranh cãi ở FDA, đặc biệt về việc mua bán thuốc tránh thai khẩn cấp không cần kê đơn.

Bên ngoài các bộ thuộc nội các là vô số cơ quan hành pháp và pháp quy độc lập. Một trong số những cơ quan nổi tiếng nhất là Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA), một cơ quan hành pháp độc lập, có lãnh đạo là được chỉ định và là người nắm trách nhiệm lớn trong việc xây dựng và thực thi chính sách môi trường. Các cơ quan độc lập khác với các bộ thuộc nội các chủ yếu bởi họ chịu trách nhiệm trong một lĩnh vực chính sách tập trung hơn. Các ví dụ khác là Cơ quan Hàng không Vũ trụ Quốc gia (NASA), Cơ quan Tình báo Trung ương (CIA), và Ủy ban Pháp quy về Hạt nhân (NRC) chịu trách nhiệm giám sát việc sử dụng năng lượng hạt nhân dân sự, gồm cả nhà máy điện hạt nhân lẫn lượng chất thải hạt nhân cao cấp mà chúng sản sinh ra.

Ủy ban Pháp quy Độc lập (IRC) là một nhánh khác của hành pháp. Giống như các bộ thuộc nội các, người đứng đầu ủy ban là do tổng thống chỉ định và thượng viện phê chuẩn, nhưng chỉ trong các nhiệm kỳ cố định. Nhiệm kỳ nhằm tách việc ra quyết định của IRC khỏi các áp lực chính trị từ tổng thống hay quốc hội. Thêm vào đó, hầu hết các IRC đều chịu trách nhiệm về việc xây dựng các quy định kinh tế trong những ngành cụ thể. Ví dụ như Ủy ban Truyền thông Liên bang (FCC) làm nhiệm vụ quản lý ngành truyền thông, và SEC điều phối thị trường tài chính. Mỗi IRC tập trung vào một ngành nhất định, do đó phạm vi quyền hạn của nó thường là hẹp.

Mặc dù mỗi cơ quan hành pháp đều vận hành trong lĩnh vực chuyên môn riêng của nó, nhưng việc mà nó làm có thể mâu thuẫn với các cơ quan khác. Ví dụ, EPA, với nhiệm vụ làm giảm ô nhiễm, trong nhiều năm đã muốn các ô tô phải cài thiết bị kiểm soát ô

nhiệm để giảm chất thải từ động cơ. Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia (trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải), có liên quan đến an toàn giao thông bằng phương tiện xe hơi, thì lại cho rằng cơ chế như thế có thể khiến ô tô dễ bị cháy nổ hơn.

15 bộ thuộc nội các và các cơ quan lớn	
Bộ điều hành	Các cơ quan liên bang
Bộ Nông nghiệp	Cơ quan Tình báo Trung ương (CIA)
Bộ Thương mại	Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng
Bộ Quốc phòng	Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA)
Bộ Giáo dục	Ủy ban Cơ hội Việc làm Bình đẳng
Bộ Năng lượng	Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Mỹ
Bộ Y tế và Con Người	Ủy ban Truyền thông Liên bang (FCC)
Bộ An ninh Nội địa	Tập đoàn Bảo hiểm Ký quỹ Liên bang
Bộ Nhà ở và Phát triển Đô thị	Cục Dự trữ Liên bang
Bộ Nội vụ	Ủy ban Thương mại Liên bang
Bộ Tư pháp	Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Liên bang (NASA)
Bộ Lao động	Quỹ Khoa học Quốc gia
Bộ Ngoại giao	Ủy ban Pháp quy Hạt nhân
Bộ Giao thông Vận tải	Peace Corps
Bộ Tài chính	Ủy ban Chứng khoán và Hối đoái
Bộ Cựu chiến binh	Cơ quan Bưu chính Mỹ

Chương IV

TƯ PHÁP

Đây là nhánh thứ ba trong ba nhánh quyền lực cấu trúc nên bộ máy nhà nước. Thực thể này có chức năng diễn giải luật pháp, trên cơ sở đó, xét xử và giải quyết các tranh chấp pháp lý. Để hiểu rõ hơn về các chức năng của nó, ta cần biết hai hệ thống luật pháp cơ bản trên thế giới.

PHÂN LOẠI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Nếu phân loại theo cách thức áp dụng luật, trên thế giới có hai hệ thống pháp luật chính: 1. thông luật (common law), hay còn gọi là luật thường; 2. dân luật (civil law), hay còn gọi là luật dân sự, luật lục địa.

Nếu phân loại theo cách thức truy tìm sự thật, thế giới có hai hệ thống pháp luật chính: 1. hệ thống tranh tụng, có người dịch là hệ thống đối nghịch (adversarial system); 2. hệ thống điều tra, còn gọi là hệ thống thẩm vấn (inquisitorial system).

Trong hệ thống tranh tụng, tòa án trung lập, độc lập sẽ nghe lập luận và xem xét bằng chứng mà hai bên đối nghịch nhau – công tố viên và bị cáo trong các vụ hình sự, nguyên đơn và bị đơn trong các vụ dân sự – đưa ra, và trên cơ sở đó, ra phán quyết. Trong hệ thống điều tra, tòa án trung lập, độc lập đóng vai trò chủ động trong việc tìm kiếm, thu thập bằng chứng và thẩm vấn nhân chứng, và trên cơ sở đó, ra phán quyết. Việc điều tra thường do một hay nhiều thẩm phán đảm nhận.

Các nước theo thông luật thường áp dụng hệ thống tranh tụng, còn các nước theo dân luật thì áp dụng hệ thống điều tra. Các quốc gia theo thông luật điển hình là: Mỹ (trừ tiểu bang Louisiana), Canada (trừ bang nói tiếng Pháp Quebec), Anh, Úc, các nước chịu ảnh hưởng của Anh như Ấn Độ. Các quốc gia theo dân luật điển hình là Pháp, Đức (các nước châu Âu lục địa), Trung Quốc... và một nước trước kia là thuộc địa của Pháp, phần nào chịu ảnh hưởng từ hệ thống luật của Pháp, là CHXHCN Việt Nam.

Hai hệ thống luật pháp – tranh tụng và điều tra – khác nhau ở các khía cạnh cơ bản sau:

1. Trong hệ thống điều tra, quyết định có khởi tố, xét xử một người nào đó hay không là của thẩm phán, đại diện cho Bộ Tư pháp. Trong hệ thống tranh tụng, nó là quyết định của bồi thẩm đoàn.

2. Trong hệ thống điều tra, thẩm phán là người chủ động tìm kiếm, thu thập bằng chứng để ra quyết định khi xét xử. Trong hệ thống tranh tụng, đó là việc của hai bên đối nghịch nhau – công tố viên và bị cáo, nguyên đơn và bị đơn.

3. Trong hệ thống điều tra, vai trò của thẩm phán quan trọng. Trong hệ thống tranh tụng, luật sư là ngôi sao, là người có ảnh hưởng lớn đến kết quả phiên tòa.

(Ban đầu là như vậy, nhưng ngày nay, hệ thống pháp luật ở các nước cũng đã có nhiều thay đổi. Có nơi, như ở bang California của Mỹ, cả thẩm phán và bồi thẩm đoàn đều có thể ra quyết định có khởi tố, xét xử hay không.)

Điều quan trọng ở đây là: Tuy hai hệ thống luật pháp có những khác biệt như vậy, song cả hai đều phải hướng tới sự thật, tới việc trừng phạt người có tội, bảo vệ các quyền tự do của người dân và công lý. Muốn vậy, tư pháp phải bảo đảm các chuẩn mực tố tụng, chuẩn mực về pháp luật và nhân quyền. Và các bạn chú ý, ở cả hai định nghĩa về hai hệ thống pháp luật, đều có cụm từ “tòa án trung lập, độc lập”. Đó là đòi hỏi cao nhất đối với hệ thống tư pháp ở các nhà nước pháp trị (có rule of law).

Trung lập

Trung lập là sự không tồn tại tính bè phái, phe cánh, không đứng về phía bên nào. Trong quan hệ quốc tế, trung lập là một tình trạng pháp lý trong đó một nhà nước tuyên bố và xác quyết rằng nó không tham gia vào xung đột hay chiến tranh, không ủng hộ và không giúp đỡ hay viện trợ cho bên nào.

Trong một quốc gia hay xã hội, nguyên tắc trung lập được áp dụng đối với thẩm phán, công chức, quân đội, công an, và những người của cộng đồng khác. Nó đòi hỏi tất cả những người ở các cương vị này không được có cảm tình, sự ủng hộ hay có xu hướng ngả về ý thức hệ nào. Đó là trên nguyên tắc. Trên thực tế, đòi hỏi có thể ít khe khắt hơn: Những người này chỉ phải công bằng, vô tư, không thiên vị. Họ có thể có cảm tình đối với một ý thức hệ nào đó, miễn là điều đó không xâm phạm hoặc không mâu thuẫn với những trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với cộng đồng, hoặc nghề nghiệp của họ.

TÒA ÁN ĐỘC LẬP

Như vậy, cho dù ở hệ thống luật pháp nào thì tòa án cũng phải trung lập và độc lập. Trung lập hiểu nôm na là không đứng về bên nào, không ủng hộ ý thức hệ nào. Còn độc lập, đối với ngành tư pháp, có nghĩa là gì? Một cách ngắn gọn, hệ thống tư pháp độc lập phải bảo đảm hai nguyên tắc sau:

1. Thẩm phán và công tố phải tách biệt

Thẩm phán (bên điều tra và/hoặc xét xử) và công tố (bên buộc tội) không bao giờ được cùng là một người hay một cơ quan, tổ chức.

Ở Mỹ, quyền công tố được trao cho một cơ quan hành pháp là Bộ Tư pháp (trực thuộc nội các). Người đứng đầu Bộ Tư pháp là Bộ trưởng Tư pháp, tiếng Anh là attorney general mà có người dịch sang tiếng Việt là tổng chưởng lý, hoặc công tố viên trưởng. Chức này do tổng thống chỉ định và Thượng viện phê chuẩn. Tuy vậy, công tố ở Mỹ lại độc lập với tổng thống cũng như với chính phủ. Ở Anh cũng vậy, công tố là cơ quan nhà nước, không trực thuộc bộ nào, và độc lập với các cơ quan nhà nước khác.

Ở Việt Nam, Viện Kiểm sát Nhân dân đóng hai vai trò: 1. Công tố; 2. Giám sát tòa án, cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án. Với vai trò công tố, viện kiểm sát là thực thể có quyền buộc tội ai đó và phải điều tra, nhưng trên thực tế, cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát chỉ có thẩm quyền đối với các vụ việc vi phạm pháp luật tố tụng, và gần như 100% trường hợp, Viện Kiểm sát chỉ làm mỗi cái việc phê chuẩn các cáo buộc do công an đưa ra. Với vai trò giám sát, họ cũng không giám sát được ai, nhất là không giám sát được công an. Bằng chứng là đã có hàng trăm vụ người dân chết trong đồn công an hoặc trong trại tạm giam của công an, nhưng không vụ việc nào được điều tra và không nhân viên công an nào phải chịu trách nhiệm gì.

Tòa án ở Việt Nam khi ra phán quyết cũng thường chỉ dựa vào kết luận điều tra của công an và cáo buộc của viện kiểm sát, mà cáo buộc đó thì dựa vào kết luận điều tra. Vì thế, nguyên tắc “tách biệt thẩm phán và công tố” không được bảo đảm.

Viện Kiểm sát Nhân dân ở Việt Nam là một thực thể rất khó được xếp vào nhánh hành pháp hay tư pháp. Không có văn bản pháp luật nào xác định điều đó. Bản thân họ, vì không có một cơ quan điều tra riêng đủ thẩm quyền và năng lực, cho nên phụ thuộc hoàn toàn vào công an trong đa số vụ án, khiến ai cũng tưởng Viện Kiểm sát thuộc nhánh hành pháp.

2. Tòa án, thẩm phán phải độc lập trước mọi sức ép về chính trị

Nguyên tắc thứ hai của việc tư pháp độc lập, là tòa án và thẩm phán phải thoát khỏi chính trị, không được phép chịu một sức ép chính trị nào. Tòa án không được phép thuộc về hành pháp hay lập pháp. Môi trường làm việc của tòa án và thẩm phán phải bảo đảm bình yên, ổn định, trong sạch, không nhuộm màu lợi ích, không bị đe dọa...

Điều đó thể hiện ở việc chức vụ thẩm phán thường là chức vụ trọn đời (để thẩm phán không phải lo chạy chọt giữ chức), thẩm phán tuyệt đối không được tham gia đảng phái hay tổ chức nào.

Ở Mỹ, Hiến pháp quy định tất cả các thẩm phán liên bang đều do tổng thống chỉ định (và trình Thượng viện phê chuẩn), giữ chức trọn đời và không bị hạ lương. Như vậy có nghĩa là họ không phải vận động tranh cử, công việc của họ không có nhiệm kỳ, và họ không chịu sức ép bị trừ lương. Tóm lại, họ không phải chịu tác động nào về mặt chính trị. Bạn có thể hỏi, vậy nếu trong thời gian tại vị, thẩm phán hành xử không chuẩn mực, lạm quyền, tham nhũng, xét xử oan sai thì sao? Khi đó, họ sẽ bị Hạ viện luận tội và Thượng viện kết tội. Nếu đa số thành viên Hạ viện thông qua việc luận tội họ và hai phần ba thành viên Thượng viện kết tội, thì thẩm phán mới bị cách chức. Ở Vương quốc Anh cũng vậy. Còn ở Pháp, lập pháp và tư pháp sẽ cùng bầu ra một cơ quan giám sát đặc biệt để giám sát thẩm phán.

Trong khi đó, ở Việt Nam dưới thời cộng sản, thẩm phán phải là đảng viên đảng Cộng sản. Bạn sẽ không tìm thấy quy định này ở bất kỳ văn bản pháp luật nào; nó là luật bất thành văn. Cũng tương tự như vậy, mọi tổng biên tập, lãnh đạo cơ quan báo chí phải là đảng viên cộng sản, riêng Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam còn phải (và được) là ủy viên Trung ương đảng.

Chỉ riêng điều đó thôi đã đủ vi phạm hoàn toàn nguyên tắc trung lập và độc lập của hệ thống tư pháp (và báo chí).

TƯ PHÁP CÓ THỂ LÀM RA LUẬT KHÔNG?

Đến đây hẳn bạn đã thấy, nếu hiểu “lập pháp là làm luật, hành pháp là thi hành luật, tư pháp là diễn giải luật và xét xử tranh chấp” thì tuy đúng nhưng đó là một cách hiểu quá thô sơ, đơn giản trong xã hội hiện đại. Trong các nền dân chủ ngày nay, lập pháp không chỉ làm luật nữa mà có thể điều tra như hành pháp, hành pháp có thể ra luật, và tất nhiên, tư pháp cũng không chỉ dừng ở việc diễn giải luật và xét xử tranh chấp.

Nói cách khác, tư pháp có thể làm luật, tạo ra chính sách. Một ví dụ thường được nhắc đến trong các sách về chính trị học là việc Tối

cao Pháp viện Hoa Kỳ đã ra phán quyết khẳng định việc phân biệt trường công dành riêng cho người da trắng và da màu là vi hiến (vụ kiện Brown và Hội đồng Giáo dục của Topeka, 1954), và ra lệnh cho các bang phải nhanh chóng chấm dứt tệ nạn phân biệt chủng tộc ở trường học (1955).

Vụ kiện Brown và Hội đồng Giáo dục Topeka sau này được xem như cột mốc mở đầu phong trào đấu tranh vì quyền dân sự của người da đen ở Mỹ.

Bài đọc

TÒA ÁN ĐỘC LẬP¹

TẤT CẢ CÁC BỊ CÁO ĐỀU CÓ QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ BỞI MỘT TÒA ÁN ĐỘC LẬP.

Tất cả các tòa án và thẩm phán đều phải độc lập với nhánh hành pháp và lập pháp của chính quyền cũng như các bên tham gia tố tụng. Điều này có nghĩa là cả ngành tư pháp lẫn các thẩm phán của ngành ấy đều không được là cấp dưới của bất kỳ nhánh nào trong nhà nước hay bên nào trong tiến trình tố tụng. Tòa án cũng phải thật sự độc lập và độc lập một cách hiệu quả, cũng như hoàn toàn không chịu ảnh hưởng hay áp lực nào từ các nhánh khác trong nhà nước hay bất kỳ khu vực nào khác.

Sự độc lập của tòa án và các quan chức tư pháp phải được bảo đảm bằng hiến pháp, luật và chính sách của quốc gia, và được tôn trọng trên thực tế bởi chính phủ, các cơ quan nhà nước, cũng như bởi quốc hội.

Nhánh tư pháp phải có quyền tài phán đối với tất cả các vấn đề mang bản chất tư pháp và phải có độc quyền trong việc quyết định một vấn đề nào đó được đưa ra lấy quyết định có thuộc thẩm quyền của tòa án như định nghĩa của pháp luật hay không.

Không được có bất kỳ một sự can thiệp không thích đáng hoặc không có lý do xác đáng nào vào hoạt động tư pháp. Các quyết

¹ “Trial Observation Manual for Criminal Proceedings: Practitioners Guide No. 5”, International Commission of Jurists, 2009.

định của tòa án không bị đem ra để xem xét lại (trừ phi thông qua cơ chế bảo hiến) hay để giảm nhẹ – trừ phi việc đó do các cơ quan có thẩm quyền tiến hành theo luật định.

Tư pháp phải độc lập về các vấn đề trong nội bộ của ngành tư pháp, kể cả việc chỉ định thẩm phán cho vụ án, tại cấp tòa của vị thẩm phán ấy.

Sự độc lập của thẩm phán và tòa án có hai phương diện: cơ quan độc lập và cá nhân độc lập. Cả hai đều đòi hỏi rằng ngành tư pháp cũng như thẩm phán của ngành đều không phải là cấp dưới của bất kỳ quyền lực nhà nước nào khác:

- Cơ quan độc lập, có nghĩa là thẩm phán, tòa án đều phải được độc lập khỏi các nhánh quyền lực khác, mà một trong những yêu cầu là thẩm phán không phải là cấp dưới, cũng không chịu trách nhiệm trước các nhánh khác trong chính quyền, đặc biệt là hành pháp. Điều này cũng có nghĩa, tất cả các định chế nhà nước khác đều có nghĩa vụ phải tôn trọng và tuân theo phán quyết và quyết định của tư pháp;

- Cá nhân độc lập, có nghĩa là thẩm phán phải được độc lập khỏi những thành viên khác trong ngành tư pháp (cũng như ở các nhánh quyền lực khác – ND bổ sung).

Tiến trình chỉ định cá nhân vào cơ quan tư pháp phải minh bạch và chịu những tiêu chuẩn chọn lọc khắc nghiệt. Nói chung, sẽ tốt hơn nếu thẩm phán được lựa chọn bởi các đồng nghiệp hoặc bởi một cơ quan độc lập với hành pháp và lập pháp. Bất kỳ cách chọn lựa người nào cho ngành tư pháp cũng phải bảo đảm tính độc lập và vô tư của ngành tư pháp. Việc chỉ định, nếu do hành pháp thực hiện hoặc thông qua phổ thông đầu phiếu để lựa chọn thẩm phán, đều làm hỏng tính độc lập của tư pháp.

Tiêu chuẩn để chỉ định người vào cơ quan tư pháp phải là sự phù hợp của ứng cử viên với những cơ quan như vậy, căn cứ vào tính liêm chính, năng lực, các kỹ năng pháp lý, và được đào tạo hoặc có trình độ phù hợp về luật pháp. Bất kỳ ai đáp ứng được

những tiêu chuẩn này phải có quyền được xem xét để chọn vào cơ quan tư pháp, không có sự phân biệt đối xử vì bất kỳ nguyên nhân gì, chẳng hạn như sắc tộc, màu da, nguồn gốc dân tộc, tiếng nói, tình dục, giới tính, khuynh hướng tình dục, bản sắc giới, quan điểm chính trị và các quan điểm khác, tôn giáo, tín ngưỡng, tàn tật, quốc tịch gốc hay nguồn gốc xã hội, tình trạng lúc sinh, tình trạng kinh tế và các tình trạng khác. Tuy nhiên, có thể coi là không phân biệt đối xử nếu nhà nước:

- Quy định một độ tuổi tối thiểu hoặc một mức kinh nghiệm tối thiểu với các ứng viên vào cơ quan tư pháp;
- Quy định một độ tuổi tối đa hoặc tuổi nghỉ hưu, hoặc thời gian làm nghề, cho các quan chức trong ngành tư pháp;
- Quy định rằng tuổi tối đa hoặc tuổi nghỉ hưu hoặc thời gian làm nghề có thể khác nhau tùy theo cấp bậc của thẩm phán hoặc các quan chức khác trong ngành tư pháp;
- Yêu cầu rằng chỉ có công dân của nước mình mới đủ tư cách được chỉ định vào cơ quan tư pháp.

Không ai có thể được chỉ định vào cơ quan tư pháp trừ phi người đó được đào tạo thích hợp về pháp luật hoặc có trình độ về luật pháp, cho phép họ có thể thực hiện một cách xứng đáng chức năng nhiệm vụ của họ.

Hoạt động của thẩm phán được đảm bảo cho tới khi họ đến tuổi về hưu theo quy định hoặc khi nhiệm kỳ của họ kết thúc.

Độ dài của nhiệm kỳ, lương thưởng, lương hưu, các điều kiện về an toàn thân thể và an sinh xã hội, tuổi về hưu, kỷ luật và cơ chế hỗ trợ cùng các điều kiện khác về hoạt động của thẩm phán được quy định và đảm bảo bởi pháp luật. Việc thăng tiến phải căn cứ vào các yếu tố khách quan, đặc biệt là năng lực chuyên môn, tính liêm chính và kinh nghiệm của thẩm phán.

Thẩm phán chỉ có thể bị bãi chức vì những sai phạm nghiêm trọng về đạo đức vốn không phù hợp với cơ quan tư pháp, vì vi

phạm kỷ luật hoặc phạm tội hình sự, hoặc vì năng lực yếu kém khiến họ không thể hoàn thành chức năng nhiệm vụ. Ngoài ra, thẩm phán được hưởng miễn trừ cá nhân – không bị kiện dân sự vì những thiệt hại vật chất phát sinh từ phán quyết của họ. Trong mọi trường hợp, thủ tục kỷ luật thẩm phán phải tuân theo các tiêu chuẩn sau:

- Thủ tục xử lý khiếu nại đối với thẩm phán hoặc thủ tục kỷ luật thẩm phán, liên quan đến hành xử chuyên môn của họ, phải được quy định bởi pháp luật. Bất kỳ khiếu nại hoặc cáo buộc nào đối với thẩm phán cũng phải được xử lý nhanh chóng và công bằng;

- Thẩm phán, nếu có khả năng bị kỷ luật, tạm đình chỉ chức vụ hoặc bãi chức, có quyền được điều trần một cách công bằng, gồm cả quyền được đại diện bởi một đại diện pháp lý do họ lựa chọn và có quyền yêu cầu một cơ quan độc lập và vô tư xem xét lại bất kỳ quyết định nào được đưa ra trong tiến trình xử lý kỷ luật, tạm đình chỉ hoặc bãi chức thẩm phán đó;

- Thẩm phán không thể bị bãi chức hay bị trừng phạt vì những lỗi xuất phát từ thiện ý, hay vì đã không tán thành một sự diễn giải luật nào đó, hay chỉ vì quyết định của họ đã bị đảo ngược tại phiên phúc thẩm, hay vì quyết định của họ bị đề nghị để cho một cơ quan tư pháp ở cấp cao hơn xem xét lại.

* * *

VAI TRÒ CỦA CÔNG TỔ VIÊN ¹

Tất cả các bị cáo đều có quyền được xét xử bởi một tòa án trong đó công tố viên công bằng và không thiên vị.

Công tố viên phải thực thi các chức năng chuyên môn của họ một

¹. “Trial Observation Manual for Criminal Proceedings: Practitioners Guide No. 5”, International Commission of Jurists, 2009.

cách vô tư và khách quan, và tránh phân biệt đối xử vì các nguyên nhân chính trị, xã hội, tôn giáo, chủng tộc, văn hóa, khuynh hướng tình dục hay bất kỳ nguyên nhân nào khác.

Việc thực thi một cách thích hợp các chức năng công tố đòi hỏi tính tự chủ và độc lập trước các nhánh khác của nhà nước. Khác với trường hợp thẩm phán, luật quốc tế không có điều khoản nào bảo đảm tính chất “cơ quan độc lập” của bên công tố. Điều này do một thực tế là trong một số chế độ, công tố viên do bên hành pháp chỉ định và họ chịu trách nhiệm trước hành pháp ở một mức độ nào đó, do đó họ có nghĩa vụ phải tuân theo những mệnh lệnh nhất định do chính phủ đưa ra. Mặc dù một cơ quan công tố độc lập luôn được ưa thích hơn một cơ quan công tố phải chịu trách nhiệm trước hành pháp, nhưng trong mọi trường hợp, nhà nước có nghĩa vụ cung cấp cơ chế bảo đảm rằng công tố viên có thể tiến hành điều tra một cách vô tư và khách quan.

Văn phòng công tố phải tách biệt hoàn toàn khỏi các chức năng tư pháp.

Công tố viên phải có khả năng thực thi nhiệm vụ chuyên môn của họ mà không bị đe dọa, ngăn cản, quấy rối, không bị can thiệp không đúng hoặc không phải chịu trách nhiệm dân sự, hình sự hoặc các trách nhiệm khác một cách vô lý.

Công tố viên phải được giáo dục, đào tạo phù hợp và phải được ý thức về lý tưởng cũng như về trách nhiệm đạo đức của nghề công tố, về sự bảo vệ của hiến pháp và luật đối với quyền của nghi phạm và nạn nhân, về quyền con người và những quyền tự do căn bản được luật pháp quốc gia và quốc tế thừa nhận.

Công tố viên phải đóng vai trò chủ động trong tố tụng hình sự, kể cả trong việc bắt đầu tiến hành khởi tố, và nếu được luật cho phép hay nếu tuân theo đúng lệ thường ở nước sở tại, công tố viên phải chủ động trong quá trình điều tra tội ác, giám sát tính hợp pháp của công tác điều tra, giám sát việc thực thi các quyết định do cơ quan tư pháp đưa ra, giám sát việc thực thi các chức năng khác, như là đại diện cho lợi ích công.

Công tố viên, theo quy định của pháp luật, phải thực thi nhiệm vụ một cách công bằng, nhất quán và nhanh chóng, tôn trọng và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, và ủng hộ quyền con người; qua đó, góp phần vào việc bảo đảm pháp trình chính đáng và bảo đảm sự vận hành thông suốt của hệ thống tư pháp hình sự.

Khi thi hành nhiệm vụ, công tố viên phải:

- Thực hiện các chức năng của mình một cách vô tư, tránh mọi phân biệt đối xử về chính trị, xã hội, chủng tộc, nguồn gốc dân tộc, tôn giáo, văn hóa, tình dục, giới tính hoặc bất kỳ hình thức phân biệt nào khác;

- Bảo vệ lợi ích công, hành động một cách khách quan, cân nhắc thích đáng đến cương vị của nghi phạm và nạn nhân, và lưu tâm tới tất cả các tình huống liên quan, bất kể chúng có là lợi thế hay bất lợi cho nghi phạm;

- Bảo mật các thông tin mình có được, chỉ trừ phi việc thực thi nhiệm vụ hay nhu cầu công lý đòi hỏi phải làm khác;

- Cân nhắc các quan điểm và những nỗi lo ngại của nạn nhân khi mà lợi ích cá nhân của họ bị ảnh hưởng, và bảo đảm rằng nạn nhân đã được thông báo rõ về quyền của họ.

Công tố viên không nên mở đầu hay tiếp tục tiến trình truy tố, cũng không nên cố gắng tham gia tiến trình, khi một điều tra vô tư cho thấy lời cáo buộc là không có cơ sở.

Công tố viên nên chú ý thích đáng đến việc truy tố những tội ác do các quan chức chính quyền gây ra, đặc biệt tội tham nhũng, lạm dụng quyền, vi phạm nghiêm trọng quyền con người, và các tội khác mà luật quốc tế đã thừa nhận.

Khi công tố viên có được bằng chứng chống lại một nghi phạm – mà họ biết và tin, dựa trên những lý do xác đáng, rằng những bằng chứng đó có được là nhờ sử dụng những biện pháp bất hợp pháp, cấu thành tội vi phạm thô bạo nhân quyền của nghi phạm, đặc biệt là biện pháp tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, phi

nhân tính, hạ thấp nhân phẩm, hay các hình thức vi phạm nhân quyền khác – họ phải từ chối sử dụng những bằng chứng đó để chống lại bất cứ ai, chỉ trừ chống lại chính những người đã sử dụng các biện pháp như thế; hoặc họ phải thông báo như vậy cho cơ quan tư pháp, và tiến hành tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng những kẻ chịu trách nhiệm sử dụng các biện pháp đó sẽ bị đưa ra trước công lý.

* * *

TÍNH ĐỘC LẬP CỦA NGHỀ LUẬT SƯ¹

Bất kỳ ai bị cáo buộc vi phạm hình sự đều có quyền được luật sư trợ giúp và bảo vệ. Nhà nước phải đảm bảo tính độc lập của nghề luật sư và đảm bảo rằng các luật sư đều có thể thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của họ.

Trừ phi muốn tự bào chữa, các cá nhân bị cáo buộc phạm tội đều luôn luôn phải được đại diện bởi một luật sư – người bảo đảm rằng quyền của bị cáo được xét xử công bằng bởi một tòa án độc lập và vô tư sẽ được tôn trọng trong suốt tiến trình tố tụng. Luật sư phải được phép đặt câu hỏi về tính độc lập và vô tư của tòa án, và phải cố gắng bảo đảm rằng quyền của bị cáo cũng như những bảo đảm tư pháp dành cho bị cáo đều được tôn trọng.

Quyền được trợ giúp bởi luật sư, ngay cả khi cá nhân không thể lo được, là một phần không thể tách rời của quyền được xét xử công bằng mà luật quốc tế đã thừa nhận.

Thêm vào đó, luật sư đóng một vai trò quan trọng quyết định trong việc bảo vệ quyền không bị bắt giữ tùy tiện, bằng cách chống việc bắt giữ, chẳng hạn, bằng cách trình đơn habeas corpus [lệnh đình việc bắt giữ - ND]. Họ cũng tư vấn và đại diện cho các nạn

¹ “Trial Observation Manual for Criminal Proceedings: Practitioners Guide No. 5”, International Commission of Jurists, 2009.

nhân của những vụ vi phạm nhân quyền và người thân của nạn nhân trong tiến trình tố tụng hình sự đối với kẻ bị cáo buộc là thủ phạm của vụ vi phạm nhân quyền đó, cũng như trong tiến trình tìm cách phục hồi cho nạn nhân.

Để việc trợ giúp pháp lý được hiệu quả thì nó phải được thực thi độc lập.

Luật quốc tế đã thiết lập những cơ chế nhất định nhằm bảo đảm sự độc lập của cá nhân mỗi luật sư cũng như của cả nghề luật.

Tất cả mọi người đều có quyền yêu cầu sự trợ giúp từ một luật sư do họ chọn để bảo vệ và xác lập các quyền của họ, và bảo vệ họ trong mọi giai đoạn tố tụng hình sự. Chính quyền phải đảm bảo cung cấp các thủ tục hiệu quả, các cơ chế có tính phản hồi cao, để tất cả mọi người ở trong lãnh thổ của chính quyền ấy và chịu quyền tài phán hoặc kiểm soát hiệu quả của chính quyền ấy đều có thể tiếp cận như nhau và hiệu quả đến các luật sư, không có bất kỳ hình thức phân biệt nào như phân biệt dựa trên các lý do chủng tộc, màu da, nguồn gốc dân tộc, tình dục, khuynh hướng giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị và các quan điểm khác, quốc tịch gốc hoặc nguồn gốc xã hội, tài sản, tình trạng lúc sinh, tình trạng kinh tế và các tình trạng khác.



Luật sư Trần Thu Nam (bên phải) và luật sư Lê Văn Luân bị côn đồ (có cả công an) hành hung ở huyện Chương Mỹ (Hà Tây), ngày 03/11/2015.

Các nhà nước phải bảo đảm rằng:

- Tất cả mọi người đều phải được cơ quan có thẩm quyền thông báo ngay lập tức về quyền của họ được trợ giúp bởi một luật sư do họ chọn – thông báo ngay khi họ bị bắt hoặc khi bị khởi tố về một tội hình sự;
- Tất cả mọi người khi bị bắt, dù bị khởi tố hay chưa, đều có quyền nhanh chóng được gặp luật sư, và trong bất kỳ trường hợp nào, họ cũng phải được gặp luật sư không muộn hơn 48 tiếng kể từ thời điểm bị bắt;
- Các cá nhân bị khởi tố về một tội hình sự đều được có luật sư đại diện vào mọi lúc, trong suốt các khâu của tiến trình tố tụng hình sự của tư pháp;
- Những người không có luật sư thì trong mọi trường hợp mà công lý đòi hỏi, họ đều có quyền được có một luật sư có kinh nghiệm và năng lực tương xứng với bản chất của tội hình sự mà họ bị cáo buộc phạm phải, để họ được trợ giúp pháp lý một cách hiệu quả, mà không phải trả tiền nếu như họ không có đủ tiền để trang trải cho dịch vụ đó.

Các nhà nước cần phải đảm bảo rằng:

- Luật sư có thể thực thi tất cả các nhiệm vụ chuyên môn của họ mà không đe dọa, ngăn cản, quấy rối, hay bị can thiệp không đúng;
- Bất cứ khi nào sự an toàn của luật sư bị đe dọa vì họ đã thực thi nhiệm vụ của mình, thì họ phải được bảo vệ thích đáng;
- Luật sư có thể tự do đi lại và tự do tham vấn khách hàng, cả trong nước lẫn nước ngoài;
- Luật sư không phải chịu hoặc không bị đe dọa phải chịu truy tố hay chịu các biện pháp xử lý hành chính, kinh tế, hay các hình thức trừng phạt khác, vì bất kỳ việc gì mà họ đã làm theo nghĩa vụ nghề nghiệp, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp đã được công nhận;
- Tất cả các giao dịch, tham vấn, tư vấn giữa luật sư và khách hàng, trong khuôn khổ quan hệ chuyên môn của họ, đều phải được bảo mật; và

- Luật sư không bị đánh đồng với khách hàng hay việc làm của khách hàng chỉ vì đã thực thi chức năng nhiệm vụ của mình.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có trách nhiệm đảm bảo cho luật sư được tiếp cận với thông tin và hồ sơ phù hợp mà cơ quan đó sở hữu hay kiểm soát, trong khoảng thời gian phù hợp, để luật sư có thể trợ giúp pháp lý một cách hữu hiệu cho khách hàng. Việc tiếp cận đó phải được sẵn sàng vào thời gian sớm nhất có thể.

Luật sư được miễn trách nhiệm dân sự và hình sự vì những phát biểu liên quan mà ông/bà ta đưa ra với thiện ý, bằng văn bản hoặc bằng lời nói hoặc trong khi đang hành nghề trước cơ quan tư pháp hoặc các cơ quan pháp luật hay hành chính khác.

Luật sư luôn luôn phải gìn giữ danh dự và phẩm giá của nghề nghiệp của mình như thể đó là tác nhân căn bản nhất trong việc thực thi công lý, và họ cũng luôn luôn phải tôn trọng lợi ích của khách hàng. Luật sư có những trách nhiệm chuyên môn cơ bản, phần lớn là liên quan đến khách hàng, bao gồm:

- Tư vấn cho khách hàng về các quyền và nghĩa vụ pháp lý của khách, và về sự vận hành của hệ thống pháp luật ở chừng mực liên quan đến các quyền và nghĩa vụ pháp lý của khách;
- Hỗ trợ khách hàng bằng mọi cách thích hợp, và có các hành động pháp lý để bảo vệ lợi ích của khách hàng;
- Trợ giúp khách hàng trước tòa hay trước cơ quan hành chính, khi cần.

Khi bảo vệ quyền của khách hàng và thúc đẩy công lý, luật sư phải cố gắng ủng hộ nhân quyền và các quyền tự do căn bản đã được luật quốc gia và quốc tế công nhận, và phải luôn luôn hành động tự do và cần mẫn, theo đúng luật pháp, theo đúng những chuẩn mực và đạo đức đã được thừa nhận của nghề luật sư.

Những cáo buộc và khiếu nại nhằm vào luật sư trong lĩnh vực chuyên môn của họ cần phải được xử lý nhanh chóng và công bằng

theo những thủ tục phù hợp. Luật sư phải có quyền được điều trần công bằng, kể cả quyền được trợ giúp bởi một luật sư khác do họ lựa chọn.

Chương V

CHẾ ĐỘ ĐẠI NGHỊ VÀ CHẾ ĐỘ TỔNG THỐNG

Khi tìm hiểu một chế độ, hay một hệ thống chính trị, một trong những câu hỏi đầu tiên cần được đặt ra là nó theo thể chế đại nghị hay tổng thống? Điều này có thể được xác định căn cứ vào mối quan hệ giữa cơ quan hành pháp (chính phủ) và cơ quan lập pháp (quốc hội, hay nghị viện) của nó.

* * *

CHẾ ĐỘ ĐẠI NGHỊ

Chế độ đại nghị (nghị viện chế) có ở các nước như: Anh, Đức, Thụy Điển, Ấn Độ, Nhật Bản, New Zealand, Úc, v.v. và còn nhiều nữa. Trên thế giới hiện nay, số nước theo thể chế đại nghị đông hơn so với theo thể chế tổng thống.

Chế độ đại nghị là hệ thống chính trị trong đó chính phủ điều hành thông qua quốc hội, vì thế, nhánh hành pháp và lập pháp gần như trộn lẫn (dù về mặt hình thức thì vẫn là hai nhánh tách biệt). Nói cách khác, đặc điểm chính của chế độ đại nghị là sự hòa trộn, hợp nhất giữa quyền lực của hành pháp và quyền lực của lập pháp. Chính xác thì nó không phải là “tam quyền phân lập” mà là “lưỡng quyền hợp nhất”, tức quyền lực của hành pháp và lập pháp hợp nhất. Tư pháp thì vẫn độc lập.

Đặc điểm của chế độ đại nghị:

- Chính phủ do quốc hội chỉ định chứ không phải do dân bầu bằng phổ thông đầu phiếu;

- Thành viên của chính phủ được lấy từ quốc hội, thường họ chính là lãnh đạo của đảng hoặc các đảng chiếm đa số trong quốc hội;

- Người đứng đầu chính phủ (tức thủ tướng) cũng là thành viên quốc hội; vì vậy, có một nguyên thủ quốc gia riêng biệt, không thuộc hành pháp cũng không thuộc lập pháp. Đó là vua/ nữ hoàng, hoặc tổng thống;

- Chính phủ phải chịu trách nhiệm trước quốc hội;

- Chính phủ chỉ có thể vận hành nếu có được sự tín nhiệm của quốc hội; thành viên chính phủ có thể bị quốc hội bỏ phiếu bất tín nhiệm và bị bãi miễn (cách chức);

- Quốc hội giữ quyền lực tối cao: Nó có thể phế bỏ chính phủ.

Xin nhắc lại với các bạn rằng, **với những đặc điểm đó, chế độ đại nghị không theo nguyên tắc tam quyền phân lập.**

Ở Việt Nam dưới thời cộng sản, thủ tướng và bộ trưởng đều có thể là đại biểu quốc hội. Nhiều người chỉ trích rằng như thế là “vừa đánh trống vừa thổi còi”, vi phạm nguyên tắc tam quyền phân lập. Tuy nhiên, thật ra thì điều đó không sai, vì Việt Nam “có vẻ” theo thể chế đại nghị; thành viên của chính phủ được lấy từ quốc hội. Như ở Anh, thủ tướng (người đứng đầu nội các) cũng chính là chủ tịch của đảng chiếm đa số trong quốc hội.

Điểm khác biệt lớn giữa CHXHCN Việt Nam và các nước dân chủ theo chế độ đại nghị là quốc hội của họ có nhiều đảng, có phe đa số, thiểu số, còn quốc hội CHXHCN Việt Nam thì chỉ có một mình đảng Cộng sản. Và, cả hành pháp lẫn lập pháp Việt Nam đều nằm dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản cầm quyền – điểm này thì chẳng giống một nền dân chủ đại nghị hay dân chủ tổng thống nào cả.

Ưu điểm của chế độ đại nghị

- Chính phủ buộc phải có trách nhiệm; nếu không, có thể bị quốc hội bỏ phiếu bất tín nhiệm.

- Chính phủ vận hành hiệu quả, nhanh chóng hơn là khi hành pháp và lập pháp độc lập hay bất đồng.

Nhược điểm của chế độ đại nghị

- Nếu một đảng chiếm đa số trong quốc hội thì có thể sẽ kiểm soát được cả chính phủ. Hành pháp nằm trong tay phe đa số trong quốc hội thì việc cân bằng và đối trọng giữa hai nhánh quyền lực này khó được đảm bảo.

- Nếu có nhiều đảng và không đảng nào đủ đa số, thì lại có nguy cơ chính phủ yếu, dễ mất ổn định chính trị. (Ví dụ như ở Ý, có đến 59 chính phủ tồn tại trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 2001).

- Hành pháp và lập pháp khó có thể bất đồng (vì vốn dĩ thành viên cùng đảng và/hoặc kiêm nhiệm ở cả hai nhánh).

- Còn nếu có bất đồng giữa hành pháp và lập pháp thì một trong hai nhánh phải thay đổi nhân sự hoặc quan điểm.

Anh là một nước điển hình theo chế độ đại nghị. Thủ tướng Anh là chủ tịch của đảng chiếm đa số trong quốc hội. Ví dụ như bà Margaret Thatcher khi làm Thủ tướng Anh cũng chính là Chủ tịch đảng Bảo thủ. Khi bà buộc phải từ chức thủ tướng (năm 1990), thực ra không phải vì bị chính phủ bỏ phiếu bất tín nhiệm, mà vì ngay trước đó bà đã mà mất chức chủ tịch đảng Bảo thủ. John Major kế nhiệm bà, trở thành Chủ tịch đảng và Thủ tướng Anh.

Những nhược điểm của chế độ đại nghị có thể được giải quyết bằng cách: Đa đảng, và bảo đảm đảng đối lập luôn có quyền và có thể phản biện đảng cầm quyền, ngay cả khi họ chỉ là thiểu số. Ở trong một văn hóa chính trị dân chủ và tôn trọng đối thoại thì điều này không phải là vấn đề lớn: Nước Mỹ chẳng hạn, có một đặc điểm thú vị là mặc dù thực tế chỉ có hai đảng lớn thay nhau cầm quyền (có đảng viên làm tổng thống và đứng đầu hành pháp, và/

hoặc chiếm đa số trong quốc hội), nhưng không đảng nào lợi dụng việc mình cầm quyền để dồn ép đảng kia quá đáng. Lý do là bởi đảng nào cũng sợ đến hết nhiệm kỳ của mình, đảng kia giành được quyền lực, có thể sẽ dồn ép mình để trả đũa.

Phong trào dân chủ ở Việt Nam những năm từ 2011 trở đi cũng có một chuyện thú vị tương tự: Các tổ chức xã hội dân sự có thể ưa hoặc không ưa nhau nhưng dù sao cũng không chống nhau quá đáng. Họ đều ý thức được việc phải chung sống trong hòa bình, đoàn kết để đương đầu với một kẻ thù chung là chế độ toàn trị. Và xuất hiện hiện tượng “biểu tình ngoại giao”: Khi nhóm No-U kêu gọi biểu tình chống Trung Quốc hoặc tổ chức thắp hương tưởng niệm tử sĩ, liệt sĩ chống Tàu, nhóm Cây Xanh (Green Trees) sẽ phải cố gắng tham gia, vì sợ nếu không dự thì tới khi Cây Xanh hô hào tuần hành bảo vệ môi trường, No-U sẽ đứng ngoài cuộc.

Cái hay của dân chủ và đối thoại là như vậy.

CHẾ ĐỘ TỔNG THỐNG

Chế độ tổng thống (tổng thống chế) có ở Mỹ và các nước chịu ảnh hưởng của Mỹ, như Mỹ Latin và Philippines. Đó là hệ thống chính trị thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc tam quyền phân lập: hành pháp và lập pháp độc lập với nhau; hành pháp và lập pháp đều được bầu cử độc lập.

Đặc điểm của chế độ tổng thống:

- Chính phủ và quốc hội được bầu cử độc lập với nhau;
- Thành viên chính phủ không được là thành viên quốc hội, và ngược lại;
- Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia vừa là người đứng đầu cơ quan hành pháp;
- Chính phủ không phải chịu trách nhiệm trước quốc hội và không bị quốc hội bãi miễn (trừ việc tổng thống có thể bị mất chức vì thủ tục luận tội của quốc hội);

- Tổng thống nắm quyền lực hành pháp; nội các và các bộ trưởng phải chịu trách nhiệm trước tổng thống;

Dù ba nhánh quyền lực độc lập, nhưng chúng đều ràng buộc và có khả năng kiểm soát lẫn nhau. Như ở Mỹ, tổng thống có quyền phủ quyết luật do quốc hội làm ra. Quốc hội có quyền bỏ qua phủ quyết đó nếu được 2/3 phiếu trong cả hai viện nhất trí bác bỏ. Tổng thống có quyền chỉ định quan chức hành pháp cấp cao và chánh án tòa tối cao, nhưng sau đó phải được thượng viện phê chuẩn.

Ưu điểm của chế độ tổng thống

- Ba nhánh quyền lực kiểm soát lẫn nhau. Không có chuyện hành pháp lấn át lập pháp và tư pháp.

- Chống lạm quyền và độc tài, do đó, có thể bảo vệ quyền con người.

Nhược điểm của chế độ tổng thống

Hành pháp, lập pháp nhiều khi mâu thuẫn, không thống nhất được với nhau, dẫn đến bế tắc về chính sách. Đó là khi những người ra các quyết định chính trị không thể nào (hoặc không muốn) thỏa hiệp được với nhau để có được một hành động chính sách.

CHẾ ĐỘ BÁN TỔNG THỐNG

Chế độ bán tổng thống là hệ thống chính trị “lai” giữa chế độ đại nghị và chế độ tổng thống: Ở đó, tổng thống được bầu cử riêng (giống chế độ tổng thống), thành viên của chính phủ do tổng thống chỉ định và quốc hội phê chuẩn, nhưng chính phủ phải chịu trách nhiệm trước quốc hội (giống chế độ đại nghị).

Chế độ bán tổng thống có ở Pháp, Nga, Rumani, Đài Loan, Đông Timor...

Ngày nay, nguyên tắc “tam quyền phân lập” đã thay đổi ít nhiều: Không cơ quan nào trong ba nhánh quyền lực lại chỉ thực hiện duy nhất chức năng lập pháp, hành pháp hay tư pháp. Trên thực tế, lập pháp có thể điều tra sai phạm của hành pháp; hành pháp có thể soạn thảo và diễn giải luật pháp; và tư pháp có thể làm ra luật.

Về phần mình, chúng ta chỉ cần nhớ rằng không phải nền dân chủ nào cũng thực hiện tam quyền phân lập. Chế độ đại nghị áp dụng nguyên tắc quyền lực hợp nhất, chế độ tổng thống mới áp dụng tam quyền phân lập. Khó nói hệ thống chính trị nào ưu việt hơn; điều quan trọng là phải có đa đảng thực chất, có sự ràng buộc, giám sát và kiểm soát để không đảng nào và không nhánh quyền lực nào có thể lạm quyền, và tư pháp luôn độc lập.

Chương VI

BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Đến đây chúng ta sẽ bàn về một “tầng lớp” những cá nhân và cơ quan, tổ chức không nắm quyền lực lập pháp, hành pháp hay tư pháp nào, nhưng lại đóng vai trò như “chất bôi trơn” trong cả hệ thống chính trị và xã hội.

Họ là những cá nhân, cơ quan, tổ chức được trả lương để làm những công việc rất cụ thể nhằm triển khai các chính sách của ba nhánh quyền lực trong thực tế. Họ mới thực sự là những người, cơ quan, tổ chức mà người dân gặp gỡ, tiếp xúc, va chạm hàng ngày – chứ không phải ngài tổng thống, ông chủ tịch nước hay bà chủ tịch quốc hội. Và, họ không phải chính trị gia, họ không tranh cử, không phải tìm cách giành lá phiếu của cử tri, không cần lấy lòng người dân chúng ta, dù rõ ràng họ được trả lương từ ngân sách nhà nước, tức là bằng tiền thuế của chúng ta.

Họ là ai vậy? Đó là các công chức và các cơ quan nhà nước làm nên bộ máy hành chính.

* * *

HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH PHÁP

Như đã nói ở Chương II, “Hành pháp”, một trong các chức năng của hành pháp là xây dựng chính sách công và lãnh đạo, chỉ huy, giám sát, để bảo đảm rằng chính sách đó được thực thi. Thế nên, người ta

để nhằm hành pháp với hành chính, và nhằm các công chức – những người ăn lương của chính phủ – với “quan chức”, “người nhà nước”, nghe như thể họ ở tầng lớp trên, tầng lớp lãnh đạo.

Thực ra thì hành pháp và hành chính khác nhau. Theo Austin Ranney, hành pháp là những cá nhân hoặc cơ quan “được bầu cử hoặc chỉ định làm việc trong những nhiệm kỳ có giới hạn để khởi xướng các chính sách và định hướng, hướng dẫn công việc của cơ quan hành chính”. Còn hành chính là những cá nhân “được chỉ định để làm công việc triển khai thực thi pháp luật, thực thi các chính sách; nhiệm kỳ và sự thăng tiến của họ phụ thuộc vào công trạng, thành tích chuyên môn hơn là vào những liên hệ đảng phái”.

Điểm khác biệt quan trọng là, nhân viên hành chính, hay công chức, không phải là chính trị gia, nghĩa là họ không tìm cách gây ảnh hưởng – tự mình hoặc thông qua đảng phái – để giành và giữ quyền lực nhà nước. Họ không phải tranh cử và không được bầu chọn bằng lá phiếu của cử tri. Họ chỉ là những người được chỉ định, làm công ăn lương (cụ thể là nhận lương từ ngân sách nhà nước), để làm các công việc rất cụ thể nhằm triển khai, thực thi chính sách.

Việc tuyển dụng và thăng tiến của nhân viên hành chính phụ thuộc vào thành tích chuyên môn của họ chứ không phải vào khả năng “làm chính trị”, “gây ảnh hưởng” của họ và đảng của họ. Đó là chưa nói đến chuyện nhân viên và cơ quan hành chính còn phải giữ địa vị trung lập, phi đảng phái. Cũng giống như đòi hỏi đối với tư pháp (tòa án và công tố viên), nhân viên hành chính phải thực hiện chức năng của mình một cách tận tụy và công bằng với tất cả mọi người, hay nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh là “cán bộ là đầy tớ của dân”. Để làm được điều đó, môi trường công việc của họ phải bình yên, ổn định; họ không phải chịu bất cứ sức ép chính trị nào như mất việc, bị trừ lương, hoặc bị tống cổ ra đường khi chính quyền thay đổi hay nội các thay đổi, đảng này lên, đảng kia xuống...

Nói chung, một nền hành chính tốt cần phải trung lập, tức là

phi đảng phái, và tận tụy, công bằng với tất cả. Do vậy, ở nhiều nước, công chức bị hạn chế hoặc không được khuyến khích tham gia chính trị. Ở Mỹ chẳng hạn, công chức không được làm thuê cho đảng nào, không được gây quỹ, vận động cho đảng nào.

Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Mỹ ở Việt Nam nhiệm kỳ 2015-2017, ông David Muehlke, khi được hỏi ông ủng hộ ứng viên nào trong các ứng viên tổng thống Mỹ, đã trả lời: “Là một công chức, tôi không thể công khai ủng hộ đảng hay ứng viên nào được”.

Nguyên tắc là phải phi chính trị hóa nền hành chính. Tuy vậy, trên thực tế ở CHXHCN Việt Nam, trong các cơ quan nhà nước, công chức luôn được khuyến khích, dụ dỗ, thậm chí ép phải gia nhập đảng Cộng sản, và tồn tại vô số các chi bộ đảng cộng sản trong tất cả các cơ quan hành chính nhà nước, mục đích chính là tạo ra cảm giác tâm lý về cùng một phe với đảng trong người công chức.

Điều 94 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp.

CHỨC NĂNG CỦA HÀNH CHÍNH

1. Cung cấp dịch vụ

Một trong các chức năng của các cơ quan hành chính là cung cấp dịch vụ cho người dân, miễn phí hoặc có nhận phí, lệ phí. Các dịch vụ điển hình có thể được kể đến gồm: giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội. Ở Việt Nam, ngành bưu chính chẳng hạn, vẫn do nhà nước quản lý và cung cấp dịch vụ.

2. Điều tiết

Một chức năng khác của các cơ quan hành chính là ra các quy định để điều chỉnh, điều tiết hoạt động của cá nhân và tổ chức, nhất là doanh nghiệp, để họ không làm gì có hại.

Có thể có ý kiến nói rằng thay vì điều tiết, các nền kinh tế hiện đại nên tăng cường “giải điều tiết”, nghĩa là bớt đi vai trò ra quy định và điều chỉnh của các cơ quan hành chính, bớt đi các mệnh lệnh, quyết định hành chính can thiệp vào thị trường. Có người cũng cho rằng xã hội hiện đại nên hướng tới sự tự quản, tư nhân hóa triệt để, thu hẹp vai trò của nhà nước mà lý tưởng nhất là để chủ nghĩa vô chính phủ lên ngôi.

Tuy nhiên, thực tế là xã hội càng hiện đại thì các ý kiến đó càng ít tính khả thi; những người ủng hộ chúng chắc đều cổ súy chủ nghĩa vô chính phủ hoặc tự do tuyệt đối trong kinh tế. Còn những người nghiên cứu chính trị, đặc biệt là chính sách công – một mảng lớn của khoa học chính trị – thì hẳn sẽ dễ dàng đưa ra lý do phản bác nó. Dưới đây là một lý giải vì sao xã hội càng hiện đại, càng cần có sự điều tiết.

“Sự lan tỏa của chính sách công... chủ yếu là kết quả của hiện đại hóa. Hiện đại hóa kéo theo sự phát triển của công nghệ, tri thức, và tiếp đó là sự phân công lao động và chuyên môn hóa. Điều ấy khiến tất cả chúng ta đều phụ thuộc lẫn nhau. Nhà thám hiểm có thể mở cabin mà không cần sự trợ giúp từ bên ngoài, nhưng vận hành một thiết bị khoan hiện đại đòi hỏi phải có chuyên môn của nhà thầu xây dựng, thợ mộc, thợ điện, thợ hàn, thợ nề, thợ lợp nhà, v.v. Chúng ta phụ thuộc vào năng lực và tay nghề của những người thợ mà chúng ta không đủ trình độ để đánh giá chất lượng công việc của họ, họ được đánh giá bởi một cơ quan nhà nước. Chúng ta thậm chí còn kém năng lực hơn để có thể độc lập đánh giá công việc của các chuyên gia như bác sĩ hay luật sư. Bất kỳ khi nào có một công nghệ mới ra đời, chúng ta lại cần một cơ quan mới ra quy định để điều chỉnh, điều tiết nó”*.

* “American Public Policy: An Introduction”, 10th edition, Wadsworth Cengage Learning, 2010.

Có vô số lĩnh vực cần sự điều tiết, sau đây chỉ là một vài ví dụ:

- Cấp giấy phép kinh doanh những mặt hàng đặc biệt (súng, đồ cổ...);
- Cấp chứng nhận và bảo hộ bản quyền, bằng sáng chế...;
- Chống độc quyền trong sản xuất, kinh doanh;
- Chống cạnh tranh không lành mạnh (bán phá giá, quảng cáo bôi nhọ đối thủ, v.v.);
- Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Ban hành quy định về dán nhãn sản phẩm hàng hóa;

- Ban hành quy định về khám chữa bệnh;
- Ban hành quy định về phòng cháy chữa cháy, chống hỏa hoạn;
- Xác lập quy chuẩn về xây dựng;
- Xác lập quy chuẩn về an toàn giao thông đường bộ;
- v.v.

Trong điều tiết (bằng những giấy phép, quy định, quy chuẩn...), cơ quan hành chính cũng sẽ có thêm một công việc nữa: xét xử các tranh chấp. Tất nhiên, xét xử tranh chấp là chức năng nguyên thủy và chính yếu của tòa án hay là của tư pháp. Tuy vậy, ở một số quốc gia ngày nay, một số cơ quan hành chính cũng đã có thêm một chức năng “gần như tư pháp”, như nhận đơn thư khiếu nại, tổ chức điều trần, hòa giải, giải quyết tranh chấp.

Chương VII

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CHXHCN VIỆT NAM

Như đã nói ở trên, hệ thống chính trị Việt Nam “có vẻ” như đại nghị, ở chỗ nó có một chủ tịch nước không phải là người đứng đầu chính phủ, thành viên của chính phủ được lấy từ quốc hội và do quốc hội chỉ định, và quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất.

Tuy thế, hệ thống chính trị Việt Nam có một đặc thù khác hẳn các chế độ đại nghị: Nó là hệ thống độc đảng, và đảng Cộng sản Việt Nam làm nên một trong ba thành phần chính yếu, chủ chốt của nó.

Trên lý thuyết (do chính đảng Cộng sản Việt Nam thừa nhận), hệ thống chính trị Việt Nam gồm có ba thành phần: 1. Đảng Cộng sản Việt Nam; 2. Nhà nước; và 3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên.

Trên thực tế, quyền lực của đảng Cộng sản bao trùm lên tất cả hệ thống chính trị.

ĐẢNG CỘNG SẢN

Đảng Cộng sản là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội (Điều 4 Hiến pháp 2013).

Đảng Cộng sản giữ quyền lãnh đạo nhà nước và khối xã hội dân sự (hay “các tổ chức chính trị-xã hội” như họ đặt tên) thông qua việc áp đặt ý thức hệ cộng sản và các đường lối, cương lĩnh, để từ đó thể chế hóa chúng thành luật, nghị quyết, chỉ thị... Bên cạnh đó,

đảng giữ quyền đề cử hoặc bổ nhiệm cán bộ của đảng vào các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị-xã hội. Tức là, đảng lãnh đạo “toàn diện, triệt để, tuyệt đối”, bằng đường lối, nhân sự, bằng công tác kiểm tra - thanh tra.

Hệ thống của đảng Cộng sản vận hành giống như hệ thống cấp bậc của nhà nước. Mỗi cơ quan nhà nước đều có một chi bộ đảng chịu trách nhiệm trước đảng bộ địa phương, có thể là cấp tỉnh hoặc cấp huyện. Trong quân đội và công an, có các chi bộ hoạt động theo đúng với điều lệ và chỉ thị của đảng Cộng sản và theo luật.

NHÀ NƯỚC

Nhà nước CHXHCN Việt Nam bao gồm các thành tố sau:

- Chủ tịch nước;
- Cơ quan hành pháp: gồm Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp (các chính quyền địa phương);
- Cơ quan lập pháp: gồm Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp;
- Cơ quan tư pháp: gồm hệ thống tòa án (Tòa án Nhân dân Tối cao và các tòa án nhân dân địa phương), viện kiểm sát (Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao và các viện kiểm sát nhân dân địa phương), công an.

Cơ quan hành pháp còn bao gồm cả bốn cơ quan ngang bộ là: Ủy ban Dân tộc; Ngân hàng Nhà nước; Thanh tra Chính phủ; Văn phòng Chính phủ.

Ngoài ra, còn Kiểm toán Nhà nước – là một cơ quan độc lập, do Quốc hội bầu ra, hoạt động độc lập và chỉ chịu trách nhiệm trước pháp luật, không thuộc cơ quan nào.

Ở đây bạn sẽ thấy một điều rất kỳ lạ là công an tưởng như thuộc nhánh hành pháp, nhưng hóa ra cũng thuộc cả nhánh tư pháp. Trong hoạt động điều tra, tố tụng, xét xử, công an giữ vai trò hết sức bao trùm và nổi bật. Ngược lại, không có một cơ quan độc lập nào

giám sát hoạt động của công an. Không có gì lạ khi tình trạng công an lạm quyền, sử dụng bạo lực quá đà tới mức bạo hành, rồi can thiệp vào bản án, xảy ra thường xuyên và kéo dài hàng chục năm ở Việt Nam.

Các bạn cũng chú ý thêm là khác với ở nhiều quốc gia khác, tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước là một cơ quan ngang bộ, trực thuộc Chính phủ. Điều đó cũng có nghĩa là Ngân hàng này không độc lập mà chịu sự quản lý của Chính phủ.

MẶT TRẬN TỔ QUỐC

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, theo Hiến pháp, “là một liên minh chính trị và liên hiệp tự nguyện của các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội và các cá nhân đại diện cho các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài”. “Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, và Hội Cựu Chiến binh là các tổ chức chính trị-xã hội hợp tác với các thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc và thống nhất các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc”.

Như vậy, Mặt trận Tổ quốc hoạt động như một tổ chức “xã hội dân sự” hình thức, quản lý thống nhất các tổ chức xã hội dân sự khác trong cả nước. Nó đóng vai trò rất quan trọng trong bầu cử Quốc hội. (Xem Chương “Bầu cử”, thuộc Phần V, “Tương tác chính trị”).

QUAN HỆ GIỮA CÁC THÀNH PHẦN TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”

Tháng 12/1986, Đại hội lần thứ 6 của đảng Cộng sản Việt Nam (tên gọi đầy đủ là “Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của đảng Cộng sản Việt Nam”, gọi tắt là “Đại hội VI”) đưa ra một “sáng kiến”. Đó là cơ chế “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, được ấn định là “cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội”.

Suốt hàng chục năm sau đó, các cây bút lý luận chính trị của đảng Cộng sản đã tốn không biết bao nhiêu giấy mực để ca ngợi và làm rõ phương châm này, vì thật sự là nó quá khó hiểu và khó áp dụng.

- Đảng Cộng sản cầm quyền, lãnh đạo “toàn diện, triệt để, tuyệt đối”;

- Nhà nước quản lý (nhưng không lãnh đạo);

- Nhân dân làm chủ (nhưng không lãnh đạo cũng không quản lý).

Vấn đề ở đây là, đảng Cộng sản thì có thể lãnh đạo bằng đường lối, nhân sự, thanh tra-kiểm tra, Nhà nước thì có cả bộ máy hành pháp, lập pháp, tư pháp, công an, quân đội, nên cũng có thể quản lý. Còn nhân dân thì sẽ thực hiện quyền làm chủ như thế nào, nếu không có gì trong tay?

Một số nhà lý luận có cố gắng cụ thể hóa cách để nhân dân làm chủ, đó là thông qua các tổ chức “của nhân dân”, đó là Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội. Họ coi Mặt trận Tổ quốc là tập hợp các tầng lớp nhân dân để thể hiện quyền làm chủ của người dân. Tuy nhiên, thực chất cả Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của nó đều chỉ là những tổ chức ngoại vi, những cánh tay nối dài của đảng Cộng sản. Do vậy, bảo người dân phải thể hiện quyền làm chủ thông qua đó thì thật khó khăn.

Nhìn chung, các nhà lý luận bảo rằng nhân dân chắc chắn là chủ, thậm chí “nhân dân làm chủ” là yếu tố trung tâm của cơ chế quản lý toàn xã hội nêu trên, bởi vì mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước đều từ nhân dân, vì nhân dân. Tuy nhiên, làm thế nào để bảo đảm các hoạt động đó đều của dân, do dân, vì dân thì họ thường không nói rõ, chỉ hô khẩu hiệu như vậy và khẳng định nhân dân tin tưởng tuyệt đối vào Đảng và Nhà nước.

2. Quan hệ thứ bậc

Trên thực tế, quan hệ trong đảng Cộng sản là quan hệ thứ bậc, có cấp trên-cấp dưới rất rõ ràng. Khoản 4, Điều 9 Điều lệ đảng Cộng

sản Việt Nam nêu rõ: “Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương”.

Khoản 5, Điều 9 quy định: “Đảng viên có ý kiến thuộc về thiếu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng”.

Trong khi đảng viên cấp dưới có nghĩa vụ phục tùng cấp trên thì ngược lại, cấp trên có quyền bổ nhiệm hoặc cách chức cấp dưới.

Cơ quan hành pháp duy trì một hệ thống cấp bậc trên dưới tương tự. Thủ tướng có quyền phê chuẩn và cách chức chủ tịch UBND cấp tỉnh, chủ tịch UBND cấp tỉnh có quyền phê chuẩn và cách chức chủ tịch UBND cấp huyện... Mặt trận Tổ quốc các cấp cũng vậy.

Cơ quan lập pháp – có thể nói là cơ quan có tính đại diện cho dân cao nhất trong hệ thống chính trị Việt Nam trên lý thuyết – thì lại không phân định cấp trên-cấp dưới với quyền và nghĩa vụ ngặt nghèo như hành pháp và Mặt trận Tổ quốc. Quốc hội và các hội đồng nhân dân ở cấp cao hơn chỉ có quyền hướng dẫn và giám sát các hội đồng nhân dân cấp dưới, chứ không có quyền bổ nhiệm hay cách chức. Theo quy định, tất cả đều được dân bầu trực tiếp.

Cơ quan tư pháp cũng không duy trì quyền và nghĩa vụ theo thứ bậc. Trên danh nghĩa, các cấp tòa án đều độc lập. Tòa án cấp cao hơn có quyền bác bỏ kết luận của tòa án cấp dưới, nhưng không có quyền bổ nhiệm, cách chức. Trên thực tế, hệ thống tòa án ở Việt Nam không thể độc lập, một khi thẩm phán luôn phải là đảng viên đảng Cộng sản và phải chấp hành nghị quyết của đảng, phục tùng đa số, phục tùng cấp trên.

Công an, viện kiểm sát, và tòa án cũng thường có các cuộc họp ba bên, gọi là họp liên cơ quan tư pháp (điều tra, truy tố, xét xử) để

thống nhất tinh thần chung trước khi xét xử. Cuộc họp này định hướng đường lối xét xử, có thể nói đây gần như là cuộc bàn bạc định tội trước; sau đó tại tòa, hội đồng xét xử chỉ việc làm theo định hướng đã có sẵn, hay còn gọi là theo chỉ đạo.

Chương VIII

QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN

Bây giờ chúng ta sẽ đi đến thảo luận về hai lực lượng có vai trò rất quan trọng và cũng rất phức tạp trong mọi xã hội, mọi quốc gia. Đó là quân đội và công an.

Quân đội và công an giữ vai trò rất quan trọng, bởi vì họ liên quan đến chủ quyền của quốc gia. Ở Chương III thuộc Phần II, chúng ta đã nói về vấn đề chủ quyền. Một trong các yếu tố để một quốc gia hình thành và tồn tại là chủ quyền của nhà nước, vốn gồm hai khía cạnh: đối nội và đối ngoại. Một cách vắn tắt, có thể nói công an bảo vệ chủ quyền đối nội, và quân đội bảo vệ chủ quyền đối ngoại. Không có họ thì không thể giữ được chủ quyền đối nội và đối ngoại. Cũng có nghĩa là, đó là hai lực lượng bắt buộc phải có ở mọi quốc gia độc lập.

Tất nhiên có ngoại lệ, ví dụ như Puerto Rico không sở hữu quân đội riêng mà hoàn toàn trông cậy vào Mỹ; song đó chỉ là thiểu số. Bản thân Puerto Rico rất mong được trở thành bang thứ 51 của nước Mỹ, đến mức ta phải tự hỏi liệu người dân của họ có nguyện vọng chung sống với nhau như một quốc gia không.

Quân đội và công an cũng giữ vai trò rất phức tạp, bởi vì với sức mạnh của họ, họ luôn luôn có thể lạm quyền, có thể bảo vệ một chế độ cũng như lật đổ, thay thế chế độ đó. Riêng trong hoàn cảnh Việt Nam, tính chất phức tạp càng cao hơn nữa: Họ vừa lạm quyền, vừa bảo vệ đảng Cộng sản, lại vừa lợi dụng nền cai trị của đảng để làm lợi cho mình.

* * *

CHỨC NĂNG CỦA QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN

1. Quân đội

Quân đội có chức năng:

- Làm công cụ để nhà nước tiến hành chiến tranh (phòng vệ, phản công, tấn công, bành trướng - xâm lược);
- Bảo vệ chủ quyền quốc gia (quốc phòng);
- Bảo đảm trật tự trong nước. Ví dụ: bảo đảm trật tự xã hội trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch họa; cứu hộ, cứu trợ; trấn áp bạo động, bạo loạn, đàn áp các cuộc nổi loạn.

Chức năng “trấn áp bạo động, bạo loạn, đàn áp các cuộc nổi loạn” này là một chức năng gây tranh cãi của quân đội, bởi vì nhiều khi ranh giới giữa bảo đảm trật tự quốc nội và đàn áp những cuộc nổi dậy của dân chúng chống lại nhà cầm quyền phi nghĩa là rất mong manh.

Bạn sẽ thấy là có những trường hợp, đất nước rất cần một quân đội mạnh để trấn áp bạo động, bảo vệ chính quyền, ví dụ như khi quân Taliban kéo quân vào cướp chính quyền Afghanistan và áp đặt ách thống trị tàn bạo lên đất nước này từ năm 1996 đến năm 2001. Ngược lại, trong trường hợp nhà nước độc tài và một bộ phận dân chúng nổi dậy khởi nghĩa, mà quân đội lại thực hiện chức năng “đàn áp bạo loạn” của họ thì đó lại là điều chúng ta không mong muốn.

2. Công an

Chức năng của công an là bảo vệ nhân quyền của mỗi người dân, không để người này xâm phạm nhân quyền của người kia. Ngoài ra, công an cũng có chức năng bảo vệ trật tự trong nước, trong từng địa phương của đất nước, thông qua việc ngăn chặn, phòng chống tội phạm. Họ cũng có thể được huy động để bảo đảm trật tự xã hội trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch họa.

So với quân đội, công an không có chức năng “làm công cụ chiến tranh” và “quốc phòng”. Có thể vì thế mà công an không được vũ trang ở mức độ như quân đội: Ở nhiều quốc gia, họ chỉ là lực lượng bán vũ trang, thậm chí có những nơi công an không được phép sử dụng súng.

* * *

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN

So với dân thường, quân đội và công an có những đặc thù sau đây:

1. Độc quyền sử dụng vũ khí và vũ lực

Ở bất kỳ quốc gia nào thì quân đội và công an cũng được mặc định là hai lực lượng duy nhất trong xã hội có quyền sử dụng vũ khí và vũ lực để cưỡng bức khi cần. Cả xã hội mặc định điều đó, hay nói cách khác, họ có tính chính danh để sử dụng vũ khí và vũ lực.

2. Hệ thống cấp bậc và kỷ luật

Quân đội và công an được đặc thù bởi hệ thống tổ chức theo cấp bậc trên-dưới và kỷ luật rất chặt chẽ, nghiêm khắc. Thậm chí có quan niệm cho rằng kỷ luật làm nên sức mạnh của họ. Cấp trên được khuyến khích quyết đoán, còn cấp dưới được khuyến khích phục tùng – đó là phẩm chất của quân đội và công an. Chủ nghĩa cá nhân, tự do, sáng tạo và cá tính là những thứ không được đề cao trong đội ngũ này.

3. Can đảm, xả thân, sẵn sàng hy sinh

Xin nói rõ đây không phải là đặc điểm cố hữu của quân đội và công an, mà là những đặc điểm được xã hội kỳ vọng, đòi hỏi ở họ, và xã hội cũng mặc định là quân nhân và công an có những phẩm chất cao đẹp đó. Nói cách khác, quân nhân và công an là hai nghề có thương hiệu tự thân, cũng giống như ở Việt Nam, nhà giáo được mặc định là nghề có đạo đức, mô phạm.

Tuy nhiên, đặt chuyện kỳ vọng của xã hội qua một bên, thì quân đội và công an về bản chất là hai nghề vì cộng đồng; quân đội và công an được coi là người của cộng đồng.

Xin bạn lưu ý: Người của cộng đồng ở đây không có nghĩa là người nổi tiếng, như ca sĩ, diễn viên, người mẫu, mà có nghĩa là người có ảnh hưởng đến cộng đồng, thậm chí có thể làm gương và dẫn dắt cộng đồng, và vì thế phải chịu trách nhiệm trước cộng đồng ấy về lối sống, hành động, hành vi ứng xử của họ.

Cụ thể những ai hoặc những nghề nào là người của cộng đồng thì không có luật pháp nào quy định, điều đó tùy thuộc văn hóa của mỗi xã hội, mỗi cộng đồng.

Một cách chung nhất thì những người của cộng đồng có thể bao gồm lãnh đạo chính trị, linh mục, thầy tu, sư sãi, giáo viên, nhà báo, nhà văn, nhà hoạt động xã hội, quân nhân, cảnh sát, kể cả các chức vụ lãnh đạo nhỏ trong cấp chính quyền địa phương như chủ tịch xã, chủ tịch huyện, trưởng thôn.

4. Nguy cơ lạm quyền rất cao

Chính vì là hai lực lượng duy nhất trong xã hội có quyền và có tính chính danh để sử dụng vũ khí, vũ lực, cho nên quân đội và công an có sức mạnh, và ở họ tiềm ẩn khả năng lạm quyền rất cao.

- Quân đội có thể dựng lên một chế độ, bảo vệ chế độ, và lật đổ chế độ ấy. Họ có thể thay thế một chính quyền dân sự bằng một chính quyền quân sự, với các tướng lĩnh quân đội nắm giữ các chức vụ lãnh đạo dân sự, và lập nên một chế độ quân phiệt hay là một chính quyền quân sự.

- Công an, có thể do mức độ vũ trang kém hơn và tính chính danh thấp hơn quân đội, thường không dựng lên một chế độ, không lật đổ chế độ và không thay thế chế độ. Nhưng họ lại có thể khống chế, chi phối chính quyền, can thiệp, kiểm soát tiến trình chính sách và mọi khía cạnh của đời sống dân sự, và tạo ra một nhà nước cảnh sát hay là một chính quyền công an trị.

Ngay cả khi quân đội và công an đứng ngoài chính trị, thì nguy cơ lạm quyền vẫn tồn tại, nhất là ở công an. Bởi vì, khác với quân đội, hoạt động của công an gắn chặt với cộng đồng trong đời sống thường nhật. Nếu không có cơ chế kiểm soát (ta sẽ nói về cơ chế ấy sau, trong chương này), thì công an rất dễ bắt nạt, hà hiếp dân, đơn giản là vì họ mạnh hơn dân và họ ở gần dân hơn quân đội.

CHẾ ĐỘ QUÂN PHIỆT VÀ CHẾ ĐỘ CÔNG AN TRỊ

Đặc trưng của chế độ quân phiệt hay là nhà nước quân sự là:

- Tướng lĩnh quân đội nắm giữ các chức vụ lãnh đạo của nhà nước – những chức vụ mà lẽ ra là thuần túy dân sự.
- Quân đội kiểm soát tiến trình chính sách.
- Chủ nghĩa quân phiệt trở thành ý thức hệ bao trùm: Quốc phòng, quân sự phải mạnh thì đất nước mới hùng cường; chiến tranh là một công cụ chính sách chính đáng và hiệu quả; quân nhân được tôn vinh và được hưởng đặc quyền, đặc lợi; tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng, kỷ luật nhà binh, sự phục tùng, cống hiến, xả thân được ngợi ca.
- Luật nhà binh, tòa án quân sự được tăng cường và áp đặt rộng rãi; thiết quân luật có thể được áp dụng thường xuyên và kéo dài. Đất nước bị quân sự hóa (có thể đến mức độ như đang trong thời chiến).

- Các quyền tự do dân sự bị bóp nghẹt.

Để lấy ví dụ về nhà nước quân phiệt, có thể kể đến: Chile dưới thời Pinochet, Myanmar từ 1962 đến khi cải cách dân chủ, Libya dưới thời đại tá Gaddafi.

Đặc trưng của chế độ công an trị hay nhà nước cảnh sát là:

- Lực lượng công an phát triển rất hùng mạnh về quân số.
- Công an được hưởng đặc quyền đặc lợi, hoạt động ngoài sự giới hạn của luật pháp, có thể nói là đứng trên luật pháp.

- Công an nắm quyền lực hành pháp không giới hạn, không bị kiểm soát, và có thể sử dụng tùy tiện, không phải chịu trách nhiệm giải trình trước bất kỳ lực lượng nào khác trong xã hội (công chúng, báo chí, quốc hội hay tòa án).

- Công an can thiệp và kiểm soát tiến trình chính sách.

- Công an can thiệp và kiểm soát mọi khía cạnh của đời sống dân sự, bằng các biện pháp nghiệp vụ như theo dõi, nghe lén, quay phim trộm, quay phim công khai.

- Các quyền tự do dân sự bị bóp nghẹt.

Ví dụ về các nhà nước cảnh sát, có thể kể đến Đông Đức cũ (CHDC Đức), và chính Việt Nam thời cộng sản (CHXHCN Việt Nam).

Các bạn chú ý điểm giống nhau lớn giữa chúng là ở cả hai loại xã hội này, các quyền tự do dân sự đều bị bóp nghẹt. Đó là những nhân quyền mà người dân có trong quan hệ của họ với nhà nước, tức là các nhân quyền để bảo vệ người dân khỏi sự can thiệp tùy tiện của nhà nước, ví dụ: tự do ngôn luận, tự do tôn giáo và lương tâm, tự do đi lại, tự do tụ tập, tự do hiệp hội.

Khi quyền lực được tập trung cao độ vào một người hoặc một nhóm người ở cương vị lãnh đạo, và các quyền tự do dân sự bị siết chặt, quốc gia có thể đã trở thành độc tài quân sự hoặc độc tài công an trị. (Xem “hội chứng sáu điểm” của chế độ toàn trị ở Phần III, “Dân chủ”).

* * *

KIỂM SOÁT QUÂN ĐỘI

Do quân đội sở hữu vũ khí và sức mạnh như chúng ta đã biết, nên kiểm soát quân đội trở thành một vấn đề trong mọi nền chính trị. Ở các nước trên thế giới lâu nay, có hai cách chính để kiểm soát

quân đội: 1. Sử dụng cách tiếp cận tự do (liberal approach); 2. Sử dụng cách tiếp cận theo kiểu thâm nhập (penetration approach).

1. Cách tiếp cận tự do

Với cách tiếp cận này, hiến pháp và luật pháp của một quốc gia phải bảo đảm rằng quân đội hoàn toàn giữ tính trung lập, phi chính trị hay là nằm ngoài chính trị, và hệ thống quân đội phải nằm dưới sự lãnh đạo của chính quyền dân sự. Họ phải trung thành với quốc gia, theo nghĩa là trung thành với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền đối ngoại của đất nước, trung thành với nhân dân và hiến pháp. Nhưng không có nghĩa là trung thành với bất kỳ một đảng phái, chính quyền, nội các nào.

Trung lập, như đã định nghĩa ở Chương IV (“Tư pháp”) của Phần VI này, là phi đảng phái, không ủng hộ hay chống lại đảng phái hay ý thức hệ nào. Phi chính trị, tức là không tìm cách gây ảnh hưởng đến tiến trình chính sách, không giữ và không tranh giành quyền lực nhà nước. Quân đội phải nằm dưới sự lãnh đạo của chính quyền dân sự, thậm chí ngay cả trong lĩnh vực quốc phòng – cùng lắm thì tướng lĩnh quân đội chỉ có thể đóng vai trò cố vấn, tư vấn cho quan chức dân sự thôi chứ không có tiếng nói quyết định.

Xin bạn lưu ý rằng những nguyên tắc này có thể thay đổi trong thời chiến, tức là khi đất nước thật sự trong tình trạng chiến tranh. Tuy nhiên, việc xác định và tuyên bố tình trạng chiến tranh cũng là của chính quyền dân sự. Không thể có chuyện tướng lĩnh quân đội đột nhiên tuyên bố đặt đất nước vào tình trạng chiến tranh, áp đặt thiết quân luật và thay đổi mọi nguyên tắc trên.

Sở dĩ đây được gọi là “cách tiếp cận tự do” bởi vì nó được sử dụng bởi các nước theo chế độ dân chủ tự do, ví dụ Mỹ và Tây Âu. Từ “tự do” ở đây không hề hàm ý là quân đội được tự do, mà ngược lại: Quân đội phải tuyệt đối phi chính trị, không được can thiệp vào chính sách.

2. Cách tiếp cận theo kiểu thâm nhập

Cách tiếp cận này hoàn toàn ngược lại với cách tiếp cận tự do: Thay vì giữ quân đội trong tình trạng tuyệt đối phi chính trị thì ngược lại, chính quyền (dân sự) chính trị hóa quân đội triệt để, theo hướng để cho ý thức hệ và đảng cầm quyền “thâm nhập” toàn diện vào quân đội. Thay vì trung thành với chủ quyền quốc gia, nhân dân và hiến pháp, thì quân đội trung thành với đảng cầm quyền và ý thức hệ của nó. Lòng trung thành này có được nhờ áp dụng đồng bộ một loạt biện pháp: 1. Dành đặc quyền đặc lợi cho quân đội, đặc biệt là tầng lớp lãnh đạo; 2. Tuyên truyền dữ dội về ý thức hệ của đảng cầm quyền; 3. Trừng phạt, trừ khử, tiêu diệt các phần tử bất tuân phục, song song với việc tưởng thưởng các quân nhân trung thành, nhiệt thành về ý thức hệ.

Hẳn bạn đã biết cách tiếp cận này được áp dụng ở đâu: Các nước độc tài, độc đảng, đặc biệt là các quốc gia cộng sản như Liên Xô, Đông Đức cũ, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, và Việt Nam. Tại các nước cộng sản này, một mạng lưới chi bộ đảng được lập nên trong quân đội và vận hành song song với quân đội, lãnh đạo toàn diện quân đội. (Các bạn có để ý đến những nhân vật được gọi là “chính ủy”, “chính trị viên” trong quân đội?).

Những tướng lĩnh cao cấp, ngoài việc được hưởng quyền lợi vật chất to lớn, còn có thể can thiệp vào tiến trình chính sách và/hoặc giữ những chức vụ quan trọng trong chính quyền dân sự. Đối lại, quân đội đương nhiên là trung thành với đảng và đường lối của đảng, và một lòng bảo vệ đảng cầm quyền.

Ở Việt Nam, so với công an, quân đội có được thiện cảm lớn hơn nhiều từ dân chúng, do thừa hưởng hình ảnh đẹp của “anh bộ đội cụ Hồ” trong cuộc chiến tranh vệ quốc, do tuyên truyền, và do thực tế là tình trạng công an lạm quyền, bạo hành dân quá nghiêm trọng. Vì lẽ đó, nhiều người vẫn nghĩ về khả năng quân đội đảo chính, lật đổ chế độ toàn trị độc đảng để dân chủ hóa đất nước. Tuy nhiên, có lẽ họ không để ý tới một thực tế là đảo chính quân sự rất

ít xảy ra ở các nước cộng sản – nơi quân đội và chính quyền “thâm nhập” nhau quá sâu sắc.

KIỂM SOÁT CÔNG AN

Cơ chế kiểm soát công an cũng tương tự như với quân đội, có hai cách cơ bản nói trên. Tuy nhiên, do đặc thù của nghề công an là gắn bó chặt chẽ với cộng đồng hơn quân đội, khả năng họ lạm quyền, bạo hành dân cao hơn hẳn quân đội và vì thế, sự kiểm soát đối với họ cũng phải chặt chẽ hơn.

Ở các nước theo chế độ dân chủ tự do, công an, ngoài việc trung lập, phi chính trị và nằm dưới sự lãnh đạo của chính quyền dân sự, còn phải chịu trách nhiệm giải trình và minh bạch rất ngặt nghèo trước chính quyền, trước các lãnh đạo dân cử, trước quốc hội đại diện của dân, trước báo chí và trước công luận.

Vấn đề đặt ra là: Ai, và làm thế nào để buộc công an phải chịu trách nhiệm giải trình và minh bạch đây?

Giải pháp căn bản nhất là một nhà nước pháp trị (còn gọi là nhà nước pháp quyền), một hệ thống tư pháp độc lập, quyền lực của các cơ quan dân cử như quốc hội, và báo chí tự do.

Ngoài ra, những chuyên gia về nhân quyền trên thế giới khuyến nghị rằng, ở nhiều nước, trong tình trạng công an lạm quyền mà các thiết chế khác (quốc hội, tòa án, báo chí) chưa đủ mạnh để kiểm soát nó, thì chính quyền có thể thành lập một cơ quan độc lập để giám sát và điều tra hoạt động của công an. Song song với đó, là việc đào tạo mạnh mẽ về nhân quyền, tự do, dân chủ cho công an để họ ý thức được về chức năng, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình.

Bài đọc

NGHỀ CÔNG AN TRONG CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ¹

THEO CHUẨN NHÂN QUYỀN:

Công an phải bảo vệ sự an toàn của cộng đồng và quyền của tất cả mọi người.

Công an phải là một cơ quan độc lập trong nhánh hành pháp, chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo của tòa án và bị ràng buộc bởi các mệnh lệnh của tòa án.

Mọi cơ quan hành pháp đều phải đại diện cho toàn thể cộng đồng, phải minh bạch và chịu trách nhiệm trước toàn thể cộng đồng.

Tất cả quan chức/ cán bộ công an đều thuộc về cộng đồng và có nghĩa vụ phục vụ cộng đồng.

Tất cả công an phải thực thi chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ như những đầy tớ tận tụy, không thiên vị, của toàn thể cộng đồng.

Bất kỳ công an nào cũng không được phép tham gia trực tiếp vào hoạt động chính trị.

Bất kỳ công an nào cũng không thể được lệnh hoặc bị ép buộc phải thực thi chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ hay huy động nguồn lực công an để hỗ trợ hay phá hoại bất kỳ đảng phái/ nhóm lợi ích nào cũng như thành viên của đảng phái/ nhóm lợi ích đó.

¹ “Human Rights Standards and Practice for the Police”, Professional Training Series No. 5/ Add. 3, Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights, 2004.

Công an có nghĩa vụ bảo vệ quyền của tất cả các đảng phái, cá nhân và tổ chức, cũng như bảo vệ tất cả các đảng phái, cá nhân và tổ chức đó, một cách bình đẳng, không gây sợ hãi, không tạo đặc quyền đặc lợi.

Trong việc thực thi các quyền và quyền tự do của mình, tất cả mọi người đều chỉ phải chịu những giới hạn do luật pháp quy định.

Những giới hạn đối với việc thực thi các quyền và quyền tự do chỉ có thể là những giới hạn cần thiết để công nhận và tôn trọng quyền của người khác và để đáp ứng các đòi hỏi bắt buộc về đạo đức, trật tự công cộng cũng như lợi ích chung trong một xã hội dân chủ.

Mọi người đều có quyền tham gia vào việc quản trị đất nước mình, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua những đại diện do họ tự do lựa chọn.

Ý chí của nhân dân được thể hiện qua các cuộc bầu cử định kỳ và trung thực với phổ thông đầu phiếu, mọi lá phiếu đều bình đẳng.

Mọi người đều có quyền tự do quan điểm, tự do biểu đạt, tự do tụ tập và tự do hiệp hội.

TẤT CẢ CÔNG AN ĐỀU PHẢI:

Giữ tính độc lập về chính trị và tính công bằng, vô tư, ở mọi lúc mọi nơi.

Thực thi tất cả nhiệm vụ một cách công bằng, vô tư, và không phân biệt đối xử về sắc tộc, chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo hay chính kiến.

Bảo vệ và tôn trọng nhân quyền của tất cả mọi người, gồm cả những quyền thiết yếu trong chính trị.

Giữ gìn và bảo vệ trật tự xã hội sao cho nền chính trị dân chủ có thể vận hành một cách hợp hiến và hợp pháp.

LÃNH ĐẠO CÔNG AN PHẢI:

Đảm bảo rằng mọi chính sách và đường lối của ngành công an đều trên tinh thần tôn trọng dân chủ.

Có biện pháp để xác định nhu cầu của cộng đồng và đáp ứng các nhu cầu đó.

Đảm bảo rằng cơ quan công an thực sự là đại diện cho toàn thể cộng đồng, thông qua việc tuyển dụng công bằng và không phân biệt đối xử, cũng như thông qua các chính sách và thực thi chính sách công bằng và không phân biệt đối xử.

Đảm bảo rằng các thủ tục, quy trình tuyển dụng cũng như các nội dung đào tạo, huấn luyện đều được xây dựng nhằm tuyển dụng những nhân viên công an có tinh thần sẵn sàng và có năng lực đáp ứng mọi yêu cầu của nghề công an trong một thể chế dân chủ.

* * *

SỬ DỤNG VŨ LỰC VÀ VŨ KHÍ TRONG NGÀNH CÔNG AN ¹

Việc sử dụng vũ lực

Mọi người đều có quyền sống, quyền được an toàn, quyền không bị tra tấn hay phải chịu các cách đối xử và trừng phạt tàn nhẫn, vô nhân đạo, xúc phạm nhân phẩm.

Luôn luôn phải sử dụng các biện pháp phi bạo lực trước tiên.

Chỉ được sử dụng vũ lực khi cực kỳ cần thiết.

Chỉ được sử dụng vũ lực cho các mục đích hành pháp đúng luật.

Không có ngoại lệ hay cách giải thích nào cho việc sử dụng vũ lực bất hợp pháp.

¹ “International Human Rights Standards for Law Enforcement – A Pocket Book on Human Rights for the Police”, United Nations High Commissioner for Human Rights.

Việc sử dụng vũ lực phải luôn tương xứng với các mục tiêu hợp pháp.

Sử dụng vũ lực luôn phải có sự kiểm chế.

Phải giảm thiểu thiệt hại vật chất và thương vong.

Luôn phải có một loạt phương tiện khác nhau cho việc sử dụng vũ lực.

Tất cả các nhân viên công quyền đều phải được huấn luyện về các phương tiện khác nhau cho việc sử dụng vũ lực.

Tất cả các nhân viên công quyền đều phải được huấn luyện về các biện pháp hành pháp phi bạo lực.

Trách nhiệm giải trình trong việc sử dụng vũ lực và vũ khí

Tất cả các trường hợp sử dụng vũ lực hoặc vũ khí đều phải được báo cáo đến các cán bộ, nhân viên cấp cao và có sự phê duyệt từ họ.

Các cán bộ, nhân viên cấp cao phải chịu trách nhiệm về những hoạt động của công an theo mệnh lệnh của họ, nếu như quan chức cấp cao đó đã biết hoặc lẽ ra đã phải biết về những hành vi lạm quyền, mà lại không có hành động cụ thể nào.

Cán bộ, nhân viên từ chối tuân theo những mệnh lệnh vi phạm pháp luật sẽ được miễn trách.

Cán bộ, nhân viên lạm quyền không thể nại lý do tuân lệnh cấp trên để được miễn trừ trách nhiệm.

Các tình huống cho phép dùng vũ khí

Chỉ được sử dụng vũ khí trong các tình huống cực đoan.

Chỉ được sử dụng vũ khí để tự vệ hoặc để bảo vệ người khác khỏi nguy cơ sắp bị giết hoặc bị thương nặng, hoặc

để ngăn chặn một tội ác đặc biệt nghiêm trọng, kéo theo nguy cơ đe dọa mạng sống, hoặc

để bắt giữ hoặc ngăn chặn việc bỏ trốn của một cá nhân đang gây ra một mối đe dọa hoặc đang chống lại các nỗ lực ngăn chặn mối đe dọa đó, và

Trong mọi trường hợp, chỉ là khi các biện pháp ít cực đoan hơn đã trở thành không đủ.

Việc cố ý sử dụng vũ lực và vũ khí chỉ được cho phép khi đó là việc thật sự không thể tránh khỏi để có thể bảo vệ sinh mạng con người.

Bài đọc

NGUYÊN TẮC “DÂN QUẢN QUÂN” VÀ VẤN ĐỀ TUỞNG LĨNH NĂM QUYỀN CƠ QUAN DÂN SỰ VIỆT NAM ¹

Nguyễn Quốc Tấn Trung

Thiếu tướng Nguyễn Đức Chung, sau khi trở thành Phó bí thư Đảng bộ Hà Nội, đang được giới thiệu nắm giữ chức Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Nếu chưa xét đến thành tựu, kỹ năng quản lý kinh tế, xã hội hay các cáo buộc lạm quyền đang ngày càng gia tăng nhắm đến giới công an tại Hà Nội trong khoảng thời gian gần đây, quy trình tổ chức nhân sự nói riêng cũng đã làm quan ngại một bộ phận người dân thủ đô khi chúng ta đang đi vào con đường của một chính phủ lai quân sự, bỏ qua một trong những nguyên tắc quản lý nhà nước cơ bản của một quốc gia hiện đại: “dân quản quân”.

CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM – QUÂN ĐỘI “ĐỐI NỘI”

Đến đây có lẽ sẽ có người bắt đầu nghi ngờ về tính liên kết của bài viết bởi tướng Chung thuộc ngành công an, không phải thành viên quân đội.

Dù vậy, ít người chú ý rằng Việt Nam là một trong những số ít

¹ Bài đăng trên Luật Khoa Tạp Chí ngày 16/11/2015 tại địa chỉ: <http://luatkhoa.org/2015/11/nguyen-tac-dan-quan-quan-va-van-de-tuong-linh-nam-quyen-co-quan-dan-su-viet-nam/>

quốc gia phong tướng cho các vị trí lãnh đạo công an, những vị trí mà đáng lẽ ra chỉ nên là một công chức bình thường thuộc ngạch quản lý của Bộ Tư pháp.

Tính chất này kèm với việc duy trì một bộ riêng biệt – Bộ Công an, có quyền hạn và nguồn nhân lực khổng lồ, trở thành một đặc sản không thể thiếu trong bộ máy bạo lực của Nhà nước Việt Nam, song song với quân đội nhân dân.

Nói cách khác, việc các vị trí quản lý của cơ quan công an mang danh hàm tướng không hẳn chỉ là vấn đề “tâm tư”, mà thể hiện đúng vai trò và tầm ảnh hưởng của họ đối với các cơ quan quyền lực nhà nước, vốn không kém cạnh gì so với tổ chức quân đội. Vì vậy, dù còn nhiều tranh cãi, người viết cho rằng vẫn có đủ cơ sở để xem hệ thống công an nhân dân tại Việt Nam tương tự như một tổ chức quân đội “đối nội”. Đây cũng là căn cứ để người viết cân nhắc phân tích nguyên tắc “dân quân quân” trong thực trạng hiện nay.

VÌ SAO “DÂN QUÂN QUÂN” QUAN TRỌNG?

Dân quân quân, hiểu theo nghĩa đơn giản là một nguyên tắc trong quân sự học và khoa học chính trị, giao quyền quyết định tối cao các vấn đề chiến lược, trật tự xã hội và an ninh quốc gia trong tay của các lãnh đạo chính trị dân sự mà không phải là các thủ lĩnh quân đội chuyên nghiệp. Thực tiễn chứng minh trong trường hợp ngược lại, tức quân đội kiểm soát chính phủ, thông thường sẽ tạo ra chế độ quân phiệt hoặc độc tài quân sự. Trong một trường hợp khác, nếu cơ quan quyền lực dân sự không thể kiểm soát quân đội, chúng ta lại có tình trạng “quốc gia trong quốc gia”.

Câu hỏi làm thế nào để kiểm soát những cá nhân sở hữu kỹ năng, chiến thuật và quyền lực tối thượng, vốn có thể đàn áp và cưỡng chế vật lý các chủ thể còn lại luôn là bài toán căn bản trong tiến trình quản trị nhà nước của lịch sử nhân loại.

Các bậc vua chúa trong thời kỳ phong kiến cũng như một số nhà nước còn tồn tại hiện nay ưa thích phương pháp xóa mờ ranh

giới giữa hai nhánh quyền lực dân sự và quân sự, đồng nghĩa với việc họ là người nắm toàn quyền kiểm soát của cả hai nhánh. Cách làm này thật sự không khác biệt mấy so với thể chế độc tài quân sự bởi nếu cần thiết, cá nhân nắm quyền vẫn sẽ sử dụng quyền lực quân sự như là công cụ đắc lực nhất nhằm kiểm soát các biến động về dân sự, có thể bao gồm xử lý yêu sách của công dân, thuế, các tranh chấp dân sự thông thường hay quan trọng nhất, bảo vệ quyền lực dân sự tối cao của mình.

Đặc điểm dễ nhận biết của thể chế này là những người thống trị quyền lực dân sự không có sự chính danh từ ý nguyện của nhân dân (như thông qua bầu cử) mà từ các cơ sở khác như thần quyền, huyết thống, hay lý thuyết chính trị. Vì lý do đó, nắm giữ cả hai nhánh là chìa khóa để bảo vệ lợi ích và sự cầm quyền lâu dài của họ.

Ngược lại, sự quản chế đúng nghĩa của chức danh dân sự, được bầu chọn bởi nhân dân, đối với hệ thống quân sự là nền tảng cơ bản để một thể chế dân chủ có thể tồn tại. Vì sao lại có quan niệm như vậy?

1. Sự kiểm soát dân sự trước tiên cho phép chính phủ một quốc gia đánh giá và kiểm soát những giá trị và mục đích của mình căn cứ vào nguyện vọng và niềm tin phổ biến của nhân dân hơn là kỳ vọng vào các lựa chọn của giới lãnh đạo quân sự, vốn chỉ tập trung vào trật tự nội bộ và an ninh biên giới.

Ví dụ cụ thể cho đặc điểm này là việc pháp luật của một quốc gia cho phép biểu tình.

Theo đánh giá ngắn hạn, biểu tình diện rộng khó lòng có bất kỳ tác dụng tích cực nào ngoài sự hỗn loạn nhất thời, đốt cháy thời gian lao động một cách vô nghĩa và ảnh hưởng lớn đến nguồn thu kinh tế của xã hội. Vì vậy, giới quân sự sẽ có cách quản lý cấm đoán, triệt tiêu và dập tắt ngay lập tức.

Trong khi đó, các chức danh dân sự được nhân dân bầu chọn, thấu hiểu quan điểm, niềm tin của quần chúng nhân dân và quan trọng hơn, họ được sống trong một môi trường tin rằng sự hỗn

loạn nhất thời đó cần thiết để chính phủ có thể biết được công dân của họ đang muốn điều gì, là cơ sở của cải cách và hoàn thiện bộ máy nhà nước.

2. Tổ chức quân đội (hay các tập hợp bạo lực tương tự) dù cực kỳ cần thiết và quan trọng, lại là mô hình tổ chức thiếu dân chủ nhất trong kinh nghiệm lịch sử quản lý nhà nước. Điều này trái ngược với bản chất tự nhiên tự do cá nhân và tự do dân sự của con người. Vì quân đội được lập ra để bảo vệ các bản chất tự do đó, sự kiểm soát phải thuận chiều.

3. Quân đội mang tính chất ủy quyền. Trong khi đó xã hội là sự hợp tác và đồng thuận.

Nói cách khác, dù ở quy mô quốc gia hay cộng đồng, sự tồn tại của một chính quyền dựa trên sự ủy quyền của các cá nhân trong xã hội, tự nguyện từ bỏ một phần quyền lợi của mình nhằm duy trì sự ổn định và khả năng phát triển của xã hội đó. Quân đội cũng không nằm ngoài phạm vi này. Trường hợp những người đứng đầu quân đội không hề được ủy quyền từ bất kỳ cơ quan dân sự hay đồng thuận xã hội nào khác, tức là họ tự giao cho mình quyền được thay mặt dân chúng, bước đầu tiên của thể chế độc tài.

Lý thuyết này chắc chắn không thừa khi nó hoàn toàn có thể ảnh hưởng đến vận mệnh thế giới mà ví dụ cụ thể là xung đột nổi tiếng Truman - MacArthur vào những năm 1950 trong kỷ nguyên bom nguyên tử.

Trong chiến tranh Triều Tiên và các cuộc chiến tranh Hoa Kỳ phát động chống lại phong trào cộng sản cùng thời điểm, vị tướng huyền thoại MacArthur luôn mong muốn sử dụng bom nguyên tử như một chiến thuật chiến tranh đơn giản, hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ mà vẫn bảo đảm được tính mạng của quân nhân dưới trướng ông. Nguyên tắc “dân quân dân” trong pháp luật Hoa Kỳ, may mắn thay, giúp quan chức dân sự kịp thời ngăn cản vì lo ngại sự bùng nổ của một cuộc thế chiến và chạy đua vũ trang mới. Tướng MacArthur sau đó nhanh chóng phải từ bỏ vị trí chỉ huy chiến trường và trở về Hoa Kỳ.

HOA KỲ: KHÔNG ĐƯỢC DÁN BIỂU TƯỢNG ĐẢNG PHÁI TRÊN XE CÁ NHÂN - VƯƠNG QUỐC ANH: KHÔNG ĐƯỢC BÌNH LUẬN CHÍNH TRỊ

Một câu hỏi mà nhiều người có thể đặt ra là “Điều gì xảy ra nếu quá trình dân chủ lựa chọn một ra một vị tướng đương nhiệm trở thành quan chức dân sự?” và liệu cấm cản có vi phạm quyền tự do bầu cử của dân chúng. Câu trả lời là có, nhưng đó là điều cần thiết; bởi khả năng của việc lạm dụng bạo lực để khống chế và kiểm soát hệ thống bầu cử là quá cao, như cách mà chính quyền Thái Lan hay Myanmar vẫn đang sử dụng. Cách tốt nhất là ngăn chặn cơ hội xảy ra vấn đề ngay từ đầu như một số quốc gia đã làm, bảo đảm rằng quá trình bổ nhiệm, chỉ định chỉ đi một hướng từ dân sự sang quân sự mà không có chiều ngược lại.

Với pháp luật Hoa Kỳ, hiển nhiên sản phẩm nền tảng là bản hiến pháp dân sự. Theo đó, Tổng thống Hoa Kỳ, thống chế tối cao của lực lượng quân đội, là một chức danh được nhân dân bầu cử rộng rãi mỗi bốn năm một lần. Quyền lực quân sự đồng thời cũng được chia tách giữa Tổng thống và Nghị viện.

Không dừng lại, các văn bản dưới hiến pháp còn quy định những vấn đề cụ thể hơn với chỉ thị 1344.10 của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ làm nòng cốt (DOD Directive 1344.10). Chỉ thị này hướng đến việc kiểm soát việc tham gia chính trị các quân nhân thuộc biên chế quân đội Hoa Kỳ vào mọi cấp chính quyền dân sự.

Trong đó, thành viên quân đội không thể:

- Là ứng cử viên hay nắm giữ bất kỳ chức vụ nào trong bộ máy dân sự.

- Đăng tải, cho phép đăng tải hoặc có bất kỳ tác động nào khác dẫn đến việc đăng tải bài viết của hoặc nhân danh mình nhằm lôi kéo phiếu bầu cho hoặc chống lại một đảng phái, ứng cử viên chính trị.

- Phát biểu trước quần chúng nhằm kêu gọi ủng hộ cho một đảng phái, ứng cử viên chính trị.

- Tham gia vào bất kỳ chương trình phát thanh, truyền hình, chương trình truyền thông khác, với tư cách người ủng hộ cho một đảng phái hoặc ủng hộ cử viên chính trị.

- Bán vé (hoặc tham gia tích cực) vào quảng bá các sự kiện gây quỹ chính trị.

- Tham gia vào bất kỳ buổi tuần hành ủng hộ chính trị nào.

- Phục vụ như thành viên chính thức hoặc được liệt kê như nhà tài trợ cho một câu lạc bộ hoặc đảng phái chính trị.

- Trưng bày, dán dấu hiệu, tranh cổ động, biểu tượng của một đảng phái chính trị lên phương tiện di chuyển riêng tư

- ...

Tương tự, tại Vương quốc Anh, sự tham gia của quân đội vào các vấn đề chính trị không phải là một thái độ được cho phép, đôi khi được xem là làm hại đến thanh danh Hoàng gia.

Các tiêu chuẩn và quy tắc ứng xử của lực lượng vũ trang Vương quốc Anh được ghi nhận rõ trong Điều lệ Nữ hoàng (trong đó có các văn bản riêng biệt dành cho Lục quân, Hải quân và Không quân), bao gồm:

- Nghiêm cấm các thành viên quân đội nắm giữ các vị trí hoạt động tích cực trong các tổ chức chính trị; đồng thời cũng hạn chế chặt chẽ việc bổ nhiệm vào các vị trí này trong và sau thời gian quân ngũ.

- Quân nhân không được phép bình luận hoặc đóng góp vào các cuộc tham luận công liên quan đến bất kỳ chủ đề chính trị gây tranh cãi nào.

- ...

Văn hóa nói chung của hầu hết các quốc gia đều coi trọng và vinh danh những người lính. Điều này không nên đồng nghĩa với việc các tướng lĩnh có thể tham gia một cách tự do vào các hoạt động chính trị dân sự.

Dưới cơ chế quản lý đơn nhất và mệnh lệnh, quân đội luôn có khả năng trở thành công cụ để bảo vệ nền độc tài toàn trị, thậm chí chính nó trở thành người kế thừa của nền độc tài đó. Ở một góc nhìn khác, một quân đội lớn hơn cần thiết, thực hiện các nhiệm vụ hoặc công việc nằm ngoài phạm vi bảo vệ quốc gia (như hành chính, kinh tế...) luôn tiềm ẩn rủi ro sự thoát ly, lộng quyền và thách thức của quân đội so với các thể chế dân sự.

Phụ lục

KỸ THUẬT TUYÊN TRUYỀN

Các học giả đã xác định được rất nhiều kỹ thuật được sử dụng làm chuẩn mực trong tuyên truyền và thuyết phục.

Tấn công cá nhân - Ad hominem

Một cụm từ tiếng Latin, có nghĩa là tấn công vào đối thủ của mình thay vì tấn công quan điểm mà đối thủ đưa ra.

Lặp đi lặp lại - Ad nauseam

Kỹ thuật này đòi hỏi phải lặp đi lặp lại không ngừng một quan điểm, một ý kiến nào đó. Một ý tưởng, đặc biệt là một khẩu hiệu đơn giản, nếu được lặp đi lặp lại đủ nhiều lần, có thể sẽ bắt đầu được coi là sự thật.

Kỹ thuật này có hiệu quả nhất khi báo chí bị giới hạn hoặc bị kiểm soát bởi các nhà tuyên truyền.

Viện dẫn thẩm quyền - Appeal to authority

Trích dẫn những người nổi tiếng để ủng hộ cho một lập trường, ý kiến, lập luận, hoặc hành động của mình.

Gây sợ hãi - Appeal to fear

Tạo ảnh hưởng bằng cách gieo rắc nỗi lo sợ và hốt hoảng trong dân chúng, chẳng hạn như Joseph Goebbels khai thác thuyết “Nước Đức phải chết!” của Theodore Kaufman để tuyên bố rằng quân Đồng minh có ý đồ tiêu diệt dân tộc Đức.

Sử dụng thành kiến - Appeal to prejudice

Dùng những ngôn từ gài bẫy hoặc đánh vào cảm xúc để gắn giá trị hoặc sự tốt đẹp về đạo đức với việc tin tưởng vào quan điểm được tuyên truyền.

Vận động tham gia đoàn diễu hành - Bandwagon

Tạo một đoàn diễu hành và vinh danh “chiến thắng tất yếu” nhằm thuyết phục người nghe tham gia và hành động, bởi vì “tất cả mọi người khác đều đang tham gia và hành động”.

- Chiến thắng tất yếu: Mời những người chưa tham gia đoàn diễu hành cùng hòa vào những người đã tham gia và đang trên đường đi tới chiến thắng. Những người đã tham gia hay ít nhất có dự một phần trong đoàn diễu hành thì được đảm bảo rằng đây là hành động tuyệt vời nhất của họ. Ví dụ: Tuyên bố “Cuộc tranh luận thế là đã chấm dứt. 97% các nhà khoa học nhất trí rằng...”.

- Tham gia đám đông: Kỹ thuật này củng cố một nguyện vọng tự nhiên của con người là được đứng bên thắng cuộc. Sử dụng kỹ thuật này để thuyết phục người nghe rằng chương trình của mình là biểu hiện của một phong trào quần chúng rất mạnh, không thể cưỡng nổi và quần chúng sẽ đạt được lợi ích lớn nhất khi tham gia.

Đêm trước cuộc bầu cử, đảng có thể tổ chức một chương trình truyền hình vui vẻ, ví dụ, lấy tên là “Đoàn lũ nhạc”, rồi mời ứng viên của đảng mình, các đảng viên, các ủng hộ viên, cảm tình viên, các ngôi sao showbiz, v.v. đến tham dự. Tại đây, điểm nhấn của chương trình sẽ là màn thông báo với các khán giả xem truyền hình rằng đa số lãnh đạo trong địa phương đã tham gia “đoàn lũ nhạc” để ủng hộ các ứng viên của đảng này.

Bằng cách đó, sẽ thuyết phục được các cử tri còn đang do dự.

Dùng người đẹp - Beautiful people

Kiểu tuyên truyền sử dụng người nổi tiếng hoặc những người quyến rũ, hạnh phúc. Điều này hàm ý rằng nếu mọi người mua một sản phẩm hay đi theo một ý thức hệ nào đó, họ cũng sẽ hạnh

phức hoặc thành công như thế. (Kỹ thuật này được sử dụng nhiều trong quảng cáo sản phẩm hơn là cho mục đích chính trị).

Nói dối trắng trợn - Big Lie

Lập đi lập lại việc giải thích một chuỗi sự kiện nhằm biện minh cho hành động sau đó. Việc mô tả những sự kiện đó cũng có vài yếu tố sự thật, và những khái quát hóa mang tính “nói dối trắng trợn” rồi sẽ hòa tan vào và cuối cùng thế chỗ cách hiểu đúng đắn của công chúng về các sự kiện ngầm ẩn. Sau Thế chiến I, cách giải thích về thất bại, cho rằng nó xuất phát từ việc bị “người Đức đâm dao sau lưng”, đã trở thành một lý lẽ biện hộ cho việc phe phát xít tái quân sự hóa và trả thù.

Ngụy biện Đen- Trắng - Black-and-White fallacy

Chỉ đưa ra có hai lựa chọn, trong đó, sản phẩm hoặc ý tưởng được tuyên truyền sẽ là lựa chọn tốt hơn. Ví dụ: “Hoặc anh theo chúng tôi, hoặc chống chúng tôi”.

Lượm đào hay là chọn lọc sự thật - Cherry picking (fallacy) or Selective truth

Richard Crossman, Phó Giám đốc Phòng Chiến tranh Tâm lý Anh quốc (PWD) trong Thế chiến II, từng nói: “Trong tuyên truyền, sự thật rất có lợi... Nếu nghĩ nhà tuyên truyền xuất sắc chỉ là một kẻ nói dối chuyên nghiệp thì sai hoàn toàn. Nhà tuyên truyền xuất sắc là người nói thật, hay là nói có chọn lọc những sự thật cần thiết cho mục đích của ông ta, và nói theo một cách làm cho người tiếp nhận không hề nghĩ là mình đang bị tuyên truyền... [...] Nghệ thuật tuyên truyền không phải là nói dối, mà thay vì thế, phải lựa chọn các sự thật mình cần và công bố, pha trộn nó với một số điều mà người nghe muốn nghe”.

Điều kiện hóa cổ điển - Classical conditioning

Tất cả các động vật có xương sống, gồm cả con người, đều phản ứng với điều kiện hóa cổ điển. Tức là, nếu đối tượng A luôn luôn có mặt khi đối tượng B hiện diện và đối tượng B gây ra một phản

ứng vật lý/ thể chất (ví dụ: kinh tởm, khoan khoái...), thì, nếu chúng ta thấy đối tượng A khi đối tượng B không có mặt, chúng ta sẽ có cùng những cảm giác đó.

Đây là giải thích khoa học của các hành vi lặp đi lặp lại hay thói quen. Ví dụ: Từ nhỏ, một người đã được nhắc nhở đánh răng mỗi buổi sáng, cho đến khi trở thành thói quen cứ sáng thức dậy là đi đánh răng, nếu không sẽ cảm thấy khó chịu.

Không hòa hợp về nhận thức - Cognitive dissonance

Con người luôn muốn thống nhất, nhất quán. Giả sử một người đi thăm dò ý kiến (làm poll) nhận thấy rằng một nhóm người nào đó ghét ứng viên thượng nghị sĩ nhưng lại yêu diễn viên điện ảnh A. Người làm poll này bèn muốn A ca tụng ứng viên nọ để thay đổi suy nghĩ của dư luận, bởi vì mọi người không thể chịu nổi sự không thống nhất. Họ buộc phải: hoặc là ghét diễn viên A, hoặc là thích ứng viên thượng nghị sĩ đó.

Người thường - Common man

Dùng hình ảnh những “con người bình dị” hay “người thường” để thuyết phục người nghe rằng quan điểm của nhà tuyên truyền phản ánh lương tri, lẽ phải thông thường của dân chúng. Việc này nhằm giành sự tin cậy, tin tưởng của người nghe, thông qua việc trao đổi, trò chuyện, giao tiếp với họ bằng hình thức và phong cách chung của đối tượng đó.

Các nhà tuyên truyền sẽ dùng ngôn ngữ bình dân, phong cách bình dị (và che phủ thông điệp của mình bằng lối giao tiếp/ truyền thông trực diện, có cả nghe cả nhìn), cố gắng làm sao để đồng nhất quan điểm của mình với quan điểm của một người bình thường.

Ví dụ rất phổ biến của kỹ thuật tuyên truyền này là khi một chính khách, thường là khi tranh cử để được tái đắc cử, sẽ xuất hiện ở sân sau nhà hay là trong cửa hàng để làm những việc lặt vặt thường ngày. Hình ảnh đó rất hấp dẫn những người dân bình thường nói chung.

Bằng kỹ thuật sử dụng hình ảnh “người thường”, nhà tuyên truyền có thể giành được sự tin cậy của người dân - những người căm ghét hoặc không tin vào ngôn ngữ ngoại giao, ngôn từ có nhiều tiếng nước ngoài, ngôn ngữ hàn lâm của giới trí thức, hoặc các phong cách như thế.

Ví dụ khác: Một chính trị gia khi nói trước đám đông cử tọa là người ở các bang phía nam Hoa Kỳ có thể dùng những từ như “Y’all” (you all - tất cả các bạn) và các từ thông tục khác để tạo ra cảm giác ông ta thuộc về cộng đồng đó.

Sùng bái cá nhân - Cult of personality

Sùng bái cá nhân xuất hiện khi một cá nhân sử dụng truyền thông đại chúng để tạo ra một hình ảnh anh hùng và lý tưởng trước công chúng, thường là thông qua nịnh bợ, tâng bốc và tôn vinh không cần hỏi. Sau đó, cá nhân “anh hùng” đó sẽ cổ súy những lập trường/ quan điểm mà nhà tuyên truyền muốn thúc đẩy. Ví dụ, nhà tuyên truyền hiện đại thuê các cá nhân nổi tiếng để phổ biến ý tưởng và/hoặc sản phẩm của mình.

Biến đổi phương thành ác quỷ - Demonizing the enemy

Làm cho các cá nhân thuộc quốc gia đối lập, thuộc sắc dân khác, hay là những người ủng hộ quan điểm đối lập với mình, trở thành không còn là người nữa, vô giá trị, hoặc vô đạo đức, thông qua việc sử dụng những cách dùng từ sai hoặc có hàm ý buộc tội (sai). Ví dụ: Từ “gooks” - nghĩa là “da vàng” - được dùng trong thời Chiến tranh Việt Nam để chỉ những người lính thuộc Mặt trận Quốc gia Giải phóng Miền Nam Việt Nam, tức Việt Cộng, hay “VC”.

Coi đối phương như không phải là người nữa cũng đồng nghĩa với biến đổi phương thành ác quỷ, cái sau thường là một nhánh nhỏ của cái trước.

Dictat

Kỹ thuật này hướng tới đơn giản hóa quá trình ra quyết định, bằng cách sử dụng các hình ảnh và ngôn từ để nói với người nghe

chính xác là cần hành động như thế nào, xóa bỏ mọi lựa chọn khả dĩ khác. Có thể sử dụng các nhân vật quyền lực để ra lệnh - điều này giống như ở kỹ thuật “Viện dẫn thẩm quyền” đã nói ở trên, nhưng không nhất thiết. Hình Chú Sam với câu nói “Tôi cần các anh” là ví dụ của việc sử dụng kỹ thuật Dictat.

Tung tin sai lệch - Disinformation

Là tạo ra hoặc xóa bỏ thông tin khỏi các lưu trữ công cộng, nhằm mục đích đưa đến sự ghi chép sai lệch về một sự kiện hoặc hành động của một cá nhân hay tổ chức, gồm cả việc nguy tạo triệt để những hình ảnh, phim, chương trình phát thanh-truyền hình, file ghi âm... cũng như các tài liệu văn bản.

Kỹ thuật “đập cửa vào mặt” - Door-in-the-face technique

Được dùng để làm tăng mức độ chấp nhận ở một người nào đó. Ví dụ, nếu người bán hàng muốn bán một sản phẩm với giá 100 USD nhưng công chúng chỉ sẵn sàng trả có 50 USD, thì đầu tiên người bán hàng đó rao bán sản phẩm với mức giá cao hơn (chẳng hạn, 200 USD), và sau đó giảm giá xuống còn 100 USD để làm cho nó giống như một cái giá phải chăng.

Nói giảm nói tránh, nói khéo - Euphemism

Nói giảm nói tránh, nói khéo, hay uyển ngữ, là những từ ngữ hay thành ngữ nói chung là vô thưởng vô phạt, được sử dụng để thay thế những ngôn từ có thể bị coi là thô lỗ, xúc phạm, hay hàm ý không hay.

Khoái lạc - Euphoria

Sử dụng một sự kiện có khả năng tạo ra niềm vui, hạnh phúc, hứng khởi, hoặc sử dụng một sự kiện thú vị để làm người nghe lên tinh thần. Có thể tạo ra sự phấn khởi đó bằng cách tuyên bố một ngày nghỉ, hạ giá các xa xỉ phẩm, hoặc tổ chức diễu binh với ban nhạc và các thông điệp yêu nước.

Phóng đại - Exaggeration

Phóng đại (ngoa dụ) xuất hiện khi các khía cạnh quan trọng

nhất của một thông báo là đúng sự thật, nhưng chỉ đúng ở chừng mực nào đó thôi. Kỹ thuật này còn được gọi là “tán thêm vào sự thật” hay là làm cho cái gì đó trở nên hoành tráng hơn, ý nghĩa hơn, thật hơn, sống động hơn thực tế. Nói rằng một người ăn được 20 cái nem trong bữa tiệc, trong khi thực ra người đó chỉ ăn 7-8 cái nem, là một hành vi phóng đại.

Sợ hãi, bất trắc, và nghi ngờ - Fear, uncertainty, and doubt

Nỗ lực gây ảnh hưởng đến quan niệm của công chúng bằng cách phát tán các thông tin tiêu cực, lừa mờ không đáng tin cậy/sai lệch, nhằm phá hoại sự tín nhiệm của công chúng.

Vẫy cờ - Flag-waving

Cố gắng bao biện cho một hành động, lấy lý do là làm như thế sẽ khiến cho mọi người yêu nước hơn; hay nói cách khác việc đó sẽ có lợi cho tổ chức/ đất nước, hay cho một quan niệm. Tình cảm yêu nước mà kỹ thuật này tạo ra có thể không nhất thiết làm giảm hoặc xóa bỏ hoàn toàn khả năng kiểm tra vấn đề một cách lý tính, duy lý.

Đặt chân vào cửa - Foot-in-the-door technique

Kỹ thuật này thường được các nhà tuyển dụng hoặc giới bán hàng sử dụng. Ví dụ, người khác giới đi đến bên nạn nhân và trao một bông hoa hay một món quà nhỏ cho nạn nhân. Nạn nhân cảm ơn và thế là họ đã mắc một món nợ tâm lý với thủ phạm. Cuối cùng, thủ phạm sẽ hỏi xin một ân huệ còn lớn hơn thế (chẳng hạn xin tài trợ thiện nguyện hoặc mua một cái gì đó còn đắt hơn gấp nhiều lần). Cái kế ước xã hội bất thành văn giữa nạn nhân và thủ phạm khiến cho nạn nhân cảm thấy có một nghĩa vụ đáp lại bằng cách đồng ý gia ân hoặc bỏ tiền mua một món quà đắt hơn nhiều.

Đóng khung, định hình, tạo khuôn - Framing (trong khoa học xã hội)

Đóng khung là việc tạo ra một hiện tượng xã hội, thường là bằng truyền thông đại chúng, bằng các phong trào chính trị hoặc

phong trào xã hội, bằng các nhà lãnh đạo chính trị, hoặc các diễn viên và các tổ chức khác. Đó là một quá trình tất yếu: tác động một cách có chọn lọc lên nhận thức của cá nhân về ý nghĩa được gán cho các từ ngữ.

Các chuyên gia cho rằng, khi ta lý giải một sự việc nào đó, cách ta hiểu về nó sẽ phụ thuộc vào “cái khung” mà ta gán với nó. Ví dụ, khi một người có hành vi nhảm rồi mở rất nhanh một con mắt với ta, thì nếu gán hành vi đó với cái khung “vật lý/ sinh lý”, ta sẽ hiểu rằng đó chỉ là một phản ứng tự nhiên của cơ thể. Còn nếu gán nó với cái khung xã hội, ta sẽ cho rằng người ấy đang nháy mắt với ta, có thể là đang đùa vui. Tất nhiên, chúng ta không đi theo thứ tự nhìn sự việc - gán nó vào một cái khung - lý giải; mà là ngược lại, chúng ta áp đặt sẵn một cái khung vào mọi sự vật, hiện tượng, và chúng ta chỉ biết được là mình đã bị đóng khung sẵn như thế khi có ai đó hoặc cái gì đó buộc ta phải thay thế cái khung này bằng cái khung khác.

Những cái tổng quát lấp lánh - Glittering generalities

Đó là những từ ngữ dễ nghe, cuốn hút, được áp dụng cho sản phẩm hay ý tưởng, nhưng chẳng đưa ra được lý lẽ hay phân tích cụ thể nào. Kỹ thuật này còn được gọi là “hiệu ứng PT Barnum”. Ví dụ như slogan quảng cáo: Ford có một ý tưởng còn tuyệt vời hơn.

Phạm tội tập thể - Guilt by association or Reductio ad Hitlerum

Kỹ thuật này được dùng để thuyết phục những người phản đối/ không tán thành một hành động hay ý tưởng, bằng cách gợi ý rằng ý tưởng đó rất phổ biến/ được ưa thích bởi những nhóm mà họ ghét, sợ, khinh bỉ. Do đó, nếu một nhóm ủng hộ một chính sách nào đó lại bị dẫn dắt để tin rằng những người bị căm ghét, những người gây rối/ chống phá, hoặc đáng khinh cũng ủng hộ chính sách đó, thì khi ấy, các thành viên của nhóm ủng hộ có thể quyết định thay đổi lập trường ban đầu của họ. Đây là một hình thức logic tồi, trong đó, A được cho là bao gồm X, và B cũng được cho là bao gồm X, do đó $A = B$.

Một nửa sự thật

Nửa sự thật là một phát biểu lừa dối nhưng có chứa đựng yếu tố sự thật. Về hình thức, nó có vài dạng: phát biểu có thể đúng một phần, phát biểu có thể đúng hoàn toàn nhưng chỉ là một phần của toàn bộ sự thật, hoặc phát biểu có thể sử dụng một vài yếu tố lừa dối, ví dụ như sử dụng cú pháp (dấu chấm câu) không đúng, hay đa nghĩa, đặc biệt nếu ý đồ là để lừa, để trốn tránh, để buộc tội, hay diễn giải sai sự thật.

Sự mơ hồ có chủ đích - Intentional vagueness

Những cái tổng quát được nêu ra một cách mơ hồ cố ý, sao cho đối tượng có thể tự tìm cách diễn giải cho mình. Ý đồ là tác động tới người nghe bằng cách sử dụng những cụm từ không được định nghĩa, và không phân tích ý nghĩa của chúng cũng như không xác quyết tính hợp lý hay khả năng ứng dụng chúng.

Chủ đích ở đây là khiến cho người ta phải tự rút ra diễn giải riêng của mình thay vì tiếp nhận một ý kiến được trình bày rõ ràng. Trong việc cố gắng “luận giải, làm rõ” nội dung được tuyên truyền, người nghe sẽ bỏ qua việc đánh giá các ý kiến được trình bày. Ý nghĩa, logic, tính hợp lý và khả năng ứng dụng có thể vẫn được xem xét.

Dán nhãn - Labeling

Uyển ngữ (nói khéo) được dùng khi nhà tuyên truyền muốn làm tăng chất lượng, độ tin cậy, hay sự chấp nhận từ phía người nghe đối với một lý tưởng cụ thể nào đó. Còn thô ngữ (nói phũ) được dùng khi chủ đích của nhà tuyên truyền là làm mất tín nhiệm, là làm giảm chất lượng, độ tin cậy, hoặc hạ thấp phẩm chất của đối phương. Bằng việc tạo ra một cái nhãn, bằng việc xếp loại, phân loại người dân, sẽ dễ dàng hơn nhiều để nhà tuyên truyền lôi những nhóm dân lớn hơn ra làm đối tượng, làm gương, bởi vì khi làm thế, ông ta có thể nâng người ta lên hoặc bôi nhọ người ta mà không thực sự phạm vào tội phỉ báng (bôi nhọ, xúc phạm nhân phẩm) theo quy định của pháp luật.

Dán nhãn có thể được xem như một nhánh của kỹ thuật “Phạm tội tập thể”, cũng là một dạng ngụy biện khác.

Biên độ chấp nhận - Latitudes of acceptance

Nếu thông điệp của một người nào đó nằm ngoài khả năng chấp nhận của một cá nhân và/hoặc nhóm, thì hầu hết các kỹ thuật tuyên truyền sẽ tạo ra sự phản kháng về mặt tâm lý (nếu chỉ nghe ý kiến đó không thôi thì sẽ làm thông điệp thậm chí còn khó chấp nhận hơn).

Có hai kỹ thuật để mở rộng biên độ chấp nhận. Một là, người đó có thể đưa ra một quan điểm thậm chí còn cực đoan hơn, khiến cho các quan điểm ôn hòa hơn sẽ trở nên dường như dễ nghe hơn. Điều này tương tự như kỹ thuật “Đập cửa vào mặt”. Hoặc, hai là, người đó có thể điều chỉnh quan điểm của mình cho ôn hòa hơn, lọt vào trong biên độ chấp nhận được, và sau đó, dần dần tiến chậm đến quan điểm mà trước đó bị phản ứng.

Ngôn từ gài bẫy/ cài cắm - Loaded language

Sử dụng những từ, ngữ có hàm ý cảm xúc mạnh để gây ảnh hưởng lên người nghe. Ví dụ, dùng từ “cải cách” thay vì một từ trung tính hơn là “thay đổi”.

Bom tình - Love bombing

Sử dụng kỹ thuật này để tuyển lựa các thành viên tham gia một tín ngưỡng hay một ý thức hệ (chủ nghĩa), bằng cách làm cho một nhóm cá nhân cắt mọi ủng hộ xã hội hiện có của họ dành cho một người nào đó, và thay thế hoàn toàn sự ủng hộ đó bằng các thành viên của nhóm - các thành viên đó sẽ dội bom người đó bằng thật nhiều tình cảm yêu mến, nhằm nỗ lực cách ly người đó khỏi niềm tin và hệ thống giá trị trước đây của anh ta. Xem thêm Mileu control (Kiểm soát hoàn cảnh).

Đối trá, lừa đảo - Lying and deception

Đối trá, lừa đảo có thể là cơ sở của rất nhiều kỹ thuật tuyên truyền, gồm “Tấn công cá nhân”, “Nói dối trắng trợn”, “Bôi nhọ”,

“Đập cửa vào mặt”, “Một nửa sự thật”, “Gọi tên”, hoặc bất kỳ kỹ thuật nào khác dựa trên sự giả trá hoặc lừa dối. Ví dụ, nhiều chính khách đã bị phát hiện thường xuyên nói phét hoặc bẻ cong sự thật.

Quản lý báo chí - Managing the news

Theo Adolf Hitler, “kỹ thuật tuyên truyền thông minh nhất cũng sẽ không đạt thành công nếu không luôn luôn ghi khắc trong đầu một nguyên tắc căn bản - phải giới hạn nội dung lại trong một vài điểm chính yếu và nhắc đi nhắc lại chúng”. Ý tưởng này thống nhất với nguyên tắc “Điều kiện hóa kinh điển” cũng như nguyên tắc “Tiếp tục thông điệp mãi”.

Kiểm soát hoàn cảnh - Milieu control

Cố gắng kiểm soát môi trường xã hội và các ý tưởng, thông qua việc sử dụng áp lực xã hội.

Giảm thiểu - Minimisation

Giảm thiểu là kỹ thuật ngược lại với phóng đại. Nó là một kiểu lừa dối trong đó nhà tuyên truyền hợp lý hóa sự phủ nhận, trong những tình huống mà không thể nào phủ nhận hoàn toàn được.

Gọi tên - Name-calling

Các nhà tuyên truyền dùng kỹ thuật gọi tên để gây sợ hãi, thù hận, và kích động thành kiến ở người nghe, nhằm mục đích làm cho các tên xấu sẽ khiến người nghe hình thành quan điểm tiêu cực về một nhóm hoặc một tập hợp những niềm tin/ ý tưởng mà nhà tuyên truyền muốn người nghe phải lên án.

Phương pháp này nhằm đưa đến những kết luận về một vấn đề mà không có sự kiểm chứng công bằng sự thật. Do đó, Gọi tên là một thủ ngụy biện thể chỗ cho những lập luận duy lý, có căn cứ, bác bỏ các quan điểm và niềm tin chỉ dựa trên sự đúng sai của chúng.

Ví dụ: Dân Làm Báo gọi chính quyền Việt Nam là “tà quyền cộng sản”, “vệ m nô”, “cộng nô”. Còn báo chí quốc doanh gọi chính quyền Việt Nam là “Đảng và Nhà nước”.

Làm ngu người nghe, cố ý mơ hồ và gây rối trí - Obfuscation, intentional vagueness, confusion

Những cái tổng quát được nêu ra một cách mơ hồ cố ý, sao cho người nghe có thể tự tìm cách diễn giải cho mình. Ý đồ là tác động tới người nghe bằng cách sử dụng những cụm từ không được định nghĩa, và không phân tích ý nghĩa của chúng cũng như không xác quyết tính hợp lý hay khả năng ứng dụng chúng.

Chủ đích ở đây là khiến cho người ta phải tự rút ra diễn giải riêng của mình thay vì tiếp nhận một ý kiến được trình bày rõ ràng. Trong việc cố gắng “luận giải, làm rõ” nội dung được tuyên truyền, người nghe sẽ bỏ qua việc đánh giá các ý kiến được trình bày. Ý nghĩa, logic, tính hợp lý và khả năng ứng dụng có thể vẫn được xem xét.

Điều kiện hóa qua quan sát - Operant conditioning

Điều kiện hóa qua quan sát hàm ý việc học thông qua bắt chước. Ví dụ, nhìn một người quyền rũ mua một sản phẩm nào đó hay có một quan điểm như thế nào đó, sẽ khiến một cá nhân mua sản phẩm đó hay có cùng quan điểm đó luôn. Điều kiện hóa qua quan sát là nguyên tắc ẩn dưới các kỹ thuật Lặp đi lặp lại (Ad Nauseam), Khẩu hiệu và các chiến dịch PR lặp đi lặp lại khác.

Đơn giản hóa thái quá - Oversimplification

Sử dụng những kết luận tổng quát được ưa thích, nhằm đưa ra các câu trả lời thật giản đơn cho các vấn đề xã hội, chính trị, kinh tế hoặc quân sự vốn rất phức tạp.

Hoa phẳng-xê độc nhất vô nhị - Pensée unique

Ra sức giảm thiểu các tranh luận, bằng cách sử dụng từ ngữ hoặc lập luận đơn giản hóa thái quá, ví dụ: Không có khả năng nào thay cho chiến tranh cả.

Tách câu trích dẫn khỏi bối cảnh của nó - Quotes out of Context

Việc biên tập lại các câu trích dẫn một cách có chọn lọc có thể

làm thay đổi ý nghĩa của chúng. Các phim tài liệu về chính trị nhằm mục đích làm mất tín nhiệm của đối thủ hoặc quan điểm chính trị đối lập thường sử dụng kỹ thuật này.

Hợp lý hóa - Rationalization

Các cá nhân hay nhóm có thể sử dụng những điều tổng quát được ưa thích để hợp lý hóa các hành động hay niềm tin còn bị nghi ngờ. Thường là nên dùng những cụm từ mơ hồ và dễ nghe để biện hộ cho các hành động hay niềm tin đó.

Cá trích đỏ (đánh tráo chủ đề) - Red herring

Trình bày các dữ liệu hoặc vấn đề mà, mặc dù đáng chú ý nhưng hoàn toàn không thích hợp với chủ đề/ lập luận đang bàn, và sau đó tuyên bố rằng những dữ liệu hoặc vấn đề đó là có giá trị.

Nhắc lại - Repetition

Tức là việc nhắc lại một biểu tượng hoặc slogan cụ thể nào đó, để cho người nghe phải nhớ nó. Kỹ thuật này có thể thể hiện dưới dạng một điệp từ/ điệp ngữ, hoặc một hình ảnh được đặt trên gần như tất cả mọi nơi trong bức tranh/ quang cảnh. Nó bao gồm cả việc sử dụng những từ ngữ, hình ảnh hoặc các nội dung khác thuộc về tiềm thức, trong một sản phẩm tuyên truyền.

Con dê tế thần - Scapegoating

Đổ hết mọi sự chỉ trích lên một cá nhân hay một nhóm, nhờ đó làm giảm tội lỗi của các bên chịu trách nhiệm và/hoặc đánh lạc hướng, làm dư luận mất sự chú ý đến việc giải quyết vấn đề đang bị chỉ trích.

Khẩu hiệu - Slogans

Khẩu hiệu là một cụm từ ngắn gọn, mạnh mẽ, có thể bao gồm cả hành vi dán nhãn và rập khuôn. Mặc dù khẩu hiệu có thể được dùng để bày tỏ sự ủng hộ đối với những quan điểm hợp lý, nhưng trên thực tế, chúng có xu hướng chỉ để đánh vào cảm xúc.

Những người chỉ trích việc Mỹ đem quân vào chiếm Iraq đã sử dụng khẩu hiệu “Đổi máu lấy dầu” để ngụ ý rằng việc xâm lược và

những tổn thất về con người (mà Mỹ gây ra) là nhằm tiếp cận những giếng dầu của Iraq. Mặt khác, những người ủng hộ lại nói rằng Mỹ nên tiếp tục chiến đấu ở Iraq, và họ dùng khẩu hiệu “cắt giảm và tháo chạy”, hàm ý rút quân là hèn, là yếu.

Tương tự, tên gọi của các chiến dịch quân sự, ví dụ “tự do lâu dài” (“enduring freedom”) hay “sự nghiệp công bình” (“just cause”) cũng có thể được coi là khẩu hiệu, được thiết kế nhằm tác động lên con người.

Rập khuôn, hay “Gọi tên” hay “Dán nhãn” - Stereotyping or Name Calling or Labeling

Kỹ thuật này nhằm kích động thành kiến ở người nghe, bằng cách dán nhãn lên đối tượng của chiến dịch tuyên truyền, coi đó như cái gì mà người nghe sợ hãi, căm ghét, kinh tởm, hoặc cảm thấy không thể ưa nổi. Chẳng hạn, đưa tin về một nước khác hay một nhóm xã hội nào đó, có thể tập trung vào những đặc điểm ráp khuôn mà người đọc đã định trước, mặc dù những đặc điểm đó không đại diện cho cả quốc gia hay nhóm xã hội đó; việc đưa tin thường tập trung vào các giai thoại.

Vận dụng kỹ thuật này trong tranh ảnh cổ động tuyên truyền, gồm cả poster chiến tranh, họa sĩ thường khắc họa hình ảnh kẻ thù với những đặc điểm về nhân chủng sai lệch.

Người rơm - Straw man

Ngụy biện người rơm là một kiểu ngụy biện dựa vào việc diễn giải sai quan điểm của đối thủ. “Tấn công người rơm” tức là tạo ra huyền tưởng rằng mình đã bác bỏ một luận điểm bằng cách thay thế nó bằng một luận điểm nhìn bề ngoài có vẻ tương tự (“người rơm”), sau đó bác bỏ nó, mà thậm chí chưa hề thực sự bác bỏ quan điểm ban đầu của đối thủ.

Chứng thực - Testimonial

Chứng thực là những trích dẫn, đặt trong hoặc đặt ra ngoài bối cảnh, đặc biệt nhằm ủng hộ hoặc bác bỏ một chính sách/ hành

động/ chương trình/ cá nhân cụ thể nào đó. Khai thác uy tín hoặc vai trò (chuyên gia, nhân vật công chúng được kính trọng, v.v.) của cá nhân đưa ra những phát biểu ấy.

Sự chúng thực sẽ áp đặt hình phạt/ sự khen ngợi chính thức của cá nhân được kính trọng hay bên có thẩm quyền đó lên thông điệp tuyên truyền. Điều này nhằm khiến cho người nghe tự đồng nhất mình với bên có thẩm quyền hoặc chấp nhận các quan điểm và niềm tin của bên có thẩm quyền, coi đó như quan điểm và niềm tin của mình. Xem thêm “trích dẫn có hại” (damaging quotation).

Bên thứ ba - Third party technique

Kỹ thuật này vận hành dựa trên nguyên tắc: Con người sẵn sàng chấp nhận một lập luận/ lý lẽ từ một nguồn tin có vẻ độc lập, hơn là từ ai đó liên quan. Nó là một chiến dịch marketing được sử dụng rộng rãi bởi các công ty PR, theo đó, những thông điệp có mưu tính từ trước sẽ được đặt vào miệng “giới truyền thông, báo chí”.

Kỹ thuật bên thứ ba này có thể có rất nhiều hình thức thể hiện, từ việc thuê nhà báo đưa tin về tổ chức theo hướng có lợi cho tổ chức, đến việc sử dụng các nhà khoa học trong tổ chức để trình bày những phát hiện tưởng như khách quan của họ cho công chúng. Xem thêm: Quyền lực mềm.

Sáo ngữ “khỏi nghĩ” - Thought-terminating cliché

Là những thành ngữ, tục ngữ, những cụm từ được sử dụng rộng rãi, đôi khi được coi như trí khôn của nhân dân, dùng để dẹp hết sự không hòa hợp về nhận thức.

Chuyển giao - Transfer

Còn được gọi là “liên hệ, liên kết, liên tưởng”, một kỹ thuật chuyển những phẩm chất tích cực hoặc đặc điểm tiêu cực (hay những lời khen ngợi hoặc chỉ trích) ở một người, một tổ chức/ thực thể, một sự vật sự việc, một giá trị, sang đối tượng khác để khiến đối tượng khác đó dễ được chấp nhận hơn, hoặc để làm mất độ tin cậy của nó.

Kỹ thuật này tạo ra một phản ứng về mặt tình cảm, mà phản ứng này sẽ kích thích người nghe, khiến họ đồng nhất mình với các bên có thẩm quyền đã được công nhận. Nó thường có tính thị giác rất cao, thường sử dụng những biểu tượng (chẳng hạn như biểu tượng chữ thập ngoặc của nước Đức quốc xã, ban đầu nó vốn là biểu tượng của sức khỏe và sự thịnh vượng) đề lên các hình ảnh thị giác khác.

Giả định ngầm - Unstated assumption

Kỹ thuật này được dùng khi nội dung tuyên truyền có thể sẽ tỏ ra ít độ tin cậy hơn nếu được nêu ra một cách rõ ràng. Do đó, thay vì thế, nội dung tuyên truyền sẽ liên tục được giả định hoặc ám chỉ/ ngụ ý ngầm.

Những từ cao đẹp - Virtue words

Đó là những từ nằm trong hệ thống giá trị của người nghe, có khả năng tạo ra một hình ảnh tích cực khi chúng được gắn với một cá nhân hay một vấn đề nào đó, có khả năng tạo ra những tình cảm tốt đẹp như: yêu mến, cảm thông, tôn trọng, quý trọng, tình anh em..

Hòa bình, hy vọng, hạnh phúc, an toàn, lãnh đạo sáng suốt, tự do, công lý, chân lý, sự thật, v.v. là những từ cao đẹp. Nhiều người coi ngoan đạo là một phẩm chất, khiến cho mọi sự liên hệ đến phẩm chất này đều rất có lợi và hiệu quả. Xem thêm “Chuyển giao” (transfer).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Politics”, Andrew Heywood, 3rd edition, Palgrave Foundations, 2007.
2. “Governing: An Introduction to Political Science”, Austin Ranney, 8th edition, Prentice Hall, 2001
3. “Political Philosophy - A Complete Introduction”, Phil Parvin & Clare Chambers, McGraw-Hill Companies, Inc., 2012
4. “Democracy: A Reader”, Larry Diamond & Marc F. Plattner, John Hopkins University Press, 2009
5. “The Future of Freedom: Illiberal Democracy at Home and Abroad”, Fareed Zakaria, 1st edition, W. W. Norton & Company, 2007
6. “Public Policy: Politics, Analysis, and Alternatives”, Kraft & Furlong, 3rd edition, CQ Press, 2009
7. “Introduction to Public Policy”, Charles Wheelan, 1st edition, W. W. Norton & Company, 2011
8. “Society: Understanding the Basics”, John J. Macionis, 8th edition, Prentice Hall, 2006
9. “Political science”, Government of Tamilnadu, India, 2003
10. “Fundamentals of Political Science”, the Philippines, 2013
11. “Trial Observation Manual for Criminal Proceedings: Practitioners Guide No. 5”, International Commission of Jurists (ICJ), 2009

12. “Introducing Democracy: 80 Questions and Answers”, David Beetham & Kevin Boyle, UNESCO Publishing, 2nd edition, 2005.

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ

Accountability: trách nhiệm giải trình. Nghĩa vụ của nhà nước, của cơ quan nhà nước, quan chức, công chức, công an phải báo cáo đầy đủ với người dân, phản hồi khiếu nại, giải thích, làm rõ, minh bạch và chịu trách nhiệm trước người dân về mọi hoạt động chính trị và hành vi ứng xử của mình.

Activist: nhà hoạt động

Legal activist: nhà hoạt động pháp lý

Administration: 1. chính quyền; 2. sự quản lý

Administrative: hành chính (*tính từ*)

Administrative machinery: bộ máy hành chính

Administrator: nhân viên hành chính (như **civil servant**, **bureaucrat**)

Adversarial system: hệ thống tranh tụng, hệ thống đối nghịch. Hệ thống luật pháp theo thể thức tranh tụng.

Advocacy: sự vận động

Advocacy T-shirt: áo phong vận động

International advocacy: vận động quốc tế

Agenda: chương trình nghị sự

Amendment: đề xuất sửa đổi một đạo luật; tu chính án

Anarchism: chủ nghĩa vô chính phủ

Anarchist: người theo thuyết vô chính phủ

Apathy: sự vô cảm

Apathetic: vô cảm (*tính từ*)

Arbitrary: tùy tiện, thích làm gì thì làm (*tính từ*)

Arbitrary detention/ arrest: bắt giữ tùy tiện, là hành vi bắt giữ người mà không có chứng cứ về việc người đó phạm tội, và/hoặc hành vi bắt giữ người được tiến hành không bảo đảm trình tự, thủ tục pháp lý, ví dụ bắt người mà không có lệnh bắt.

Assembly: 1. sự tụ tập; 2. hội đồng

Peaceful assembly: cuộc tụ tập ôn hòa

National assembly: quốc hội

Authority: quyền lực (như **power**)

State authority: quyền lực nhà nước

Traditional authority: quyền lực có được do truyền thống để lại

Charisma authority: quyền lực có được do có cá nhân kiệt xuất thu hút lòng người

Rational-legal authority: quyền lực có được một cách hợp pháp, hợp lý

Autocracy: chế độ chuyên quyền

Authoritarianism: chế độ độc đoán

Ballot: lá phiếu; sự bỏ phiếu

Banner: băng-rôn

Bicameral: lưỡng viện (*tính từ*)

Bicameral assembly/ legislature: quốc hội lưỡng viện

Bill: dự thảo luật, dự luật

Boycott: tẩy chay (*động từ*)

Bureaucrat: công chức (như **administrator, civil servant**)

Bureaucracy: hệ thống hành chính, hệ thống quan liêu (hàm ý tiêu cực)

Cabinet: nội các

Campaign: chiến dịch

Social campaign/ movement: phong trào xã hội

Caste: đẳng cấp

Caste system: chế độ đẳng cấp

Censor: kiểm duyệt (*động từ*)

Censorship: sự kiểm duyệt, chế độ kiểm duyệt

Centralization: tập trung hóa

Centralism: chế độ tập quyền trung ương; chế độ tập trung

Democratic centralism: nguyên tắc tập trung dân chủ

Citizenry: toàn thể các công dân của một quốc gia hay một lãnh thổ

Civil servant: công chức (như **administrator, bureaucrat**)

Civil society: xã hội dân sự

Civil society actor(s): chủ thể hoạt động xã hội dân sự

Civil society organization (CSO): tổ chức xã hội dân sự

Unregistered CSO: tổ chức xã hội dân sự không đăng ký

Civil society space/ sphere: không gian xã hội dân sự

Chief of State: người đứng đầu nhà nước, nguyên thủ quốc gia

Collective action: hành động tập thể

Communication: truyền tải thông tin, truyền thông

Political communication: truyền thông chính trị

Communism: chủ nghĩa cộng sản

Orthodox communism: chủ nghĩa cộng sản chính thống
(xuất phát ở Liên Xô)

Communitarianism: chủ nghĩa cộng đồng

Community: cộng đồng

Community-based organization (CBO): tổ chức cộng đồng

Congress: 1. Đại hội; 2. Quốc hội (Mỹ...)

Congressman/ Congresswoman: dân biểu/ nữ dân biểu (ở Mỹ)

Consent (*tính từ*), **consensus** (*danh từ*): đồng thuận, với sự tự nguyện thỏa thuận và tự nguyện đồng ý

Conservatism: chủ nghĩa bảo tồn (hay chủ nghĩa bảo thủ)

Constituency: đơn vị bầu cử, khu vực bầu cử

Constituent: cử tri (như **voter**)

Constitutional: hợp hiến, lập hiến, mang tính chất của một hiến pháp (*tính từ*)

Constitutionalism: chủ nghĩa lập hiến, chủ nghĩa hợp hiến

Corporatism: chủ nghĩa nghiệp đoàn. Việc các tập đoàn lớn, các nhóm lợi ích lớn kiểm soát, chi phối cả nhà nước

Corruption: tham nhũng

Macro corruption: đại án tham nhũng, tham nhũng lớn

Petty corruption: tham nhũng vặt

Country: đất nước

Court: tòa án

Constitutional court: tòa án hiến pháp; tòa bảo hiến

High court: tòa án cấp cao

Supreme court: tòa án tối cao; tối cao pháp viện

Debate: tranh luận

Social debate: thảo luận trên toàn xã hội, phản biện xã hội

Decentralization: phi tập trung hóa

Demagogy: sự mị dân, thói mị dân

Democracy: dân chủ

Direct democracy: dân chủ trực tiếp

Representational democracy: dân chủ đại diện

Demonstrate: biểu tình (*động từ*)

Demonstration: cuộc biểu tình (*danh từ*)

Development: phát triển

Development project: dự án phát triển

Dictatorship: chế độ độc tài, ách độc tài

Dictatorship of the proletariat: chuyên chính vô sản. Một nhà nước trong đó giai cấp vô sản, tức là công nhân, kiểm soát quyền lực chính trị.

Dictator: nhà độc tài

Discrimination: sự phân biệt đối xử

Doctrine: học thuyết

Dogmatic: giáo điều (*tính từ*)

Dualism: thuyết nhị nguyên

Election: bầu cử

Free and fair election: bầu cử tự do và công bằng

Elite: tinh hoa (*danh từ, tính từ*)

The intellectual elite: giới trí thức tinh hoa

Environmentalism: chủ nghĩa môi trường

Equality: bình đẳng

Equality of opportunity: bình đẳng về cơ hội, đầu vào

Equality of outcome: bình đẳng về kết quả, đầu ra

Ethnicity: sắc tộc, sắc dân

Ethnic minority: dân tộc thiểu số

Ethnic cleansing: thanh lọc sắc tộc

Evaluation: đánh giá

Evolution: chuyển hóa, sự thay đổi từ từ

Executive: điều hành, hành pháp (*tính từ*)

Executive branch: nhánh hành pháp

Fascism: chủ nghĩa phát xít, chế độ phát xít

Feminism: chủ nghĩa nữ quyền

Filibuster: thủ tục cản trở việc thông qua một đạo luật ở nghị viện

Fragmented: chia rẽ (*tính từ*)

Freedom: tự do, quyền tự do (cũng **freedom right**)

Negative freedom: tự do không (điều kiện)

Positive freedom: tự do có (điều kiện)

Freedom of (peaceful) assembly: quyền tự do tụ tập (ôn hòa)

Freedom of association: quyền tự do hiệp hội

Freedom of expression: quyền tự do biểu đạt

Freedom of creative expression: quyền tự do sáng tác

Front: mặt trận

The Vietnamese Fatherland Front: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Fundamentalism: chủ nghĩa tôn giáo thuần túy

Fusion of power: quyền lực hợp nhất

Gerrymandering: sự sắp xếp gian lận về khu vực bỏ phiếu để giành phần thắng trong bầu cử

Globalization: toàn cầu hóa

Government-organized non-governmental organization (GONGO): tổ chức phi chính phủ do chính phủ điều hành (tức là tổ chức phi chính phủ giả, do chính quyền lập nên để phục vụ lợi ích của mình và diễn trò dân chủ với cộng đồng quốc tế)

Governance: điều hành (đất nước)

Govern: cai trị, điều hành (*động từ*)

Government: 1. chính quyền; 2. chính phủ

Head of Government: người đứng đầu chính phủ, thủ tướng.

Hearing: buổi điều trần

Hierarchy: hệ thống cấp bậc, thứ bậc, tôn ti (*danh từ*)

House of representative: hạ viện

Human rights: nhân quyền, quyền con người

Human rights defender: người bảo vệ nhân quyền

Human rights violation(s): vi phạm nhân quyền

Idea: quan điểm, quan niệm

Ideology: chủ nghĩa, ý thức hệ, hệ tư tưởng

Impeachment: cơ chế luận tội (tổng thống, chánh án) trong chính trị Mỹ; sự luận tội

Individualism: chủ nghĩa cá nhân

Injustice: sự bất công

Inquisitorial system: hệ thống thẩm vấn, hệ thống điều tra. Hệ thống pháp luật theo thể thức điều tra.

Institution: thiết chế, thể chế, định chế

Intergovernmental organization (IGO): tổ chức liên chính phủ

Interest(s): lợi ích

Interventionism: chủ nghĩa can thiệp. Việc nhà nước ra các chính sách để điều tiết hay quản lý đời sống kinh tế, hay nói rộng ra là chính sách can dự, can thiệp nói chung của nhà nước.

Issue: vấn đề (*danh từ*); phát hành, ban hành (*động từ*)

Journalism: nghề báo

Citizen journalism: báo chí công dân

Judicial review: cơ chế bảo hiến. Cơ chế đánh giá lại một đạo luật xem có vi hiến hay không, nếu vi hiến thì nó sẽ bị tuyên vô hiệu.

Judiciary: tư pháp (*tính từ*)

Judiciary branch: nhánh tư pháp

Judiciary system: hệ thống tư pháp

Justice: công lý

Administer justice: thực thi công lý (*động từ*)

Miscarriage of justice: oan sai, án oan

Legitimacy: tính chính danh (*danh từ*)

Legitimate: chính danh, chính đáng, phải đạo (*tính từ*)

Performance legitimacy: tính chính danh có được nhờ đạt thành tựu về kinh tế và/hoặc đạo đức, cộng với năng lực bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Legislation: đạo luật

Legislative: lập pháp (*tính từ*)

Legislative branch: nhánh lập pháp

Legislative process: tiến trình lập pháp

Legislature: cơ quan lập pháp

Liberal: tự do, khai phóng, rộng rãi, hào phóng, không định kiến (*tính từ*)

Liberalism: chủ nghĩa tự do

Classical liberalism: chủ nghĩa tự do cổ điển

Modern American liberalism: chủ nghĩa tự do hiện đại ở Mỹ

Liberty: tự do (*danh từ*)

Litigation: khiếu kiện, hoạt động kiện tụng

Lobby: vận động hành lang

Lobbyist: nhà vận động, người vận động hành lang chuyên nghiệp

Majority: đa số

Leader of the majority: lãnh đạo phe đa số

Tyranny of the majority; majority rule: ách độc tài của số đông; đa số đánh bại thiểu số

Marxism: chủ nghĩa Mác

Mass: quần chúng

Mass organization: tổ chức quần chúng

Mechanism: cơ chế

United Nations human rights mechanism(s): (các) cơ chế bảo vệ nhân quyền của Liên Hợp Quốc

Media: giới truyền thông, các phương tiện truyền thông

Independent/ alternative media: truyền thông độc lập

Internet media: truyền thông Internet

Mainstream media: truyền thông chính thống

Mass media: truyền thông đại chúng

Social media network: mạng truyền thông xã hội

Meritocracy: chế độ nhân tài. Một xã hội hoặc một thể chế trong đó người ta có được quyền lực và/hoặc tiền bạc của cải là do có tài.

Military: quân đội

Military rule: quân phiệt

Minority: thiểu số

Miscarriage(s) of justice: oan sai

Victims of miscarriage of justice: dân oan

Monism: thuyết nhất nguyên

Movement: phong trào

Social movement: phong trào xã hội

Nation: quốc gia

Nationalism: chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa dân tộc

Nepotism: gia đình trị

Neutral: trung lập (*tính từ*)

Neutrality: tính trung lập, sự trung lập (*danh từ*)

Nomination: đề cử, tiến cử

Self-nomination: sự tự ứng cử, hành động tự ứng cử

Non-governmental organization (NGO): tổ chức phi chính phủ

International non-governmental organization (INGO): tổ chức phi chính phủ quốc tế

Obligation: nghĩa vụ

Political obligation: nghĩa vụ chính trị

Opinion: ý kiến, quan niệm, quan điểm

Public opinion: công luận

Public opinion shaper: người định hướng dư luận (có thể là một trong các cách dịch từ “dư luận viên”)

Key opinion leader (KOL): người chủ chốt định hình công luận

Parliamentary system: chế độ đại nghị, nghị viện chế

Partisan: tính bè phái (*tính từ*)

Partisanship: tính bè phái, chủ nghĩa bè phái, đầu óc bè phái (*danh từ*)

Party: đảng, đảng phái. Một nhóm có tổ chức, gồm các cá nhân nhất trí với nhau về một hoặc một số nguyên tắc chính trị chung (một ý thức hệ hay một chính sách v.v.) và cùng nhau hoạt động để giành và giữ quyền lãnh đạo, nhằm phục vụ lợi ích quốc gia và hưởng lợi từ việc có được quyền lãnh đạo đó.

Patriotism: lòng yêu nước, chủ nghĩa ái quốc

Petition: kiến nghị (*động từ, danh từ*)

Picket: biểu tình đứng hoặc ngồi

Pluralism: thuyết đa nguyên

Policy: chính sách

Policy advocacy: vận động chính sách

Policy grid: thể chế về chính sách

Policy making: làm chính sách, hoạch định chính sách

Policy process: tiến trình chính sách

Poll: cuộc khảo sát lấy ý kiến bằng cách bỏ phiếu

Power: quyền lực (như **authority**)

Populism: dân túy

Presidential system: chế độ tổng thống, tổng thống chế

Press: báo chí, báo giới

Pressure: áp lực (*danh từ, động từ*)

Pressure group: nhóm gây áp lực, nhóm vận động

Prisoner of conscience: tù nhân lương tâm. Người bị tù chỉ vì đã thực thi một cách ôn hòa quyền tự do biểu đạt của họ, và không sử dụng bạo lực hay cổ súy bạo lực, hận thù.

Private: riêng, riêng tư, tư nhân, của riêng

Private sphere: không gian riêng, không gian tư

Pragmatism: chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa thực tiễn, chủ nghĩa hành động

Problem: vấn đề, nan đề

Public problem/ issue: vấn đề chung của cộng đồng, xã hội

Process: tiến trình, quá trình

Due process: tiến trình hợp lý; (trong luật) đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, đúng chuẩn mực tố tụng, pháp trình chính đáng

Proceedings: tố tụng, thủ tục tố tụng, tiến trình tố tụng

Criminal proceedings: tố tụng hình sự

Propaganda: tuyên truyền, tuyên giáo (hàm nghĩa tiêu cực)

Propagandist: nhà tuyên truyền, tuyên giáo

Public: công, công cộng, của chung

Public debt: nợ công

Public opinion: công luận

Public order: trật tự công cộng

Public sphere: không gian công cộng

Purging: thanh trừng

Rational: duy lý, hợp lý (*tính từ*)

Reactionary: chống lại sự tiến bộ, chống lại cách mạng (tức là phản động, trái nghĩa với cách mạng)

Reform: cải cách

Reign: trị vì (*động từ*)

Representation: đại diện

Geographical representation: đại diện theo khu vực địa lý

Proportional representation: đại diện theo tỷ lệ

Repression: sự trấn áp

Restriction: sự hạn chế, ngăn trở

Restriction of freedom rights: sự hạn chế các quyền tự do

Revisionism: chủ nghĩa xét lại

Revolution: cách mạng

Revolutionary: nhà cách mạng, người làm cách mạng

Right: quyền

Civil and political rights: các quyền dân sự và chính trị

Economic and cultural rights: các quyền kinh tế và văn hóa

Rule: nền cai trị, sự cai trị

Rule of law: pháp trị, pháp quyền. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, xã hội thượng tôn pháp luật.

Rule by law: ý pháp trị quốc. Dùng luật pháp để tiện cho việc cai trị dân còn giai cấp thống trị thì ngồi trên luật pháp, hưởng đặc quyền đặc lợi.

Samizdat: (phong trào) tự xuất bản, xuất bản chui

Secular: thế tục (*tính từ*)

Semi-presidential system: chế độ bán tổng thống

Senate: thượng viện

Senator: thượng nghị sĩ

Separation of power: tam quyền phân lập

Sit-in: tọa kháng, biểu tình ngồi

Slogan: khẩu hiệu

Socialism: chủ nghĩa xã hội

Social democracy: dân chủ xã hội

Social mobilization: lưu động xã hội

Sovereignty: chủ quyền, quyền quyết định tối cao

State: 1. nhà nước; 2. quốc gia

Police state: nhà nước công an trị, nhà nước cảnh sát

Statism: chủ nghĩa nhà nước, chủ nghĩa trọng nhà nước, thuyết trung ương tập quyền

Strike: đình công (*động từ, danh từ*)

Hunger strike: tuyệt thực (*danh từ*)

Supporter: người ủng hộ, cảm tình viên

Suppression: sự đàn áp (*danh từ*)

Suppress: đàn áp (*động từ*)

Survey: khảo sát (*động từ*), cuộc khảo sát (*danh từ*)

Sympathy: thiện cảm, tình cảm, sự cảm thông (*danh từ*)

Sympathizer: người ủng hộ, cảm tình viên

Territory: lãnh thổ

Terrorism: sự khủng bố, chủ nghĩa khủng bố

White terrorism: khủng bố trắng.

Red terrorism: khủng bố đỏ

Think-tank: viện nghiên cứu chiến lược, viện tư tưởng

Tolerance: tinh thần khoan dung, bao dung, chấp nhận

Totalitarianism: chế độ toàn trị

Tradition: truyền thống

Transparency: sự minh bạch

Unfair: bất công, không công bằng (*tính từ*)

Unicameral: một viện (*tính từ*)

Unicameral assembly/ legislature: quốc hội một viện

Unjust: bất công (*tính từ*)

Veto: sự phủ quyết, quyền phủ quyết

Violence: bạo lực (*danh từ*); violent (*tính từ*)

Non-violent resistance: đấu tranh, phản kháng phi bạo lực

Vote: bỏ phiếu (*động từ*), lá phiếu (*danh từ*)

Vote counting: đếm phiếu, kiểm phiếu

Welfare: phúc lợi

Welfare state: nhà nước phúc lợi

Workfare state: nhà nước công lợi

Wrongdoing: sai phạm

ĐỀ MỤC TRA CỨU

- Bảo hiến 351
- Bầu cử 8, 101, 110, 111, 195, 247, 248, 250, 251, 252, 253, 256, 264, 269, 273, 274, 277, 280, 281, 394, 463
- Bình đẳng 93, 133, 140, 153, 154, 430
- Chính danh 72, 74
- Chính phủ 40, 50, 61, 158, 177, 277, 294, 295, 325, 360, 363, 366, 381, 398, 402, 405, 410, 412, 413, 414, 415, 416, 422, 423, 450, 451, 452, 457, 462, 463
- Chính quyền 7, 21, 59, 65, 69, 70, 78, 84, 110, 111, 112, 203, 227, 265, 306, 444
- Chủ nghĩa 8, 108, 128, 131, 133, 134, 138, 140, 141, 143, 144, 145, 146, 148, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 176, 181, 183, 184, 193, 194, 204, 392, 422, 457, 469, 471
- bảo tồn (bảo thủ) 22, 146
- cộng đồng 14, 18, 26, 27, 29, 31, 32, 33, 35, 40, 49, 57, 58, 74, 83, 87, 92, 95, 96, 102, 103, 104, 116, 131, 133, 134, 139, 153, 154, 157, 159, 162, 163, 165, 166, 167, 181, 183, 191, 193, 207, 212, 221, 306, 307, 310, 311, 313, 314, 315, 321, 323, 325, 327, 330, 335, 347, 353, 370, 417, 428, 433, 470, 471, 475, 477, 479, 486, 495, 511, 514, 519
- cộng sản 17, 48, 50, 58, 60, 72, 73, 74, 75, 76, 79, 81, 84, 93, 101, 103, 104, 113, 123, 125, 127, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 161, 162, 176, 177, 182, 191, 204, 211, 214, 216, 231, 233, 234, 236, 238, 240, 241, 243, 249, 254, 255, 256,

257, 259, 264, 268, 271, 287,
295, 315, 316, 319, 351, 352,
353, 354, 355, 356, 370, 379,
389, 393, 394, 416, 418, 421,
422, 435, 450, 457, 461, 472,
474, 475, 486, 501, 511

dân chủ xã hội 8, 125, 131,
153, 155, 157, 158, 193, 367,
521

dân tộc 22, 32, 52, 63, 72, 73,
74, 75, 85, 86, 87, 121, 131,
143, 152, 161, 162, 181, 182,
183, 184, 193, 198, 211, 239,
274, 309, 310, 315, 333, 359,
360, 363, 370, 373, 374, 379,
393, 398, 411, 420, 439, 442,
444, 463, 491, 513, 517

môi trường 46, 63, 80, 131,
138, 164, 193, 220, 221, 227,
250, 290, 292, 308, 309, 310,
311, 321, 322, 338, 340, 412,
425, 429, 452, 456, 485, 501,
513, 529

nữ quyền 125, 129, 131, 167,
169, 173, 193, 292, 514

phát xít 22, 72, 125, 131, 161,
162, 163, 182, 193, 421, 493,
513

quốc gia 27, 31, 33, 38, 44,
45, 59, 61, 65, 69, 70, 75, 76,
77, 83, 85, 86, 100, 107, 110,
116, 125, 130, 155, 158, 162,

163, 171, 181, 182, 183, 184,
189, 193, 220, 226, 228, 230,
231, 245, 263, 268, 271, 294,
311, 318, 321, 322, 323, 324,
347, 348, 349, 350, 374, 377,
378, 379, 381, 388, 389, 401,
405, 406, 407, 412, 415, 418,
419, 420, 421, 426, 432, 433,
437, 441, 446, 450, 452, 459,
463, 467, 468, 469, 472, 473,
474, 483, 484, 485, 486, 487,
488, 489, 495, 504, 511, 516,
517, 518, 521

thực dụng 143, 144, 194,
428, 519

tôn giáo thuần túy 514

tự do 8, 11, 13, 14, 18, 21, 22,
29, 39, 46, 52, 59, 60, 61, 62,
74, 76, 77, 93, 95, 107, 108,
109, 110, 111, 113, 114, 117,
120, 121, 123, 124, 125, 127,
128, 131, 133, 134, 135, 136,
137, 138, 140, 141, 142, 143,
144, 145, 146, 147, 148, 149,
150, 156, 158, 161, 162, 163,
164, 166, 171, 172, 173, 179,
182, 193, 194, 201, 204, 208,
226, 227, 228, 236, 245, 248,
249, 252, 253, 254, 255, 256,
257, 258, 259, 264, 266, 273,
275, 276, 277, 280, 289, 290,
291, 297, 300, 309, 311, 316,

318, 321, 322, 324, 325, 328,
330, 334, 335, 348, 351, 354,
356, 357, 361, 363, 370, 404,
405, 432, 441, 445, 446, 458,
469, 471, 472, 473, 474, 475,
478, 486, 487, 488, 504, 506,
513, 514, 516, 519, 520
vô chính phủ 131, 163, 164,
193, 348, 458, 509
xã hội 8, 9, 13, 14, 15, 18, 22,
25, 26, 27, 29, 30, 31, 32, 33,
34, 35, 40, 41, 43, 44, 48, 50,
51, 52, 61, 62, 63, 65, 69, 70,
71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 79,
80, 84, 94, 95, 96, 102, 103,
104, 107, 108, 109, 110, 113,
114, 115, 119, 120, 121, 124,
125, 128, 129, 131, 133, 138,
140, 141, 143, 144, 145, 146,
148, 149, 151, 152, 153, 154,
155, 156, 157, 158, 159, 161,
162, 163, 165, 166, 167, 173,
175, 176, 177, 179, 180, 193,
194, 195, 197, 198, 199, 200,
201, 202, 203, 204, 205, 206,
208, 209, 210, 212, 215, 216,
217, 218, 219, 225, 226, 228,
232, 233, 239, 244, 245, 246,
248, 251, 254, 255, 256, 257,
259, 266, 269, 273, 274, 289,
290, 291, 292, 294, 296, 299,
300, 302, 303, 305, 306, 307,

308, 309, 310, 311, 312, 313,
314, 315, 317, 318, 319, 320,
324, 329, 333, 334, 335, 337,
338, 339, 340, 341, 342, 343,
351, 353, 354, 355, 356, 357,
360, 362, 366, 367, 368, 373,
379, 390, 392, 404, 405, 411,
412, 416, 417, 426, 433, 435,
439, 441, 442, 444, 452, 455,
457, 458, 461, 462, 463, 464,
467, 468, 469, 470, 472, 478,
483, 484, 485, 486, 497, 498,
500, 501, 502, 504, 511, 512,
517, 519, 520, 521
xét lại 72, 152, 153, 322, 325,
381, 387, 425, 438, 440, 520

Chủ quyền 85

Công lý 165

Dân chủ 7, 8, 21, 22, 27, 40, 41,
60, 75, 91, 94, 100, 108, 110, 115,
116, 119, 122, 123, 124, 125,
146, 147, 148, 149, 157, 166,
236, 237, 247, 248, 264, 302,
303, 312, 313, 316, 335, 379,
389, 420, 421, 426, 428, 472

dân chủ đại diện 8, 92, 116,
117, 291, 512

dân chủ trực tiếp 92, 96,
115, 116, 117, 512

- Đại diện 96, 99, 102, 104, 251, 260, 362, 377, 379, 415
- Độc tài 287
- Hiến pháp 9, 226, 233, 249, 254, 255, 269, 280, 287, 288, 318, 345, 347, 349, 350, 351, 352, 353, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 379, 382, 392, 393, 402, 407, 418, 419, 421, 422, 435, 457, 461, 463
- Lãnh thổ 84
- Mạng Lưới Blogger Việt Nam 27, 39, 40, 41
- Ngụy biện 493, 504
- Nguyên thủ quốc gia 418, 419
- Nhân quyền 39, 40, 57, 92, 110, 112, 113, 140, 294, 309, 323, 384
- Nhà nước 7, 26, 31, 35, 39, 41, 45, 77, 83, 84, 85, 86, 120, 146, 147, 152, 158, 159, 216, 226, 227, 228, 242, 266, 285, 313, 315, 348, 357, 366, 367, 368, 370, 372, 373, 392, 393, 398, 414, 416, 417, 419, 443, 461, 462, 463, 464, 484, 501
- Quốc gia 43, 277, 298, 384, 426, 429, 430, 495
- Quyền 69, 91, 93, 143, 145, 216, 239, 240, 241, 256, 368, 374, 386, 405, 443, 487, 505
- Truyền thông 42, 148, 205, 206, 210, 211, 212, 213, 215, 223, 224, 271, 330, 368, 423, 429, 430
- Tự do 8, 124, 133, 134, 135, 145, 164, 166, 201, 227, 241, 252, 259, 297, 302, 316, 374, 405
- Tuyên bố 258 39, 55, 56, 57
- Tuyên truyền 81–533, 214–533, 217–533, 218–533, 474–533
- Xã hội dân sự 9–533, 96–533, 111–533, 113–533, 203–533, 248–533, 305–533, 307–533, 308–533, 309–533, 312–533, 313–533, 316–533, 318–533, 319–533
- Ý thức hệ 8–533, 127–533, 129–533, 158–533

EXECUTIVE SUMMARY

Forewords

Acknowledgements

How to use this book

Part I. What is politics?

- *Chapter I.* Definitions of politics
- *Chapter II.* Political activities
- *Chapter III.* Political science as a subject

Part II. The state

- *Chapter I.* Definitions of the state
- *Chapter II.* Legitimacy
- *Chapter III.* The state

Part III. Democracy

- *Chapter I.* Definitions of democracy
- *Chapter II.* Representation
- *Chapter III.* The four pillars of a democracy
- *Chapter IV.* Direct and representational democracies
- *Chapter V.* The defects of democracy

Part IV. Ideologies

- *Chapter I.* What is an ideology?
- *Chapter II.* Liberalism
- *Chapter III.* Conservatism

- *Chapter IV. Socialism*
- *Chapter IV. Other widely-known ideologies*
- Are ideologies needed, after all?

Part V. Political interaction

- *Chapter I. How a society changes*
- *Chapter II. Public opinion, political communication, and propaganda*
- *Chapter III. Parties and party systems*
- *Chapter IV. Election*
- *Chapter V. Personal organizations and interest groups*
- *Chapter VI. Civil society*
- *Chapter VII. Social movements*

Part VI. Machinery of government

- *Chapter I. Constitutions and the law*
- *Chapter II. The legislative branch*
- *Chapter III. The executive branch*
- *Chapter IV. The judiciary branch*
- *Chapter V. The administrative machinery*
- *Chapter VI. Parliamentary and presidential system.*
- *Chapter VII. The political system in communist Vietnam*
- *Chương VIII. The military and the police*

Part I, “**What is politics?**”, provides readers with some of the most important definitions of politics, which is very useful for you in understanding what political activities are.

Part II, “**The state**”, introduces to Vietnamese readers the core subject matter of political science.

Part III, “**Democracy**”, focuses on one of the most controversial topics among the Vietnamese whenever they talk about politics.

Part IV, “**Ideologies**”, refers to some strong ideologies that the

Vietnamese to some extent have heard of: liberalism, conservatism, socialism, fascism, nationalism, etc. On discussing nationalism, the chapter also mentions patriotism, which has at times been an elusive notion for the Vietnamese.

Part V, “**Political interaction**”, is all about political activities widely undertaken in most societies, including Vietnam: political communication, propaganda, the politics of parties, the politics of civil society, mass revolution, voting and elections, etc. This chapter also briefly introduces a range of different ways to make a political and social change.

Part VI, “**Machinery of the government**”, introduces to the readers the most common organization of state authority in the world. Particularly it provides knowledge of the administrative system and the roles and functions of the two forces whose authority keeps controversial under communist rule: the military and the police.



VỀ TÁC GIẢ

Phạm Đoan Trang, sinh năm 1978 tại Hà Nội, là một nhà báo, nhà hoạt động dân chủ ở Việt Nam. Tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế, Đại học Ngoại thương Hà Nội, Đoan Trang đã làm việc trong lĩnh vực truyền thông (báo chí, truyền hình, xuất bản) từ tháng 11/2000. Cô từng là phóng viên, biên tập viên ở nhiều tờ báo tiếng Việt lớn như VnExpress, VietNamNet, Tuần Việt Nam, Pháp luật TP.HCM, Luật Khoa tạp chí, trang mạng tiếng Anh Vietnam Right Now và The Vietnamese.

Sau một khóa học 10 tháng ở Mỹ về chính sách công, tháng 1/2015 Đoan Trang trở về nước và từ đó trở thành một nhà hoạt động, đấu tranh cho dân chủ-nhân quyền ở Việt Nam.

Phạm Đoan Trang cũng là tác giả, đồng tác giả của các cuốn sách “Việt Nam và tranh chấp Biển Đông” (NXB Tri Thức, 2012), “Căn bản về truyền thông và báo chí” (2014), “Anh Ba Sàm” (NXB Trẻ Hà Nội, 2016), “Từ Facebook xuống đường” (NXB Hoàng Sa, 2016), báo cáo “Toàn cảnh thảm họa môi trường biển Việt Nam” (Green Trees, 2016)...

ABOUT THE AUTHOR

Pham Doan Trang, born in Hanoi in 1978, is a journalist and democracy activist in Vietnam. After graduating in international economics from the Hanoi Foreign Trade University in November 2000, she started to work in the realm of communication and mass media, including printed media, TV production, and publishing. She used to work for major Vietnamese media agencies such as the VnExpress, VietNamNet, Vietnam Week, HCMC Legal Daily, Journal of Jurisprudence, and the English websites Vietnam Right Now and The Vietnamese.

She took a ten-month course on public policy in the United States and returned to Vietnam in January 2015. Since then, she has been working as an activist advocating democracy and human rights in the country.

She is the author and co-author of many books, among which were “Vietnam and the Southeast Asian Sea Dispute” (2012), “The Beauty of Politics” (2013), “Basic Journalism and Communication” (2014), “Anh Ba Sam” (2016), “From Facebook down to the Street” (2016), “An Overview of the Marine Life Disaster in Vietnam” (2016).

